

NGUYỄN BÁ TĨNH

# TUỆ TĨNH TÓÀN TẬP



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

<https://vnras.com/drug/>

**TUỆ TĨNH**

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**PHÒNG HUẤN LUYỆN VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG Y DỊCH**

**LÊ TRẦN ĐỨC** **HỆU CHỈNH VÀ KHẢO CỨU**

(Tái bản lần thứ năm có bổ sung, sửa chữa)

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC**

活 法 法 中 資 活 法

# 南藥神效

奇 方 方 內 有 奇 方

<https://vnras.com/drug/>



Miếu Nghè thờ Tuệ Tĩnh  
ở chùa Giác xã Cẩm Sơn

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong thư tịch y học cổ truyền dân tộc Việt Nam, bộ sách *Nam dược thần hiệu* do Hòa thượng Bản Lai bổ sung và in lại năm 1761 theo bản khắc cũ của Vương Thiên Trì với nguồn tư liệu gốc của Tuệ Tinh, được coi là xưa nhất.

Để thừa kế y học cổ truyền và kết hợp với y học hiện đại theo chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, bản dịch bộ sách này đã được xuất bản năm 1960 và tái bản năm 1972, trong thời gian kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhằm phục vụ kịp thời việc tham khảo, nghiên cứu. Nhưng vì thiếu sự kháo chứng văn bản, một số bạn đọc thắc mắc về các nguyên bản không có tên tác giả là Tuệ Tinh và hoài nghi về thời điểm xuất hiện bản gốc của tác phẩm do nội dung có nhiều phương thuốc đời sau thêm vào mỗi lần khắc lại bản in. Để làm sáng tỏ vấn đề này, Lương y Lê Trần Đức chuyên gia lịch sử y học dân tộc ở Viện Y học cổ truyền Việt Nam đã kháo chứng văn bản: đối chiếu nội dung của 12 bản chữ Hán hiện còn, đối chiếu các phương thuốc, vị thuốc ở *Nam dược thần hiệu* với *Nam dược quốc ngữ phú*, *Trực giải chỉ nam dược tính phú* cùng *Dược tính phú* ở Thập tam phương giàm, thấy có sự phù hợp và liên quan với nhau, nên xác nhận là *Nam dược thần hiệu* có nguồn tư liệu gốc của Tuệ Tinh về thế kỷ XIV. Các bài Tư liệu về nhân vật lịch sử của Tuệ Tinh: Khảo chứng văn bản, so sánh từ ngữ chữ nôm, đối chiếu *Nam dược thần hiệu*, *Nam dược quốc ngữ phú* với các bản thảo Trung dược các đời, của các tác giả Mai Hồng, Phó Đức Thảo, Lê Trần Đức, Nguyễn Văn Bách, Nguyễn Thiện Quyến, đăng ở Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 1 (272) ngày 1-11-1994 trang 62-74, đã chứng tỏ các tác phẩm của Tuệ Tinh nói chung và nguồn gốc của *Nam dược thần hiệu* nói riêng đều thuộc về cuối đời Trần. (Xem bản dịch Thiền tông khóa hứ lục của Đào Duy Anh, Lịch sử Việt Nam tập I và Từ Điển bách khoa ngành dược).

Nay in lại lần thứ tư bộ *Nam dược thần hiệu*, ngoài việc sửa chữa, bổ sung những thiếu sót, chúng tôi có kèm theo hình vẽ một số cây thuốc phát hiện thêm qua nội dung của tác phẩm và phụ lục thêm một số tư liệu lịch sử để phục vụ việc nghiên cứu về sinh thời của tác giả.

Rất mong các bạn đọc phát huy tác dụng của việc thừa kế tác phẩm này được phong phú thêm và vui lòng chỉ chính cho chúng tôi những tồn tại, chúng tôi chân thành cảm ơn các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC  
và người hiệu chính kháo cứu

## TIẾU SỬ CỦA TUỆ TĨNH

Tuệ Tĩnh chính tên là Nguyễn Bá Tĩnh, đi tu lấy pháp hiệu là Tuệ Tịnh (cũng gọi là Huệ Tịnh). Ông xuất thân từ một gia đình bần nông, cha là Nguyễn Công Vỹ, mẹ là Hoàng Thị Ngọc<sup>1</sup> ở Nghĩa Lư, huyện Dã Cẩm, Hồng Châu (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng).

Theo truyền thuyết ở địa phương, ông sinh trưởng dưới triều Trần Dụ Tông (thế kỷ XIV), lúc lên 6 tuổi, cha mẹ đều mất. Ông được nhà sư chùa Hải Triều ở Yên Trang gần đây đưa về nuôi cho ăn học (chùa Hải Triều sau gọi là chùa Nghiêm Quang tức chùa Giám ở xã Cẩm Sơn, vì bị đất lở, đã dời đến xã Tân Sơn cùng huyện Cẩm Bình). Đến 10 tuổi, Bá Tĩnh lại được sư cụ chùa Giao Thủy ở Sơn Nam (Nam Định) đưa về cho ở học với nhà sư chùa Dũng Nhuệ trong huyện. Ở đây, ông được gọi là Tiểu Huệ, nên có biệt danh là Huệ Tịnh. Ông được học văn và học thuốc để giúp việc chữa bệnh ở chùa.

Đến 22 tuổi, ông thi hương trúng bảng, nhưng vẫn ở chùa đi tu lấy pháp hiệu là Tuệ Tịnh. Ông tiếp tục việc chữa bệnh giúp dân ở chùa này và phát triển thêm một số cơ sở chữa bệnh ở các chùa lân cận, như chùa Họ Xá (Nghĩa Xá). Năm 30 tuổi, ông trở về trụ trì chùa Yên Trang. Ông đã tu bổ lại chùa này với một số chùa khác (24 ngôi) ở hạt Sơn Nam và quê hương, huấn luyện y học cho các tăng ni để mở rộng việc chữa bệnh làm phúc.

Năm 45 tuổi, ông thi đinh, đậu Hoàng giáp. Năm 55 tuổi ông bị bắt đi sứ sang Trung Quốc. Ông được nhà Minh giữ lại làm việc ở Viện Thái y, rồi mất ở bên ấy, không rõ năm nào.<sup>2</sup>

Sự nghiệp trước tác: về Phật học, ông đã giải nghĩa bằng chữ nôm<sup>3</sup> sách Thiền tông khóa hưu lục của vua Trần Thái Tông soạn.

Về y học, ông đã soạn các sách *Dược tính chỉ nam* và *Thập tam phương gia giám* (theo Hải Dương phong vật chí), nhưng phần nguyên tác của Tuệ Tịnh không còn tròn vẹn do binh hỏa, cụ thể các thư tịch của ta đã bị quân nhà Minh phá hủy hồi đầu thế kỷ XV khi chúng sang xâm chiếm nước ta. Những tác phẩm còn lại đến nay đều do người đời sau biên tập lại với tài liệu thu thập trong nhân dân. Hiện có:

1. Bộ *Nam dược thần hiệu*, do Hòa thượng Bản Lai ở chùa Hồng Phúc ở Trung Đô (phố Hòe Nhại, dốc Hàng Than, Hà Nội ngày nay) biên tập, bổ sung và in lại năm 1761, gồm Bản thảo dược tính 499 vị, (bằng thơ) và 10 khoa chữa bệnh, với 3932 phương thuốc nam ứng trị 184 loại bệnh, kèm theo môn thuốc chữa gia súc.

2. *Nam dược chính bản*, do triều Lê Dụ Tông đổi tên là *Hồng Nghĩa giác tự y thư* và in lại năm 1717, quyển thương gồm: Nam dược quốc ngũ phủ (danh từ được học 590 vị thuốc nam). Trực giải chỉ nam dược tính phú (220 vị thuốc nam) và một thiên Y luận về lý luận cơ bản, âm dương ngũ hành, tạng phủ, kinh mạch (thiên này xuất hiện ở bản in lại năm 1723 : AB. 288).

3. *Thập tam phương gia giám*, phụ *Bổ âm đơn* và *Dược tính phú* (242 vị) bằng chữ Hán, gồm 13 cổ phương đông y và phương Bổ âm đơn do tác giả sáng chế cùng phương pháp

1. Theo thản phà đền Yên Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
2. Quốc sử di biên của Sử quán triều Nguyễn nói Tuệ Tịnh mất ở Giang Nam Trung Quốc.
3. Theo Đào Duy Anh nói ở lời đầu sách dịch Thiền tông khóa hưu lục, thì văn văn chữ nôm xưa nhất là mấy bài phú đời Trần. Vì văn xuôi thì sách giải nghĩa Thiền tông khóa hưu lục của Tuệ Tịnh cuối thời Trần là xưa nhất.

gia, giám dùng chữa các loại bệnh ngoại cảm, ôn dịch và nội thương tạp bệnh (Thư viện Hán Nôm VHc 3626).

4. *Thập tam phương gia giảm* và *Bổ âm đơn* đã được đời sau diễn dịch ra ca nôm, và in ở Hồng Nghĩa giác tư y thư quyển hạ năm 1723 (AB 306).

5. Một bài *Nhân thân phú* (tương truyền, của Tuệ Tĩnh), khái quát về lý luận cơ bản: người tương ứng với thiên nhiên, cơ năng sinh lý, tang phủ khí huyết và đường hướng dưỡng sinh chú trọng giữ gìn tinh khí thền để nâng cao tuổi thọ.

Tuệ Tĩnh đã xây dựng nền móng của y học nước nhà với truyền thống chữa bệnh bằng thuốc nam, theo phương châm "Thuốc nam Việt chữa người Nam Việt". Ông đã gây phong trào trồng thuốc ở gia đình, vườn đền chùa và thu trữ thuốc theo thời vụ để có sẵn thuốc chữa bệnh kịp thời. Truyền thống của Tuệ Tĩnh đã được đời sau thừa kế và phát huy rõ ràng trong việc bảo vệ sức khỏe nhân dân và phát triển y học dân tộc:

- Hoàng Đôn Hòa, Lương được hầu dưới triều Lê Thế Tông, quê ở Đa Sì (xã Kiến Hưng, tỉnh Hà Tây) đã chữa bệnh rộng rãi và cứu cho nhân dân qua khỏi vụ dịch năm 1533 với thuốc nam trồng kiếm tại địa phương, và chữa cho quân đội triều Lê khỏi dịch sốt rét và thổ tả ở Thái Nguyên năm 1574 với thuốc Tam hoàng hoàn gồm Hoàng nàn, Hoàng lực do Tuệ Tĩnh đã phát hiện ở Nam được thần hiệu và Hùng hoàng đã được dùng chống khí độc lam chướng ở Thập tam phương gia giảm. Đường lối dưỡng sinh của Tuệ Tĩnh nói ở Bổ âm đơn về phòng bệnh hư lao, đã được Hoàng Đôn Hòa cụ thể bằng thuyết "Thanh tâm tiết dục" với phép "Tịnh công hô hấp" ở sách *Hoạt nhân toát yếu*.

- Hải Thượng Lãn Ông (thế kỷ XVIII) đã thừa kế 496 bài thơ được tính của Nam được thần hiệu chép vào sách *Linh nam bản thảo*, với nhiều phương thuốc nam của Tuệ Tĩnh chép vào các tập *Hành giàn trán nhu* và *Bách gia trấn tàng*. Đường hướng dưỡng sinh của Tuệ Tĩnh về giữ gìn tinh khí thền để sống lâu cũng được Lãn Ông phụ họa thêm ở thiền Khởi cư của tập "Vé sinh yếu quyết".

- Đặc biệt truyền thống thuốc nam của Tuệ Tĩnh đã để lại tập quán trong nhân dân: trồng một số cây ở vườn đền chùa vừa làm cảnh vừa làm thuốc, và ở gia đình, mọi người ít nhiều đều biết dùng một số cây gia vị, rau quả hay các vị thuốc thường có quanh mình, cùng các phép xông hơi, chườm nóng, xoa bóp... để chữa một số bệnh ban đầu, khi mới xảy ra, rất tiện lợi.

Truyền thống y học của Tuệ Tĩnh đã phục vụ đặc lực sức khỏe nhân dân từ bao đời nay, sự nghiệp trước tác của ông đã giữ một vị trí trọng đại nhất trong lịch sử y học Việt Nam. Vì vậy, nhân dân ta đã lập đền thờ ông: Đền Thánh thuốc nam ở quê hương thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, đền Bia ở thôn Văn Thai, xã Cẩm Văn, miếu Nghè ở chùa Giám, xã Tân Sơn, huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng. Ngoài ra, ông còn được thờ là Thành hoàng ở xã Yên Lư, huyện Thủy Nguyên, ngoại thành Hải Phòng (có sắc phong là *Thượng thượng đẳng phúc thền* năm 1572, theo thần phà do Nguyễn Bính, Đông các đại học sĩ ở Viện Cơ mật triều Lê soạn).

Ngày nay, các di tích nói trên đã được Bộ Văn hóa xếp hạng là di tích lịch sử để tưởng nhớ công đức của vị Đại danh y Tuệ Tĩnh đối với sự nghiệp bảo vệ sức khỏe của dân tộc ta

**Lương y thầy thuốc ưu tú**

**LÊ TRẦN ĐỨC**

## NAM DƯỢC THẦN HIỆU

### LỜI TỰA

Xưa vua Phục Hy (1) ngẩng lên xem trời, cúi xuống xét đất, lượm lặt cái gần, tìm kiếm cái xa, phỏng theo hình dáng van vật mà vạch ra tám quẻ (2); vua Thần Nông (1) chế ra roi Trinh tiên dùng đánh vào cây cỏ để ném thử, có ngày gấp 72 thứ cỏ độc mà vẫn không ngai gian khổ. Đến vua Hiện Viên (1) làm ra sách *Tô văn, Linh khu*, sai triều thần là Kỳ Bá, Lôi Công, Quý Du Khu cùng nhau thảo luận những điều khó, thầm cứu kinh mạch, xét tìm huyệt vị mà định ra phép châm cứu. Trải qua các đời Hán, Tấn, Đường, Tống, các nhà danh y như Cát Hồng, Đào Hoàng Cảnh, Tôn Tư Mạo đều có đóng góp bổ sung. Nhờ vậy, đạo y được sâu chừng nào thì phép trường sinh được gần chừng ấy.

Tôi từng đọc 10 quyển sách của Quý Công tập thành đĩa lau, nhưng gặp lúc loạn lạc, bản khắc cháy mất, mọi người muốn tìm mà không có gốc. Vậy tôi đã hiệu đính bản khắc già truyền của Vương Thiên Trí, hàm Chiêm sự viện ở xã Liêu Chàng, quyên tiền khắc lại bǎn in lưu truyền làm của quý trong nhà và bán ra xa gần. Tuy tiễn bò ra có hạn, nhưng cứu giúp vô cùng. Mong rằng sách này được truyền bá ở trong nước để mọi người thấu rõ tấm lòng của tiền nhân, và giúp ích cho nhân quần xã hội, thì cái đức sáng lưu truyền trăm đời gọi nhuần ơn giáo hóa. Như vậy đã lợi cho mình lại lợi cho người, việc nghĩa ấy sẽ sáng chói mãi mãi vô cùng.

Ngày Phúc sinh, tháng 8 mùa thu

Năm Tân Ty, niên hiệu Cảnh Hưng Nhà Lê. Khắc bản in

Dě tựa tại chùa Hồng Phúc, phường Hèo Nhài Trung Độ

HÒA THƯỢNG BẢN LAI

- 
- (1) Ba đời vua thương cổ của Trung Quốc: Phục Hy, Thần Nông, Hiện Viên Hoàng đế ở về trước thế kỷ 27 trước công nguyên.  
(2) 8 quẻ kinh dịch: Càn, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

## PHÀM LỆ

1. Sách này lấy Nội kinh làm cương chỉ về cách xét bệnh và tìm nguyên nhân bệnh, lấy bản thảo cương mục là chính tông để khảo được tính và kê cứu các vị thuốc chữa bệnh. Lại tìm trích các phương kinh nghiệm của các y gia trong nước hễ có sẵn sinh được thứ gì đều góp nhặt hết. Và còn tìm các phương gia truyền xa gần, bí truyền xưa nay, hễ nghe tin ai có thì chẳng quản công lao hay tốn kém, lặn lội tìm đến tận nơi lấy cho kỳ được, đem về dùng thử, tháng ngày tích lũy không ngờ đã được tới 500 phương; có cái kỳ diệu chuyển họa làm phúc, cứu tử hoàn sinh, không nỡ cất dấu, đem in thành sách ngũ hầu làm trọn đạo lành.

2. Tên các vị thuốc trong sách này theo các tiên hiền gọi còn có nhiều chỗ lẫn lộn tên này ra tên kia, nhập nhằng sai suyễn. Nay khảo cứu theo sách Tập giải về chứng loại, tên gọi và khí vị khác nhau, hình thái và được tính cũng trái nhau. Nếu nói rằng đã dù và đúng thì sợ chưa được, nhưng quen dùng đã lâu, trị bệnh đã nhiều, nên không dám sửa chữa, miễn dù mách bảo cho người là được, nên hãy tạm để vậy cứ chép dù các khoa, các loại, xem như sương mù thu và tuyết mù đông chằng khác xa nhau cho lắm.

3. Trong sách có chép "kinh trị" và "truyền trị": Kinh trị góp nhặt các phương đã kinh nghiệm, truyền tri là thu thập các phương do các nhà truyền miệng. Dù trong đó có một đôi vị thuốc bác cũng như mái chèo của thuyền, tay lái của xe, các vị ấy cũng là những giống thường có, nên không bỏ được.

4. Tiếp sau mỗi môn có để trống mấy trang là muốn đợi các bậc quân tử sau này, hoặc ai có phương gì lạ, thuốc hay, thì bổ sung vào, để việc cứu chữa bệnh tật được rộng rãi hơn.

5. Sách này là phương thuốc giản tiện, lý luận thông thường, ý muốn các nhà nho trong hương thôn, các sư sãi ở chùa chiền, chỉ xem qua một lời là đủ rõ được bệnh, chỉ cho một thứ thuốc mà giảm được thể bệnh, mới hay là trông hẹp mà ý rộng, giản tiện và cô đọng. Còn như các bậc tài giỏi, các vị danh sư thuốc Bắc thì cũng không phải nhọc mắt xem đến.

(Khắc theo bản của Vương Thiên Tri,  
Chiêm sự viễn tại gia ở xã Liễu Chàng).

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYỀN ĐẦU**

**TÊN GỌI, VỊ KHÍ VÀ CHỦ TRỊ CỦA CÁC VỊ THUỐC NAM**

**70. Qua lâu nhân:** Nhân hạt Dưa trời (7), vị đắng, tính hàn, hòa hoãn trơn chảy, nhuận phế bổ lao, trị các chứng xuất huyết, đờm hỏa, đau họng. Bỏ vỏ dùng nhân, bọc vài lớp giấy thấm đậm ép cho hết dầu mà dùng.

**71. Thiên hoa phấn/Qua lâu căn:** Củ dưa trời (7), vị ngọt hơi đắng, khí hàn, tính lành, bổ hư thanh nhiệt, nhuận táo khói khát, chữa mụn nhọt, vàng da.

**72 Cát căn:** Rễ (củ) cây Sắn /dây/, vị ngọt, khí hàn tính lành, phát tán cho ra mồ hôi, giải cảm, mát da thịt, khói phiền nhiệt, thông quan (lợi đại tiện), giải độc.

**73. Thiên môn đông:** /Củ/ Tóc tiên leo, vị ngọt đắng, tính hàn, đại bổ, giáng hỏa, mát phổi, nhuận tam tiêu, trị ho lao phổi lép.

**74. Bách bộ:** Củ Bách bộ (Ba mươi), vị ngọt đắng, tính hơi ấm, không độc, mát phổi, chữa ho lâu, lao truyền nhiễm và bệnh cổ độc.

**75. Hà thủ ô/trắng/:** Rễ (củ) cây Sữa bò, vị ngọt đắng, chát, tính ấm, nhu nhuận, mạnh gân bổ tỳ, trừ nhọt độc. Uống lâu thì tăng tuổi thọ. Lấy dao nửa cạo bỏ vỏ khô, lấy chày đập nát, ngâm nước vo gạo 1 đêm, phơi khô mà dùng. Khi uống thì kiêng ăn các thứ tiết, cá không vảy, củ cải và tỏi.

**76. Tỳ giải:** Củ Kim cang, vị ngọt chát, tính bình, rất lành, mạnh gân cốt, chữa đau lưng, tê bại, các chứng đái đục và mụn lở, củ sắc trắng sức mạnh hơn, thái miếng tắm rượu phơi khô, hoặc đốt qua, lột vỏ, sắc uống.

**77. Thổ phục linh:** Củ Khúc khắc, vị ngọt nhạt, không độc làm mạnh dạ dày, cứng gân, trị phong thấp và giang mai rất công hiệu.

**78. Giải khôi:** Củ Bồ nâu (củ nâu), vị ngọt chát, tính bình không độc, chữa các chứng tích tụ trong bụng, sát trùng và cầm ỉa chảy.

**79. Mộc thông:** Cây (dây) ruột gà, vị the tính bình, lưu lợi, thông tiểu tiện, khói ú trê, tiêu thấp thũng, thanh nhiệt, trị sưng họng, mụn lở.

### III - LOẠI CỎ MỘC Ở NƯỚC

**80. Xương bồ:** Rễ Xương bồ, vị cay tính ấm, không độc, trừ thấp, an thần tò tai sáng mắt, chữa trúng ác, điên cuồng uống thì tinh. Thứ sinh ở trên đá, dài 1 tấc 9 đốt, dùng dao nửa cạo vỏ ngoài, đập đậm sao hoặc tắm nước vo gạo phơi khô mà dùng.

**81. Bồ hoàng:** Bông cây nón (Cỏ nến) vị ngọt tính ấm, không độc, phá khói điều kinh, cầm băng huyết, an thai, khói đau, thông tiểu tiện. Pha huyết thì dùng sống, cầm máu thì sao.

**82. Giao hô/cô/:** Cây Niêng niêng, vị ngọt, không độc, tính lạnh, khai vị, mát dạ dày, mát ruột, giải phiền nhiệt, đau bụng, giải độc rượu.

**83. Phù bình:** Cây bèo ván, vị cay khí hàn, không độc, trừ phong, lợi tiểu tiện, chữa kinh cuồng, tê thấp, nhọt lở. Loại lunge tía lá tốt, ngày 15 tháng 7 lấy về bỏ rễ phơi khô, hoặc dùng tươi.

**84. Thủ yết:** Cây Rau bợ, vị ngọt, tính hàn, trơn chảy, không độc, hạ nhiệt, mát da thịt, lợi tiểu tiện, chữa tiêu khát (đái đường) và vết bong.

**85. Thủ y thảo:** Ngọn rau rong (Rong nước), vị ngọt tính hàn, không độc, mát trong, lòng, trừ nhiệt ly, tiêu khát, trị bệnh sởi và nổi mẩn đỏ ở trẻ em.

7. Nguyên bản A.3024 trang 20b in Ba trên lệ  
nhất. trước dịch là "đại" nay định chính.

đọc là "trời" (Blöi) là thể chữ nôm xưa

## I - LOẠI CỎ HOANG

**1. Quán chúng:** Rễ củ cây Ráng, khí hơi lạnh, ít độc, ít hoạt trùng, thanh nhiệt, trị các chứng xuất huyết, trừ tà, giết các loại trùng, tiêu các chứng tích báng. Cạo bỏ vỏ ngoài phơi khô mà dùng.

**2. Hoàng tinh:** Củ Hoàng tinh vị ngọt, lành, tính hoan bình, bổ trung ích khí, thêm tan dịch tinh tuý; xưa các nhà tu tiên thường ăn được sống lâu. Gọt vỏ, đỗ lên và phơi khô lại đỗ, 9 lần để dùng.

**3. Sài hồ/nam/ (1):** Rễ cây lục (Nghệ An gọi là cây sơn năng mọc ở bờ biển nước mặn), vị ngọt, tính lành, không độc, chữa cảm sốt, sốt cao, gan uất nhiệt, nóng trong xương và gân co rút.

**4. Tiên hồ/nam:** (1)Rễ cây chi thiên (Lưỡi chó), vị đắng, khí hơi lạnh, trị các chứng bệnh cảm sốt, bí đàm khó chịu, hay thực nhiệt, đau đầu, ho đờm, uống đều đỡ.

**5. Long đởm/nam**<sup>1</sup> Cỏ Thanh ngâm (Thẩm ngâm), vị đắng chất, tính hàn, an tạng, sát trùng trừ độc, chữa gan nóng, đau mắt. Lấy dao tre cắt bỏ rễ con, phơi rám cho khô mà dùng.

**6. Sơn tam nại:** Củ Địa liền (Thiền liền) vị cay tính ám, tuyên thông các khe hở, trừ khí độc của rừng núi (lam chướng) sốt rét cao, làm ấm bụng, trị lạnh dạ thô tả (hoặc loạn); tán xà sáu răng.

**7. Cao lương khương:** Củ Riềng ám, vị cay khí nóng vừa, tính lành, chữa bệnh phong tê, báng hoi, tả ly lâu ngày do độc rượu, dạ dày lạnh, khí uất tích thì nên dùng.

**8. Ích trí tử = Trái tré (Quả Ré)** vị cay tính ám, không độc, điều hoà tỳ vệ, an tám dưỡng thận, lợi tam tiêu, bổ tuỷ thêm tinh khí. Khi dùng bỏ vỏ.

**9. Tất bát:** (2) Lá lốt, vị rất cay thấy tận xương, tính rất ám, chữa đau lưng, trừ chướng khí, thô tả hàn ly, khí riêng tích báng trong bụng, đau âm nang.

**10. Khương hoàng:** Nghệ vàng, vị cay đắng, khí hơi lạnh, tính mãnh liệt, phá tan hòn cục, tiêu ung nhọt, hạch khí, thông máu ứ khỏi đau tim.

**11. Uất kim:** Củ nghệ rừng, vị cay đắng, khí lạnh vừa, tính thuần hậu, khai uất kết, thông kinh nguyệt, chữa đau bụng, bôi nhợt ra da non. Thái miếng phơi khô mà dùng.

**12. Nga truật:** Ngải xanh (Nghệ đen), vị cay đắng, tính hơi ám, phá hòn cục, tiêu thức ăn, chữa nôn nước chua, đau bụng, thông kinh nguyệt. Thái miếng tắm giấm, sấy khô để dùng.

**13. Hương phụ:** Củ cỏ gấu, vị ngọt đắng, tính lạnh ít, không độc, khai uất, lợi tam tiêu, khoan khoái trong lòng, là vị thuốc quý của phụ nữ. Rang sém, giã với trầu cho tróc hết vỏ đen, thành mảnh vụn, rồi tuỳ chứng mà tắm hoặc rượu, hoặc giấm, hoặc muối, hoặc đồng tiện, rồi sao lên mà dùng.

**14. Mật lị hoa:** Hoa lài (nhài), vị cay khí thơm, tính nóng, không độc, mát da thịt, nhuận táo, làm đen tóc. Dùng ướp trà uống cho sáng khoái.

**15. Mao hương:** Cây Sá, dùng cả hoa lá, vị đắng tính ám, chữa đau bụng, lạnh dạ dày, nôn ói, trừ tà, bặt hôi thối.

**16. Bạch mao hương:** (Hương bài trắng) vị ngọt, khí ám, thơm dịu, khử mùi hôi, chữa đau bụng lạnh, nấu nước tắm cho trẻ bị lở ngứa.

1. Đổi tên chữ Hán nhưng được tinh khí vị theo vị thuốc dùng thay.

2. Tất bát là Tiêu lốt (*Piper longum...*) cùng họ, cùng chi với Lá lốt, được dùng thay.

**17. Hoắc hương:** Cây Hoắc hương, vị đắng cay, tính hơi ấm, rất lành, giúp chính khí trừ tà khí, chữa nôn ói, thổ tả thắn hiệu. Lấy cây lá phơi khô mà dùng.

**18. Lan diệp:** Lá Lan, vị cay, tính bình, không độc, có tác dụng sát trùng, trừ độc, tiêu ung nhọt, lợi tiểu tiện, sinh tân dịch, đẹp nhan sắc.

**19. Trạch lan:** Cây Màn tươi, vị đắng, tính hơi ấm, thông hoạt, phá hòn cục, tiêu ung nhọt, lợi tiểu tràng, trị máu xấu chóng mặt và phụ nữ hư lao.

**20. Hương nhu:** Cỏ Hương nhu, vị cay tính hơi ấm, dễ lâu được, chữa thổ tả rút gân, và giải cảm nắng, trừ phiền nhiệt rất tốt. Tháng 8, 9 có hoa hái về phơi khô, cất dùng.

**21. Bạc hà:** Lá Bạc hà, vị cay tính ấm, thanh nhiệt hóa đờm, tiêu thức ăn, chữa các bệnh phong tà, đau đầu và sốt âm.

**22. Tích tuyết thảo, Liên tiền thảo:** Rau má, vị đắng, khí lạnh, tính lành, chữa mụn nhọt lở ngứa, phong đòn nóng rát, phụ nữ đau tim nóng ruột.

**23. Ngài diệp:** Lá Ngài cứu, vị đắng, tính hơi ấm, nhiều công dụng, làm mồi cứu chữa được nhiều bệnh.

**24. Thanh cao:** Cỏ Thanh hao, vị đắng, tính bình, lành, trị các chứng hư tổn, sốt, âm, mồ hôi trộm, sốt rét, đi lị, đau bụng, vết thương đâm chém (dấp).

**25. Sung úy:** Cây Ích mẫu, vị cay ngọt, tính ấm, bổ, an thần, sáng mắt, chữa đau tim, rong kinh băng huyết, là vị thuốc quý về thai sản.

**26. Nhân trần/Nam:** Cỏ Nhân trần (3) vị đắng hơi cay, tính hơi lạnh, bình, khử thấp, trừ phong, thanh nhiệt, trị chứng vàng da, đau đầu uống thì nhẹ mình.

**27. Thanh tương tử:** Hột Duối mang, vị đắng, hơi lạnh, tính rất lành, thanh nhiệt, bổ trung, yên 5 tạng, trị thanh manh tê thấp và lở.

**28. Kẽ quan hoa:** Hoa gà (Mào gà), vị ngọt, tính mát, khí thuần hòa, trị chứng tràng phong (loét ruột chảy máu) đi lị, trĩ rò và băng huyết.

**29. Trữ ma căn:** Rễ củ Gai/bánh/, vị ngọt, tính lạnh, ngừng động thai chảy máu, giải cảm thời khí sốt nóng, khát nước, trị đái không thông, đắp vết thương trùng cắn hay trúng tên độc.

**30. Thương nhí:** Cây Trái ké, vị ngọt, tính ấm, hơi độc, trừ phong khí lở ngứa, tê thấp tay chân co quắp, thanh can sáng mắt, bổ xương tùy. Khi uống vị thuốc này thì kiêng ăn thịt lợn.

**31. Đắng tâm thảo:** Cỏ bắc, vị ngọt hơi lạnh, tả phế, mát tim, thanh hỏa uất, khỏi đau họng, và lợi tiểu tiện, thông đái gắt, tiêu thủy thũng.

**32. Hy thiêm:** Lá Bà a, vị đắng hơi lạnh, ít độc, giải nhiệt, chữa lở ngứa, sốt rét lâu ngày, phong thấp, tê chân tay và phù thũng. Dùng tươi hoặc hái về phơi khô, tẩm nửa rượu nửa mật dỗ lên và phơi 9 lần.

**33. Lô căn:** Rễ lau, vị ngọt tính lạnh, giải cảm thời khí phiền nhiệt, khát nước, trung độc và ngừng nôn ợ nhiệt tả.

**34. Mộc tắc:** Cỏ tháp bút, vị ngọt tính bình, không độc, bổ gan, tiêu mộng mắt, ngừng băng huyết, khỏi hoạt tràng, chữa sưng hòn đái và lòi dom (dấp).

(3) *Nhân trần nam* (*Adenosma glutinosum*) được dùng thay cây *Nhân trần cao* (*Artemisia capillaris*) của Trung Quốc (Xem hình ở bảng sau). Nhưng cây nhân trần nam cũng như nhân trần bò bò (*Adenosma capitatum*) đều có 1% tinh dầu nóng gây khô hói, nếu dùng luôn thì rất có hại.

**35. Ngưu tất/Nam/:** Rễ Cỏ xước (1), vị chua đắng, tính bình, lành, mạnh gân cốt, chữa tê liệt, bổ tinh diều huyết, thông đại gắt, trị sốt rét lâu ngày. Kỵ sắt, bỏ gốc, tắm rượu mà dùng.

**36. Huyên thảo:** Rau/hoa/Hiên, vị ngọt tính mát, lợi tiểu tiện, tiêu thức ăn, trừ thấp nhiệt, quên lo phiền, an thai, bảo dưỡng sống lâu.

**37. Hoàng quy tử:** Hạt Võng (bông) vang, vị ngọt, khí lạnh, rất hoạt tràng, thông tia sữa, thông đại gắt, tiêu phù thũng, làm dễ đẻ và chữa nhọt lở.

**38. Quyết minh tử:** Hạt Muồng muồng (Muồng ngủ), vị mặn tính bình, không độc, ích thận thanh can, mát 5 tạng, chữa mụn nhọt, mát lò và đau đầu đặc hiệu.

**39. Địa phu tử (1):** Hạt Hau hau, vị đắng tính lạnh, lành, hòa hoãn, lợi tiểu tiện, bổ ích tinh thần, tỏ tai sáng mắt, chữa liệt dương, sa tinh hoàn và lở ngứa.

**40. Đinh lịch nam:** (1) Hạt day, vị cay tính lạnh không độc, tiêu tích đờm, xop phù thũng, ngừng hen suyễn, thông kinh nguyệt. Lót giấy trong nồi sao mà dùng.

**41. Xa tiền tử:** Hạt mã đề, vị ngọt, khí lạnh, lợi tiểu tiện, ngừng ỉa tả, thông đại gắt, trừ tê thấp, ích tinh khí, làm dễ đẻ. Xát bỏ vỏ ngoài.

**42. Mã tiền thảo:** Cỏ Mã tiền (cỏ Roi ngựa), vị đắng, tính hơi lạnh, thông kinh bế, tan tích tụ, chữa nhọt lở vết đứt và lở trĩ.

**43. Đại lam:** Cây Chàm, vị đắng, ngọt, tính lạnh, thanh nhiệt, trị xuất huyết, giải độc, sát trùng, chữa bệnh cam trẻ em và sưng lở.

**44. Lam điển:** Chàm bột (4) vị ngọt cay, tính lạnh, tan trong nước, cầm máu, giải thuốc độc, khói hoàng hốt, sát trùng trị đơn lở.

**45. Thanh dại:** Bột chàm (4) chất trong, vị mặn, tính lạnh, không độc, giải chất độc, bình can hỏa, trị trẻ em kinh giật và cam nhiệt.

**46. Thủ liễu:** Rau răm, vị cay tính ấm, không độc, chữa đau bụng lạnh, vết thương rắn cắn (uống và đắp), chàm ghẻ (xát), cước khí sưng chân và mụn tri thì nấu nước xông và ngâm rửa.

**47. Má liễu:** Cây cỏ Nghě, vị đắng cay, tính ấm, không độc, chữa nuốt nhầm dia vào trong bụng (uống), nấu nước xông rửa lở chàm và các mụn lở ghẻ chóng khôi.

**48. Biển súc:** (1) Rau Thái lài, vị ngọt tính bình, không độc, sát trùng, thanh nhiệt, chữa đại buốt, hoàng đản (vàng da), lở chàm.

**49. Tất lê tử:** Quỳ kiến sầu (gai ma vương) vị đắng tính ấm, bình, chữa các chứng đau mắt, tích khói, phổi lép, đau họng, mụn nhọt, tiết tinh. Sao cháy hết gai mà dùng.

**50. Tỳ ma tử:** Hạt Thầu dầu, vị ngọt, tính bình, không độc, chữa các hưng tích hòn, miệng méo (đắp bên không méo), tai diếc (nút vào lỗ tai), mụn sưng (đắp), đẻ khó (rịt dưới bàn chân). Đập đập bỏ vỏ mà dùng. Uống hạt Thầu dầu thì kiêng ăn đậu rang, nếu phạm phải thì phát chướng mà chết.

**51. Thường sơn:** Là Thường sơn, vị đắng, hơi cay, có độc, tính hàn, gây nôn ra đờm, chữa sốt rét, tiêu thủy thũng. Róc bỏ gân lấy phiến lá, dò với rượu phơi khô mà dùng.

**52. Nam tinh:** Củ Ráy chuột (Chóc chuột), vị đắng /cay/, tính ấm, có độc mạnh liệt (ngứa); chữa trúng phong sùi đờm, tiêu mụn nhọt, phá hòn cục, đuỗi gân cốt. Thái miếng, giã Giừng nấu chín, phơi khô mà dùng.

(4) **Lam điển:** Chàm chế với vôi đá, lấy bột lắng xuống đáy chậu. **Thanh dại:** Chàm ngâm nước, vớt bột phơi rám cho khô thành bột.

**53. Quỷ cật:** Cù Nưa, vị cay (ngứa) tính âm, không độc, công hiệu chữa lao trùng truyền nhiễm, sốt rét cơn và hạ thai chết trong bụng.

**54. Xa can:** Cây rè quạt, vị cay tính hàn, ít độc, chữa đau họng, đờm khí kết tu, tiêu hòn cục, báng sốt rét, thông kinh bế.

**55. Phương tiên hoa:** Móng tay nước (Hoa bòng nước), rè hạt đều vị ngọt tính âm, làm thuốc chữa hóc xương và thúc đẻ thì nuốt hạt, thông kinh bế và chữa gãy xương thi nhai rẽ.

**56. Tường vi căn:** rễ Tâm xuân, vị đắng chất, khí hơi lạnh, trừ thấp nhiệt, trị ly, sát trùng, chữa mụn lở và làm dân gân.

**57. Nguyệt quý hoa:** Hoa hồng, vị ngọt tính âm, không độc, hoạt huyết, tiêu mụn nhọt, lên da non, trị tràng nhac, lở chảy nước kiến hiệu.

**58. Mạch môn đồng:** Cù tóc tiên (Cô lan), vị ngọt khí bình, giải phiền nhiệt, nhuần phế thanh tâm, yên tạng phủ, bổ lao tổn, chữa ho và điên cuồng.

**59. Cốt toái bối:** Cây tố rồng, vị đắng tính âm, không độc, bổ lao tổn, han gan vết thương gãy xương, trị phong huyết đau nhức và sát trùng.

**60. Toan tương thảo:** Cỏ Chua me (5) Vị chua, tính hàn không độc, thông máu và tiêu tiên khỏi đái buốt đái giắt, giải khát, chữa mụn lở có giòi và tri rò (đắp).

**61. Ngưỡng thiền bì:** Rêu xanh mặt đất, vị đắng hơi lạnh, ít độc, chữa trùng nồng đau tim, trùng khí độc nôn ói, đau mặt và lở.

**62. Ốc du:** Rêu mọc nóc nhà, vị ngọt tính hàn, không độc, tri nhiệt tà, thông niệu đạo khỏi đái giắt, giải khát, chữa trẻ em cảm sốt và đau răng.

## II - LOAI DÂY LEO

**63. Cẩm địa la:** Cù gám (Ngải máu) vị ngọt đắng, tính bình không độc, trừ trùng độc, khí độc của rừng núi (sơm lam chuồng khí) và nhợt độc.

**64. Thủ ty tử:** Hột Tơ hồng, vị cay khí bình, bổ trung ích khí, thêm tinh tuỷ, mạnh gân cốt, sáng mắt nhẹ mình, chữa đau lung.

**65. Ngũ vị tử/nam/:** Hột Năm cõm, vị ngọt cay lại chua mặn, khí âm, tính bình, mát phổi, bổ thuỷ sinh tan dịch, chữa hư lao, ho lâu, háo khát.

**66. Phúc bồn tử:** Trái (quả) 96) Chúc xôi, vị ngọt tính bình, bổ dưỡng, ích khí, tư âm, hoà 5 tạng, tri hư lao uống lâu sẽ khỏi.

**67. Sứ quân tử:** Trái (quả) giun, vị ngọt tính âm, không độc, trị 5 chứng cam của trẻ con, sát trùng trừ giun, mạnh tỳ, ngừng đi lị và đái đục.

**68. Mộc miết tử:** hạt trái Gác, vị ngọt tính âm, không độc thông bí tắc, làm tan ung nhọt, tiêu sưng, tri đau lung, nhợt vú, lòi dom.

**69. Khiên ngưu tử:** Hột Bìm bìm, vị đắng cay, tính âm, có độc, lợi tiểu tiện, thông đại tiện, tiêu báng hạch, xổ đờm, thông bí kết, sát trùng. Khi dùng sao vàng tán nhỏ, rây lấy lớp bột lán đầu, còn bỏ đi. Giống đèn thuộc thuỷ công hiệu chóng, loại trắng thuộc kim công hiệu chậm, người khoẻ thì uống, người già yếu hụt có thai thì không dùng.

(5) Ở đây có chua me đất được gọi là Toan tương thảo như Bản thảo đồ kinh đời Tống (1061) khác với Lý Thời Trần (thế kỷ XVI) gọi là Thủ tương thảo (Bản thảo cương mục q.20). Còn tên Toan tương thảo lá cây Lồng đèn. Đằng lung thảo (BTCM q.16).

(6) Nguyên bản chép trái này ở thủ đô, miền Bắc thường gọi là "quả". Ở mục VI, VII đều dịch "quả".

**70. Qua lầu nhán:** Nhân hạt Dưa trời (7), vị đắng, tính hàn, hoà hoãn trơn chảy, nhuận phế bổ lạc, trị các chứng xuất huyết, đờm hoá, đau họng. Bô vỏ dùng nhán, bọc vài lớp giấy thấm đập ép cho hết dầu mà dùng.

**71. Thiên hoa phẩn/Qua lầu căn:** Củ dưa trời (7), vị ngọt hơi đắng, khí hàn, tính lành, bổ hư thanh nhiệt, nhuận táo khói khát, chữa mụn nhọt, vàng da.

**72. Cát căn:** Rễ (củ) cây Sắn/dây/, vị ngọt, khí hàn tính lành, phát tán cho ra mồ hôi, giải cảm, mát da thịt, khói phiền nhiệt, thông quan (lợi đại tiện), giải độc.

**73. Thiên môn đông:** /Cù/ Tóc tiên leo, vị ngọt đắng, tính hàn, đại bổ, giáng hoả, mát phổi, nhuận tam tiêu, trị ho lao phổi lép.

**74. Bách bộ:** Củ Bách bộ (Ba mươi), vị ngọt đắng, tính hơi ấm, không độc, mát phổi, chữa ho lâu, lao truyền nhiễm và bệnh cổ độc.

**75. Hà thủ ô/tráng:** Rễ (củ) cây Sứa bò, vị ngọt đắng, chát, tính ấm, nhu nhuận, mạnh gân bő tỳ, trừ nhọt độc. Uống lâu thì tăng tuổi thọ. Lấy dao nửa cạo bő vỏ thô, lấy chày đập nát, ngâm nước vo gạo 1 đêm, phơi khô mà dùng. Khi uống thì kiêng ăn các thức tiết, cá không vảy, cù cải và tỏi.

**76. Tỳ giải:** Củ Kim cang, vị ngọt chát, tính bình, rất lành, mạnh gân cốt, chữa đau lưng, tê bại, các chứng đái đục và mụn lở, củ sắc trắng sức mạnh hơn, thái miếng tắm rượu phơi khô, hoặc đốt qua, lột vỏ, sắc uống.

**77. Thổ phục linh:** Củ Khúc khắc, vị ngọt chát, không độc làm mạnh dạ dày, cứng gân, trị phong thấp và giang mai rất công hiệu.

**78. Giải khôi:** Củ Bồ nâu (củ nâu). vị ngọt chát, tính bình không độc, chữa các chứng tích tụ trong bụng, sát trùng và cầm ia chảy.

**79. Mộc thông:** Cây (dây) ruột gà, vị the tính bình, lưu lợi, thông tiêu tiện, khói ứ trệ, tiêu thấp thũng, thanh nhiệt, trị sưng họng, mụn lở.

### III - LOẠI CỎ MỌC Ở NUỐC

**80. Xương bő:** Rễ Xương bő, vị cay tính ấm, không độc, trừ thấp, an thần tó tai sáng mắt, chữa trúng ác, diên cuồng uống thì tỉnh. Thứ sinh ở trên đá, dài 1 tấc 9 đốt, dùng dao nửa cạo vỏ ngoài, đập dập sao hoặc tắm nước vo gạo phơi khô mà dùng.

**81. Bồ hoàng:** Bông cây náng (Cỏ nến) vị ngọt tính ấm, không độc, phá khối điêu kinh, cầm băng huyết, an thai, khói đau, thông tiêu tiện. Pha huyết thì dùng sống, cầm máu thì sao.

**82. Giao hô /cô/:** Cây Niêng niêng, vị ngọt, không độc, tính lạnh, khai vị, mát dạ dày, mát ruột, giải phiền nhiệt, đau bụng, giải độc rượu.

**83. Phù bình:** Cây bèo ván, vị cay khí hàn, không độc, trừ phong, lợi tiểu, chữa kinh cuồng, tê thấp, nhọt lở. Loại lung tía lá tốt, ngày 15 tháng 7 lấy về bô rẽ phơi khô, hoặc dùng tươi.

**84. Thủ tần:** Cây Rau bợ, vị ngọt, tính hàn, trơn chảy, không độc, hạ nhiệt, mát da thịt, lợi tiểu tiện, chữa tiêu khát (đái đường) và vết bỏng.

**85. Thủ táo:** Ngọn rau rong (Rong nước), vị ngọt tính hàn, không độc, mát trong lòng, trừ nhiệt lỵ, tiêu khát, trị bệnh sởi và nổi mẩn đỏ ở trẻ em.

(7) Nguyên bản A.3024 trang 20b in Ba trên lệ đọc là "trời" (Blời) là thể chữ nôm xưa nhất, trước dịch là "đại" nay định chính.

#### IV - LOÀI MẾ CỐC

**86. Cánh mế:** Gạo tẻ, mùi thơm ngon, tính mát bình, dưỡng vệ điều vinh, đại bổ cho cơ thể, nhờ đó làm nguồn sống. Một tên gọi là Cương mế, trong trắng ngon thơm, gạo hiến cho nhà vua dùng gọi là Ngự mế.

**87. Đạo mế:** Gạo nếp, một tên gọi là Nhu mế, một tên gọi là Dư mế, vị ngọt, tính ấm, thơm mềm, dẻo, bổ, trung ương thận, trị đi tiểu ra chất nhờn (đái dưỡng tráp: cao lâm), trị các chứng ẫu thổ đau bụng, tỳ vị hư yếu.

**88. Lang vĩ:** Hột kê, vị ngọt, tính bình, không độc, ăn đỡ đói, chắc ruột mạnh dạ dày, dùng ăn chống đói khi mất mùa ít dùng làm thuốc.

**89. Hồ ma tử (Hột vừng):** Hột lòng trứng (mè), có tên là chi ma, vị ngọt, hàn, lành, trơn chảy, nhuận trường, giải độc, tiêu nhiệt kết, sát trùng, thúc đẻ, chữa mụn lở.

**90. Ma du:** Dầu mè, có tên là Hương du, vị ngọt, hàn, lành, trơn chảy, nhuận trường, giải độc, tiêu nhiệt kết, sát trùng, thúc đẻ, chữa mụn lở.

**91. Ý dĩ:** Hột Ý dĩ, vị hơi ngọt, tính hơi hàn, không độc, trừ phong, thấp, nhiệt, trị co quắp, uống lâu nhẹ mình tăng trí nhớ.

**92. Hắc đậu:** bột Đậu đen, vị ngọt, tính hòa không độc, trị được nhiều bệnh, trừ phong, thấp, nhiệt, giải độc, công hiệu kể không cùng.

**93. Xích tiêu đậu:** Hột Đậu đỏ, vị ngọt chua, tính bình không độc, kiêm cà công và bổ, trị chứng mụn lở, thủy thũng, đỉ tả, đau buốt, bế trứng, đái tháo và nôn mửa.

**94. Lục đậu:** Đậu xanh, vị ngọt, hơi tanh, tính hàn, không độc, bổ ích nguyên khí, thanh nhiệt giải độc, thanh tiêu tiện, chữa lở, làm sáng mắt.

**95. Bạch đậu:** Hột Đậu trắng, vị ngọt, tính mát không độc, khai thông, ấm bụng, mạnh chân thủy, trừ bệnh lao truyền nhiễm, giúp 12 kinh, hòa 5 tạng.

**96. Bạch biển đậu:** Đậu ván trắng, vị ngọt, tính mát không độc, hòa các tạng, trừ phong, giải cảm nắng, mạnh tỳ, trị thổ tả, nôn ói, tiêu độc.

**97. Dao đậu:** Đậu rựa, vị ngọt, tính bình, không độc, ích nguyên khí, ấm trong lòng, khoan khoái ruột, khi bị nắc cùt cho uống thì hạ ngay.

**98. Đậu sị:** Vị đắng, tính hàn, không độc, kiêm cà bổ và công, các chứng lục đàm đều chữa được cả, hơn 40 phương thuốc dùng đến nó.

*Cách chế Đậu sị:* Mùa hè tháng 5 - 6, chọn hột đậu đen to béo, tùy dùng nhiều ít, bỏ vào nước, hột nào nổi lên thì bỏ đi, ngâm một đêm, vớt ra cho ráo, đổ vào nồi hông đồ chín, rải ra trên chiếu, chờ lúc hơi ấm ấm, liền lấy *Thanh hao* trải lên một lớp dày độ 3, 4 ngày xem lại thấy đã sinh vàng đều, đừng để lên mốc nhiều quá, đem ra phơi khô, sấy sạch mốc vàng, lấy nước tưới đều, vừa ướt tay làm chùng, rồi đổ vào vò, lấy lá dâu dày lên dày độ 3 tấc, lấy bùn trát kín, phơi ra giữa nắng 7 ngày, bỏ lá dâu cũ đi, lại mang phơi một lúc rồi lấy gạo trắng trộn vào, lại lấy lá dâu khác ủ lên rồi trát bùn lại, làm như thế 7 lần cộng 49 ngày lại cho vào nồi hông đồ qua phơi khô, cất kín mà dùng.

**99. Trần Thương mế:** Gạo thóc lâu năm, chua hơi mặn, tính ấm, không độc, ít khí mạnh tỳ, thông huyết mạch, trừ phiền, chữa di lý và đau bụng.

**100. Tứu khúc:** Bánh men rượu, vị ngọt, tính ấm, không độc, khoan khoái trong lòng, khai vị, trừ đàm tích, khí nghịch, hòn cục trong bụng và chữa hoắc loạn (thổ tả).

**101. Mế thố:** Giảm tinh (giảm thanh) cũng gọi là Khổ tửu. Vị đắng, chua, không độc, khí ấm, tính chạy khắp, làm mềm chất rắn, phá hòn cục, thu liêm vết thương, tiêu hạch khỏi đau, tan đinh nhọt sưng tấy.

**102. Hảo tửu:** Rượu tăm, (rượu đế) vị đắng, ngọt, cay, tính nhiệt có độc, khử tà, hạ khí, hành huyết, khai uất, trừ phong, dùng để tắm chế các vị thuốc.

**103. Tứu tào:** Bã (Hèm) rượu, vị ngọt, cay, tính không độc, dẫn tiêu thức ăn, ấm trong lòng, trừ máu ú, chữa bệnh lở, nề, bị đánh, bị ngã và bị trùng trú cắn.

**104. Khang Tỳ:** Cám, vị ngọt nhạt, tính hòa bình, hạ khí, thông ruột, phá tan hòn cục, trị chứng nghẹn, ợe.

## V - LOÀI RAU

**105. Cửu thái:** Rau Hẹ, vị cay, chua, chát, tính ấm, lành, bổ dương, hạ khí, trị đau vùng tim, cầm máu, giữ tinh, trừ nhiệt ly.

**106. Cửu tử:** Hột Hẹ, vị cay, ngọt, tính không độc, hay ấm buồng hơi, trị các chứng mộng di tinh, bạch đái, đái ra máu, đau đầu gối, đau lưng.

**107. Thông căn:** Củ Hành, vị cay, khí ấm, tính bình, giải biểu, trị chứng thương hàn, phong nhiệt, đau đầu, té thấp, an thai.

**108. Giới khiêu (8) / giới bạch/:** Cây rau kiệu, vị cay, đắng, tính ôn hòa, bổ trung, hành khí, nhẹ mình, lợi thủy, chắc ruột, trị bệnh đái gắt, đái dục.

**109. Đại doán:** Củ tỏi, vị cay hôi, tính ấm, hơi độc, trừ tà, trừ độc, chữa mụn nhọt, tiêu thức ăn, thông quan trung tiện, phá hòn cục. Ăn nhiều thì tán khí hại người.

**110. Giới thái:** Rau cải, vị cay, tính ấm không độc, thông lợi khoan khoái trong họng ngực, thông khíếu, an thận, lợi đàm, trừ ho dốc.

**111. Giới tử:** Hột cải, vị cay, tính nhiệt không độc, khoan khoái, trị các chứng phong hàn, ho đàm suyễn, đau họng, té đại, mụn nhọt.

**112. Bạch giới tử:** Hột cải bẹ trắng, vị cay, tính ấm, không độc, khoan lợi, tiêu đàm, thuận khí, trị lao truyền nhiễm, cước khí, đau phong.

**113. La bặc căn:** Củ cải lu bú, (cải củ) vị cay ngọt, lá hơi đắng, tính không độc, làm long đờm, tiêu thức ăn, tán phong tà, thông ú, thông đái gắt (lâm lậu) trừ bệnh ly.

**114. La bặc tử:** Hột lu bú (Cải củ), vị cay ngọt, tính bình, không độc, trị các chứng phong đàm, suyễn đầy, đi ly, mụn lở và đại tiểu tiện không thông.

**115. Sinh khương:** Củ gừng /sống/, vị cay, tính ấm, không khí, tính thản, thông 9 khíếu, trừ tà khí, phục hồi chính khí rất là hay.

**116. Can khương:** Củ gừng già chế /khô/, vị cay, tính ấm, không độc, chữa được chứng hư nhiệt, phong hàn, đau bụng, các chứng thất huyết, bệnh trầm trọng làm tinh táo lại được.

*Cách chế:* Cuối mùa đông đào củ Gừng già đã có xơ đem ngâm nước chảy về phía đông 7 ngày, lấy ra xát lát, đồ chín phơi khô mà dùng.

**117. Hồ tuy:** Mùi tui (rau mùi ta) ngọt vị cay tính ấm, không độc, tiêu thức ăn, thông đại tiểu tiện, trị chứng phong tà và làm cho đậu hầm mọc được.

**118. Hồ tuy tử:** Hột mùi tui (Ngò ri), vị cay tính bình không độc, hay tống độc ra sát trùng trị lở, tiêu thức ăn cũ, trị chứng trưởng phong hạ huyết, bệnh trĩ mạch lươn và chứng sưng dai.

**119. Khổ căn:** Rau cần, vị ngọt thơm ngon, tính bình, không độc, dưỡng huyết, thông lợi đường ruột, thanh nhiệt độc, chỉ băng huyết, giải khát, ích tâm thần.

Nguyên bản A3024 in Giới Khiêu (Thảo dược 3 chữ theo Danh y biệt lục đời Tề, những bản thảo cương mục q.26 thì viết Giới bạch.

120. **Tiêu hối hương:** (1) Hột Thị là, vị cay tính âm không độc, điều hòa món ăn, bổ thận, mạnh tỳ, trừ trướng, tiêu hòn báing, đau bụng và đau răng.

121. **Úng thái:** Rau Muống, vị ngọt tính hàn không độc, giải các chất độc, và sinh da thịt, làm dễ đẻ, tiêu thủy thũng.

122. **Quân dạt thái (9):** Quân dạt (củ cải đường), vị đắng ngọt, tính hàn, không độc, hoạt lợi, trị chứng nhiệt độc lưu hành, đau đầu, khai vị (ngon miệng), ra da và giải khát.

123. **Hiện thái:** Rau Dền trắng, vị ngọt tính lạnh không độc, làm dễ đẻ, sát trùng, lợi khiếu, trị lở môi, giải độc nọc ong nọc rắn và ngừa do sơn ăn (xát).

124. **Má xỉ hiện:** Rau Sam, vị chua tính hàn không độc, trị ghẻ lở, sát trùng, tiêu sưng, trị mờ mắt, hòn cục trong bụng và cam ly.

125. **Khổ cụ:** Rau Diếp /đắng/, vị đắng tính hàn không độc, công dụng điều hòa tiếp bổ, khai vị thanh tâm, chữa các chứng ung độc sưng tấy.

126. **Bạch cụ:** Rau vặt (rau Diếp trắng), vị đắng tính hàn không độc, thanh nhiệt, mạnh gân, bền xương, thanh thần, trung hòa giải độc rượu, thông huyết mạch.

127. **Lạc quy:** Lá Tầm tai (Dây mồng tai), vị chua tính hàn không độc, hoạt thai dễ đẻ, hoạt trướng, thông đại tiểu tiện, hột tán bột với phấn xoa trừ rôm xẩy rất tốt.

128. **Ngư tinh thái:** Rau Dấp (Diếp cá) vị cay, tanh hôi, tính âm, hơi độc, trị chốc đầu, lở ghẻ, lồi trôn trê, đau răng, bệnh sốt rét.

129. **Quyết thái:** Rau Rút, vị ngọt tính hàn không độc, ăn nhiều thì không đói, hòa tang phèu, thông lợi trường vị, tiêu thũng.

130. **Dá vi:** Rau Vi, vị ngọt tính hàn, không độc, ăn nhiều thì đói, hòa tang phèu, thông lợi trường vị, tiêu thũng.

131. **Vu tử:** Củ Khoai/sợ/, vị cay tính bình không độc, khoan khoái trong ruột, tiến thực, trừ phiền nhiệt, giải khát, thông kinh, trị động thai.

132. **Thổ noãn:** Củ Từ, vị ngọt cay tính hàn, hơi độc, giải các thuốc độc, no lòng, trị ho nhiệt và khô cổ họng.

133. **Sơn dược:** (Thụ dự): Củ Mài, vị ngọt tính bình không độc, bổ tim, nuôi thận, bồi bổ tỳ vị, ích khí, mạnh gân, lớn xương. Cạo bỏ vỏ vàng phơi khô mà dùng.

134. **Linh dư tử:** Dái khoai Mài (củ đeo), vị ngọt tính ám không độc, đại bổ vinh vệ, tư dương hư tổn, dược lực mạnh hơn Sơn dược.

135. **Cam thực:** Củ tía (Khoai lang), vị ngọt ngon, tính bình, không độc, bổ ích lao thương, mạnh tỳ thận, công dụng như Sơn dược.

136. **Trúc duẩn:** Măng trúc (tre), vị ngọt hơi đắng, tính hàn không độc, bổ trung hoà vị, mát tim, giáng hoả, tiêu đàm.

137. **Già tử:** Trái cà, vị ngọt tính hàn, hơi độc, hoạt lợi, chữa chứng lao truyền thi, bệnh ôn, thũng độc, hòn cục, làm thuốc thì dùng thử cà sắc vàng tốt hơn. Tính hàn, ăn nhiều thì đau bụng và động khí, sinh cổ tật, đàn bà hay ăn thì hại tử cung.

138. **Khổ già (Thủy già):** Trái cà vàng (cà quánh), vị đắng hơi ngọt, tính lạnh độc, chữa mụn nhọt, lở chốc, chướng khí, đau răng và chó đại cát.

(9) Theo Gia hựu bản thảo (1057) củ cải đường gọi là Quân dạt thái. Nhưng Lý Thời Trần đã cải chính là Điểm thái theo Danh y biệt lục, bác bỏ tên Quân dạt khái. (Bản thảo cương mục, q.27).

**139. Hồ lô tử:** Trái Bầu, vị ngọt tính hàn không độc, trơn chảy, giải nhiệt, trị lở trứ trùng độc, thông đái vặt, tiêu thũng. Phàm người mắc bệnh cước khí, lạnh khí và hư trướng mà ăn vào thì bệnh sẽ không lành, và ăn nhiều sẽ sinh thủng.

**140. Khổ biếu:** bầu đắng, vị đắng tính hàn, hơi độc, tiêu thũng, thông đái gắt lợi tiểu tiện, trị cảm mũi chảy nước hôi thối, vàng da (hoàng đản) và mụn lở.

**141. Tây qua:** Trái dưa hấu, vị ngọt tính hàn, lành, chỉ khát tiêu phiền, trị trung nǎng, thông đái gắt, trị tê đau, ly ra máu.

**142. Điểm qua:** Trái Dưa đá (đính chính là dưa bở), vị ngọt tính hàn hơi độc, giải cảm nǎng, giải khát trừ phiền, lợi tiểu tiện, tiêu khí ứ đọng ở tam tiêu.

**143. Qua đế:** Cuống dưa đá vị ngọt tính lạnh có độc, gây nôn ra đờm đọng, giải cổ độc, đau phong, thuỷ thũng, hoàng đản. Dùng thử cuống dưa xanh hoặc phơi héo.

**144. Đông qua:** Bí đao, vị ngọt tính hơi hàn không độc, giải khát, mát tim, trừ phiền nhiệt, tiêu mụn, tiêu sưng và thông tiểu tiện.

**145. Việt qua:** Trái dưa gang, vị ngọt tính hàn, không độc, lợi đường ruột, chỉ khát trừ phiền, trừ độc rượu, chữa nhiệt tả, lở ẩm nang, ăn sống nhiều thì động khi đau tim, kết khối, yếu gân, tổn tai mắt.

**146. Hồ qua:** Trái dưa bở (đính chính là Dưa chuột), vị ngọt tính hàn hơi độc, lợi tiểu mát da thịt, trị đau mắt đỏ, ngã chảy tổn thương, phỏng lửa và cổ trướng, ăn nhiều sinh nóng lạnh, sốt rét, tích ứ, hư nhiệt, ít khí, tổn huyết, phát lở, chân nóng trẻ con càng nên kiêng.

**147. Tỳ qua:** Xơ Mướp, vị ngọt tính ấm không độc, thanh nhiệt, trừ thấp, lợi tiểu, tiêu đờm, trị mụn nhọt làm cho đậu mọc, thông sữa. Lấy những quả lá già đã qua mùa sương, bỏ hột mà dùng.

**148. Khổ qua:** Mướp đắng, vị đắng tính hàn không độc trừ tạng nhiệt, sáng mắt, mát tim, bổ lao tổn; hột uống thì ích khí, mạnh dương.

**149. Mộc nhĩ:** Nấm tai mèo, nhẹ mình, ích khí, cường chi, trị chảy nước mắt, băng huyết, đi ly ra máu. Tốt nhất là nấm lấy ở 5 giống cây: Dâu, Dâu da, dương, Liễu, Hoè, còn nữa thì lành hay độc tuy tính từng cây gỗ có nấm mọc.

**150. Thổ khuẩn:** Nấm đất, vị ngọt tính hàn, có độc, chuyên trị đinh sang, thũng độc và các chứng ban. Độc hay lành cũng tùy đất và cỏ nơi nấm mọc ra. Sinh trên đất gọi là Khuẩn sinh trên cây gọi là Tâm.

## VI - LOÀI QUẢ

**151. Mai tử:** Trái (Quả) mơ, vị chua tính bình không độc, ăn sống hại răng, dùng làm thuốc thì chế ra hai thứ: Ô mai, và Bạch mai.

**152. Ô mai chế:** Mơ đen, vị chua chát, tính ấm bình, tác dụng giải phiền nóng, liễm phế khí, an âm, trừ tả ly, sốt rét, tiêu khát và đờm dài.

*Cách chế Ô mai:* Dùng quả mơ chín vàng (ướm), ngâm với nước tro rơm nửa ngày, đồ qua, phơi ráo đem gác lên giàn bếp mà xông khói đến khô đen hãy dùng.

**153. Bạch mai chế:** Quả mơ muối, vị chua tính hàn không độc, tác dụng trừ nhiệt, chỉ huyết sinh tan dịch, lợi cuống họng, chữa trúng phong đờm huyết và kiết ly.

*Cách chế Bạch mai:* Quả mơ chín vàng (ướm), lấy nửa nước muối hoà với nhau mà ngâm, ngày phơi đêm lại ngâm, ngâm đến 10 ngày sẽ thành sắc trắng như sương, nên cũng gọi là "sương mai", phơi khô hãy dùng.

**154. Lý tử:** Quả mận, vị đắng chua, hơi độc, tác dụng điều trung chữa cổ tật, nồng âm i trong xương. Hạt nó có tác dụng hành huyết nhuận thỷ. Ăn nhiều thì sinh nhiệt, (quá náo bỏ vào nước mà nồi thì không nên ăn).

**155. Dao tử:** Quả đào, vị cay chua, ngọt tính nhiệt và độc, ăn ít thì bồ khí đẹp da, ăn nhiều thì phát nhiệt, đổ mồ hôi.

**156. Dao nhân:** Óc hạt đào, vị ngọt hơi đắng, tính bình không độc, công dụng hạ khí nhuận tràng, thông huyết ứ thành hòn, diêu kinh, chữa các chứng té thấp, lao nồng âm i trong xương.

**157. Dao mõ:** Quả đào héo trên cành, vị đắng tính hơi âm và hơi độc, công dụng trừ các khí độc phá hòn cục, trừ trùng ác, có thai bị thương ra huyết, trừ nọc sốt rét. Lấy quả đào còn non, xanh mà tự khô héo cùn dính trên cành là đúng.

**158. Dao giao:** Nhựa cây đào, vị đắng, tính bình và rất mạnh, công dụng hành huyết trừ tà, làm cho đậu hầm có thể mọc lại, thông đại gát, giải nhiệt khát, trị hư lao.

**159. Táo tử:** Quả Táo, vị ngọt tính bình không độc, hòa vịnh dưỡng vê, bổ ích tinh thần, bảo dưỡng ngũ tạng tam tiêu.

**160. Đường lê:** Quả Dào trồi, (7) vị chua ngọt, chát, tính không độc, chuyên trị nồng trong lòng, đi ly lâu ngày, đốt thành tro hòa nước uống.

**161. Hồng thị:** Quả Hồng, vị ngọt hơi chát, tính hàn, thông khí kinh mạch, làm mát dạ dày, nhuận trong miệng hòa trong ruột, thông được tai mũi. Hễ uống rượu không nên cùng ăn Hồng, làm người ta dễ say hoặc đau tim.

**162. Thị sương:** Quả hồng khô (mứt hồng), vị ngọt tính bình không độc, nhuận phổi, nhuận tim, hòa dạ dày, tiêu cầm, giáng hỏa, hòa huyết. Có tên gọi là Bạch thi, Thị bánh.

*Cách chế:* Dùng quả Hồng lớn chín rồi, gọt bỏ vỏ lấy tay nắn cho bẹp lại, ngày phơi nắng, đêm phơi sương, nên gọi là Thị sương.

**163. Hân thi:** Quả Cây, vị ngọt chát tính hàn lành, nhuận tim mát phổi, chát ruột, giải độc rượu.

**164. Thiền quân tử:** (10) Quả bàng, vị chát ngọt tính hòa bình, không độc, chỉ khát, ăn tim, trừ uất nhiệt, đẹp da mạnh sức, ăn nhiều cũng được.

**165. Thạch lưu:** Quả lưu, vị ngọt chua chát, tính ấm, hơi độc, nhuận họng ráo, trừ lao trùng truyền nhiễm. Rễ nó dùng sát trùng rất tốt, và trị chứng huyết lậu, ăn nhiều thì hai phổi tổn rãng.

**166. Quất thực:** Quả quít, vị chua ngọt tính ấm, không độc, khoan tung, chỉ khát, mát phổi, khai uất, trừ đàm tán khí kết.

**167. Trần bì:** Vỏ Quít, vị đắng cay, tính khai thông, khoan trung, diêu cầm dài, mạnh tỳ vị, trừ uất nhiệt. Để được lâu năm càng tốt, cho nên gọi là Trần bì. Để cà xơ trắng thì tiêu cơm và bổ trung, bỏ xơ trắng gọi là Quất hồng bì, thi tiêu cầm phá trệ.

**168. Thanh bì:** Vỏ quýt xanh, vị cay đắng, khí thơm tính hòa bình, khai uất, phá tan chất rắn, chế được thấp trĩ đau, hành khí vào tang can. Khi dùng bồ ruột, sao qua mà dùng.

**169. Cam thực:** Quả cam, vị chua ngọt tính hàn không độc, lợi trường mát da dày, trừ đòn độc, giải khát, sinh tân dịch, dễ đẻ.

**170. Chanh thực:** Quả Chanh, vị chua tính hàn không độc, thông kêt, tiêu cầm, khỏi nôn, khát, trừ vị phong, dạ dày co thắt, trị mụn lở và bướu cổ.

(10) Quả tràm, Lý Thời Trân gọi là Hap tử (BTM q.18).

**171. Hữu thực:** Quả bưởi, vị chua tính hàn không độc, làm cho thư thái, trị được chứng cổ thai nhác ăn, đau bụng, độc rượu, ăn không tiêu.

**172. Cam phao:** Vỏ Bưởi, vị đắng cay, tính không độc, thông lợi, trừ đàm, táo thấp, trị trường phong hạ huyết, tiêu thũng bớt đau, hòa huyết. Bỏ lớp trắng, lấy lớp vỏ vàng sao mà dùng.

**173. Câu duyên:** Quả Thanh yên, vị chua tính bình, không độc, trị khí nghịch, đau bụng và ho, tuyên thông khí kết trong bụng.

**174. Kim quất:** Quả Kim quýt, vị chua ngọt, khi thơm êm dịu, tính không độc, khoan trung hạ khí, sinh tân dịch, giải trừ các mùi tanh hôi.

**175. Lê chi:** Quả Vải, vị ngọt tính hàn, không độc, hòa khí, thông tinh thần, trị nồng đầu, đau sởi.

**176. Long nhãn:** Quả nhãn, vị ngọt, khí ấm, tính bình không độc, trấn tĩnh an thần, làm tăng trí nhớ, trừ trùng lao, bổ ích tâm tỳ, thêm tuổi thọ.

**177. Càm lâm:** Quả Trám (Cà na) vị chua ngọt, tính ấm, không độc, sinh tân dịch, nở dạ dày, ăn quả này giải được độc rượu, độc cá, ba ba. Phàm có bị hỏa đàm thì không nên ăn nó, ăn có thể làm ứ tắc ở trên ngực. Làm thuốc dùng trám trắng.

**178. Ngũ liêm tử:** Quả khế, có tên gọi Dương đào, vị chua chát, tính bình không độc, khử phong, thanh nhiệt, sinh tân dịch, trị hoacute loạn (thổ tả), thương tích và giải uế.

**179. Tân lang tử:** Hạt Cau, vị cay, đắng, chát, tính ấm, không độc, hạ khí, lợi đại tiện, tiêu đờm nước ú đọng, đầy bụng, sát trùng và trị ly.

**180. Đại phúc bì:** Vỏ quả cau, vị cay tính ấm không độc, tiêu đàm, giáng khí tiêu phu thũng, trị hoacute loạn, tích đờm và đầy bụng.

**181. Da tử:** Quả Dừa, vị ngọt, tính bình, không độc, ăn đỡ đói, khử phong, ích khí, tiêu phu thũng, hoacute loạn, tâm phiền, giải nhiệt độc.

**182. Quang lang tử:** Quả Bóng (Búng bóng), vị ngọt, tính bình không độc, làm bớt ăn đỡ đói, bổ lao tổn trị lưng đau, chân yếu, uống sẽ nhẹ mình và khỏe mạnh.

**183. Bà la mật:** Quả Mít, vị ngọt, khí thơm, tính không độc, ích khí, trừ phiền khát, giải say rượu, ăn nhẹ mình, no bụng, đẹp mày mặt.

**184. Vỏ hoa quả:** Quả Vâ, vị tính bình, không độc, mạnh dạ dày điều hòa trong ruột, thông lợi hầu họng, chữa tri, lòi dom kiết ly.

**185. Thực tiêu:** Hột đắng cay, một tên là Xuyên tiêu, vị cay, tính ấm, có độc, hạ khí, ấm trong bụng mạnh thận hỏa chữa phong, đau mắt, phù thũng, lở ghé.

**186. Hồ tiêu:** Hột tiêu đen, vị cay, tính nhiệt, điều hòa thức ăn, hạ khí, ấm trong bụng, tiêu thức ăn, chữa hàn ly đau bụng đau lưng.

**187. Tất trùng già:** Hột Màng tang, vị cay, khí thơm, tính ấm, không độc tiêu thức ăn, trừ phong, chữa thổ tả, đau bụng, đờm lạnh, kết đọng ở bàng quang.

**188. Minh trà:** Trà ngon, vị ngọt, đắng tính hơi hàn, nhuận tạng, trừ nhiệt khu phong, sáng mắt, nhẹ đầu, hạ đờm, trị chướng ly tiêu thức ăn.

**189. Bồ đào:** Quả Nho, vị ngọt, tính bình, không độc, trị phong hàn đau tể, tiêu nước, nhẹ mình, mạnh chí hòa vinh vệ.

**190. Cam giá:** Cây mía, vị ngọt ngon, tính mát không độc, giáng hỏa tiêu phiền, ngừng mửa, lợi đờm, làm mát phổi, điều hòa tỳ vị.

**191. Liên tử:** Hột Sen, vị ngọt, tính mát không độc, bổ trung, ích khí, yên tâm vị, ngừng ly, thu liêm tinh khí, giải phiền nhiệt, ăn nhiều tăng tuổi thọ.

**192. Liên ngẫu:** Ngó sen, vị ngọt, tính mát, không độc, kiêm cà bồ và tả, thanh nhiệt, trừ phiền, giải say rượu, chi huyết, tan các chất bẩn đọng lại.

**193. Liên ý:** Tâm sen, vị đắng, tính hàn, không độc, trị phiền trong lòng, huyết khô sau khi sinh đẻ, ngừng thổ huyết, hoắc loạn, di tinh và phiền nhiệt.

**194. Liên phòng:** Gương sen, vị đắng chát, tính hơi ấm, không độc trị bụng trướng đau, ỉa chảy, băng huyết, xuất huyết.

**195. Hà diệp:** Lá sen, vị đắng tính bình, không độc, trị tam phiền chữa các bệnh thai sản, chữa lở ghè, đậu mùa, chi huyết, cổ tinh ích nguyên khí của dạ dày.

**196. Lăng giác:** Cù ấu, vị ngọt, tính bình, không độc, yên trong lòng, bổ 5 tạng, giải đơn độc, trúng thử, thương hàn, đều giải nhiệt cả. Có tên gọi là Lăng thực.

**197. Khiếm thực:** Cù Súng (11) vị ngọt chát, tính hoà bình không độc, bổ trung, mạnh thận, ích tinh, bổ tỳ, trị tê thấp, đau lưng, mồi gối.

**198. Ô vu:** Cù Năn, vị ngọt, tính hàn, không độc,tron nhuận chỉ huyết, nhuận tràng, trừ tê thấp, chữa hoàng đản, giải độc, ăn khoẻ người.

## VII - LOÀI CÂY

**199. Bá tử /nhân/:** Hột Trắc bá, vị ngọt, tính lạnh, không độc, bổ tim, mạnh dạ dày, ích nguyên dương, thu ráo mồ hôi, trừ ghè lở. Khi dùng bỏ vỏ lấy nhân mà dùng.

**200. Tùng chi:** Nhựa cây thông, có tên gọi là Tùng giao, Tùng hương hay Lịch thanh, vị ngọt, tính ấm, không độc, ráo mù rất hay, trị lở ghè, mụn nhọt, đau thấp, nhuận tim, ích phổi, trị điếc tai.

**201. Sam mộc:** Cây The mộc, vị cay, tính ấm, không độc, phát tán, trị chứng đau bụng, khí cuộn dồn lên, cước khí sưng lở ghè.

**202. Quế bì:** Vỏ quế, vị ngọt cay, tính rất nóng, hơi độc, ổn bổ các chứng thư hàn, làm bớt đau, trị phong sang ứ huyết và chứng tê. Khi dùng cạo bỏ vỏ thô. Thứ dày gọi là nhục quế; bỏ vỏ và lõi gọi là quế tâm.

**203. Quế chi:** Vỏ cành quế, có tên gọi là mẫu quế nhỏ và non gọi là Liễu quế, vị cay, tính ấm, không độc, hạ khí phát hàn, khai tâm, lợi phổi, trị đau phong đau sườn, và họng tắc.

**204. Mộc tê:** Hoa mộc tê, vị cay, tính ấm, không độc, trừ mùi hôi, hoá đờm, nhuận tan dịch, lá nó giải đậu mùa làm cho mọc thưa.

**205. Trầm hương:** Trầm hương thứ đèn mà bỏ vào nước chìm gọi là trầm hương, thứ tia gọi là mặt hương thứ có vần trắng mà nhẹ gọi là Tốc hương, vị cay, khí rất thơm, tính ấm không độc, hạ khí thông quan, trị phong độc, trúng độc, trừ tà, ấm dạ dày, bổ nguyên dương.

**206. Giáng chân hương:** Giáng hương, vị cay, khí thơm, tính bình không độc, trị gãy xương, bị thương tích vì đâm chém, cầm máu và đỡ sau, sát trùng trừ hơi độc, trừ thấp và lam chuồng.

**207. Ô dược:** Ô dược, vị cay tính ấm, không độc, tính hay đầy ra, trị đau bụng, trướng ruột, mụn ghè, cước khi xung tâm và sốt rét.

**208. Bạch giao hương:** Nhựa cây Sau sau, vị ngọt, rất đắng tính không độc, trị vết thương đâm chém và máu còn ra nhiều hay còn trị được mụn lở và phù thũng.

(11) Cù sung (*Nymphaea stellata*) được dùng thay hạt Khiếm thực (*Euryale ferox*) cùng họ Súng (*Nymphaeaceae*) có công dụng gần giống nhau.

**209. Tô hợp:** Nhựa cây Tô hợp, vị ngọt, khí thơm, tính ám không độc, trừ tà, tri ôn bệnh, tri sốt rét, giết 3 loại trùng, trị kinh gián, hòn mê và cấp kinh phong.

**210. Hậu phác:** Vỏ cây Vối, vị đắng, tính ám không độc, yên đường ruột, trừ phong, sốt rét, đau bụng, thổ tả, đàm kinh phong và phá hòn cục. Bò vỏ ngoài xát lát, trộn nước gừng sao khô dùng.

**211. Càn tất:** Sơn khô, vị cay tính âm, không độc, trị phong hàn, bổ gan trừ đau, trị trùng, truyền thi, phá hòn cục, thông kinh, trị đau bụng.

**212. Đồng diệp:** Lá vông, vị đắng, tính hàn, không độc, sát trùng ghè tri thoát giang, lợi tiểu tiện tiêu thũng, làm cho tóc rụng lại mọc, nhuộm tóc đen.

**213. Khổ luyện tử:** Quả Sâu đậu, vị đắng, tính hàn, có độc, sát trùng, tri tiêu dương sán khi, nhiệt trong báng quang, điên cuồng và lở ghè. Dùng làm thuốc lấy cây tráng thì tốt cây tía rất độc.

**214. Hoè hoa:** Hoa hoè, vị đắng, tính hoà bình, không độc, sát trùng, tri ghè, tri đau mắt, đại tiện ra máu (trừ phong hạ huyết), đau yết hầu.

**215. Hoè tử:** Quả hoè, vị đắng, tính hàn, không độc, tri mắt mảng mộng, đau phong, chóng mặt, chữa bệnh tric mạch lươn, lở ha bộ, da dày ráo.

**216. Tạo giác:** Quả Bồ kết, vị cay, tính nhiệt, có hơi độc, trừ phong thông các kheu, trừ tà ôn, phá hòn cục, tiêu đàm, khai thông họng đau tức.

**217. Tạo giác thích:** Gai bồ kết, vị cay, tính ám, không độc, hay khia thông tri phong, nhọt, làm cho nhau thai chóng thoát ra, phá vỡ lở ghè và mụn nhọt.

**218. Vô hoan tử:** Quả bồ hòn, vị đắng, tính bình, hơi độc, chữa lao truyền thi sưng răng đau, đau họng, tẩy sạch vết bẩn ở đồ dùng.

**219. Liễu chi:** Cảnh hieu, vị đắng, tính hàn, không độc tri đau phong mụn lở tê thấp, co rút, hút mù, thấm nước.

**220. Tô mộc:** Cây vang, vị mặn, tính bình, không độc, trừ huyết xấu sinh huyết tốt, tri đau bụng, thương phong, sưng lở.

**221. Ô mộc:** Cây mun, vị mặn cay, tính mát không độc, giải các thứ nhiệt độc, tri nôn ói, thổ tả (hoặc loạn), đại tiện ra máu. Dùng làm thuốc lấy cây toàn màu đen là tốt.

**222. Tông bì:** Bẹ mộc, vị đắng chát, tính bình, không độc, tri các chứng ly, đại tiện ra máu, đổ máu mũi, băng huyết, vết thương đàm chém, ghè lở, có tên là Tung bì.

**223. Ba đậu/nam:** Quả Màn đè (12), tính rất nhiệt có độc, hay thông trệ, tri chứng đàm tích trùng ác, máu cục trong bụng, thuỷ thũng, trúng phong, các chứng đau tê. Khi dùng bọc vài lần giây, dập cho thấm hết dầu mà dùng.

**224. Tang bì:** Vỏ rễ cây dâu tằm ăn, vị ngọt tính hàn không độc, tri phổi, họng nóng, lợi tiểu tiện, tiêu đàm trừ ho suyễn, khoan khoái trong ruột, hạ khí tri đau đầu. Khi dùng đào lầy rễ dưới mặt đất kiêng đồ sắt, lấy dao tre cao vò thô, tước láy bỏ trăng, tẩm mật và nước mắm nướng cho khô để dùng. Rễ trên mặt đất đợi nắng chờ dùng, độc chết người.

**225. Tang thầm tử:** Quả dâu tằm ăn, khí vị cũng giống rễ, tính chất mạnh dẫn thuỷ, an thần, hoà 5 tang, ăn vào đỡ đói, chữa đau khớp xương.

**226. Chử thực:** Quả Dương, vị ngọt, tính hàn, không độc, tiêu chướng bụng, bổ dương, sáng mắt, tri chứng liệt dương, bền xương, cứng gan, mạnh lung và mạnh đầu gối.

(12) Ba đậu nam, hay Dâu mè (*Jatropha curcas*) cũng có tác dụng như (*Ba đậu bắc* (*Croton tiglium*)), đều có độc bằng A. Chế để giảm độc: ép kiết dầu, sao vàng. Liều dùng 1 lần 0.05g không được quá hưu).

**227. Chỉ xác:** Quả tráp /xanh/, vị đắng, tính bình, không độc, long đờm, hạ khí, tẩy sạch trong ngực, trong ruột, làm đỡ đau, phá hòn cục, trừ ly. Khi dùng bò ruột, thái mỏng sao.

**228. Chỉ thực:** Quả tráp non, vị đắng, tính hàn, không độc, khai thông đại tiện, phá chất rắn, tiêu tích, trừ đàm suyễn, trị đau sườn, phong sang, tống nước đọng. Quả nhỏ như mắt ngỗng để lâu là tốt, khi dùng bò ruột, thái mỏng sao.

**229. Chi tử:** Quả Dành mọc trên núi tốt hơn, mọc ở đồng bằng sức kém, vị đắng, tính hàn, không độc, tu âm, giáng hỏa, mát âm thận, trị nội thương, ngoại thương, huyết nhiệt.

**230. Toan táo nhân:** Nhân hột táo chua, vị chua, tính bình không độc, bổ tâm an thần, trừ nhiệt tà mất ngủ, tay chân tê nhức, trị chứng hư phiền, tiết tả lâu ngày và đổ mồ hôi. Khi dùng bò vỏ cứng lấy nhân, muối ngủ thì sao đen, muối không ngủ thì dùng sống.

**231. Mạn kinh tử:** Hột quan âm, vị đắng, tính hơi hàn, không độc, lợi khiếu thông quan, trừ tê thấp, trị phong tà, đau đầu mỏi mắt.

**232. Mộc cận:** Cây Bông bụt, vị ngọt, tính bình không độc, thông hoạt, trị lở sưng đau, ỉa ra máu, bạch đái, mất ngủ và giải khát.

**233. Phù dung diệp:** Lá phù dung, vị cay, tính bình không độc, hoa lá tính chất giống nhau, mát phổi, điều kinh, trị huyết nhiệt, mụn nhọt lở sưng.

**234. Mộc miên:** Cây Gạo (Bông gạo), vị cay, tính bình, không độc, nhuận táo, trị lậu huyết, lở, dấp bớ vết thương bị que gãy, hoặc vỏ hoặc hột đều dùng tốt cả.

**235. Tang ký sinh:** Tầm gửi cây dâu, vị đắng, tính bình, không độc, mạnh gân, thêm huyết, trị các chứng co quắp tê đau, khi có thai, khi sinh đẻ dùng đều tốt, kiêng đồ mặn.

**236. Dao ký sinh:** Tầm gửi cây đào, vị đắng cay, tính không độc, trị lao trẻ con, đái vàng xương giò, mặt xanh bùng, trị trùng thuốc độc, đau tim.

**237. Liễu ký sinh:** Tầm gửi cây liễu, vị đắng, tính bình, không độc, trị phong đàm, khí trệ, đỡ đau bụng, dùng vài cành sắc uống thì lành.

**238. Đạm trúc diệp:** Lá trúc nhỏ, vị cay ngọt, tính hàn, không độc, trừ đàm nhiệt, đau đầu, mất ngủ, hư phiền và bệnh quỉ chú (bị ngắt, chết già). Loài trúc rất nhiều, làm thuốc thì dùng Đạm trúc, cây nhỏ mà mắt to, giữa từng đốt có rãnh dọc là đúng.

**239. Trúc nhụ:** Tinh tre (phoi tre), vị ngọt nhạt, tính hơi hàn không độc, trị phổi khô héo, mửa ối, sốt nóng, không ngủ, động thai và sốt huyết. Không có trúc nhụ thì dùng măng tre cũng được, cao lấy vỏ trắng mà dùng.

**240. Trúc lịch:** Nước tre non, vị ngọt, tính hàn, không độc, công dụng rất chóng, thanh đàm, giáng hỏa, trị phong cuồng, giải nhiệt, trừ phiền, trừ bệnh nhoc mệt sốt trở lại. Khi dùng chọn thứ xanh non, còn có phấn trắng, lấy dao cắt đoạn, lấy viên gạch đặt nghiêng trên lửa mà đốt cho nó chảy nước ghé bát xuống lấy, hoặc dùng thêm gừng giã lấy nước hòa vào một ít, thì nó đưa suốt vào kinh mạch. Không có trúc, dùng mầm non tre cũng được.

**241. Trúc hoàng:** Phần trong cây nứa, vị ngọt, tính hàn, không độc, hòa tạng phủ, trừ phong, trấn tĩnh tâm thần, chữa trẻ con bị kinh giản, trú đàm, không nói được, công hiệu rõ rệt. Có tên là thiên trúc hoàng, ở trong ruột nứa, hoặc trắng như phấn hoặc vàng như đất, người ta chè nứa ra thường thấy có.

## VIII - LOÀI CÔN TRÙNG

**242. Phong mật:** Mật ong. Có tên là bách hoa cao, lại gọi là Bạch mật hay là Thạch mật. Vị ngọt tính bình, không độc, điều hòa nội tạng, nhẹ mình, mạnh trí, trừ kinh giản, bớt đau, sát trùng, giúp sức cho các thuốc.

**243. Phong lạp:** Sáp ong (Sáp vàng) có tên là bạch lạp hay Hoàng lạp tùy sắc màu gọi tên, tính hơi ấm, trị lý, liệt dương và mụn sưng rất hay.

**245. Tử khoáng:** Cảnh kiến, vị ngọt mặn, tính bình hơi độc, thêm tinh, đỡ đau, ra da non, trị bạch đái, tích máu cục, lở ngứa.

**246. Tang phiêu tiêu:** Tổ Bọ ngựa ở cây dâu, vị ngọt, tính bình không độc, trị chứng đau bụng cục (sản khối), liệt dương, đau lưng, 5 chứng lâm lậu, mộng tinh, kinh ứ không thông.

**247. Đường lang:** Cái Bọ ngựa (13), khí vị cũng giống như tổ nó, trị trẻ con kinh phong, co giật. Rút dây xóc trong thịt.

**248. Bạch cương tàm:** Tầm chết gió (Tầm vôi), vị mặn, tính bình, không độc, trừ độc, trị chứng cầm khẩu, họng đau, vì phong đờm, kết hạch, băng huyết, Bạch đái, mụn lở.

Ngâm nước vo gạo 1 đêm, rửa sát ngoài da, bỏ miệng và chân sao vàng.

**249. Tầm kiển:** Cái kèn xác (kén tầm), vị ngọt, tính ấm không độc, tinh hay thúc đẩy ra, trị đi tiểu ra máu, băng huyết, cam lở, mụn sưng không có miệng thì phá vỡ ra được. Dùng kén mà bướm tầm đã cắn ra.

**250. Sào ty thang:** Nước ướm tơ, vị mặn nồng tính không độc, trị chứng trong lòng nóng, tiêu khát, thường ngày uống nhiều thì khỏi nóng và đỡ khát.

**251. Tầm sa:** Phân tầm. Vị ngọt cay, tính không độc, chủ trị chứng phong thấp, tê đau, sởi mọc nổi mẩn trong da, động máu cục, chứng lậu huyết. Khi dùng lấy phân khô thứ tầm lớn, cho vào nước đái sạch, phơi khô mà dùng.

**252. Thanh linh:** Cái (con) chuồn chuồn, hơi hàn, không độc, tráng dương, cố tinh, ấm thùy, tống ra mạnh.

**253. Ban miêu:** Cái sâu đậu (địt lửa). Vị cay, tính hàn, rất độc (14). Phá hòn cục, thông lâm lậu, đái gắt, hạ thai, trị chó đại cấn trúng khí độc, và nhọt lở bướu u. Bỏ cánh và chân, lấy gạo nếp trộn vào sao vàng, bỏ gạo đi mà dùng.

**254. Tri thù:** Con nhện, tính mای, hơi độc, trị bệnh ôn, sốt rét, nhọt lở, trúng phong trẻ con to bụng.

**255. Bích tiền:** Trứng nhện. Nhện to ở trên vách, cấp trứng dưới bụng đựng trong bao trắng, to bằng đồng tiền là đúng. Tính mát không độc, sắc trắng, chữa đổ máu mũi, vết thương đâm chém, cam trẻ con, ung thư đau họng.

**256. Thủ diệt:** Con dìa. Khi dùng phơi khô, xát rất nhò, sao vàng sậm mà dùng. Vị mặn, tính bình có độc, phá hòn cục, tiêu tích, trị kinh bế, mụn nhọt, phong lở, lợi tiểu tiện.

**257. Cầu dăng:** Con bọ chét chó, đầu vòi nhọn vát, mình nó cứng chắc, nốt đậu bị dão hăm uống vào thì giương lên được mà sống, trị chứng sốt rét kinh niêm do đờm.

**258. Tè tào:** Con sùng đất, tính hơi ấm, có độc, phá huyết, thông kinh, trị mụn ở nách, gãy xương, mắt mờ, phong lở.

**259. Thuyền thoái:** Xác ve. Khi dùng lấy nước nóng rửa sạch, bỏ vòi, cánh, chân. Vị ngọt mặn, tính hơi hàn không độc, trị ác sang mắt mờ, đau đầu, chóng mặt, sỏi đậu bị hâm, nốt đen và lở ngứa.

**260. Khương lang:** Bọ hung, vị mặn, tính mạnh, có độc, trị chứng kinh giản, điên cuồng, trừ tần độc, trị mụn nhọt, táo bón và đại tiện ra máu.

13. Các từ "Cái" đều dịch là con theo ngôn ngữ ngày nay.

14. Độc bảng A - Cấm uống.

**261. Thiên ngưu:** Con xén tóc, vị mặn, tính bình hơi độc, trừ sốt rét, trẻ con cấp kinh, đinh độc, bị tên bắn đều chữa được.

**262. Lâu cò:** Con dế dụi, có tên là thổ cẩu. Vị mặn, tính hàn, không độc, thông trệ chữa hóc xương, lâm lậu dai gắt, thủy thũng, và thúc đẻ.

**263. Huỳnh hỏa:** Con dom đóm, vị cay, tính ấm không độc, có ánh sáng, thông thần sát trùng, trị trẻ con lở, chứng quỉ chú (bị ngất, chết già), mắt thanh manh.

**264. Y ngư:** Cái rệp trong sách. Tính hơi ấm, không độc, trị chứng phong uốn ván ở trẻ con, lưng gáy cứng đờ, kinh giàn, dai khớ, và tích huyết thành cục. Loài trùng này thường ở trong tủ sách, rương áo, nhỏ như con tằm cồn, đuôi có hai chìa, sắc toàn phần trắng, dụng phải nổ thì dây phần trắng.

**265. Thiêm thử:** Con Cóc, khi dùng bỏ ruột đi, tính bình mát có độc, tiêu lở, ung thư, trị chó đại cắn, cam tích trẻ con, chữa lở sàng hay.

**266. Thiêm tô:** Mù cóc, vị ngọt cay tính ấm có độc (bảng A), trị nhọt lở, bổ dương, chữa đau lưng và thận lạnh. Lấy một vật gì xát trên chỗ nổi hai bên vai nó, thi rì ra một thứ nước trắng, lấy lá dâu mà hứng lấy, để chỗ râm, đợi khô cạo lấy cát vào thè tre, chờ cho phạm phải mất sê sưng đỏ và mù.

**267. Hà mô:** Con nhái (chẫu chàng), vị cay, tính hàn hơi độc, trị tích máu cục, cuồng nhiệt, tiêu ung nhọt và sưng lở.

**268. Diên oa:** Con ếch có tên là Diên kê, Thanh kê hạy Trường cổ, vị ngọt tính hàn không độc, có thể bổ ích, an thai lợi thủy, trị lao nhiệt hư phiền, bệnh lây từ người chết, trẻ con lở ngứa.

**269. Khoa đầu:** Con Nòng nọc, dùng Nòng nọc của ếch nhái làm thuốc thì tốt, vị mặn, tính hàn trơn hơi độc, trị nhiệt sang, sưng nóng đơn độc, nhuộm tóc râu xanh đen

**270. Ngô công:** Con Rết, vị cay, tính ấm có độc, giết sâu trùng chủ trị phong ứ huyết và lở ghê. Khi dùng bỏ đầu đuôi chân, lấy lá bạc hà bọc nướng.

**271. Khâu dán:** Con Trùn, vị mặn, tính hàn không độc, trị được nhiều bệnh: thươn, hàn, ôn dịch độc nhiệt, bệnh trùng, cổ trường, kinh giàn, phong cuồng và sốt rét; dùng thủ cổ cổ khoang trắng và lớn là tốt.

**272. Oa ngưu:** Con Sên, vị mặn tính hàn độc, trơn mềm, trị trúng phong méo miêng, kinh giàn co giật, rết cắn, thủng độc.

**273. Phi liêm:** Con Mòng đòng, vị mặn, tính hàn có độc, trị khí nghịch tắc họng kinh bế, tích máu cục và tích tụ. Hình như con lảng (nhặng) mà lớn, hay cắn trâu ngựa.

## IX - LOÀI CÓ VẢY

**274. Xuyên sơn giáp:** Vảy tê tê (vảy con trút), vị mặn tính hàn hơi độc, trực máu ứ trù tà lở, đậu hầm không mọc, trúng phong, sốt rét rừng và trẻ con hay khóc, sao vàng mà dùng.

**275. Nhiễm xà đòn:** Mật Trần, vị ngọt đáng tính hàn hơi độc, chữa đau mắt, đau bụng, bệnh phong hùi (cúi), máu tích cục và đau họng rất hiệu.

**276. Bạch hoa xà:** Rắn Hổ mang, vị ngọt mặn có độc, tính chất cường mạnh, trị đau thấp, trúng phong co quắp, ác sang phong cúi. Khi dùng bỏ đầu đuôi đến 3 tấc, lột da, róc xương, lấy thịt tẩm rượu, mùa xuân, mùa hạ tẩm 1 ngày, mùa thu mùa đông tẩm 3 ngày, lấy da nướng khô mà dùng.

**277. Hoàng hạm xà:** Rắn mài gầm, một tên gọi là Kim xà, vị ngọt tính ấm hơi độc, sắc đen vàng, trị đau cánh tay, chó dai cắn, phong cùi và lở chảy nước. Khi dùng cũng làm như làm rắn Hổ mang.

**278. Xà thoát:** Xác rắn, vị ngọt mặn tính không độc, chữa chứng cấp kinh phong trẻ con, đau họng, làm cho đê dề, sát trùng, trị lở ghẻ.

**279. Thủỷ xà:** Rắn nước, vị ngọt, tính mặn hàn không độc, chữa phiền khát, nhợt trong xương, kiết lỵ, tiêu dinh độc ở đầu ngón tay (chín mé, đầu trun).

**280. Cáp giới:** Tắc kè, vị mặn tính bình hơi độc, công dụng khai phế khí, chữa hen suyễn ho lao, lợi thủy thông kinh chữa què gãy, mắt nó có độc, đuôi thì lành, khi dùng bỏ mắt kì trên xương sống tắm rượu nướng khô hãy dùng. Con nào dứt đuôi thi được lực kém không nên dùng.

**281. Thủ cung:** Con Thạch sùng, có tên là Bích hổ, dài 3,4 tắc có 4 chân, sắc trắng màu tro, thường ở trên vách, vị mặn, tính hàn, hơi độc, chữa đau các khớp xương trùng phong, cam ly trẻ con và tiêu hòn cục.

## X - LOÀI CÁ

**282. Lý ngư:** Cá chép, vị ngọt, tính bình không độc, hạ khí trừ hoàng đản, trị ho đờm, máu cục trong bụng, an thai, tiêu thũng.

**283. Dư ngư:** Cá Vên, vị ngọt, tính ấm không độc, bổ trung ích khí, nhưng chớ nên ăn nhiều, vì hay sinh nóng lở ngứa.

**284. Tôn ngư:** Cá Chày, vị ngọt ngon, tính ấm không độc, ấm dạ dày, hòa trung, tiêu thức ăn cũ, chớ nên ăn nhiều vì động phong.

**285. Hoàn ngư:** Cá Trôi, vị ngọt, tính bình tốt, không độc, bổ dưỡng, ấm dạ dày, hòa trung ích khí, trị đau họng mắc xương.

**286. Thanh ngư:** Cá Trắm, vị ngọt, tính bình không độc, ích khí trị cước khí, mặt nó có độc trị họng và mắt mờ.

**287. Thoan ngư:** Cá Rồng, vị ngọt, tính bình không độc, bổ tạng mạnh tỳ, hòa trùng, điều hòa mạch máu, bổ gan mạnh xương.

**288. Cảm ngư:** Cá Măng, vị ngọt không độc, tính hung dữ, ăn nhiều trừ được chứng nôn ói, ấm tỳ làm cho ăn ngon miệng và khoan khoái trong ruột.

**289. Thời ngư:** Cá Chày, vị ngọt, tính bình không độc, trị chứng hư lao, bổ trung, mõ nó chữa phong rất hay.

**290. Phường ngư:** Cá mè, vị ngọt tính ấm không độc, béo trơn mát phổi, giúp tỳ, điều hòa vê khí bổ hư, công dụng như cá diếc.

**291. Lê ngư:** Cá Lóc, vị ngọt, tính bình không độc, khử thấp trừ phong, tiêu thũng, thông quan, chữa trì lợi thai. Người có lở loét ngoài da không nên ăn, hay sinh vết sẹo.

**292. Sa ngư:** Cá Bống, vị ngọt, tính bình không độc, khoan trung, tiêu thức ăn, ấm tỳ vị, ăn nhiều rất tốt nên người ta ưa chuộng.

**293. Diều ngư:** Cá Dầu, vị ngọt, tính ấm không độc, rất là ấm tỳ, trị hàn tả, ăn nhiều quên cả lo buồn.

**294. Khoái tàn ngư:** Cá Ngân, vị ngọt, tính bình không độc, ăn rất ngon, mạnh da dày, khoan trung, ngon miệng, phơi khô để lâu, vị cứ như mới.

**295. Thạch thủ ngư:** Cá Mò Dóng, vị ngọt tính bình không độc, ăn rất ngon, ích khí mạnh tỳ, trị lỵ và đau bụng, đau ruột.

**296. Lặc ngư:** Cá Mòi, vị ngọt, tính bình không độc, khai vị ấm trong lòng, hòa 5 tạng, nấu canh ăn, hay kho ăn cũng ngon.

**297. Tè ngư:** cá Lành canh, vị ngọt, tính ấm không độc, không tanh, chữa trị lở rất tốt, chớ nên ăn nhiều sinh đờm, sinh đinh nhọt.

**298. Xương ngư:** Cá Chim giang, vị ngọt, tính bình rất lành, thịt ăn mạnh tỳ thêm khí lực, trong trứng nó có độc, chớ nên ăn nhiều.

**299. Lô ngư:** Cá Vược, vị ngọt lạnh, hơi độc, có thể ăn được, công dụng lợi tiểu an thai, hòa 5 tạng, mạnh gân xương, chữa bệnh lao ngực. Gan nó có độc chớ nên ăn.

**300. Tức ngư:** Cá Diếc, vị ngọt tính ấm không độc, công dụng điều khí hòa trung rất bổ ích, chữa mụn tri, đại tiện ra máu, nôn ói và đau mắt đỏ.

**301. Mạn lê ngư:** Cá Lạc, vị ngọt, tính bình không độc, công dụng trừ các thứ độc, chữa phong lở, tê thấp, đau lưng mỏi chân, sát trùng lao, trừ thuốc độc.

**302. Hải mạn lê ngư:** Cá Dưa, vị ngọt, tính bình không độc, công dụng bổ hư lao, sát trùng giải độc, trừ phong thấp, công dụng giống như cá Lạc.

**303. Hoàng thiện:** Cá Lươn, vị ngọt, tính rất ấm không độc, bổ trung ích khí, chữa băng huyết, lâu huyết, khứ thấp trừ phong ẩm bụng. Hễ con nào bò ngóc đầu lên, hoặc dưới cổ họng có khoang trắng đó là loài rắn, chớ ăn mà chết người, nên cẩn thận.

**304. Do ngư:** Cá Trạch, vị ngọt, tính bình không độc, nhiều nhót trơn, chữa tiêu khát, giết tri trùng, giải say rượu, cường dương, bổ khí.

**305. Di ngư:** Cá Leo, vị ngọt, tính ấm không độc, trị chứng miếng mắt méo xệch, nám chứng tri, lồi dom (tròn trê) và thủy thũng.

**306. Hoàng tảng ngư:** Cá Bò, vị ngọt tính bình không độc, nhiều nhót bợt. Khu phong, lợi tiểu, tiêu thũng, chữa chứng lao lâu ngày, lở loét dầm dề, rái gắt.

**307. Hà dòn:** Cá Nóc, vị ngọt, tính ấm gan có độc, bổ ích trừ trùng, chữa thấp thỏ, đau lưng, đau chân.

**308. Hải dòn:** Cá Nóc bể, vị mặn, rất tanh, tính không độc, công dụng trừ cổ độc (trùng thuốc độc) sốt rét rừng, trùng lao truyền, chữa đau ruột, bệnh tri nội, và ghẻ lở.

**309. Ty mục ngư:** Cá Lười câu, minh dẹp, vị ngọt tính bình không độc, công dụng bổ hư, thêm khí lực, ăn nhiều động phong.

**310. Sa ngư:** Cá Nhám, vị ngọt tính bình không độc, bổ tạng điều trung cũng như cá diếc, làm nem làm gỏi ăn rất ngon. Con nào có đốm thì độc.

**311. Ô tặc:** Cá Mực, vị ngọt chua, tính bình không độc, bổ trung ích khí, điều kinh, phơi khô làm món ăn tốt.

**312. Hải phiêu tiêu:** Mai mực (mực nang), có tên là Ô tặc cốt, vị ngọt mặn, tính hơi ấm không độc, ráo mù, cầm máu, chữa bạch đái, đau bụng, sát trùng, trị lị, lở.

**313. Hải dao ngư:** Cá Duối, vị ngọt mặn, tính bình hơi độc, thịt nó chữa đau âm hộ, bạch trọc, rái gắt, răng nó chữa bệnh sốt rét.

**314. Hà ngư:** Hà là tôm, Mẽ là tép. Tôm tép đều có vị ngọt, tính ấm hơi độc, chữa chứng đơn chạy, báng hòn, phòng đờm, nôn mửa, làm cho mun đậu khỏi loét.

**315. Hải hà:** Tôm bể, vị ngọt, tính bình hơi độc, trị trùng lao truyền nhiễm, lở ngứa chảy nước, trừ giun düa, chữa cam răng (cam tẩu mã).

**316. Thủỷ mấu:** Con Sứa, vị mặn tính ấm không độc, tiêu máu ú, chữa đơn độc trẻ con, bị bong, dày bà hư lao, bạch đới.

## XI - LOÀI CÓ MAI

**317. Quy bản:** Ức cái rùa (yếm rùa), vị ngọt, tính bình không độc, thông kinh lạc, bổ tâm, ích thận thêm âm huyết, trị tê bại, trong bụng báng, máu cục, sốt rét và ho.

**318. Đại mạo:** Vảy đồi mồi, vị ngọt, tính hàn không độc, giải các trùng độc, yên tinh thần, trừ nọc đậu, chữa sốt rét và nóng âm.

**319. Miết giáp:** Mô (mai) ba ba, (Cua đính), vị mặn, tính bình không độc, bổ âm ích khí, trừ nóng âm i, ho lao, điều kinh phá khối cục.

**320. Ngao:** Con Giải, vị ngọt, tính bình không độc, trừ huyết nhiệt, trị cổ độc khử phong, liền gân xương chữa lở ghẻ tràng hạt (nhạc) và các chứng huyết xấu.

**321. Diền giải:** Cua đồng, vị mặn, tính hàn hơi độc, sinh phong liền gân nối xương, trị nhiệt tà, bặt độc, trừ lở ghẻ và máu kết cục. Cua đồng thì kiêng thứ 6 chân, 4 chân, 1 mắt đỏ, dưới bụng có lông, trong bụng có xương, đầu lưng có châm sao, chân có khoang thì chớ ăn mà hai người, nên cẩn thận.

**322. Hậu giáp:** Mai con Sam, vị cay hơi mặn, tính bình hơi độc, sát trùng chữa tri, lở ngứa ngày chảy nước, suyễn thở, khứa tă, lậu huyết.

## XII - LOÀI CÓ VỎ

**323. Mẫu lệ nhục:** Ruột con Hầu, vị ngọt tính ấm, không độc, điều trung lợi thủy, đep mày mặt, giải độc, trị đau bụng, nóng khát, hư lao.

**324. Mẫu lệ:** Vỏ hau, vị mặn tính hơi hàn không độc, giữ tinh, liêm mồ hôi, trừ nhiệt tả, bạch đái, thấp lỵ và đau do tích báng.

**325. BẠn phán:** Bột vỏ trai, vị mặn, tính hơi hàn không độc, tính khai thông, trị đờm đặc, bạch đái, nôn ói, thủy thũng, các chứng đau, mất đau. Khi dùng bỏ vào lửa nướng đở để nguội tán nhỏ mà dùng.

**326. Má dao:** Con vẹm, vị cay, tính hàn không độc, lợi thủy, tiêu đàm, trị cục bướu dai ra sỏi, bạch đái và nóng ngoài da.

**327. Nghiến nhục:** Ruột hến, vị ngọt mặn tính lạnh không độc, làm hoạt tràng, thông khí mát gan, giải độc, trị lở, thông tiểu tiện.

**328. Nghiến xác:** Vỏ Hến, vị mặn, tính ấm không độc, trị ghé lở, cổ tinh, trừ lỵ, chữa ợ chua, ngừng mửa, long đờm trừ ho thở.

**329. Trần châu:** Tục gọi là hạt Trai (ngọc trai), vị mặn tính hàn, không độc, giải nhiệt, trần tâm an thần, trị đờm hỏa, đau mắt, điếc tai, dai ra máu.

**330. Thạch quyết minh:** Vỏ ốc 9 lỗ, tính bình không độc, chữa dai buốt, di tinh, nóng âm i, đau mắt và mất mồ.

**331. Xa ngao:** Con Nghiêu, vị ngọt mặn tính lạnh, không độc, giải phát, tiêu khói cứng, giải độc rượu, trị sưng lở, và ung nhọt ở sống lưng.

**332. Xa cù:** Ốc xa cù, vị ngọt mặn, tính lạnh, không độc, trần tâm an thần, trừ độc sâu rắn, giải các thuốc độc, sát trùng cổ (huyết hấp trùng).

**333. Bối tử:** Con ốc Bẹn, vị mặn, tính bình lại mạnh không độc, mát da thịt, trực máu xấu, giết các trùng, trị mắt mộng, mun lở và tên độc.

**334. Diền loa:** Ốc Bươu vị ngọt, tính hàn, không độc tiêu thũng, thông tiểu tiện, trừ thấp nhiệt, đau mắt, lỵ, không ăn uống được và tràng nhạc.

**335. Loa sứ:** Óc vận, vị ngọt, tính hàn, không độc lâm, sáng mắt, trừ hoảng đần (vàng da), chữa tròn trê, tri mạch lươn, ngừng nôn ói, nhuận tràng.

### XIII - LOÀI CHIM

**336. Hùng kê nhục:** Thịt Gà trống, vị ngọt tính ấm không độc, hay động phong dưỡng vệ, hòa vinh, bổ trung an thai, liền xương, trị bệnh thũng, té dài.

**337. Thư kê nhục:** Thịt Gà mái, vị chua tính bình không độc, trị phong, hàn thấp, bổ 5 chứng hư hao, chữa bị thương gãy xương, tích hòn cục, băng huyết và bạch đới.

**338. Ô kê cốt:** Xương gà ác (xương thịt đen lông trắng), vị ngọt, tính bình không độc, chữa hư nhược, phụ nữ băng huyết, bạch đới, đau bụng và trẻ con di ly, không ăn được.

**339. Kê quan huyết:** Máu mào gà, vị mặn, tính hòa bình không độc, giải độc, chữa chết vì thắt cổ, gió độc, miệng mất méo lệch và lở ngứa.

**340. Kê can:** Gan gà, vị ngọt đáng, tính hơi ấm không độc, bổ thận ích gan, mạnh dương, trị đau bụng, có thai ra máu và mất menses.

**341. Kê linh:** Lông gà, chữa chứng hạ huyết, mạnh phần âm, chữa đau ngoại thân, mắc xương, mun nhọt, trẻ con khóc đêm, phụ nữ viêm bàng quang tái gác.

**342. Kê phần bạch:** Chất trắng trong cút gà có tên gọi là Kê thi, tính hơi hàn, không độc, trị được nhiều bệnh: trúng phong, sùi dờm, tay chân giá lạnh thương hàn, phong tê tái ra sỏi sạn, trong bụng tích cục. Lấy phân gà trống cạo lấy bên phần trắng, sao lên mà dùng.

**343. Kê tử:** Trứng gà, vị ngọt, tính bình không độc, bổ trung giải nhiệt, trừ các chứng lý trĩ, rôm sảy, an thai chữa tê bại.

**344. Trí diếu:** Chim trĩ, vị chua tính hàn không độc, hòa trung ích khí, nhẹ minh chữa bệnh trĩ, ngừng tả, ly.

**345. Cầm kê:** Gà Lôi, vị ngọt, tính ấm không độc, thịt nó ăn thêm trí tuệ. (Ưu)

**346. Giá kê:** Chim Đa đa, vị ngọt, tính ấm không độc, lợi tang bổ tâm, thêm trí lực, trừ các huyết độc, trị bệnh sốt rét và ôn dịch.

**347. Thuần diếu:** Chim Cút, vị ngọt tính bình không độc, bổ gân xương chịu đựng được rét nắng, trị phiền nhiệt, bệnh dạ dày và kiết ly.

**348. Duật diếu:** Chim Mỏ nhá, vị ngọt, tính ấm không độc, bổ trung, ích khí, trừ hư tổn ấm dạ dày, hòa tỳ ích mệnh môn.

**349. Cáp diếu:** Chim bồ câu, vị mặn, tính bình, hơi ấm không độc, giải các thuốc độc trị phong sang, xích bạch diến, ích khí hòa tinh, phân nó dùng càng tốt. Có tên gọi là Gia cưu hay là Phi nô, làm thuốc dùng thử lông trắng thì tốt.

**350. Tước diếu:** Chim sẻ, vị ngọt, tính ấm không độc thêm tinh túy, mạnh dương ích khí, khỏe lung gối, ngừng bạch đái, băng huyết, khiến cho cổ con.

**351. Bạch dinh hương:** Cút chim Sẻ, vị đáng, tính ấm hơi độc, trị đau mắt, mun nhọt, đau vì tích máu cục trong bụng, đau họng và bạch đới.

**352. Xảo phụ:** Chim Chiên chiên có tên gọi là Tiêu liêu, vị ngọt tính ấm không độc, thịt nó ăn dẹp da và thông minh, tổ nó trị chứng ợ hơi.

**353. Yến nhục:** Thịt chim Yến, vị ngọt, tính bình có độc, có thể chữa được bệnh trĩ, giết trùng lở; ăn nhiều thì thần khí mỏi mệt.

**354. Biển bức:** Con Dơi, cũng gọi là Phụ dực hay Phi thử, vị ngọt, khí bình không độc, làm khoan khoái trong lồng, thông nước tiểu, tiêu phì thũng, sáng mắt, trị băng huyết, bạch đái, nhọt lở, hen suyễn, sốt rét.

**355. Dạ minh sa:** Phân Dơi, vị cay, tính lành không độc, trị mắt mờ, trứng cá ở mặt, tràng nhạc, hôi hộp kinh sợ, tích tụ, thai chết, thai ra ngang. Khi dùng lấy nước đái sạch đất bụi, phơi khô hoặc sao lấy mà dùng.

**356. Ban cưu:** Chim Cu ngồi, vị ngọt, tính bình không độc, trị lao tổn, bổ âm, bổ dương, trừ thuốc độc chữa đau mắt và ợ hơi. Có tên gọi là thuận cưu, mình thon nhỏ mà không có vằn, khi vị và công dụng cũng như nhau, nhưng thứ có vằn thì hơi độc.

**357. Thanh giai:** Chim Cu Kỳ, vị chua, ngon, béo, tính hàn, không độc, giúp khí, bổ hư, an ố tang, ráo mủ, hoạt huyết, chữa tri là lở.

**358. Bổ cốc:** Chim Chèo Béo, vị ngọt, không độc, an thần, định trí, làm cho vui vẻ, ăn thịt nó nhiều thì ít ngủ.

**359. Bá lao:** Chim Tu hú, lông nó tính bình, có độc, trị trẻ con bị cam gầy yếu, đeo lông nó thì khỏi bệnh dần.

**360. Cù dục:** Chim Sáo Sậu, vị ngọt, tính hàn bình, không độc, thông khíếu, hạ khí, chữa ợ nghén, băng huyết, bệnh ho người già và bệnh trĩ.

**361. Bách thiệt diều:** Chim Khiếu, vị ngọt, khí ấm không độc, tính liêng thoảng, chữa trẻ đã lớn tuổi mà chưa biết nói, lấy thịt nó nướng ăn thì sẽ biết nói.

**362. Gián thước:** Chim khách, vị ngọt, tính bình, không độc lại có tính tinh thông, hòa trung, ích khí, trị phong. Ai có tin tức gần tới thì mách ầm ĩ.

**363. Hoàng anh:** Chim Hoàng anh, có tên gọi là Hoàng tước, Hoàng diều, Thương car h, vị ngọt, tính ấm, không độc hót hay, ăn nhiều làm cho người ta mất tính ghen ghét, giúp tỳ, bổ hư tổn, ích tinh, mạnh dương.

**364. Trác mộc diều:** Chim Gõ kiến, vị chua, tính bình, không độc, tính rất mạnh, trị đeng kinh, cam rắng, trùng lao và bệnh trĩ.

**365. Ô nha:** Chim ác (qua), tính bình không độc, vị chua chát, trị được ho lao nóng âm ỉ, kinh giàn, thổ huyết và các trùng.

**366. Ô thước:** Chim Ác là, vị ngọt, tính hòa không độc, trị được bệnh ôn nóng, khát phiền nhiệt, đàm kết, lợi tiểu tiện và thông được sỏi băng quang.

**367. Sơn thước:** Chim Giải phướn, đuôi dài, vị ngọt, tính ấm, không độc, trừ độc các thứ quả, trị tâm phiền, nướng thịt ăn thì giải ngay.

**368. Đỗ quyên:** Con Quốc, có tên gọi Đỗ vũ hay Tử qui, vị ngọt, tính bình, không độc, chuyển trị bệnh lở, bệnh trĩ loét có trùng, lấy thịt nó đán vào chỗ đau rất hay.

**369. Anh vũ:** Chim Két (vẹt), tính bình không độc, nuôi quen thì biết nói, thịt nó ăn trừ được chứng hư lao.

**370. Khổng tước:** Con Công; vị mặn, tính mát, hơi độc, màu sắc rất đẹp, giải các độc, trị trùng, cổ trường, uống thuốc mà ăn nó thì đi tả ra thuốc, mặt nó rất độc, ăn thịt thì bỏ đi, lông nó chử dụng phải mà mù mắt.

**371. Ưng diều:** Chim Bù Cát có tên gọi là Chi diều, tính hùng, cánh mạnh, giết được các loài chim, ăn đầu nó thì chữa được váng đầu, ăn thịt nó thì trừ được tà, ăn mắt nó thì được sáng mắt, xương nó chữa gãy xương.

**372. Xi diều:** Diều hâu, vị mặn, tính bình, không độc, chữa chứng đau đầu, chóng mặt, điên giàn, đổ máu mũi và chứng đái buốt

**373. Xy hưu:** Cú vo, tính u mê, hình rất xấu, trị chứng đau đầu, chóng mặt, sốt rét, cảm thời khí, ăn thịt nó thì bệnh lành.

**374. Hưu lưu:** Cái dạ dị (Cú mèo) tính nồng cung giống như chim cú, nhưng tai mèt ngang nhau, giống như con mèo, đêm thì bay ra ngày thì núp.

#### XIV - LOÀI CHIM NUỐC

**375. Quán điểu:** Con Giang, Vạc, vị ngọt, tính lành, không độc, xương nó chữa bệnh lao trùng truyền nhiễm, trúng thuốc độc, mổ nó trị đau họng, trúng nó trị ghé lở.

**376. Đồi thu:** Con Sếu, vị mặn, tính hàn, không độc, ăn nó ích khí, hòa trung, mạnh sức, giải các trúng độc.

**377. Sao bồ:** Bồ nòng (ch่าน bè), có tên gọi là Dào hà, vị mặn, tính ấm, không độc, mổ nó chữa mụn sưng, đau phong, mổ nó trừ lý và các trúng.

**378. Bạch nga:** Ngan trắng, vị ngọt, tính bình, không độc, mổ nó chữa mụn sưng, tai điếc, thịt nó trừ thấp nhiệt, hòa các tạng. Ngan sắc xanh có độc, không dùng làm thuốc, ngan trắng dùng mới tốt.

**379. Gia ác:** Con vịt, vị ngọt, tính mát hơi độc, hay động phong huyết, bổ hư, ích tạng, trị kinh phong trẻ con, giải độc, trị lở sưng và ly kiệt. Có tên gọi là Lộ hay Gia phủ. Con nào sắc vàng hay trắng mà già thì ăn rất bổ, sắc đẹp và non thì có độc. (?)

**380. Trâm phủ:** Cái Mòng (vịt nước, le le), vị ngọt, tính mát không độc, ích khí, bổ trung, tiêu thức ăn tích lại, trị phong lở nhiệt, giết các loài trùng.

**381. Quát hồng:** Con Két, vị ngọt, tính bình, không độc, ích khí hòa trung, chữa tai điếc, nấu canh, nướng chả ăn rất béo và thơm.

**382. Uyên ương:** Chim Uyên ương, vị ngọt tính bình, hơi độc, chữa loét lở, ngủ thấy chiêm bao, hay làm cho vợ chồng hòa vui.

**383. Giao tinh:** Chim trích, vị ngọt, tính bình không độc, giải các độc tôm cá (lược)

**384. Lộ trang:** Con Cò, vị ngọt, tính bình, không độc, thịt bổ hư, mạnh da dày, dầu nó chữa lở miệng, vết thương.

**385. Lư từ:** Chim Cốc (Cồng cộc), vị chua, mặn, tính lạnh, hơi độc, lợi thủy, tiêu bụng trướng, mổ nó chữa nghẹn và mắc xương.

**386. Ngư cầu:** Chim bơi cá (thần chài), vị mặn, tính bình, không độc, sắc xanh đẹp, lặn bắt cá, ai bị mắc xương, đốt nó tán nhỏ, hòa với nước mà uống thì khỏi ngay.

#### XV - LOÀI GIA SÚC

**387. Hà:** Lợn (heo) đực: vị chua, tính lành không độc. Đòn là heo con hơi độc. Phê là heo nái, vị chua tính bình. Tru là heo lớn, thịt lành và thơm.

**388. Tru nhục:** Thịt Lợn (heo), tuy độc, cái, lớn nhỏ mà phân biệt tính chất chữa điện cuồng giải nhiệt, trị đơn độc, trừ phu thũng, và bổ thận.

**389. Tru cao:** Mỡ lợn (heo), vị ngọt, tính trơn chảy, hơi hàn, không độc, hoạt huyết, khử phong, nhuận phổi, giải các thuốc độc, chữa ghé lở có trúng. Dùng mỡ heo vào ngày tháng chạp thì tốt hơn cả.

**390. Tru náo:** Óc heo, vị ngọt, tính hàn có độc, ăn nhiều có tổn hại, trị đau đầu chóng mặt, lở chân, mụn nhọt đau nhức dán vào là tan.

**391. Trư túy:** Tùy heo, vị ngọt, tính hàn không độc, hay thông suốt, rất bổ ích cho chứng hư lao, chữa ngã bị thương và chứng sưng loét.

**392. Trư huyết:** Tiết lợn (huyết heo), vị mặn, tính bình không độc, trừ chứng đau choáng váng, chữa trúng phong chướng khí, phạm phong, xốn xáo trong bụng, băng huyết, đơn độc và sởi.

**393. Trư tâm:** Tim heo, vị mặn ngọt, tính hàn không độc, ích khí bổ tâm, chữa kinh giàn thương phong, trị bà đẻ khí lực hối yếu.

**394. Trư can:** Gan heo, vị đắng tính hơi ấm không độc, bình can sáng mắt, chữa bệnh đái, lao lạnh, đi tả lâu ngày và trẻ con phát ban.

**395. Trư tỳ:** Lá lách heo, vị ngọt, tính bình, không độc, trị sốt rét, bệnh dịch lưu hành, tích cục trong bụng, trừ hư nhiệt, ích tỳ.

**396. Trư phế:** Phổi heo, vị ngọt, tính hàn, không độc, mát phổi, trị ho lao, giáng đờm hóa, trừ hư nhiệt.

**397. Trư thận:** Bầu dục lợn (trai cật heo), vị mặn, tính lạnh không độc, bổ hư, bổ khí, lợi băng quang, chữa đau lưng, đau gối, ủ tai, băng lâu.

**398. Trư di:** Cái lôi trong cật heo, vị mặn, tính bình hơi độc, chữa bệnh phổi, hư lao suyễn ho, phổi yếu, máu động cục, và di lý.

**399. Trư vị:** Dạ dày heo (bao tử heo), tính hơi ấm không độc, hay tư nhuận bổ trung, ích khí, chữa nóng âm l, tích máu cục, cam váng da và di lý, di tả.

**400. Trư đại trườn:** Ruột già heo, vị ngọt nhạt, tính hơi hàn, trừ chứng táo nhiệt trong ruột, đi đại tiện luôn luôn, bổ hạ tiêu, trị hư lý ra huyết nhiều.

**401. Trư băng quang:** Bong bóng heo, vị ngọt mặn, tính hàn, trong trong rỗng không độc, trị đái gắt, đái buốt, mộng tinh, chữa chứng đái sưng đau và ngoc hành lở.

**402. Trư dờm:** Mát heo, vị đắng, tính hàn không độc, mờ được chỗ tắc, trị được chứng thương hàn nóng khát, bệnh lao nóng âm i trong xương, làm thông quan, sáng mắt và trừ bệnh bại liệt.

**403. Trư tiểu trườn:** Ruột non heo, vị đắng, tính hòa bình không độc, bổ tâm, thanh nhiệt, hòa tang, công hiệu nhiều kể không hết.

**404. Trư noán:** Hoàn đái heo, vị ngọt, tính ấm, không độc, trị bệnh rất hay, trừ phong cổ tật, trùng lao truyền nhiễm, cổ độc, phạm phong, đau ngực hành và đau bụng dưới.

**405. Cẩu nhục:** Thịt chó, vị chua mặn, tính nóng không độc, tráng dương, ích thận, bổ lao thương, ấm bụng, cổ tinh túy.

**406. Dương nhục:** Thịt dê, vị đắng ngọt, tính rất nóng, ích cho tâm tỳ, bổ được hư lao hàn lạnh, trừ kinh giàn, trị bị gió chống mặt, đau lưng, liệt dương.

**407. Thùy ngưu nhục:** Thịt trâu, vị ngọt, tính mát, không độc, ích dạ dày, hòa tỳ, bổ gan cốt, trị đau phong và thủy thũng.

**408. Hoàng ngưu nhục:** Thịt bò, vị ngọt, tính ấm, ích khí, ấm tỳ, trị chứng lung và chân đau cứng lại, làm cho hết khát và hết chảy nước miếng.

**409. Ngưu giác:** Sừng trâu, vị đắng, tính hàn, không độc, trị đau đầu, nhiệt độc thương hàn, chứng đái ra cát sỏi, hay ra máu, phong đàm và cổ họng sưng đau.

**410. Ngưu giác tai:** Nò sừng trâu, vị đắng, tính ấm, không độc, trị bệnh rất tốt, chữa chứng băng huyết, bạch đới, đại tiện ra huyết, di lý, máu cục và đau bụng.

**411. Hoàng minh giao:** Cao da trâu, vị ngọt, tính bình, không độc, trị nhọt lở, các bệnh huyết, đau phong hàm kết, ho lao.

**412. M้า nhục:** Thịt ngựa, vị đắng, cay, tính nóng, có độc, lớn gân, mạnh xương, chữa chứng xương sống lưng yếu liệt, tê bại và nhiệt khí, lở đau, rụng tóc.

## XVI - LOÀI THÚ RỪNG

**413. Hổ hìn h cốt:** Xương ống chân hùm, vị cay, tính ấm, không độc, trừ các chứng đau phong, lao truyền, chó dại cắn, kinh phong lở loét. Khi dùng đập vỡ vỏ tùy đi, rồi tẩm mõ sưa hoặc dấm, hoặc rượu, mà nướng tùy từng phương thuốc mà tẩm dùng.

**414. Hổ nhục:** Thịt hùm, vị mặn, tính bình, không độc, trị được âm tà tích khí và trừ bệnh sốt rét, nôn ợe.

**415. Báo nhục:** Thịt Heo, vị mặn, tính bình, không độc, béo bổ, ăn vào chịu được rét được nóng, mạnh xương nở gân, điều hòa 5 tang.

**416. Tượng nhục:** Thịt Voi, vị ngọt, tính bình không độc, thông được tiện bể, chữa được chốc đầu, rung tóc, ăn thịt nó nhiều, thì nặng minh.

**417. Tượng nha:** Ngà Voi, vị ngọt, tính hàn, không độc, trị chứng nóng âm i trong xương, kinh giản, bụi bay vào mắt, hay mắc xương.

**418. Tê giác:** Sừng tê ngưu, vị mặn, đắng chua, tính hàn, không độc, giải các nhiệt độc, trị nhọt lở, cổ trướng, bệnh mất máu, phong cuồng, sốt rét và ôn dịch.

**419. Lê ngưu giác:** Sừng bò tốt, tính hàn, không độc, giải nhiệt, mát tim, trị động kinh, trừ huyết nóng, hoảng hốt.

**420. Dã trư nhục:** Thịt Lợn lòi (heo rừng), vị ngọt, tính bình, không độc, bổ 5 tang, nhuận da thừa, trừ chứng động kinh, chứng sốt rét, trị băng huyết, ly ra huyết và phong nhiệt.

**421. Hào trư:** Con nhím chồn, vị ngọt, tính hàn, hay nhiễm độc, thịt rất béo lợi được đại trướng, tiêu cổ trướng, trị nhiệt phong.

**422. Hùng dởm:** Mật gấu, vị đắng, tính hàn, không độc, thấu khắp da thịt, mát tim, sáng mắt, giết trùng ghé, thoái nhiệt, trừ phong, chữa bệnh tri mạch lươn.

**423. Linh dương giác:** Sừng dê rừng trắng, vị mặn, tính hàn, không độc, trị cổ trướng, mụn, thấp, phong nhiệt, kinh giản, loạn huyết, liệt dương và chướng khí.

**424. Sơn dương:** Dê rừng, vị ngọt, tính nhiệt, lành, rất bổ dương, trị bệnh lao, lam chướng, bệnh ly, bạch đới và cứng gân cốt.

**425. Lộc nhục:** Thịt hươu, vị mặn, tính ấm, không độc, dưỡng vệ hòa vinh, bổ dưỡng khí huyết, mạnh xương túy, chữa mọi chứng lao tổn, hay nói không xiết.

**426. Lộc giác:** Sừng (gạc hươu), vị mặn tính ấm, không độc, bổ dưỡng rất tốt, nhẹ minh, chữa đau, trừ mụn lở, bạch đới, di tinh.

**427. Lộc nhung:** Sừng hươu non, vị ngọt tính ấm, không độc, bổ khí huyết, mạnh xương túy, chữa mọi chứng lao tổn, hay không kể xiết.

**428. Lộc huyết:** Tiết hươu, vị mặn, tính ấm, không độc, bổ hư lao, tráng dương, chỉ huyết, trị đau lưng, héo phổi và đau ngứa.

**429. Mè nhục:** Thịt nai, vị ngọt, tính bình, không độc và rất tốt, bổ trung, ích khí, sinh huyết tốt, trị đau lưng, đau chân, hòa 5 tang.

**430. Mè giác:** Sừng (gạc) nai, vị ngọt, tính nóng không độc, bổ dương, thêm huyết, thêm tinh túy, chữa tê thấp, trừ phong và chứng đau về khí.

431. **Kỷ nhục:** Thịt Cheo, vị ngọt, tính bình, không độc, và điều hòa, trừ được 5 bệnh tri và uệch thấp, thịt nő tắm gừng và dấm mà ăn thi bệnh tự khỏi.

432. **Chương nhục:** Thịt Hoẵng (Mễn), vị ngọt, tính ấm không độc, bổ các tạng, trừ phong, thông sữa, tiêu sưng bướu, nấu ăn, khiến người ta nhẹ mình thích chí.

433. **Xạ hương:** Dái con xạ (cây hương), vị cay, khí thơm, tính ấm, hóa được phong độc, trấn tâm, khai khiếu, giết tà trùng, chữa đau bụng khí hoặc huyết, bệnh đờm, bệnh ly, đều chữa được cả.

434. **Miêu nhục:** Thịt Mèo, vị ngọt chua, tính ấm, không độc, chữa được bệnh cổ độc, bệnh lao, bệnh đậu, và bệnh thử tri lâu năm cũng tiêu hết.

435. **Ly nhục:** Thịt Cáo, vị ngọt, tính bình, không độc, mà tư nhuận, bổ trung, ích khí, chữa chứng du phong, bệnh lao truyền thi, bệnh tri lở (mụn tri).

436. **Phong ly:** Cái Cu ly (Cù lân), tính nhát, thấy người thì rụt đầu lai, óc nó chưa được bệnh ôn dịch và bổ dưỡng cho người thêm thọ, nước dái nó trừ được bệnh cùi (hủi).

437. **Hổ nhục:** Thịt Cày vôi, vị ngọt, tính ấm không độc mà rất tư bổ, bổ hư, dưỡng tang, trừ phong độc, giải được cổ độc, trừ được tà, trị ngứa lở. Xét sách Bản thảo con hổ là ở hang, đầu nhọn, đuôi lớn minh tròn, chân ngắn, lông nó có ba sắc: đen, trắng và xám. Gọi Hổ là Ly, gọi Ly là Hổ đều sai.

438. **Lạc nhục:** Thịt Chồn, vị ngọt, tính bình không độc, bổ trung, ích khí, làm cho nở da thịt, trị cam mòn, cam trùng trẻ con.

439. **Chuyên nhục:** Thịt Cầy dông, vị chua, ngọt, tính bình, không độc, chữa chứng lao nhiệt ho khan, kiết lỵ, thủy thũng sáp nguy cùng công hiệu.

440. **Hoan nhục:** Thịt Cầy vẹn, vị ngọt chua, tính bình, không độc, bổ trung ích khí, làm cho nở da thịt, trị cam mòn, cam trùng trẻ con.

441. **Sài nhục:** Thịt Chó Sói, vị chua, tính nóng, có độc hại cho người, trừ đau lạnh, các chứng lở, 5 chứng cảm và chứng lỵ.

442. **Thổ nhục:** Thịt Thỏ, vị cay, tính bình, không độc, điều trung ích khí, hòa tỳ vị, giải nhiệt, trị đau tê.

443. **Sơn thát:** Con Sóc, vị ngọt, tính ấm, không độc, thịt có tính kích dục, chữa liệt dương rất hay, xương nó chữa bị thương vì tên độc bắn.

444. **Thủy thát:** Con Rái cá, vị ngọt mặn, tính mát lành, chữa phong ôn, ôn nhiệt, bệnh lao nóng, âm ỉ, tiêu nước, nhuận trường thông huyết.

445. **Lão thử:** Chuột đực, vị ngọt, chát, tính hơi ấm, không độc, chữa vết thương gây xương, ngã què, đâm chém bỏng lửa, trẻ con kinh giàn. Phân nó hai đầu nhọn nên thường gọi là lượng đầu tiêm.

446. **Vị bì:** Da Dím lon, vị đắng, hơi cay, tính không độc, giết được trùng bệnh tri, chữa được chứng hạ huyết, đau lưng, đau ruột, đau bụng, khí dồn lên.

447. **Di hầu:** Con Khi, thịt nő vị chua, tính bình không độc, chữa chứng sốt rét lâu ngày, bệnh lam chướng, bệnh ôn dịch và các chứng phong lao.

448. **Viên nhục:** Thịt Vươn, thịt mỡ và huyết của nó có tính tiêu nhẹ những chứng tri lâu năm và lở ghé liên miên thi dùng thịt nó trong ăn ngoài bôi đắp thi khỏi hết.

## XVII - CÁC THÚ NƯỚC

449. **Vũ thủy:** Nước mưa, vị ngọt, tính bình, không độc, rất trong sạch, ích khí, mát các tạng, dùng nước mưa sắc thuốc làm thang trừ được bệnh tật.

**450. Lộ túy:** Hạt móc, vị ngọt tính bình, không độc mà trong suốt, các bệnh lở ghẻ, trùng ly, và hú hao dùng nó mà sắc thuốc thì công hiệu rất chóng. Mùa thu, sáng sớm hứng những hạt móc đọng trên lá cỏ cây mà dùng.

**451. Đông lột:** Hạt sương sa, vị ngọt, tính hàn, không độc. Bệnh sốt rét, thương hàn, trùng độc rượu, mụn nách, tắc mũi, lấy nước sương hòa vào thuốc mà uống, khi lấy cũng như cách lấy nước móc.

**452. Bán thiên hà thủy:** Nước cọc rào, vị ngọt, tính hàn, không độc, sát trùng thuốc độc, khử tà, khỏi hoảng hốt, lại chữa bệnh dịch và lở ngứa.

**453. Trường lưu thủy:** Dòng nước chảy, vị ngọt tính bình không độc, ích thận, can tỳ, bổ lao tổn, làm cho truyền kinh dẫn thuốc di khắp nơi. Dùng nước sôi và nước lạnh hòa lẫn nhau gọi là âm dương thủy.

**454. Tinh hoa thủy:** Nước giếng ban sớm, (lấy lúc giờ dần khi mặt trời chưa mọc chưa ai múc), vị ngọt, tính bình, không độc, giáng hỏa, tư âm, trấn tâm, ngừng băng huyết, sáng mắt, chữa lỵ.

**455. Tân cấp thủy:** Nước mới múc, tính thông hoạt, thông lợi tiểu tiện, hòa trung, thanh nhiệt, trừ nhọt sưng, giải độc, và khôi tiêu khát (đái tháo).

**456. Bích hải thủy:** Nước mặn, vị mặn hơi ấm, hơi độc, tắm nước mặn, trừ được ngứa, lở, lác (hắc lào), uống nước ấy trừ được đồ ăn định trệ lâu ngày và khôi bụng đầy.

**457. Địa tương thủy:** Nước mới xáo. Vị ngọt tính hàn, không độc, chữa chứng nóng, trừ hắc loạn, giải trùng độc, thật là thái thuốc quý. Dào đất sâu ba thước, đến lớp đất vàng làm chưng, lấy nước mới múc về đổ vào, khuấy cho đều, chờ cho lắng cặn, lọc lấy nước trong mà dùng.

## XVIII - CÁC THỦ ĐẤT

**458. Hoàng thổ:** Đất sét, vị ngọt, tính bình không độc, giải được các thủ độc, chữa các chứng ly và đau ruột.

**459. Đông bích thổ:** Đất vách đằng đông, vị ngọt, tính ấm, không độc, ấm trong lòng, trừ hắc loạn, dịch sốt rét, kiết ly và lác lở chảy nước.

**460. Thiên bộ phong:** Đất bậc cửa, tính bình không độc, mát và thông (tiêu đê), và khói đê, dùng nó rất hay. Chữa nhọt sưng, hột xoài NDQNP nói đất bùn khô giữa đường.

**461. Thổ phong sào:** Tổ tò-vò, vị ngọt, tính bình, không độc, trị nhọt lở, thương hàn, bệnh thời khí, hoảng đản, hắc loạn và hú phiền.

**462. Lang chuyền:** Đất bọ hung dùn, tính hàn, không độc, trị nhọt lở, thương hàn, bệnh thời khí, hoảng đản, hoắc loạn và hú phiền.

**463. Thủ nhưỡng thổ:** Đất chuột dùn, tính bình không độc mà mạnh, trị các chứng đau phong, gân co quắp, thũng độc.

**464. Nghị phong thổ:** Đất kiến dùn, vị ngọt, tính bình, không độc mà mạnh, chuyên trị thai chết nhau không ra, và tiêu được thũng độc và huyết xấu.

**465. Bạch nghị nê:** Đất tổ mối, tính bình, mát, không độc mà mạnh gấp bội, chuyên trừ nhọt độc, mụn lở, tiêu sưng, vỡ mủ.

**466. Khâu dân nê:** Đất trùn dùn, vị chua, tính hàn, không độc mà hùng mạnh, trừ mọi chứng lở sưng, thông quan, chữa lỵ huyết và nôn mửa.

**467. Tỉnh dê nê:** Đất lồng giếng (Bùn đáy giếng). Vị ngọt, tính lạnh không độc, chữa trẻ con nhiệt, độc ngứa, hoắc loan và động thai.

**468. Phục long can:** Đất lòng bếp, vị cay, tính ấm không độc, cầm máu, tiêu ụng nhợt, trị nôn ói, trú ứ phong, cầm nắng và điên cuồng.

**469. Thổ chuyên:** Đất Hòn gạch, vị cay, tính ấm, không độc, trị lỵ, hư hàn, chân đau tê thấp, đòn bà bạch đới, hôi bẩn.

**470. Xanh mặc:** Muội nồi (nhọ nồi, lợ nghe), có tên gọi là Bách thảo sương vị ngọt, tính ấm không độc, chữa bệnh yết hầu, cổ độc, xuất huyết, hoắc loạn, điên cuồng, lưỡi sưng.

**471. Ô long vĩ:** Mồ hóng bếp, vị cay đắng, tính hơi hàn, không độc, cầm máu, an thai trị nôn ói, đau bụng, nghẽn ách, sưng lở. Dùng thử trên nhà thông xuống mà trắng, chớ pha vào chỗ khói lửa vì có độc.

## XIX - LOÀI NGỦ KIM

**472. Tinh kim:** Vàng ròng, vị cay, tính bình, hơi độc, hòa huyết, trấn tâm, an 5 tang, trị bệnh nóng hầm trong xương, và bệnh phong. Vàng sống có độc, vàng đã tôt luyện không độc.

**473. Tinh ngân:** Bạc cháy, vị cay tính bình, có độc, yên hồn, định phách, nhẹ minh, trị phong nhiệt, điên cuồng, rửa chữa mắt mờ.

**474. Xích đồng tiết:** vảy đồng đỏ, vị đắng, tính bình, hơi độc, trừ mệt màng mộng, đòn bà đau bụng, bị phong rút uốn ván và hôi nách. Khi dùng lấy đồng đỏ nung vào lửa cho hồng, tôt vào nước cho ròi ra từng miếng, cứ nung và tôt như thế ít lâu mà lấy dùng.

**475. Đồng thanh:** Thỏi (Rì) đồng xanh, vị chua, tanh, tính bình, hơi độc, cầm máu, trừ đậm, ứ huyết, chữa đau mắt, dinh nhợt. Có tên gọi Đồng lục, khi dùng lấy đồ đồng đánh cho sáng, bôi dấm vào cho đều, úp xuống đất 3, 4 ngày sinh rì xanh cao lấy mà dùng.

**476. Ô duyên:** Chì, vị ngọt, tính hàn, không độc, yên dạ dày, trấn tâm, trừ chất độc trong các thuốc kim thạch, bền răng, sáng mắt, trị ghẻ lở.

**477. Hoàng đơn:** Đơn, vị hơi cay, tính hơi hàn, không độc, hòa vị, trấn kinh, trừ bệnh sốt rét lâu năm, sát trùng, cầm máu, chữa ghẻ lở.

**478. Mật dà tăng:** Khoáng (Cặn), lò bạc, vị mặn, cay, tính bình, hơi độc, hòa tạng, an tâm, ngừng nôn mửa, đi lị, sát trùng, chì huyết, chữa bệnh trĩ loét.

**479. Huyền tích:** Thuốc trắng gương, vị ngọt, tính hàn, không độc, mềm dẻo, trừ độc thạch, tín, trị giang mai và phong lở ghẻ ngứa.

**480. Khổng phương huynh:** Đồng tiền kẽm, vị cay, tính bình, có độc, trị 5 chứng lâm lậu, đau bụng, kho đẻ, đau mắt.

**481. Thiếc:** Sát, vị ngọt, tính bình, cứng rắn, không độc, chữa thương tích, ngực tức đầy, tiêu thức ăn, mát trong lòng.

**482. Thiết y:** Tết sát (Rì sát) Trị đinh nhợt ghẻ lở, phong ngứa, đi tinh, khó đẻ, rắn cắn, sâu cắn.

## XX - LOÀI ĐÁ

**483. Thạch nhũ:** Đá thạch nhũ, vị ngọt, tính ấm, không độc, bổ tinh, yên ngũ tạng, trị ho, đái buốt, lợi khíếu, trắng dương, bổ lao tổn. Sinh ở trong hang núi đá nước đá chảy xuống gặp lạnh, đọng lại thành cục trong trắng như lụa.

**484. Thạch khôi:** Vôi, vị cay nồng, tính có độc, cầm máu, sát trùng, chữa trĩ, bạch đái, khó đẻ, và các chứng lở.

**485. Phù thạch:** Hòn đá nỗi (đá bọt), vị mặn, tính bình không độc, giáng hỏa, trừ đàm, trị mắt mờ, đái gắt, nổi hạch, sưng dái.

**486. Đai giả thạch:** Hòn son, vị đắng, tính hàn không độc, yên hòn, trừ tà, trừ phong, trị bụng huyệt, đau bụng, lở âm hộ.

**487. Thạch yến:** Yến đá, vị ngọt, tính lành không độc, trị đi tả, đái buốt, bạch trọc, bạch đới, mắt mờ, đέ khó.

**488. Thạch giải:** Cua đá, vị mặn, tính hàn, không độc, giải thuốc độc, trị mắt mờ, thanh mạnh, ung nhọt, bệnh dịch và khó đέ.

**489. Tích lịch châm:** Lưỡi tằm sét, tính bình, không độc, trị kinh phong, giết trùng lao, chữa bệnh dai ra cát sỏi và ia chảy.

## XXI - LOÀI MUỐI KHOÁNG

**490. Thực diêm:** Muối ăn, vị ngọt, mặn, tính hàn không độc, chữa chứng khí nghịch, tích đờm, đau bụng, giết trùng độc, tiêu phè thũng, sưng lở.

**491. Tiêu thạch:** Diêm (Diêm tiêu), vị đắng, tính hàn, không độc, chữa bụng đầy trướng, họng tắc, bệnh tích tụ, đái buốt và đau bụng.

**492. Băng sa:** Hàn the, vị cay, đắng, tính hơi ấm, không độc, chữa chứng tích cục, đờm đọng, họng đau, nhợt lở và mắt mờ.

**493. Lưu hoàng:** Sinh (Diêm vàng), vị mặn, mùi hôi tanh, tính ấm, có độc, trị lở loét cổ trùng, thận lạnh, liệt dương, bổ lao, tổn, chặn cơ kinh giật trẻ con.

## XXII - THUỘC VỀ NGƯỜI

**494. Loạn phát:** Tóc r elői. Khi dùng phải đốt ra, vị đắng, tính hơi ấm, không độc, thông quan, cầm máu, chặn cơ kinh trẻ con, chữa các chứng lỵ, lở và đậu mùa (Lược)

**495. Tráo giáp:** Móng tay, vị ngọt mặn, tính hàn không độc, công dụng khai thông, thúc đέ, thông đái buốt, cầm máu, chữa chứng phạm phòng và chứng cảm gió. Dốt tốn tinh cho uống vào là khỏi ngay.

**496. Nhân nha:** Răng người, vị ngọt hơi đắng, mặn tính có độc, công dụng chữa sốt rét, nốt đậu bị hầm, lao trùng, nhợt lở và cổ độc.

**497. Nhân phần:** Phân người, tính hơi hàn, không độc, thương hàn, sốt nóng phát cuồng mụn độc, nốt đậu bị hầm, bệnh lao nóng âm (đốt ra tro láng nước mà dùng).

**498. Đồng tiểu tiệm:** Nước đái trẻ. Tính hàn không độc, nhuận tim phổi, trừ lao, chặn ho, tiêu máu cục trong bụng, chỉ huyết, sát trùng, thanh nhiệt. Dùng nước đái con trai độ 6, 7 tuổi trở xuống mạnh khỏe là tốt, khi lấy bò 4 giọt đậu và 4 giọt cuối đừng dùng.

**499. Nhũ tráp:** Nước sữa người, vị ngọt, tính mát không độc, bổ khí huyết, chữa hư lao, đau mắt, phong cầm khẩu.

## XXIII - NHỮNG VỊ THUỐC LỌM LẶT THÊM

(Bản thảo thập dị) gồm 87 vị (15)

- |                    |   |
|--------------------|---|
| 1. Bách thiên liệu | - Lá đơn tía (lá trên thi xanh, dưới thi tía) |
| 2. Dăng lung thảo  | - Cây thù lù                                  |

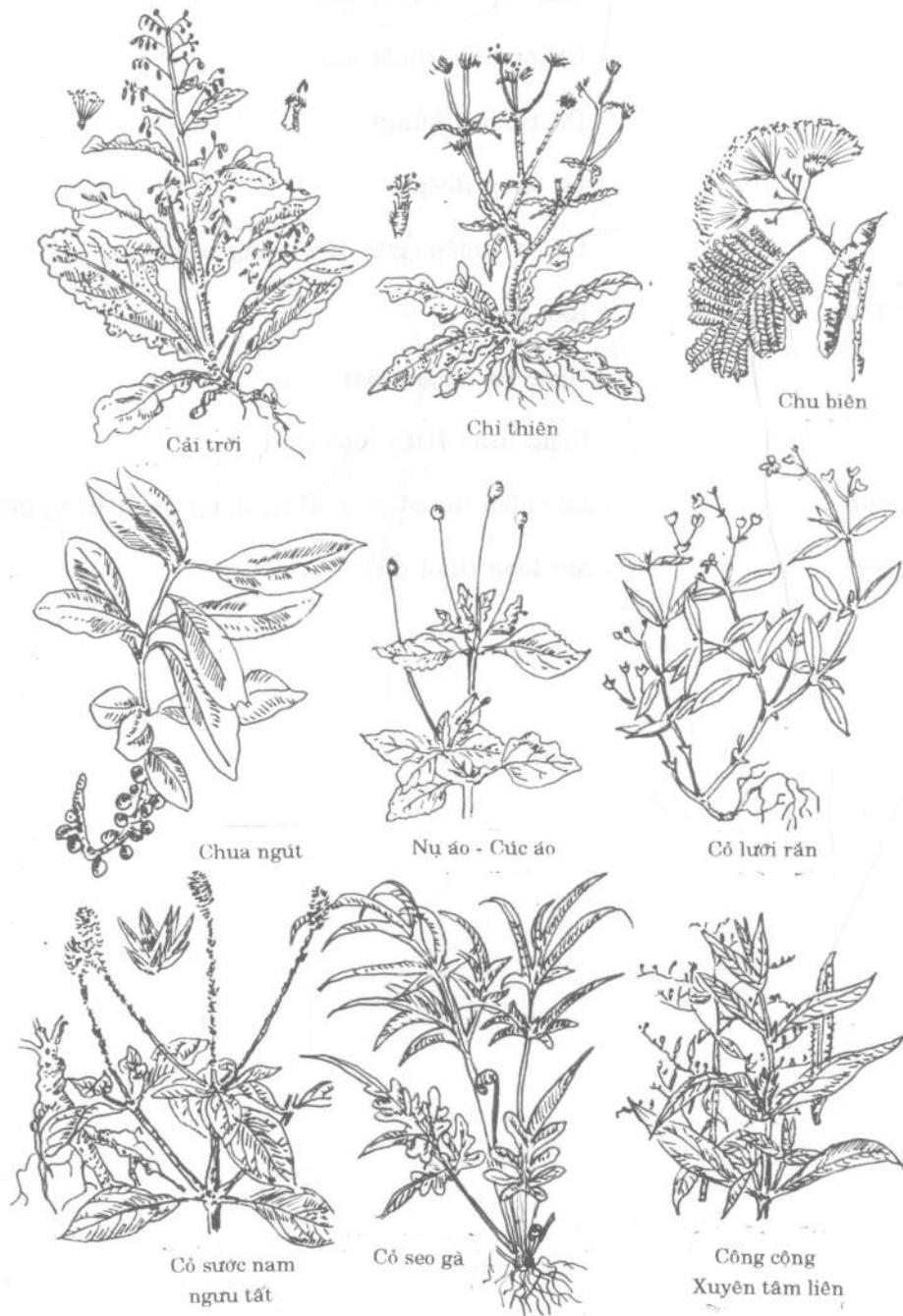
15. Phần này do đời sau chép thêm, có một số vị gọi nhầm. Sách in năm 1961 chỉ có 63 vị, sau in lại một lần thêm 19 vị, và lần in năm 1908 lại thêm 5 vị thành 87 vị (bản A.3024). Dây dịch nguyên văn, chú thích của nguyên bản để trong (vòng đơn) đánh chính để trong ngoặc vuông.

- 3. Hoạt lộc thảo
  - Cây xương sông
- 4. Thanh táo
  - Cây trường sinh
- 5. Kê tràng thái
  - Rau giệu
- 6. Du lòng thái
  - Rau dừa nước
- 7. Thu đào
  - Cây ké ướm lá nở tày trong lòng bàn tay, có lông hoa đỏ như hoa đào
- 8. Đại liễu
  - Cây Nghê
- 9. Dã già
  - Cà cỏ
- 10. Bạch đồng nữ
  - Cây mấn trắng
- 11. Xích đồng nam
  - Cây mấn đỏ
- 12. Mộc hộc
  - Cây khô mộc (Lá như lá Thạch hộc, hoa đỏ, hay leo các cây)
- 13. Châm thảo
  - Cỏ may
- 14. Tạo phàn
  - Cây phèn đen
- 15. Sơn phục cân
  - Ráy sán sục (Thiên niên kiện)
- 16. Thanh tân thảo
  - Cỏ màn trầu
- 17. Trần sa lực
  - Cây vuốt hùm
- 18. Tục cốt dằng
  - Dây đau xương
- 19. Xích chu dằng
  - Dây canh châu
- 20. Khổ luyện dằng
  - Dây tằm bóp (xoan leo)
- 21. Chấp miên dằng
  - Dây bạc sau
- 22. Lão bồ dằng
  - Dây bồ dài
- 23. Bạch phẩn dằng
  - Dây chìa vôi
- 24. Thanh long dằng
  - Dây lồng trống
- 25. Mỵ thảo
  - Cải rừng
- 26. Cửu ngưu dằng
  - Dây rau ráu
- 27. Đại bi dằng
  - Dây lảng rừng
- 28. Tích tịch cân
  - Củ tầm sét
- 29. Thổ ty dằng
  - Dây tơ hồng
- 30. Đại cung dằng
  - Dây lôi tiên
- 31. Triệt lộ dằng
  - Dây mơ
- 32. Bất xá
  - Cây trái nhót
- 33. Ngù tráo long
  - Dây vỏ dé hay leo lá tay bàn tay có lông, có 5 ngạc [Dây quai bị]
- 34. Kim anh dằng
  - Cây hoa chiêng chiêng
- 35. Thương lục
  - Cây niệt [Thương lục]
- 36. Mộc lân
  - Cây vẩy ốc [Dây trâu cổ]
- 37. Trúc thảo
  - Cỏ môi (hay mọc dưới nước)
- 38. Cầu khuẩn
  - Cây lợ chó [Nấm chó]

- 39. Ô nha tử
  - Trái tràm (hay trôi sông)
- 40. Đã khổ luyện
  - Cây sầu đâu (rừng) cây nhỏ, mọc ở gần nước
- 41. Độc giả
  - Cà độc dược
- 42. Dung thụ
  - Cây đa
- 43. Huyết dụ
  - Cây phất dù
- 44. Phi tử
  - Chua ngút
- 45. Cát bối
  - Cây bưởi bung
- 46. Yêu dào tử
  - Quả doi
- 47. Thuyết cǎn
  - Rễ kim luông
- 48. Trợ quân lương
  - Quả sim
- 49. Phù lão
  - Cây lầu (hay nấu nước làm sữa)
- 50. Hoàng chi cǎn
  - Rễ cây Vô đé
- 51. Tử niêm
  - Cây săn (hay già vỏ nhúng chài lưới)
- 52. Bạch lực
  - Rễ cây quít rừng
- 53. Dã vō hoa
  - Cây ngái sung
- 54. Lâu lô
  - Cây dứa [dùng thay]
- 55. Hoàng lực
  - Rễ cây trắng
- 56. Thanh dương tử
  - Cây gàng
- 57. Động lực
  - Rễ cây bài nậu [Cây tầm song, cây cam trời]
- 58. Kim phượng diệp
  - Cây lá mỏng [Cây kim phượng]
- 59. Hoàng nàn
  - Vỏ doãn
- 60. Hồ diệp cǎn
  - Rễ cây bướm bướm
- 61. Nhuy nhân
  - Hột cây cuốn
- 62. Bạch niêm
  - Cây mua
- 63. Mộc ngưu
  - Hoa ngâu
- 64. Thanh mộc hương
  - Vỏ cây khổ lồ [Dây khổ rách]
- 65. Hoàng oanh bì
  - Vỏ cây đuối
- 66. Bạch long bì
  - Rễ chu bién
- 67. Ưu đàm
  - Cây sung
- 68. Tân di thụ
  - Cây đa lông
- 69. Miên hoa
  - Bông vái
- 70. Ngũ gia bì
  - Vỏ cây chân chim
- 71. Thùy dương liễu
  - Cây gạo nước
- 72. Miên tử
  - Hột bông vái
- 73. Mẽ ẩm
  - Nước cơm
- 74. Mẽ trấp
  - Nước vo gạo
- 75. Ban biển ngư
  - Cá mén ở nước mặn (nhỏ bằng 3 hoa tay hình như cá mồi mình có đồi mồi)

- 76. Toàn yết
  - Bò dán trong thuyền [Bọ cạp]
- 77. Xú trùng
  - Bọ xít
- 78. Xú sát
  - Con rệp ở giường sập
- 79. Xú thủ
  - Chuột chù (chuột xạ)
- 80. Bại cổ bi
  - Da trống (thủng)
- 81. Kim bạc
  - Lá vàng thiếp
- 82. Ngân bạc
  - Lá bạc thiếp (giấy tiền vàng bạc).
- 83. Đông phong thái
  - Rau ngót
- 84. Đại ô miết
  - Ngạc ba (chẳng ba)
- 85. Câu dằng
  - Bòng bong [Dây mọc câu]
- 86. Nha nhiêu dằng
  - Lá chiều (lá có lông nhán dùng đánh bóng đồ)
- 87. Câu xú dằng
  - Mơ lông (thối địt)

Bảng II



<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYẾN I**

**CÁC BỆNH TRUNG**

## I - TRÚNG PHONG

Trúng phong là dấu các bệnh, biến hóa là thường và phát bệnh khác biệt, triệu chứng như thình linh ngã ngất, hôn mê bất tỉnh, miệng mác méo lệch, sùi bọt mồm bọt miếng, bắn thân bất toại, nói lâng ú ớ, chân tay cứng đờ không co duỗi được, các chứng trạng như thế đều là trúng phong cả, khi gặp các chứng nguy nan này thì hãy kíp xem các phương sau đây mà chữa.

### 1. Kinh trị trúng phong, bất tỉnh nhân sự, sùi bọt miếng, cấm khẩu, tay chân không cử động, uống thang thuốc này thời không thành phế tật.

Trắc bá diệp (bò cành) 1 nắm, Hành trắng cả rẽ 1 nắm, Giả nát, nấu với nước một thang (1) rượu ngon, sôi vài дол thì uống. Không biết uống rượu thì sắc với nước cũng được. (Một bản khác chép: "Như không uống rượu được 1 lần thì có thể chia làm 4, 5 lần mà uống" (2).

### 2. Kinh trị trúng phong, cấm khẩu, không nói được, tâm phiền hoảng hốt, tay chân không cử động hoặc đau bụng, đầy hơi, hoặc có lúc ngất đi rồi lại tỉnh.

- *Dát lòng bếp* 5 tháng <sup>(1)</sup>, tán nhỏ, quấy đều với 8 thang nước, lâng lấy nước trong, cạy miệng người bệnh đổ dần dần vào, tỉnh thì thôi.

- *Hạt đen* lớn hạt, nấu bỏ bã lấy nước, cô thành cao mà ngâm, dùng lâu mới công hiệu.

- *Hoa Kinh giới* 2 đồng cân (đồng = đ/c<sup>(2)</sup>). Tán nhỏ uống với rượu là khỏi ngay, thực là thuốc trị phong hay độc nhất.

- *Hạt cải*: 1 cáp. Tán bột sắc với 2 chén dấm, sắc còn một nửa đem bôi dưới gốc hàm,

- *Hạt cải củ*, hạt bồ kết. Mỗi thứ 2 đồng, sắc với nước mà uống, nửa được thì khỏi.

### 3. Kinh trị trúng phong, miệng câm, sùi bọt miếng, tay chân không co duỗi được, bất tỉnh nhân sự:

Nước vòi mang tre (trúc lịch) 2 đồng, nước cốt gừng (khương trấp) 1 đồng. Hòa đều mà uống, khỏi ngay.

- Y phương trên, thêm vào một phần nước sắn dây tươi và một chén mật ong.

- *Nam linh* tán bột cho vào một ít long não, chế thuốc vào ngày mồng 5 tháng 5, khi dùng lấy ngón tay giữa chấm thuốc xát vào răng hai ba mươi lần, thì miệng tự nhiên mở.

- *Bồ kết* 10 quả, bỏ vỏ, bôi mõ lợn nướng vàng, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng.

Người mạnh uống hai đồng, uống với rượu và nước sôi hòa lẫn, mửa ra phong đậm thì thôi uống.

- *Dây bồ dài*, *Thạch xương bồ*, lá kê dầu ngựa, *Rễ chu biền*, *Dây lăng rừng*. Các vị đều nhau làm 1 thang, thêm 3 lát gừng, sắc với nước, uống nóng.

- *Bà đậu* bọc nhiều lớp giấy bẩn, ép cho dầu thấm ra giấy rồi cuốn giấy lại như đếu thuốc, đốt cháy lên lại thổi tắt đi, hun khói vào lỗ mũi, tức thì thấy cháy được nước dãi hoặc mửa ra máu độc thì sống.

- *Bọ cap (toàn yết)* 1 con, dùng lá bạc hà gói lại đốt cháy rồi tán cả hai thành bột, uống một lần với nước sôi, nếu chưa đỡ thì làm lại cho uống một lần nữa (đã có kinh nghiệm).

(1) Đơn vị cân lường đời xưa: - Cáp tương đương với 10g. Thang = 10 cáp tương đương 100g. Đầu = 10 thang tương đương 1kg. Thạch = 10 đầu bằng 10kg.

2. Đồng cân (D/c) bằng 3,75g (trong việc kê đơn thuốc được tính 4g tròn). Lạng = 10 đồng cân, 1 cân tàu là 16 lạng bằng 600g.

- *Quất hông* 5 lang, thái nhỏ, sắc với 3 bát nước sôi, còn một bát cho uống lúc còn nóng rồi uống thêm nước nóng để gây nôn. Đây là nghiệm phương của các đạo gia.

- *Hạt cải củ, bồ kết* 2 vị bằng nhau, tán nhỏ liều uống 2 đ/c với nước nóng, mửa ra đờm đặc thì thôi.

#### 4. Kinh trị trúng phong, lưỡi cứng không nói được con người không động trong ngoài phiền nhiệt.

- *Gà mái den 1 con*, làm thịt bỏ lông, ruột, rửa sạch đổ vào 5 thăng rượu để nấu canh 1 nửa, lấy nước đó chia làm 3 lần uống, còn thịt gà thì lấy hành tăm, gừng và gạo nấu cháo mà ăn; ăn xong đắp mình kín cho ra mồ hôi là đỡ.

#### 5. Kinh trị trúng phong, khí nghịch, tay chân lạnh ngắt, mửa toàn nước trong, vật vã kêu la.

Quế một lượng (1), *Nước lá* một thang rưỡi sắc còn một nửa, chờ nguội cho uống.

#### 6. Kinh trị trúng phong, tê lạnh, cấm khẩu bất tỉnh nhân sự.

*Chất trắng trong cút gà 1 vốc*. Sao vàng chế vào 3 chung rượu, quấy đều chờ lắng trong bồ bả, lấy nước cho uống.

#### 7. Kinh trị trúng phong, trúng khí, sặc đờm, bất tỉnh nhân sự hàm răng cắn chặt, đổ thuốc không vào.

*Bán hạ* tán nhỏ dùng một ít thổi vào lỗ mũi cho nhảy mũi thì khỏi.

#### 8. Kinh trị trúng phong, miệng mặt méo lệch mửa ra đờm dài, miệng nói ú á, chân tay xuôi rú.

*Cỏ hy thiêm*. Ngày 5 tháng 5 hoặc mồng 6 tháng 6 âm lịch, hái lá, rửa sạch, rưỡi rượu, cho vào chõ mà đồ, một thời gian lấy ra, chờ nguội lại rưới rượu rồi đồ nữa, làm như vậy chín lần, rồi đem phơi khô, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt Ngô đồng (3) mỗi lần uống 100 viên, và lúc đói bụng, với nước cơm rất hay.

#### 9. Kinh trị trúng phong méo miệng, cùng trị chứng phong 30 năm:

*Lá thông tươi* 1 cân, giã nát ngâm với rượu 2 ngày đêm, hơ gần lửa 1 ngày đêm rồi đem ra dùng, lần đầu uống nửa thang, dần dần tăng lên một thang thấy đầu mặt ra mồ hôi là khỏi.

#### 10. Kinh trị tất cả các chứng phong bán thân bất toại và miệng mặt méo lệch:

*Kinh giới tươi* 1 cân, *Bạc hà tươi* 1 cân. Cho vào cối đá giã nát, dùng vài lụa bọc vắt lấy nước cốt, bồ bả cho vào nồi đất cõi thành cao, chia làm 3 phần, hai phần đem phơi khô tán nhỏ, còn một phần làm cao, nhồi lại viên bằng hạt Ngô đồng.

Ngày uống 30 viên với nước chín, uống vào lúc sáng và tối lúc sắp đi ngủ.

Kiêng ăn đồ động phong (4).

- *Bồ kết* bồ vỏ đen tán nhỏ, *Giá mía* lâu năm (3 năm). Hòa lại sền sệt như bùn, méo miệng bên trái thì bôi bên phải, méo bên phải thì bôi bên trái, khô thời bôi nữa, bôi đến lúc hết méo thì thôi.

- *Hạt thầu dầu* 36 hạt, dùng giấy bìa gói lại nhiều lớp, ép cho ra hết dầu. *Lươn vàng* 1 con, cắt đầu lấy máu nhào với thuốc trên, đem bôi ở khóe miệng góc hàm và lòng bàn tay, hẽ lệch bên này thì bôi bên kia.

3. Hạt ngũ đồng: cõi bằng hạt đậu xanh, độ: 0,03g.

4. Đồ ăn động phong: thịt bò, thịt gà, thịt ngựa, cá chép, tôm, cua, cá biển, mắm tôm... và những chất cay nóng kích thích, nếu là bệnh ho mà ăn vào thì ho thêm nhiều; nếu là bệnh ngoài da mà ăn thì phản ứng ngứa dữ.

- Dùng *Bán hạ* sắc lấy nước đỗ vào bình sành, thửa lúc đang nóng chườm lên lòng bàn tay. Lại dùng lá *võng* đem hơ nóng, đem áp vào chỗ méo, người thì hơ lại làm một lát thì khỏi.

- *Ba đậu* 7 hạt, bóc vỏ, nghiền nhò, bôi vào lòng bàn tay, hẽ méo bên này thì bôi bên kia, lại lấy một bát nước nóng chườm lên chỗ bôi thuốc, chốc lát bệnh khỏi thời rửa đi.

- *Nam tinh*, tán bột hòa với nước cốt gừng mà bôi, cứ méo bên này thì bôi bên kia.

- *Voi mói nung*, tán nhò sao, nhào với giấm như bùn mà thôi, méo bên này thì bôi bên kia.

- *Con hai đuôi* 4, 5 con, nghiền nát, đem xát hai bên lỗ tai, hẽ méo bên này thì xát bên kia.

- Lấy hai phần *Mù đuối* (Hoàng oanh thụ) hòa với một phần máu lươn vàng, trộn đều, trát lên mành giấy mà dán, méo bên này, thì dán bên kia, hết méo thì thôi.

- *Quế tâm*, nấu với rượu, lấy giẻ chấm mà xát, méo bên này thì xát bên kia thường dùng rất hay.

- *Đậu đen xanh lòng* 3 phân sao chín cho bốc khói lên, chế 5 phần rượu vào, ngâm vài ngày gọi là rượu Đậu Lâm mỗi lần uống 1 thăng, đập mềm cho ra mồ hôi vừa vừa, hẽ thấy da nhuộn lại thì khỏi.

**11. Truyền phương trị 36 chứng phong 16 chứng tê chân tay không co duỗi được, hoặc xương mềm liệt (cốt huy) đều hay cả.**

*Thạch xương bò*, ngâm với nước vo gạo, rửa sạch, ky đồ sát, dùng chày gỗ già nát ngâm với rượu mà uống, hoặc chế làm viên uống cũng hay.

**12. Kinh trị chứng trúng phong, thỉnh linh tay chân co rút không cựa được.**

*Đậu đen xanh lòng* 3 thăng, cho vào chỗ mà đồ, đồ giấm vào hai thăng, đang khi nóng bung đồ xuống đất rồi trải chiếu đậu lên cho bệnh nhân nằm; đập mềm áo nhiều lớp, chờ khi đậu nguội, thì lấy bớt mền dần dần, nhưng phải cho một người thò thay vào mền để xoa nắn, kéo chỗ bị co rút; rồi lại đồ đậu như thế làm nữa và cho uống thang Trúc lịch, làm như vậy ba ngày là khỏi.

**13. Kinh trị trúng phong, mình mẩy cứng đờ, không thể co duỗi, da cẩu không biết đau.**

*Vỏ cây kè* bỏ vỏ thô bên ngoài, lấy phần vàng trắng bên trong thái nhỏ, đổ vào một bát rượu và hai bát nước, sắc còn một nửa cho uống dần dần, hết thì làm thêm khói mới thôi.

- *Lá đào*, 1 bó. Đào săn một cái hố, chất cùi đốt đồ lên, rưới nước vào cho nguội, lót lá đào xuống cho bệnh nhân nằm, để gáy vào chỗ lén hơi, chờ ra mồ hôi thì thôi.

- *Vỏ cây quýt* thái mỏng một thăng, rượu 2 thăng. Ngâm 1 đêm, mỗi lần uống 1 chén, uống đến khỏi bệnh thì thôi.

**13b. Kinh trị chứng phong nhiệt chạy khắp thân thể tự như sâu bò, và tất cả các chứng phong khí:**

- *Muối* 1 đấu (1) nấu nước tắm 3, 4 lần sẽ khỏi.

**14. Kinh trị tất cả các chứng phong, tê liệt tay chân, nhức cả đầu, hay nhức một phía, miệng mắt méo lệch và các bệnh phong khác:**

- *Bèo ván tía* lấy ngày rằm tháng bảy, phơi khô, tán nhò, luyện mật làm viên bằng viên đạn, mỗi lần uống 1 viên với nước đậu đen ngâm rượu.

- *Bạch hổ* tán vôi lâu năm gõ bò dắt bắn, nghiền nhò, đổ nước vào l้าง trong, chất bò nước lấy vôi; mỗi lần dùng lấy 3 đồng cân sắc với 1 chén nước cạn cồn 7 phân cho uống rất hay.

- *Lá cành cây liễu* nửa cân già nát, kinh giới nửa cân cho vào nồi đất đổ vào nồi đất 5 bát nước, nấu còn hai bát, lọc bỏ bã rồi đổ vào 1 chén mật ong, 1 bát nước măng tre (trúc lich) đổ chung vào 1 cái hũ, bịt kín miếng để vào nồi lợ (hay chảo) mà chưng cách thủy.

Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 1 chén công hiệu (một bản khác chép thêm: "bệnh 1 năm uống 1 tháng, bệnh một tháng uống 5 ngày, rất công hiệu").

### 15. Trị chứng phong cong minh, uốn ván.

*Nam tinh, bán hạ.* Hai vị đều nhau, tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng, uống với nước măng tre và nước cốt gừng.

### 16. Kinh trị chứng phong, gân cốt không cử động được vì tê lạnh, các khớp xương đau, tay chân co quắp, hòn dai rất đau, nửa mình tê dệt, da tê dại.

- Lấy nhiều *dất chuột dùn* đem về phơi khô sao nóng, đổ vào vuông lụa, đùm lại đem chườm vào chỗ đau, người thì thay cái khác làm mãi sẽ khỏi, rất công hiệu.

- *Phân tằm* 2 đấu, đem đồ cho nóng, dùng lụa trắng gói làm hai đùm, đem chườm vào chỗ đau, người thì thay cái khác, vài ba lần thì kiến hiệu.

- *Ké dầu ngựa* dùng cành vè lá, rửa sạch già nát bỏ vào nồi đất, đổ nước nấu thành nước đặc, lọc bỏ bã cho sang qua nồi đất nhỏ lửa cô thành cao mỗi lần uống một mỗ muỗng canh với rượu hay nước đậu.

Kiêng ăn thịt heo, gà.

### 17. Kinh phong lao trúng độc, đau buốt, hoặc phong nhập vào bụng dưới, đau lưng.

*Đào nhân* một vốc (bỏ vỏ và dầu nhọn), sao đen, già nát như bùn, rượu 1 bát hòa đều mà uống, ra mồ hôi thì thôi, 3 ngày thì khỏi.

### 18. Kinh trị chứng phong, cùng trúng phong cầm khẩu.

- *Bach cương tằm* 7 con, cầu bò đầu và chân, sao vàng, dùng miếng nhục quế ngâm rượu uống đến khỏi thì thôi.

- *Quế* 1 miếng, để vào dưới lưỡi, ngâm nuốt nước, rất hay.

- *Quế* 3 đồng, tán nhò sắc với 2 chén nước còn một nửa uống cho ra mồ hôi là được.

### 19. Truyền trị chứng kê trào phong, miệng lập cập, tay run không cầm nỗi gì được.

*Ngũ gia bì* 5 phần, *Ngưu tất* (rửa sạch sao) 4 phần, *Thạch hộc* 4 phần, *Nhục quế* (cao bò vỏ), *Can khương* (sao) nửa phần. Nước 1 bát, trước dùng đồng tiền cổ đã ngâm sẵn trong dầu mè, mỗi lần dùng thì lấy một đồng tiền bỏ vào thuốc sắc chung, uống ấm bất kỳ lúc nào.

### 20. Trị trúng phong, phong tê, thấp tê, tê dại, tay chân tê liệt hoặc co quắp đau nhức, uống phương này, bệnh 1 năm uống 1 tháng, bệnh 1 tháng uống 5 ngày là cử động được, rất công hiệu.

*Rễ cây kim anh*, tùy bệnh nhân nặng hay nhẹ mà dùng nhiều hay ít, đem rửa sạch sao vàng, bỏ lớp vỏ đen, thái nhò, ngâm rượu ngon cho ra nước đặc, mỗi ngày thường uống, bắt kể giờ giấc hay nhiều ít.

## II - THƯƠNG HÀN

Thương hàn là một bệnh nặng có quan hệ đến sự sống chết của bệnh nhân nên lúc phát bệnh không thể không xét kỹ.

- Thái dương chứng thì phát sốt sợ lạnh, lưng gáy cứng đau.

- Dương minh chứng thì nóng, mắt đau mũi khô.
- Thiếu dương chứng thì đau ngực, đau sườn, ủ tai, miệng đắng, nóng rét qua lại mà ợ mửa.
- Thái âm chứng thì đau, họng khô, chân tay ấm, hoặc đại tiện lỏng, không khát nước. Hoặc bụng đầy mà lúc đau lúc không.
- Quyết tâm chứng thì phiền muộn, biu dai thusat.
- Thiếu âm chứng thì đòi mặc thêm áo, nằm co ớn lạnh hoặc lười khô miệng ráo
- Bệnh chính dương minh thì sốt từng cơn, tự ra mồ hôi, nói nhảm, khát nước, không sợ lạnh mà sợ nóng, tung bỏ mèn áo khoác tay múa chân, hoặc phát chứng hoàng ban, phát cuồng 5, 6 ngày không đi đồng được, bệnh trạng như vậy tùy từng kinh mà chữa, tùy từng chứng mà ứng biến mà cầu lệ chấp nhất.

Cố người hỏi: "Bệnh thương hàn do đâu mà ra" Trả lời rằng: "Mùa đông khí trời giá rét, nước đóng thành băng, nước đóng thành ván, khí hậu khắc nghiệt ấy người nào thân thể yếu mà cảm phải sinh bệnh. Đó là chứng thương hàn".

Nếu không phát bệnh ngay, nhưng hàn tà xâm nhập bí phu, ẩn phục ở vịnh vệ, đến mùa xuân ấm áp mà phát bệnh thì gọi là "ôn" đến mùa hè mới phát thì gọi là bệnh "nhiệt", cho nên thương hàn tuy chỉ là một bệnh, nhưng biến thành nhiều chứng trạng. Sách Nội kinh bàn về bệnh này rất nhiều không kể hết được, nay chỉ lược chép các phương để túy bệnh mà chữa.

**1. Trị thương hàn và thời khí, minh nóng, ớn lạnh, đau đầu, nghẹt mũi. Lúc mới cảm nên phát tán băng phương pháp này:**

*Hương tố ấm:*

*Hương phu mè* 3 đồng, *Tía tô* 2 đồng, *Trần bì* 1 đồng, *Cam thảo* 5 phân, *Gừng sống* 3 lát, *Hành tím* 2 nhánh. Nước một bát, sắc sôi vài долю cho uống còn nóng.

*Cách gia giảm:*

Dầu đau gáy *Thạch cao* 1 đồng, đau ở huyệt thái dương gáy *Kinh giới tuệ* 1 đồng, *Thạch cao* 1 đồng, thương phong thở dốc lồng ngực tức dày gáy *Chi xác sao* 1 đồng, *Tang bạch bì* 2 đồng.

Lạch bao tử không ăn uống được gáy *Thanh bì* (bò xơ trắng) 1 đồng *Chi xác* (bò ruột) 1 đồng.

Cảm phong lên cơn sốt, rét run lặp cập, gáy quế chi 1 đồng.

Đổ mồ hôi cung gáy *Quế chi* 1 đồng.

Thương phong đau lưng không thể cúi ngửa gáy *Đào nhân* (bò vò và hai đầu nhọn) 1 đồng, *Quan quế* (bò vò) 1 đồng.

Thương thực phát sốt mắt mờ, vàng da, gáy *Nhân trần* 1 đồng, *Chi tử* (bò vò) 1 đồng  
Đàn bà sắp có kinh bị cảm, nóng lạnh, gáy *Tô mộc* 1 đồng, *Hồng hoa* 1 đồng sắc uống.

**2. Kinh trị bệnh thương hàn mới phát, không cần biết âm dương gì cả.**

Bò kết to 1 quả. Đốt cháy tán nhỏ, hòa với nước cho uống, rất hay.

**3. Kinh trị thương hàn, nhức đầu nóng dữ dội trong ngực buồn bức khó chịu, 4, 5 ngày chưa khỏi:**

Ô mai 14 quả, muối 1 nhúm, nước 1 bát, sắc còn 1 nửa, uống ấm để gây nôn, sau khi nôn rồi tránh chấn gió thì sẽ khỏi.

**4. Kinh trị măt thương hàn mà thầy thuốc dòm không thể phân biệt được và kiêm trị được các bệnh thời khí lúc mới phát nhức đầu và nóng ở trong.**

Cát cát 4 lạng, Đậu sỉ 1 vốc. Nước hai tháng còn một nửa, uống nóng đập mềm áo cho ra mồ hôi, hoặc cho uống với nước gừng càng tốt.

**5. Kinh trị chứng thương hàn mới phát.**

Cho uống nước nóng, rồi móc cổ cho mửa thì đỡ. **6. Kinh trị thương hàn phát sốt 2, 3 ngày:**

Cát cát 1 lạng, Đậu sỉ 1 vóc, Đồng tiền 1 dâu. Sắc còn nửa dâu, chia cho uống, 3 lần. Nấu cháo giải cảm (5) cho ăn để ra mồ hôi là khỏi.

**7. Truyền phương trị thương hàn và trị chứng 4 mùa phát sốt, nhức đầu, đau xương sống, ớn lạnh, đổ mồ hôi, ngực đầy hơi, nôn mửa...**

Trần bì 10 phần, Cát cát 10 phần, Hương nhu 1/2 7 phần, Tia tô 5 phần, Thanh bì 5 phần, Gừng sống 3 lát, Hành tăm 1 tép. Sắc với nước uống khi còn đang uống nóng cho đổ mồ hôi thì khỏi.

Nhân trần 10 phần, Dây tơ rùng 10 phần, dây bò đồi 10 phần, Cát cát 10 phần, Tang bạch bi 3 phần. Rễ tranh 3 phần, Gừng sống 3 phần. Sắc với nước sôi và uống thi khỏi.

**8. Kinh trị măt loại thương hàn lúc mới phát vài ngày, chưa phân biệt là gì, và trị thương hàn đau đầu muộn vỡ.**

Hành trắng cà rĕ 4 lạng, Gừng sống 1 lạng, sắc với nước cho uống nóng ra mồ hôi là khỏi.

**9. Truyền phương trị thương hàn cùng 4 mùa nóng名师, nôn óc, các chứng:**

Gạo nếp (sao vàng) 1 vóc, Gừng sống (thái nhỏ) 1 củ. Nước 1 bát nấu thành cháo ăn nóng rất hay.

**10. Kinh trị thương hàn về mùa đông mồ hôi không ra được, uống thuốc giải biểu mà mồ hôi vẫn không ra:**

Lá tia tô nấu nước sôi đổ vào 1 cái chậu, lấy mền trùm hai đầu gối và bàn chân rồi xông và giảm, công hiệu không thể nói.

- Dùng gừng sống, già nhừ, lấy vài bọc lại đem xát khấp minh cho ra mồ hôi.

- Gừng và Hành, mỗi thứ một nửa tháng, nấu với 1 hộp nước, đổ vào 1 chậu lớn, lấy 1 thanh gỗ, gác qua miệng chậu, nằm ngừa mà xông, trên thì đập mềm kín, chỉ chừa chỗ mũi để thở ra được mồ hôi là khỏi bệnh.

- Gừng và hành cà rĕ, Đậu sỉ mỗi thứ đều nhau, già nhỏ, nặn thành bánh đặt lên rốn, lấy lụa buộc chặt cho ra mồ hôi thì thôi.

- Gừng sống 1 củ, Hạt dẻ cà vỏ, già nát 7 hạt. Hành cà rĕ 7 nhánh. Lá chè tươi 1 nắm. Sắc cho uống khi còn nóng, đập mềm kín cho ra mồ hôi khỏi ngay.

- Hạt cải già nhỏ đặt lên rốn, lấy đồ nóng chuồm ngoài áo cho ra mồ hôi, cũng hay.

**11. Kinh trị thương hàn đã uống thuốc phát tán và thuốc hạ mà nóng cũng không hết.**

Danh dành 14 quả, Can hương 1 lạng. Nước ba bát, sắc còn 1 nửa, uống hai ba lần cho nôn thì thôi.

**12. Truyền phương trị thương hàn nóng quá phát cuồng.**

- Đất lồng bếp 1 cục, già nhỏ, hòa với nước uống 3, 4 lần là khỏi.

---

5. Cháo giải cảm lạnh: gạo 50g nấu chín nhừ hòa vào 2 quả trứng gà, xắt hành nhô 2 tép, hội tiêu 10 hột tan nhô, ăn lúc còn nóng, rồi đập chân 15 phút cho ra mồ hôi.

- *Lòng tráng trứng gà* 1 cái, *Mật ong* 1 chén, *Phác tiêu* 3 đồng, nước lạnh 1 chén hòa đều mà uống, hoặc chỉ dùng 1 quả trứng gà đập vỡ hút sống cung khôi.

- *Long đởm thảo* tán nhỏ cho vào một cái *Lòng tráng trứng gà*, hòa với mật và nước, mỗi lần uống 2 đồng cân rất hay.

- *Cút trùn* hòa vào nước lạnh uống sẽ khỏi.

### 13. Kinh trị thương hàn nóng quá phát cuồng chạy bậy 5 - 7 ngày chưa hết:

- *Cây chuối con* 1 khúc (vài gang). Chẻ ra bỏ ruột, nhét vào 15 con trùn rồi bó lại, nướng chín vắt lấy nước cho uống khôi ngay.

- *Giun dát (trùn dát)* lớn vài chục con. *Đồng tiện* 1 bát. Nấu sôi mà uống, hoặc dùng sống giã nát, cho đồng tiện vào vắt lấy nước cốt mà uống.

14. Kinh trị thương hàn dương độc, nóng quá, cuồng loạn, lưỡi co khô đau, thở ra lỗ mũi như bốc khói.

*Vải xanh (ruột chàm)* 1 thước. Ngâm nước lạnh xấp lại hai ba lần đem ấp trên ngực cho phổi được mát mẻ, nóng sẽ tự lui.

15. Một kinh phương trị thương hàn dương độc, uống thuốc thông hả rồi mà hông ngực căng tức, đau nhói hoặc phát diên cuồng:

*Trùn khoang cổ* 4 con, *Nước gừng* 1 thìa, *Mật ong* 1 muỗng, *Nước bạc hà* 1 muỗng, *Phiến náo* nửa phần.

Nghiền đều cho uống dần dần, uống hết giây lát thấy dễ chịu, xoa vùng tim cho ngủ, đổ mồ hôi là khỏi, nếu chưa khỏi làm lại mà cho uống.

16. Một phương kinh trị thương hàn phiền nóng, ngực đầy tức, buồn bực ảo não, không dù hoặc lưỡi trắng, nếu ra mồ hôi hay hạ thì sợ khí sé hú, nên dùng phương này để chữa.

*Dành dành* bỏ vỏ 14 quả, *Đậu sị* 4 vốc. Nước 4 bát, trước nấu quả dành dành đến khi còn lại hai bát nước thì cho đậu sị vào, nấu còn một bát cho uống nóng, mửa ra thì khỏi, hoặc nôn ợ thì gia trần bì 2 đồng, gừng sống 1 đồng.

17. Kinh trị dương độc, kết tụ ở ngực, ăn vào thì rất đau, hoặc thông rồi lại kết tụ thở gấp, phát cuồng, hoảng, phiền loạn

*Giun dát (Trun dát)* 4 con. Rửa sạch, nghiền nát như cháo và cho vào nước gừng sống một ít, mật ong 1 muỗng, nước bạc hà giã sống vắt chút ít, hòa với nước mới múc mà uống. Giây lát ra mồ hôi thì khỏi, nếu chưa khỏi thì làm nữa cho uống.

18. Kinh trị thương hàn tức ngực, tim đau, bụng đau cứng:

*Hạt bìm bìm*, giã nhò, rây lấy bột lớp dầu 1 đồng cân, nấu nước đường cát trắng mà uống, đi đại tiện một chút ít là khỏi.

19. Kinh trị thương hàn thuộc về âm độc nguy cấp:

*Đậu đen* sao thơm, chể rượu vào, cho uống còn nóng nếu uống vào mà mửa ra thì lại cho uống lại, mồ hôi ra được thì thôi.

20. Kinh trị chứng thương hàn khỏi rồi mà đau hông ngực:

*Chỉ thực* sao với bột mì, mỗi lần uống 2 đồng cân, uống sau bữa ăn với nước cơm, rất hay.

21. Kinh trị thương hàn thuộc âm bệnh, vì hạ sớm quá, thành chứng tích dày dè tay vào bụng thì mềm mà không đau:

*Tân lang (Hạt cau)*, *chỉ thực*. Hai vị đều nhau tán nhò, liều dùng 2 - 3 đồng cân sác rẽ cỏ seo gà lấy nước mà uống, rất hay, hoặc uống với nước chín cũng được.

**22. Kinh trị chứng lạnh ngực đau không lâu, gáy không cứng, tức cứng trong ngực, khi xung lên cổ họng, thở không được.**

*Cuống dưa dát 2 đồng rưỡi sao vàng. Dậu đỗ 2,5 đồng, tán nhỏ; mỗi ngày uống 1 đồng cân, dùng đậu sị 1 vốc, nước 7 chung, nấu nhừ lọc bỏ lấy nước hòa với thuốc trên đây uống thêm dần dần, mửa được thời thôi, không nên uống nhiều.*

**23. Kinh trị thương hàn, ảo náo, phiền loạn chưa uống thuốc phát hán hoặc hạ mà không ngủ được là chứng thực phiền:**

*Cuống dưa dát tán nhỏ, như trên.*

**24. Kinh trị thương hàn thở dốc không thổi:**

*Tía tô 1 năm, Nước 3 tháng, sắc còn 1 tháng, uống dần dần rất hay. 25. Truyền trị thương hàn khi nghịch, phát nãc ngày đêm không ngót:*

*Tất trứng gà, riêng ấm 2 vị đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, nấu nước sôi mười đạo, chè vào chút ít dấm, uống ấm thì khỏi.*

**26. Kinh trị thương hàn, ợ nãc:**

*Chi xác sao qua 5 đồng. Mộc hương 1 đồng tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 đồng cân, uống với nước sôi chưa khỏi lại uống nữa.*

**27. Kinh trị thương hàn, nãc, tay chân quyết lạnh:**

*Trần bì 3 đồng, Sinh khương thái mỏng 6 đồng. Sắc với nước, uống nóng thời khỏi.*

- Theo như phương trên, gia 1 nắm tinh tre (Trúc nhụ).

**28. Truyền trị thương hàn thuộc âm chứng mẩn giường sờ áo:**

Lấy một nắm bùn chõ ruộng sâu hòa với nước cho uống.

**29. Truyền trị thương hàn, bốn mùa cảm mạo nhức đầu nôn mửa, ăn uống không vào:**

Rẽ lau, Tinh tre (Phoi tre), gừng sống mỗi thứ 1 lạng, gạo té 3 vốc, sắc uống.

**30. Truyền trị thương hàn, đau đầu, xương sống cứng dờ:**

*Hà thủ ô, Thạch xương bồ, Tang bạch bì đều kiêng sả, Thaćn cao. Các vị đều nhau xé tước nhỏ, sắc uống còn nóng. Phương khác gia thêm Cát cẩn.*

**31. Truyền trị thương hàn, miệng câm, mát nhấm:**

*Lá xương sống, lá he già nhỏ với nhau, hòa nước bô bâ cho uống.*

**32. Kinh trị thương hàn lưỡi thè dài ra, không rút lại được.**

*Bã dầu 1 hạt: gói vài lop giấy, cán cho hết dầu, thành bột, dùm giấy lại nhét vào lỗ mũi, thời lưỡi tự nhiên rút vào.*

**33. Kinh trị thương hàn, di dại tiện ra phân như thịt nát. Xích bạch rái bụng đau ví uất và trị các chứng nóng:**

*Dậu sị nửa vốc, Rẽ hẹ một vốc, Dành dành 7 quả. Nước hai bát, trước sắc dành dành cho sôi 10 đạo rồi cho rẽ hẹ vào, nấu sôi 5, 6 đạo nữa, lại cho đậu sị vào nấu cho cạn còn phân nửa, uống nóng.*

**34. Kinh trị thương hàn nội thương, phiền muộn, hoặc sau khi khỏi bệnh vì làm việc quá nhọc mà trở lại (dịch phục).**

*Rẽ cây lau rửa sạch già nát, sắc lấy nước cho uống.*

**35. Truyền vị vì mới ăn xong, di làm việc mệt, bệnh trở lại.**

- Vỏ trứng gà (thứ đã nở con rồi) đốt cháy, tán nhỏ, uống với nước nóng, mỗi lần 1 đồng cân, ra mồ hôi thì khỏi.

- *Hạt vóng vang*, 2 tháng, già nát *Hạt kê*, 1 tháng, nấu cháo cho ăn, ra mồ hôi thì khỏi.

**36. Kinh trị thương hàn do nhiệt độc công vào chân tay sưng nhức như muỗi rá rời.**

- *Nước dái dê*, 1 tháng, *Đậu si* 1 vốc. Giã nát với 1 dùm muối mà đập, khô thì thay cái khác, hoặc lấy phân dê nấu nước mà ngâm, ngâm đến lúc khỏi thì thôi.

- Thịt bò đẻ sống, lấy 1 miếng áp vào chỗ sưng nhức, thì hết ngay.

- *Cứt ngựa* quấy với nước mà phết vào, cũng khỏi.

**37. Kinh trị thương hàn, sinh vàng da.**

- Tóc rói, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần lấy 1 đồng tiền xúc, uống với nước đã nấu chín, mỗi ngày uống ba lần sẽ khỏi.

**38. Kinh trị thương hàn phát ban đỏ.**

- *Thanh dại* 2 đồng, nghiền nhão quấy với nước cho uống.

**39. Kinh trị thương hàn phát ban.**

- *Nước mật heo* 3 vốc, *Giảm thanh* 3 chén nhỏ, *Trứng gà* 1 quả. Trộn đều nấu sôi 3 dao cho uống để ra mồ hôi, người yếu thì chia ra làm 2, 3 lần uống.

- *Thiên khai hoàn*. Bài thuốc rất hay của nước Nam ta, chữa phong, hàn, thử, thấp sơn lam chướng khí, trúng độc.

*Trùn khoang* có 100 con, *Cua đồng* 100 con, *Bọ hung* 15 con, *Kim tinh*, *ngân tinh* tán nhỏ, lọc qua nước mỗi thứ 1 lạng. *Thạch cao* nung đỏ, tán nhỏ lọc qua nước 1 lạng, *Thường sơn* (ngâm rượu 1 đêm dọc bỏ gân lá) 1 lạng. *Dây bồ dài* 1 lạng, *Dây tảng rừng* 1 lạng, *Rêu đất* 5 đồng, *Xác ve sầu* (bô đầu chân) 5 đồng, *Xạ hương* 1 đồng.

*Cách chế:* Dùng 1 quả bí dao cạo bỏ vỏ xanh, moi bỏ hết ruột, dòn hết các vị *Trùn*, *Cua*, *rêu đất*, đồ chín phơi khô tán nhỏ với các vị kia luyện hồ làm bằng viên đạn, *Thanh dại* làm áo liều dùng 1 viên, bệnh nặng uống 2 viên, trẻ con uống nửa viên uống với nước chín.

Theo phương trên mà thêm *Bình lang*, *Thảo quả* mỗi thức 1 lạng, *Xuyên sơn giáp*, nước 5 đồng cân.

Tùy chứng mà dùng thang như sau:

- Trúng phong, miệng câm, rút lưỡi, dùng 1 nắm kế dầu ngựa, nấu lấy nước pha với đồng tiện mà uống với thuốc.

- Trị sơn lam chướng khí phát sốt hôm mê dùng *Tinh tre* 1 nắm, *Gừng* 5 lát sắc lấy nước mà uống với thuốc.

- Trị bắt phèu thùy bổ (chồi nước), nóng lạnh sưng bụng, dùng *Gừng tươi* 7 lát, *Hành tăm* 3 tép sắc lấy nước uống với thuốc.

Trị sốt rét mà lạnh nhiều, dùng 5 lát *Gừng*, nấu nước hòa với 1 chén rượu mà uống.

- Sốt rét nóng nhiều, dùng rễ *Chi thiên* 1 nắm, nấu nước uống với thuốc.

- Bốn mùa nhức đầu, đau mình dùng 7 lá táo, 5 tép *hành* bóc trắng, nấu lấy nước mà uống với thuốc.

- Ăn không ngon dùng *Sa nhân* 10 quả, sắc lấy nước mà uống với thuốc.

- Nếu là chảy thì lấy nước cơm uống thuốc.

- Nếu bị kiết ly đau quặn, mót rặn mà đại tiện không được, dùng *gừng tươi* 7 lát, sắc lấy nước mà uống với thuốc.

- Đau bụng đau da, dùng *muối* 1 vốc, sắc lấy nước cho uống với thuốc.

### III - TRÚNG HÀN

Trúng hàn phân nhiều là do người hư yếu, lúc đi ngoài đường cảm phái khí lạnh, bất tỉnh nhân sự, cẩm khẩu, tắc tiếng, chân tay cứng đờ, co quắp đau đớn.

#### 1. Một cách chữa:

- *Đậu đen* sao cháy đang lúc nóng, chẽ rượu vào mà uống rồi trùm mền cho ra mồ hôi là khỏi.

- *Hành củ*, giã nát, sao nóng, lấy vải dùm lại, đem chườm lên rốn, ngoài thì đổi cái khác; hay lấm.

- *Mắt thông* thái mỏng nấm, sao cháy, chẽ rượu vào mà uống, rất hay.

- *Lưu hoàng*, để trong nồi đất đun cho chảy ra, đổ ập vào bát nước giếng tán nhỏ, viên với nước cơm bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu công hiệu rất nhanh.

#### 2. Kinh trị trúng hàn đi tiêu thảo dại:

*Can khuong sao*, tán nhỏ, mỗi lần uống, 1, 2 đồng cân, trộn với nước nấu cháo mà uống thì khỏi.

#### 3. Kinh trị mùa đông rét qua, khí hàn nhiễm vào tim vào bụng, phát đau dữ dội, lan ra và sườn, đau nhói muối chết.

*Ngải cứu khô* 1 nắm lớn bằng trắng gà, *Lá ngải tươi*, *Quế* (bỏ vỏ thô) 3 đồng cân, *Giá* thanh nửa chén, *Rượu* 1 chén, gừng sống 3 lát. Sắc chung còn một nửa mà uống, đắp mền cho ra mồ hôi, yên ngay.

### IV - TRÚNG THỦ

#### *Cảm nắng*

Mùa hè thời tiết nóng nực, khí trời nung nấu, nên ở chỗ mát mẻ, không nên xông pha chỗ nóng nực. Nội kinh nói: Tam phục, tức là nói trong 3 tiết thiếu thủ, đại thủ và xử thủ, trời nắng chang chang, lỗ chân lông người thưa hở, chân khí không liêm, người thích ứng với thời tiết thì không bệnh, không thích ứng thì sinh bệnh.

Lúc phát bệnh thời nhức đầu, mê man, mình nóng, mạch nhỏ, họng khô, miệng ráo, hoặc ỉa, hoặc mửa, hoặc tay chân co giật, mồ hôi ra không ngừng, họng ngực đầy tức tái không được, hoặc phiền loạn khát nước, dùng các phương sau mà chữa.

#### 1. Kinh trị trúng thủ, trước cảm vào tâm kinh, ngã nhào bất tỉnh nhân sự.

Không nên uống nước lạnh, không cho nằm dưới đất ướt, cho uống nước nóng, hoặc nước đá tre con rồi lấy vải xanh nhúng nước mà đắp vào rốn cho ấm, tinh lại rồi mới cho uống nước.

#### 2. Kinh trị người đang đi đường cảm nắng bỗng ngã nhào xuống.

Dìu nạn nhân vào nơi mát, lấy đất nồng giữa đường đắp xung quanh rốn thành như cái chậu, kêu mọi người xúm đáy vào, hồi lâu ấm được là tỉnh ngay.

#### 3. Kinh trị các bệnh thương thủ, do trong lúc mùa hè nằm chỗ ẩm ướt hoặc hóng gió mát, hoặc ăn đồ sống quá nhiều, chân khí và tà khí kích bác nhau sinh ra nôn mửa phát sốt, đau đầu, đau mình hoặc đau bụng, đau tim chuyển gân co giật hoặc tử chi lạnh ngắt hoặc phiền muộn muối chết.

*Hương nhu* 2 lạng, *Hậu phác* (sao gừng) 1 lạng, *Bạch biến đậu* (sao) 1 lạng. Tán nhỏ mỗi lần uống 5 đồng cân. Nước 2 chén, rượu nửa chén sắc còn 1 chén sắc còn 1 chén đem ngâm vào nước lạnh cho nguội, uống luôn 2 lần, hiệu nghiệm tức thì.

Nếu ợ mửa thì gia *Hoắc hương*, *Trần bì*, *Sinh khương*.

Nếu nóng quá khát nước phiền nhiệt thì gia *Mạch môn*, *Lá tre*, *Ré tranh*, *Cỏ bắc*. Nếu đau bụng thì gia *Chi tử*. Đây là thang thuốc hồi sinh rất công hiệu.

#### **4. Kinh trị trúng thử, nóng dữ:**

*Rêu xanh* trên mặt đất 2,3 đồng cân, tán nhỏ, hòa với nước mới múc, cho uống thời khỏi.

#### **5. Kinh trị trúng nắng độc ngắt:**

*Mè đen* 1 thăng, sao gần đen, chờ nguội tán nhỏ, uống với nước mới lấy, 3 đồng rất hay.

*Tỏi to* củ 1 vốc, *Dất nóng* giữa đường 1 vốc, giã nhừ, hòa với 1 chén nước mới múc cho uống.

Nếu cấm khẩu thì cạy răng mà đổ, lai lấy đất nóng giữa đường đập xung quanh rốn cho đái vào làm cho khí ấm thấu tới bụng, giây lát tỉnh ngay.

#### **6. Kinh trị thái dương trúng thử, minh nóng dầu lạnh đó là mùa hè nóng quá, uống nhiều nước lạnh, nước chạy vào da mà sinh ra:**

*Cuống dưa bở* (sao vàng), *Dâu dò* mỗi thứ 2 đồng cân rươi, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân. Dùng *Dâu sỉ* 1 vốc, nước 1 chung, nấu nhừ lọc bỏ bã hòa thuốc vào uống ấm, dần dần uống thêm một ít, mửa được nhiều thì khỏi.

#### **7. Kinh trị trúng thử, bất tỉnh, gần chết:**

- *Bồ kết* (đốt tồn tính), *Cam thảo* (sao qua). Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, với nước sôi, hết ngay.

- *Nước mío* xáo 1 bát cho uống, khỏi ngay.

*Phương 1 thêm:* vị thuốc ấy sắc nóng lấy thia đổ từ từ, nâng đầu lên cao một chút, cho thuốc vào bụng thì tỉnh.

- *Lá bạc hà tươi*, giã nhừ, vắt lấy nước cốt 1 bát, cho uống khỏi ngay.

Mùa nắng to, khi đi đường ngâm chút ít nước *Bạc hà* thì có thể phòng ngừa được bệnh cảm nắng.

- *Lá tía tô*, *Lá má dề*. Vò với nước cho đặc mà uống khỏi ngay.

- Rau râm rửa sạch, sắc uống thì khỏi.

- *Rêu đất*, quấy với nước mới múc mà uống rất hay.

- *Nước dừa*, cho uống sẽ tỉnh ngay.

- Lấy một miếng ngọt, hơ nóng, đem chườm lên ngực, hễ nguội thì lại thay miếng khác để dần khi nóng tản ra ngoài.

#### **8. Kinh trị thương thử, nổi cơn sốt, phiền khát, tiểu tiện không thông.**

*Bóng má dề*, *Mạch môn* đồng, *Lá Tre*, *Cỏ bắc*. Các thứ đều nhau, sắc với nước mà uống thì khỏi.

#### **9. Kinh trị trúng thử đau đầu:**

- *Hương nhu* 1 đồng cân, *Hậu phác* 7 phần, *Bạch biến đậu* 7 phần, *Ré seo gà* 7 phần, (4 vị trên sao chung với nước gừng cho thơm), sắc uống.

- Nhân sâm 5 phần, Hành trắng 5 phần, nước 1 bát, sắc còn 6,7 phần hòa với một ít rượu đem ra ngâm nước lạnh chờ nguội lại cho uống, hay lầm.

10. Truyền trị trúng thử lâu ngày không khỏi, độc dã truyền vào phần "lý" phiền nhiệt bức rút khô họng, khát nước.

Cát cẩn 2 đồng cân, Mạch môn đồng 3 đồng cân, Bạch mai nhục 1 quả, Nước gừng sống 1 thìa, Mật ong 1 muỗng sắc cho uống hoặc tán nhỏ luyện mật làm viên bằng viên đạn, mùa hè đi đường xa, mỗi ngày ngậm 1 viên phòng cảm nắng.

## V - TRÚNG THẤP

Trung thấp có nội nhân, ngoại nhân khác nhau:

- Vì ở chỗ ẩm thấp, hoặc dầm mưa gió, hoặc mặc áo ướt mồ hôi mà sinh ra bệnh, đó là do ngoại nhân.

- Vì uống rượu nhiều quá, ham ăn đồ sống lạnh, quả xanh mà sinh bệnh đó là do nội nhân..

Phát bệnh mà thấp vào bì phu thì tê cứng, vào khí huyết thì mỏi mệt, vào phế thì suyễn thở; vào tỳ thì sinh thấp đàm, thũng trướng, vào can thì đau hông đau sườn, các khớp xương không vận động; vào thận thì đau lưng và đau đít, mình dờ như tấm ván, chân nặng như đá, vào phủ thì tê dại không biết đau; vào tạng thì co duỗi khó khăn mà chỉ thể đều cứng dờ.

Cách trị phải xem xét chu đáo.

### 1. Kinh trị phong thấp cước khí:

Hạt tía tô, trần bì, riêng ấm, các vị đều nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên, bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên, uống lúc đói bụng với rượu.

### 2. Kinh trị phong hàn thấp tê, tay chân coi quắp, sưng chân không thể dẹp xuống đất được:

Hạt tía tô 2 lạng, giã nát cùng nghiền với 2 thăng nước, láng lấy nước nấu cháo với hai vốc gạo trắng, thêm hành, tiêu, gừng và đậu si, mỗi thứ một tí mà ăn, rất hay.

### 3. Kinh trị phong thấp, tê dại và tất cả các chứng phong khác.

Quả kê đầu ngựa 3 lạng, sao tán nhỏ, cho vào 1 thăng rượu nước, sắc còn 7 phần, bỏ bã lấy nước cho uống dần dần, kiêng ăn thịt heo (lợn).

### 4. Kinh trị phong thấp, đau lưng, mỏi gối.

Lá cỏ xước (kị sát) 1 cân giã nát, đậu si 1 vốc, nấu chung với nhau lọc bỏ bã nấu cháo với gạo tẻ 3 vốc, thêm ít muối, ăn lúc đói rất hay.

### 5. Kinh trị đau lưng do thấp.

Má dè (cà rẽ) 7 cây, Hành tăm (cà củ và rễ) 7 gốc, Táo 7 quả, Rượu ngon 1 bầu. Nấu chung, để giàn uống thường xuyên suốt đời không trở ngại.

### 6. Kinh trị bụng đầy hơi vì thấp, ống chân hơi sưng, tiểu tiện không thông, ho thở.

Hạt bìm bìm 1 lạng, Vỏ vối (sao nước gừng) 5 đ/c, tán bột, mỗi lần uống 2 đ/c với nước gừng nấu sôi.

### 7. Kinh trị đau phong thấp tê, gân co gối nhức, trong bụng nóng, đại tiện bón.

Dâu đen ngâm nước, ú cho mọc mộng dài 2,3 tấc rồi phơi khô, dùng 1 thăng, cho nửa lạng Giấm vào trộn đều, sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 muỗng với rượu trước khi ăn, ngày uống 2,3 lần rất hay.

**8. Kinh trị gân cốt co đau:**

Xương ống chân đe, đập nát nhỏ, ngâm rượu thường uống rất hay.

**9. Kinh trị phong thấp, đau nhức lúc ở chỗ này, lúc chạy chỗ khác:**

Cao da trâu 1 lạng, Nước cốt giừng nửa chén, nhỏ lửa nấu thành cao, phết lên giấy mà dán, nguội thì lại thay, rất hay.

**10. Kinh trị chứng vì ăn nhiều đồ sống lạnh, đêm nằm chỗ ẩm ướt, hay đứng trước gió mát, khí lạnh nhiễm vào trong, uất không tiết ra ngoài được, thành ra ngực, bụng trường đau, nặng thì sinh thủy thũng, cổ trường, tức dày, hen suyễn phù thũng, đè tay vào thì lõm không nổi lên được, dó là thấp từ trong ra, cần dùng thuốc kiện tỳ vị, lợi tiểu, tiêu thũng trường làm chủ:**

- *Hạt tía tô, Hạt dinh lịch, Củ cỏ cú, Hạt mã đề, Trần bì, Phục linh bì, Đại phúc bì, Sinh hương.*

Các vị trên mỗi thứ 1 d/c, các vị *Tía tô, Cải cù, Dinh lịch, Cỏ cú, Mã đề* đều sao qua, sắc với 1 bát nước còn phân nửa, uống nóng lúc đói bụng, bệnh đỡ liền.

- *Hạt ý dí* 1 lạng, giã tráng nấu cháo với gạo tẻ, thường cho ăn, rất hay.

- *Nhân trần, Mộc thông.* Mỗi thứ 1 nắm, thái nhỏ, nấu với nước lúc đói bụng, rất hay.

- *Xích tiêu đậu* nấu chín cho ăn thật nhiều và lấy nước đó mà uống, cấm ăn uống các món khác, sau 1 ngày thì đi đại thông ngay và thấp thũng cũng tự nhiên hết.

## VI - CHỨNG TÁO

Chứng táo là do huyết mạch khô ráo, trên thì tân dịch khô kiệt, da dẻ nhăn, râu tóc quắn cứng, dưới thì bụng đầy, tiểu tiện đờ gắt, đại tiện táo bón, nặng lấm thì gân khô cứng đờ, đấy là bệnh táo là vì hay ăn nhiều đồ chiên xào nướng, tửu sắc quá độ, hoặc lúc bệnh uống nhiều loại thuốc công phạt hoặc cho phát hân, cho hạ lợi thái quá, làm cho khô kiệt tân dịch, tính huyết hao tổn rồi sinh ra chứng này.

Phép chữa chủ yếu là bổ huyết, sinh tân, bổ phế, nhuận tràng.

**1. Kinh trị huyết hư, phổi ráo, ngoài da khô nứt, đại tiện táo bón:**

*Thiên môn đông*, dùng nhiều, ngâm với nước sôi cho nó nở ra, lật bỏ lõi và vỏ cho vào nồi to nấu còn 1 nửa, dùng khăn vải đùm lại vắt lấy nước, rồi cho vào nồi nhỏ, nhỏ lửa cô thành cao, mỗi lần uống 2,3 d/c, uống lúc đói với nước trà, dần dần sẽ đỡ.

**2. Kinh trị phong nhiệt ở đại tràng, đại tiện táo bón, người nhiều tuổi nên uống phương này:**

*Bồ kết* (nướng bồ hòn), *Chi xác* (bò ruột). Hai vị đều nhau, sao tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt Ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên, uống lúc đói với nước cơm hay cháo, rất hay.

**3. Kinh trị khí kêt, tức dày, khí nghịch xông lên, đại tiện táo bón:**

*Chi xác* (bò ruột sao), *Mộc hương* (sao), *Thanh bì* (bò ruột sao), *Trần bì* (sao), *Tang bạch bì* ky sắt (sao mật), *Hạt cải cù* (sao qua), *Hạt bìm bìm* (sao), *Hồi hương* (sao), *Nga truật* (nướng), *Tam tảng* (sao). Các vị đều nhau, tán nhỏ, giã vắt lấy nước chừng nửa bát, khuấy hờ với bột gạo, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước sắc *Trần bì*.

**4. Kinh trị người tráng kiện, bị khí huyết kêt nhiệt, đại diện táo bón:**

*Hương phụ mè* (sao muối 2 lạng, *Chi xác* (bò ruột) sao, 5 d/c, *Dào nhân* (bò vỏ và đầu nhọn) 5 d/c, *Hồng hoa* (rửa rượu) 5 d/c, Ô dược 5 d/c, *Hạt tía tô* (sao) 5 d/c, tán chung, mỗi lần uống 2 đồng, uống với nước sắc *Trần bì* khi bụng đói.

### 5. Kinh trị người già, người yếu ớt đại tiện táo bón.

*Hành trắng* (cà gọng lắn rẽ) 10 tép, sắc với nước mới múc, bỏ hành, cho 2 đ/c cao da trâu vào và 1 chén mật nấu chung cho cháy tan, uống nước nóng, cách bữa ăn.

- *Hạt tía tô* nửa vốc *hạt me* nửa vốc, nghiền chung cho nát, đổ 1 bát nước vào khuấy đều, lẳng lấy nước cốt, cho gạo trắng nấu cháo mà ăn, rất hay.

### 6. Kinh trị đại tiện táo bón:

- *Hành trắng* (cà giọng rẽ) 3 tép, *Gừng sống* 1 củ bằng ngón tay, *Dậu si* 21 hạt, *Muối* 1 nhúm. Giã chung cho nát, làm thành bánh, hơ lửa nóng chườm trên rốn, ngoài thì hơ lại mà chườm nữa.

- *Quả bồ kết*, cho vào nồi rang, đốt lên khói, ngồi trên miệng nồi mà xông thi hết.

## VII - CHỨNG HỎA

Về chứng hỏa, sách bàn có nhiều lê, vì ngũ tạng đều có phục hỏa, để yên thời im lặng, chạm đến thời động lên, nên có thuyết quân hỏa, tướng hỏa, long hỏa, tà hỏa... kỳ thực đều do khí nóng phát ra mà thôi. Sách chép rằng: "Thủy khô thì hỏa bốc", chính là ý nghĩa ấy, cho nên sinh bệnh đều là nhiệt chứng cả, nhưng có khác nhau về *hư hỏa* và *thực hỏa* và cách chữa là *giáng hỏa*, *tả hỏa* cũng không giống nhau. Nay nêu ra vài phương, tùy bệnh mà tri, ngõ hầu không phạm sai lầm. Và lại thủy và hỏa đối lập nhau, tức là âm dương trong con người. Dương thời có thừa, nên thường bệnh về hỏa nhiều, cho nên gọi một thủy không thể thắng 5 hỏa, nhưng hỏa tính hay động, cần dùng phép tĩnh mà ức chế, phép giáng mà dẫn nó xuống, không nên vội dùng thuốc hàn lương làm khắc phạt nguyên khí.

### 1. Kinh trị chứng hư lao giả nhiệt:

*Mạch môn đông*, sắc uống thay nước trà rất tốt.

### 2. Kinh trị lao phổi, phong nhiệt sinh khái nước.

*Thiên môn đông*, bò vò và lôi, luộc chín mà ăn, hoặc phơi khô tán, luyện mật làm viên mà uống cũng hay, có thể ngâm nước để rửa mặt.

### 3. Kinh trị chứng lao nhiệt nóng âm i trong xương:

- *Thanh cao* dùng cà cây, lá, hoa, hạt, sắc lấy nước thật đặc hòa với nước đái trẻ con mà uống thường, rất hay, hoặc cô thành cao mà dùng càng hay hơn.

- *Rễ cây buom bướm*, thái nhỏ, sắc uống.

### 4. Truyền trị hỏa chứng nóng rất dữ:

*Gỗ mun hoa*, *tê giác*, *Mạch môn đông*, *Hoàng cầm*, *Rễ găng*, *Hồng hoa*, *Bí đao*. Mỗi vị đều nhau, sắc nước uống lúc đói bụng.

### 5. Kinh trị đau vùng thương vị do hỏa uất:

*Danh danh* (sao cháy) 7 . oặc 9 quả. Sắc với nước, hòa với nước *gừng* nửa chén mà uống thời khói.

### 6. Kinh trị lao nhiệt nóng âm i trong xương:

Nước đái trẻ con (dưới 5, 6 tuổi) uống rất tốt.

### 7. Kinh trị tất cả các chứng nhiệt:

*Hạt danh danh* sao đen, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, uống với nước cơm.

## VIII - BỆNH KÍNH - XÍ

(Co cứng)

Bệnh này giống như chứng kinh giàn, mình mẩy ngay đờ, đầu cổ cứng nhắc, lưng cong uốn ván, là do phong, hàn, thấp, 3 khí cản nhập kinh thái dương, hại đến các gân lớn, nên gân co rút lại sinh ra. Phân ra hai loại: Nhu xí và Cương xí để chữa.

Nhu xí là cảm phong thấp, thời cổ mồ hôi mà không ớn lạnh. Cương xí là cảm hàn thời không có mồ hôi mà cũng không ớn lạnh.

### Kinh trị "nhu xí" hoặc chứng "động kinh" đều kết quả:

*Đại giả thạch (hòn son) nung thật dò, tói vào đầm, lại nung lại tối được 7 lần rồi đem ra tán nhỏ, mỗi lần uống nửa d/c, dùng đồ bằng vàng hoặc bạc thật nấu với nước sôi 3 dạo, mà uống với thuốc ấy, hoặc lấy vàng thếp hoặc bạc thếp nghiên thật nhỏ trộn vào mà uống càng hay.*

## IX - CẨM MẠO

Cảm mạo là nhiễm phải khí hậu trái thường của thời tiết, ví như mùa xuân đáng lẽ ấm mà lại rét, mùa hè đáng lẽ là nóng mà lại lạnh, mùa thu đáng lẽ là mát là lại nóng, mùa đông đáng lẽ là rét mà lại ấm...

Người ta bị các khí hậu trái thường ấy xâm nhập vào cơ thể mà sinh bệnh, nặng lấm thì gọi là trúng, vừa vừa thì gọi là thương, nhẹ thì gọi là cảm mạo, cho nên phát bệnh khác nhau: có khi nhức đầu cứng cổ, đau mình đau xương sống, có khi lạnh lấm, nóng lấm, ghét nóng, ghét lạnh, có khi tiếng nói nặng, nghẹt mũi, ho hen, có đờm, cần chiếu từng phương mà chữa.

### 1. Truyền trị từ thời cảm mạo, nóng nhiều, phong khí, chướng khí cùng trung độc phạm phòng.

#### Hòa giải phương

- *Dây lăng rừng, Củ bồ dài, Thạch cao, Tía tô, Dành dành, Cát căn, Thương truật, Trần bì, Tinh tre.* Các vị đều nhau. Gừng sống 3 lát, Hành trắng 1 nhánh. Sắc với nước mà uống

- *Rè buom buom 3 phần, Dây bồ dài 1 phần, Củ cỏ cú 1 rươi, Mạn kinh từ 3 phần. Dây lăng rừng 2 phần, Tía tô 4 phần, Trần bì 5 phần, Gừng sống 3 lát sắc nước uống.*

#### Gia giảm:

- Khát nước gia Cát căn hoặc Thiên hoa phấn
- Ọe mửa gia Hoắc hương, Sa nhân.
- Sinh bụng gia hậu phác, Chi xác.
- Đì lòng gia. Xa tiền tử, ho gia Tang bạch bì nướng với mật, và dây chàia với.
- Kiết ly gia Lá lốt.

### 2. Kinh trị cảm mạo thương hàn phát sốt:

- *Gừng sống (thái nhỏ) 1 củ, Hạt dào (dập nát cà vỏ) 7 hạt, Hành trắng (cà rẽ) 7 tép, Lá chè tươi (thái nhỏ) 1 nắm. Nước 1 bát, sắc sôi vài дол, uống lúc còn nóng, đắp mình cho ra mồ hôi.*

- Sài hồ, Cam thảo, mỗi vị chút ít, thái nhỏ sắc uống, lúc nào uống cũng được, sẽ khỏi
- 3. Kinh trị thời khí nóng dữ, nhức đầu:

Cát cẩn tươi, già vắt lấy nước cốt 1 bát, nếu không có cát cẩn tươi thì dùng cát cẩn khô, và đậu sị khô 1 vốc, sắc sôi vài долю, bỏ bã lấy nước uống nóng, cho mồ hôi ra là khỏi, nếu chưa ra mồ hôi thì uống nữa, nếu tim nóng già 10 quả dànênh dànênh.

- 4. Truyền trị 4 mùa nóng lạnh:

Trứng gà 1 quả, xoi 1 lỗ, nhét vào 3 đồng cẩn đường cát trắng, phơi sương 1 đêm, uống lúc đói.

- 5. Truyền trị 4 mùa nóng nực nhiều mà phát cuồng:

Xác rắn (đốt tồn tính) 1 đồng Chuối con 1 cây già nát, vắt lấy nước cốt nửa chén, hòa với xác rắn mà uống thì khỏi.

- 6. Truyền trị 4 mùa nóng nhiều mà phát cuồng:

Mật gấu 1 phần, nghiền với nước lạnh uống khỏi ngay.

- 7. Kinh trị thời khí nóng dữ, tâm thần phiền táo:

Bột chàm 1 muỗng, hòa với 1 chén nước môi mucus, uống bất kỳ lúc nào, thần hiệu.

- 8. Kinh trị bệnh thời khí phiền nhiệt, khát nước:

Ngó sen già sống, lấy nước cốt 1 chén, hòa với nửa chén mật, uống nhấp nhấp dần, rất hay

- 9. Kinh trị bệnh thời khí phiền nhiệt 5, 6 ngày không bớt:

Trúc lịch 1 bát, chế vào 1 chén nhỏ nước cốt gừng, dun nóng lên uống, rồi dấp mình dày cho ra mồ hôi.

- 10. Kinh trị thương hàn và thời khí ôn dịch, đau đầu sốt cao, mạch nhảy khòe:

Ngải cứu khô đổ nước sắc cho uống lúc thuốc còn ấm cho ra mồ hôi.

- 11. Kinh trị cảm mạo phong tà:

Củ cỏ cú (giả sạch vỏ), Tía tô, đều 3 d/c. Vỏ quýt cũ, Cam thảo đều 2 d/c, Gừng sống 3 miếng, sắc uống ngày 3 lần.

- 12. Kinh trị cảm mạo thương hàn do khí hậu thời tiết thay đổi:

Hương nhu tán nhỏ, uống 1, 2 đồng cẩn với rượu cho ra mồ hôi.

- 13. Kinh trị cảm hàn khí nghịch suyễn thở:

Lá tía tô, 3 phần, vỏ quýt cũ, 4 phần, sắc rồi hòa thêm rượu mà uống (mỗi phần có thể dùng 1 đồng cẩn).

- 14. Kinh trị sau cảm bệnh thời khí còn dư độc, tay chân sưng đau:

Rượu tám 1 dấu, trước dão một lỗ sâu 6 gang tay, đốt lửa trong lỗ cho nóng, đổ rượu vào, rồi để đậm bàn chân lên, lấy áo dấp lại để xông hơi thì khỏi, không khỏi thì làm nữa.

- 15. Kinh trị thời khí đau đầu:

Bồ kết đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cẩn với nước, hòa thêm mật và nước gừng mỗi thứ một ít. Trước khi uống thuốc thì gội đầu với nước ấm, sau uống thuốc cho ra mồ hôi.

- 16. Truyền trị sau cảm sốt phát vàng da:

Dầu mè hòa với nước lạnh mỗi thứ nửa chén, Lòng trắng trứng gà 1 quả quấy đều, uống hết vài lần thì khỏi.

17. Truyền trị thương hàn, thời khí và sơn lam thương khí, nóng minh, đau đầu, đau lưng cứng gáy, bụng ngực đau tức, không có mồ hôi, dùng phương sau để chặn tà, giải độc rất hay, mùa đông thì chống ôn dịch, mùa hè thì giải nóng, mùa thu thì chữa sốt rét cơn, mùa đông thì tán hàn chống rét, thật là thần tề:

*Rễ cây vuốt hùm, rễ cây chang ba (ba chạc), Rễ cây cối xay, Hạt ích tri (không hạt, dùng cây hoặc lá), Rễ cây bưởi bung (bò vò), Rễ cây sầu đâu ringleton (sâu đâu cút chuột),*

*Dây chiều, Mộc thông, Cỏ tháp bút, Danh dành, Võ quít, Sài hồ, Lá rau má, Ô dược, Củ cỏ cú, Lá Câu đằng, (Mỗi vị trên đều nhau), Võ bưởi, Cây vang, Hồng hoa, Uất kim, Mía (mỗi vị nửa phần) Tim bắc 1 lọn, Gừng sống 3 lát. Sắc nước, uống ấm, trùm mình kín cho ra mồ hôi là khỏi.*

Lúc ra mồ hôi nên tránh gió.

Như chưa ra mồ hôi thì thêm *Hành, Tía tô*, trường bụng gia *Chi thực*; ợ ngược thì gia *Tô ngạnh, Hoắc hương*.

## X - ÔN DỊCH

Ôn dịch là một chứng bệnh nhiều người ở một địa phương cùng mắc một lúc và có tính cách truyền nhiễm đều do chính khi con người suy kém (mất bình thường) cảm nhiễm từ đường hô hấp theo các lỗ khiếu mà vào. Sinh bệnh thì thời mặt sưng đỏ, tắc họng, lưỡi khô, họng ráo, lạnh nhiều nóng dữ, đờm nhiều. Các chứng trạng của bệnh dịch là đều thấy nóng dữ dội, chớ nên dùng thuốc nóng mà tăng thêm bệnh.

Phàm thày thuốc đến nhà người bệnh, không nên ngồi đối diện với chỗ xuất uế của bệnh nhân, như đàn ông thì uế khí ra ở miệng, đàn bà thì uế khí ra ở cửa mình.

- Kinh nghiệm chữa người mới phát bệnh thì nên nấu quần áo thật kỹ để phòng ngừa họa truyền nhiễm cho cả nhà.

- Khi vào thăm bệnh dùng dầu mè nhỏ mũi, khi khám xong trở ra lấy giấy ngoáy vào lỗ mũi cho nhảy mũi.

- Để tránh ôn dịch, ngày 24 tháng chạp, múc nước giếng ban mai lên, tùy nhân khẩu trong nhà nhiều hay ít mà ngâm Nhũ hương với nước ấy, đến canh năm ngày đầu xuân cả nhà mỗi người uống 1 cục nhỏ nhũ hương với nước ấy, cả năm sẽ không có bệnh.

- Dùng *Đậu đỗ* lấy vài mói, may túi đựng lại, ngâm vào giếng 2 ngày rồi lấy ra, cả nhà uống mỗi người 21 hạt, hoặc dùng *Đậu đen* lớn hạt mỗi lần uống 7 hạt cũng được.

- Nấu quần áo bệnh nhân để tránh truyền nhiễm, lại dùng lá thuốc cứu đem đốt ở 4 góc giường của bệnh nhân nằm, mỗi góc 1 nắm...(lược).

- Lấy lá non *Cây ké dầu ngựa* vào ngày 5 tháng 5 âm lịch, chính 12 giờ trưa, đem phơi khô. Lúc có chứng dịch thì tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước sôi để nguội hoặc sắc lên uống, cả nhà đều uống, có thể phòng dịch.

- Ngày 6 tháng 6 âm lịch, hái rau sam phơi khô, đến ngày đầu năm nấu cháo, cho chút muối, chút dấm vào, cả nhà đều ăn, rất hay.

### 1. Kinh trị trong mùa dịch, lúc mới thấy nhức đầu, phát sốt:

- *Hành tăm* (cả rẽ) 20 tép. Nấu cháo với gạo té, chắt dấm vào chút ít mà ăn khi còn nóng, ăn xong trùm mền cho ra mồ hôi thì khỏi.

- *Tỏi nhỏ củ* nửa cân. Giã vắt lấy nước cốt 1 cốc mà uống, bất quá vài lần thì hết bệnh.

### 2. Kinh trị ôn dịch thời khí, nhức đầu, nóng dữ, mới phát một ngày:

- *Dòng tiền cổ* 157 đồng, nước 1 bát, sắc cồn 7 phân, uống cho mửa độc khí ra, chưa mửa thời làm lại mà uống nữa rất thần hiệu.

- Ngải cứu khô 1 nắm, nước 1 bát sắc còn phân nửa cho uống thì khỏi.

### 3. Kinh trị ôn dịch và bốn mùa cảm mạo:

*Hương tô ấm*

*Tía tô* 4 phần, *Cù cối* 4 phần, *Trần bì* 1 phần, *Cam thảo* 1 phần, *Gừng sống* 3 lát. Sắc uống nóng, mỗi ngày 3 lần thì khỏi.

### 4. Kinh trị bệnh dịch tể:

*Cánh dàò hương đồng*, thái nhỏ, sắc uống thì khỏi.

- *Lá thông già* nát hòa với rượu mà uống, mỗi lần 1 chén, mỗi ngày 3 lần, có thể phòng dịch được 5 năm nǎm.

### 5. Kinh trị chứng dịch sốt rét (ôn ngược) không dứt:

*Hoàng đon* (sao) 5 đồng, *Thanh cao* 2 lạng (ngâm nước dáí trẻ con). Tán nhò mỗi lần uống 2 đồng.

### 6. Kinh trị ôn bệnh phát sốt, sưng quai bị, nhức nhối:

*Đầu xanh* 1 vốc, tán thật nhò trộn với dấm mà phết thật dày, khô thì lại thêm dấm vào, mỗi ngày làm 1 lần khói thì thôi.

### 7. Kinh trị bệnh ôn dịch tay chân như rời rã:

*Móng chân giò heo nái* 1 bộ (cao bò lông và móng), *Hành tăm* 1 nắm nước 1 bát, sắc sôi cho vào chút nước muối, ngâm chỗ đau thì khỏi.

### 8. Kinh trị ôn dịch phát thũng:

*Dâu đen to hạt* (sao chín) 1 vốc. *Cam thảo* 1 đồng cân. Sắc với một bát nước, thính thoảng uống đỡ liền.

### 9. Truyền trị bệnh ôn dịch, nóng rét qua lại, nhức đầu, đau mình, nghẹt thở, khản tiếng.

*Giáng chán hương* 2 đồng cân, *Cành dàò* 2 đồng cân, *Thanh cao* 3 đồng cân, *Cát căn* 3 đồng cân, *Thanh bì* (bò ruột) 3 đồng cân, *Rễ tranh* 3 đồng cân, *Chi xác* (bò ruột) 3 đồng cân, *Gừng sống* 3 đồng cân, *Hành* 1 tép, Lá tre 7 cái. Sắc cho uống.

## XI - LAM CHƯƠNG

Khí độc của rừng núi gọi là "lam", khí độc ở biển gọi là "chương", người ta đi xa cảm phải các khí độc ấy vào mình, đã làm cho mỏi mệt lại bị nhiễm ác khí, chính khí hao mòn, tà khí tấn công, cho nên thành bệnh. Lúc sắp phát thì huyết chạy lên thượng tiêu; bệnh phát thì người mê man khốn đốn, có khi điên cuồng hoặc câm không nói được đó là do huyết xấu ứ đọng vào tim, đờm độc tích tụ ở tỳ mà ra.

### 1. Phương thuốc phòng ngừa chương khí, nước độc.

*Cù săn dây tươi* già sống, vắt lấy nước cốt một chén. Mỗi sáng uống một lần sẽ ngừa được bệnh.

### 2. Phương thuốc phòng nước độc chóі nước:

*Phèn chua* 2 lạng, *Phấn thảo* 2 khúc (mỗi khúc dài 3 tấc). Ngâm với nước mới múc, kh uống thì lấy hai vị đó mài ra, quấy đều 100 lần, đợi lắng xuống thì uống sẽ không bị bệnh hoặc tán nhò, mỗi lần uống một đồng cân cũng được.

### 3. Phương thuốc phòng khi chướng độc.

*Dào nhân* 1 cân, *Ngô thù du* 4 lạng, *Thanh diêm* 4 lạng. Sao chung cho chín. Ngô thù du và Thanh diêm, chỉ dùng Dào nhân, mỗi lần uống 15 hoặc 20 hạt (bỏ vỏ và dâu nhọn) nhai nhỏ rồi nuốt, khi đi đường xa cũng nên dùng.

### 4. Trị uống phai nước khe độc, sinh ho, đau họng, mất tiếng:

*Ngải cứu tươi*. Sắc với nước mà uống thì yên, vị này trừ được tất cả các bệnh về khí độc.

### 5. Kinh trị sơn lam chướng khí:

*Tỏi to* củ 6, 7 tép, để sống một nửa, nướng chín một nửa rồi ăn chung, một lát sôi bụng hoặc mửa ra máu hoặc đi lỏng, là khỏi.

### 6. Kinh trị sơn lam chướng khí nóng dữ, không ngớt:

*Tè giác*, mài với nước mà uống

*Sửng đê rừng*, iến nhỏ, hòa với nước uống mỗi lần một đồng cân.

### 7. Trị nhiễm khí độc rừng núi, mê man, sắp nguy:

*Lá cỏ xước* một nắm to. Nước một chén, sắc còn một nửa uống vào thì sống ngay. Người khỏe thi dùng cả cây rễ, nhánh lá, nấy nước uống thay trà cũng hay.

### 8. Trị nơi xa lạ nước không hợp khí hậu.

*Cây the mốc*, *Đậu xanh*. Hai vị bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc với một bát nước cạn còn 5 phần, bỏ bã mà uống.

### 9. Trị khí lam chướng sốt rét tích dờm (dầm ngược) dịch mùa:

- *Trùm khoang* cổ 3,4 con. Giã nát, lấy *Bạc hà* nấu nước hòa vào một chút mật mà uống.

- *Hành tím* (củ rễ) 10 tép thái nhỏ, cho vào nửa chén giấm, nấu cháo với gạo tẻ, ăn lúc còn nóng, cho ra mồ hôi thì hết.

- *Lá ngải cứu*. Sắc với nước, uống lúc nóng cho ra mồ hôi, là khỏi.

### 10. Trị cảm khí độc của rừng núi phát ra sốt rét muối chết.

*Bọ hung* (bò dâu, chân, cánh). Dem đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với nước đái trẻ em.

### 11. Trị chói nước, tử thời cảm mạo, đau bụng, đi tả, rất hay:

*Hoắc hương* (mùa đông dùng nhiều). *Long dờm thảo*, *Cỏ seo gà* (mùa hè dùng nhiều). *Quả sim sao*, *Lá vảy ốc sao*, *Trần bì sao*, *Vỏ đuôi*, *Hương phu mè*, *Thanh mộc hương* (sao), *Vỏ quả vải*, *Vỏ chân chim*, *Vỏ sung* (bỏ vỏ thô). *Hoàng cầm* một nửa, mỗi vị bằng nhau, sao qua tán nhỏ, nghiền đậu xanh và gạo lâu năm sao. Khuấy hồ làm viên, dùng *Thanh dơi* làm áo, mỗi lần uống 2, 3 viên.

Tùy chứng mà dùng thang như sau:

- Đau bụng uống với nước muối một nhúm.
- Bốn mùa nóng lạnh, uống với lá dâu tằm ăn hoặc nước trà cũng được.
- Đau bụng đi ly, dùng 7 lát gừng sắc lấy nước uống. - Hoắc loạn thổ tả, lấy 10 lát gừng và một nhúm muối nấu lấy nước uống. - Tháo dạ, uống với nước cơm. - Lam chướng phát sốt, uống với nước gừng (3 lát gừng).

### 12. Kinh trị chói nước, cảm khẩu, vì ác khí làm cho ứ ở tâm khiến nên hôn mê, nói không được, chỉ ẩm ở mà thôi, dùng thuốc này để tán huyệt.

*Muội nồi* (nhọ nghẹ) tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm nếp.

### 13. Truyền trị sơn lam chương khí cùng các chứng trúng độc:

Cù gâm (cầm địa la). Gọt vỏ khô, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân, nghiền sống hòa với rượu cho uống, rất hay, hoặc ngâm rượu mà uống thường cũng tốt.

## XII - SỐT RÉT

(Ngược iật)

Sốt rét là do trước cảm phong hàn thấp nhiễm vào lớp ngoài bì phu, ở đó lâu ngày không tiêu tan, truyền vào trường vi vận chuyển đến khi huyết ban ngày chạy vào dương phân, ban đêm chạy theo âm phân, hợp lại thì lên cơn, tan đi thì bệnh ngừng, theo khí phân thì phát sốt, theo huyết phân thì phát rét, hàn nhiệt giao tranh thì lên cơn, bệnh nhẹ thì mỗi ngày làm thủ một lần nặng thì cách nhau, thuộc khí phân thì làm thủ (lên cơn) lúc sáng, thuộc huyết phân thì làm cử lúc chiều.

Lúc mới lên cơn thì ngáp dài, ớn lạnh, run rẩy, nhức đầu, hoặc khát nước, hoặc lạnh rồi lại nóng, hoặc nóng rồi lại lạnh, hoặc chỉ nóng, chỉ lạnh, hoặc nóng ít lạnh nhiều, hoặc nóng nhiều lạnh ít lâu ngày không khỏi sẽ thành "Lao ngược", hoặc khí cơ không chuyển vận, nên trong bụng có hòn rồi thành báng.

Cho nên bệnh sốt rét trước do ngoại cảm sau thành nội thương. Do đó phải tùy phương mà chữa.

### 1. Kinh trị chứng làm ngược do tỳ hư, lạnh nhiều nóng ít, biếng ăn biếng uống:

Riêng ám sao với dầu mè. *Can khương* sao cháy đen, các vị đều mỏng, tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng cân, trộn với mật heo làm cao, lúc sắp lên cơn sốt cho uống với rượu nóng, hoặc trộn với mật heo làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 voén, uống với rượu càng tốt, phương này rất hay.

- *Gừng già* 3, 4 Giã vắt nước cốt để vào chén, phơi sương một đêm, ngày sau uống chận cơn trước một giờ, hòa với nước đái trẻ con mà uống là khỏi.

- *Cô nụ áo sắc* uống chận cơn trước 1 giờ.

- *Hắc khương* (gừng sao cháy đen), tán nhỏ uống một lần, 1 đồng cân với rượu.

### 2. Kinh trị sốt rét, phiền nhiệt; bốc nóng:

*Trùn đất* rửa sạch giã như. *Gừng sống* vài phân *Bạc hà* vài phân. Giã vắt lấy nước cốt; *Mật* một muỗng, *Nước mắm* 1 bát. Tất cả hòa với nhau mà uống, giây lát ra mồ hôi thì khỏi, nếu chưa khỏi thì làm nữa mà uống.

- *Trùn* 1 con. Giã lộn với cám gạo, đem bó vào cổ tay, nam tá, nữ hữu, khỏi ngay.

### 3. Kinh trị sốt rét, chỉ nóng không lạnh (nhiệt ngược):

*Xuyên sơn giáp* 1 lạng. *Dai táo* 10 quả. Hai món đều đốt tồn tính, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân với nước giếng lấy lúc sáng sớm uống đâu canh nấm ngày lên cơn khỏi ngay

### 4. Trị sốt rét, vừa nóng vừa lạnh:

*Thanh cao* hai buổi sáng Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5), phơi rám, mỗi ngày dùng 4 phân *quế tẩm* 1 phần, tán nhỏ sắc với rượu, uống chận trước một ngày thì thôi.

- Giã thêm lá *bí dao* 1 phần.

- *Tỏi* 1 củ đốt cháy ra tro hòa với rượu mà uống, hết ngay.

- *Dào nhán* 100 hạt, bỏ vỏ và hai đầu nhọn, cho vào cối nghiền thành cao, không cho dinh nước lại thêm *Hoàng đơn* 3 đồng cân, hòa vào làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần

uống 3 viên, ngày làm cử, hướng mặt về phía Bắc uống với rượu nóng, chẽ thuốc này vào ngày Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5 âm lịch).

- *Cút chim yến* 2 đồng cân, *Rượu ngon* 1 chung. Cho vào bát đất hòa đều, ngày làm cử, buổi sáng bão bệnh nhân hứng bát ngang mũi hít hơi thuốc vào 5, 3 lần thì khỏi. *Chú ý:* Đừng uống vì có độc.

- *Rau sam* già nát đem cột vào cổ tay, nam tá nữ hữu để chặn cơn, hay lấm...

## 5. Kinh dị sốt rét, thể hư, nhiều mồ hôi.

- *Hoàng đòn, Muối nồi (nhọ nghe)*. Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, lúc lên cơn sốt dùng nước cơm mà uống, bất quá vài ba lần là khỏi.

- *Hoàng đòn*, thủy phi sao khô, 1 lang. *Thương son* róc bỏ gân lá, thái nhỏ ngâm rượu phơi khô, 3 lạng, các vị tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu ấm lúc chưa làm cử, rất hay.

## 6. Truyền trị sốt rét cơn:

*Lá ngải cứu* già nát, vắt lấy nước cốt mà uống. Lúc không bệnh thì lấy lá hoặc vỏ cây nướng vàng nấu nước uống thay trà, rất hay.

## 7. Kinh trị sốt rét trong bụng có bàng:

*Hạt gác, Xuyên son giáp* (sao). Hai vị đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, rất hay.

8. Kinh trị sốt do phổi nóng, độc nhiễm vào trong ngực chuyển thanh, trước lạnh nhiều, sau sinh nóng, kinh hoảng không yên, hoặc do thận mà phát ra gai rét, đau lưng, đại tiện bón, mắt mờ, uốn军训, tay chân giá lạnh:

*Thương son* 2 lạng (bỏ gân lá, ngâm rượu), *Ô mai* 14 quả, *Lá tre* 1 nắm, *Đậu si* 5 vốc, *Hành* 10 tép. Nước 5 bát, sắc còn 3, uống làm 3 lần/ngày, trước khi làm cử phải uống hết.

## 9. Kinh trị sốt rét do tỳ vị nhiều đờm:

*Gừng sống* 4 lạng. Giã nhỏ vắt lấy nước cốt 1 bát, phơi sương một đêm, đến canh năm, ngày lên cơn... (lược)... uống thì khỏi, chưa khỏi thì làm lại mà uống nữa.

## 10. Kinh trị sốt rét do tỳ hàn:

*Can khương, Riêng ấm*. Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân sắc với một bát nước còn 7 phần mà uống, rất hay.

## 11. Kinh trị sốt rét vì ăn, vì tích tụ:

*Bã đậu* (bỏ vỏ, gói nhiều lớp giấy, cán cho hết dầu) 2 đồng cân, *Bồ kết* (bỏ vỏ, hat) 6 quả. Đều tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống một viên với nước chín thì khỏi.

12. Kinh trị sốt rét rừng (chuồng ngược) cùng các chứng sốt rét khác bất kỳ lâu hay mới mắc, và chứng sốt rét khát nước dữ:

*Nước dái trẻ con* 1 chén, *Mật ong* 2 chén. Khuấy đều, vớt bỏ bọt cho uống để gây nôn hết đờm xanh là được, như mửa không được thì suốt đời cũng không khỏi.

Như khát nước lấm thì dùng thuốc này sắc lên mà uống , rất hay.

13. Kinh trị sốt rét có nhiều chứng trạng khác thường (quay ngược) lúc phát lúc không:

*Xương dầu* khi đốt thành tro, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân, uống lúc đói, uống với rượu để chặn cử, hay lấm...

**14. Kinh trị lao ngược suy nhược:**

*Ô mai 14 quả, Đậu sị 2 vốc, Canh dào 1 nắm, Canh liễu 1 nắm, Cam thảo 3 tấc, Gừng sống 1 củ, Nước dái trẻ con 2 bát. Sắc còn nửa, uống lúc ấm, khỏi ngay.*

**15. Kinh trị sốt rét thành tích báng, phế lao:**

Thường ăn *mía* ngọt rất hay.

**16. Kinh trị lao nhược lâu ngày không hết:**

- *Rẽ có xước* một nắm (ky sát). Giã nát, sắc với 3 bát nước còn một nửa, chia làm 3 lần uống vào lúc sáng sớm, lúc gần làm cử, hay lúc đang làm cử thì khỏi.

- *Lá, rẽ có xước* 1 nắm. Cho 3 thang rượu vào ngâm mà uống cho hơi say, cha khỏi thời làm lại mà uống. Uống ba lần là khỏi.

**17. Truyền phương trị sốt rét, mỗi ngày lên cơn một lần hoặc cách nhặt:**

*Thường son* bò gân lá, ngâm rượu, *Hạt cau rừng*, *Đây láng rừng*, *Trần bì*, *Thanh bì*. Đầu rửa qua nước nóng, thái nhỏ, sắc uống chặn cơn, trước một giờ.

- Dùng phương trên, gia thêm vỏ cây *Võ dè* (Hoàng chỉ bì) cùng sắc, phpuoi sương, ngày sau uống vào lúc sáng sớm.

**18. Truyền phương chữa bệnh sốt rét lên cơn một ngày một hoặc cách nhặt:**

*Rẽ cà* dùng thứ đã lâu năm) 1 phần, *Sài hờ* 2 phần, sắc uống vào lúc đói, không quá vài ba lần thì khỏi.

**19. Kinh trị cơn sốt rét lâu ngày không khỏi:**

- *Hoa dào* phơi khô tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng cân với rượu rất hay.

- *Thanh bì* 1 lang đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, uống vào trước khi lên cơn 1 lần và đang lên cơn 1 lần.

- *Cuồng đưa đá* 2 cái ngâm vào nửa chén nước, uống một hồi cho mửa ra thì khỏi.

- *Thanh cao*, *Quế chi*, rét nhiều thì bội *Quế*, nóng nhiều thì bộ *Thanh cao*, cứ mỗi tháng thì dùng nắm đồng cân *Gừng sống* cả vỏ giã vắt lấy nước cùng đổ một bát nước vào sắc, uống lúc thuốc còn nóng rồi đắp mền cho kín cho ra mồ hôi, thì khỏi.

- *Dạ minh sa* (phân dơi) hòa với nước rửa sạch bụi, phơi khô, uống mỗi lần 1 đồng cân với nước chè nguội, khỏi ngay.

- *Cô roi ngựa* giã vắt nước cốt 5 chung chia uống làm 2 lần, hoặc cô thành cao, uống mỗi lần một muỗng với rượu.

- *Lá dấp cá* (dùng loại lá tía) 2 nắm, giã nhỏ, bọc lụa lại xát khắp mình vào lúc sắp lên cơn, rồi ngủ được và mồ hôi ra thì khỏi.

- *Quả kê dầu ngựa* (hoặc rẽ, cây) sấy khô, tán nhỏ, viên với hồ bàng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 30 viên với rượu, ngày uống 2 lần, hoặc giã tươi vắt lấy nước cốt uống. Kiêng ăn thịt heo.

- *Tỏi* giã nhỏ, trộn với một chút *Hoàng đơn* làm viên bằng hột củ súng, mỗi lần uống 1 viên, rất hay.

**20. Các truyền phương trị sốt rét cơn lâu ngày không khỏi:**

*Hạt cau* 3 hạt, *Ô mai* 1 quả, *Mai ba ba* nướng 1 đồng cân, *Thường son* (bò gân lá, ngâm rượu, đồ phơi), nước một bát sắc còn 7 phần, và chế thêm một chén rượu uống.

*Muội nồi* (*Nhỏ nghe*) 2 đồng cân, *Hương phụ* (giã sạch vỏ) 3 đồng cân, tán nhỏ luyện với mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên vào lúc đói với nước sắc *Ô mai* làm thang, cách một ngày một lần, uống không quá 3 lần thì khỏi.

*Mai ba ba* (cua đinh) nướng vàng tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng cân với nước sắc gừng làm thang.

Xac rắn 1 cái, làm viên nhét vào lỗ mũi thì khỏi cơn.

## 21. Truyềñ trị các thể bệnh sốt rét cơn:

*Phản nứa* (sao), *Hoàng đan* (thùy phi), *Xạ hương* một túy, đều tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với nước sắc lá *Bạc hà*, uống chặn cơn trước khi lên cơn một lúc. Nếu nóng nhiều thì uống nước *Mía voi* ép ra, từng hiệu nghiệm.

## XIII - UỐN VÁN

Bệnh uốn ván, nguyên nhân vì bị thương tích, da thịt phá vỡ bị các mụn nhọt, ghé lờ chưa lành miếng, xáy bị phong tà bên ngoài xâm nhập kinh lạc, truyền vào trong minh làm sinh ra, hoặc do dùng quạt gió nhiễm vào cũng có thể sinh bệnh.

Bệnh phát ra thời nóng rét cũng nổi lên, miệng cứng, răng nghiến, uốn cong minh ra trước, sùi bọt mép miếng, vào âm phận thì mặt tui ra mồ hôi, xem vết thương thì thấy nốt trắng, miệng bàng đầy, là chính nó vậy.

Phép trị nên theo cách trị chứng phong không ngoài 3 phép hàn, hạ và hòa giải, đừng nên thay đổi phép chữa.

### 1. Kinh trị phát bệnh uốn ván do trúng phong, cảm thấp mà sinh bệnh, thể hiện người ngay do cứng thẳng, cảm khẩu, như bệnh động kinh:

- *Nam tinh*, *Phong phong*. Hai vị đều nhau, tán nhỏ hòa với rượu nóng mà uống một đồng cân. Lại lấy thuốc ấy hòa với nước phết vào chỗ đau, thấy chảy nước ra là công hiệu, nếu đã chết mà tim còn nóng, thì lấy nước dái trẻ con còn nóng hòa với thuốc, cay răng để vào 2 đồng cân, như bị đánh đập té ngã, bị đè ép dùng rượu và nước dái trẻ con đổ vào 3 lần liền thì sống lại, cũng có thể sắc uống, hay tắm.

- *Bắt một con rét* bò đầu, đuôi, chân có độc, *Hai con bò cạp* bò đầu, chân. Hai món này sao chung nghiên nhỏ, dùng một đồng tiền xúc mà xát vào hầm răng hoặc thổi vào mũi tức thì thấy hiệu nghiệm.

- *Xác ve sầu* 5 đồng cân. Rửa sạch tán nhỏ, sắc với một chén nước rượu ngon, sôi vài dao cho uống khỏi liên, đã kinh nghiệm.

- *Đậu đen* một thăng sao hơi chín, tán nhỏ cho vào chỗ nấu cho lên hơi thì lấy xuống, đổ vào 3 thăng rượu ngon mà ngâm. Uống ấm một thăng cho ra mồ hôi rồi dùng thuốc cao mà dán.

- *Chát trắng* trong cút gà 1 vốc, *Đậu đen* 5 vốc. Cùng sao vàng, ngâm với rượu, đem nấu sơ qua cho đậu chìm xuống, tùy tửu lượng người bệnh mà cho uống, nửa giờ uống một lần, cho đến khi ra mồ hôi thì thôi, kỳ chỗ có gió, rất tốt.

- *Thịt heo mới giết*, thừa lúc còn nóng xắt mỏng đem dán chỗ đau thay đổi vài miếng thi vết sưng hết ngay.

### 2. Kinh trị sang độc phá lở trúng phong lưng uốn ván hoặc ra huyết:

*Hà thủ ô*, tán nhỏ đắp vào thì hết ngay, hay tắm.

- *Tỏi* (bỏ rễ) 1 cân, cơm ú rượu (chưa cất) 4 cân. Nấu thật nhừ ăn hết cà bã, giây lát ra mồ hôi thì khỏi.

**3. Kinh trị do vết thương dứt chém mà cảm nhiễm trùng phong eo cứng sáp chêt:**

- Sán dây sống 4 lạng, nước 3 thăng, sắc lấy 1 thăng, bò bã chia uống, nếu cần rang thi cay miệng đổ vào. Nếu không có sán dây tươi, thì dùng *Bột sán* uống mỗi lần một đồng cân với *Trúc lịch* (mảng vòi tre hơ lửa vận lây nước) uống nhiều thì công hiệu.

**4. Kinh trị uốn ván do nhợt lở phá vỡ nhiễm phong:**

- *Gõ vang* 3 đồng cân sắc rồi chưng rượu vào uống.

- *Trúc lịch* 2, 3 thăng, chưng vào 2, 3 chén nước gừng sống lúc thuốc còn ấm. Nếu không có trúc lịch thì lấy cây tre đốt ra tro, uống cho kịp thời.

- *Xác ve* bỏ đầu, chân, cánh, rửa sạch sao qua, tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng cân với rượu. Lại dùng xác ve tán nhỏ và giã *Cù hành* lấy nước trộn với *Xác ve* mà đắp vết thương, để cho độc tiết ra thì khỏi.

- Lúc mờ tối cắt lấy một miếng Vỏ cây *Hèo* ấp vào vết thương, đốt Ngài cứu lên trên mà cứu không kẽ bao nhiêu mồi, chưa đau thì đốt cho đến khi đau, đã đau thì đốt cho đến khi bớt đau, mới thôi.

- Lấy một củ *Ráy* đốt thành than mà đắp vào vết thương.

**5. Kinh trị uốn ván sưng đau vì bị đầm nước:**

*Mắt cá chép* đốt tán nhỏ, đặt vào vết thương.

**6. Truyền phương chữa uốn ván đau nhiều:**

Bắt con sâu *Bù Xè* trong cây dâu, xé ra mà đắp vào miệng vết thương thì khỏi.

## XIV - TRÚNG ĐỘC

Trúng độc là ăn nhầm đồ độc, tổn hại tạng phủ, hay là người bệnh chưa lành mà ăn đồ sống như hoa quả, thịt sống hay là trị bệnh cho uống thuốc quá liều lượng, có chất độc, hoặc có người nuôi gia truyền nuôi thuốc độc, mỗi tháng đầu độc một ngày, nhưng tháng giêng thì mồng một, tháng hai mồng hai... Phàm thuốc độc có 5 loại đầu độc vào thức ăn, thức ăn cùng thuốc độc đều vào dạ dày thì trực độc theo đường đại tiện, hoặc gây nôn ra, độc ra được là dễ chịu; nếu đầu độc theo rượu, độc chạy khắp kinh lạc thì khó cứu.

**1. Kinh trị ngộ độc, đại tiện ra máu, máu như gan, hoặc mửa ra máu, hoặc đau bụng như có vật gì cắt, tức ghẹt, hoặc bụng cứng, biến chứng rất nhiều, nếu không chữa ngay nó vào ngũ tạng.**

*Đa trống thủng*, dài 1 thước, rộng 5 tấc, rẽ *Tâm xuân* lớn như ngón tay, dài 5 tấc, thái ra từng miếng, nước 1 bát, rượu ba bát sắc còn phần nửa cho uống, thuốc độc sẽ ra ngay

- *Đa trống thủng*, đốt tán nhỏ, hòa rượu uống 3 đồng cân giây lát kêu tên họ người dâu độc thì khỏi.

- *Quán chùng* 1 lạng, *Phấn thảo* 5 phần, có mản chầu nửa nám. Sắc với nước thường uống.

- *Lõi cây dâu* 1 dâu thái nhỏ. Cho vào nồi, đổ nước ngập mà ngâm, không đổ nước nhiều quá hay ít quá, ngâm độ 2, 3 giờ, sắc 7 phần lọc bỏ bã, rồi lại sắc nữa đun lửa đèn còn 5 phần, uống lúc đói bụng, uống được chừng 5 chén thì mửa ra hết thuốc độc.

- *Dầu mè* cho uống để gây nôn rất hay.

- *Rễ rau mùi (ngò ri)*. Giã lấy nước nửa bát, hòa với rượu cho uống, thuốc độc ra ngay

- *Cút chim yến* sao vàng 1 vốc, *tỏi* 3 củ, lột bỏ vỏ già nát viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 3 viên, uống lúc đầu canh năm với nước âm ấm, thuốc độc sẽ ra ngay theo đường đại tiện.

- *Gan heo* 1 cái, *Mật* 1 thăng. Nấu chung, xắt gan làm 20 miếng ăn lúc đói bụng, mỗi ngày 3 lần ăn hết là kiến hiệu.

- *Dắt lòng* bếp 1 cục bằng trứng gà. Tán nhỏ, hòa với nước mà uống mửa được là kiến hiệu.

- *Trùn đất* 14 con, *Giá* nửa bát. Ngâm chung, đợi trùn chết hết thì bỏ trùn lấy giá mà uống, như bệnh đã nguy thì cạy miệng đổ vào, có thể cứu được.

## 2. Trị trúng phải thuốc có chất độc, đã chết rồi mà tim còn ấm, tức là phạm nhiệt độc:

- *Cắt tiết chim bồ câu*, đang lúc còn nóng, nhò ngay vào miệng bệnh nhân, nhò nhiều lần thì có thể cứu được.

- *Bột đậu xanh* khuấy với nước cho uống.

- *Cắt tiết vịt trắng* cho uống ngay lúc còn nóng, hoặc *tiết gà trống bạch* cũng được.

- *Rau sam* già vắt lấy nước cốt, 1 thăng, ngày cho uống 4, 5 lần, lại lấy bã mà đắp lên bụng cũng hay.

## 3. Trị trúng độc di ngoài ra máu:

- *Da nhím*, đốt tôn tính, hòa với nước cho uống 2 đồng cân thì lập tức mửa ra trùng độc.

- *Béo cá* phơi khô tán nhò, uống một đồng cân cũng khỏi.

4. Trị trúng độc khe nước, đường như có ai bẩn mà không thấy hiện vật, người bị trúng ớn lạnh bắt đầu phát sốt, phiền não, đau xương, nếu không trị ngay thì sinh trùng ăn vào tang phủ mà chết.

*Gốc càنه có xước* (thú càne lá dò tía) 1 nắm. Nước và rượu mỗi thứ một bát. Giã vắt lấy nước cốt, mỗi ngày uống 3 lần, sẽ kiến hiệu.

5. Trị trúng nước độc, bắt đầu đau đầu nhức mắt, ớn lạnh xương cứng dù ban ngày nhẹ, ban đêm nặng tay chân giá lạnh, đến 3 ngày trùng ăn đến hạ bộ, 6 ngày thì vỡ mủ, ăn đến ngũ tạng thì nguy:

*Ké* *dầu ngựa* lấy cà cây, lá, càne. Giã vắt lấy nước cốt, uống 1, 2 bát, lại lấy bông tắm nước thuốc xoa bóp hạ bộ, công hiệu.

## 6. Trị cổ trường đau bụng:

- *Xơ muối* 1 quả bỏ lớp vỏ, thái nhỏ, *ba đậu* 14 hạt. Sao chung chờ lúc ba đậu vàng thì chỉ lấy xơ muối sao với *Trần mè* cho chín, lại bỏ xơ muối mà chỉ dùng trần mè, tán nhỏ, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên, uống với nước chín.

- *Lá chàm* già vắt lấy nước cốt, xoa dầu mình và tú chi cũng hay.

7. Kinh tri uống nhầm thuốc độc, phát cuồng táo, thổ tả, phiền muộn, gần chết.

*Cát cân*, sắc với nước uống thì hết.

- *Dắt vách tường* hướng đông 1 thăng. Nước hai thăng, khuấy lẫn nhau, đợi lắng trong mà uống thì khỏi.

- *Sừng con tê ngưu* đốt cháy, tán nhỏ, dùng 1 đồng cân hòa với nước mà uống thì khỏi.

- *Gỗ mun hoa* vài miếng, sắc uống thì khỏi.

- *Bup chè, Phèn chua* mỗi thứ vài phân hòa với nước mà uống hết liền.
- *Cù môn nước*, nghiền với nước cho uống mửa ra chất độc thì khỏi.
- *Thạch xương bồ, Bạch phàn*. Mỗi thứ đều nhau tán nhỏ, hòa với nước mới múc mà uống, hay lầm.

## 8. Kinh trị ăn nhầm các thứ độc:

*Gừng sống* giã nhỏ vắt lấy nước cốt cho uống thì khỏi.

## 9. Kinh trị ăn nhầm các thịt độc lục súc:

- *Dâu ván trắng* đốt 1 thăng, nghiền nhão, hòa với nước uống, uống 3 đồng cân rất công hiệu.

- *Dắt vách tường* đông tán nhỏ, hòa với nước mà uống, hết ngay.

- *Cút heo* đốt cháy thành than tán nhỏ, dùng 1 đồng cân hòa với nước mà uống thì hết.

## 10. Kinh trị ăn nhầm các chất độc, cùng ăn nhầm thịt độc. Phàm thịt dậy kín để cách đêm, hoặc bị nhà dột nước mưa vào, ăn rồi bị độc mà phát trưởng, mưa ra máu, di ngoài cũng máu, ngày càng xanh xao.

*Hạt mùi* 3, 4 lạng. Nước 2 bát, sắc còn 1 bát chờ nguội, chia làm hai phần, ngày và đêm đều uống, êm ngay.

## 11. Kinh trị trúng độc thịt ngựa, thịt chó, cá, cua sinh ra căng tức dưới vùng tim, hoặc chướng bụng, khô miệng phát sốt nói sảng:

*Rễ lau* sắc với nước cho uống, tinh liền.

## 12. Kinh trị ăn nhầm gan ngựa độc:

*Xương heo* đốt thành than tán nhỏ, hòa với nước cho uống, hết liền.

## 13. Kinh trị trúng độc thịt bò, thịt ngựa.

*Sữa người* cho uống vào thì dâng.

## 14. Kinh trị ăn nhầm các loại cá độc, sinh bệnh cổ trường, bụng trường to:

- *Dậu đen* sắc với nước uống lúc còn ấm, uống xong khỏi bệnh.

- *Cò roi ngựa* 1 nắm. Sắc uống nước thì khỏi.

- *Bạc hà* sắc nước đặc mà uống, rất tốt.

- *Vỏ quýt* 1 nắm, nấu lấy nước uống khỏi ngay.

- *Bí dao* giã nhừ, vắt lấy nước cốt cho uống.

## 15. Kinh trị ăn cua trúng độc, ngây ngất, đầy bụng:

- *Hạt hoặc lá tía tô*, nấu lấy nước uống 2 thăng, hết liền.

- *Tỏi* 5, 3 củ sắc với nước uống, hết liền.

## 16. Kinh trị ăn nhầm mật con công gọi là trầm độc, mật xanh, mửa máu, gần chết:

*Cù nghệ* giã nát vắt lấy nước uống thì khỏi.

## 17. Kinh trị ăn thịt vịt, trường bụng, không tiêu:

Uống một bát nước vo gạo nếp thì tiêu ngay.

## 18. Kinh trị ăn nhầm các thứ chim có độc:

Dâu ván trắng nghiền sống, hòa với nước lạnh cho uống hết ngay.

## 19. Kinh trị chứng ăn nhiều rau quả làm cho lạnh dạ dày, trưởng bụng, thở gấp, khó chịu.

Nhục quế. Tán nhỏ quết với cơm nguội viên bằng hạt đậu nhỏ, mỗi lần uống 50 hay 60 viên với nước nóng, chưa tiêu thì cho uống nữa. tiêu thì thôi, hoặc mài với nước nóng mà uống cũng tốt.

- Nước dái trẻ con cho uống nhiều rất hay.
- Nước xáo dắt 1 chén, cho uống khỏi ngay.

## 20. Kinh trị ăn rau quả trúng độc, làm cho bụng dạ buồn bức:

Đậu đen tán nhỏ, ngâm rượu vắt lấy nước cốt nửa thang, cho uống hết liền.

## 21. Kinh trị ăn trúng nấm độc, phát cuồng, gần chết:

- Lấy chất trắng trong cùt gà đốt cháy tán nhỏ, hòa nước uống thi hết ngay.

Võ rẽ cây Võ dέ (Hoa dέ hoa cánh mỏng màu vàng có mùi thơm ngọt) 1 nắm sắc với nước mà uống.

- Lá kim ngân nhai nhỏ nuối nước, như chưa khỏi thì dùng hoa khô mà sắc với nước uống cùng hay.

- Nước dái trẻ con uống nhiều. Hoặc nước mổi xáo uống một bát cũng khỏi.

## 22. Kinh trị ăn nhầm độc mộc nhĩ, sinh ra phiền muộn:

Dây Bi dao già vắt lấy nước cốt mà uống thi khỏi.

## 23. Kinh trị ăn nhầm độc Lá Ngón (dá cát) (6) say gần chết:

- Trứng gà 3 quả, đập vỡ, lây lòng trắng cay miệng đổ vào, giây lát mưa được là sống lại.

## 24. Kinh trị chứng nuốt nhầm con dia, bụng tích trưởng đau đớn:

Nước ngâm chàm 1 chén, uống cho đi tả vài lần dia ra hết thi khỏi.

## 25. Kinh trị nuốt nhầm dia:

Bột chàm viên to bằng quả trứng gà hòa với nước mà uống thi đi tả, hết tích.

## 26. Kinh trị ăn phải nọc sâu, nọc rắn, thấy có độc trong bụng mà hạc không ra, nuốt không xuống, bụng trên nóng bức rứt.

Tiết dέ uống ngay lúc còn nóng thi yên liền.

## 27. Kinh trị ngộ độc rết cắn, lưỡi sưng, thè ra ngoài miệng và đau nhức:

- Máu mồng gà tẩm vào lưỡi và nuốt khỏi, lưỡi thu vào ngay.

- Tiết heo hoặc tiết dέ, cho uống lúc còn nóng mưa ra là khỏi.

## 28. Bàn về rượu - Phản người uống rượu quá nhiều thời rượu thiêu dốt tỳ vị, tổn hại tinh thần và thân thể, vì rượu rất nóng và rất độc. Nhưng trong việc cúng tế quý thần, thù tặc tân khách đã quen thành lệ, cho nên không thể thiếu được:

Phản đi ra sương lạnh, hoặc vào nhà người bệnh thi tùy thích mà uống nám ba chén cho mạnh thần, tránh từ uế, nếu uống nhiều quá sinh bệnh không nên khinh thường.

6. Lá Ngón: Doan trường thảo Gelsemium elegans Benth-gaven champ, họ Mă tiền. Độc chết người, ăn 3 lá trộn lên thi chết, cây này gần người thi khua động, quả nó nhỏ và đen thấy dễ sợ.

**29. Kinh trị say rượu bất tỉnh:**

- *Óc bươu, Dâu sị, Hành củ, ba vị, nấu chung và ăn, hoặc nấu lấy nước mà uống thì khôi.*

- *Cù sắn dây tươi*. Giã vắt lấy nước cốt cho uống, nếu không có át căn tươi thì dùng bột sắn khuấy với nước cho uống, cũng tính.

- *Dâu đen* một thăng, sắc với nước mà uống cho mửa thì khôi.

- *Cúc hoa* hái vào ngày mồng 9 tháng 9, phơi khô tán nhỏ cho uống tính ngay.

- *Hương phụ mě 1 lạng, Sa nhân 5 đồng cân, cam thảo 3 đồng cân*. Tán nhỏ khuấy với nước sôi, cho vào một ít muối mà uống, hoặc sắc uống.

**30. Kinh trị uống rượu rồi đi ngoài ra máu:**

- *Hèo hoa 1 lạng, (nửa sao, nửa đế sống), hạt dànіh dành sao 2 đồng cân*. Tán chung, mỗi lần uống 2 đồng cân hòa với nước mới múc, uống lúc đói bụng.

- *Cá diếc*. Nấu canh với lá hẹ, chế vào chút rượu, thường ăn, hay lầm.

**31. Kinh trị say rượu, nôn ợ:**

*Dâu dò* nấu lấy nước, thường uống sẽ khôi.

**32. Kinh trị say rượu, nhức đầu:**

*Tinh tre 1 lạng*. Nấu với hai bát nước, khi cạn được một nửa thì đập cho vào 3 quả trứng gà, sắc sôi lên mà ăn hay lầm.

**33. Kinh trị say rượu thành bệnh:**

*Dâu sị 1 vốc, Hành 5 tép, nước một bát*. Sắc còn một nửa cho uống lúc còn ấm, đắp mền, mặc áo cho ra mồ hôi, hết ngay.

**34. Kinh trị uống rượu sinh ho: bạch cương tám 1 đồng cân bỏ đầu, chân sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, uống với nước chè thì khôi.**

**35. Kinh trị người hay uống rượu, môi miệng lở loét:**

*Óc bươu* hoặc *Con Nghêu* nấu lấy nước cho uống rất hay.

**36. Thuốc cai rượu:**

*Kê đầu ngựa* 7 quả đốt cháy, chế rượu vào mà uống, sẽ ngay và không thèm uống nữa.

**37. Kinh trị uống thuốc quá liều lượng và ngộ độc buồn bức, gần chết:**

- *Lá chàm*. Giã vắt lấy nước cốt cho uống vài thăng thì khôi, hay lầm.

- *Cù sắn dây tươi*, giã vắt lấy nước cốt cho uống hoặc *Cát căn* khô thì sắc lấy nước uống thi hết.

- Cho uống nước vo gạo thì yên ngay, hoặc cho uống 1 thăng nước mới múc cũng được.

**38. Phương thuốc kinh nghiệm dùng để giải các chất độc của thuốc kinh thạch:**

Cho 1 cân *chì* vào than lửa, đốt cho chảy lấy ra, tói vào một cân rượu rồi lấy chì ra lại nấu nữa cho chảy, lại tói vào rượu, làm như vậy 10 lần, khi rượu còn một nửa thì cho uống rất hay.

**39. Kinh trị ngộ độc thạch tín gần chết:**

- *Chì* 4 lạng, nước 1 bát, mài hết chì cho uống, sẽ đỡ ngay.

- Cho uống nhiều *giấm* vào, mửa ra thì đỡ ngay.

- *Ré hoa hiên* (kim châm) giã vắt lấy nước cốt cho uống rất hay.

- *Bột đậu xanh, Hàn thủy thạch.* Các vị đều nhau, mỗi lần uống từ ba đến 5 đồng cát già rẽ chàm vắt lấy nước cốt cho uống khôi liền.
- *Đậu ván trắng* già nhò hòa với nước uống thì tỉnh.
- Cho uống một chén *dầu mè* thì dã ngay.
- *Bột nghệ* 3 đồng cát, *nước lạnh* 1 bát. Chế vào chút mật, hòa lại mà uống là yên.
- *Rơm lúa nếp.* Đốt cháy thành tro rây nước vào cho ướt, hòa 3 đồng cát *Thanh dại* vào mà cho uống, dã kinh nghiệm.

**40. Kinh trị ngộ độc Thạch tín cùng độc Ba đậu sinh ra di tả không ngớt:**

*Đậu đen* sắc thật đặc cho uống thì khôi.

**41. Kinh trị trúng độc Ba đậu sinh tả lỵ không ngừng:**

- *vò Bì dao*, tán nhò cho uống. Hoặc uống *Bột đậu xanh* với nước thì khôi.

**42. Giải độc Thạch tín, Ô dầu:**

Cho uống nhiều *nước mót mucus* để mửa ra hoặc đi ngoài (ja) được là khôi.

**43. Kinh trị ngộ độc Ô dầu, Phụ tử, Thiên hoàng., Nấm dại:**

*Đậu đen* sắc 2 vốc. Cho ăn uống hoặc sắc lấy nước cho uống khôi ngay.

**44. Kinh phương giải độc ô dầu và độc Xuyên ô:**

*Dát vách* lâu năm, khấy với nước sôi, hoặc nước lạnh lặng trong cho uống.

**45. Kinh trị người bệnh giang mai, uống nhiều chất Kinh phấn, độc ngấm vào gân cốt làm cho nhức nhói.**

*Rễ tần xuân*, cao lấy lớp vỏ trắng rửa sạch 3 cân, nước và rượu đều phần nửa, độ 10 cân, nấu cho tàn cây nhang, mỗi ngày uống một lần vào lúc đói, hết bệnh thời thoi.

## XV - PHẠM PHÒNG

Phạm phòng là do đàn ông, đàn bà mới bệnh chưa khôi, khí huyết chưa khôi phục mà lại giao cấu với nhau lửa dục bùng lên mà sinh bệnh, đàn bà phạm phòng phải đàn ông gọi là dương lịch, đàn ông phạm phòng phải đàn bà là âm lịch.

Khi phát bệnh có bạo phát, có trầm phát bạo phát thì nặng đầu, cẩm khẩu, tay chân co quắp, bụng dưới đầy, nóng, mình đau, bí đái, hôn mê, bất tỉnh, trầm phát thì hơi thở ngắn, sắc vàng, bụng trên trương lên, ăn uống ít, không trị gấp thì hay chết người, nên chiếu theo phương mà trị.

**1. Trị phạm phòng do bệnh thương hàn mới khôi mà giao cấu sinh bệnh tay chân co quắp, bụng trương nóng, đầu không ngẩng lên được, cần phải cho ra mồ hôi, nếu đến 4 ngày mới chữa là khó khôi:**

- *Lá chàm* 1 nǎm, *phân chuột* 21 hạt. Sắc cho uống ra mồ hôi là khôi.

- *Rễ hẹ* 1 nǎm, *Phân chuột* 14 hạt, đem sao cháy, sắc hai bát nước, cạn đến một nửa, bỏ bã, lai sắc trào lên cho uống. Khi còn nóng, ra mồ hôi là khôi, chưa khôi thì uống nữa.

2. Trị thương hàn chưa thật khỏi mà vội giao cấu, sinh đau bụng, sưng hòn dái:

*Hành trắng* 3 củ. Giã nát hòa với một chén *giấm* cho uống, khỏi ngay.

3. Trị phạm phòng đau bụng dưới, teo hòn dái, ra mồ hôi lạnh, tay chân giá lạnh, nếu không trị thì nguy:

*Hành trắng* giã nát xào nóng đem chườm vào rốn, lại lấy 20 củ *hành tăm* nữa giã nát nấu với rượu cho uống, hết ngay.

4. Trị thương hàn phạm phòng đau bụng, giá lạnh:

- *Hạt cải*, nghiền nhò, hòa với nước mà đắp vào rốn.

- *Cải bẹ* 1 nắm, vò lấy nước, vắt lấy nước đặc cho uống là khỏi.

- *Can khuong*: Giã thành bột cho uống 1 đồng cân với nước sôi, trùm mền cho ra mồ hôi hay lấm.

5. Trị bệnh nhiệt do ăn hay phạm phòng, mà tái phát cẩm khẩu, sắp nguy: dành dành 30 quả, nước 3 tháng. Sắc còn một thăng cho uống, ra một ít mồ hôi là khỏi.

6. Trị thương hàn bị nhọc mệt đau tức hòn dái, sưng dùi vể:

*Tinh tre* 1 nắm, đẻ cà vỏ xanh, sắc sôi 5 đạo bỏ bã, uống ấm thì khỏi.

7. Kinh trị mệt nhọc, mà bệnh trở lại, hòn dái sưng, hoặc lặn vào trong bụng mà đau đầu mặt, mình mẩy, tay chân nặng nề, nóng ran ở bụng dưới, co quắp gần chết:

*Trùn đất* 1 vốc, nước một bát. Sắc còn một phần ba, uống luôn một lần thời khỏi.

8. Kinh trị giao cấu phạm âm độc, đau bụng gần chết:

*Tiết heo*, nhân lúc còn nóng hòa với nước cho uống, hết liền.

9. Kinh trị thương hàn mới khỏi, lại phạm phòng gần chết:

- *Cứt ngựa*, đốt cháy tán nhỏ hòa với rượu cho uống một đồng cân thì khỏi.

- *Tóc rối* một nắm, *mỡ heo* 3 chung. Cho vào bình sạch, nấu một giây lát đến tóc cháy hết bỏ bã, chia làm hai lần uống thì khỏi.

*Rễ phu cây đa* (Nhỏ giữa) 1 nắm, *Gừng* 3 lát. Sắc với nước mà uống cho tẩy ra chất độc thì khỏi.

- *Muối trắng* sao qua đem đốt trên rốn rồi lấy lá ngải cứu, cứu chín mồi cho đi lồng là khỏi.

10. Truyền trị bệnh nặng mới khỏi mà sớm làm việc nặng nhọc hay ăn uống ngộ độc muối chết.

*Mai ba ba* (yếm cua đính), đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng cân với nước sôi khỏi liền.

11. Truyền trị phạm phòng nặng gần chết:

*Mè gà* 1 cái, đốt tồn tính, tán nhỏ, uống với nước nóng yên ngay.

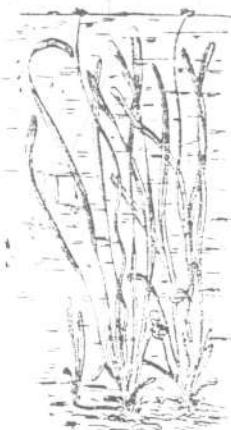
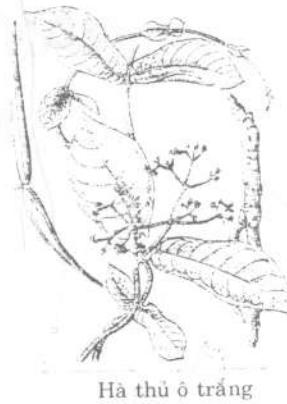
12. Truyền trị phạm phòng, mới bị là miệng cầm, khó thở, ngạt mồ hôi muốn chết, hoặc phạm đã lâu, nhập lý, mặt mày khô vàng, thở ngắn trên thực dưới hú, ăn uống không được, giống như hư lao, phương này thực là thuốc tiên.

- *Dành dành, củ sắn dây, Nam sâm,, Cát cánh. Mỗi vị 1 đồng cân, Cam thảo, Hè cỏ rẽ. Mỗi vị 5 phần. Phân chuột (chọn hai đầu) sao cháy 10 hạt, nước 1 bát. Sắc còn phân nửa, uống nóng, đắp mèn cho ra mồ hôi.*

Chỉ dùng *dành dành, Hè, Phân chuột*, 3 vị cũng công hiệu.

13. Truyền trị dàn ống lúc dàn bà kinh nguyệt chưa dứt đã vội giao cấu, ác khí truyền vào bụng, thân thể gân cốt đau như dùi dâm.

*Lược gãy. Nệm rách, Tóc rối, Lá đau già. Mỗi vị đều nhau dót tòn tách, tán nhỏ mỗi lần uống 3 đồng cân với nước nóng thì khỏi.*



<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYẾN II**

**CÁC BỆNH VỀ KHÍ**

## I - ĐÀM ẨM

Về bệnh đàm. Nội kinh chia làm 6 loại khác nhau: thấp đàm nhiệt đàm, phong đàm, lão đàm, hàn đàm, tích đàm, nhưng sinh bệnh đều do tỳ vị mà ra, hoặc ăn uống đồ sống, lạnh, hoặc lúc ngồi, lúc nằm nhiễm gió độc hoặc lo lắng sầu não, hỏa thiêu dốt tân dịch mà sinh đàm, có khi đờm vào kinh lạc bị phù, có khi nhập vào tạng phủ gân xương, lan tràn khắp thân thể, không chỗ nào tránh khỏi. Phát bệnh mà phạm đến tỳ thì bỗng nhiên bỗng đó là chứng quyết đàm, hoặc đưa lên phế thì ho thở rộn lên; hoặc mê vào tâm thì giật mình hoảng hốt chạy vào can thì chóng mặt mất cảm giác, gân sườn sưng đầy, hoặc phạm đến thận thì khạc ra nhiều đờm, hoặc qua dạ dày thì ỉa, mửa, nóng, rét, hoặc chạy đến ngực thì họng rất khó chịu, nhức gò xương mày hoặc vào trong ruột thì có tiếng lọc ọc, hoặc kết hạch ở cổ họng hoặc sưng ở mình mẩy tay chân mà biến hóa ra nhiều bệnh. Phép trị phải theo từ nguồn gốc:

### 1. Truyền trị phong đàm trong ngực bí kết không thông:

*Tân lang (hạt cau)* tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước đái trẻ con hoặc nước sôi rất hay.

### 2. Kinh trị nôn mửa ra đờm dài hoặc khí nghịch thở gấp:

*Tân lang* 1 hạt thái nhỏ, sao vàng. Vỏ quýt rửa nước sôi bỏ xơ trắng sao khô 3 đồng. Sắc với nước uống lúc còn ấm.

### 3. Kinh trị đờm khí trong ngực trường đầy:

*Sa nhân* lấy củ cài già nát vắt lấy nước cốt mà ngâm, sấy khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân sau bữa ăn với nước sôi.

### 4. Kinh trị đờm ẩm tích lâu phong khí căng lên khó chịu ở vùng thượng vị:

*Hương phu* (nấu nước bồ kết mà ngâm). *Bán hạ* (nấu với nước gừng). Mỗi thứ một lang, phơi khô. *Phèn chua*, nửa lạng. Các vị cùng tán nhỏ, lấy nước gừng khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 - 40 viên, nấu nước gừng tùy lúc mà uống rất hay.

### 5 Kinh trị phong nhiệt, đờm nghẹt cổ tức ngực, dùng thang này hóa đờm thanh nhiệt ở trên rất hay:

*Bạc hà*. tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hột khiêm thực, mỗi lần ngâm 1 viên, lâu lâu nuốt xuống.

### 6. Kinh trị người lớn tuổi, nhiều đờm khí trường, vì người già thường hay động khí, khí lên thì đờm lên, khí hạ thì đờm hạ, khí lưu thì đờm lưu hành, khí ngưng trệ thì đờm ngưng trệ, nên cho uống phương này thì đờm di cho thuận dùng Tam tử dưỡng thân thang:

*Hạt tía tô*, *Hạt cù cải*, *Hạt cải bẹ*. Mỗi vị 3 đồng cho vào trong nước, lựa lấy thứ chìm. đem sao qua, gia thêm 5 lát gừng sắc uống hoặc gia *Nhi trùn thang* (7) càng hay.

*Nhi trùn thang* (cục phường) *Bán hạ* 2, *Trần bì*, *Bạch linh* 1, *Cam thảo* 1/2 thêm gừng sắc uống. Chữa tất cả các chứng đàm.

7. Truyền trị phong đàm làm nhẹ đầu náo, khai vị kiên tỳ, tiêu tích đàm, tích thực, tích rượu, trướng bụng, sưng sướn, đờm đặc, nôn mửa, uống vào hay lảm:

*Nam tinh* chế với nước gừng 2 lạng. *Cử giềng* 5 đồng, *Sa nhân* 5 đồng. *Cử gấu* 1 lạng. Các vị tán nhỏ, lấy nước gừng khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng nấu chín không cứ lúc nào, mùa hè ruột lạnh càng nên uống.

8. TruyỀn trị phong đàm, điều hòa họng ngực, phá tích trệ, tan đau nhức, khò ho hen:

*Bồ kết* bò vỏ hột, bôi mỡ hoặc váng sữa mà nướng. *Phèn khô* (phèn phi) 2 vị đồng nhau, tán nhỏ khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 - 40 viên vào sau bữa ăn với nước gừng nấu chín.

9. TruyỀn trị tất cả các chứng phong đàm bế tắc, sùi bọt dài nghẹt cổ họng, cùng trẻ em kinh phong đờm khò khè suyễn thở, và các chứng đau họng:

*Bồ kết* (bò vỏ hột sao) 1,5 lạng, *Hoàng đơn* (thủy phi) 1,5 lạng, *Phèn khô* 5 đồng, *Bạch cương tam* (bò đầu chân, sao) 5 đồng, các vị tán nhỏ, nấu hồ bột nếp viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng nấu sôi.

10. Kinh trị khí trệ ở trung quản, đờm dài, phiền muộn, đau mắt chóng vàng.

*Nam tinh* bò vỏ, *bán hạ*. Mỗi vị 2 lạng rưỡi và đều tẩy nước sôi 7 lần rồi tán nhỏ hòa với nước cốt gừng mà làm thành bánh, đẻ vào sot tre, đây lá cây dương ủ kín, đợi mọc meo vàng thì mang phơi khô, bột thuốc một lạng thì thêm bột hương phụ 5 đồng cân nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên với nước gừng vào sau bữa ăn, rất hay.

11. Kinh trị chứng thấp đàm đau vùng tim thở gấp:

*Bán hạ* tắm dầu sao, tán nhỏ nấu hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng nấu nóng.

12. Kinh trị đờm lạnh kết chặt, khạc không ra, khàn cổ, tiếng nói khàn, bệnh lâu năm cũng hay.

*Bán hạ* (chế với gừng) 5 đồng. *Quế tâm* 1 đồng, *Ô dầu* (chẽ) nửa đồng. Đều tán nhỏ, giã nước gừng khuấy hồ làm viên bằng hột khiếm thực, mỗi lần dùng một viên, lúc đi ngủ ngâm rất là hay.

13. TruyỀn trị chứng do nhiệt tà bốc lên, đờm dài bế tắc, bụng cồn cào, mửa ra đồ ăn, q hơi tích rượu, mọi chứng tích trệ, nóng lở sưng đau, hoặc bí đái bí ỉa, sắc mặt ốm vàng, đẻ ra quái thai, tích huyết thành cục và nuốt nhầm đồ đồng đồ sắt cùng chứng xích bạch lị đều trị được.

*Hạt bìm bìm* trắng 4 lạng (nửa sao nửa để sống) nghiền nhò ra, rây lấy bột lăn dầu, *Chi xác sao* 5 đồng tán nhỏ, dùng rượu ngon khuấy hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 100 viên vào lúc canh năm với nước trà nóng sẽ ỉa ra các đồ tích độc, rồi cho ăn cháo trắng thi các bệnh đều khỏi. Kiêng ăn cá tanh, đồ sống lạnh, đồ nóng, đàn bà có thai chớ uống.

14. Kinh trị tất cả các chứng đờm khi thở gấp.

*Hạt cải củ*, (sao thơm), *Hạt bồ kết* (đốt tồn tính). Hai vị đều nhau tán nhỏ dùng nước cốt gừng hòa với mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi rất hay.

15. TruyỀn trị chứng đờm nghẹt tắc, ngực đầy tức khí nghịch lên gần chết:

*Phèn khô* bắc cử nhiều hay ít, tán nhỏ, *Gừng sống* 10 lát, nấu lấy nước hòa thuốc cho uống đẻ chịu ngay.

**16. Kinh trị thấp đờm vì hỏa bốc lên, ngăn chặn ở ngực ho khạc ra đờm đặc:**

Trần bì nửa thang, bỏ vào nồi đất, dùng muối 5 đồng ủ ngâm cho tan ra nước rồi sao khô, cam thảo 2 lạng bỏ vào tẩm mật nướng.

Đều tán nhỏ, luyện với bánh chưng làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên với nước sôi là khỏi.

**17. Kinh trị đờm ngăn ở ngực, khí trướng:**

- Trần bì 3 đồng, sắc nước uống nóng.

- Truyền phuong - chỉ xác bỏ ruột sao 2 lạng, Bán hạ chế gừng 2 lạng, Trần bì bỏ cùi trắng 2 lạng. Hạt bìm bìm đen 3 lạng. Đều tán nhỏ, nấu hồ bột gạo té làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước gừng lúc no.

- Hạt bìm bìm (sao qua già lấy lớp bột đầu) 4 lạng, Bồ kết sao bỏ hột, phèn chua 1, 2 lạng. Đều tán nhỏ, hòa nước làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu vào lúc đói.

- Y phương trên gia thêm Trần bì bỏ xơ trắng hai lạng, dùng củ cải, ninh cho nhừ mà làm viên, uống với nước gừng.

**18. Kinh trị chứng phong đàm ho thở, đêm nằm ngủ không được:**

Bach cương tằm sao 1 lạng, trà ngon 1 lạng. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng với nước sôi vào lúc đi ngủ, rất hay.

Bach cương tằm 7 côn ngâm nước vo gạo (bỏ đầu chân), nghiền nát ra uống với nước gừng.

**19. Truyền trị chứng nhiều đờm, thoát nhiên đờm suyễn kéo lên nghẹt tắc, thở không được gần chết.**

Củ nghệ già nhò, Nước dái trẻ con 1 bát, hòa vào với nghệ, lọc bỏ bã uống, tinh ngay.

## II - HO

bệnh ho theo sách Nội kinh phân làm 10 chứng, nhưng căn bản đều do ở phế, vì phế chủ khí mà sinh ra tiếng, nhưng khi phát bệnh đều có chứng khác liên quan, nên kể ra từng mục sau này để rõ cách điều trị.

Ho không đờm mà có tiếng là "khái" phế đã tổn thương là không mát.

Ho không tiếng mà có đờm là "thấu" do tỳ thấp mà sinh đờm.

Ho có tiếng và có đờm là khái thấu phế khí tổn thương và tỳ thấp trễ.

Ho do phong hàn thì nghẹt mũi, khản tiếng ghét gió, ghét lạnh, hoặc tự đổ mồ hôi, đổ mồ hôi trộm.

Ho do phong hàn uất nhiệt ở phế, thì đêm ho nhiều hơn.

Ho do đờm là khi ho có tiếng khò khè, khạc ra được ít thì hết.

Ho do hỏa uất thì ho có tiếng, mà đờm, ít, mặt đỏ.

Ho khan là hỏa uất nhiều quá, nóng nung trong phổi là chứng khó trị.

Ho lao thì đờm nhiều mồ hôi trộm, hoặc phát cơn nóng rét.

Ho có sưng phổi là hẽ cử động thì ngực tức, khó thở.

Các chứng bệnh như trên, nên chiếu phương mà chữa.

1. Kinh trị ho vì hàn, thể hiện dờm đặc, dờm lỏng dạng lại dày tức trong ngực, đau mắt choáng váng ho hen dờm dài, hoặc uống rượu quá nhiều, nôn ợ kèm giặng.

Riêng ẩm (sao), *Thanh bì* (bò vò trắng), *Can khuong* (sao), *Trần bì* (bò xơ trắng), mỗi vị 5 đồng cân. Đều tán nhỏ, dùng dấm khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên sau bữa cơm, uống với nước cơm.

## 2. Kinh trị ho vì dờm suyễn không ngủ được:

- *Trà ngon* 1 lượng, *Bạch dương tám* 1 lượng. Đều tán nhỏ cho vào cái bình dày kín, chè vào 4 bát nước sôi, khi đi ngủ lại chè thêm nước sôi vào cho nóng mà uống nóng là khỏi.

- *Nam tinh* bò vò, *bán hạ* (đều tẩy nước sôi 7 lần, tán nhỏ trộn với nước cốt gừng làm bánh, để vào trong cái nia, lấy lá *Dương* dày kín lại, chờ mọc meo vàng thành men); *Trần bì* 1 lượng cùng tán nhỏ, lấy nước cốt gừng khấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 40 viên với nước gừng. Nếu dờm lạnh thì bỏ *Trần bì* mà thêm *quế* 5 đồng cân, rất hay.

- *Hạt cải* củ một vốc, đái vào nước cho sạch, sấy khô, sao vàng, tán nhỏ, thăng nước đường làm viên bằng hột cây súng, bọc vào bông mà ngậm rồi nuốt, rất hay.

## 3. Kinh trị ho vì phong đàm:

*Nam tinh* 1 củ nấu với gừng, sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng cân sắc với ba lát gừng và 1 bát nước, lấy một nửa, sớm, trưa, chiều uống 3 lần, rất hay.

## 4. Kinh trị ho hen đàm suyễn bất cứ lâu năm hay mới mắc:

Lá *thầu dầu*, lá *dâu* đều dùng lá đã già. *Trầu* sao mật các vị đều tán nhỏ, thăng mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống một viên với nước sôi, rất hay.

## 5. Kinh trị chứng ho lâu ngày:

- *Nước cốt gừng* 1 chén, mật một muỗng, nấu nóng lên mà uống, 3 lần là khỏi.

- *Trần bì*, *Thần khúc*, *Sinh khuong* sấy khô. Đều bằng nhau và đều tán nhỏ, quyết bánh chưng làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên, uống sau bữa ăn và trước khi đi ngủ, rất hay.

- *Rễ thầu dầu* thường nhai nuốt nước, dần dần tự khỏi.

## 6. Kinh trị bệnh ho dã lâu năm:

Củ *Bách bộ* 10 cân rửa sạch bò vò, bò lõi, giã vắt lấy nước cốt, cho mật vào thăng, cô thành cao, mỗi lần uống một muỗng, mỗi ngày uống 3 lần, rất hay.

Củ *bách bộ* tươi, *gừng sống*. Đều giã, vắt lấy nước cốt, mỗi thứ nửa chén, nấu sôi lên mà uống.

## 7. Kinh trị ho hen, thở ngắn hơi.

- *Càn khuong* (sao), *Bồ kết* bò vò, hột và quả có sáu mắt (sao). *Quế* tẩm màu tía, các vị bằng nhau đều tán nhỏ, luyện với mật ong, quết 3000 cháy, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 3 viên khi khát ho là uống, kiêng ăn hành, bùn tàu, dầu mỡ chiên xào.

- *Hạt muối già* đốt tồn tính, tán nhỏ, lấy thịt quả táo quết làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống một viên với rượu nóng, sẽ tiêu dờm hết ho.

- *Dào nhân* 2, 3 lượng (bò vò và đầu nhọn) giã nát, cho vào một cái bát nước chát lấy nước cốt cho gạo té vào nấu cháo mà ăn rất tốt.

- *Tía tô* cá cành lá, 2 đồng cân, *nhân sâm* 1 đồng cân, *Gừng* 3 lát, nước 1 chén, sắc mà uống. Phương này thêm *Vỏ quýt* khô, *Ngũ vị tử* 10 hạt.

- *Hột tía tô* nghiền với nước, lọc lấy nước cốt, nấu cháo với gạo té mà ăn, thì khỏi bệnh.

**8. Kinh trị ho do nhiệt thể khô miệng ngạt mũi:**

Mía ép lấy nước, nấu cháo với hột kê ăn ngày hai lần, rất nhuận tim phổi.

- Thiên hoa phấn 1 lạng, Nhân sâm 3 đồng cân. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm sẽ hết.

**9. Kinh trị ho lâu năm, phiền nhiệt dần dần thành ho lao, các thuốc đều vô hiệu:**

- Phân tăm mỗi lần dùng một thăng tán nhỏ, khuấy nước để lắng trong, gạo tẻ nấu cơm mà ăn, 5, 6 lần là khỏi.

Thiên môn, Mach môn, Cù bách bộ đều bỏ vỏ, bỏ lõi, mỗi thứ 1 lạng. Bạch mai 3 quả, tang bạch bì 5 đồng. Dùng 1 chén nước cốt gừng hòa với mật ong, luyện làm viên bằng hạt nhân, mỗi lần ngậm một viên, rất hay.

- Dao nhân 2 lạng, (bóc vỏ, bỏ đầu nhọn, hạt nào có hai nhân thì không dùng) gan heo 1 chiếc, tắm nước đái trẻ con, cùng phơi khô già nát, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, cách xa bữa ăn, uống với nước sôi.

**10. Truyền trị phổi nóng ho hen lâu năm.**

- Con dơi đốt rồi tán nhỏ hòa với nước cơm, uống rất hay.

Cao thiên môn mỗi lần uống 1 thìa với nước sôi, uống lâu rất có ích. Cách nấu cao xem ở môn Bổ ích, quyển 7, phần IV.

**11. Kinh trị chứng ho ra máu, lúc ho khạc ra đờm có máu là nóng uất phổi mà sinh ra, phép trị không ngoài thanh hóa mà thôi.**

Cao thiên môn uống như vừa nói ở trên.

**12. Kinh trị ho ra máu:**

Ý dĩ nhân mỗi lần dùng một lạng già nát. Nước 1 bát, sắc còn một nửa, cho vào ít rượu mà uống, hoặc dùng Ý dĩ tán nhỏ, phổi heo xắt miếng, chấm mà ăn, rất hay.

**13. Kinh trị ho nặng quá thở huyệt:**

Vỏ dê râu 1 cân. Kiêng sát ngâm nước vo gạo 3 đêm, bỏ lớp vỏ ngoài và lõi cứng bên trong, cho vào 4 lạng gạo nếp cùng sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với nước cơm rất hay.

**14. Kinh trị hư lao ho lâu ngày khạc ra máu:**

- Ngũ bột tử sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, sau bữa ăn, uống với nước trà hòa lẫn với nước cơm sẽ hết ho ra máu.

- Bông nón tươi, lá sen khô đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng, dùng Tang bách bì sắc nước làm thang uống vào lúc xa bữa ăn.

**15. Kinh trị ho lao lâu năm ra máu mù:**

Cù ráng, gỗ vang 2 vị đều bằng nhau, mỗi lần dùng 3 đồng, nước một chén, gừng 3 lát sắc uống mỗi ngày 2 lần, hoặc lâu quá đã thành lao thì dùng rễ cỏ seо gà tán nhỏ, chấm với mắm mà ăn rất hay.

**16. Kinh trị ho lâu năm thở gấp, hoặc khạc ra máu mù:**

Ý dĩ nhân 3 lạng, tán nhỏ, nước một bát sắc còn một nửa chே rượu vào một chén uống nóng vào lúc nào cũng được rất hay.

**17. Kinh trị ho vì hỏa nhiệt, hoặc khạc đờm ra có đinh máu:**

Hòe hoa (sao khô) Tang bách bì (tẩm mật nướng), Chi tử (sao với nước đái trẻ con). Mỗi vị 3 đồng. Ô mai một quả, sắc nước uống nóng lúc xa bữa ăn là hay.

**18. Kinh trị ho ra máu, tức ngực là hỏa bức ở phổi:**

Cài cù 3 củ giã vắt lấy nước cốt một chén cho vào tí muối mà uống hết ngay.

**19. Kinh trị ho ra đờm, khí xông lên thở dốc, khạc ra máu mù:**

Hột cù cài một vốc sắc nước uống sau bữa ăn.

**20. Kinh trị ho ra máu:**

- Rễ cỏ tranh, Tang bạch bì, Hạt dànhan dànhan sao đen. Các vị đều nhau sắc uống, bất cứ lúc nào.

- Lá sen khô, Hoa hòe sao qua, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng hòa với nước đái trẻ con mà uống rất hay.

**21. Kinh trị ho ra máu do phế hư:**

Phổi heo luộc chín xắt miếng, Ý dĩ nhân sao qua tán nhỏ trộn vào thường ăn dần sẽ hết.

**22 Kinh trị ho, phổi khô ráo (mất tiếng).**

Củ sắn dây, Hèo hoa, Dành dành, Muối ăn các vị đều 2 phần: Ô mai, Cam thảo đều 1 phần sắc rồi chế vào tí mật, uống dần dần sau bữa ăn thì khỏi.

### III - SUYỄN

Suyễn là một bệnh mà hơi kéo lên thở gấp quá, không thể điều hòa hơi thở được. Nguyên nhân đều do phế hư mà ghé hàn, hoặc thực mà ghé nhiệt hoặc bị thủy khí lấn hoặc lo sợ khi uất lòng lên, hoặc âm hư, hoặc khí hư, hoặc đờm tắc, hoặc hơi thở gấp, hoặc vi hư, hoặc hỏa xông lên v.v... mà sinh ra suyễn, cho nên mắc bệnh không giống nhau, ta đừng cho suyễn chỉ là một chứng. Nay nêu các phương sau đây để tùy chứng mà chọn dùng.

**1. Kinh trị thất tình uất kết, khí xông lên thở gấp sinh ra suyễn:**

Chi xác. Tân lang, Trầm hương, Ô dược. Các vị bằng nhau, mài vào chén nước cho đặc, lại sắc sôi 2, 3 dạo, uống lúc nóng, lúc đói.

**2. Kinh trị hen suyễn khò khè, bất cứ người lớn, trẻ con dùng có công hiệu:**

- Hạt chè 2 hạt, lấy ít nước vo gạo nếp mài ra cho đặc, nhô vào lỗ mũi làm cho hít vào miệng rồi nuốt và cắt một ống tre cho ngậm, một chốc thì nước bọt chảy ra như sợi chỉ. Làm ba bốn lần thì triệt nọc, đã kinh nghiệm.

- Tố kiến nghiền nát, trát mỏng trên tờ giấy bǎn cuộn lại làm mồi, đốt cháy 1 đầu rồi đưa đầu kia cho khói xông vào họng.

**3. Kinh trị suyễn do đờm khí:**

- Hạt cài cù sao vàng, Hạt bồ kết nướng tán nhỏ luyện mật ong với tí nước gừng làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 - 60 viên uống với nước sôi, rất hay.

- Củ mài tươi giã nát nửa chén, đổ vào nửa chén nước mía rồi quấy đều, nấu cháo ăn thì khỏi.

- Lá thầu dầu tía (dùng các chót nhọn) 3 đồng, Phèn phi 2 đồng, thịt heo 1 lạng. Thái thịt ra từng miếng mỏng ướp thuốc đã tán nhỏ vào, lấy lá sen gói lại, đun nhỏ lửa nấu chín. Nhai nhở uống với nước sôi thì khỏi.

- Nghê đen 5 đồng, rượu 1,5 chén, sắc còn 8 phân, uống sau bữa ăn thì khỏi.

- Phương trên gia thêm Tang bạch bì.

- Rễ cỏ tranh tươi một nắm, sắc mà uống, ba lần là khỏi. Rất hay.

- *Ngũ vị tử*, *Phèn chua* 2 vị bằng nhau, tán nhỏ. Mỗi lần uống 3 đồng, lấy phổi heo nướng chín, rắc thuốc vào nhai nhở, uống với nước sôi, hay không gì bằng.

- *Xương đầu mèo* đốt cháy ra tro liều uống 3 đồng, uống với rượu.

- *Thanh táo* cả cành và lá 2; 3 nắm rửa sạch, nước 4 bát, sắc còn 1 bát hòa với một chén mật ong, uống lúc đói, còn bã thuốc lại sắc mà uống, chỉ uống độ 3; 4 lần là khỏi.

- *Cù tỏi già* lăn với bột gạo té làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 8, 9 viên với nước muối nấu sôi vào lúc đói bụng, hết bệnh thì thôi.

- *Trần bì* (bò xơ trắng), *Hạt tía tô* (sao qua), *Chi xác* (sao), *Hạt định lịch* (sao qua), *Nam tinh* thái nhỏ nấu với nước gừng rồi sao. *Vỏ trắng*, *Rễ dâu* (tẩm mật nướng). Mỗi thứ một phần. Ngũ vị nửa phần, bắc làm một thang thêm 3 lát gừng, sắc uống xa bữa ăn, sẽ kiến hiệu.

- Chỉ dùng *Trần bì*, *Hạt định lịch* và vỏ trắng *Rễ dâu* 3 vị mà thôi.

#### 4. Kinh trị lèn cơn suyễn gần chết:

*Lá hẹ* 1 nắm, nước một thăng, sắc đặc mà uống thì khỏi.

*Uất kim* 1 lượng, giã sống, hòa với nước đái trẻ con, láng bỏ bã mà uống thì khỏi, chưa khỏi thì uống nữa.

#### 5. Kinh trị chứng phong đàm suyễn cấp:

- *Phèn phi* 1 lượng, *Bồ kết* nướng 5 đồng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước sôi uống dần, ho thấy mửa ra đờm tích sẽ khỏi.

#### 6. Kinh trị đờm suyễn kéo lên khò khè, do ăn quá nhiều đồ béo mà sinh ra:

*Hạt cải* củ dài nước cho sạch, nấu chín, phơi khô, tán nhỏ tẩm với nước cốt gừng, quết với bánh chưng làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên nhai thấm với nước miếng mà nuốt, mỗi ngày uống 3 lần là khỏi.

#### 7. Kinh trị người già khí thực, cùng người trai tráng bị đờm nghẹt mà làm cơn suyễn:

- *Hạt tía tô*, *Hạt cải bẹ trắng*, *Hạt cải củ* ba thứ đều nhau, cùng sao tán nhỏ, đổ một bát nước, sắc sôi vài долю, cho uống nóng, yên ngay.

- *Hạt cải củ* sao qua tán nhỏ, thằng mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi rất hay.

#### 8. Kinh trị các chứng khí nghịch, ngực đầy, thở gấp, ho hen, bụng đau như dùi dăm:

*Hạt tía tô*, *Trần bì* (bò lợp trắng), *Nhục quế* (bò vỏ thô), *Riềng ấm* (sao), *Nhân sâm*. Các vị cùng bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống 1 viên với nước cơm sôi.

#### 9. Kinh trị thủy khí hư thũng, nước đái đờm sền sاء là lèn cơn suyễn.

*Trần bì* (bò cùi trắng), *Phong kỷ*, *Mộc thông*, *Lá tía tô*. Mỗi vị 5 đồng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng nấu sôi.

#### 10. Truyền trị lèn cơn suyễn nôn ra đờm, bụng trương đầy, đại tiện bí:

*Chi xác* (sao) 7 phần, *Cù gấu* (sao) 7 phần, *Dây duỗi leo* 10 phần, *Rễ cây buom bướm* 10 phần. *Hạt tía tô* (sao) 5 phần, *Trần bì* (bò cùi trắng) 5 phần, *Gừng sống* 3 lát. Sắc cho uống lúc sáng sớm, khỏi ngay.

- *Tắc kè*, *Xác rắn lột*, Hai vị bằng nhau, đều đốt tàn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân hoặc nửa đồng cân, uống với rượu hâm nóng, sau bữa ăn.

### 11. Kinh trị mùa hè trung nắng, mình nóng phát suyễn:

*Hương nhu* 2 đồng, *Hậu phác* (ngâm nước gừng sao) 1 đồng, *Đậu ván trắng* 1 đồng, *Rễ séo gà* 1 đồng. Các vị đều ngâm nước cốt gừng rồi sao thơm, nước 1 bát, sắc sôi, chè vào ít rượu, chờ nguội mà uống.

### 12. Truyền trị hen suyễn:

*Nước chanh*, *Nước cốt gừng*, *Nước dái trẻ em*. Mỗi thứ một bát, nấu chung mà uống đến khi khỏi bệnh thì thôi.

Truyền phương: - *Nước cốt gừng*, *Mật mia*. Mỗi thứ nửa chén, nấu lên uống dần dần rất công hiệu.

Truyền phương: *Tùa cau rủ* (đốt tὸn tinh tán nhỏ). Mỗi lần dùng 1, 2 đồng trộn với cháo trắng mà ăn, 3 lần là khỏi.

Truyền phương: Vỏ cây duối, kiêng dao sắt lấy dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, đập dập sắc với nước, hòa thêm một chén rượu mà uống, rất hay.

### 13. Kinh trị hen suyễn lâu năm:

*Trứng gà*: bắt cầu nhiều hay ít, nhẹ tay đập hơi dập, ngâm với nước dái trẻ em trong cái hũ nhỏ 3, 4 ngày, rồi đem luộc chín mà ăn, hết bệnh thì thôi. Phương này có thể khử phong đàm, thanh phế nhiệt.

## IV - LAO PHỔI

(Phế nuy)

Bệnh lao phổi vì ho lâu ngày, mồ hôi ra quá nhiều, tân dịch mất hết, đi đại tiện ra như đưa thối, như mùi mỡ heo, đi đái luôn mà không khát mửa nhiều đờm dãi, mà không có đờm đặc, đó là do phổi hư tổn lao nhiệt mà sinh ra. Nếu khát mà uống nước là bệnh sấp khỏi. Nên chiếu phương mà trị.

### 1. Kinh trị lao phổi mửa ra nhiều đờm dãi, đầu choáng váng, dái luôn mà không khát nước, tức là lạnh trong phổi:

*Cam thảo* 4 lạng, *Can hương* 2 lạng. Nước 3 thăng. Sắc còn một nửa mà uống là khỏi.

### 2. Kinh trị lao phổi, ho lâu ngày, nước dái nhiều, khớp xương buồn nhức, khó chịu, phát nóng sốt:

*Cam thảo* 3 lạng nướng khô tán bột, mỗi ngày uống một đồng cân với nước tiểu trẻ em, rất hay.

### 3. Kinh trị lao phổi không ăn được:

*Rễ lau*, *Mạch môn* 4 lạng, *Địa cốt bì*, *Gừng sống*, đều dùng một lạng. *Trần bì* 5 đồng, *Phục linh* 5 đồng. Nước 2 bát sắc còn 7 phân lọc bỏ bã, chia 5 lần uống, đổ mồ hôi là khỏi.

### 4. Kinh trị lao phổi, ho nhổ ra bọt, trong lòng nóng, cổ họng ráo mà không khát nước.

*Thiên môn* (cạo vỏ bỏ lõi, già sống vắt nước cốt) *Rượu* 2 đấu. *Kẹo mạch nha* 1 đấu. *Tử uyển* 4 vốc. Dùng nồi đất nấu thành cao cho đến khi làm hoàn được viên bằng hạt nhăn, mỗi lần uống 1 viên, ngày 3 lần uống rất tốt.

Kiêng ăn cá chép.

**5. Kinh trị lao phổi, ho nhổ ra máu mù:**

Ý dí nhán 10 lạng, giã nát, nước 5 thăng nấu còn 1 thăng, chế rượu vào chút ít mà uống rất hay.

**6. Kinh trị lao phổi ho mù:**

Cải củ nấu với thịt dê hoặc cá diếc thường ăn rất hay.

**7. Kinh trị người lớn, trẻ em ho lao phổi, hơi thở ngắn ho cà ra nước dài, nhổ ra mù hôi tanh:**

Trúc lich 3 chung, Nước cốt gừng 1 chung chút ít. Hai thứ hòa đều mà uống. Ngày uống 3, 4 lần đến hết bệnh thì thôi.

**8. Kinh trị lao phổi, nóng âm i trong xương:**

Tùy dê, tùy lợn đều nấu thành dầu mỗi thứ 5 lạng. Mật ong 5 chung (tô). Nước cốt sinh địa (nếu không có thì dùng can địa hoàng) sắc lấy nước đặc 5 tô. Nước gừng một tô, tất cả các thứ cô lại khuấy luôn tay không ngừng cho thành cao, mỗi ngày dùng một muỗng, hòa với rượu mà uống.

**9. Kinh trị ho lâu ngày lao phổi, nhổ ra nhiều nước bọt, thỉnh thoảng nóng lạnh, mặt đỏ, thở dốc:**

Nước dài trẻ em (bỏ đoạn đầu và đoạn cuối mà lấy đoạn giữa) một bát Cam thảo (xắt miếng) 2 đồng. Cùng ngâm phơi xương một đêm đến sáng mai vớt bỏ cam thảo chỉ uống với nước tiểu, mỗi ngày uống một lần, hết bệnh thì thôi. Lấy nước dài trẻ em, kiêng ăn gừng, hành hẹ, tỏi, mọi thứ nóng.

## V - SUNG PHỔI MÙ

(phế ung)

Sung phổi mù là do sự điều dưỡng không đúng phép, làm khí huyết tổn thương, phong hàn thấp nhiệt thừa hư nhiễm vào, ứ lại không tan mới thành bệnh. Phát bệnh thì ho, mũi chảy nước thối, sườn bên phải đau âm ỉ, 2 chân sưng to, cổ khô miệng ráo, phiền muộn khát nước, nhổ ra máu mù, đờm vàng tanh hôi, nếu đờm dính như cháo nếp thì khó trị. Nên theo các phương sách sau đây mà chữa. Khám bệnh nhổ ra mù hôi tanh thì lấy đậu nành nhai sống, nếu không ngửi thấy mùi đậu, tức là bệnh phế ung (cách thử bệnh).

**1. Kinh trị sung phổi mù:**

Ý dí nhán sao qua tán nhỏ, uống với nước cháo nếp, hoặc nấu cháo, hoặc sắc lấy nước uống cũng được, sẽ hạ được máu mù mà yên.

**2. Kinh trị sung phổi mù, uống thuốc khác, cũng nên xem hoàn này để bảo vệ hoàn cảnh mồ không để mù vỡ vào tim phổi.**

Phèn chua 2 lạng để sống tán nhỏ, Sáp ong 1 lạng. Nấu sáp chảy ra, cho phèn chua vào làm viên bằng hột ngô đồng mỗi lần uống 30 viên. Mật ong và nước trộn đều làm thang.

**3. Kinh trị phế mù:**

Vịt trắng một con, vú 1 lạng, bỏ ruột, dùng Ý dí nhán, Hạnh nhân mỗi thứ một lạng dồn vào bụng vịt đút hầm - ăn nếu cơm cho chín, bỏ thuốc đi dùng vịt mà ăn, rất bổ phổi

**4. Kinh trị phế ưng nhổ ra máu mù:**

- *Ý dì nhân* 2 cân, *Đậu den* 100 hột, *Ô mai* 1 quả, nước 2 bát, sác còn một bát, thêm *cao da trâu* và *Bông nang* (bồ hòn) mỗi thứ đều 1 đồng, lại nấu sôi lên rồi uống sau bữa ăn 5 ngày sẽ见效 hiệu.

- *Ý dì nhân* 3 vốc già nát, nước 2 bát sác còn một nửa, cho vào chút rượu, chia làm hai lần uống hoặc sao qua tán nhỏ, mỗi lần dùng một vốc hòa với cháo nếp thường xuyên càng tốt.

- *Lá quýt* rửa sạch, già nát vắt lấy nước một bát mà uống nhổ ra mù thì khỏi, chưa khỏi thì lại uống nữa.

**5. Kinh trị ho lâu không khỏi, hư nhiệt tích ở phổi, nung nấu thành phế ưng, nhổ ra máu mù, sờm tối không hết, trong bụng khí lạnh, hông ngực nghẹt nhau:**

*Tắc kè, A giao, Lộc giác giao, Linh dương giác.* Các vị đều 2,5 đồng cân, tán nhỏ. Dùng nước sòng 3 bát cho vào nồi đất đun nhò lửa ngào còn nửa bát, bỏ bã, thỉnh thoảng nầm ngừa nhấp nuốt 3, 4 giọt, rất công hiệu.

**6. Kinh trị sưng phổi, mửa ra máu mù:**

*Tóc rối* (đốt cháy thành tro) một đồng, *Giảm cơm* (nuôi bằng cơm) 2 chung, *Nước sôi* một bát. Hòa đều mà uống rất hay.

## VI - NÔN MỦA

Nôn mửa là ăn uống vào dạ dày rồi nôn ra. Nôn thì có tiếng mà không có vật, mửa lại có vật mà không có tiếng. Nhưng tiếng nôn có dài ngắn khác nhau, vật mửa ra có nửa đàm, nửa đồ ăn khác nhau. Có khi vì yếu dạ dày không thể tiếp thu đồ tanh lạnh, có khi vi trùng hàn trúng thủ, có khi vì khí kết đàm tụ, có khi do máu độc ứ đọng, có khi do hỏa tà xung lên là nôn mửa. Nội kinh nói rằng: "Các chứng nôn mửa khi nghịch xung lên, đều thuộc về tâm hỏa" nên thể theo ý ấy mà chữa:

**1. Kinh trị các tạp bệnh cùng thương hàn, nôn ói, tay chân giá lạnh:**

*Trần bì* 4 lạng, *Gừng tươi* một lạng. Nước hai bát, sác còn nửa bát, từ từ uống vào thì khỏi.

**2. Truyền trị chứng lợm giọng, thường muốn mửa mà không mửa, vì dạ dày bị nhiệt:** *Trần bì* 3 đồng, *Sơn chi tú* (bò vò, sao), *Tinh tre* 3 đồng, *Gừng sống* (giã lấy nước cốt) nửa bát. Sắc uống nóng rất hay.

**3. Kinh trị chứng đàm ẩm sinh ra mửa dáng lé khát mà không khát, dây là triệu chứng chí ẩm, hoặc tựa như suyễn mà không phải suyễn, giọng nôn mà không phải nôn, giọng ợe mà không phải ợe, trong lòng buồn bức khó chịu:**

*Bán hạ* ngâm nước thay nước 7 lần, 1 lạng, *Gừng tươi* 5 đồng, nước lạnh 7 thang, sác còn 1 thang rưỡi, chia ra mà uống thì khỏi.

**4. Kinh trị chứng lợm giọng vì bên trong cổ dorm lạnh:**

*Cù nưa* 1 lạng phơi khô tán nhỏ, uống mỗi lần một đồng với nước cơm là khỏi.

**5. Kinh trị nôn ói ra nước chua:**

*Phân dê* 10 viên, rượu 7 chung, sác còn một chung, uống hết, chưa khỏi uống lần nữa rất hay.

**6. Kinh trị mửa ra nước trong:**

*Lá ngài* cứu khô, sắc uống thì hết ngay.

**7. Kinh trị nôn ói không đứt:**

- Gạo nếp một vốc sao vàng, Gừng tươi một củ xắt lát, đổ nước sắc uống nóng bất cứ lúc nào.
- Hoắc hương 5 đồng, Hương phu mè 5 đồng, Trần bì (để cà xơ trắng) 2 lạng. Gừng sống 3 lát. Sắc uống nóng thì lành ngay.
- Tai hồng 7 hột, Hoắc hương 1 đồng cân. Sa nhân một đồng. Tỏi 3 tép, Gừng 7 lát, Hành 2 củ. Đổ nước sắc, chia làm hai lần uống thì yên.

**8. Kinh trị nôn mửa ra nước, đờm:**

Hạt cau khô (cắt lát, sao nóng), Trần bì sao 2 đồng rưỡi. Đầu tán nhỏ, một bát nước sắc c่อน một nửa, uống nước nóng thì khỏi.

**9. Kinh trị nôn ợ không ngừng, người giá lạnh:**

- Rễ cây lau 3 lạng cắt nhòe, đổ nước sắc đặc. Uống nhiều lần thì khỏi.
- Nước tiêu trẻ em cùng sắc với Rễ ngô thù mà uống thì khỏi.

**10. Kinh trị nôn mửa vì khí nghịch lên:**

Hạt cải tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 7 viên với nước giếng ban mai (5 giờ sáng). Ngày uống 2 lần sáng sớm và chiều tối.

**11. Kinh trị nôn khan, mình giá lạnh:**

Gừng sống nhai nuốt, là một vị thuốc chữa chứng nôn mửa rất hay.

**12. Kinh trị nôn khan không thôi:**

- Cù sắn dây già vắt lấy nước một thăng mà uống thì khỏi.
- Mía ép lấy một bát nước chưng vào một nước gừng sống, đun sôi lêr mà uống, mỗi ngày 3 lần rất hay.

## VII - PHIÊN VỊ

(nôn ói)

Phiên vị là chứng ăn vào mửa ra, vì mừng giận, lo nghĩ, làm việc mệt nhọc sợ hãi không thường, thất tình làm hại tì vị, uất mà sinh đàm, đàm và khí cùng chống nhau, chí nghịch lên mà không hạ xuống, cho nên ăn uống rồi cứ đưa ngược lên mà không chuyển vân xuống được nhưng gốc bệnh sinh ra có 4 điều: Khi hư, huyết hư, có đàm có nhiệt. Cho nên sinh ra bệnh hoặc dày ách, hoặc đau hoặc không muốn ăn uống, hoặc ợ hơi, ợ chua, sảng ăn chiều mửa, nên tìm nguồn gốc bệnh mà chữa.

**1. Kinh trị chứng đàm kết, khí ách, cổ trường, ăn nghẹn, nôn ói:**

Hạt cù cải, Hạt tía tô, Hạt cải trắng ba vị trên đều sao qua và già nát, Sơn tra bỏ hạt, Hương phu mè. Cà 5 vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước gừng là yên.

**2. Kinh trị phiên vị mửa ra đờm:**

- Một nhúm rơm ở cây liễu 7 cái, sắc uống là khỏi.
- Cù cải ngào mật mà ăn rất hay.
- Hột cải tán nhỏ mỗi lần uống một đồng với rượu, ngày uống 3 lần dùng hột cải trắng càng tốt.
- Trần bì sao chung với đất vách phía tây, bỏ đất lấy Trần bì tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước sắc gừng 3 lát, táo một quả thì khỏi.

**3. Kinh trị chứng nôn ợe, sớm ăn chiều mửa, chiều ăn sớm mửa, mửa liên miên:**

- Nước mia 5 chung, nước cốt gừng một chung, hai thứ đều hòa, hàng ngày uống ít một rất hay.
- Hạt sen già (bóc vỏ và bỏ tim), Đậu khấu mỗi thứ một ít. Tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân uống với nước cơm vào khi đói thì yên.
- Tùng tiết (lõi thông) xắt nhỏ, nửa nước nửa rượu, sắc còn một nửa, luôn luôn uống ít một, tự nhiên khỏi.
- Gừng già sống già nát vắt lấy nước cốt cùng với gạo tẻ, nấu cháo thường ăn cũng khỏi.
- Dất lòng bếp lâu năm 3 đồng, tán nhỏ uống với nước cơm đến lành thì thôi.
- Gạo nếp sao vàng một vốc, hạt cau một hạt, Hò tiêu 25 hột. Các vị đều tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng, Chỉ xác nấu lấy nước mà uống.. Uống xong ăn cháo để dần lên.
- Lông đuôi ngỗng trắng đốt thành tro tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với nước cơm hay lầm.
- Phân dê 5 đồng, nước đái trẻ em một bát sắc lấy một nửa, lọc bỏ bã, chia uống 3 lần rất hay.
- Gà trắng 1 con, bỏ lông, bỏ ruột, rửa sạch lấy hột mùi rí 1 vốc dồn vào bụng gà, nấu chín nhừ, bỏ hột mùi đi mà ăn thịt gà, ăn vài ba con thì lành.
- Nước đái trâu hứng lấy một chén, lấy bột gạo nếp trộn vào, nấm thành bánh hấp trên cơm cho chín mà ăn thì lành.
- Vỏ hến không có thì lấy vỏ ốc, đốt thành tro tán bột, mỗi lần 1 đồng cân, nấu nước gừng mà uống.

**4. Kinh trị dạ dày nóng mửa ra thức ăn:**

- Xác ve sầu 50 cái bỏ chân rửa sạch. Hoạt thạch một lượng. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, dùng nước nóng chế ít mật mà uống, lành thì thôi.
- Ốc bươu bắt cho nhiều, rửa sạch bỏ vào chậu đổ nước vào ngâm, đợi nó nhả nhớt bùn ra, bỏ ốc đi lọc lấy nước nhớt bùn phơi khô vừa vừa (còn dẻo) thì làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước sắc hoặc hương làm thang thì yên.

**5. Kinh trị chứng phiền vị mửa ra nước đen, trãm phương không lành:**

Hột mang tang tán nhỏ nấu hồ làm viên, sắc nước gừng làm thang. Mỗi ngày uống một lần thì khỏi. Sau nên uống Bình vi tân (8) hoàn toàn khỏi hẳn.

**6. Truyền trị phiền vị, lợm mửa nước chua:**

Hạt cau khô một lượng, Trần bì sao 3 đồng cân. Đều tán bột, mỗi lần uống một đồng cân khi đói, dùng nước sôi hòa vào một chén mật ong mà uống đến lành thì thôi.

8. Bình vi tân: Hậu phác 5 đồng, tám gừng sao, Trần bì 3 đồng cân, Cam thảo 1 đồng, Thượng truật 8 đồng cân, tán nhỏ. Uống mỗi lần 2 đồng cân, ngày uống 3 lần.

## VIII - NẮC

Nắc cát là do khí nghịch xông lên thành tiếng, khi phát ra hoặc 5, 3 tiếng hoặc 7, 8 tiếng thì thôi, hoặc nắc liên thanh. Nguyên nhân bệnh này không giống nhau hoặc bệnh đau lâu ngày vì khí hư mà sinh nắc, hoặc bệnh: do thương hàn, dùng thuốc hạ sai làm mà phát, hoặc do nước ú đờm đọng, dưới tâm tức ách hồi hộp mà sinh nắc. Đại để chứng ách nghịch hoặc (nắc) nghĩa không thuận, như thận hư hỏa xông ngược lên mà phát ra, khi từ rốn đưa lên thì khó trị.

Phàm phát nắc ở trung tiêu thì tiếng nắc ngắn, đó là bệnh sinh ra vì cơm nước, phát nắc ở hạ tiêu thì tiếng nắc dài, đó là hư tà xúc động chạm mà sinh ra bệnh ợ chua và phát nắc là vì hỏa, nên xét các phương kê sau đây mà chọn dùng chớ để sai lầm.

### 1. Kinh trị mọi chứng nắc:

- *Tai hồng sẩy vàng, tán nhỏ, uống với rượu thì khỏi.*

- *Tai hồng tươi, Đinh hương Hai vị bằng nhau thêm 5 lát gừng sắc cho uống. Hoặc thêm Trần bì, Thanh bì hoặc thêm Bán hạ và gừng sống, càng tốt. Nếu người yếu thêm nhân sâm.*

### 2. Kinh trị chứng nắc liên thanh 40, 50 tiếng liền:

*Nước cốt gừng sống nửa chung, Mật ong 1 thìa sắc uống nóng hoặc hòa một thìa mật ong uống ba lần, thì hết bệnh.*

### 3. Kinh trị các chứng nắc ợ do khí nghịch:

*Trần bì 1 lượng (bỏ xơ trắng), nước một thăng, sắc lấy nửa (1/2) uống nóng, hoặc gia Chi xác sao nửa lượng càng tốt.*

### 4. Kinh trị chứng thương hàn nắc, ngày đêm không thôi:

*Hột màng tang, Riềng ấm hai vị đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân lấy nước đun sôi 10 dạo chè vào ít dấm mà uống thì khỏi.*

- *Thanh bì tán bột 2 đồng, Hành 3 củ, dùng nước đái trẻ em sắc uống thì lành.*

### 5. Kinh trị bệnh mới khỏi phát nắc liên thanh, hàng xóm cũng nghe tiếng:

- *Hột đậu rửa dớt tòn tính tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân với nước sôi thì khỏi.*

- *Hột tử sao qua tán nhỏ, hòa với nước, lọc bỏ bã, lấy nước bỏ gạo tẻ nấu cháo thường ăn thì lành.*

- *Sáp ong, dốt lên khói rồi hộp vào miệng 3, 4 lần thì lành.*

- *Lá sung một nắm, sắc đặc mà uống thì lành.*

- *Quả vải 7 quả, lấy cả vỏ và hột, dốt tòn tính, tán bột uống với nước sôi là lành ngay.*

- *Mầm gừng tươi, (nam 7, nữ 9) nhúm gạo tẻ, hai vị già nát, hòa với nước nguội, lọc bỏ bã, chia uống vài lần thì lành ngay.*

## IX - Ợ HƠI

Ợ hơi là hơi từ trong lồng ngực xông lên miệng, do vị hư hỏa uất mà sinh ra. Phép chữa, hàn thì phải bổ, nhiệt thì phải thanh, khí thì phải thuận, chứ không cầu chấp một bề được.

**1. Kinh trị ợ hơi:**

*Thạch cao nung nghiền nhô lấy giấm nấu hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên với nước sôi.*

**2. Kinh trị ợ ngược lên sấp chết:**

*Bán hạ (ngâm nước sôi 7 lần) 1 thăng. Gừng sống nửa thăng, nước 7 thăng sắc còn 1 thăng rưỡi, uống thì lành.*

**3. Kinh trị chứng ợ hơi do vị hàn dờm ẩm định tích:**

*Bán hạ (nấu gừng sao vàng) 2 phần. Lá hoắc hương, 1 phần, Dinh hương nửa phần, mỗi lần dùng 1/2 đồng cân, đổ một chén nước, 7 lát gừng, sắc lên mà uống thì lành.*

**4. Kinh trị bỗng chốc bị nghẹn, nuốt không xuống:**

*Trần bì 1 lượng rửa nước sôi, bỏ cùi trắng, sấy khô, tán nhỏ, nước một bát, sắc còn nửa bát uống nóng rất hay.*

**5. Kinh trị bị nghẹn mãi không xuôi:**

*Hạt sen già 6 hột, bỏ vỏ và tim, sao vàng tán nhỏ, dùng nửa chén nước lạnh, nửa chén nước sôi, hòa bột sen vào mà uống là lành.*

**6. Kinh trị dạ dày có uất hỏa, trên ngực có dờm đặc sinh ra ợ hơi:**

*Hạt dànè dànè 2 đồng cân, Thạch cao 2 đồng cân, Nam tinh (chế) 1 đồng. Trần bì 1 đồng, Hương phu mề (sao giấm) 1 đồng, cùng xắt nhỏ, thêm gừng 3 lát, sắc nước uống, không kể lúc nào.*

**7. Kinh trị chứng ợ do thực tích, dờm hỏa hoặc do vị hỏa:**

*Thạch cao tán nhỏ, dùng giấm nấu hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên với nước sôi, uống lúc nào cũng được.*

**8. Kinh trị nghẹn hơi do bệnh ôn nhiệt:**

*Rễ cỏ tranh, củ sắn dây, hai vị bằng nhau, sắc uống cũng lành.*

**9. Kinh trị ợ hơi do thấp dờm:**

*Trần bì bỏ xơ trắng, Hoắc hương. Hai vị bằng nhau, thêm 3 lát gừng, sắc nước mà uống. Hoặc gia thêm hạt cau nửa phần.*

## X - NUỐT CHUA

Nuốt chua là nước ứ lên họng, nuốt xuống cảm thấy chua, là vì có khí thấp nhiệt ở dạ dày, ăn uống vào da dày bị khí thấp nhiệt ấy uất lại không vận hóa được, nên sinh ra chứng ấy, ví như cơm, thịt bánh dày ở trong hộp, khi nóng bí lại mà đổ mồ hôi cũng là thấp nhiệt nung nấu thành ra như vậy. Chứng tuy nhỏ, nhưng nếu khinh thường, không biết đó là mầm mống bệnh phiền vi khi mới mọc mầm không nhổ đi kịp sau phải dùng đến búa rìu, thật đáng phẫn nán. Các phương sau đây là phòng ngừa bệnh mới phát.

**1. Kinh trị chứng dờm đọng, khí nghịch, sinh ra ợ chua:**

*Vò quả cau, Hương phu mề, Tía tô mỗi vị 2 phần. Bด kết sao 1 phần, gừng 5 lát, bỏ vào chút ít muối sắc nước mà uống. Hoặc gia thêm Hậu phác, Trần bì.*

**2. Kinh trị dạ dày lạnh, miệng chua nhiều nước dãi, đau từ vùng tim ran đến rốn:**

*Tiêu lốt sao, Hậu phác tẩm nước gừng sao. Hai vị đều nhau tán nhỏ, dùng cá diếc luộc chín giã nhuyễn làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên thang với nước gừng.*

**3. Kinh trị chứng ăn vào sinh ợ chúa:**

Cử cải cù nhai sống 3 lát, không có cù thì dùng lá rất hay.

**4. Kinh trị ợ chúa đau vùng thượng vị:**

Vò hén đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân, thang với nước gừng.

Phản đê 1 vốc, rượu và nước một bát sắc sôi uống hết thì lành.

## XI - XÓT RUỘT

Xót ruột là giống như đối không phải đối, giống như đau không phải đau, có một trạng thái buồn bực không yên, là vì huyết hư hỏa thịnh, đậm hóa sinh ra, cũng có lúc vì ăn uống các vật sống lạnh, khó tiêu, sinh thấp trệ ở trong mà sinh ra chứng ấy, nên phân biệt rõ ràng mà trị.

**1. Kinh trị xót ruột, mửa ra nước:**

Trần bì bỏ xơ trắng, tán nhỏ, đến mờ sáng bỏ 5 phần vào giữa bàn tay mà liếm rồi sènぐ, cứ như thế 3 ngày thì lành.

Thạch cao nung đỏ hồng, Trần bì giội nước bỏ xơ trắng, Nam tính, nhân hột dành (sao) Hương phụ mễ. Các vị bằng nhau tán nhỏ, luyện với cháo cho đặc làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, thang với nước gừng thì lành.

**2. Kinh trị chứng xót ruột do hỏa uất trong ngực:**

Quả dành dành 1 lượng (sao), nước dái trẻ em một chén, sắc uống rất hay.

**3. Kinh trị chứng xót ruột do đờm dạng khí ách, lúc mửa ra lúc nuốt vào đau vùng thượng vị:**

Hạt cau, Trần bì bỏ xơ trắng, dùng mỗi lần 5 đồng cân với 3 lát gừng, đổ nước sắc uống thì lành.

## XII - CÁC BỆNH KHÍ

Khí của con người cũng giống như khí của trời đất, cho nên lúc bình thường thì yên lúc trái thường thì biến. Trời đất mà biến là do gió mưa, sấm sét, sương, mưa đá, rét, nắng; người mà biến là do mừng, giận, thương, vui, sợ, sầu nhọc. Hết có biến thì sinh ra các bệnh hoặc lồng ngực tức đầy, sườn hông căng trướng, nghẹn tắc không thông ợ hơi nuốt chua, lưỡi khô và đắng, ăn uống giảm sút, ngày càng gầy còm, hoặc đại trường hư bể, hoặc sau khi bị bệnh, trong ngực bức tức, nên tìm cho ra gốc của bệnh mà chữa.

**1. Kinh trị ngực đau nhói như dùi đâm, ngửa lên cúi xuống không được, đổ mồ hôi suốt lưng, chậm chữa thì chết.**

He tươi đê cả rẽ 5 nắm, rửa sạch, giã vắt lấy nước uống vào thì lành.

**2. Kinh trị bỗng chớp thở dốc:**

Gừng sống 3, 5 lát nhai nuốt rất hay.

**3. Kinh trị nhiệt khí kết trệ, hàng năm thường phát:**

Rau ngò rí nửa cân, mồng 5 tháng 5 âm lịch hái phơi khô, nước 7 bát sắc còn 1 bát rưới chia ra mà uống, chưa lành lại làm lại lần nữa. Mùa xuân, mùa hạ dùng lá, mùa thu và mùa đông thì dùng rễ, đều hay.

**4. Kinh trị khí không điều hòa:**

*Rau sam* nấu cháo mà ăn rất tốt.

**5. Kinh trị tạng khí đau tức đầy hơi khó chịu, ăn uống không được:**

*Hạt cau rừng*, lấy nước dái trẻ em mài vào nửa hạt mà uống, hoặc tán nhỏ hòa rượu mà uống đều hay.

- *Tán lang*, *Chi xác* Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân, thang với nước gừng sau bữa ăn.

**6. Kinh trị các chứng đau vì khí, bất cứ dày đặc, dày đặc do khí lạnh ho hơi sưng mạn sườn bên trái, thở gấp, mồ hôi lạnh, thở rít lên:**

*Ô* được tắm rượu một đêm sao, *Hồi hương sao*, *Thanh bì bỏ xơ trắng*, *Riềng ấm* (cát lát) sao.

Các vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng cân, hòa với rượu và nước dái trẻ em mà uống, đến lành thì thôi.

**7. Kinh trị đau xót hông:**

*Tầm gửi dầu* (nếu không có dùng tầm gửi liều già nhuyễn vắt lấy một bát nước cốt mà uống thì rất hay).

**8. Truyền trị dày bà khí xông lên không thở được, chậm chữa thì chết:**

*Hương phu mễ* sao tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, dùng *tía tô* sắc nước làm thang mà uống thì sống.

**9. Kinh trị các chứng vì tức giận thái quá, khí nóng nghịch lên, can mộc lấn ti, ti không thống nghiệp huyết, huyết nghịch lên mà thở huyết:**

*Hương phu mễ* 1 phần rươi, *Chi tử* 1 phần, *Tử tô* 3 phần, *Ô* được 5 phần, *Trần bì* 1 phần rươi, *Cam thảo* chút ít, nước một bát, sắc còn 7 phần chế nước gừng sống, nước tre non, nước dái trẻ em, mỗi thứ một chén hòa với nước thuốc mà uống nóng.

**10. Kinh trị bức tức ở lồng ngực, đau mắt mờ tối choáng váng, chảy nước mắt nước mũi, đờm dài, do tam tiêu bế tắc:**

*Hạt bìm bìm* nửa sống, nửa sao tán nhỏ, rây lấy bột lần dầu 2 phần, nửa sống, nửa sao, *Bồ kết* lụa thú không mọt, tắm sữa nướng một phần, đều tán nhỏ, dùng gừng sống già lấy nước mà nấu hổ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần 20 viên uống với nước sắc *kinh giới* làm thang.

**11. Kinh trị chứng uất tích, ăn vào lâu ngày không tiêu:**

*Hột bìm bìm* đem sao nghiền nhở, rây lấy bột dầu 2 lượng, dùng *củ cải* tùy bột thuốc nhiều hay ít, cắt dầu chỏm củ cải, moi ruột cho trống, nhét bột thuốc vào, lại úp dầu chỏm lại, gói vài lần giấy cho kín, bỏ vào nồi hông (chõ) đồ cho chín, lấy ra hợp với 5 đồng *Bạch đậu khấu* già nhỏ nát làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên thang với nước sôi.

**12. Kinh trị khí cuộn xông lên, đau buồn khó chịu:**

*Hột bìm bìm* đem sao nghiền nhở rây lấy bột lần dầu 2 phần, *Hạt cau rừng* một phần. *Dần* tán bột mỗi sáng uống một đồng cân, với nước sắc *tía tô* làm thang.

**13. Truyền trị khí uất bụng dày, ống chân hơi sưng, tiểu tiện không lợi, thở gấp, ho suyễn:**

*Hạt bìm bìm* đem sao nghiền rây lấy bột lần dầu 2 phần, *Hậu phác* 1 phần. Đều tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân sắc nước gừng mà uống.

14. Truyề̄n trị̄ ngực dày ách, nuốt, q̄ không thông, q̄ chua dờ̄m nghịch, nôn mửa không ăn được.

*Hương phu mẽ* 3 phần, *Khương hoàng* (sao), *Hoàng lực* đều 2 phần. *Quế chi* nửa phần. Dều tán bột, mỗi lần uống một đồng, sắc nước gừng làm thang.

Hoặc dùng bài trên mà bỏ *Quế chi* thay *Chi xác* (bò ruột) và thêm *Võ quít khô* lâu năm, phân lượng bằng nhau, sao vàng tán nhỏ, liều dùng hai đồng cân, cùng thang bằng nước gừng.

15. Kinh trị̄ các bệnh ngực, bụng trướng đau, Phương này có tác dụng kiện tỳ, làm ngon ăn hòa khí tiêu dờ̄m:

*Tía tô* (sấy), *Thạch xương bồ*, tẩm nước vo gạo, ky sắt, *Quế chi*, *Bồng Nga truật* (sấy), *Thanh bì* (sao), *Lương khương* (sao), *Chi xác* (bò ruột sao) *Hương phu mẽ*, *Hoắc hương*, *Hậu phác* (sao nước gừng). Các vị phân lượng đều nhau, tán nhỏ dùng giấm hòa với nước khuấy hό làm viên bằng hόt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên đến 40 viên, sắc nước gừng làm thang.

- *Hương phu mẽ* 2 đồng, *Hoàng lực* 2 đồng, *Trần bì* (sao) 1 đồng, *Võ cây vò dè* 5 phần, *Gừng* 3 lát đỗ nước sắc uống nóng.

16. Kinh trị̄ hòa tà khí thực, ngực bụng dày tức:

*Trần bì* rửa nước sôi, sao qua, *Chi xác*, *Chi thực*, *Thanh bì* đều sao thơm, sắc uống nóng rất hay.

17. Kinh trị̄ các khí bế tắc, ngực sườn đau nhói.

- *Trầm hương*, *Ô dược*, *Chi xác*, *Bình lang*, mài vào nước nóng mà uống, lành ngay.

18. Kinh trị̄ dàn bà bị các bệnh về khí, ngực sườn đau tức, trong ngực kết cục, đau xó̄c, khát nước hoặc chóng mặt nôn mửa, lúc có thai và sau khi sinh thở gấp khó chịu đều trị̄ được cả:

*Hương phu mẽ* 6 đồng, *Ô dược* 2 đồng rươi, *Trần bì* 6 phần, *Tía tô* 6 phần, *Can khương* 6 phần. Đỗ nước sắc uống nóng.

19. Kinh trị̄ nam nữ thanh niên nhó̄ thương sầu cảm, tình dục động lên, đến nỗi không muốn ăn uống, ngực bụng ách đau, môi hồng mặt đỏ tự đố mồ hôi.

*Lá phù dung* 1 nắm, có hoa thì hái thêm 1 hoa, có quả thì hái thêm một quả, cùng già nát, dùng nước giữa lòng giึง hòa đều, bỏ bã, uống lúc nào cũng được, uống đến lành thì thôi.

20. Kinh trị̄ khí hư, hơi thở ngắn, lồng ngực khó chịu, và người già khí yếu, thở gấp dày tức:

- *Sữa bò* 1 bát rươi, nấu còn nửa bát, lại nửa bát sữa sống hòa cho đều, uống khi đói càng uống nhiều càng hay.

Thường cho uống nước đái trẻ em, càng nhiều càng tốt.

21. Kinh trị̄ người vì dâm dục quá độ, khí doán tinh khό:

*Dại si* 3 vốc, nước 3 bát sắc còn 1 bát, lọc bỏ bã, thêm *Chi tử* 21 quả bỏ vỏ, bỏ vào sắc còn nửa bát, uống ngay, chưa lành thì uống thêm.

### XIII - ĐẦY ÁCH

Chứng đầy ách là vì âm phục xuống, dương đọng lại, khí trệ, huyết ngừng không lưu thông được, cho nên trong thấy đầy tức buồn bức, mà không hiện ra trướng đầy cấp bức. Là lό bệnh ở tỳ vị hoặc trung khí hư yếu không vận hóa được, hoặc ăn uống bị đàm tích đầy trę

hoặc vì thấp nhiệt quá chừng đọng lại dưới vùng tim, hoặc nhân bị thương hàn hạ lâm mà lý bị hư rồi biểu tà thừa hư vào trong tim mà biến thành bỉ mẫn. Nội kinh nói: Chứng bỉ là thực ở trong hư, tà mà lọt vào được là chính khí ở trong tất dã hư, từ lưu lại mà không đi thì bệnh thuộc thực. Phép chữa nên bổ trung, công ngoại tà, đại khái cũng như loại chứng thấp.

**1. Truyền trị chứng đầy cứng ở vùng thương vị, ăn uống không ngon, nôn ợe, ăn vào mửa ra.**

*Cao lương khương, Can khương* phần lượng bằng nhau, tán bột khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, dần lên 20 viên sau bữa ăn, dùng Trần bì sắc nước làm thang mà uống. Kỳ thai.

- Không có *Can khương* thì dùng *Cao lương khương, Trần bì* tán nhỏ làm hoàn, uống với nước cơm vào lúc đói.

**2. Kinh trị ngực sườn trường dày, căng đau, do tà khí kết chặt:**

*Gừng sống* một cân giã lấy nước cốt để riêng. Dùng xác gừng, xào chín, lấy lụa gói lại mà chườm chỗ đau. Nếu khô nguội thì lại tắm nước gừng đã để riêng vào xào nóng lên mà chườm vào chỗ đau sẽ thấy dễ chịu bớt đau.

**3. Kinh trị khí trong cách mạc bị lạnh, rượu hay đồ ăn tích lại, uống thuốc này thì khoan khoái.**

*Thanh bì* 4 lạng chia làm 4 phần. Một phần tắm nước muối, một phần tắm nước sôi. Một phần tắm giấm, một phần tắm rượu. Đều tắm 3 ngày, lấy ra bỏ xơ tráng xắt nhỏ, lấy ít muối sao vàng tán bột, mỗi lần 2 đồng uống với nước chè nóng là khỏi.

**4. Kinh trị chứng ngực sườn dày tức:**

*Sảng linh dương* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với nước nóng thì lành.

**5. Truyền trị khí uất tích lâu ngày, bụng, ngực sườn đau buồn, đại trường bí kết, đại tiểu tiện không thông, hàng tuần không đi ỉa được:**

*Nghệ vàng* xắt lát, phơi khô tán bột, lấy mù cây *Vú bò* hòa làm viên bằng hột đậu xanh. Trẻ con uống một viên, 10 tuổi trở lên 2 viên, người lớn 3 viên. Người bệnh lâu ngày gầy yếu một viên. Dùng rượu làm thang, hời lâu ỉa ra chất tích độc. Nếu hạ lợi quá nhiều muốn cầm thì lấy nước lạnh rửa lỗ đít và rửa tay thì cầm ngay, rồi ăn cháo tráng vào mà bồi lại. Nếu tích độc chưa hết, ngày sau lại cứ thế uống lại. Thuốc này hòa bình mà công hiệu rất tốt, thật là một phương thuốc rất hay.

**6. Truyền trị tức dày, khí nóng bốc lên, uống dù thứ thuốc mà không hạ được khí ấy:**

Lấy một bát nước mồ hôi trên vùng nồi cờm, hòa một lạng mật ong chờ lúc mật ong tan hết là khỏi ngay.

**7. Kinh trị 6 chứng uất các bệnh về khí thực tích, đàm tắc, hông ngực không khoan khoái:**

*Hương phụ mễ* 2 đồng, *Ô dược* 2 đồng, *Gừng tươi* nửa đồng. Đổ nước sắc mà uống.

**8. Kinh trị hông ngực tức dày, trừ đờm cũ, trực nước đọng, phế uất khai vi khí, giải khí lạnh tức ngực:**

*Chi thực sao* và *Hậu phác* sao với nước gừng, hai vị phân lạng đều nhau *Rễ hẹ* nửa phần, đổ nước sắc uống nóng.

**9. Kinh trị đàm kết hông ngực dày ách:**

*Bồ kết* nướng tán nhỏ, luyện cơm thành viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước sôi, đại tiện lợi được lành.

10. Truyền trị trong bụng tích khí lạnh đầy hơi, ăn uống không tiêu, đờm trệ kết dọng ở ngực, đại tiện hoặc lỏng hoặc trệ và các chứng đau vì lạnh, đều có hiệu quả:

*Can khương, Bồng nga truật* (sao), *Khương hoàng, Thanh bì* (bồ ruột sao), *Trần bì* bồ xơ trắng (sao), *Cao lương khương* (sao), *Hương phu mè*. Phân lượng đều nhau tán bột nấu hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước nóng vào lúc đói.

11. Truyền trị các chứng khí lạnh, tức đầy ách hoặc đàm tích ho suyễn, phương này nhuận tâm phế chỉ ấu thố, hòa tỳ vị, điều trung thuận khí, bổ ích 5 tạng, các nhà dưỡng sinh không thể thiếu:

*Hạt tía tô, Riềng ấm* (sao), *Trần bì* bồ xơ trắng. Phân lượng đều nhau cùng tán bột, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 50 viên, dùng nửa nước, nửa rượu sắc lên mà uống, bệnh lành thì người béo trắng.

12. Truyền trị trong bụng tức và trường lâm:

*Trần bì* (bồ xơ trắng) tán nhỏ, *Tỏi* bồ vò già, mỗi củ xoi một lỗ bỏ vào một hột *Ba đậu* bồ vò, lấy giấy bọc nhiều lần nướng chín rồi bóc đậu ra lấy *tỏi* cùng với *Trần bì* già nhỏ nhuyễn làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, uống khi đói, thang với nước gừng hay nước cơm.

#### XIV - CỔ TRƯỚNG

Bệnh cổ trường là mặt, mắt và tay chân không sưng, chỉ có bụng trường mà trong thì rỗng như cái trống, vì nội thương thất tình, ngoại cảm lúc dám, ăn uống đồ có thấp khí, tỳ thố bị thương không vận hóa được, chất đục chất trong lân lộn, đường thông nước ủng tắc uất lai mà sinh nhiệt, nhiệt đọng lại thành thấp, thấp nhiệt cùng hợp nhau mới thành ra bệnh này. Nhưng nó có khí hư huyết hư. Sáng đỡ chiêu nặng là huyết hư, chiều đỡ sáng nặng là khí hư, sáng chiều đều nặng là khí huyết đều hư, phép chữa phải ích khí kiện tỳ táo thấp dẫn nước là khỏi.

1. Truyền phương trị các chứng cổ trường.

- *Bầu narem* 5 quả, để tươi thái nhỏ, mỗi lần dùng một vốc, nước 3 bát sắc đặc, chia ra mỗi lần uống một bát, hòa với nửa chén rượu mà uống, uống luôn 5, 6 ngày thì hoàn toàn lành, chờ khi đi tả hết nước trong nước đặc rồi, sẽ lấy gạo nếp nấu cháo mà ăn cho bổ sức lại.

- *Mộc thông, Hành trắng* sắc cho uống thì xop hết phù.

- *Chuột cống* lột bỏ da lấy thịt sát nhỏ, thêm một củ *hành* và gạo trắng nấu cháo cho ăn vào khi đói, rất bổ, ăn nhiều càng tốt.

- *Đinh lich* sao 3 đồng, *Trần bì* (ngâm nước sôi, sao qua) 3 đồng, *Tang bạch bì* (ky sắt) đồng, *Gừng sống* 3 lát, sắc chung cho uống lúc đói, rất hay.

- *Đinh lich* một vốc lớn, sao đến sẫm màu, tắm rượu 7 ngày, nghiền nát, mỗi lần uống 2, 3 thìa, hòa rượu uống lúc nào cũng được.

- *Muối* ba vốc, nước một thăng. Sắc uống, mửa được là công hiệu ngay, chưa mửa lại làm nữa mà uống đến mửa được thì thôi.

- *Bao tử heo* (dạ dày lợn) một cái, bỏ mỡ màng đi, rửa sạch. Éch lớn 1 con, để sống bỏ vào trong dạ dày, buộc dây cho chặt. Dỗ nước vào nấu thật chín, bỏ éch, chỉ lấy bao tử heo. Dùng nguyên nước nấu nó rửa cho thật sạch, phơi sương một đêm, ngày hôm sau dùng 1, 2 củ tỏi lớn xắt lát cùng cắn với bao tử heo, chỉ ăn độ ba lần thì lành.

- *Éch lớn* một con, lấy *Sa nhân* nhét vào miệng cho đầy cả bụng, lấy bùn đất sét vát bọc lại cho thật kín, bỏ than vào đốt cho đỏ hồng, rồi bỏ vào nước ngâm cho nguội, bỏ đất đi, lấy éch tán nhỏ, chia ra uống 2, 3 lần dùng gạo cũ lâu năm (*Trần mè*) sắc nước làm thang uống khi đói. Không có *Trần mè* thì dùng *Rouou* cũng hay. Hễ đi tiểu được nhiều thì khỏi.

**2. Truyền trị tỳ khí không hòa, khí lạnh nhập vào trong, ủng tắc không thông thành ra đầy trướng:**

*Ngũ bì ẩm*: *Vò quả cau*, *Vò trắng rẽ dâu*, *Vò gừng*, *Vò phục linh*, *Trần bì* (ngâm nước sôi, sao).

Phân lạng đều nhau sắc uống, nếu phù chân gia thêm *Mộc qua*, *Phong kỷ*.

**3. Truyền trị bụng trướng không ăn:**

*Nhục quế*, (bỏ vỏ), *Chỉ xác* bỏ vỏ (sao), *Hoàng lực*, *Nghệ vàng* (sao). Phân lạng đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 lần trước khi ăn dùng *Muối*, *gừng* sắc nước mà uống.

**4. Truyền trị cổ trướng, thấp trướng, thủy trướng, sáng ăn thì chiểu không ăn được, thuốc này tính hàn có tác dụng lợi thủy bổ tỳ, thật là thuốc quý ngàn vàng cũng không truyền cho.**

- *Chất trắng* trong *cứt gà tháng chạp* nhặt lấy nửa cân, đựng vào cái túi. Lấy một đấu nửa rượu nửa giấm, ngâm 7 ngày, mỗi lần uống 3 chén, mỗi ngày uống 3 lần, rất hay.

Lại có phép nữa dùng chất trắng trong *cứt gà* sao vàng tán bột, tẩm rượu nóng, hòa bột *Mộc hương*, *Binh lang* mà uống.

Lại có phép nữa, lấy chất trắng trong *cứt gà* đổ vào 3 bát rượu và giấm mà nấu, lọc bỏ cặn mà uống. Hồi lâu bụng sôi đi đại tiện, thì từ bàn chân trở xuống thấy bớt phù, nếu chưa hết, cách ngày sau lại làm mà uống, và bắt hai con *ốc bươu* nấu chín, gia thêm rượu vào mà ăn nhạt, lại dùng cháo trắng mà điều bổ lại, thì hoàn toàn yên.

- *Tiết lợn* (huyết heo) không dùng đến muối và nước lạnh, phơi khô tán bột hòa với rượu mà uống, đi đại tiện lợi thì lành.

- *Gan heo* một cái rửa sạch, xắt lát ra, thêm hành, đậu si, gừng, tiêu, giã cho nhô trộn đều, nướng chín mà ăn, hoặc chỉ lấy gan heo nấu canh ăn cũng tốt.

- *Gừng nướng* chín gói lụa nhét vào trong hậu môn nguội thì thay thứ khác, bệnh tự tiêu tan.

**5. Kinh trị trướng đầy, kiêm trị đại tiểu tiện không thông:**

*Tỏi to* củ bóc vỏ nướng nóng, lấy lụa bọc lại, nhét vào lỗ đít, nguội thì thay. Để cho thông khí, lúc nào đi đại được hoặc đi ỉa thì thôi.

**6. Kinh trị ngực bụng trướng đầy, đờm tắc nôn mửa ăn uống không vào:**

*Hậu phác* một lạng tẩm nước gừng sao vàng tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm, uống lúc nào cũng được, rất công hiệu.

**7. Kinh trị khí trướng do trùng độc (cổ độc):**

*Hột cải củ*, nghiền bột, hòa với nước, lọc lấy nước cho vào một lạng *Sa nhân*, tẩm một đêm phơi khô, lại tẩm lại sao làm như thế 7 ngày rồi tán nhỏ thành bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm, rất công hiệu.

**8. Kinh trị người béo nhiều đờm trướng đầy, khí tắc không thông:**

*Trần bì* ngâm nước sôi rửa sạch sao qua, sắc uống vào lúc nào cũng được, hoặc uống thay nước chè càng tốt.

#### 9. Truyề̄n trị cổ trướng thở dốc:

Dế mèn (dế đất) 5 con, sấy khô tán nhò, hạt bìm bìm nấu nước mà uống vào lúc đói, thấy lợi đại, tiểu tiện là lành.

#### 10. Kinh trị đau bụng quần quại.

Lấy tóc người bệnh 30 sợi, đốt ra tro tán bột, hòa với nước mà uống, lại dùng *Hạt cải* tán nhò, trộn với nước như bùn, buộc vào giữa rốn, ra mồ hôi như tắm là lành.

#### 11. Kinh trị cổ trướng phiền khát, mình khô den gầy:

Có roi ngựa, xắt nhỏ phơi khô, sắc với nước và rượu, bỏ bã mà uống nóng.

#### 12. Kinh trị bụng như trướng, tay chân giá lạnh, hoặc vì uống thuốc khổ hàn, hại đến tỳ vị, ăn vào thì mửa:

Củ mài nửa khô, nửa sao tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm, mỗi ngày uống 3 lần, rất công hiệu. Kiêng ăn đồ sống lạnh.

#### 13. Kinh trị thủy cổ báng nước bụng to, chuyển động thì có tiếng nước, mà da den sạm:

- *Ếch xanh* 2 con (bôi vàng sữa sấy khô), *Dế dui* 7 con (sấy khô), *Vỏ quả bâu* (sao) 5 đồng. Đều tán nhò, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói, 3 lần uống là hết bệnh.

- *Ba đậu* 30 hột, (bồ vồ, sao vàng), *Hạnh nhân* 20 hột (bò vỏ và dầu nhọn, sao vàng). Đều tán nhò, nấu hồ làm viên bằng hột đậu đen, mỗi lần uống 2 viên với nước, đi đại tiện lợi được thì thôi, Kiêng uống rượu.

#### 14. Kinh trị bụng trướng đầy hơi thở ngắn:

*Thảo quả* 1 lạng, bỏ vỏ tán bột, sắc nước *Mộc qua*, gừng mà uống nửa đồng vào lúc đói, lành mới thôi.

### XV - THỦY THÜNG

Thủy thüng là nước xung phạm vào tỳ vị, hễ nước chảy xuống bể là thuận, nước lên núi, lên gò là nghịch; nghịch thì biến, thuận thì thường. Bệnh thì đầu, mắt, tay chân, khớp minh đều thüng, hoặc miệng đắng miệng khô, ợ mửa không ăn, hoặc vai lưng sườn, bụng đau xót, đại tiểu tiện bế hoặc ho, suyễn... Có hai loại nội thương và ngoại cảm khác nhau, không thể không xét, hoặc thở gấp khí đầy, thüng mà không yên, tay chân chỉ hơi thüng đó là "*đơn phúc trướng*" tức là nội thương thì lâu lành; hoặc chân tay phù thüng, bụng lớn minh nặng đó là "*song phúc trướng*" tức là ngoại cảm thì mau lành. Lại chia ra khí thüng: lấy ngón tay ấn vào lún xuống là lên ngay là khí thüng, lên lâu là thủy thüng, nên biết như thế để chia ra mà chữa.

Phàm gặp những bệnh thủy thüng mà đại tiện đi lỏng, môi đen, rốn lồi, chân thüng báng, lưng thüng báng, bàn tay thüng báng hoặc thịt cứng hoặc dày ông thüng từ chân thüng lên, dày bà thüng từ đầu thüng xuống, những bệnh trạng như thế thì không chữa được. Lại có 5 chứng tuyệt: bệnh cổ trướng do thủy khí mà sắc mặt đen là can tuyệt, hai vai lồi cao lên là phế tuyệt rốn lồi ra là tỳ tuyệt, hai bàn tay sưng húp không thấy rõ chỉ tay là tâm tuyệt, hạ bộ thüng và chân thüng là thận tuyệt. Trong 5 chứng ấy nếu gặp một chứng nào là không thể chữa được nữa.

#### 1. Kinh trị thủy khí thüng trướng, hoặc thüng từ chân vào bụng, nếu chữa không gấp thì chết người:

Xích tiểu đậu 5 vốc, Tỏi to củ 1 củ, Gừng sống 5 đồng, Rễ thương lúc 1 cái.

Đều đập nát, đổ nước vào nấu chín, bỏ các thứ thuốc, chỉ dùng *dâu dò* ăn vào khi đói, dần dần uống cả nước cho hết, lại lấy *dâu dò* nấu nước ngâm chân thì thũng tiêu ngay.

## 2. Kinh trị mình mệt bị thũng, nằm ngồi không yên:

- Lấy *cành dâu* hướng đông, đốt thành tro, 1 thăng ngâm vào nước, lấy nước nấu với 1 thăng *dâu dò* cho chín, mỗi lần ăn cho no, rất công hiệu chờ uống nước nấu đậu.

- *Lá cây dương* nấu nước cho đặc, bỏ bã cõi lại thành cao, mỗi lần uống một chén nhỏ, uống với nước nóng vào lúc đói, ngày uống 3 lần rất hay.

- *Vỏ cây dương* (bỏ vỏ ngoài), *Tru linh*, *Mộc thông* đều 3 đồng, *Vỏ dâu* (bỏ vỏ vàng ngoài), *Trần bì* đều 1 đồng, *Gừng* 3 lát sắc uống rất hay.

- *Bí dao*, *Hành củ*, nấu với canh *Cá chép* thường ăn rất hay.

- *Bồ kết* bỏ vỏ vàng một vốc, lấy rượu tắm cho thấu, sắc uống 3 lần là rất hay.

- *Trần bì* (ngâm nước sôi rồi sao) *Vỏ quả cam*, *vỏ trắng rễ dâu*, *Vỏ gừng sống*, *Vỏ phục linh*, các vị phân lạng đều nhau sắc uống, như chân thũng thì gia thêm *Mộc qua*, *Phong ki*.

- Theo phương trên nhưng thêm *Ngũ gia bì* mà bỏ *Phục linh*.

- *Cá chép* một con, mổ bỏ ruột, không dùng nước và muối dùng *Phèn chua* 5 đồng cân tán nhỏ, nhồi vào bụng cá, lấy giấy bẩn bọc kín lại, ngoài trát bùn đem nướng chín rồi ăn.

- Hoặc dùng *Cá chép* to hay *cá lóc* to nấu với *Bí dao* và *Hành* mà ăn.

- *Hột cải củ* sao qua, tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với nước sôi; ngoài lấy một mảnh chiếu rách đặt lên trên nóc nhà, ngày phơi nắng đêm phơi sương rồi dùng nước vo gạo nấu chiếu ấy, nấu nước mà tắm làm cho ra mồ hôi là lành.

- *Hoa hồng* đồ chín, giã vắt lấy nước, uống ngày 3 lần là rất hay.

- *Cóc* 2 con lột bỏ ruột, *Sa nhân* một đồng (có phương gia *Hồ tiêu*, tùy người bệnh, một tuổi một hột, hai tuổi hai hột v.v...). Các vị đều bằng nhau dồn vào cái *bao tử heo* nấu chín rồi bỏ cóc đi, dùng bao tử heo ăn một ngày cho hết thì lành.

- *Trứng gà* đập vỡ, lấy lòng đỏ, lòng trắng đánh lên, bôi vào chỗ thũng, thấy khô lại bôi rất hay.

- *Dậu đen* một thăng, nước 5 thăng, nấu còn 3 thăng, chẽ vào 5 thăng rượu, lại nấu còn 3 thăng, chia làm 3 lần uống nóng, uống đến lành mới thôi, nước sẽ theo tiểu tiện mà ra.

- *Hương phu* sao giã bỏ vỏ đen, *Sa nhân* sao vừa, phân lạng bằng nhau, sắc uống, công hiệu không kể xiết.

- *Ruột ốc bươu*, *hột mă dề*, *Tỏi củ* to. Các vị bằng nhau, giã nát đập lên rỗn, buộc chặt, nước sẽ theo tiểu tiện mà ra.

- *Đot dây nho* 14 đot, *Dέ dụi* 7 con (bỏ đầu chân) giã nhỏ, phơi sương 7 đêm, phơi khô tán nhỏ, uống mỗi lần 5 phần với rượu nhạt.

- *Củ cỏ* củ một cân, ngâm đồng tiện 3 ngày đêm, phơi sấy khô tán nhỏ, làm viên, mỗi lần uống 40 - 50 viên với nước cơm, ngày uống 2 lần.

- *Rau muống* một bó, dùng một *con gà vàng*, vặt lông, bỏ ruột, chờ cho dinh nước, bỏ rau vào trong bụng gà buộc chặt, đổ nước và một chén rượu nấu thật chín nhừ rồi bỏ rau muống đi, ăn thịt gà, ăn hết 3 con thì lành.

- *Ốc bươu* không kể nhiều ít, sát sạch, cho vào chậu nước gia thêm một chén *Dầu mè*, ốc tự nhiên nhả bọt ra; lấy nước bọt đó phơi khô tán bột, mỗi lần uống 3 phần với rượu, nước sẽ ra theo tiểu tiện, khí sẽ ra theo đại tiện thì thũng tiêu ngay, sau đó uống thuốc dưỡng tỳ là yên.

- *Gà trống trắng* một con, bóc lông ruột rửa sạch. *Dâu dò* một thăng, *Nước* 3 thăng. Nấu chín mà ăn, uống cà nước, hết là lành.

- *Củ hành trắng* nấu một bát mà uống thì sẽ tả ra nước; nếu bệnh nặng lấy *Củ hành* già nát mà uống, làm cho thủy khí tiết ra, rất công hiệu.

- *Gạo té*, *Dâu xanh* đều một cốc, *Gan heo* một cái xắt nhỏ. Cùng nấu cháo ăn, bệnh nặng không quá 5 lần thì thũng tiêu, nhất thiết kiêng tức giận và chớ ăn đồ sống lạnh.

- *Trần bì* sao, *Mộc thông*, *Nghệ vàng* sao, *Hột quỳ*, *Hột đình lịch* sao, *Bìm bìm* (sao đen), đều hai phần. *Ngũ vị* một phần, đều tán nhỏ mỗi lần uống hai đồng, sắc nước gừng mà uống vào khi đói.

- *Hột đình lịch* 3 lạng, *Nhục quế* bỏ vỏ ngoài một lạng. Đều tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với nước nóng.

- Theo phương trên gia *Bìm bìm đen*, nghiên lấy lớp bột lần đầu 1 lạng. *Hạt tiêu* so nửa lạng. Nấu hò làm hoàn, mỗi lần uống 30 - 40 viên, dùng *Gừng*, *Mộc thông* sắc nước mà uống, hoặc bí đại tiện thì sắc nước *Chi xác* mà uống, phương này tiêu thũng thông lợi tiểu tiện.

- *Hương nhu* dùng nhiều, rửa sạch, xát nhò, cho vào nồi lớn, đổ nước nấu cho kỹ, lọc, bỏ bã lấy nước lại cô thành cao, mỗi lần dùng một đồng, ngày ngày tăng dần lên, ngày uống 3 lần hòa với nước ấm mà uống, đến lợi tiểu thì thôi.

- *Vỏ quả bồ sao*, tán bột, mỗi ngày dùng 2 đồng, dùng *Trần bì* sắc nước làm thang, uống lúc đói.

- *Hạt bìm bìm trắng* 2 đồng, (nửa sống, nửa sao), *Hạt bìm bìm đen* 2 đồng. Hai vị đều nghiên lấy lớp bột đầu chừng 2, 3 đồng, *Bình lang*, *Chi xác* (bỏ ruột sao), hai vị này phân lạng cũng như hai vị trên. Các vị đều tán bột, hòa nước làm viên bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống 50 viên, dùng vỏ trắng *Rễ thương lực* (ky sát) sắc thuốc làm thang, uống vào lúc đói, thấy đi đại tiện 2, 3 lần là lành, rồi ăn cháo trắng thì cầm. Phương này người già yếu chớ dùng.

- *Mô hóng* (Ô long vĩ), *Vỏ bưởi* (sao qua).

Đều 2 đồng, tán bột dùng, *Nghệ vàng* già nát, vát lấy nước, hòa làm viên bằng viên đạn, mỗi lần uống một viên, mài với nước vo gạo mà uống, mỗi ngày hai lần, tiểu tiện lợi là lành.

- *Chi đen* 5 lạng, *Bồ kết* 1 quả nướng vàng, *Rượu* đế 2 chén. Nấu sôi 6 dạo thường uống, đến khi tiểu tiện ra được 2, 3 thăng thì lành.

- *Hạt bìm bìm* sao, tán lấy lớp bột đầu 5 đồng, *Hạt cau rừng* 2 đồng rưỡi tán bột. Mỗi lần uống 1 đồng sắc với nước *Tía tô* làm thang.

Nếu không có *Hạt cau rừng* dùng *Mộc thông* 2 đồng, lấy gừng sắc nước làm thang, cũng chữa các bệnh khí thũng.

- *Củ tỏi*, *Ốc bươu*, *Hột Xa tiền*. Các vị bằng nhau già nát, nhào thành cao, dán giữa rốn, nước theo tiểu tiện mà xuống, vài ngày là khỏi ngay.

- *Vịt* trống xanh đầu một con, bóc lông, bỏ ruột, cùng với *Trần bì*, *Hột tiêu*, *gừng*, *hành*, *gạo té*, nấu cháo thường ăn.

- *Vịt* trống một con rửa sạch, lấy nửa cân *Dâu si*, một ít gừng và bột tiêu bỏ vào bụng vịt khâu kín lại, hầm cho chín mà ăn nhiều, rất hay.

**3. Kinh trị bụng và tay chân phù thũng, không kể thủy thũng, khí thũng hay thấp thũng đều hay:**

Cắt gà khô một cân sao vàng, đổ vào 3 bát rượu nấu còn 1 bát, lấy vải lọc bỏ ba cho người bệnh uống chõe lát trong bụng nghe chuyển mạnh, rồi đại tiện tả ra, thấy chõ da chân, bụng, rốn nhăn trước, tức là thũng sẽ xop dần. Nếu ỉa chưa hết, thì lại uống một lần nữa, kế đó lấy 2 con ốc bươu bỏ vào rượu nấu sôi cho chín mà ăn thì ngừng ỉa ngay, lai nấu cháo nóng mà ăn là lành.

**4. Kinh trị chứng phù thũng do thủy khí hoặc cước khí:**

Cành dâu non, mỗi thang dùng 2 lạng sao thơm, đổ một bát nước sắc còn nửa, uống vào khi đói thì khỏi.

**5. Kinh trị 10 loại thủy thũng, bụng đầy, thở rộn không nằm được:**

- Để dụi dùng cho nhiều, để trên mành ngồi sấy cho khô, tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước sôi vào lúc đói, thấy tiểu tiện đi được là lành.

- Một quả Bí dao lớn, cắt nuốt cho moi bỏ ruột, dồn Đậu đở vào cho đầy, đầy nuốt lấy giấy lợn bùn gói kín lại, dùng 3 thúng trấu bếp đố chung quanh đốt lửa và hầm, đến cháy hết trấu thì thôi, lấy ra xắt miếng cùng với Đậu đở, phơi khô, tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên, lấy Hột bí dao sắc nước làm thang, ngày uống 3 lần đến lợi tiểu tiện thì thôi, sẽ khỏi.

- Chỉ xác (bò ruột sao) 2 đồng, Trầm hương 2 đồng, Nam mộc hương 2 đồng, Hạt cải củ (sao) 4 đồng cân. Đổ nước sắc uống lúc nào cũng được.

**6. Kinh trị tích nước phù thũng thở gấp, đại tiểu tiện bể gắt:**

- Giá dâu đen phơi khô sao giấm, Đại hoàng sao đều bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, lấy Rễ cỏ tranh, Trần bì sắc nước làm thang, sáng mai lợi tiểu tiện là khỏi.

**7. Kinh trị thủy thũng, đại tiểu tiện không lợi:**

- Quả kê dâu ngựa sao cháy, Hạt Dinh lich, hai vị đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước nấu, ngày uống 2 lần thì lành, kiêng ăn thịt heo

- Bèo ván phơi khô tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước sôi, ngày uống 2 lần thì lành.

**8. Kinh trị thủy thũng rái giắt:**

- Gan heo (cắt lấy 3 miếng ở đầu chọt gan), Đậu xanh 4 nhúm, Trần bì 1 vốc. Cùng nấu cháo mỗi buổi sáng ăn thì độc theo tiểu tiện ra, thấy lành bệnh mới thôi.

- Thịt trâu 1 miếng (1 cân) luộc chín, lấy gừng giã nát trộn với Giấm, khi đói xắt miếng chấm ăn; hoặc dùng Đầu trâu đốt sạch lông mà nấu canh hoặc Da trâu nấu với Đậu si mà ăn cũng tốt.

**9. Kinh trị bệnh báng nước (thủy cổ) bụng lớn chuyển động có tiếng nước, da thịt xạm đen:**

- Đậu đở nhỏ 3 thăng, Rễ tranh 1 nắm. Đổ nước nấu chín rồi bỏ Rễ cỏ tranh ăn đậu đến lành thì thôi.

- Củ rẽ quạt giã lấy nước cho uống một chén, nước ra hết là lành.

**10. Kinh trị thủy cổ, thạch thủy, bụng trương mình sưng phù:**

Chuột cống một con lấy thịt nấu cháo cho ăn vào khi đói 3, 4 lần, tiêu thũng là lành.

**11. Kinh trị thủy thũng thể nhiệt:**

*Hột dành dành*, bỏ vỏ sao tán bột, mỗi lần uống với nước cơm. Nếu nhiệt ở thượng tiêu thì dùng cà vỏ, rất hay.

**12. Kinh trị phù thũng thể dương thủy:**

- *Lá sen* lui, đốt tồn tính, tán bột uống với nước cơm, mỗi ngày 3 lần đến lành thì thôi.
- *Lá sen non* sao vàng tán bột, mỗi lần 2 đồng với nước cơm, ngày 3 lần thì khỏi.

**13. Kinh trị bệnh thũng vàng khắp mình:**

*Cù bách bộ* còn tươi, rửa sạch, bóc vỏ bỏ tim, giã nát dập vào giữa rốn. Lại lấy cơm nếp 1 vốc, nước và rượu đều nửa chung, nhồi lấp dập trên bụng, lấy khăn vải tráng buộc lại, sau 1, 2 ngày nghe trong miệng có mùi rượu thì nước theo tiểu tiện ra, rất hay.

**14. Kinh trị thũng vì rượu, thũng vì hưng:**

*Cù cỏ* cù già cho tróc vỏ, lấy *ngải cứu* và *Giảm thanh* nấu khô rồi sấy tán bột, lấy *giảm* nấu hò làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên với nước sôi, uống lâu nước theo tiểu tiện ra rất hay.

**15. Kinh trị thủy thũng sưng chân:**

*Lá hành* nấu nước mà ngâm, ngày 3 - 5 lần là khỏi.

## XVI - CHỨNG UẤT

Chứng uất là uất tắc lại không thông, trời đất có thăng phát, thì muôn vật mới sinh; khí huyết có chạy khắp, thì muôn mạch mới hòa sướng, một khi ứ đọng thì sinh ra các bệnh. Bệnh uất có 6 thứ: *Khi uất*, *Nhiệt uất*, *Thấp uất*, *Dầm uất*, *Huyết uất*, *Thực uất*, là vì khí không thăng không giáng, không đi không hòa, kết tụ, dinh trệ, lại ở ngực ở sườn mà không bốc ra được. Có người hỏi: "Uất có 6 thứ làm sao mà biết được?" Đáp rằng: Ngực sườn đau là *khi uất*; đau chạy khắp mình, đau các khớp xương, gặp lạnh thì phát là *thấp uất*; tay không có sức, ăn được mà đi đại tiện đờ hay đèn là *huyết uất*, ợ chua mà no không ăn được là *thực uất*; nên xét chứng mà xử phương, không nên câu nệ.

**1. Kinh trị lo nghĩ uất ức không thông ngực sườn không khoan khoái:**

*Tai hồng* 7 cái, *Hồ tiêu* 7 hột, *Tỏi* 5 củ nhỏ, *Gừng* 7 cây nhỏ, *Hành* 3 củ, *Hoắc hương* và *Sa nhân* đều 1 đồng, *Nước* 1 bát sắc còn 8 phần, chia 2 lần uống.

**2. Kinh trị 6 chứng uất các bệnh về khí, thực tích, dầm tích trong ngực khó chịu:**

*Hương phụ mè* 2 đồng, *Ô dược* 1 đồng, *Gừng* 5 phần. Sắc nước uống thì lành.

**3. Kinh trị người vốn nhiệt hỏa ức lòng ngực khó chịu:**

*Hạt dành dành* sao đen, tán bột, mỗi lần uống hai đồng với nước cơm vào khi đói là yên.

## XVII - TÍCH TỤ

Chứng tích là gốc ở 5 tạng, phát ra có căn cứ, đau có chỗ nhất định; chứng tụ là gốc ở 6 phủ, phát ra không có căn cứ, đau không chỗ nào nhất định. Áy là vì âm dương không hòa, tạng phủ hư nhược, 7 tinh trái ngược 4 khí lấn át mà thành các chứng ấy. Lâu ngày sẽ thành chứng trưng, hàn ở trong bụng sinh hòn cục không di động là bệnh trưng, khi có khi không, lúc lên lúc xuống, khi ở bên tả, khi ở bên hữu là bệnh hà. Đại khái đều là đờm tích, là thực

tích hay là tử huyết. Tích tụ ở giữa bụng là đờm ẩm, ở bên phải là thực tích, ở bên trái là huyết ứ. Phép chữa dùng vị mặn để làm mềm đi, dùng vị đắng để phá tan đi, mà nên hành khí tiêu đờm làm gốc, không nên dùng thuốc hạ lợi mà thương tổn đến nguyên khí, bệnh đã không lành mà nguy đến tính mạng. Nên tiêu đạo để hóa tan hòn cục, hòn cục đã hết thì nên bồi bổ để trừ khử bệnh tà mà khôi phục chính khí.

**1. Kinh trị dàn ông, dàn bà 5 chứng tích, 6 chứng tụ, phương này tiêu tích thuận khí, thật là phương thuốc tiên:**

*Chi xác bò ruột một cân, mỗi một quả chi xác bò vào một hột Ba đậu, úp kín mà buộc lại, đổ nước vào nấu nhỏ lửa 1 ngày, khi cạn nước thì thêm nước sôi, chờ thêm nước lạnh, đợi tối ngày và cạn hết nước đem ra bò hết Ba đậu, lấy Chi xác phơi khô, (chờ sao), rồi tán bột, dùng giấm nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, tùy bệnh mà dùng thuốc làm thang.*

**2. Kinh trị tất cả các chứng tích tụ:**

- *Gạo trần mè 4 lượng, lấy Ba đậu 21 hột bỏ vỏ, cùng sao với gạo, khi gạo vàng, bỏ Ba đậu lấy gạo thêm Trần bì 4 lượng bỏ cùi trắng, cả hai vị cùng tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 5 viên, sắc nước gừng làm thang, ngày uống 2 lần rất hay.*

*Vỏ trắng rễ dâu tán bột, dùng giấm nấu thành hồ làm viên, cũng hay.*

**3. Kinh trị khí kết hòn, khí uất, thực tích, nghẹn tắc, đầy ách, ngực sườn đau xó, trung, hè, sán khí đều trị được cả:**

- *Thanh bì (sao), Tam lăng, Nga truật đều sao giấm, Hương phu mè (tẩm nước dái trẻ em) sao đều 2 phần; Thần khúc (sao), Mạch nha (sao), Hột cải củ (sao), Hột bìm bìm trắng (sao) (tán lấy lớp bột đầu), Bình lang, Củ nghệ, Hoàng liên đều 1 phần; Muội nồi, Bồ kết sao đều nửa phần. Các vị đều tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, sắc nước gừng làm thang mà uống.*

- *Hột bìm bìm đen sao 8 lượng giã sàng lấy bột lớp đầu 4 lượng, còn bột to thì để lên miếng ngói mới mà sao thơm, rồi giã lấy bột nhí 2, 3 lượng, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, bệnh rất nặng uống 35 viên, sắc Trần bì, gừng sống làm thang uống vào lúc đi ngủ, đến nửa đêm chưa thấy chuyển lại uống đến 35 viên sẽ tả hạ những vật tích tụ. Còn bình thường mà uống hành khí thì chỉ uống 10 viên cũng hay.*

- *Củ mòn nước thứ tươi 1 cân lấy vật nặng dàn cho nó vỡ, đổ vào 5 thăng rượu, ngâm 14 ngày, khi đói uống nửa thăng hay một thăng, rất công hiệu.*

- *Cút khô chim sẻ, thêm một ít Can khuong tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên vào khi đói, lấy nước ấm làm thang. Có phương: gia thêm Quế tẩm, Trần bì 2 vị đều nhau.*

- *Bạch tật lê nhiều ít cũng được, đổ nước sôi nấu, phơi khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên vào khi đói, thang với rượu, uống đến lành thì thôi.*

- *Bồng nga truật, Củ rẽ quạt tắm rượu sao, Rễ gác sao rượu, đều 3 đồng, Hương phu mè sao, Hạt cau rừng sấy, Mộc thông đều 4 lượng, cùng tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, sắc nước gừng mà uống thì lành.*

- *Lưỡi búa sát đốt đỏ, lấy rượu ba bát mà tôi 3 lần, dùng rượu ấy uống thi tiêu.*

- *Cút ngựa bạch già lắn với Tôi, đập vào chỗ tích, lúc nào tiêu hết thì khỏi.*

**4. Truyền trị trong bụng kết tụ mà đau, lâu năm không lành:**

- *Yếm Ba ba (cua đình) đốt tồn tính tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu.*

5. Kinh trị trong bụng đầy cứng như có nhiều hòn đá, vì cuối hè đầu thu hóng mát nằm trần mà sinh ra:

- *Dậu den* nửa thăng, *Gừng sống* 8 phân, *Nước* 3 thăng, sắc còn một thăng uống ngay là lành.

- *Bach cương* tám sao vừa, tán bột, mỗi lần uống 4, 5 đồng, dùng *nước dái ngựa bạch* làm thang mà uống, không đầy một ngày thì mềm như bông, đặc theo đại tiện mà tả ra, rất hay.

6. Truyền trị các chứng tích tụ, máu đọng thành hòn, khí kết thành cục, trong bụng đầy trướng.

*Hoàng lực*, *Bach lực*, *Độc lực*, đều sao, mỗi thứ 3 đồng, *Tân lang*, *Bồng nga truật* sao gián, đều 5 đồng. Cùng tán bột, dùng *giấm* nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, sắc nước *gừng* làm thang mà uống, rất hay. Có phương gia *Thanh bì*, *Tam lang*.

- *Hương phu mề*, *Nam tính* nấu nước *gừng* sao, phân lạng đều nhau, lấy nước *gừng* khuấy hồ làm hoàn, mỗi lần uống 20 - 30 viên, sắc nước *gừng* làm thang.

- *Rau sam* một nắm to giã nát, *Muối* một nhúm, *Giấm* 1 chén, *Nước* 1 chén. Cùng sắc còn một nửa, uống vào khi đói thì tiêu cục; nếu có giun sán cũng ra ngay.

- *Tam lang* (nướng), *Bồng nga truật* (nướng), *Củ rễ quạt* (tẩm sao rượu), *Hột gác* (bò vỗ sao rượu) đều 3 lạng, *Hương phu mề*, *Tân lang*, *Mộc thông*, đều 4 đồng cân, các vị tán nhỏ, mỗi lần lấy một đồng đổ một bát nước sắc còn 7 phần uống nóng vào khi đói.

- *Thịt bò* 4 lạng, thái mỏng, lấy *vôi* 1 đồng để ngoài gió cho nó tự tan, lấy bột ấy xát lên thịt bò đồ (nấu) chín mà ăn, thì thực tích tự hạ, rất hay.

- *Cứt ngựa bạch* giã với *Tỏi*, đắp lên bên ngoài chỗ có tích tụ (có cục tích), khi nào hết thì thôi.

- *Lá ngài cứu tươi* 2, 3 nắm, *nước* 3 bát sắc còn nửa bát, uống khi đói, rồi mưa ra đồ đặc thì lành.

- *Tam lang* 1 thăng, *nước* 5 thăng, sắc còn 3 thăng, bỏ bã, cô lại còn 1 thăng, cho vào trong nồi nấu cách thủy thành cao, đựng vào lọ kín, mỗi buổi sáng uống một muỗng với rượu, ngày uống 2 lần, rất công hiệu.

7. Kinh trị trong bụng tích cục, mặt vàng gây yếu bụng trướng như trống, chết dá đến nơi:

*Thạch xương bồ*, ngày 5 tháng 5 âm lịch hái về phơi rám, mỗi lần dùng 3 đồng tán bột để trong cái bát, dùng một bát *nước vo gạo* nấu sôi đổ vào ngâm đầy kín, uống nóng vào khi đói, hồi lâu xổ ra trùng độc, sáng ngày sau sẽ uống nữa, xổ hết trùng thì thôi.

8. Kinh trị bệnh trung, trong bụng có cục như đá, đau xóc đêm ngày rên la:

*Rễ cỏ xước* 2 thăng kiêng sát, lấy dùi gỗ đập nát, dùng một đấu rượu mà tắm, bọc kín lại, vùi vào trong tro nóng, thấy đã nóng thì lấy ra, mỗi lần sắc 5 chung cho đến 1 chung, uống rồi sẽ thở độc ra mà lành.

9. Kinh trị tích cục ở bụng và hông:

- *Voi đá* để ra gió cho tan nửa thăng, bỏ vào nồi đất (nồi rang) sao cực nóng, để nguội cho vào 1 lạng bột *Đại hoàng* sao chín, nửa lạng bột *Quế tâm* sao qua, hòa với *giấm*, đặc như cao, phết lên miệng vài dán vào chỗ đau.

- *Đại hoàng* 3 lạng, *Phác tiêu* 1 lạng. Tán bột, lấy *Tỏi* cũng giã như bùn mà dán rất hay.

**10. Kinh trị chứng trong bụng có hòn cục, ăn thịt không chán, gọi là nhục trưng:**

Nước dái ngựa bạch 3 chung uống ngay, liền thở ra thịt tích, nếu không mửa ra được thì chết.

**11. Kinh trị bị độc thành hòn cục (xà trưng) trong bụng, thường dối ăn vào thì thở là do ăn rau trúng phai tinh hay nước dái rắn hoặc ăn thịt rắn nhiều mà mắc bệnh.**

Rết 1 con, dùng thứ chân đùi, bỏ đầu, chân, đuôi, nướng khô tán bột, uống với một chén rượu chưa lành lại làm nữa mà uống.

**12. Kinh trị người hay ăn gỏi và thịt sống tích lại ở hông ngực không tiêu hóa thành bệnh trưng hè (tích cục máu):**

- Cò roi ngựa già vắt lấy nước một thăng mà uống thì tiêu. Có phương gia thêm 1 chén gừng hòa vào mà uống.

- Lá chàm một nắm già nát cho nước vào, vắt lấy 1 thăng, uống ngay 3 lần là khỏi.

**13. Kinh trị trong bụng nổi hòn cục, lúc có lúc không, lưng đau, mặt vàng (miết hè) và trị tích hòn cục dã lâu, hay mới bị hòn cục trong bụng:**

- Gà trắng tráng một con, nuốt chỗ sạch sẽ cho ăn cơm, để lấy phân trắng 1 vốc cùng nước đái trẻ em 1 thăng đổ vào rồi rang sao vàng, tán bột, mỗi lần dùng một đồng uống với rượu, ngày uống 4, 5 lần, thấy hòn cục tiêu hết thì thôi.

- Dùng 1 đầu con mèo mun, đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, ngày uống 3 lần là khỏi.

**14. Kinh trị dàn bà đau máu cục (huyết trưng):**

Can khương, Mai mực, Dao nhân (bóc vỏ bỏ đầu nhọn, các vị phân lạng đều nhau, cùng tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, mỗi ngày uống 2 lần thì lành).

- Hồng hoa (rửa rượu) 2 đồng, Tam láng 1 đồng rửa, Bồng nga truật 1 đồng rửa; Hương phụ mè (sao giấm) 1 đồng rửa, Ô dược 1 đồng, Tộ mộc 2 đồng. Chỉ xác (bỏ ruột) 1 đồng rửa, sắc nước uống ào khi đói rất hay.

- Đinh lich 1 vốc sa tán bột, Rượu một bát cùng đổ vào bình ngâm 4, 5 ngày, tùy ý mà uống rất hay.

- Rễ cỏ xước rửa sạch dập giập, sấy khô tán bột, dùng rượu mà sắc, uống nóng rất hay.

## XVIII - QUAN CÁCH

Quan cách là trong 1 ngực và cách mô cảm thấy chướng ngại, muốn lên không lên, muốn xuống không xuống, muốn ăn không ăn, là vì khí ngăn ngang mà sinh ra thế. Phàm lạnh ở trên, nóng ở dưới lạnh tác ở giữa ngực, chặn ngang lưng chứng gọi là cách; nóng ở trung tiêu, tác đây khí không thông, không ra vào được gọi là quan. Cách thì thở nghịch, quan thì không lợi tiểu tiện; phép chữa thì phải thở đậm giáng khí chủ yếu.

**1. Kinh trị quan cách trường dày, đại tiểu tiện không thông, sắp chết.**

- Hột vông vang tán bột, lấy mỡ heo làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, rất hay.

Tỏi cu eo nướng chín bỏ vỏ, bọc lại mà nhét vào lỗ đít, khí thông ngay.

**2. Kinh trị các chứng thực uất trong bụng, do uất sinh đau không ăn được muốn được người ta nắn bóp cho, chứng nhổ ra nước bọt đặc và chứng đi ly ngày đi hơn 10 lần:**

- *Cuồng đưa đá sao vàng, Đậu đỗ nhỏ, mỗi vị 2 đồng rưỡi, đều tán bột, lấy đậu sỉ 1 chung, nước 7 chung, nấu bở bỏ bã, hòa với thuốc trên, mỗi lần dùng 1 đồng cân uống nóng, cứ uống dần thêm lên, thấy thở được là khỏi.*

**3. Kinh trị đau tức ở ngực:**

*Vò ốc vặn ở trong vách đất lâu năm tán bột, mỗi lần uống một đồng cân với rượu.*

**4. Kinh trị quan cách ứng tắc (tức ách ngang ngực):**

*Mỡ heo 5 chung, nước giừng 2 chung. Sắc còn một nửa, hòa với rượu 1 chung lại sắc, chia hết vài lần là hết trướng.*



Đại bì



Đôn đồ



Hoa giè



Hoàng đằng



Hoàng lực  
(rễ cây sung)



Hoàng hàn



Huyết giác



Bạch đàn

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYỂN III**

**CÁC BỆNH XUẤT HUYẾT**

## CÁC BỆNH XUẤT HUYẾT

Những bệnh danh: *Thổ huyết, nực huyết, lạc huyết, thỏa huyết, tiện huyết, niệu huyết*... đều là tùy chỗ xuất huyết mà gọi tên, nhưng tổng quát cũng là thất huyết (mất máu) mà thôi.

Về bệnh thì có bệnh mồi bệnh cũ, bệnh hư bệnh thực khác nhau, nhưng cũng đều do hỏa nhiệt bức bách mà gây ra. Bởi vì dương thịnh âm suy, khí bốc lên không nép xuống huyệt theo khí tràn lên các kheo bên trên mà thành bệnh.

Về phép chữa, phái "*Bổ âm ức dương*", vì hễ khé nép xuống được thì huyết trở về nguồn, bệnh sẽ khỏi. Vả lại chứng thất huyết mà thấy máu không tươi đầy là máu xaux tích lại phái "*Thanh huyết, hóa huyết*" chờ nên "*chì huyết bổ huyết*". Nếu thấy máu sắc tươi, đầy là máu tốt mới sinh ra cầm máu "*chì huyết, bổ huyết*", đừng nên *thanh huyết hóa huyết*. Đây là phương pháp chữa bắt đi bắt dịch với các chứng thất huyết.

### I - THỔ HUYẾT

Thổ huyết là máu ra đằng miệng, vì máu nóng đi lung tung vào dạ dày mà sinh ra; hoặc do ăn uống quá no, khuân vác quá nặng tổn hại dạ dày mà sinh ra, hoặc do lo nghĩ quá hại đến các kinh tâm, tỳ phế và tích nhiệt mà sinh ra; hoặc do phế suy, phế ưng mà sinh ra, hoặc do tè ngã từ trên cao tổn hại tạng phủ mà sinh ra, hoặc do các bệnh thương hàn chưa khỏi, nhiệt tà ở kinh theo khí trào lên mà thổ huyết. Phải dò tận gốc mà chữa.

#### 1. Kinh trị các chứng thổ huyết:

- *Tía tô* rửa sạch nấu kỹ lọc bỏ bã, cô thành cao, *Dâu đỏ* sao chín, tán nhỏ luyện với cao trên làm viên bằng hạt ngũ đồng. Liều dùng 30 - 50 viên uống với rượu, uống thường xuyên thì sẽ kiến hiệu.

- *Lá ngải cứu, Tinh tre* mỗi thức hai phần, *Cao da trâu* một phần, *Can khương* một phần sao đen sắc cho uống.

#### 2. Kinh trị miệng mũi ra máu:

- *Cứt ngựa hồng* đốt tán bột, mỗi lần một đồng cân, uống với rượu rất hay.

- *Bồ hoàng* tán nhỏ hai lạng, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu nóng vào lúc đói, hoặc uống với nước lạnh cũng hay.

- *Đại già thạch* một lạng. Nung đờ, tôi với *giấm*, lại nung lại tôi mấy lần, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng sẽ lành.

- *Muội nồi* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, lấy gạo nếp sắc làm thang, hoặc dùng *nước giếng ban mai* mà uống.

- *Muội nồi* 5 đồng cân, *Hoa hòe* sao 2 lạng cùng tán bột. Một lần uống 2 đồng, sắc *rẽ cỏ tranh* làm thang mà uống rất công hiệu.

- *Dát lòng bếp* nửa cân, *Nước mồi mực dưới giếng* một thang. Mạt 1 chung. Hòa đều mà uống rất hay.

#### 3. Kinh trị miệng mũi máu ra như suối chảy vì rượu chè sắc dục quá độ mà sinh ra:

*Kinh giới*: đốt thành tro tán nhỏ, sắc nước *Trần bì* làm thang mỗi lần uống 2 đồng cân. uống vài lần là lành.

#### 4. Kinh trị bỗng nhiên thổ huyết 1, 2 bài:

- *Ngải nhung* 3 nhúm, nước 3 thang, sắc còn nửa mà uống.

- *Ngải cứu* đốt thành tro, hòa với nước uống 2 đồng.
- *Lá thuốc cứu tươi* sắc rồi hòa với nước *gừng* mà uống là khỏi.
- Ngó sen, cuống sen đều 7 cái, cùng giã nát, dùng một ít *mật* và 2 chén nước sắc còn một nửa, bỏ bã uống nóng.

- *Mai mực* tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, lấy nước cơm mà uống.

## 5. Kinh trị thương tiêu hòa bức, khạc ra máu hay ú máu buồn phiền, khô rát, khát nước:

*Đậu đen* một vốc, *Tử tô* 2 cành, *Ó mai* 2 quả, *Nước ba bát*. Sắc còn 6 phần, *giã gừng* sống lấy nước 1 chén hòa vào chia ra mà uống dần sau bữa ăn.

## 6. Kinh trị vấp ngáy tổn thương sinh thủng huyêt:

*Cù nghệ* tán bột (uống với nước giếng) 2 đồng, nặng thì uống vài lần, hoặc lấy *nước dái trẻ em* hòa vào uống càng hay.

## 7. Truyềñ trị vì dạ dày lạnh không nạp huyêt, sinh mửa ào ra, tay chân lạnh ngắt chờ chữa bằng thuốc mát.

*Gừng khô* (sao đen) sắc rồi hòa *nước dái trẻ em* mà uống.

## 8. Kinh trị phổi bị tổn thương sinh thủng huyêt:

*Thạch xương bồ*, *Phèn chua* đều nhau, tán bột. Mỗi lần uống 3 đồng với nước mới múc ngày uống một lần là khỏi.

## 9. Kinh trị khí uất sinh thủng huyêt.

*Hương phu mễ* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với *nước dái trẻ em* vào khi đói.

## 10. Kinh trị lao tâm mà thủng huyêt:

- *Tim sen* 7 cái, *Gạo nếp* 21 hạt. Đều tán bột uống với rượu thì dứt ngay.

- *Lá sen non* (giã nhỏ, chế nước vào) vắt nước uống.

- *Lá sen khô*, *Bồ hoàng sống* đều nhau, tán bột. Mỗi lần uống 1 đồng, sắc nước *võ rẽ dây* làm thang.

- Dùng *lá sen tàn* đốt tồn tính, tán bột hòa với nước uống hai đồng thì khỏi.

- *Lá trắc bá* giã bô vào nước cơm vắt lấy nước uống cũng hay.

- *Gạo lâu năm*, vo lấy nước 1 chén hâm nóng ngày uống 3 lần.

## 11. Kinh trị vì trong nóng mà thủng huyêt:

- *Thanh dại* 2 đồng lấy nước mới múc mà uống thì yên.

- *Cù sán dây* để sống, giã vắt lấy nước nửa thang, uống ngay thì cầm máu liền.

## 12. Kinh trị thủng huyêt máu không thôi:

- *Hoa hòe* sao đen, dùng nước ấm hoặc nước cơm nếp uống 3 đồng là yên ngay.

- *Kinh giới* cả rẽ rửa sạch giã vắt lấy nước cốt nửa chén mà uống.

- *Cù cải sống* giã nát lấy nước 1 chén, cho vào chút muối mà uống, công hiệu ngay, hoặc không có *Cù cải* thì dùng *hột cải* 1 phần, *Tử tô* nửa phần sắc uống cũng cầm máu ngay. Vì *cù cải* hạ khí rất mạnh, nên huyêt cũng theo khí mà xuống cũng không chảy bậy nữa.

- *Gừng khô*, *lá hẹ* hai vị đều nhau, giã nát vắt lấy nước, cho muội nồi vào hòa với nước lilo trẻ em mà uống rất mau khỏi.

**13. Kinh trị trẻ em bị thổ huyết:**

Xác rắn, dốt tồn tính, tán bột, mỗi lần uống nửa đồng với sữa, rất hay.

**14. Kinh trị thổ huyết uống nhiều thuốc không lành:**

Mạch môn đồng bỏ tim 4 lạng, rưới nước vào rồi giã vắt lấy nước, cho nửa chung mật ong vào mà uống, cầm máu ngay.

## II - NỤC HUYẾT

Nục huyết là máu trong mũi chảy ra, vì dương lấn âm, hỏa nhiệt uất ở phế kinh bốc, nóng lên trên mà huyết chạy bậy, cho nên chảy máu mũi; phép chữa phải lương huyết, hành huyết làm chủ.

**1. Kinh trị chảy máu cam:**

Lỗ mũi bên trái chảy máu, lấy chỉ buộc chặt ở gốc gón tay giữa bên phải; lỗ mũi bên phải chảy máu, thì buộc bên trái, cả hai lỗ mũi đều chảy máu thì buộc cả hai ngón tay giữa, như thế thì cầm máu được ngay. **2. Kinh trị chảy máu cam không lành:**

- *Rẽ cây ráng* (Quán chúng) tán bột mỗi lần uống 1 đồng với nước lạnh.
- *Lá bạc hà*, sắc uống, lại lấy lá tươi vò nát nhét vào mũi, khỏi ngay.
- *Dắt lòng bếp*, một cục, xáo nước hòa với mật mà uống, khỏi ngay.
- *Tai dừa* xát lát, sắc uống.
- *Cù nghệ* tán bột dùng nước giếng uống hai đồng, bệnh nặng thì uống hai lần là khỏi.
- *Hương nhu*, tán bột mỗi lần uống 1 đồng với nước sôi khỏi ngay.

**3. Kinh trị miệng mũi ra máu như suối vọt, đó là vì tửu sắc quá độ.**

- *Kinh giới* dốt, tán bột, mỗi lần uống hai đồng, sắc nước *Trần bì* làm thang mà uống, hai lần uống là lành.  
- *Bạc hà* 5 phần, *Dâu si* 3 phần. Cùng giã làm viên bằng hột tao, nhét vào mũi thì cầm được.

**4. Kinh trị chảy máu cam không ngọt.**

- *Bạc hà* tươi giã lấy nước mà nhô vào hoặc thử khô thì sắc nước lấy bông nhúng mà nhét vào, khỏi ngay.  
- *Lá ngải cứu*, sắc uống và lấy *ngải cứu* dốt ra tro mà thổi vào mũi.  
- *Thanh cao*, giã lấy nước uống, bã nhét vào mũi rất hay.  
- *Một tờ giấy trắng* gấp lại 4, 5 lần, thấm nước ướt dán lên trán, khỏi ngay.  
- *Ké dầu ngựa* cành và lá rửa sạch, giã vắt lấy nước một chén mà uống, khỏi ngay.  
- *Nám cây dâu*, sao cháy tán bột, chế nước làm viên bằng dầu ngón tay, nhét vào mũi vài lần thì hết.

- *Hột mã đề* hoặc lá, giã lấy nước mà uống rất tốt.
- *Bồ hoàng*, *Thanh đại* đều 1 đồng, uống với nước mới múc rất hay.
- *Bèo cái* phơi khô tán bột, thổi vào mũi khỏi ngay.
- *Rêu tường*, không có thì lấy rêu nóc nhà, giã nát hòa với nước mới múc mà uống, rất hay.

- *Gạo nếp* rang, tán nhở, mỗi lần uống 2 đồng với nước mới múc mà uống và lấy một ít bột thổi vào mũi.
- Lấy giây xoắn lại nhúng *dầu mè* ngoáy vào trong lỗ mũi, hít nhảy mũi là được là lành, đã kinh nghiệm.
- *Tỏi* già nát dập ở lòng bàn chân, chày máu mũi bên trái thì dập bên trái, chày máu mũi bên phải thì dập bên phải khỏi ngay.
- *Hạt cải be trắng* tán bột hòa với nước dấp trên xoáy thượng và trước mồ ác khỏi ngay.
- *Củ cải cù* già lấy nước cốt nửa chén cho vào ít rượu mà uống và cũng lấy nước đó nhô vào mũi rất hay.
- *Ngó sen* già vắt lấy nước uống và nhô vào lỗ mũi khỏi ngay.
- *Gừng khô* vót nhọn, nướng vàng nhét vào lỗ mũi khỏi ngay.
- *Lá trác bá, Hoa thạch lưu khô*. Đều tán nhở bột thổi vào, hoặc dùng sống già nát nhét vào mũi khỏi ngay.
- *Hoa hòe, Mai mục* 2 vị đều nhau, nửa sao nửa sống, tán bột thổi vào mũi khỏi ngay.
- *Quả dànê dànê* đốt thành tro, tán bột thổi vào mũi, đã kinh nghiệm.
- *Vảy cá chép* sao đen, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước lạnh thì khỏi.
- *Tóc rối* đốt tán bột hòa với nước 1 đồng mà uống, lại lấy tro tóc thổi vào mũi khỏi ngay.
- *Nước mới múc* 1 chén, mũi bên trái chày máu thì rửa chân bên trái, mũi bên phải chày máu thì rửa chân bên phải, đã chữa khỏi nhiều người.

## 5. Kinh trị chày máu cam không thuốc gì chữa khỏi.

*Mạch môn* (bỏ lõi) 4 lạng, tắm nước rồi già nhỏ vắt lấy nước cốt, chế nửa chung mật vào cho uống, là khỏi.

## 6. Kinh trị chày máu cam vì nhiệt quá:

*Rễ hoa hiên* (Kim châm) già vắt lấy nước cốt 1 bát, chế mật ong vào cho uống, rất hay.

- *Muội nồi* tán nhở, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước cháo nếp. Hoặc dùng *Lo nồi* 5 đồng cân, *Hoa hòe* 2 lạng tán nhở, liều dùng 2 đồng cân uống với nước *rẽ tranh* cảng hay.

## 7. Kinh trị chày máu mũi đêm ngày không dứt, máu chảy thành vũng:

*Cỏ nhọ nồi* (Cỏ mực) Giã nát dập giữa mồ ác và trên trán là khỏi ngay.

## III - LẠC HUYẾT

Lạc huyết là không ho mà khạc ra máu, là do uất hào ở thân kinh, cũng có khi trong đờm có vướng máu, nên tùy phương mà chữa.

### 1. Kinh trị phổi rách khạc ra máu:

*Hương phụ mề* tán bột mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.

### 2. Kinh trị phổi nóng khạc ra máu:

*Thanh dại* 1 lạng, *Hạnh nhân* 1 lạng (trộn với bột *Mẫu lệ* sao qua). Hai vị đều tán bột, lấy sáp vàng nấu chày hòa trộn làm thành 30 cái bánh, mỗi lần dùng một bánh, lấy nửa quả mít hồng kẹp lại, ngoài bọc giấy nướng thơm, cần ăn với cháo, mỗi ngày 3 lần rất hay.

### 3. Kinh trị phổi bị tổn thương, khạc ra máu:

- *Ý dĩ* tán bột, lấy phổi heo luộc chín, khi đói xắt lát mỏng, châm bột ý dĩ ăn đến khi khỏi thì thôi.

- *Lá sen* sấy khô tán bột, mỗi ngày uống 2 đồng với nước cơm, ngày uống 2 lần đến khỏi thì thôi.

- *Lá sen tàn, Bồ hoàng, Rê tranh* đều đã qua mùa sương, phân lạng đều nhau. Tán bột, mỗi lần uống hai đồng cân, lấy vỏ trắng *rễ dây* sắc nước làm thang mà uống.

- *Hoa hòe* sao tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước cháo nếp, rồi nằm ngửa một chốc là lành.

### 4. Kinh trị thở ra huyết và khạc ra huyết:

*Nhỏ nồi* (cạo dưới dít chảo) sao qua, tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước mío múc uống luôn 3 đồng là khỏi.

### 5. Truyền trị thương tiêu có nhiệt, khạc ra máu hoặc ra đờm có máu, buồn phiền táo khát:

- *Dậu đen* 3 vốc, *Tử tô* cành và lá một nắm, *Ô mai* 2 quả, *Nước* 1 bát. Nấu chín hòa vào 1 muỗng nước giึง sau khi ăn sẽ uống dần dần.

*Bồ hoàng sống, Lá sen khô*. Hai vị đều bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 -3 đồng, sắc nước vỏ trắng *rễ dây* làm thang mà uống vào sau khi ăn.

## IV - THÓA HUYẾT

Thóá huyết là nhổ ra máu tươi, đó là máu từ thận mà ra, cũng có khi do ứ huyết làm tổn phế khí, ủng tắc ở trong không xuống được mà sinh ra, phép chữa nên thanh huyết, bổ huyết.

### 1. Kinh trị ho nhổ ra máu, mệt gầy nóng âm ỉ trong xương, cứ tối đến thì nóng:

*Nước địa hoàng sống* 3 chung, nấu cháo chín rồi cho nước địa hoàng và hòa đều ăn vào khi đói rất hay.

### 2. Kinh trị nhổ ra máu:

*Hoa hòe* sao tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước cháo nếp, nằm ngửa một chốc là khỏi.

### 3. Truyền trị nhổ ra máu, ho ra máu, mửa ra máu đều dùng dược cà:

*Quả dàn dày dàn* bỏ vỏ, *Hoa hòe*, *củ sắn dây*. Các vị đều bằng nhau tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, dùng nước mío múc bỏ vào ít muối mà uống sau khi ăn.

## V - TIỆN HUYẾT

Tiện huyết là đại tiện ra máu, vì trong tạng phủ chứa chất độc thấp nhiệt mà sinh ra, hoặc nhân lo nghĩ, rượu chè sắc dục quá độ, hoặc ham ăn đồ chiên, xào, nhiệt độc quá nhiều hoặc cảm phong tà, hoặc cảm thử thấp đến nỗi khí huyết nghịch loạn, vịnh vệ sai đường, cho nên khí ứt bậy đưa máu chạy càn di lên thì tràn ra các kheo trên, di xuống thì chảy ra các kheo dưới, nên đi ngoài ra máu; hoặc máu ra trước, phân ra sau, hoặc phân ra trước, máu ra sau, hoặc phân với máu cùng ra một lần, không giống nhau; nhưng phép chữa đều phải thanh nhiệt giải độc.

## 1. Truyề̄n trị di ngoài ra máu (tràng phong hay tạng độc) đã lâu hay mới phát:

- *Lá đơn tía*, (*Đơn mặt trời*) 1 nắm rửa sạch, đổ nước sắc đặc, uống vào khi đói, bệnh nặng cung chỉ uống 3 lần là khỏi.

- *Cỏ seo gà*, *Gương sen*, *Vỏ cây cải*, *Tinh tre*, *Hồng hoa* đều 3 phần; *Vỏ bưởi* (bỏ phần trắng) 2 phần, *Cỏ bắc* 1 phần *Mộc thông* 1 phần, *Hoàng cầm* 5 phần, đều thái nhỏ rồi sắc bỏ bã, hòa nửa chén *Mật ong* vào uống khi đói rất hay.

*Lá ngải cứu* 1 nắm, *Dâu đen* 100 hột, *Nước* 1 bát. Sắc còn nửa, dùng nửa chén nước cốt gừng hòa vào mà uống.

## 2. Kinh trị chứng trường phong hạ huyết:

- *Quả cà già* cả tai (đã qua mùa sương), đốt tồn tính tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào khi đói là khỏi.

- *Mướp* 1 quả đã qua mùa sương và đã già, hái đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào khi đói, hoặc gia nửa phần *hoa hòe* cùng sao, tán bột uống với nước cơm, bệnh đã nguy lâm vẫn cứu được.

- *Thạch xương bồ* (tẩm nước vo gạo), *Hoa hòe* (sao) 2 vị đều nhau. Tán bột, mỗi lần uống 2 - 3 đồng với nước cơm vào khi đói.

- *Hột bồ kết*, *Hoa hòe* đều 1 phần. Sao chung với lúa sờm, bỏ lúa lấy 2 vị tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, sắc *Gạo tràn mè* làm thang mà uống rất hay.

- *Chỉ xác* đốt tồn tính, *Xương ống chân dê* đốt thành than tro 3 đồng. Đều tán bột. Đến canh năm (mờ sáng) khi đói lòng uống với nước cơm, độ nửa giờ sau lại uống nữa. Phương này không kể bệnh đã lâu ngày mới phát, uống vào một ngày thì thấy công hiệu.

- *Hạt dànèh dànèh* sao đen một vốc tán bột mỗi lần uống một đồng, với nước. Có phương *giá hò tiêu* 5 hột, khuấy hò làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên.

- *Vỏ cây vải* cao bò vỏ ngoài xắt nhỏ, sắc uống vào khi đói.

- *Củ nghê* xắt lát sấy khô 1 phần. *Hoa hòe* sao 2 phần. Cùng tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, dùng *dâu đen* nấu lên làm thang, ngày uống 2 lần thì lành.

- *Dâu đen xanh lòng* dùng *Bồ kết* sắc lấy nước mà tẩm một chốc, rồi đem dâu sao vàng, xắt bò vỏ tán nhỏ, rán mỡ heo luyện làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước *gạo tràn mè*, rất hay.

- *Hoa kinh giới*, *Hoa hòe* sao đỏ đều bằng nhau. Tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với nước trà hay sắc nước *Bạc hà*, lành ngay. Có phương gia thêm *Thanh bì* có phương gia thêm *Trắc lá diệp sẩy khô*, *Chỉ xác* bỏ ruột sao, các vị bằng nhau, *Tầm với* bỏ đầu, chân 2 phần, *Ô mai* 1 phần. Tán bột khuấy hò làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm vào lúc đói, rất hay.

## 3. Kinh trị chứng trường phong di cầu ra máu hàng tuần không thôi.

- *Củ cải* thứ lớn dùng 2, 3 củ để luôn cà tầu lá xanh, lấy nước giếng bỏ vào nồi nấu chín nhừ, hòa với *giấm* lạt, ăn cho phải sức vào khi đói, rất hay.

*Quả roi* (Yên dào tử) vỏ vỏ lấy nhân, dùng nước cơm mài đặc mà uống rất hay.

- *Vỏ củ cải*, *Lá sen*, *Bóng náng* tươi cùng đốt tồn tính. Các vị đều nhau tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước cơm rất hay.

- *Củ tỏi* một nướng chín, *Hoàng liên* tán bột. Trộn đều làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm khi đói rất hay.

- *Bao tử heo* (dạ dày lợn), rửa sạch 1 cái, *Hoa hòe* (sao tán bột). Bỏ vào trong bao tử lấy dây buộc chặt, dùng *giám* tốt, *Rượu ngon* và nước cùng đổ vào đun nhỏ lửa, nấu chín nhừ đem ra nghiền nhò làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên - 60 viên với rượu hay nước cơm vào lúc đói.

- *Chi xác bò ruột* 2 lạng, *Da nhím*, *Tóc rối*, *Quả hòe*, đều 1 lạng. Dốt thành tro tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc nước *rễ tranh* mà uống vào lúc đói.

- *Mực nang* (Mai mực) nướng vàng tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng, sắc nước *Mộc tặc* mà uống rất hay.

- *Nam tinh* cùng vôi đá, sao cháy vàng, bỏ vôi lấy *Nam tinh* tán bột, dùng rượu khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu nhạt là lành.

- *Cốt toái bồ* 5 đồng tồn tính, uống với rượu hay nước cơm vào lúc đói.

#### 4. Kinh trị chứng tạng độc ra máu không ngót:

*Hà thủ ô* 2 lạng, kỵ sát, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm, uống trước khi ăn.

- *Hạt bìm bìm*, 2 lạng rưỡi, *Bồ kết* 1 lạng rưỡi. Cùng ngâm nước 3 ngày, bỏ bồ kết, dùng rượu nửa cân nấu canh rượu, sấy khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng. mỗi lần uống 7 viên với rượu vào lúc đói, trong ngày uống thật nhiều, đi ra vật vàng cũng không can gì. Bệnh bớt rồi uống 5 viên với nước cơm.

- *Hột trám* (cà na) dốt tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm vào khi đói thì khỏi.

- *Nấm cây hòe* 2 lạng, *Sơn khô* 2 lạng, đều tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu nóng.

- *Muội nồi* 5 đồng, hòa với nước cơm, phơi sương một đêm, sáng mai uống vào khi đói là khỏi.

#### 5. Kinh trị dàn ống di cầu ra máu:

*Dâu đen* 1 tháng sao cháy tán bột, ngâm rượu nóng lọc bã cho uống rất hay.

#### 6. Kinh trị đại tiện ra máu vài thang:

- *Hoàng bá* 1 lạng, bỏ vỏ, dùng *lòng trắng trứng gà* bôi vào mù nướng, tán bột, hòa nước làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 7 viên với rượu hết ngay.

- *Lá trắc bá* tùy 4 mùa mà hái. Bệnh về mùa xuân thì hái lá hướng đông, bệnh mùa hè thì hái lá hướng nam, bệnh mùa thu hái lá hướng tây, bệnh mùa đông thì hái lá hướng bắc, dốt tán bột mà uống rất hay.

#### 7. Kinh trị đại tiện ra máu khi bệnh lành, nguyên khí trong minh suy, lưỡng gối nặng nề yếu sức.

*Tầm gửi* cây dâu tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước sôi.

#### 8. Kinh trị đại tiện ra máu do di truyền:

*Sa nhân*, tán bột, sắc 2 đồng với nước cơm mà uống mãi đến lành thì thôi.

#### 9. Kinh trị đại tiện phân ra trước rồi máu ra sau:

- *Lá ngải cứu* 1 nắm *gừng sống* 1 củ nhỏ. Xắt lát, đổ nước sắc đặc, uống 3 chung là lành hoặc gia thêm *Dâu đen* 1 vốc.

- *Cao lầy nốt sù sì cây dâu* to đổ nước sắc uống.

#### 10. Kinh trị uống rượu nhiều sinh ra di ngoài ra máu:

*Thanh cao* dùng lá thì bò cuộng, dùng gọng thì bò lá, sấy khô tán bột, mỗi lần uống 2, 3 đồng, máu ra trước phân thì thang với nước lạnh, máu ra sau phân thì thang với rượu, rất hay.

**11. Kinh trị độc rượu đi ngoài ra máu hoặc đi ly:**

- *Lá trác bá non* (9 lần đồ 9 lần phơi) 2 lạng, *Hoa hòe* lâu năm, sao đen 1 lạng. Đều tán bột luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 viên với rượu ấm vào lúc đói rất hay.

- *Lá trác bá, Hoa hòe* đều sao, *Bè mộc* đốt thành than. Các vị đều nhau, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm khi đói.

- *Hạt dàn hàn* sấy khô tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước mío múc, rất hay.

- *Quả hòe* 1 lạng, nửa sống nửa sao. *Hột dàn hàn* 5 đồng. Đều sao tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước mío múc vào khi đói.

- Theo phương pháp *Hột dàn hàn* gia *Gương sen*, *Chỉ xác* đều sao, uống với nước cơm.

**12. Kinh trị vì nhiều độc mà ra máu, vì ăn đồ nóng mà ra máu:**

*Đậu đũa* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước lá.

*Củ sắn dây, Ngó sen* đều bằng nhau. Đều giã sống vắt lấy nước hai thang uống rất hay.

**13. Kinh trị đại tiện ra máu và vì độc rượu sinh lý hay đi lâu ngày:**

*Ô mai* 3 lạng đốt tồn tính, tán bột lấy *giấm* khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm vào khi đói, mỗi ngày uống 3 lần thì hết.

**14. Kinh trị chứng trường phong chứng uống rượu sinh lý và chứng loét ruột sinh lý ra máu:**

- *Quán chung*, bỏ lông, xắt nhỏ, sấy khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm vào lúc đói.

- *Quán chung* đốt tồn tính, để cho tiết hết hỏa độc, tán bột, gia vào một ít *Xà hương* uống với nước cơm.

**15. Truyền trị trẻ con đại tiện ra máu:**

*Rễ cây mơ* cạo vỏ ngoài, rửa sạch, đập nát, nước một bát sắc còn nửa uống vào lúc đói là khỏi.

## **VI - NIỆU HUYẾT**

Niệu huyết là rái ra máu, vì hóa uất của tâm đưa lên nhiệt xuống tiểu trường nên sinh ra chứng này. Phép chữa thì nên thanh hòa làm chủ, lại phải chia ra hư thực hai cách: không đau là niệu huyết (rái ra máu) thì thuộc hư, đau là lâm huyết (viêm bàng quang) thì thuộc nhiệt, phép chữa phải chia ra hai cách, chớ có chắp nhặt.

**1. Kinh trị trẻ con rái ra dây máu:**

*Đậu si* 1 nắm, sắc uống vào khi đói, hoặc hòa vào chút rượu càng hay.

**2. Kinh trị trẻ con rái máu:**

- *Rễ cây gai* rửa sạch, sắc nước thịnh thoảng uống là khỏi.

- *Long đởm thảo*, 1 nắm, nước 5 thang, sắc còn nửa, chia uống 5 lần, rất hay.

- *Củ nghệ* 1 lạng tán bột, *Củ hành bóc trắng* 1 nắm, *Nước* 1 thang. Sắc còn nửa, uống nóng, ngày 3 lần đã kinh nghiệm.

- *Hương phụ* 1 lạng, *Địa du* 1 lạng. Đều sắc riêng, trước uống nước Hương phụ 3, 5 chén, sau uống nước Địa du cho hết, chưa lành lại uống nữa.

- *Kinh giới, Sa nhân* đều nhau. Tán bột uống 3 đồng với nước cháo nếp, ngày 3 lần uống rất hay.
- *Ích mẫu thảo, giã sống* vắt lấy nước uống 1, 2 thăng thì lành.
- *Mã đê, giã vát lấy nước* 5 chung, uống vào khi đói rất hay. Có phương gia thêm *Cỏ mực*, phân lạng cũng bằng Cỏ mã đê.
- *Quả dànè dànè* 5 đồng, bỏ vỏ sao đen, một bát nước sắc còn nửa, uống và lúc đói.
- *Rễ cây cỏ xước, Kỵ sắt*, bỏ cuống sắc uống vào khi đói hoặc làm trà thường uống rất hay.
- *Bồ hoàng*, tán bột mỗi lần uống nửa đồng, dùng củ *Sinh địa* nấu lấy nước mà uống rất hay.
- *Vừng* (Mè) 1 thăng giã nát, lấy nước chảy 2 thăng ngâm một đêm, sáng sớm vắt lấy nước uống thì khỏi.
- *Hành trắng* 1 nắm, *Củ nghệ* 1 lượng, *Nước* 1 thăng. Sắc lấy quá nửa cho uống nóng, ngày ba lần lành thì thôi.
- *Ô mai* đốt tồn tính, tán bột khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng mỗi lần uống 10 viên với rượu.
- *Rễ tranh* 1 nắm, *gừng sống* 7 lát, *Mật* 1 muỗng, nước hai bát. Sắc còn một nửa, uống khi đói.
- *Hoa hòe* sao vàng, *Nghệ* nướng chín, đều 1 lượng. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, sắc nước *Đậu si* nhạt làm thang.
- *Ngũ bội tử* tán bột, dùng nhục *Bạch mai* (mơ muối) giã nhỏ hòa lẫn vào làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu vào lúc đói.
- *Tóc rối* đốt thành tro 2 đồng, lấy nước hòa thêm *giấm* mà uống vào khi đói. Có phương gia thêm *móng tay người* nửa phần cùng đốt thành tro than.
- *Nhựa cây dào* 1 cục bằng quả táo, nước 1 bát sắc còn nửa uống nóng hết, trẻ con thì chia uống làm ba lần, ngày uống 3 lần, đi tả ra hết sạn đá thì thôi.

Bảng V



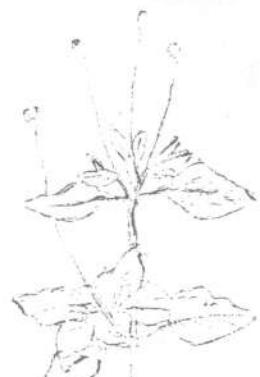
Công cộng



Xuyên tâm liên



Nam mộc hương



Nữ ao - Cúc áo



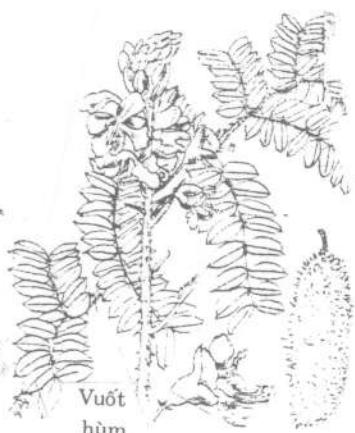
Tâm sét



Thanh táo



Vũ bò



Vuốt  
hùm



Xương sống

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYỂN IV**

**CÁC BỆNH CÓ ĐAU**

## I - ĐAU ĐẦU

(*Phụ: Đầu phong*)

Đầu là nơi các kinh dương tu hội, vị trí rất cao, lộ ra giữa trời đất, cho nên dễ nhiễm phái tà khí bên ngoài, hoặc nhân phong nhiệt, đờm hòa, hoặc vỉ khí huyết đều hư; đều có thể sinh đau đầu cả. Đầu đau hoặc đau bên phải, đau bên trái, đau chính giữa đỉnh đầu hoặc đau mắt mờ tối, tim đau nóng phiền, các khớp xương đau nhức, mắt đau tai điếc, mũi nghẹt tiếng nặng, nếu đau nặng thì trong não đau nhói, trong tim phiền loạn. Nhưng bে ngoài tuy chỉ phát một chứng đau, mà bέ trong thì cảm nhiều nguyên nhân khác nhau nên phép chữa phải xét cho kỹ.

### 1. Truyề́n trị đau đầu buốt óc, mắt mờ:

*Hương phụ mè*, Cúc hoa đều 2 lạng, Thạch cao 1 lạng, Bạc hà nửa lạng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng, sắc nước gừng và hành mà uống vào sau bữa ăn.

### 2. Kinh trị chứng ngoại cảm thương hàn, đau đầu như búa bổ:

Gừng sống 1 lạng, Hành 14 củ. Đều già nát, nước 1 bát sắc còn 6, 7 phần uống nóng, đắp chán cho ra mồ hôi thì lành.

### 3. Kinh trị đau đầu một bên, hay chính giữa, đau đầu phong.

- *Ngải cứu khô* vỏ nát, dùng sáp vàng hơ chảy, phết vào tờ giấy đem *Ngải cứu* rái lên tờ giấy ấy, cuộn lại như diều thuốc, châm lửa lên khói để xông đau bên trái thì xông vào lỗ mũi bên phải, đau bên phải thì xông vào lỗ mũi bên trái lành ngay.

- *Bồ kết* tùy dùng nhiều ít, ngâm nước, mùa xuân, mùa thu ngâm 5 ngày, mùa hạ 2 ngày rửa sạch, lấy miếng ngoi mới đặt lên sấy khô tán bột, mỗi lần uống hai, ba đồng với nước trà ấm vào sau bữa ăn.

### 4. Kinh trị đau đầu một bên hay đau đầu ngay chính giữa:

- *Cù cải* củ giã sống vắt lấy nước nám ba giọt, nặm ngứa, tùy bên phải bên trái nhỏ vào lỗ mũi một chốc thì lành. Phương này chữa lành không biết bao nhiêu người.

- *Lá thầu dầu tía* 1 nắm, *Lá ké* 1 nắm, *Lá quýt hôi* 1 nắm, đều già nát, xào nóng chia làm hai túi, chườm vào chỗ đau, nguội thì thay, rất hay.

### 5. Kinh trị đau nửa đầu:

*Tiêu lốt* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 phần, đau bên trái thì vào lỗ mũi trái, đau bên phải thì hít vào lỗ mũi phải; trước ngâm một hộp nước lạnh, hít rồi nhổ đi, rất hay.

### 6. Kinh trị đau đầu chính giữa hay đau một bên, hể gấp bữa gấp trời mưa hay mưa gió thì phát:

*Quế tâm* tán bột một lạng, hòa với nước, đắp trên đỉnh đầu và phía dưới trán là lành,

### 7. Kinh trị đau đầu rất nặng:

*Nước dái trẻ con* 1 bát, *Đậu sị* 1/2 vốc, *Hành* 5 củ. Sắc uống nóng đắp mền cho ra mồ hôi một lúc thì lành.

**8. Kinh trị đau đầu lâu ngày, thuốc thang không lành, châm cứu không khỏi đó là thấp khí ở trên:**

*Cuồng đưa dài tán bột, mỗi lần dùng một ít thổi vào lỗ mũi thì nghe ấm ngay, nước ở trong mũi chảy ra dần dần 1 đêm thì yên ngay.*

**9. Kinh trị bong nhiên đau đầu:**

*Bồ kết tán bột, thổi vào mũi gây nhạy mũi thì lành.*

**10. Kinh trị khí nóng xông lên, đau mắt choáng mờ và trị đau đầu, chính giữa hay đau một bên:**

*Hương phụ mề, đồ nước nấu một lúc, giã nát phơi khô, rồi sấy mà tán luyện mạt làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần dùng 1 viên, nước 1 chén, sắc còn 8 phần mà uống, dần bã dùng giấm làm thang, rất hay.*

**11. Kinh trị náo bị phong, đau đầu, lúc đau lúc không và bị đau đầu một bên:**

*Rắn hổ đất bỏ đầu đuôi ba tấc và ruột, lột bỏ da, xương, lấy thịt sấy khô ngâm rượu 1 lượng, *Nam tinh* (dùng nước tương nấu chín) xắt sao 1 lượng. *Thạch cao* 2 lượng, *Kinh giới* 2 lượng, *Địa cốt* 2 đồng ruồi. Dều tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước trà, ngày uống 3 đồng rất hay.*

**12. Kinh trị náo bị phong đau đầu:**

*- *Dậu đen* 3 phần sao hơi co khói, lấy rượu 5 phần mà ngâm, đậy kín 7 ngày rồi uống hết, rất hay.*

*Tỏi 7 củ, trước hết lấy lửa đốt trên mặt đất một chỗ cho đỏ hồng, đem tỏi mai vào chỗ đất đỏ thành ra như cao, rồi lấy tấm vải 1 lượng cẩn, bô đầu và chân, đặt lên trên tỏi, lấy cái bát úp lại, ngoài lấy bùn trét quanh miệng bát cho thật kín, chờ cho mất hơi, để đó một đêm, sáng mai lấy tấm nghiền nhỏ nhét vào trong lỗ mũi, nhưng miệng phải ngâm nước lạnh.*

*- *Hà thủ ô* ngâm nước vo gạo phơi khô, *Hương phụ mề* đều bằng nhau. Tán bột, nấu hầm viên, mỗi lần uống 2 đồng sau bữa ăn, nấu nước hành làm thang mà uống.*

*- *Tầm chét gió*, cẩn bô mõm, sao qua, mỗi lần uống 1 đồng cân, lấy 5 củ hành sắc làm nước thang.*

*- *Mạn kinh tử* 5 lượng, lấy lụa bọc lại, tắm rượu 7 ngày, rồi mỗi ngày uống 3 lần là khỏi.*

**13. Truyền trị phong tà vào não, lưu lại không tan; chạy đến đỉnh đầu, kích thích đau đớn như gai đâm muôn vỡ óc, để lâu sé mù mắt:**

*Bồ kết bỏ hột 3 lượng. *Nhục quế* bỏ vỏ 2 lượng. Dều tán bột hòa giấm ngào thạch cao, khi dùng tùy chỗ đau rộng hẹp: cao tóc đem phết lên miếng giấy, hơ lửa dán lên, lấy giấy này dán kèm lên trên, chờ cho mất hơi, ngày thay 3 lần rất hay.*

**14. Kinh trị chứng đau phong đau lâu năm.**

*Hạt củ cải, *Gừng sống* đều nhau. Giã lấy nước cho vào một chút xa hương nhét vào trong lỗ mũi yên ngay.*

**15. Kinh trị đau cổ cứng vì phong:**

*Hái *Hoa kinh giới* sau tháng 8 làm gối lót dưới chiếu, đến ngày lập xuân (ngày 4 tháng 2 dương lịch) thi bỏ đi là lành.*

**16. Kinh trị phong nhiệt đau đầu:**

*- *Hoa Kinh giới*, *Thạch cao* đều nhau. Dều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước trà.*

*- *Củ chuối* hột giã nát đắp lên cũng lành.*

- *Quyết minh tử sao, tán bột, hòa với nước trà bôi vào 2 huyệt thái dương, khô thì bôi lại, 1 đêm là lành ngay.*

**17. Kinh trị đau sưng lớn nghe tiếng kêu như sấm, gọi là lôi dầu phong, mê nan bất tỉnh:**

*Địa phu tử*, cùng với *Gừng sống* giã nát xào nóng uống với rượu nóng, đổ mồ hôi thì lành.

**18. Kinh trị phong đàm đau đầu chịu không nổi.**

- *Nam tinh* (ngâm nước gừng 1 lạng) lá *kinh giới* 1 lạng. Tán bột, lấy nước gừng khuấy hỗn làm viên như ngô đồng mỗi lần uống 20 viên với nước gừng sau bữa ăn.

- *Quả dàn* dành tán bột, hòa với mật ong, bôi trên lưỡi, thổi được là lành.

**19. Kinh trị bệnh tại kinh thiếu dương, đau đầu sốt rét, đó là trên chèn dừng co đờm:**

*Cuống dưa* dà sao vàng, *Đậu dò* nhỏ, đều 2 đồng rươi, đều tán bột. Lấy đậu 1 vốc nấu nhừ, lọc bỏ bã, rồi cho thuốc vào mà uống, thêm dần dần lên đến khi thổi được nhiều thì thôi.

**20. Kinh trị chứng đờm quyết đau đầu như bão:**

*Ô mai nhục*, 30 quả, *Muối* 3 nhúm, *Rượu* 3 thang. Nấu còn 1 thang, uống hết, làm cho thổi được là lành.

**21. Truyền trị bệnh phong đờm và bệnh về hỏa mà đau đầu, nắc rất nguy kịch:**

*Nước măng tre* nửa bát, thêm vào 1 chén nước gừng uống lúc nào cũng được, thấy lành thì thôi.

**22 Kinh trị dàn bà bị phong xung lên đau đầu:**

Lấy 1 củ *Nam tinh*, dào một cái hố giữa đất, đốt hố ấy cho đỏ hồng lên, bỏ nam tinh vào, rươi một chén giấm dây kín chờ cho mát hơi, chờ nguội tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, bệnh nặng thì 1 đồng rươi với rượu là khỏi.

**23. Kinh trị bị phong minh và đau nổi mẩn:**

Nấu nước củ ráy mà tắm, tránh gió, nửa ngày thì lành.

**24. Kinh trị đau phong nổi vẩy trắng mà ngứa:**

- *Phân tằm* đốt thành tro, ngâm nước, đợi lắng trong, lọc lấy nước trong mà gội đầu rất hay,

- *Xương dầu chó* đốt thành tro ngâm nước mà gội.

- *Tăm gửi cây đào*, ngâm rượu mà uống thì lành.

- *Cành dầu*, đốt thành tro ngâm nước mà gội rất hay.

- Lấy một khúc gỗ cây dương dəo làm gối mà gối đầu, 60 ngày lại đổi cái mới, làm sẽ công hiệu.

## II - ĐAU MẶT

Mặt là các chỗ kinh dương hội tụ, thể hiện tinh ba của ngũ tạng, là chỗ nhẹ nhàng trong sạch, nếu phong nhiệt thừa hư cảm vào thì mặt sưng lên, hoặc mặt mũi bầm tím, mẩn ngứa, hoặc mặt nóng, mặt lạnh. Nên tùy chứng chọn phương mà chữa.

## 1. Kinh trị mặt ngứa lở chày nước vàng:

Ngải cứu 2 lạng, Giấm 1 thăng. Lấy nồi đất nấu thật đặc, thấm cho ướt giấy mà dán, ngày 2 lần, sẽ khỏi.

## 2. Kinh trị trên mặt bị phong, ngứa lở:

- Chót nhọn gạc hươu, mài với rượu mà bôi rất hay.
- Xơ mướp, bồ kết, bàng nhau. Đốt thành tro, trộn với dầu mè mà bôi, rất hay
- Hoa đào, Nhân hột bí dao, bàng nhau. Dều tán bột hòa với mật mà bôi thì lành.

## 3. Kinh trị da mặt tê dại không cảm giác:

Cao da trâu 2 miếng bằng bàn tay, nước một bát nấu cho chay ra, lấy vỏ quế mài vào cho đặc, thường bôi thì khỏi.

## 4. Kinh trị trên mặt phát ban den:

Mộc nhĩ cây dâu sấy khô, tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước nóng vào sau bữa ăn, một ngày là lành.

## 5. Kinh trị mặt sưng thần sắc den:

Bán hạ sấy khô, tán bột, hòa với giấm, chon chổ khuất gió mà bôi, từ sáng đến tối bôi luôn không kể mấy lần, làm như thế 3 ngày, rồi lấy bồ kết nấu lấy nước mà rửa, mặt sẽ sáng như ngọc.

## 6. Kinh trị sưng nốt den:

Hột bồ kết, Hạnh nhân. Dều tán nhỏ, tối đến hòa với nước bọt mà bôi, sẽ lành.

## 7. Kinh trị trên mặt sinh mụn trứng cá:

Hoa đào 3 lạng, Đan bì 3 lạng. Tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước giếng ban mai uống vào khi đói, ngày 3 lần, 10 ngày đến 20 ngày sẽ dài ra nước đen, mặt trắng bong như ngọc.

## III - ĐAU VÙNG THƯỢNG VỊ

Đau vùng thương vị là đau vùng dạ dày, chứng ấy có 9 loại, nhưng tóm lại là vì đàm uất, thực tích mà bị thương tổn, 7 tính, 9 khí xú phạm mà sinh ra, cho nên sáng bị thương, chiều bị tổn, ngày tháng dần dập, từ uất mà thành tích do tích mà thành đờm, đờm hóa trung nấu, máu cũng di căn, đờm máu tụ lại nhau, ngăn trở con đường lên xuống, mới sinh ra đau, cho nên phép chữa phải phân biệt hàn, nhiệt, đờm, huyết, khí, trùng, cho rõ mới chữa, không thể trị đồng loạt được. Bệnh này lâu ngày không ăn cũng không chết, nếu có hết đau cũng phải uống thuốc 2, 3 lần nữa rồi sẽ ăn dần dần ăn ít thì mới hoàn toàn khỏi. Nếu ăn uống không đều mà bệnh trở lại thì khó chữa được, hễ đau ở vùng thương vị đau ran ra cả hai bên sườn, 2 bên vú, đau đến cả xương lưng là thực nhiệt, nếu đau ở bụng dưới liên bên và trên dưới rốn đều nhau, chân tay quyết lạnh là hư hàn; đau bụng mà tay ấn xuống thì bớt đau là chứng có ghè hú, đau mà mặt trắng môi đỏ, sau cơn đau ăn được, khi đau khi không là do trùng.

Các tình trạng đau như vậy, nên xét chứng mà chữa, nhưng không nên dùng thuốc bổ khí, vì khí vượng lên mà không thông thì đau càng dữ hơn.

## 1. Kinh trị đau dữ dội ở vùng ngực, đau công ra cả lưng phát giá lạnh, ối mửa, các thứ thuốc không chữa khỏi.

Lấy lồng ngực ngoài trong họng cho gây nôn ra một ít đờm là khỏi ngay.

**2. Kinh trị bỗng chốc vùng thương vị quặn đau và trị đau bụng thát ruột (giảo trường sa) chết ngất đi.**

Bỏ một Nhúm muối ở đầu lưỡi dao, đốt đỏ lên rồi vào trong nước, nhân khi đang nóng uống ngay, thở đờm ra là lành ngay.

**3. Kinh trị đau vùng thương vị răng cắn lại sáp chết:**

*Hành già* 3, 5 củ bỏ vỏ, rễ giã nát như bún, cay miếng lấy muỗng đút hành vào trong họng, dùng 4 lạng dầu mè đổ tổng xuống, một lúc thì dù trong bụng có tích, có trùng, cũng đều hóa nước vàng mà ra, tuyệt không phát lại nữa.

**4. Kinh trị 9 loại đau vùng thương vị:**

*Cành hòe* róc bỏ cành con dùng một nắm dùng 3 bát nước chày về đông, sắc còn 1 bát uống vào khi đói, rất hay.

**5. Kinh trị đau vùng thương vị lâu năm, 5, 10 năm không hết.**

Trà ngon nấu nước hòa giấm uống dần.

**6. Truyền trị khí trệ ở vùng trung quản, đau ran đến vùng thương vị.**

*Ó dược, Quế chi, Chi xác* bỏ ruột, *Hương phu mề*, các vị đều bằng nhau. Mỗi lần dùng 3, 4 đồng giã 3 lát gừng, 1 bát nước, sắc còn 6 phần, uống nóng, hoặc tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước muối và gừng.

**7. Kinh trị trong ngực bức tức như dày, họng tắc rắn rắn như ngứa, trong họng khô ráo nhổ nước bọt:**

Vò quít 2 lạng, Gừng sống 1 lạng, *Chi thực* (bỏ ruột xắt lát) 3 quả, nước 3 bát. Sắc còn nửa chia uống 3 lần thì lành.

**8. Truyền trị dày dàn bà tà tỳ vị tích lạnh, trung tiện không hòa, dưới tim dày hơi trong bụng đau nhói, ngực và sườn dày ách, nghén tắc không thông, nôn mửa đậm lạnh, ăn uống không xuống, ợ chua nuốt chua.**

*Can khuong* (thái mỏng 2 lạng), dùng *Ba đậu* (1) ba đồng cân sao chung cho vàng rồi sàng bỏ ba đậu lấy *Can khuong*. Riêng ấm 2 lạng (dùng *Ban miêu* (2) 60 con, sao chung rồi bỏ *Ban miêu* dùng *Riêng ấm*) *Thạch xương bồ* 2 lạng 2 đồng (sao vàng). *Gạo nếp* (sao vàng) 2 lạng rưỡi. Bốn vị cùng tán chung, liều dùng 1 - 2 đồng cân, chiên với nước muối nhạt hoặc rượu nhạt, uống bất cứ lúc nào.

**9. Truyền trị bỗng nhiên đau vùng thương vị dữ dội.**

- *Tim heo* 1 cái, hỏi người bệnh bao nhiêu tuổi, mỗi tuổi gia thêm một hột hồ tiêu, cùng muối và rượu nấu chín mà ăn thì yên, chưa lành lại làm lần nữa.

- *Dát lòng bếp* tán bột 1 đồng, như đau vì lạnh thì dùng rượu làm thang, đau vì nhiệt thì dùng nước ấm làm thang mà uống.

- *Hột quả vải*, đốt tồn tinh tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu nhạt, không uống được rượu lấy giấm mà uống.

- *Nhỏ nồi* 1 đồng, dùng nước đái trẻ em đang nóng mà uống, yên ngay.

- *Cùi quả dưa* (hoặc vỏ) đốt tồn tinh tán bột, lấy nước mới múc hoặc rượu mà uống 1 đồng yên ngay.

- *Thạch xương bồ*, nhai 1, 2 tắc, thang với nước sôi hay với rượu đều hay.

1. Ba đậu: (độc bảng A) phải chế bằng cách ép bỏ hết dầu sao vàng để giảm độc, chỉ được dùng uống với liều hạn chế 0,05 mỗi lần.

2. Ban miêu, (độc bảng A) cấm dùng uống.

- *Phương trên* gia thêm *Riêng ấm sao*, *Hương phu mè* đều nhau tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng hoặc sắc nước uống cũng tốt.

- *Dâu xanh* 21 hột, *Hồ tiêu* 14 hột. Tán bột uống với nước thì yên.

- *Sáp ong* một cục, hơ trên đèn cho chảy ra làm viên bằng hột cù súng. *Muối nồi* ao mỗi lần uống ba viên, uống với nước giếng yên ngay.

- *Phân tăm* một vốc bỏ vào nước sôi khuấy cho tan, chờ lắng, lọc lấy nước trong mà uống yên ngay.

- *Can khương* tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm rất hay.

- *Mộc nhĩ* cây dâu đốt tồn tính, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, yên ngay.

- *Hạt dào* (bỏ vỏ) và đầu nhọn 7 cái thản, giã nhuyễn hòa với nước chín mà uống.

- *Hương phu mè* 3 lạng, *Lá ngài cứu* 5 đồng, *Nước* 1 bát, *Giảm* 3 chén. Cùng nấu chung rồi chỉ dùng hương phu mè sao khô, tán bột, lấy giảm hòa với nước khuấy hổ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40, 50 viên với nước sôi.

- *Cỏ Thanh ngà*m, 1 nắm to, *Nước* 1 bát, *Rượu* nửa chén. Sắc còn 1 nửa uống âm.

- *Hà thủ ô* (ky đồ sát), lấy dao tre cạo vỏ ngoài, dùng dùi gỗ đập giập, ngâm nước vo gạo 1 đêm phơi khô tán bột, mỗi lần uống 1 đến 2 đồng với rượu vào khi đói.

#### 10. Trị đau vùng thượng vị, bất kě người lớn, trẻ con, đàn ông đàn bà đều khỏi.

*Lá chàm* 1 nắm lớn, giã lấy nước 1 bát, *gừng sống* giã vắt lấy nước nửa chén; hòa lẫn, chia 3 lần uống là lành ngay.

11. Kinh trị chứng tâm tỳ khí thống: hễ đau một chỗ phần mềm ở giữa lõm ngực, phần nhiều là do khí và hàn mà phát ra, đau suốt đời hoặc cha mẹ truyền cho con, (3) thì chỉ dùng phương này chữa được.

*Hương phu mè*, sao rượu, tán bột để riêng, *Riêng ấm* tắm rượu 7 lần, sao tán bột để riêng rồi tùy chứng mà điều chế cho uống, vì hàn thì dùng *Riêng 2*, *Hương phu 1*. Vì khí thì dùng *Riêng 1*, *Hương phu 2*, kiêm cà hàn và khí thì dùng *Riêng* và *Hương phu* bằng nhau. lấy nước cơm nóng thêm 1 muỗng nước cốt gừng, một chút muối, hòa đều mà uống là khỏi, bắt quá 7, 8 lần là tuyệt nọc khỏi hẳn.

#### 12. Đau vùng thượng vị.

*Quả dàn* sao tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng, sắc nước gừng làm thang. Chân tay phù thũng thì thang với nước cơm, đái gắt thì thang với nước sôi.

#### 13. Kinh trị đau bụng khí:

Ô dược, mài với 1 chén nước cho đặc, gia vào một miếng trần bì, một lá *tía tô*, sắc uống thì yên.

#### 14. Kinh trị tức ngực vì khí thống, tắc tiểng, nghẹt thở:

*Hạt cau rừng* 4 hạt, (nhỏ thì 8 hạt) xát lát, dùng 2 chén nước đái trẻ em, sắc còn 1 chén, chia 2 lần uống, dùng 5 thang thì yên hẳn.

- Ô dược 1 lạng, *Hương phu* 4 lạng, *Tía tô*, *Can khương* đều 5 đồng. Đều tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước.

- *Chi thực* sao qua tán bột, mỗi lần uống 1 đồng sau bữa ăn với nước cơm yên ngay.

#### 3. Không phải là bệnh lao di truyền hay bẩm sinh huyết thống

- *Hạt cau* (dạng như tim gà) 1 đồng, *Riềng ấm* 1 đồng, *Gạo lầu nấm* 100 hột sắc uống thì yên.

**15. Kinh trị vùng thương vị bỗng nhiên phiền đầy và đau nhức:**

*Rễ ý dí* xắt nhỏ, đổ nước sắc đặc lấy 3 thang mà uống thì yên.

**16. Kinh trị đau vùng thương vị do thấp đờm.**

*Vỏ ốc vắn* lâu năm, rửa sạch, đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu thì khỏi.

**17. Kinh trị đau xoắn ruột (giảo trường sa).**

*Nước dái trẻ em* cho uống thì lành.

**18. Kinh trị bệnh truyềん nhiễm (Quý chú) đau vùng thương vị:**

*Nhan quả đào* 1 vốc giã nát sắc uống rất hay.

- *Cành đào hương đồng* 1 năm, bỏ vỏ ngoài xắt nhỏ, nước 2 thang, sắc còn nửa, uống thì lành.

- Dùng *vỏ trắng cây đào* làm như trên cũng hay.

**19. Kinh trị bụng trướng đau, hơi thở đoàn gần chết, hoặc trúng ác khí đau vùng thương vị và đau bụng sán khí, chân tay giá lạnh:**

*Quế tâm* 2 lượng, *Nước* 1 thang, sắc còn nửa uống ngay thì lành. Có phương gia *Khuông hoàng* 1 lượng, cùng sắc hòa giấm mà uống, như đau bụng hàn và quyết lạnh thì hòa với rượu mà uống sẽ lành.

**20. Kinh trị tất cả các chứng đau ở lòng, bụng, lưng, eo lưng, đau như giùi đậm.**

*Hoa tiêu*, tán bột, hòa giấm làm bánh đặt lên chỗ đau, rồi để ngài cứu lên trên mà cứu, lành ngay.

**21. Kinh trị lòng bụng có hơi độc và tỳ vị lạnh đau:**

- *Bột ngài cứu*, chế với nước sôi vào uống 2 đồng thì yên.

- *Lá ngài cứu* 1 nắm, giã nát, hòa với 1 chén nước lọc bỏ bã mà uống.

- *Gừng khô* và *Riềng*, đều nhau, giội nước sôi tán bột, khấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, lấy bì lợn sắc nước làm thang, uống sau bữa ăn, rất hay.

- *Tỏi*, tẩm giấm để 2, 3 năm, khi dùng ăn 3 củ, rất công hiệu.

- *Phân chim bồ câu* đốt tán bột uống với rượu sẽ lành.

#### IV - ĐAU BỤNG

Đau bụng và đau vùng thương vị cũng hơi giống nhau nhưng đau bụng thời đau xuông phía dưới. Đau bụng có hàn, có nhiệt, có thực, có hư, có huyết ú, có thực tích, có đàm uất; nếu phát bệnh mà đau liên miên không ngớt là hàn; khi đau khi không là nhiệt, bụng đầy ăn vào thì đau là thực, ăn vào không đau là hư, đau không đổi chỗ là huyết ú, đau mà đi đại tiện được thì bớt là thực tích; đau mà tiểu tiện không lợi là đờm.

Phép chữa thi hàn phải làm cho ấm, nhiệt phải làm cho mát, thực phải tá, hư phải bổ huyết ú phải làm cho thông hoạt, thực tích phải làm cho tiêu tan, uất thi phải làm cho thông như thế thì chữa khỏi rất mau chóng.

## 1. Kinh trị bụng trường đau, thở ngắn gần chết:

*Dậu sét* 1 vòc, nước 2 chén sác còn 1 chén, bỏ bã, lại già thêm dànèh danh 34 quả, bỏ vỏ, lại sác còn nửa, bỏ bã mà uống, nếu chưa lành uống thang nữa thì lành.

## 2. Kinh trị bụng trên bụng dưới trường đầy, hơi thở ngắn sắp chết:

*Ô mai* 14 quả, nước 2 chén, sác sôi 1 dạo, lại bỏ vào 14 đồng tiền, sác con nửa, uống rất hay.

## 3. Kinh trị bụng đau như bị đánh:

*Đậu đen*, nửa tháng sao cháy, *Rượu* 1 tháng. Nấu sôi mà uống cho say sẽ lành.

## 4. Kinh trị dần ống dần bà các thứ đau ở bụng trên, bụng dưới, đau khi hay đau về huyết, không chịu nổi.

*Hương phu mè* 2 lạng, *Lá ngài cứu* nửa lạng. Lấy nước và giấm nấu chín, bỏ ngài cứu đi, lấy hương phu sao, tán nhò, dùng giấm khuấy hỗn làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi rất hay.

## 5. Kinh trị bụng trên đau như đâm, phương này hòa trung thông khí:

*Hương phu sao* 2 lạng, *Ô dược* 1 lạng, *Cam thảo sao* 1 đồng. Đầu tan bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước muối, uống dung lục thi khởi.

## 6. Kinh trị bỗng nhiên bị đau bụng:

*Muối*, sao vàng 1 đồng, *Cung sống* 7 lát, *Nước* 1 bát. Sắc sôi uống nóng, yên ngay.

## 7. Kinh trị lòng bụng đau vì tích:

*Hoa đào*, mồng 3 tháng 3 phơi khô làm bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước, rất hay.

## 8. Kinh trị đau xoắn dưới rốn:

*Hột cải*, tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 7 viên với nước giêng ban mai, giờ dần (5 giờ sáng) uống 1 lần, giờ than (5 giờ chiều) uống 1 lần sẽ khỏi.

## 9. Kinh trị đau xoắn trong bụng:

*Muối trắng* một ít hòa với 1 chén nước mà uống, lại dung lọ nồi không kể nhiêu ít hòa nước lá mà uống, một lúc thổ ra đờm bột, hết đau ngay.

## 10. Kinh trị bụng đau gó lên.

*Lá ngài cứu*, già, vát lầy nước cốt cho uống, rất hay.

## 11. Kinh trị bụng dưới đau, nóng đầy:

*Sừng linh dương*, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước lá, rất tốt.

## 12. Kinh trị bụng trên bụng dưới trường đầy đau như dao đâm, thở gấp cầm khẩu, nằm dờ, chất ngất và chữa trong bụng bỗng phát trầm bệnh, thi dùng phương này làm chủ, gọi là "Bị cấp hoàn".

*Đại hoàng* 1 lạng, *Can khương* 1 lạng, *Ba đậu* bỏ đậu 1 lạng. Tân bột, luyện mật làm viên già 1000 chày, viên như bột đậu xanh, mỗi lần uống 3 viên, nấu nước ấm hoặc rượu nuô uống, nếu cầm khẩu, cay rát dò vào, trong bụng chuyển sôi sục thi lành, nếu chưa chuyển lại uống 3 viên.

## 13. Kinh trị đau bụng do thipsis dờm:

Vỗ ốc lâu năm thi tốt, đốt cháy đở hồng tân bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng vào lúc đờm, rất hay.

## 14. Kinh trị bị âm độc đau trong bụng lạnh toát mồ hôi xanh, dai co, muốn tắt thở.

Hành tráng bò lá bỏ rễ, chỉ dùng đoạn tráng 2 tắc, hơ nóng đặt lên rốn, lấy cái àu đựng lúa ma chườm, hành nát thì lấy nước nóng mà rửa, một lúc khi nóng thâu vào chân tay âm, có mồ hôi thì tinh, liền uống thang Tứ nghịch (10) thi yên, nếu chườm rồi mà không ấm lại, thì không thể sống.

## 15. Kinh trị trong bụng dưới phát khí lạnh.

Hột cải tráng 1 lạng, sao vừa tán bột, quết với bánh chưng làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 10 viên với nước gừng, rất hay.

## 16. Kinh trị do khí lạnh lồng bụng đột nhiên đau, lên cơn đau dữ dội, và trị bệnh dã lâu năm thường hay phát đau, phương này có thể dứt hẳn:

Bòng nga truật (nấu với giấm) 2 lạng, Mộc hương 1 lạng. Tân nhò, mỗi lần uống nửa đồng với giấm nhạt.

## 17. Kinh trị lạnh, bên trong đau bụng.

Ô được, Trân bì, Tia tô đều bằng nhau. Sắc uống rất hay.

## 18. Kinh trị lồng bụng bị lạnh đột nhiên quặn đau.

Thạch xương bò 1, 2 tắc dập giập, cùng với Ngô thù du sắc uống.

## 19. Kinh trị dày bà đau bụng dưới, đau dữ.

Cô roi ngựa 1 lạng, nấu rượu sôi mà uống; lại lấy cây nấu nước mà tắm để ra mồ hôi, rất hay.

## 20. Truyền trị đau bụng vì ăn phải đồ lạnh, hoặc mới mắc hoặc dã lâu ngày.

Ô mai, (để cá bột) 8 quả, Ba đậu (để cà dâu) 16 hột, Thanh bì (để xơ tráng) 5 đồng, Trân bì 5 đồng. Các vị đều tán nhỏ, lấy giấm khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 6, 7 viên với nước gừng vào sau bữa ăn.

## V - HOÁC LOAN (dịch tả - thổ tả)

Hoác loạn là chứng cấp bách rối loạn, vì ngoại cảm phong hàn, nội thương ẩm thực, đói no không chừng, nên sinh chứng ấy. Phát bệnh thì trong bụng quặn đau, nóng làm và rét dữ, đau đầu chóng mặt, hoặc tả mà không thổ, hoặc thổ mà không tả, hổ đau bụng trên trước thì hổ trước, đau bụng dưới trước thì tả trước; bụng trên và bụng dưới đều đau thì cả thổ và tả. Hè có thổ tả thì gọi là "thấp hoác loạn", chứng ấy dễ trị, như không thổ thì gọi là "can hoác loạn", chứng ấy khó trị. Thậm chí, tay chân giá lạnh, rút gân. Bệnh này là một bệnh gấp rút ghé sơ, như sám set mưa gió, dễ động dễ lâng, phép chữa phải cho gấp, chờ để chậm trễ.

## 1. Kinh trị hoác loạn quá nặng, tay chân giá lạnh, đã chết ngất nhưng trong tim còn âm.

Muối bỏ vào ròn cho dây, lấy ngài nhung đặt lên mà cứu, cứu đèn sông thi lai thói, không kể số mũi.

(ii). *Thang Tứ nghịch*: (Trong cảnh): can khương 1 lạng, phu tử 1 củ dùng sống, chích cam thảo 2 lạng.

- *Mộc hộc* (Thanh hộc) dùng cà rĕ và lá, giã nát, gia vào chút muối, hòa với nước mà uống rất hay.

- *Vỏ xanh quả dừa* nấu nước uống, sẽ lành; hoặc dùng cùi dừa cang hay.

- *Lá cây phèn đen* 1 năm, vò với nước cho đặc, cho vào chút muối mà uống, yên ngay.

- *Hậu phác*, bỏ vỏ trái móng, giã gừng tươi trộn vào, sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng.

- *Lá dào* 2 năm xắt nhỏ, nước 5 chén sắc còn 1 chén chia uống 2 lần.

- *Cây vuốt hùm* lấy 1 hột ở trong quả đốt tồn tính tán bột, hòa với nước mà uống khỏi ngay.

- *Rau má* 15 lá nhai nhừ. *Dồng tiền* cổ 1 đồng mài lấy nước mà nuốt, rất hay.

## 2. Kinh trị hoắc loạn thổ tả, bụng đau, thuốc vào thổ ra không cách gì chữa được.

Dùng nước sôi trâm dạo và nước lạnh mỗi thứ một nửa hòa lẫn gọi là âm dương thủy, cho uống thì yên ngay, rất hay.

### 3. Kinh trị hoắc loạn thổ tả gần chết.

- *Trần bì* bỏ xơ tráng 5 đồng, *Hoắc hương* 5 đồng, nước 2 bát. Sắc còn nửa uống nóng; nếu không tính cay răng mà đổ, lại lấy viên gạch đốt đỏ, rưới giấm vào, lấy khăn vài gói gạch chườm vào giữa tim, tĩnh ngay.

- *Bột đậu xanh* 2 lượng, *Dương kính cát tráng* 2 lượng dùng nước mới múc hòa đều mà uống, sẽ lành.

- *Lá dại xanh*, giã lấy nước, gia vào chút giấm mà uống, rất hay.

- *Gạo nếp* 120 hột, *Gừng sống* 1 miếng. Cùng giã nát, dùng nước mới múc hòa đều, lọc bỏ bã uống sẽ lành.

- *Ngải cứu* 1 năm, nước 3 thăng sắc còn 1 thăng uống ngay sẽ khỏi.

- *Hột cải* sao tán bột, hòa với nước đắp trên rốn cũng khỏi ngay.

- *Giấm* hòa với muối sắc uống lành ngay.

- *Vỏ thạch lưu* và bột *Bìm bìm tráng*, sắc uống lành ngay.

- *Quả mơ* muối sắc nước uống ít một yên ngay.

- *Gỗ mun* hoa tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu rất hay.

- *Lô nội*, *Quả bồ hòn*, đốt tồn tính, bằng nhau. Nghiền nhão, mỗi lần uống 1 đồng ruồi với nước cơm, rất hay.

- *Ngó sen*, giã vắt lấy nước cốt cho uống, lành ngay.

- *He*, 1 nắm giã nát, hòa vào 1 nửa bát nước, vắt lấy nước, nấu cách thủy uống sẽ khỏi.

### 4. Kinh trị hoắc loạn thổ tả.

*Hồ tiêu* 49 hột, *Đậu xanh* 149 hột. Đều tán bột, mỗi lần dùng 1 đồng, lấy mộc qua sắc nước uống rất hay.

- *Hồ tiêu*, *Đậu xanh*, *cỏ tim bắc*. Nam 7 nữ 9, đem ra hòa với nước lạnh, mỗi thứ một nửa gọi là âm dương thủy cho uống.

- *Muối*, chừng 2 bát dùng lúa gói lại đặt lên ngực và bụng, lấy một cái âu đồng đựng than đỏ mà chườm, làm cho khí nóng thấu xương thì lành. Lại lấy muối rang đổ vào túi mà chườm sau lưng rất là hiệu nghiệm.

- *Riềng ấm* nướng cháy, mỗi lần dùng 1 lượng, sắc với rượu sôi 3, 4 dạo, rồi uống hết khói.
- *Riềng ấm* thái nhỏ 2 đồng, *Dai táo* 1 quả. Sắc để nguội cho uống, khỏi ngay. Có phương bò *Dai táo*, gia Hậu phác nướng và Nhục quế đều nhau.

## 5. Kinh trị hoặc loạn thó tả, phiền khát sắp chết:

*Gạo té* nghiền nát thành bột 2 vốc, *Nước* 1 bát. Gia vào 1 chung trúc lịch hòa đều uống hết, rất hay.

*Cơm gạo té*, 1 cục bằng quả quýt nướng vàng, *cát cẫu* 2 đồng, *Lá tre* 20 lá *gừng sống* 5 miếng. Sắc uống ấm là khỏi.

## 6. Kinh trị hoặc loạn khát quá, chữa chậm thì chết:

- *Trần mẽ* (gạo lâu năm) 3 vốc, nước 1 bát sắc uống rất hay.
- *Lấy đất vách* đập dông sắc cho uống yên ngay.
- *Lá lau* 1 nắm sắc uống.
- *Lá lau* 5 đồng, *gạo nếp* 2 đồng rươi, *Trúc như* 1 đồng. Đổ nước vào sắc, lại cho thêm nước gừng và mật, mỗi thứ một nửa rồi hồn hợp lại sắc sôi vài dạo, thỉnh thoảng uống thì khỏi.
- *Ngó sen* già vắt lấy nước 1 chén rươi. *Gừng* già vắt lấy nước nửa chén. Hòa lẫn mà uống yên ngay.
- *Gạo nếp* 3 vốc, *Mật* 1 chén, *nước* 5 thăng. Sắc sôi chia uống là khỏi.
- *Lá hòe* 1 đồng, *Lá dâu* 1 đồng, *Cam thảo* nướng 3 phân. Sắc uống là yên ngay.
- *Trà ngon* tán bột 1 đồng sắc nước, *Can khuong* tán bột 1 đồng, hòa vào mà uống thì lành.

## 7. Kinh trị hoặc loạn bụng dây không thông, khó chịu sắp chết, do ăn no hóng mát mà cảm.

*Cút chim sẻ* 21 hòn, tán bột hòa với rượu mà uống, chưa lành lại uống nữa.

## 8. Kinh trị hoặc loạn trên không thó được, dưới không tả được, toát mồ hôi lạnh sắp chết.

- *Muối* 1 lượng *Gừng sống* sao vàng 5 đồng, *Nước dái trẻ em* 2 chén. Sắc còn nửa uống ấm khỏi ngay.
- *Muối* 1 nắm, hòa nước tiểu trẻ con mà uống.
- *Hạt cau rừng* tán bột 5 đồng, *Nước dái trẻ em* nửa chén. *Nước* 1 chén. Hòa đều sắc sôi uống ấm, khỏi rất nhanh.
- *Thuốc súng* (4) 30, 40 hạt. Nghiền với nước lạnh cho uống yên ngay và lại nhuận mát.
- *Tóc* 1 nắm bằng quả trứng gà đốt thành tro tán bột, *muối* 1 nhúm sắc làm thang mà uống, thó được thì yên.
- *Gừng sống* 1 lượng, *nước* 2 thăng sắc còn nửa, chia đôi mà uống là khỏi.
- *Tỏi* nhỏ 1 thăng, *nước* 2 thăng sắc còn nửa, chia đôi mà uống là khỏi.

## 4. Thuốc súng chế với *Diêm tiêu*, Diêm sinh và than sâu đậu, có tác dụng gây khô nóng, sát trùng và trợ tim.

- Giảm 2 thang cho uống, rất hay.
- *Tia tò tươi* già vắt lấy nước uống, nếu là khô thì lấy nước sác uống là khỏi.
- *Thạch xương bồ* già sống 4 lạng, hòa ít nước chia tư mà uống là lành.
- *Rê lau* 1 lạng, *Gừng sống* 1 lạng, *Trần bì* 5 đồng, nước 1 bát sác con nửa, chia đôi mà uống.

- *Dâu đen* 1 vông, nghiên sống hòa với nước 1 - 2 đồng mà uống, là lành ngay.

## **9. Kinh trị hoặc loạn khí nóng nung nấu gân co rút không duỗi được.**

Bệnh nhân là đàn ông thì lấy tay kéo ngực hành, nếu đàn bà thì lấy tay kéo vú và tần hai bên, đó là phép chữa của sách Thiên Kim Phương (Tôn tú Mạo) rất hay.

- *Gừng sống* 1 lạng già nát, *Rượu* 5 chén sác uống.
- *Rau nghe* 1 nắm, sắc nước mà rửa cho thở thịt khai thông, khí dương tan ra thì lành.
- *Bồ kết* tán bột, dùng một ít bàng bột đậu nhỏ, thổi vào lỗ mũi, để gây nháy mũi là lành.

## **10. Truyền trị hoặc loạn thở tâ chuyển gân (chuột rút) tay chân lạnh ngắt ấu thở, hơi thở ngắn.**

- *Lá ke dâu ngựa* đỗ tươi, 1 nắm, già nát hòa với nước, vắt lấy nước mà uống yên ngay.
- *Đông tiền cổ* 49 đồng, *Mộc qua* 1 lạng, *Ô mai* 5 quả, nước 2 bát sác còn nửa uống âm.

## **11. Kinh trị hoặc loạn vẹp bể, trong bụng buồn phiền khó chịu.**

- *Lá dâu* 1 nắm, sắc nước uống 1 - 2 lần lành ngay.
- *Vài nhuộm chàm* 2 vuông, đỗ giấm vào mà nấu thừa đang nóng xát vào chỗ đau, nguội thì thay miếng khác, dần dần sẽ khỏi.
- *Muội nồi* (do nghe) 1 đồng tán bột, hòa với rượu mà uống, công hiệu ngay.
- *Gừng sống* 1 lạng tươi, già nát, *Rượu* nửa thang. Sắc sót 2 - 3 dao mà uống. Lai lấy *gừng sống* già nát bôi vào chỗ đau là khỏi.
- *Tỏi nhó* 1 lạng, *Muối* 1 lạng. Dều già nan hành đập trên rốn, đặt ngải cứu lên má đốt 7 mồi là lành. Lai lấy củ tỏi cắt 1 bên đem xát giữa rốn cho nóng lên là an toàn.

## **12. Kinh trị hoặc loạn chuyển gân:**

- *Lá trác bá* già nát bọc lên trên bàn chân nấu nước trác bá mà ngâm chân, hoặc dùng cành trác bá xát nhô nấu nước, trước lấy khăn vải nhung nước nóng buộc chân, sau lấy nước nóng giập vào thì lành.

- *Tỏi* già nát bôi lòng bàn chân khỏi ngay.

## **13. Kinh trị mùa hè bị hoặc loạn, hoặc chuyển gân (chuột rút).**

*Dậu van trắng* tán bột hòa với giấm mà uống. Không có bêt thi dùng là một nắm từ sách, già sống hòa vào ít giấm, vắt nước uống lành ngay. Có phương gia hương nhu cúng bão, đậu van, sắc còn nửa, uống ấm.

- Lấy *Giảm* tẩm bông cù, bó vào nồi hông đồ nóng đập lên, nguội thì thay chờ ngừng tay thì khỏi.

**14. Kinh trị hoặc loạn sắp nguy:** Đã dùng các phương không khỏi, dùng viên "Tắc ưng" n - một lần thi khỏi.

*Hoàng nàn* (5) bóc vỏ ngoài, sao qua già nhô, bỏ lớp hột ban đầu, lấy lớp cuối tan mịn lấy 1 vòc (1 đồng cát).

- Thảo quả 3 quả đốt tẩm tính, tán mịn trộn đều, viên với hột bàng hạt mè, cho uống mỗi lần 3 viên với nước cốt vỏ lá *rau má* làm thang. Thân hiệu.

- *La Sâu* dập vỏ nát, nam giới thi xát từ lưng lên đầu, nữ thi xát từ lưng xuống chân.

Truyền tri hoặc loạn thần phương

Hạt *Bìm bìm trắng* (nam dùng 7 hạt, nữ dùng 9 hạt) nhai nhô với muối mà nuốt

## VI - ĐAU LƯNG

Đau lưng là bệnh ở thận. Thận hư thì lưng đau, mà cảm bệnh có 4 cách: Khi không đủ, thận âm suy Phong, hàn, thấp làm hại, bị đánh ngã ứ máu, nằm ở chỗ ẩm ướt. Bị cảm 1 trong 4 nhân tố trên thì đau lưng, cách trị nên tìm ra nguyên nhân, không nên cháp vá.

### 1. Kinh trị lưng, xương sống đau nhức quá không cử động được:

*Dầu đen xanh long* 1 đậu, chia làm 3 phần: 1 phần sao, 1 phần luộc, một phần đỗ chín, dùng ba đậu rượu cho vào bình, dùng nồi lớn đỗ nước vào mà chưng cách thủy nửa giờ, rồi nấu thang mới uống, uống nhiều ít tùy sức.

### 2. Kinh trị đau lưng như có dao đâm.

*Đại hồi* sao tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước muối vào lúc đói. Ngoài lây gạo nếp rang nóng, đựng vào cài túi vải mà buộc vào chỗ đau, lành ngay.

### 3. Kinh trị đau lưng rất hay:

- *Mai ба ба* bôi sữa nướng vàng, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu ấm thì yên.

- *Nhân hột muối* sao cháy tán nhô, hòa rượu uống, lấy bã đắp chỗ đau thì yên. Hoặc dùng rễ muối đốt tẩm tính, mỗi lần uống 2 đồng với rượu ấm, rất mau khỏi

- *Tật lở* từ tán bột, luyện mật làm viên báng hột đậu đen, mỗi lần uống 2 viên, ngày 3 lần là khỏi

- *Hột dưa dà* 3 lượng hoặc *Hột dưa hấu* 3 lượng. Tẩm rượu 10 ngày, lấy ra tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với rượu vào khi đói, ngày uống 3 lần là khỏi.

- *Hạt cau rừng* tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói rất hay

*Trà ngon* nấu nước đậm 5 chung, hòa với giấm 3 chung uống ngay thi lành

- *Mè đen* 1 tháng, sao cháy tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với rượu hoặc mật, hoặc nước rừng đều được cả

- *Quả đậu rưa* lấy vỏ đốt tẩm tính, tán bột uống với rượu. Ngoài lấy bồ kết đốt cho lên khói xông chỗ đau

- *Hột chanh* 1 vòc vàng tán bột, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu vào lúc đói rất hay

- *Dậu đen* 3 tháng thảm nước ướt, sao nóng dùng vài gói 2, 3 gói mà chườm, người thi thay.

### 4. Truyền tri do khí huyết ứ ứng trệ, lưng chân đều đau, cúi ngửa khó khăn.

1. *Hoàng nàn*: Vò doan (độc bàng A) khi dùng phải chế để giảm độc: cạo hết vỏ vàng bên ngoài, ngâm nước vo gạo 3 ngày (thay nước hàng ngày) thái mỏng phơi sấy khô. Liều dùng tối đa 1 lần 50g, 24 giờ: 0,40g

# <https://vnras.com/drug/>

*Hột quýt bò vỏ sao, Bìm bìm đen nửa song nửa sao, đều bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu và khi đói.*

## **5. Kinh trị vốn bị sỏi mà lưng đau lâu năm, thỉnh thoảng phát ra:**

*Địa phu tử sao tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, ngày uống 4, 5 lần thì lành.*

## **6. Kinh trị lưng và gối đau bại:**

*Lộc nhung bôi sữa nướng vàng tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu thì lành. Không có nhung hươu, đốt tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói.*

## **7. Kinh trị lưng chân tê liệt co rút đau đớn:**

*Xương ống chân hổ, xương sống hổ đều bằng nhau. Dập nát nướng vàng mờ tùy ra hết, rồi tán bột đựng vào túi lụa, chưng 3 vốc ngâm vào 1 chai rượu, vẫn bên bếp cho nóng 7 ngày, tùy ý mà uống, thấy đại tiện nhuận thì lành.*

## **8. Kinh trị phong tê thấp lưng chân đau:**

*Lá cỏ xước xắt nhỏ 1 nắm. Đậu si 1 vốc. Nấu nước thật sôi, lọc bỏ bã, rồi cho gạo tráng vào 1 vốc nấu cháo, nêm muối mà ăn vào buổi sáng sớm, cứ ăn 4, 5 sáng thì khỏi.*

## **9. Kinh trị do thận hư mà lưng gối đau nhức:**

*Nhân hột dào bò vỏ và dầu nhọn sao vàng tán bột, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu ấm vào lúc đói.*

## **10. Kinh trị lưng gối đau nhức hoặc tê cứng không co sức.**

*Hột tơ hồng 1 lượng, Cỏ xước 1 lang, dùng đồ bạc đựng rượu tắm một đêm, phơi khô tán bột, dùng rượu tắm trước còn lại mà khuấy hổ, làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước ấm vào lúc đói.*

*Hà thủ ô, 10 lượng, Ngưu tất 10 lượng. Đều ky sát và đều đập giập, dùng rượu ngon ngâm 7 đêm, phơi khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50, 60 viên với rượu ấm vào khi đói.*

## **11. Kinh trị đau lưng thuộc hư hàn:**

*Gạo nếp sao chín đựng vào 2 thăng đắp lên chỗ đau, trong khi lấy Đại hồi tán bột hòa với rượu mà uống thì lành.*

## **12. Kinh trị lưng và xương sống lưng đau:**

*Hạt cải tán bột hòa với rượu ngon mà bôi lên là khỏi.*

## **13. Kinh trị ngực và sườn đều đau:**

*Rễ ý dĩ thái nhỏ, sắc uống ba thăng thì yên.*

## **14. Kinh trị lưng và sườn bỗng đau:**

*Đậu đen sao 2 tháng, đổ rượu 3 tháng, sắc còn 2 tháng, chia uống thi yên.*

## **15. Kinh trị đau xốc dưới sườn:**

*Tiểu hồi sao vàng 1 lượng, Chi xác sao 5 đồng. Đều tán bột mỗi lần uống 2 đồng, hòa muối với rượu làm thang mà uống rất hay.*

## **16. Kinh trị xương sườn đau vì nổi giận hại can khi mà sinh ra:**

*Chi xác bò ruột sao, 1 lượng, quế chi bò vỏ 5 đồng. Đều tán bột mỗi lần uống 2 đồng, gừng 3 lát, táo quả sắc nước làm thang mà uống là khỏi.*

Theo phương pháp gia thêm củ *Nghé* và rễ cây *trảng* (Hoàng lực). Đều tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với nước gừng hoặc rượu.

## 17. Kinh trị sau khi bệnh thời khí rồi hai bên sườn trường dày:

*Muối*, rang gói lại mà chườm thi khói.

## 18. Kinh trị đau sườn dùng phương ứng thống:

*Hạt cải* 1 vốc tán nhò nhào với nước cho đặc như bùn, dán vào chỗ đau thì lành.

## 19. Truyền trị đờ xoxic hông và bụng trường dày không chịu nổi.

*Thạch xương bồ*, *tiếng ấm sao*, *Hương phu mè* đều bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, sắc nước gừng với muối mà uống thì yên.

## VII - ĐAU CÁNH TAY

Đau cánh tay là 3 khí phong hàn, thấp xâm vào mà sinh bệnh. Khi nằm ngủ để lỏi tay ra ngoài, phong hàn xâm vào cho nên sinh đau khi chữa phải nên xét.

### 1. Kinh trị tay nổi cục sưng đau:

*Nhân hột thầu dầu* già nát, rịt vào 1 đêm lành ngay.

### 2. Kinh trị phong nhiệt cánh tay đau:

*Cành dầu*, mỗi thang 3 lạng, kỵ sát, bẻ nhỏ sao, *nước* một bát sắc còn nửa, uống lúc nào cũng được, công hiệu không thể nói hết.

## VIII - ĐAU VAI, ĐAU LUNG

Đau vai đau lưng có khi vì phong nhiệt phạm vào phế, có khi vì đàm tích đọng lại mà sinh đau; bệnh nặng thì xương sống đau, lưng cứng không xây trở được, nên chọn phương mà trị.

### 1. Truyền trị vai lưng chân tay buồn mòn.

*Địa phu tử* 3 lạng, *nước* 4 bát sắc còn nửa, chia 2, 3 lần uống sẽ lành.

### 2. Kinh trị đau vai đau lưng do thực tích.

*Quy bản* bôi mỡ hay váng sữa nướng vàng, tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng, uống đến lành thì thôi.

### 3. Kinh trị bị té ngã ú huyệt, lưng và xương sống đau, thuốc gì cũng không khỏi.

*Hột bìm bìm* đen nửa sống nửa sao, tán bột, luyện với nước làm viên bằng hột ngô đồng, lấy lưu hoàng tán bột làm áo, mỗi lần uống 50 viên với nước muối vào khi đói, rất công hiệu.

### 4. Kinh trị do thận hư lưng đau như đâm, không thể xây trở được.

*Gạc hương*, dēo lấy 3 lạng, sao tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói, ngày uống 2 lần rất hay. Ngâm rượu tùy ý uống cũng được.

- *Đại hồi* sao, tán bột, lấy cát heo mổ ra, dồn đầy bột hồi hương vào, ngoài lấy giấy ướt bọc vài lần, nướng chín, ăn vào khi đói với rượu hay nước muối, rất hay.

- *Cát đê* bỏ màng mỡ, xắt nhỏ, sấy thật khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu ngày uống 3 lần là khỏi.

## 5. Truyền trị nuốt nhầm phái tóc, lâu ngày máu ứ thành chứng hàn (búng tóc) đau lưng.

Dầu mè 1 bát, uống 1 lần cho hết, chốc lát sẽ thô ra một loại trùng dài chừng 2, 3 thước, cử động được giống như con rắn, treo lên thì nước nhỏ xuống nước nhỏ hết còn lại một sợi tóc.

## IX - ĐAU SƯỜN

Đau sườn là do can đờm bức bách. Can có bệnh thì sườn đau, vì sườn là bộ phận thuộc can đờm, can là tật âm, đờm không có khiếu riêng, hễ bị bức thì khiếu không có chỗ bốc, cho nên thường hay đau, nhưng có nội nhân và ngoại nhân không giống nhau phải xét kỹ mà chữa.

Phàm nội nhân là do giận dữ, bi ai, cầm xúc, đói no, lạnh nóng, không đều, té ngã, đàm tích động vào sườn cùng kết hợp với máu ứ mà thành đau; ngoại nhân là tà khí cảm vào kinh thiếu dương, tai diếc sườn đau, vì phong hàn cảm vào mà thành đau.

Phép chữa thì nên *khai hết thuận khí, hóa đờm, lợi tiêu* làm mục đích can bình khi thuận thì bệnh tự yên.

### 1. Kinh nghiệm dùng phép chườm chữa các bệnh đau:

Gốc hẹ già nát xào với giấm bọc lụa mà chườm chỗ đau là khỏi ngay. Lại dùng hẹ cà rẽ và lá già nát vắt lấy nước, hòa với rượu lấy nửa bát, tùy ý mà uống rất hay.

### 2. Kinh trị tâm phiền, sườn đau suốt ngày muôn chết.

Hương nhu tươi già lấy nước 2, 3 tháng mà uống rất hay.

### 3. Kinh trị dưới sườn đau đón.

Địa phu tử, sao qua, tán bột, mỗi lần uống một đồng với rượu thì lành

## X - TÊ THẤP

Tê thấp là mình mẩy các khớp xương không dò khồng sưng mà tự nhiên phát đau có khi chân tay không cựa được, nguyên nhân do nguyên khí hư yếu phong hàn thấp 3 khí xâm vào mà sinh bệnh. Nếu phong khí thắng thì đau chạy khắp gọi *Lịch tiết phong*, hàn khí thắng thì đau nhức dữ dội gọi *Thông phong*, thấp khí thắng thì đau nhức cố định một chỗ, tê dai cấu không biết đau gọi *Trước thông*. Nhưng ba khí ấy nhập vào kinh lạc trước rồi xâm vào xương thì năng nề không giờ lên được, vào mạch thì huyết động không lưu thông, vào gân thì co không duỗi được, vào thịt thì tê dai cấu không biết đau, vào da thì lạnh, sách tuy chia ra nhiều tên gọi mà bệnh thì do ba tà khí. Lại có: Phát bệnh ở buổi sáng là do khí trệ dương hư, phát bệnh ở buổi chiều là huyết nhiệt âm tổn, nên xét cho rõ.

### 1. Kinh trị các chứng phong tê và thấp tê, xương đau gân rút, nén sơ thông tà khí, tiêu thùy thũng lợi trường vị.

Hạt ý dí già trắng thường nấu cháo ăn vào khi đói, lâu thì có ích, hoặc rang lên thi rồi nấu nước thay chè mà uống rất tốt.

### 2. Truyền trị chứng bạch hổ lịch tiết phong, đau nhức khắp minh 2, 3 năm. chân không di được, thuốc gì cũng không khỏi.

Mộc thông 3 lạng sắc nhò, dùng nước chày sắc đặc một hai bát, uống dần cho hết, sau khi uống, khắp minh hơi sưng và phát ngứa hoặc nổi ban đỏ thấy thế chờ sơ, chờ cho ra mồ hôi khấp người thì khỏi.

**3. Kinh trị đau nhức các khớp xương, đau khớp này chạy qua khớp khác không thể chịu được.**

- *Xương dầu hổ*, bôi mỡ hoặc váng sữa, nướng vàng già nát, bỏ vào túi lụa, đổ rượu 5 dâu, ngâm 5 đêm, tùy sức mà uống, rất hay.

- *Xương ống chân hổ* (đập vỏ, bỏ tủy, màng, bôi rượu nướng vàng) 2 lạng. Một dược 4 lạng rưỡi. Hai vị đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, ngày uống 3 lần, rất hay. Không có một dược, chỉ ngâm xương ống chân hổ mà uống cũng được.

- *Lỗi cây thông* xắt nhỏ 2 dâu, *Rượu* 5 dâu. Cùng cho vào bình ngâm 21 ngày, mỗi lần uống một chén, ngày uống 5, 6 lần là khỏi. Hoặc lá thông già nát, lấy nước một thang, rượu 3 thang ngâm 7 ngày, mỗi lần uống một chén, ngày uống 3 lần cũng khỏi.

- *Nhusa thông* Ngào trong cái nồi đất, đèn khi nhò vào nước lạnh không tan là được, lấy ra phơi khô tán bột, dùng gạo nếp nấu hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, lấy *tầm gửi* cây sau sau già nát sắc với rượu làm thang.

- *Bồ kết* 120 hột. Hòa với mỡ sữa sao thơm, tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô, mỗi lần uống 30 viên, lấy hột tật lê, và toan táo nhân sắc nước mà uống vào lúc đói.

- *Giảm* tốt lâu năm 1 bát, *Cù hành* 5 lạng. Đều già nát, nấu lẩn cho sôi rồi gói vào vải, nhân khi nóng chườm vào chỗ đau, lành ngay.

**4. Kinh trị chứng "Bạch hổ lịch tiết phong" đau chạy khắp mình, tay chân cứng ngắt, co duỗi không được.**

*Bồ kết* 5 lạng. Muối 10 lạng. Đều già nát sao nóng, dùng vải xanh gói lại chườm chỗ đau, lạnh thì thay lành ngay.

**5. Kinh trị thống phong, đau khắp các khớp xương, đêm ngày không ngớt:**

*Kim ngân hoa* cà lá, trộn với rượu xào nóng, đắp vào chỗ đau, nguội thì thay lành ngay.

*Cây hy thiêm* mồng 5 tháng 5, hoặc mồng 7 tháng 7, hoặc mồng 9 tháng 9 hái lá rửa sạch phơi khô cho vào nồi hông, dùng 2 phần rượu, 1 phần mật rưỡi đều vào các lớp, đem đậy lại mà đồ, đợi lên hơi đem ra phơi, rồi chế rượu mật như trước, lại đồ lại phơi, như thế dù 9 lần, phơi khô tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 40 viên với rượu vào lúc đói.

**6. Kinh trị chứng khí thống chạy khắp mình, bỗng nhiên đau cố định một chỗ như bị đánh, lạnh như băng, bỗng lại chạy khắp không nhất định chỗ nào.**

*Vỏ cây liêu* cạo bỏ vỏ ngoài lấy vỏ trắng, già nát, trộn với rượu, xào nóng mà chườm, thấy có chỗ nổi chấm đỏ thì chích mà nặn máu đi, rất hay.

**7. Kinh trị chứng phong Bạch hổ đau nhức chạy khắp nơi.**

- *Giảm* tốt 1 bát, *Hành* 1 nắm. Nấu sôi 1 dạo, lấy khăn vải nhúng ướt mà chườm đến lành thì thôi.

- *Hột cải*, tán bột, hòa với lòng trắng trứng gà mà bôi, ngoài lấy lụa buộc lại, ngày thay một lần sẽ lành.

**8. Kinh trị chứng phong rút gân khớp mình lạnh như nước.**

*Sáp vàng* 5 đồng, *Dầu mè* 1 ít. Bắc lên bếp, nấu cho chảy tan, nhân khi còn nóng phết vào miếng lụa, dán vào chỗ đau, nguội thì hơ cho nóng mà thay lành ngay.

**9. Kinh trị các chứng, té thấp, phong thấp, chân tay co rút.**

*Quà kè dẫu ngựa* 3 lạng già nát, mỗi lần dùng 2, 3 đồng, sắc uống vào khi đau rất hay, kỵ ăn thịt heo.

- *Đậu sỉ* 3 vốc, 9 lần đồ, 9 lần phơi, rồi đồ 2 bát rượu, ngâm 1 đêm uống nhiều, ít tùy ý, uống vào khi đau rất hay.

## 10. Truyền trị chứng trúng phong tay chân sưng đau.

*Lá ngài cứu, Hành cá rẽ, Gừng cà vỏ*, 3 thứ bằng nhau. Đều già nát, tẩm rượu xào nóng đập vào chỗ đau, lấy lá thầu dầu đắp ngoài mà buộc lại, ngày thay 5, 6 lần đến lành thì thôi.

## 11. Truyền trị khớp mình sưng đau.

*Sa nhân, Dết dâu* cùi bò chân, bằng nhau. Đều sao tán bột, mỗi lần uống nửa đồng với rượu rất hay.

## 12. Truyền trị tay chân đau phiền.

*Địa phu tử* 3 lạng, nước 4 bát, sắc còn nửa, chia 3 lần uống rất hay.

## 13. Kinh trị chân tay tê nhức.

*Tổ ong tàng*, lớn thì một tổ, nhỏ thì hai, ba tổ, *Tỏi* một bát, *Nho nồi* 1 đồng rưỡi. Đều già nát đập vào chỗ đau, một lúc thấy xuống chôn vào cho im mát, kiêng ăn đồ sống lạnh tanh hôi, sẽ lành.

## 14. Kinh trị đau gối hạc, đầu gối sưng to.

*Hoa cúc, Lá ngài cứu* bằng nhau. Đều già nát, lấy bông hoc thuốc vào đắp lâu sẽ khỏi.

## 15. Kinh trị cổ gáy cứng đau, quay trả không được (sái cổ).

*Đầu đen* 1 đầu đồ cho biến sắc đựng vào trong túi mà gói đầu thì khỏi.

## XI - CƯỚC KHÍ

Chứng cước khi là thấp nhiệt ở chân mà sinh đau, vì tỳ vị hư yếu, trong khi cử đông đi đứng, cảm phải khí phong hàn, thử, thấp, hoặc ăn uống nhiều đồ cao lương mỹ vị, thấp nhiệt chạy xuống mà sinh bệnh, khi mới phát thì không rõ, phát lâu mới biết. Đại khái bệnh phát từ chân trước, hoặc trước khi bị tê yếu, hoặc đứng dậy ngã xuống, hoặc 2 ống chân sưng phù, hoặc chân và gối khô gầy, hoặc tim hồi hộp, hoặc bụng dưới tê dai cấu không biết đau, đại tiện táo, tiểu tiện gắt, hoặc chuột rút khớp mình, khớp xương buốt đau, hoặc nghe mùi đồ ăn thì ghét thấy đồ ăn thì mửa, hoặc ngực căng thở gấp, phát sốt sợ rét, đó là các chứng trạng của bệnh ấy.

Chứng cước khi là bệnh bế tắc, chỉ ưa thông mà ghét tắc, không nên bổ mạnh mà cũng không nên tà mạnh. Nội kinh chép rằng: "Đau trước rồi sau mới sưng là khí làm hại huyết; sưng trước rồi sau mới đau là huyết hại khí". Nhưng tôi thường chữa cho người bệnh cước khí xung tâm, nguy cấp thì cho uống thuốc từ âm giáng hỏa, gia thêm nhiều nước tre non (trúc litchi) và nước dái trẻ con mà chữa sống được rất nhiều; bởi vì thủy hỏa sục sôi thoát ly nguyên chỗ, xông lên vùn vút rồi bỏ chỗ nào thì chỗ ấy thấy lạnh, cho nên dùng thuốc giáng hỏa là để đưa hỏa về nguyên chỗ cũ, thì là phải lắm.

**1. Kinh trị chứng cước khí và phong, hàn, thấp tê chân tay co rút, không di đứng được.**

*Hột tía tô tán nhỏ 2 lạng, Hành 10 củ, Đậu si 1 vốc, Gừng sống 1 củ. Đều già nát, hòa với 2 bát nước cho đều, lọc bỏ bã lấy nước, đổ gạo trắng vào nấu cháo, thường ăn, chừng 5 ngày thì khỏi.*

**2. Kinh trị bệnh cước khí phát đau, gân xương cứng đau lây.**

*Kim ngân hoa tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng.*

**3. Truyền trị cước khí mới phát thì uống phương này để trừ phong nhuận táo, tán trừ uất khí.**

*Hạt cau rừng 2 lạng, Hương phụ mè 2 lạng, Tử tô 1 lạng, Tùng tiết 1 lạng, Ngũ gia bì 1 lạng, Chỉ xác sao 1 lạng, Lá ké dầu ngựa 1 lạng. Cùng tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, dùng tử tô cà cộng 7 lá, vỏ quýt để xơ tráng nguyên cá cái, 3 lát gừng, sắc nước mà uống với bột thuốc trên, nếu cước khí xung tâm thì dùng nước đái trẻ em hòa với bột thuốc sắc lên mà uống, nếu đau bụng thì dùng rượu làm thang.*

**4. Kinh trị cước khí muối mửa: phàm người bị bệnh ấy, buổi sáng ăn no thì buổi trưa ăn ít, buổi tối không ăn được; nếu dòi mà ăn cơm cháo vào lại thấy không tiêu là muối sinh hoặc loạn.**

*Riềng ấm 1 lạng, nước 3 tháng, sắc còn 1 tháng, uống hết thì khỏi.*

**5. Kinh trị lưng và bàn chân không chuyển động được, co rút đau đớn, lâu năm không lành.**

*Xương hổ. Dau lưng thì dùng xương sống, đau chân thì dùng xương ống chân, đập vỡ bỏ tủy màng, bôi mỡ hoặc váng sữa nướng vàng, tán bột gói vào lụa, ngâm vào 1 bầu rượu ngon, vẫn bên bếp 7 ngày, cho ấm uống nhiều ít tùy lượng, rất hay.*

**6. Kinh trị đần óng bàn chân lạnh, cử động không theo ý muốn, và không di được.**

*Rượu ngon 3 đấu, Nước 3 đấu. Cho vào nồi nấu nóng, đặt chân vào ngâm cho lút đến gối, giữ cho nóng thường, chớ để nguội, 3 ngày là khỏi.*

**7. Kinh trị cước khí, đau chạy chỗ này chỗ khác.**

*Củ cải củ, nấu nước, nhân khi nóng rửa và ngâm; lại lấy củ cải củ phơi khô tẩm bột, bỏ vào giày ủng hoặc lấp bông bọc ngoài chân, rất hay.*

**8. Kinh trị cước khí sinh ra phiền muộn.**

*Gà trống đen, 1 con, vặt lông bỏ ruột, rửa sạch, nấu canh hoặc bỏ gạo vào nấu cháo ăn, rất tốt.*

**9. Kinh trị cước khí ủng tắc, đại tiểu tiện không thông.**

*Ốc bươu 3 con, Muối ăn 1 nhúm, cùng già nát đặt lên rốn dày 1 tấc 3 phân, dùng khăn buộc chặt thì thông.*

**10. Kinh trị cước khí co rút gân lại.**

*Tỏi cắt đầu xát vào lòng bàn chân, làm cho thông khí nóng thì lành. 11. Kinh trị bàn chân sưng mụn độc, đau thấu xương.*

*Cứu cách tỏi đến lành mới thôi.*

**12. Kinh trị thủng từ bàn chân thủng dần lên.**

*Cây vóng lấy cả vỏ nấu nước đặc mà ngâm và uống một ít, rất hay.*

## 13. Kinh trị gót chân sưng đau, không di đứng được, hoặc di đứng lâu thì lòng bàn chân sưng lên.

Cút trâu còn mới, thêm chút muối, xào nóng đặt vào buộc lại, người thi thay, rất hay.

- Cút trùn: tó đầy khắp bàn chân, đẻ 1 đêm sẽ hết.

- Lá ngải cứu, hành đều 1 nắm, gừng sống 1 củ đều giã nát chே rượu trộn đều, xào cho nóng mà chườm lên, sẽ khỏi.

- Phương trên thêm Nam tinh tán nhò, trộn với nước đắp vào, lấy cái âu đựng than nóng mà chườm lên, sẽ khỏi.

- Cao da trâu 3 lạng, già gừng sống vắt lấy nước 1 chén, nấu với cao cho tan ra như cao dán, phết vào giấy mà dán vào chỗ đau.

## 14. Kinh trị mùa hè bàn chân sưng di không được.

Rễ cà về tháng 9, treo ở ngoài hiên, khi nào dùng thì nấu nước mà rửa chân hàng ngày thì khỏi.

## 15. Kinh trị cước khí phù thũng, bụng đầy trướng, tiêu tiện gắt it.

Rau xam hòa với nước vo gạo nếp, nấu lên mà ăn thường ngày, rất hay.

## 16. Kinh trị người già, người yếu, cước khí đầy trướng không phải nóng cũng không phải lạnh.

Hạt cau rừng, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, lấy vỏ quả cau, hoặc tử tô hoặc trà hoặc đậu sị làm thang uống vào lúc đói, khỏi ngay.

## 17. Kinh trị cước khí vì phong độc, ăn vào lún ngón tay.

Hột bìm bìm sao, nghiên nhò, lấy lớp bột lăn dầu, luyên mật làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng, tiêu tiện lợi thì thôi.

## 18. Truyền trị cước khí sưng đau, hoặc phong tê.

Tỳ giải, đốt qua, già nát, ngâm rượu thường uống sẽ khỏi.

## 19. Kinh trị cước khí sinh đau.

Nhân hột thầu dầu 7 nhân, già nát hòa với Tô hợp hương làm miếng bánh đặt vào lòng bàn chân, lành ngay.

## 20. Kinh trị tay chân buốt đau, hơi thũng.

Mè 1 tháng, rang thơm tán bột, đổ rượu 1 tháng, ngâm 1 đêm, tùy ý mà uống.

## 21. Kinh trị cước khí chân mềm và đau.

Lá kê dầu ngựa, đồ và phơi đều 9 lần, tán bột, lấy giấm khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50, 60 viên, dùng Rượu làm thang mà uống.

## 22. Kinh trị đầu gối và bàn chân sưng đau.

- Lá sen, Cảo bẩn bằng nhau. Nấu nước ngâm rửa, bệnh sẽ hết.

- Nhân hột gác, mỗi hột bổ làm đôi, cùng bột mỳ sao qua, xắt lát, mỗi lạng gia nhục quế 5 đồng cùng tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, uống cho say đổ mồ hôi là lành.

- Đầu sị 1 vốc sắc uống, lấy bã bôi là khỏi.

- Đầu sị ngâm với rượu nóng mà uống, còn bã bôi vào cũng khỏi.

- Đào nhân 1 tháng phơi khô tán bột, một lần dùng rượu uống ấm dần dần, 1 đêm là khỏi.

- Bồ kết, Đầu đờ nhỏ hạt. Dùng tán bột, hòa với rượu, giấm mà dán thũng thì tiêu ngay.

- Lột nhung đốt bò lông, bôi sữa nướng khô, lai bôi lại nướng cho vàng, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào khi đói, khỏi ngay.

## XII - ĐỒI SÁN

(Dái sưng đau)

Chứng đồi sán là hòn dái sưng cứng đau bung dưới. Sách nội kinh chia làm 7 loại: *hàn sán, thủy sán, huyết sán, khí sán, đồi sán*, chứng tuy nhiều, nhưng gốc là tỳ kinh cảm tà khí hàn thấp lưu trệ mà sinh bệnh. Bệnh phát thì hòn dái sưng cứng, đau lên gân bụng hoặc chung quanh rốn, xông ngược đến tim, thậm chí tay chân lạnh ngắt hoặc đại tiện bê, ấy là chứng trạng của bệnh. Phép chữa phải xét chứng mà chọn phương.

### 1. Kinh trị dái sưng đau, chuyển gân xông lên tim, nghẹt hơi muộn chết, chân tay lạnh ngắt.

- *Hạt vải* 7 hạt, *Trần bì* 2 đồng, *Lưu hoàng* 1 đồng (nấu tan bò vào nước để khử độc). Các vị đều tán bột, lấy nước muối khuấy hồ làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 9 viên với rượu vào lúc đói, lúc lâu lại uống 3 lần thì công hiệu. Phương này chẳng những chữa được dái sưng đau, mà chữa được cả các chứng đau về khí (đau tức).

- *Tiểu hởi* (sao với muối) 1 lạng, *Hột vải* 1 lạng, *Sơn chi tử* (sao đen) 1 lạng, *Hột quít* (sao giấm) 1 lạng, *Ich tri nhân* 7 đồng, *Hột cau rừng* 5 đồng, *Thanh bì* (sao dầu mè 6 đồng). Các vị đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Không uống được rượu thì dùng 10 sợi cỏ tím bắc sắc nước gia chút muối, rang mà làm thang, rất hay.

- *Địa phu tử*, sao thơm, tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu rất hay.

- *Hột quít*, sao vàng tán bột, mỗi lần uống 3, 4, 5 đồng sắc với rượu cù mà uống, hoặc lấy rượu khấy hồ làm hoàn mà uống, lại dùng vỏ hột quít nấu nước nhân khi nóng xông và ngâm, rất hay.

- *Hội quít*, *hội vải* bằng nhau, đều sao, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói.

- *Mộc tặc*, sao vừa tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước sôi, là công hiệu, uống với rượu nóng cũng hay.

- *Cây rễ quạt* để sống, già vắt nước uống, đi ngoài được là lành, cũng có thể làm viên mà uống.

- *Cá diếc*, bò ruột, nấu canh với cây thià là, ăn nhiều thì sẽ khỏi hẳn.

- *Trứng dái trâu*, lấy cả hai cái nấu thật chín cùng già với thià là cho nát, bò chút muối mà ăn rất hay.

### 2. Kinh trị bị chứng tiểu trường sán khi ruột sa xuống như ngón tay, đau không chịu nổi (thiên trụy).

*Dại hởi* (bò vò sao) *Thanh bì* (sao), *Hột vải* (sao) bằng nhau. Tán bột mỗi lần uống 1 đồng với rượu, rất hay; chỉ dùng độc vị hột vải cũng được.

### 3. Kinh trị tiêu trường khí thống đau chạy quanh rốn và xông ngược lên tim.

- *Quả muối* già dùng cà cuống, đốt tồn tinh, tán bột mỗi lần uống 3 đồng với rượu nóng, nặng lầm cũng 2, 3 lần uống là khỏi.

- *Ô dược* tắm rượu, *Riềng sao*, *hội hương* sao bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói.

#### 4. Kinh trị dài sưng đau chói dến thận.

- *Dại hồi sao*, cho vào 2 túi vải, nhân lúc nóng thay đổi mà chườm với vải rất hay.

- *Mẫu lè* đốt đỏ 1 lạng, *Cù riềng* 1 lạng. Đều tán bột, lấy nước bọt miếng hòa bôi chỗ đau, chốc lát đau nóng như lửa, lành ngay.

*Quế chi* 1 lạng rưỡi, *Bìm bìm* đen sao 2 lạng. Đều tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước gừng thì yên.

#### 5. Truyền trị một hòn dài sa xuống, gân co (căng) vào bụng, đau gân chết các thuốc không chữa khỏi.

*Dây tơ hồng*, *Vỏ sầu dou* (cao lấy lớp trắng). Bỏ vào chút long não, giã nát mà bôi, một đêm thì bệnh tiêu, rất hay. Nhưng thuốc này rất mạnh, rất đau rát, lốc lớp da mỏng ở ngoài là khỏi hẳn, về sau không trở lại nữa.

#### 6. Kinh trị dài đau, 1 hòn dài sa xuống, đau ran lên bụng dưới.

- *Dại hồi* 1 lạng, *Tiểu hồi* một lang, lấy bong dài của heo đực còn cả nước dài, bỏ 2 vị thuốc bột vào buộc lại, đổ rượu nấu nhừ, giã nhuyễn làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước sôi, vào khi đói, thật là hay.

- Gia vào phương trên một dôi cật heo đực đen, bò mảng, chó rửa vào nước, xắt nhỏ, dùng bột *Dại hồi*, *Tiểu hồi* trộn đều, cho cả vào bong dài mà nấu, nhưng không cần nước dài trong bong bống ấy.

- *Hột cải* một vốc tán bột hòa rượu mà uống, bã đem đập vào là lành ngay. Hoặc dùng rau cải giã nát xào giấm nóng mà chườm thì lành.

- *Cây sung*, *Rễ vây đòn*, *Rễ vây trắng*, *Rễ thanh táo* các vị đều bằng nhau sắc uống vào khi đói.

- *Cù ngứa*, *củ Riềng*, *Quả dành dành* bằng nhau. Đều đốt khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, dùng hành nấu nước làm thang mà uống vào khi đói.

- *Móng deo giờ heo* (không có thì dùng lông heo) đốt thành tro tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng vào khi đói, lành ngay. Có phương gia thêm *Tiểu hồi* sao.

- *Thiên môn đồng*, *Ô dược* 5 đồng. Sắc uống, kiêng ăn cá chép.

- *Lá phèu dun* 3 đồng, *Hoàng bá* 3 đồng, *Nhân hột gác* 1 hột. Cùng mài vào giấm mà bôi là khỏi.

- *Hương phu mě* tán bột, mỗi lần uống 3 đồng, dùng rong để nấu nước mà uống vào khi đói.

- *Ngũ bội tử*, 1 cái bỏ vào chút muối, dùng giấy ướt buộc lại cho dây bò vào than hồng mà nướng, khi giấy cháy hết, đưa ra tán bột mà uống với rượu rất hay.

- *Quả muối* đầu mùa, giữ lại, đợi khi quả hết lá rụng thì hái về, đốt tồn tính, tán bột, luyện mật hòa thành cao, mỗi tối uống 1 muỗng với rượu ngon, như đau bên trái thì nằm nghiêng về bên trái, đau bên phải thì nằm nghiêng về bên phải, sẽ lành.

- *Lá muối* (đốt tồn tính) 3 đồng, *Vỏ trứng gà* (đốt thành tro) 2 đồng. Đều tán bột uống với rượu nóng cũng hay.

- *Hột hoè* sao tán bột một đồng. Muối 3 phần. Uống với rượu nóng vào khi đói thì khỏi.

- *Rễ gác*, nướng vàng, *Gừng tía* sao vàng bằng nhau. Đều tán bột lấy giấm khuấy hỗn hợp ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước gừng vào khi đói.

#### 7. Kinh trị dài sưng to đau nhức.

*Cò roi ngựa*, giã nát, xào với giấm cho nóng mà chườm, nguội thì thay

- *Dất sét*, hòa với nước nặn thành 3, 4 cái bánh lớn, đốt lên miếng sắt đốt lửa nung cho nóng đem chườm vào chỗ đau, người lại thay thì lành ngay, hoặc dùng đất lồng bếp tán nhỏ mà thôi.

- *Nhục quế*, mài với nước ra đặc như bùn mà bôi.

- *Bồ kết*, đốt tàn tinh, tán nhỏ trộn với nước mà bôi là khỏi.

- *Tô mộc* 2 lạng, rượu ngon một bát. Cùng nấu kỹ mà uống, nếu không uống được rượu thì thêm vào nửa nước mà uống cũng được.

- *Kinh giới* sao qua, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu thì tan.

- *Chua me đất* một nắm, rửa sạch, cho vào ít giấm, già vắt lấy nước mà uống, bã xào nóng đắp vào là khỏi.

## 8. Kinh trị bìu dài bỗng phát đau.

- *Cút trâu*, đốt tàn nhỏ trộn rượu bôi là khỏi.

## 9. Kinh trị khí thấp nhiệt uất kết ở bụng dưới, chỗ âm mao nổi hạch sưng đau phát rét sợ nóng rất nguy khốn.

*Quà dành dành* (bò vỏ sao), *Nhân hột dào* (bò vỏ, bò đầu nhọn sao), *Chi xác* (bò ruột sao). Sơn tra (bò hột sao) bằng nhau. Đều tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước chày một bát, cho vào một ít nước gừng sắc uống vào khi đói rất hay.

## 10. Kinh trị một hòn dài trệ xuống, gần rút đau muôn chết.

Lấy công cò đo 2 góc miệng người bệnh, gấp 3 đoạn đo ấy lại, rồi bẻ thành hình tam giác, đặt một góc vào chính giữa rốn, còn 2 góc buông xuống đều nhau, 2 góc ấy buông đến đâu, tức là huyệt ở đó, như dài trệ bên trái thì lấy ngài cứu mà đốt huyệt bên phải 3 mồi, như trệ bên phải thì đốt huyệt bên trái 3 mồi, như hai bên đều trệ thì cứu cả hai huyệt là yên.

Đổ Muối vào giữa lỗ rốn dày nửa tấc, lấy ngài cứu đặt lên trên lớp muối mà đốt cho được nhiều mồi, để cho khí thấu vào là lành.

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYẾN V**

**CÁC BỆNH KHÔNG ĐAU**

## I - ĐỔ MỒ HÔI

(*Tự hàn - Đạo hàn*)

Chứng đổ mồ hôi nói ở đây không phải vì khó nhọc hoặc nóng nực, mà tự nhiên vô cớ đổ mồ hôi. Có hai chứng khác nhau, tự hàn và đạo hàn. Tự hàn thì bất cứ lúc nào tự nhiên đổ mồ hôi chảy ra đầm đìa, đạo hàn thì lúc ngủ mồ hôi mới chảy ra ướt khắp mình như tắm lúc tỉnh dậy thì hết. Tự hàn thuộc về dương hư, phép chữa nên giáng hỏa bổ huyết làm căn bản:

Phàm mồ hôi ra như dầu là chứng bất trị, đổ mồ hôi ra ướt đầm tóc là chứng thứ hai bất trị, mồ hôi ra dạng giọt như hạt chàu là chứng thứ ba bất trị. Còn các bệnh mồ hôi khác thì nên chữa theo các phương pháp sau đây:

### 1. Kinh trị chứng tự hàn và đạo hàn.

*Ngũ bội tử* tán nhỏ hòa với nước miếng, đắp vào lỗ rốn, băng chặt lại một đêm là khỏi.

### 2. Kinh trị chứng tỳ vị hư ẩn vào là đổ mồ hôi.

*Gan heo* 1 miếng, thái mỏng để lên miếng ngồi, đốt lửa bên dưới cho khô giòn, tán nhỏ, nấu cháo bằng viên hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với nước trà, ngày uống 5 lần rất kinh nghiệm.

### 3. Kinh trị vì gió lạnh mà đổ mồ hôi.

*Kinh giới*, sắc lấy nước uống, hiệu nghiệm.

### 4. Truyền trị chứng thưa bở thịt, ngày và đêm đổ mồ hôi đầm đìa và điều trị chứng thương hàn biểu hư, mồ hôi ra không ngọt.

*Giấy quạt rách* 3 phần, *Tóc rói* 1 phần. Cả hai thứ đều đốt ra tro, tán nhỏ liều dùng một đồng cân, hòa với nước thì lành ngay.

- Toàn dùng *giấy quạt rách*, không dùng tóc rói.

### 5. Kinh trị chứng tự hàn mài không thôi.

- *Cù nghệ* mài với nước, phết lên vú là lành ngay.

- *Hà thủ ô*, tán nhỏ, hòa với nước miếng, đặt vào lỗ rốn là lành ngay.

- *Gạo trắng*, nghiền thành bột, gói vào miếng lụa, xoa xát luôn luôn rất hay.

### 6. Kinh trị chứng đổ mồ hôi trộm.

- *Mẫu lệ*, tán nhỏ, luyện với mật ong làm viên lớn bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với nước nóng vào lúc đói bụng.

- *Đậu si* sao qua ngâm với rượu mà uống.

### 7. Kinh trị chứng toàn thân không có mồ hôi, chỉ ở ngực mồ hôi ra không ngọt, gọi là tâm hàn, do lo nghĩ quá mà sinh ra.

*Phục thần*, tán nhỏ dùng lá ngải cứu sắc nước làm thang mà uống vài lần là khỏi.

- *Long đởm thảo* tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân, mật heo vài ba giọt cho vào rượu nóng mì uống rất hay.

- *Cây hẹ* mỗi lần dùng 49 gốc, đỗ 2 bát nước sắc lấy một nửa, uống dần đến khi khỏi là thôi.

## 8. Truyền trị chứng hàn nhiệt hán (nóng lạnh mồ hôi).

*Rễ đậu giá* tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân, thang với nước cơm, ngày uống 3 lần là lành.

## II - CHỐNG MẶT

(*Huyền vâng*)

Chứng chóng mặt là tối tăm xâm choáng váng như ngồi trong chiếc thuyền con, bay trên cổ nghiêng, đứng dậy thì muối ngã nhào.

Bệnh này phát ra thuộc phong thì do mồ hôi, thuộc hàn thì đau nhức, thuộc thứ thì nóng này buồn phiền, thuộc thấp thì nặng nề trầm trồ, là do 4 thứ khí nhân hư mà phát ra.

Lại phải phân biệt nội thương hay ngoại cảm, không phải chữa theo một lối được, hoặc do thất tình uất kết sinh dờm theo khí nghịch lên mà sinh chóng mặt hoặc dâm dục quá tổn thận, thần kinh hao tổn không nạp khí về nguyên vị, làm cho khí nghịch xông lên, đó do khí hư mà chóng mặt, hoặc thở huyết, tức huyết, băng huyết, lậu huyết mà can kinh không thể thu hút lại được, làm cho các thứ huyết mất lối lưu hành mà chảy bậy, do đó huyết hư mà chóng mặt, lại sau khi mới té huyết ra quá nhiều, hoặc ứ huyết không thông mà sinh chóng mặt, chữa bệnh nên linh hoạt xoay xở, không nên chấp nhất.

### 1. Truyền trị các chứng đau đầu phong buốt óc mặt mũi tối mờ.

- *Hương phụ mè*, *Cúc hoa*, *kính giới* mỗi vị 1 lạng *Bạc hà* 3 đồng cân Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc nước trà và hành làm thang uống trước khi ăn là khỏi

- Y phương trên, gia thêm *Ké dầu ngựa*.

- *Hà thủ ô*, *Hương phụ mè* đều băng nhau. Tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước trà và hành.

### 2. Kinh trị đau phong, chóng mặt.

Xác ve 1 lạng (bỏ đầu râu) rửa sạch, sao qua, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, nếu không quen uống rượu thì uống với nước đun sôi để ấm, lúc nào uống cũng được, rất hay.

### 3. Kinh trị chứng phong tối mắt, sùi bọt miếng, chóng mặt muối ngù.

Dùng ống trúc vat nhọn đâm vào giữa cây chuối to, cho nước chảy ra, ghé bát hứng lấy cho uống đến mửa, rất hay.

### 4. Kinh trị các chứng phong, đau xâm.

- *Lá ké dầu ngựa*, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, mỗi ngày 3 lần, đến mửa thì luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, 10 ngày lành bệnh. Thuốc này thông suốt cả đầu não, công hiệu nhanh chóng. Kiêng ăn thịt heo.

- Phương trên gia thêm *Kính giới*, *Hương phụ*, mỗi thứ đều nhau.

**5. Kinh trị chứng chóng mặt nôn mửa và lạnh sinh đờm.**

*Cam hương* (nướng) 2 đồng ruồi, *Cam thảo* (sao) 1 đồng 2 phân. Sắc với 1 bát rượu nước, còn một nửa cho uống, đã dùng nhiều lần, rất công hiệu.

**6. Kinh trị phong đờm bốc lên, hoa mắt, đổ mồ hôi.**

*Cù cài* già nhỏ, vát lấy nước cốt, đổ hạt cù cài vào, ngâm, phơi khô tán nhỏ, sau bửa ăn uống với nước nóng là lành ngay.

### III - TÊ DAI

Chứng tê dai là do phong, hàn, thấp, 3 khí ấy hợp lại mà sinh bệnh. Do khí hư, do thấp đờm, tử huyết. Cho nên hàn khi nhiều thì sinh ra tê nhức, thấp khi nhiều thì sinh ra tê liệt một chỗ. Còn như không đau, không cảm giác, là bệnh lâu, đã vào sâu, vĩnh vệ đình trệ, kinh mạch di sai đường, cho nên không đau. Còn tê không cảm giác tức là khấp minh hoặc chân tay da thịt không tự biết là của mình. Cũng có lúc do huyết kém khí suy, không đủ vận chuyển mà sinh ra tê dai. Phép chữa này tùy chứng mà dùng thuốc.

**1. Truyền trị tay chân tê dai hoặc không cảm giác, không điều khiển được đau lâu thành bệnh hạc tất (đau gối sưng to) cử động không được.**

*Rễ cây giun* rửa sạch, thái nhỏ, dùng 1 bát, cho vào 1 cái lọ, đổ đầy rượu, nút chặt, ngoài trát bùn kin, đao một cái hố tròn rộng 1 thước sâu vừa ngang cổ lo, đặt lọ xuống rồi đổ trầu cho đầy, đốt lửa hun cháy hết lại đổ thêm, làm từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều thì mang lọ ra, lại chôn xuống đất chỗ khác để trừ hỏa độc. Mỗi lần uống 1 chén, ngày uống 3 lần, uống lành bệnh thì thôi.

*Rễ kim anh*, nướng qua, bò vỏ khô, thái nhỏ, ngâm rượu uống. Bệnh đau 1 năm thì uống liên tục 1 tháng, bệnh mới đau 1 tháng uống trong 5 ngày, sẽ khỏi. Đó là 1 phương thuốc rất hay (chân tiên).

**2. Truyền trị chứng tê dai, tê thấp, teo huyết, không thể di được.**

- *Cây lồng đèn* (cây thù lu) Dùng cà rê, cong và lá, rửa sạch, kiêng đồ sát, lấy dùi gỗ già nát ra, phun rượu ngon vào cho ướt trộn cho đều, bỏ vào nồi đất nấu chín, rồi phơi rám ba ngày, lại phun rượu vào, lại nấu, làm như vậy 9 lần, cộng 27 thì được rồi tùy ý dùng nhiều hay ít, ngâm với rượu trong một cái lọ mới đem nấu cách thủy, bỏ một ít hạt thóc trong nồi, chừng hạt thóc chín nở xòe thi đem lọ ra, chôn xuống đất 1 ngày 1 đêm để trừ hỏa độc, mỗi ngày uống ba lần lúc 6 giờ sáng, 12 giờ trưa, và 6 giờ chiều; mỗi lần uống một hai chén, bệnh sẽ khỏi dần.

- *Dây dâu rừng* 7 phần, *rễ buom bướm* 4 phần, *Dây bạc sao* 2 phần, *cỏ hy thiêm* 2 phần, *Cỏ nu áo* (rễ) 2 phần, *Cỏ roi ngựa* 3 phần, *Rễ cây vò dè* 3 phần, *Rễ bưởi bung* 5 phần. Cà: vị trên rửa sạch, xắt nhỏ cho được một đầu to, cho vào một cái hũ có rượu đầy kin, dùng nồi to nấu cách thủy, bỏ thóc vào nồi, chừng thóc chín nở xòe ra là được, đem ra, chôn xuống đất một ngày để trừ hỏa độc, mỗi ngày uống ba lần uống say là được, thuốc này không kiêng gì cả, an được nhiều là tốt.

**3. Kinh trị chứng minh mẩy chân tay tê dai cầu không cảm giác.**

- *Hạt cài* tán nhỏ, trộn với dấm xoa vào chỗ đau rất hay.

- *Nghệ vàng*, *Quế chi* (cà vò), *Cúc hoa*, *Thạch hộc*, *Mạn kinh tử*, *Lá thông*, *Rễ cỏ xước* (rửa rượu). Các vị bằng nhau, thái nhỏ, sắc xong chờ ăn cơm rồi rất lâu mới uống.

- *Lá dâu già*, sắc lấy nước đặc, thường rửa chỗ đau là lành.

**4. Kinh trị chứng da bụng tê cứng, không cảm giác.**

Hành tăm, nấu chín ăn nhiều vào là lành.

## IV - BẠI LIỆT

*Phụ: Liệt dương*

Bại liệt là chân mềm yếu không cử động đi đứng được, tay run rẩy không thể chống đỡ, cất nhắc lên được.

Chứng này là do âm huyết hư, hư thì sinh nóng ở trong, nóng trong thì gân bị giãn, nên tay chân mềm yếu. Sách Nội kinh chia ra các loại, *huyết nhiệt, đàm thấp, khí hư, huyết hư, huyết ứ*... song chữa thì cốt bổ huyết làm chủ yếu, huyết đầy đủ thì gân săn, gân săn thì sức mạnh mẽ.

**1. Kinh trị chứng chân bại liệt, gân rút.**

*Quế chi* tán nhỏ, hòa với rượu xoa vào mỗi ngày một lần, công hiệu.

**2. Kinh trị chứng lưng và chân không cử động được, co quắp, lạnh đau:**

*Xương ống chân hổ*, dài độ 5, 6 tấc, đập vỡ, cao bò màng và tùy, bôi váng sữa hay mỡ nước vàng, tán nhỏ, đựng vào túi lụa, bỏ vào hũ, đổ vào một đấu rượu, vẫn bên bếp lửa để lấy hơi nóng trong 7 ngày rồi tùy ý mà uống, đại tiện hơi thông thì khỏi.

**3. Kinh trị chứng chân tay tê nhức.**

Gà 1 con, mổ bụng bò ruột, dồn vào một nấm mèn tươi và *Đại liền* đã xát nhỏ, chưng cách thủy cho chín, ăn thịt gà vài lần là lành.

**4. Kinh trị chứng xương lưng mềm, chân yếu không động dậy được và khắp mình ngứa ngáy.**

- *Hà thủ ô, Rễ có xước*. Mỗi vị 1 thăng, kiêng đồ sắt, bỏ dầu, rửa sạch, tắm rượu 7 ngày phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống từ 30 đến 50 viên, thang với rượu ấm hoặc nước sôi uống vào lúc đói bụng. Kiêng ăn thịt heo.

- *Cửu tích* 1 lang sắc uống hàng ngày.

- *Hà thủ ô* 1 thăng, kiêng đồ sắt, dùng dao tre got bỏ vỏ ngoài, dùng dùi gỗ già nát, tắm nước vo gạo 1 đêm, lại trộn với sữa đàm bà khỏe mạnh sinh con trai, phơi khô lại trộn; lại phơi hai lần rồi tán nhỏ, dùng đại táo nấu chín, bỏ hột lüyü nhân, quyết với thuốc làm viên. Nếu bệnh thuộc hỏa thì dùng mật ong luyện làm viên bằng hạt ngô đồng. Lúc đầu uống 30 viên, sau mỗi ngày uống 35 viên cho đến 100 viên là cùng. Uống với nước muối lúc đói bụng. Rất hay.

**5. Kinh trị chứng tay chân yếu liệt, hay di dai vật, sắc mặt không tươi, cùng trị chứng liệt dương.**

*Lộc nhung* 1 lạng, đốt bỏ lông thái mỏng, *Hoài son* tán nhỏ, 1 lạng. Đựng vào túi lụa, ngâm rượu 7 ngày, mỗi ngày uống 3 chén, còn xác sao khô tán nhỏ mà uống, hay lầm.

**6. Kinh trị liệt dương, yếu rũ không giao hợp được.**

- *Ngài tằm* 2 lạng (bò dầu, chân, cánh) sao khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đồng, mỗi tối đến uống 1 viên thì dương vật sẽ cương và bền có thể giao cấu được tốt.

- *Xương bò* ngâm rượu, mỗi lần uống 1 chén, sẽ khỏi.

- *Mật cá chép* 1 cái, *Gan gà trống* 1 cỗ. Đều sấy khô tán nhỏ, luyện với trứng chim sẻ làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 10 viên.

- *Gan gà trống* 3 cỗ, *Thổ ty tử* 1 thăng. Đều sấy khô tán nhỏ luyện với trứng chim sẻ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều dùng 100 viên uống với rượu khi đói lòng, dần dần dương sự sẽ khỏe lên.

- *Ngũ vị tử* 1 thăng. Sấy khô tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, uống với rượu, ngày uống 3 lần hết 1 tể là kiến hiệu, bách phát bách trúng.

- *Rượu ngon* hòa với bùn đất sét bôi lên âm mao

- *Đá nam châm* 1 thăng, tán nhỏ, tắm dầu mè 14 ngày, mỗi lần uống 3 chén, ngày uống 3 lần, uống lâu sẽ kiến hiệu.

- *Phúc bồn tử*, tắm rượu, sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, sáng sớm uống với rượu rất hay.

- *Tổ ong*, dốt cháy tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng cân với nước mới múc, uống lúc đói bụng, thì dương vật dương lên có thể giao cấu được. Hoặc lấy tàng ong dốt ra tro, tán nhỏ, tối lại bôi lên đầu âm thì nóng và cương ngay.

- *Mẫu lê nung chín, xà tràng tử, Lá sen khô, Bèo khô*, Các vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi ngày dùng 3 đồng cân, sắc với một bát nước, sôi 4, 5 đạo, đợi nguội bớt, ngâm rửa dương vật, rất hay, kiêng phạm phong hàn.

## V - ĐIÊN CUỒNG

Về bệnh điên cuồng không phải chỉ một loại. Điên thì vui cười bất thường, nói năng rối loạn, điên đảo, lặp đi lặp lại, là do tâm huyết không đủ mà phát ra. Cuồng thì cuồng loạn không còn lý trí, nói sai thì sai, chạy bậy làm càn, đó là đậm hóa thịnh quá mà phát ra... Vì mừng thì hai tâm khí, giận thì hại can khí, đó là chứng tướng hỏa có thừa của hai tạng.

Chứng điên phân ra nhiều vì không thoát mãn lòng mong muốn, không đạt được sở nguyện mà sinh ra, phép chữa nên "*an thần, dưỡng huyết, thanh hỏa, hạ đàm*" là chủ yếu; chứng cuồng phần nhiều là do hỏa thịnh vị nhiệt mà sinh ra, phép chữa nên "*lợi đại tiện*" không nên ăn no mà trợ vị hỏa.

Sách Nội kinh có chép: "Âm phụ vào dương thì sinh cuồng, dương phụ vào âm thì sinh điên, thoát âm thì mất mồ, thoát dương thì thấy ma quỷ", chính có nghĩa ấy, người chữa bệnh cần phải chú ý.

### 1. Kinh trị chứng điên cuồng không ngót vì quá sợ mà sinh bệnh.

*Cuồng đưa đá* nửa lạng, tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 đồng cân, hòa với 1 chén nước giếng mà uống là mửa ào ra ngay, sau đó, để cho ngủ say, dừng làm giật mình thức dậy, hay lâm.

### 2. Kinh trị chứng điên cuồng, tức bức lo sợ, do đậm huyết kết tụ trong tâm khiếu mà ra.

*Nghệ khô* 7 lạng, *Phèn chua* 3 lạng, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước chín, theo sách chép thì rất hay.

### 3. Kinh trị chứng cuồng hoảng như ma tà chứng điên ngô, không ngủ, chạy di lung tung.

*Gà trống bache* 3 con, nấu chín, nêm muối, hành, gừng vào cho vừa ăn, làm canh mà ăn rất hay.

#### 4. Kinh trị chứng điên cuồng, 5 chứng kinh phong.

*Hoàng đan, phèn chua.* Dầu 1 lạng, dùng 1 hòn gạch, khoét 1 lỗ cho vừa, bỏ dây 2 vị thuốc, *hoàng đan* ở dưới, *phèn* bên trên, dùng 5 cân than gỗ, nung gạch làm cháy hết số than lấy ra tán nhòe, trộn đều với huyết hậu trong tim heo chưa chạm với nước làm lạnh làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên, tần bì cao lớp vỏ trắng nấu lấy nước làm thang nồi uống là khỏi.

#### 5. Kinh trị chứng tâm bệnh, điên cuồng mê hoặc.

- *Cam rượu cai* chứa cát 1 bát, *Dầu mè* 4 lạng. Dem hai vị trên chưng lên, dùng 20 cành dương liễu mà quấy, mỗi cành quấy 1, 2 vòng cho dầu và rượu trộn đều như cao, còn lại 8 phần thì đổ cho uống để cho ngủ say, hoặc mửa hoặc không, khi ngủ dậy là tỉnh ngay.

#### 6. Kinh trị chứng thiên thời cuồng nhiệt.

*Cù chuối*, già vát lấy nước cốt cho uống, khỏi ngay.

#### 7. Kinh trị chứng cuồng loạn không biết gì.

*Đất lòi bếp*, tán nhỏ mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với nước, ngày 3 lần

#### 8. Kinh trị chứng điên cuồng hoặc trúng nhiệt, nói như tiếng ma, quỷ, làm cho người kinh sợ.

*Trùn đất*, vài ba con. Giã nát hòa với nước giếng mà uống thì yên.

#### 9. Kinh trị chứng nói điên cuồng như tiếng ma quỷ.

*Cháu chàng* (1) 1 con, đốt cháy, tán nhòe, uống với rượu là khỏi.

#### 10. Kinh trị chứng cười suốt ngày không ngớt.

*Muỗi rang* cháy đỏ, tán nhòe, uống với nước sông dâu nấu sôi, lấy lông chim ngoáy vào trong họng, mửa ra nhiệt đờm vài thang là khỏi.

### VI - ĐỘNG KINH

Chứng động kinh là khi lên cơn thì ngủ nhào, mê man múa mây, cắn răng, sùi bot mép, lưng uốn ván, xương sống cứng đờ, mắt trộn ngược, tay chân co quắp, tiếng kêu như tiếng lục súc.

Nguyên nhân bệnh động kinh hoặc vì lo sợ quá, thẩn khi không tự chủ được hoặc do lúc trong thai, mẹ bị kinh sơ, lúc sinh rồi con mang lây tái ẩy.

Bệnh động kinh chia làm 5 thứ khác nhau. Chứng nào trong 1 tháng lên cơn vài lần là chứng thực dễ trị, một năm mới lên cơn một lần là chứng hư khó chữa, thực thì công mà hư thì bổ, tuy chứng mà ứng biến dễ trị.

*Cháu chàng, cháu chuột* cũng là nó, thấy ở ao hồ miền Bắc, giống như nhái mà không phải nhái, tiếng kêu cháu chuột.

#### 1. Truyền tri động kinh rất công hiệu.

- *Thạch xương bò* (cạo bò lông) 2 lạng. *Thần sa* 6 đồng cân (nghién nhỏ, thủy phi, mỗi nửa trộn vào thuốc, một nửa để làm áo).

Hai vị nghiên nhỏ, trộn bột gạo với máu tim heo khuấy混沌 làm viên bằng hạt ngô đồng. Thần sa làm áo, mỗi lần uống 70 - 80 viên với nước chín, vào lúc đói, là khỏi.

1. Loài lưỡng cư, dáng như con nhái, vào những đêm trời mưa động to chúng nhảy lên bờ hồ, ao và kêu oap oáp, nên cũng gọi là con oáp.

- *Chua me đất*, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt mỗi lần uống nửa bát, ngày 1 lần, công hiệu.
- *Oc heo nấu với nước rửa rượu đến chín*, ăn lúc đói, bệnh mới phát 1 năm thì ăn 3 cái **óc** 2 năm thì 6 cái, cứ tính mỗi năm thêm 3 cái rất hay.
- *Cút gà mài*, chọn thử tinh, 1 vốc, rang khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với ưu vào lúc đói rất hay.

## VII - CHỐNG QUÊN

Chóng quên là bỗng chốc liền quên, việc vừa làm xong là quên, lời mới nói đã quên, vì lo nghĩ thái quá, thương tổn đến tâm, tâm đã thương tổn thì huyết rất hao kiệt mà tâm thần không giữ vững, lại hại đến tỳ thì vị khí suy yếu, lo nghĩ lại càng sâu; cho nên bệnh này phát ra đều bởi hai tạng tâm và tỳ; phép chữa nên *an thần dưỡng nguyệt, bót tư tư, trừ ưu phiền*, thì mới bảo đảm được khỏi bệnh.

### 1. Kinh trị chứng tâm thần không định, hòa không giáng, thủy không thăng, chống quên, kinh sợ hồi hộp.

*Thạch xương bò*, ngày 7 tháng 7 đào lấy rễ, kiêng đồ sát, dùng dùi gỗ đập vỡ nát, tẩm nước vo gạo, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần 1 đồng cân, hòa với rượu uống. Uống được lâu ngày thì tinh thần thêm sáng suốt.

### 2. Kinh trị chứng tâm mê muội, hay quên.

Dùng các *quả tim bò, ngựa, gà, lợn* đều bằng nhau, thái nhỏ phơi khô, tán thành bột, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần thì nghe một biến mươi.

### 3. Kinh trị chứng chóng quên.

Phương này có thể trấn tĩnh tâm thần, khai thông tâm khiếu.

*Khoai mài bóc vỏ, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần ăn 5 đồng cân với nước cháo trắng vào lúc đói*, rất hay.

### 4. Kinh trị chứng tim yếu chóng quên, làm cho tai sáng mắt.

- *Cành dao hương đóng*, đến ngày 5 tháng 5 âm lịch, cắt lấy hai tấc mà gói dầu. Rất hay.

- *Mai ba ba* (cua đình) 1 miếng, đeo trong quần áo hoặc dùng tơ mạn nhện vo thành viên nhét trong quần áo.

### 5. Kinh trị chứng chóng quên bài này bổ tâm, ích khí, tăng tâm chi, sáng tai mắt.

- *Hạt sen*, bóc vỏ và tâm, mỗi sáng nấu cháo trắng lấy nước cháo một bát, hòa hai đồng cân bột hạt sen vào, nấu sôi 1, 2 đạo nữa rồi ăn, ăn được càng lâu, công hiệu càng lớn.

## VIII - KINH SỢ HỒI HỘP

Kinh sợ hồi hộp là bỗng nhiên kinh sợ hình như có người đuổi bắt mà run rẩy không yên. Bởi vì phần cốt yếu của con người là tâm mà tâm là nhờ huyết nuôi dưỡng, khi tâm huyết đã hao thì tâm huyết không giữ vững mới thành bệnh.

Phàm chóng quên, kinh sợ hồi hộp, rạo rực là 3 chứng dù tên có khác nhau mà bệnh thì giống nhau, cho nên phép chữa thì hễ người gầy, thiếu huyết là tâm hỏa suy kém thì nên

bổ huyết cho súng túc, người béo nhiều đờm là tám hòa ứng tắc thì nên trừ đờm cho khai thông, đó là lời bàn rất xác đáng.

#### 1. Kinh trị chứng tim hối hộp.

*Ma hoàng* (bò mắt), *Bán hạ* (chế gừng hai vị bằng nhau tán nhỏ, luyện mật bằng viên hạt đậu xanh mỗi lần uống ba viên với nước nấu sôi, ngày 3 lần là công hiệu.

#### 2. Kinh trị chứng bỗng nhiên kinh sợ, chết ngắt:

*Rượu âm* đổ vào thì tỉnh ngay.

#### 3. Kinh trị chứng đờm sục, mê tâm ra kinh sợ:

Gây nôn, *Cuống dưa dát*, sao, *Đậu đò*. Mỗi vị 1 đồng cân, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, dùng đậu sị 1 vốc nấu nước làm thang mà uống cho mửa hết các chất đờm độc thì khỏi. Nếu mửa hết đờm dài rồi mà còn mửa nữa thì uống nước lạnh là hết mửa.

#### 4. Kinh trị chứng can bị hỏa tà, sinh ra kinh sợ.

*Huyền hồ*, *Hoài son*, *Toan táo nhân* (sao), Long đờm thảo, Bá môn tử, Hậu phác (tẩm gừng sao). Các vị bằng nhau, gừng sống 3 lá, sắc lên, lại thêm một chén trúc lich uống vào lúc đói thì yên.

#### 5. Kinh trị chứng kinh sợ hối hộp.

*Bá tử nhân*, (hột trắc bá) sao qua, *Hương phu mè*, *Toan táo nhân*. sao qua. Các vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần 2, 3 đồng cân, dùng mạch môn bò tím, sắc nước uống vào lúc đói. Uống được lâu thì bổ ích lắm.

### IX - RAO RỰC

(Hút phiền)

Rao rực là trong bụng bồi rối không yên, vì bởi điều dưỡng không đúng cách, vinh về không điều hòa, làm cho khí huyết có chỗ chênh lệch, hoặc dương hư mà ngoại hàn, hoặc âm hư mà trong nhiệt, hoặc dương thịnh mà ngoại nhiệt, hoặc âm thịnh mà trong hàn. Dai khái chứng này sinh ra đều thuộc nhiệt, cho nên người bị tổn thương thì thủy hao kiệt mà sung hỏa nóng lên thương tiêu mới sinh ra chứng này. Phép chữa nên suy lě đỡ mà dùng thuốc.

#### 1. Kinh trị chứng nóng âm ỉ, phiền nhiệt.

*Lá thanh hao* một nắm, mật heo 1 cát (trích lấy nước). *Hạnh nhân* 40 hạt bò vỏ và đậu nhọn. Dùng đồng tiện 1 bát mà sắc thuốc, lấy nửa bát uống vào lúc đói, công hiệu.

#### 2. Kinh trị chứng hư nhiệt, khát nước.

*Nhựa đào*, 1 viên lớn bằng viên đạn, mỗi ngày ngâm 1 viên, tuyệt diệu.

3. Kinh trị chứng sau khi bị bệnh nặng, biểu lý đều hư, tám dịch khô kiệt, bụng ráo miệng khát, và mọi chứng hư phiền nóng giống như thương hàn, chỉ khác là thân hình không đau nhức, không sợ lạnh, cho nên chờ dùng thuốc phát hàn hoặc hạ lợi.

*Đam trúc diệp*, *Mạch môn* bò lõi, hai vị bằng nhau, sắc cho uống là yên.

#### 4. Kinh trị chứng trong bụng rao rực, áo náo không ngủ được:

*Nước măng tre* (trúc lich) 1 bát, *Bach phục linh* 1 lạng, tán bột hòa vào cùng sắc lấy nửa bát, uống vào lúc đói là khỏi.

### 5. Kinh trị chứng nóng dữ quá mà tâm phiền.

- *Dành dành* sao cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm, rất hay.
- *Đậu sỉ* 1 vốc, *Đậu đỗ* nửa vốc, *Dành dành* bò vỏ 8, 9 quả. Sắc uống nóng, công hiệu.
- *Mía ngọt*, ép lấy nước được 1 bát, gạo nếp 1 nǎm cùng nấu cháo cho ăn lúc đói và ăn thường xuyên, rất hay.

## X - MẮT NGỦ

Mắt ngủ có 3 nguyên nhân: người già yếu dương suy hay khí ôm mới khỏi còn yếu mà không ngủ được, đàm tụ ở dờm kinh, thận không yên mà không ngủ. Lại có chứng tam kinh nóng phẫn, dờm kinh hàn lạnh mà ngủ không được. Phép chữa: *hư thì phải bổ, nhiệt thì phải thanh, đàm thì phải đào dò là đúng đích*.

### 1. Kinh trị chứng dởm hư, nằm ngủ không yên, trong lòng kinh sợ.

*Bán hạ*, 5 vốc, dùng nước chay 8 thang, khuấy rất nhiều vòng lảng lấy nước trong 6 thang, dùng cùi lau dùn sôi bùng lên cho vào 1 thang gạo nếp với *bán hạ*, nấu đến còn 1 thang rưỡi nữa thì được, mỗi lần uống 1 chén, ngày uống 3 lần đến khỏi thì thôi.

### 2. Kinh trị mất ngủ do âm hư, dương khí thiên thăng ám dương mất điều hòa.

*Toan táo nhân* 1 lạng, sao chín thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, sắc nước lá tre mà uống bất cứ lúc nào thì ngủ được.

### 3. Kinh trị chứng khó ngủ, đêm nằm không nhắm mắt.

Dùng *tím bắc* nấu nước thay trà mà uống thì ngủ được.

### 4. Kinh trị chứng ngày đêm trương mắt ngủ không được.

*Đậu đen* nấu nóng cho vào một cái túi đem gói đầu, ngoài lại thay, cứ gói cho suốt 5 canh. Lai lấy vài mồi hơ nóng chườm lên mắt là ngủ được.

### 5. Kinh trị chứng mất ngủ do hư lao.

*Can khương* tán nhỏ, uống với nước nóng 3 đồng cân, hơi đổ mồ hôi là ngủ được.

### 6. Kinh trị chứng cứ đến đêm thì riu riu buồn ngủ.

- *Mắt chuột* 1 cái, đốt tồn tính tán nhỏ, hòa với nước trà vào mát thì khỏi.

### 7. Kinh trị chứng hay ngủ, ngủ mê ngủ mệt không đánh thức được.

- *Xương dầu ngựa* đốt cháy thành tro tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần, nếu không hay uống rượu thì dùng nước nóng uống cũng được.

- *Toan táo nhân* để sống tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với nước trà có gừng. Rất hay.

## XI - QUYẾT CHỨNG

Quyết chứng là chân tay. Khí thuộc dương, dương hư thì ám lấn vào sinh giá lạnh; huyết thuộc âm, huyết hư thì dương phát vào nên phát nóng, đó là hai chứng trạng âm dương đối lập với nhau. Phản quyết chứng phát ra cũng tương tự như trung phong, nhưng khác nhau ở chỗ trung phong thì người ám còn quyết chứng thì người lạnh. Nên phải xét cho đúng chứng mà chữa.

### 11. Kinh trị các chứng thoát dương, chân tay giá lạnh bất tỉnh nhân sự, hoặc ruột non đau quặn, đổ mồ hôi, suyễn thở:

- *Muối sao nóng* đem chườm trên rốn cho ám thì khỏi.

2. Kinh trị âm chứng husan, thấp lạnh, phiền táo, đau ruột, mạch không thấy, rất nguy.

- *Lưu hoàng* 3 đồng cân tán nhỏ sắc nước lá ngài cứu hòa vào mà uống, nằm ngủ ra mồ hôi là khỏi.

## XII - CỐ LÃNH

Cố lạnh là chỉ lạnh mà không nóng, người ta khí bẩm không giống nhau, có người khí bẩm nhiệt, có người khí bẩm hàn, chứng cố lạnh và chứng nóng đối lập với nhau. Chứng cố lạnh phát ra vì chân dương mà yếu sinh bệnh, hoặc nằm ngồi vào chỗ gió sương lạnh ẩm mà ngoại tà xâm nhập, hoặc ăn uống phải đồ nguội lạnh sống sít, tích lại tạng phủ thành bệnh. Bệnh này có người tay chân giá lạnh, có người đau bụng lâu, tà ly, không ngừng, có người lưng đùi đau trệ, nặng trĩu như ngồi trong nước, có người liệt dương, không cương, tính lạnh tự ra, có người nôn mửa lâu mà bụng đầy ăn uống không được, có người tự đổ mồ hôi, lạnh run. Phép chữa nên tùy ý theo bệnh chứng mà xử lý.

### 1. Kinh trị đau bụng, mình lạnh thuộc âm chứng.

*Lưu hoàng* 4 phần, *Hồ tiêu* 6 phần. Tán nhỏ; mỗi lần dùng 2 phần, uống với rượu là khỏi.

### 2. Kinh trị âm chứng, ngọc hành rụt lại, dai không thông.

- *Gà mái* béo 1 con, dùng dao mổ phanh trên lưng rồi banh rộng ra; để nguyên đem áp lên rốn, lại cho người đắp lên trên con gà, hối lâu nóng thấu vào, tiểu tiên được thì khỏi.

- *Hồ tiêu*, *Can khuương* mỗi vị 2 đồng cân tán nhỏ, trộn với nước bọt, đặt lên miếng giấy mà dấp lên trên ngọc hành, nằm nghiêng thi kiên hiệu ngay.

### 3. Kinh trị âm chứng bí phương:

- *Lưu hoàng* chữa vào nồi đất đun cho chay ra, rồi rót cà vào chậu nước giếng cho người, lấy ra tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng. Cho uống mỗi lần 1 đồng cân với rượu, bệnh chuyển ngay.

- *Dâu đen* bất cứ nhiều hay ít, sao già, đổ rượu vào, dậy kín lại cho khói bay mất hơi, chờ người rót cho uống, rất hay.

- *Hạt cải* 7 đồng cân, *Can khuương* 3 đồng cân đều tán nhỏ, trộn với nước, nắn thành bánh, đem dấp vào rốn, tay giữ chặt lại, rắc lên ít muối rồi dùng cái âu đồng có đựng than hồng chườm lên vài lần cho ra mồ hôi. Lại nấm ngọc hành người bệnh kéo ngược lên rốn, đầu ngọc hành chấm tới chỗ nào thì cứu tại đó 7 mồi, rất là hay.

### 4. Truyền trị chứng khí lạnh ở hạ tiêu.

- *Trân bì* 1 thăng, rửa nước sôi qua tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 39 viên với rượu vào lúc đói.

### 5. Truyền trị tất thảy các chứng khí lạnh, bụng đau, hoặc do khí độc tà độc mà sinh ra bệnh:

*Can khuương* tán nhỏ, dùng lá ngài cứu tươi già nhỏ vát lấy nước, hòa vào làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên, tăng thêm dần dần đến 20, 30 viên, bệnh lành thì thôi.

### 6. Truyền trị bụng đau, bụng thuộc âm chứng, sắc mặt xanh nhạt:

*Cứt chim bồ câu* 1 vốc sao vàng tán nhỏ, cho vào 1 lit rượu, khuấy đều, đợi lắng trong bỏ cát, tùy ý mà uống.

**7. Kinh trị chứng tạng lạnh, đau bụng, uống thuốc này ôn hòa được vị khí:**

*Hương phү mő tân nhò, mỗi lần uống 2 đồng, dùng gừng 10 lát, muối 1 nhúm sắc làm thang mà uống.*

**8. Kinh trị tất cả các chứng khí lạnh:**

*Hạt tía tô, củ riêng, Trần bì. Các thứ đều tán nhò, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu vào lúc đói rất hay.*

### XIII - PHÁT NHIỆT .

Chứng phát nhiệt là nóng hầm hập ở ngoài da, khác với chứng sốt cơn và chứng nóng lạnh. Sốt cơn là lúc lên cơn đều đúng giờ giấc không sai, nóng lạnh thì hết nóng tiếp lạnh, còn phát nhiệt là nóng luôn không ngừng, nhưng có bệnh thì do cảm mạo thời khí, có bệnh thì do lo nghĩ lao phiền, cho nên phải phân biệt ngoại cảm nội thương, thực nhiệt, hư nhiệt khác nhau; nếu không phân biệt rõ ràng mà chấp nhất bất thông nhận định sai lầm, tức là thầy thuốc giết người chứ không phải mạng người đáng chết.

**1. Kinh trị chứng phát nhiệt do chứng nhọc mệt quá:**

*Quả bồ kết sáp liền nhau đeo được 1 thước, dùng mỡ hoặc váng sữa bôi vào, đem nướng cho tiêu hết váng sữa thi được, tán nhò luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, thêm dần dần 20 viên, uống với nước chín, bệnh nặng không quá 2 tết là khỏi.*

**2. Kinh trị chứng phát nhiệt, miệng khô, tiểu tiện đờ gắt:**

Ăn nhiều mia thì rất tốt.

**3. Kinh trị chứng chóng mệt, phiền nóng, mồ hôi gầy.**

*Hạt bồ kết, vỏ trắng cây bồ kết, gai bồ kết. Đều bằng nhau, đốt cháy tán nhò, dầm nước, lai gạn đi, lại dầm lại gạn cho được 5 lần rồi đem nấu cho cạn nước, đợi đóng lại, hòa vào một ít xạ hương, lại tắm thêm một ít Đồng tiền rồi tán nhò, khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu, mỗi lần uống 7 viên vào lúc đói rất hay.*

**4. Kinh trị chứng âm hư, nóng âm ỉ và lao nhiệt.**

- *Thanh cao cá cây lá, hoa rễ, rửa sạch, dùng nước sông nấu cạn còn phần nửa lọc bỏ bã, nhò lửa cô thành cao, mỗi lần dùng nửa chén hòa vào nước đái trẻ con mà uống lúc đói. Thuốc này rất bổ, trị bệnh lao thương, hay không thể nói hết.*

- *Nước đái trẻ con dưới 7 tuổi trở xuống 3 bát. Sắc lấy 1 bát hòa vào 1 chén mật ong, uống vào lúc đói, bệnh nhẹ thi 20 ngày, bệnh nặng thi 50 ngày là yên.*

Uống thuốc được 20 ngày mà có sâu từ trong mình ra, hoặc nước đái bệnh nhân cách xa 10 bước vẫn người rất hôi, là khỏi.

- *Quả Dành dành sao gần cháy tán bột mỗi lần uống 2 đồng dùng 6, 7 lát gừng sắc lấy nước mà uống lúc đói rất hay.*

**5. Kinh trị chứng bị bệnh nhiệt khò rồi, nhưng nọc độc còn lại, công ra tay chân đau nhức r้า rồi.**

- *Rượu lúa nếp đốt ra tro, bỏ vào nước nấu lên, ngâm tay chân vào là yên.*

### XIV - TIÊU KHÁT

*(Đái đường)*

Tiêu khát là chứng trên thi muốn uống nước, dưới thi ngày đêm đi rất nhiều, và do đái dục quá độ, trà rượu không chừng, hoặc ăn nhiều đồ xào nướng, hoặc thường uống thuốc bằng kim thạch làm cho khô kiệt chất nước trong thận, khí nóng trong tim cháy rực, tam tiêu

nung nấu, ngũ tạng khô ráo, từ đó sinh ra chứng tiêu khát. Nhưng bệnh phân ra tam tiêu khác nhau, bệnh ở thượng tiêu là phổi, uống nhiều ăn ít; đại tiêu tiện như thường, đó là tân hỏa nung nấu phế kim mà sinh ra khát; bệnh ở trung tiêu là dạ dày, ăn nhiều, uống nhiều, mà tiêu tiện vàng dò, dày là vì dạ dày huyệt nhiệt đốt ăn mau tiêu chóng đổi, trong huyệt có hỏa nung thì chất nước khô ráo mà sinh ra khát; bệnh ở hạ tiêu là thận, tiêu tiện đặc đặc như cao, phiền khát, uống nhiều nước, dần dần vãnh tai đèn xám, tiêu tiện đỉ luộn. Nếu ăn được tất sẽ phát ung thư và ghê lở ở lưng nếu không ăn được thì bệnh sẽ truyền vào trong bụng mà dày trưởng. Phép chữa phải phân biệt từng bệnh mà chọn phương thuốc.

## 1. Kinh trị khát của bệnh bách hợp (ôm lưng, ôm già cách):

*Thiên hoa phấn, Mẫu lệ sao.* Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng, bệnh tự lành.

## 2. Kinh trị bệnh khát ở tam tiêu:

- *Bóng lúa nếp* (Côm chồi), Rễ dâu cao vỏ ngoài. Hai vị đều nhau mỗi lần dùng 1 lạng, sắc với hai bát nước, mà uống rất hay.

- *Lấy nước vo gạo nếp* uống nhiều, đến lúc bệnh khỏi thì thôi.

- *Nước ướm tơ* uống bát kỳ lúc nào cũng rất công hiệu. Nếu không có nước ướm tơ thì lấy kén độ (kiến xác) nấu nước uống thay, cung được.

- *Nước trung* (những nước sói) gà trong để nhổ lông, (làng trong mà uống)

## 3. Kinh trị chứng tiêu khát, mỗi ngày uống đèn một thạch nước:

- *Bèo vàn tía* rửa sạch, giã nhò vắt lấy nước cát, uống đến khỏi thì thôi.

- *Hạt Y dì* tán nhỏ, cùng với gạo tẻ nấu cháo mà ăn là khỏi.

- *Cỏ kim cang* dài nửa lạng thái nhỏ, *Ô mai* 4 quả. Sắc với 3 bát nước con 1 bát, uống nóng thi khỏi.

- *La he* mỗi lần dùng 5, 3 lạng, hoặc luộc chín, hoặc nấu canh, nêm vào ít muối hoặc tương cũng được, an đến 10 tháng là khỏi.

- *Bì dao* 1 quả, lột bỏ chôn xuống đất âm tối 1 tháng lấy lên bóc ra lấy thứ nước trong giữa ruột quả bì mà uống hàng ngày, hoặc đốt chín vắt lấy nước mà uống thi khỏi.

- *Dâu sỉ* nấu mà ăn, bao nhiêu cũng được.

- *Dâu sỉ* 1 vốc, *ô mai* 7 quả, sắc uống ngày 5 lần rất hay.

- *Dâu đen* tán nhỏ đỗn vào trong cái túi mật bò, phơi khô 100 ngày, làm viên mỗi sáng uống 1 viên, uống hết là khỏi.

- *Nấu cháo dâu xanh* mà ăn, hoặc nấu lấy nước mà uống là khỏi.

- Lấy 3 Củ cải củ đã già, rửa sạch cắt nhỏ phơi khô tan nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, tăng dần đến 3 đồng, nấu nước thịt heo láng trong mà uống với thuốc, ngày uống 3 lần hoặc để nguyên cải tươi, giã vắt lấy nước uống, hoặc lấy nước cốt, nấu cháo mà ăn đều công hiệu.

- *Gừng tươi* phơi khô tán nhỏ, hòa với nước mật cá điếc làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 7 viên với nước cơm, hoặc trộn vào ít cơm càng tốt, nhưng chờ dùng muối.

- *Nước mang tre* bò vào ít nước gừng, tha hồ uống thay nước trà, không quá 3 ngày thi khỏi.

- *Rễ tần xuân* rửa sạch, cắt nhỏ mỗi lần sắc 1 nǎm mà uống lúc đói bụng, công hiệu.

*Phản tằm* rang khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước lạnh, chỉ uống vài lần là kiën hiệu

- Cá *diece* 1 con bỏ ruột, lấy lá trà nhét vào bụng cho đầy, học nhiều lớp giấy đem nướng chín mà ăn, chỉ độ 3, 4 lần là khỏi.

- *Ôc bưởu* 5 con rửa sạch, bỏ vào trong cái bát to, ngâm nước 1 đêm, hễ bệnh nhân khát thì chặt lấy nước ngâm ôc mà uống mỗi ngày thay ốc khác một lần

- *Đung gạo nếp* 2 vốc nấu cháo loãng, bát *ôc bưởu* rửa sạch thả vào trong cái chậu đã lõi cháo, đợi cho ôc ăn hết cháo và nhả nhớt ra, múc lấy nước nhốt ấy mà uống là kiến hiệu ngay.

- *Dạ dày heo* đục 1 cái, *Dâu si* 1 đồng. Nấu với nước mà cá cái là khỏi bệnh.

#### **4. Kinh trị người lớn, trẻ con nóng khát nước lâu ngày không khỏi:**

- *Cù sắn* dây bát cân nhiều hay ít, nấu nước thường uống

- *Ngò sen* tươi già lấy một bát hòa với mật ong, ngày uống 3 lần rất hay.

- *Hòa sữa* người với mật ong mỗi thứ một nửa nấu sôi lên, uống được nhiều càng hay, lúc mới uống thấy lợi dai tiện thì tốt.

#### **5. Kinh trị chứng tiêu khát, uống nhiều nước, các đốt xương phiền nóng:**

- *Cù chuối* già vát lấy nước cốt thường uống, mỗi lần 2 đồng cân là công hiệu.

- *Ó mai nhục* 2 lạng, sao qua tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, nước 2 bát, sắc còn 1 bát, cho *Dâu si* vào 200 hạt, lại sắc còn nửa bát, uống lúc đói bụng thi hay

#### **6. Kinh trị chứng tiêu khát, uống thuốc này thì độc sẽ dần thoát theo đường tiêu mà hết:**

- *Hạt tía tô*, *Hạt cải cù*: đều sao, mỗi vị 3 lạng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng vỏ trắng rẽ dâu sắc nước mà uống, ngày 3 lần là khỏi.

#### **7. Kinh trị tiêu khát do thận hư, rất khó chữa.**

- *Dâu đen*, *Thiên hoa phán* Hai vị đều bằng nhau tán nhỏ, khuấy hỗn làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần dùng 70 viên, sắc nước dâu đen mà uống, ngày 2 lần, rất hay.

#### **8. Kinh nghiệm phòng ung nhọt sau tiêu khát đái khỏi.**

*Hoa kim ngân* hoac rẽ, cành bay lá cũng được, bát cân nhiều hay ít, bỏ vào cái ấm, đổ cơm ú men rượu vào, đun lửa trâu 1 đêm, lấy ra phơi khô, thêm vào một ít cam thảo tán nhỏ, lấy thứ rượu đã làm trước mà khuấy hỗn làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên dần dần tăng lên 100 viên, uống với rượu nhạt. Phương này chẳng những phòng được ung thư mà còn trị được chứng tiêu khát.

## **XV - NĂM CHỨNG ĐÁN**

(*Vàng da*)

Năm chứng đán là mồ hôi vàng (hoang hán), vàng da (hoàng đán) tích rượu mà vàng da (tử đán) ăn không tiêu mà vàng da (cốc đán), đâm đục quá mà vàng da (nữ lao đán). Đại khái đều là bệnh vàng da cả, vì tỳ phạm thấp nhiệt, mà tỳ vốn là thổ tính sáu vàng, nên phát bệnh thi khớp minh mấy đều vàng, tay chân mỏi rã, ăn uống kém sút, tiểu tiện đờ gắt, nhưng bệnh này thi không đau nhức, giống như nước như lửa, không gươm không giảo mà hay giết người. Bởi vì tỳ vị của mọi tạng phủ khác, mà đà ốm thi còn làm sao mà yên cho được. Phép chữa phải chia trên dưới để xử lý, như thấp ở trên thi cho *Phát hán*, thấp ở dưới thi cho lợi tiểu tiện, dùng hai cách đó để tiêu trừ, thi bệnh sẽ khỏi.

## 1. Kinh trị chứng vàng da mới phát.

Cành liễu sắc lấy nước thật đặc, mỗi lần uống nửa thăng rất hay.

## 2. Kinh trị chứng khấp mìn và mặt đều như giấy vàng.

- Nhân trần 1 nắm, Chi tử 24 quả. Hai bát nước sắc lấy nửa bát bỏ bà, dùng Thạch cao 1 cục nướng chín đỏ, bỏ vào trong nước thuốc cho tan mà uống nóng, trùm mềm kín cho ra mồ hôi, lại dùng khăn xoa khấp mìn (12).

- Chi tử bỏ vỏ, Chi thực bỏ ruột, mỗi lần dùng đều 1 đồng cân, Đậu si 5 đồng. Nước 1 bát nấu sôi, uống nóng, rất hay.

- Gia thêm 2 đồng cân Cát cân 5 phần, Cam thảo nướng.

- Hạt Cử cải sao tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm, ngày uống ba lần rất hay.

## 3. Truyền trị mọi chứng vàng da, hoặc di tiểu luôn, hoặc di tiểu ra máu đều dùng được.

Mật ong nửa bát, Gừng sống 5 lát. Nước mới múc 1 bát. Sắc uống ngày 2 lần, tiểu tiện dần dần trong lại mà bệnh vàng da cũng khỏi.

## 4. Truyền trị mọi chứng vàng da.

- Rễ bưởi bưởm, rửa sạch, sát miếng, một vài nắm, đổ nước vào, sắc lấy nửa bát, uống vào lúc đói rất hay.

- Ốc bươu ngâm vào nước cho nhả bùn, đem nấu chín, nhể lấy ruột ốc mà ăn và uống cà nước, lại dùng vỏ ốc nung thành vôi tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu rất hay.

- Hạt Đình lịch, lát giấy lên nồi, bỏ hạt vào rang. Cỏ thanh ngâm, Sơn chi tử, Nhân trần, Hoàng cầm. Các vị đều bằng nhau, sắc uống rất hay. (13)

- Phương trên có Cam thảo, Chi thực mà không có Hoàng cầm.

- Trứng gà 1 quả, đỗ cát vỏ, nướng khô tán nhỏ hòa với giấm mè chung uống nóng thấy trùng trong lỗ mũi ra là công hiệu; mình mẩy dẫu có vàng lầm thì uống 3 lần cũng khỏi.

- Trứng gà trộn với Gạo trần mè mà nấu cháo, mỗi sáng ăn mỗi qua lâu ngày rất bổ ích.

- Châu chàng 1 con, Phèn đen 3 đồng. Cùng dồn 2 thứ vào Mè con gà trắng, đem nấu chín thật nhừ, bỏ châu chàng ăn mè gà, rất hay. Hoặc không dùng phèn đen cũng được.

## 5. Kinh trị da vàng như màu vàng thật.

- Rễ cây đào đào lúc mờ sáng dùng cho đàm bà, gà, chó thây... lấy rễ hướng đông, chon thử lớn bằng chiếc đũa một nắm, xắt nhỏ, sắc với một bát nước đến khi còn nửa bát cho uống vào lúc đói, sau 5, 3 ngày, màu vàng sẽ nhạt dần như mây tan, 100 ngày mới thật hết vàng, nên thường uống 1 chén rượu cho dễ tan nếu không thì tan chậm, kiêng ăn mì nóng, thịt heo và cá, rất công hiệu.

- Dây nho rửa sạch, già nát vắt lấy nước cốt một thăng mà uống, bệnh lâu năm thi ngày uống 2 lần.

- Rễ cỏ bắc 4 lượng rượu và nước mỗi thứ một nửa, nấu nửa ngày, phơi sương một đêm mà uống là khỏi.

- Gừng sống già nát, thường mang theo mà xát vào mình thì bệnh sẽ tự lui.

- Phương trên thêm Nhân trần già lẫn với gừng mà xát thì khỏi.

- Rễ ý dĩ, sắc uống hoặc già vắt lấy nước, hòa với rượu mà uống rất hay.

- Cuống dưa đá Dinh hương Hai thứ đều 49 cái, cùng bỏ vào nồi, đốt tôn tinh, tán nhỏ, mỗi lần dùng một đong tiên xúc, thổi vào trong mũi để cho chảy nước vàng ra, hay xát vào răng cho chảy nước miếng ra, cũng được.

- Hạt má dè, tán nhỏ, hòa với nước uống 5, 3 ngày là khỏi. Hoặc uống với nước cơm cũng được.

**6. Kinh trị chứng vàng da vì tích ăn:**

- *Xo mướp* để hạt, đốt tôn tính tán nhò, mỗi lần uống 2 đồng; nếu vì ăn mì nhiều mà sinh bệnh thì uống với rượu nóng luôn vài lần thì khỏi.

**7. Kinh trị chứng kinh giản da vàng như vàng thật, ham ngủ, chảy nước miếng:**

*Nhân trần, Bạch tiêu bì*. Hai vị bằng nhau, nước một bát sắc sôi vài долю mà uống, mỗi ngày hai lần, công hiệu.

**8. Kinh trị mọi chứng vàng da, mồ hôi ra vàng như nước hoàng bá:**

*Mỡ heo* 1 cân, rán lấy nước bô tóp, mỗi ngày uống 2 lần, đại tiện ra được phân táo rắn thì thôi; công hiệu lắm.

**9. Kinh trị vàng da, tức thở, tiểu tiện tự lợi, không nên trừ nhiệt:**

*Chè bán hạ, Giống sông*, đều nửa cân, đổ 7 thang nước sắc còn 1 thang rượi, chia uống 2 lần, có người bị khí kết mà chết, nhưng tim còn nóng, lấy thuốc này đổ vào miệng một ít là sống lại ngay.

**10. Truyền trị đau mới khỏi, da vàng bụng trương to, tiểu tiện không thông.**

Lá hẹ già nát cùng với bã rượu và muối trộn đều, đặt vào rốn, buộc chặt lại là khỏi.

**11. Kinh trị da thâm đen (hắc đản):**

*Thiên hoa phán* 1 thang già nhỏ, vắt lấy nước cốt 6 chung, uống dần dần.

**12. Kinh trị chứng da vàng rất nguy hiểm:**

*Gà trống to*, lấy dao mổ trên lưng, để cả lồng và huyết nhân lúc còn nóng áp vào ngực bệnh nhân, người thì làm con khác, ngày đổi 3, 4 con thì hút hết tinh độc ra, còn gà thì đem chôn đi chờ cho người khác ăn rất độc.

**13. Kinh trị chứng tích rượu vàng khắp mình**

- *Rễ hoa hiên*, già vắt lấy nước cốt mà uống, hay lầm.

- *Nhân trần* 4 gốc, *Danh danh* 7 quả, *Ốc bươu* 1 con, cà vỏ. Ba thứ đều già nát, nấu sôi 100 долю, hòa vào một bát rượu mà uống, đây là phương thuốc bí truyền (13).

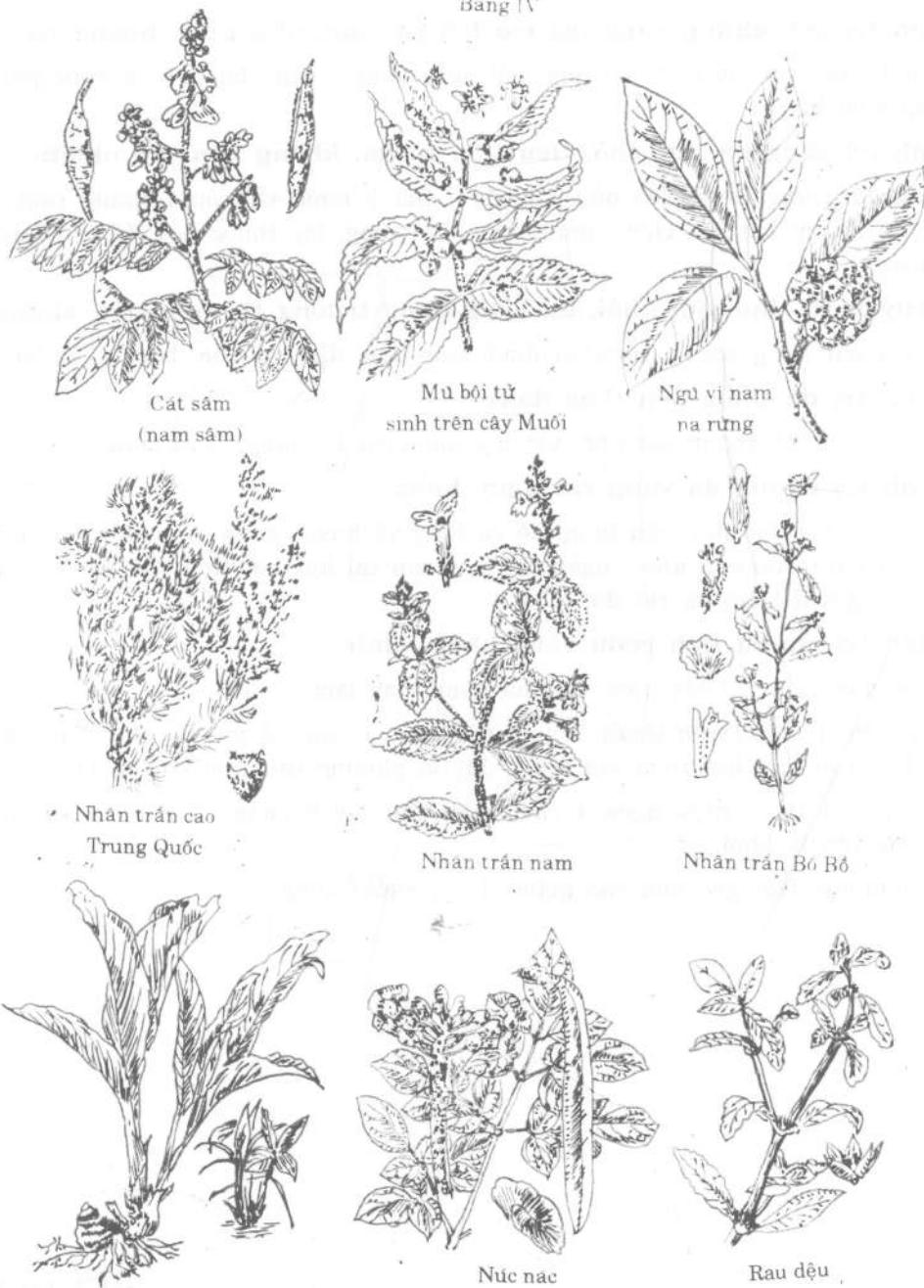
- *Nhân trần* 1 lạng, rượu ngon 1 chén rượi. Sắc lấy 8 phần uống nóng vào lúc xa bữa ăn, chỉ uống vài lần là khỏi.

- Kinh phương: *Hạt gấc* mài vào giấm (1 - 2 chén)<sup>1</sup> uống.

**HẾT QUYẾN V**

<sup>1</sup> Chú ý: Trong các phương trên, tác giả dùng cây *Nhân trần nam* trừ thấp lợi tiểu, thay *Nhân trần cao* của Trung Quốc đã phối hợp với các vị thuốc thanh nhiệt để điều trị cả các bệnh vàng da mồi phát (viêm gan truyền nhiễm thuộc thể Dương hoàng) và giảm bớt vị cay hăng của *Nhân trần nam* gây khô hó (xem chú thích số 3 quyển đầu và hình vẽ để phân biệt).

Bảng IV



<https://vnras.com/drug/>

**NAM DƯỢC THẦN HIỆU**  
**Mười khoa chữa bệnh**

QUYỂN VI

CÁC BỆNH CHÍN KHIẾU

## I - BỆNH MẮT (1)

Mắt của con người ví như mặt trăng của thiên nhiên, hợp chất của ngũ hành mà thành hình thể, hợp khí của âm dương mà thành tinh quang cho nên lúc thường thì sáng suốt, trái thường thì mờ mộng kéo lên. Bệnh ở mắt có chia từng bộ phận khác nhau, như con ngươi thuộc thận, thân hư thì chảy nước mắt, khói mắt thuộc can, can phong thì chảy nước mắt sổng, tròng mắt thuộc phế, phế hàn thì tia máu che lấp tròng, mị trên mị dưới thuộc tỳ, tỳ hàn thì có lông quặm, 4 khói mắt thuộc tâm, tâm nhiệt thì con ngươi bé lại mộng thịt nổi lên.

Phản nội thương thất tình hoặc ngoại cảm lúc dâm đều có thể gây ra bệnh ở mắt, mặc dù bệnh nhiều chứng, phép chữa nhiều đường, nhưng tổng quát không ngoài chữ "nhiệt". Nay tùy chứng soạn những phương sau đây để thầy thuốc tùy nghi sử dụng.

### 1. Truyền trị chứng tâm can tích nhiệt làm cho mắt sưng đau đỏ, màng che lấp tròng, mắt có ghèn và quáng mắt.

- *Hạt ích mẫu, Hạt mồng gà đuôi mang, quả Quan âm, Thảo quyết minh, Hạt mã dê..* Các vị đều bằng nhau, sao tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 - 40 viên, uống với nước chè sau bữa ăn.

- Không có *Hạt mồng gà đuôi mang, quả Quan âm*, mà thêm *Hoa cúc, Quả danh danh*, sắc cho uống cũng được.

### 2. Kinh trị chứng đau mắt đỏ màng chói che khuất tròng.

- *Thạch xương bò, giã sống vắt lấy nước cốt, đun nhỏ lửa cô thành cao, mỗi ngày thường nhỏ vào mắt là công hiệu.*

### 3. Kinh trị chứng khí huyết đều hư, can hư mắt kéo màng, tròng trắng đều đỏ, tối đèn đau nhói như gà mổ:

- *Ốc cứu khống nung thành vôi, Cò tháp bút sao khô. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân, dùng 3 lát gừng, 1 quả táo nấu làm thang uống với thuốc, rồi ăn luôn cả bã, ngày uống 2 lần, rất hay.*

### 4. Kinh trị chứng kéo màng mắt mờ:

*Nước mật heo, để trong lọ sành, nhỏ lửa, cô đặc như bùn viên bằng hạt gạo, mỗi lần dùng 1 hạt nhét vào mắt, hoặc mắt nóng sưng đỏ thì lấy 3 đồng tiền cổ, cùng cô với thuốc cho đặc, rồi bỏ tiền, dùng nước mật heo mà nhỏ vào mắt, rất hay.*

### 5. Kinh trị chứng đau mắt có màng mộng và chứng thông manh không thấy gì:

- *Phân dơi dãi sạch, lấy thứ nước láng dưới, dồn vào gan heo nấu chín mà ăn, lại uống cà gan heo ấy rất hay.*

1. Dây việc dịch thuật còn giữ nguyên các điểm của nội dung, với tinh thần tồn cổ để phục vụ việc nghiên cứu, nhưng việc thừa kế ứng dụng phải có sự chọn lọc theo thực tiễn lâm sàng và khoa học hiện đại; nhất là đối với các vị thuốc có độc, việc xử trí các bệnh chuyên khoa mắt tai mũi họng và phế, chữa ngoài cùng thuốc đắp rò mắt, cần hết sức thận trọng để tránh nguy hại.

- *Đá mịn sa* dái sạch, sao với gạo nếp cho vàng 1 lang, *Trắc bá diệp* 1 lang. Cùng tán nhò, hòa với mật nước bò làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 20 viên khi đi ngủ, sắc nước lá tre làm thang, uống lúc canh năm thì uống với nước cơm, uống đến khôi thì thôi.

## 6. Kinh trị chứng mắt tối mờ không trông thấy gì chứng chảy nước mắt sòng không ngừng và chứng thong manh, chứng mờ mắt, nhiều người cùng mắc:

*Phúc bồn tử* phơi khô, nghiên rất nhò, dùng lúa mòng bọc lại, tẩm vào sữa người sinh con trai trong 4 tiếng đồng hồ lọc lấy nước sữa ấy mà tra vào mắt mỗi ngày 2 lần, chỉ độ 5 ngày, mắt sẽ trông như người trẻ tuổi, kiêng rượu bún tàu và dầu mỡ.

## 7. Kinh trị chứng thong manh bằng cách rửa. Xưa có người đau mắt 20 năm dùng bài này hai năm thì mắt lại sáng như cũ:

- *Lá dâu tươi* hái đem vẽ giã nát, phơi khô đốt tồn tính, nấu lấy nước mà rửa.

- *Cành dâu* đốt thành tro, mỗi lần dùng 1 vốc, nước 1 bát, sắc còn 6, 7 phân đổ ra láng trong, thửa đang nóng rửa mắt, rửa được 100 lần, là khôi. Đã kinh nghiệm.

## 8. Kinh trị mắt mù 30 năm:

*Hạt tật lê*, ngày 7 tháng 7 âm lịch thì hái phơi râm cho khô, tán nhò, mỗi lần dùng 1 đồng cân, ngày uống 2 lần, uống sau bữa ăn dần dần sẽ khôi.

## 9. Kinh trị chứng can hư mắt mờ:

*Thỏ ty tử*, 3 lang, ngâm rượu 3 ngày, phơi khô tán nhò, hòa với lòng trắng trứng gà làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với rượu nóng vào lúc đói.

*Đom đóm* 31 con, cấu bỏ cánh, chân, dồn vào mặt con cá gáy to phơi râm 100 ngày, cho khô, tán nhò, mỗi lần dùng chút ít, điểm vào mắt, rất công hiệu.

## 10. Kinh trị mù mắt đá lâu năm:

*Thảo quyết minh* 2 tháng, tán nhò, mỗi lần ăn cơm xong dùng 2 đồng cân hòa với cháo mà ăn, dần dần sẽ kết quả.

## 11. Kinh trị can hư mắt mờ hễ ra gió thì chảy nước mắt:

*Đậu đen* dái sạch dồn vào một cái mít bò đục (đã lấy sẵn từ tháng chạp) đem treo trước gió cho khô, mỗi lần uống 27 hạt, uống lâu là lành.

## 12. Kinh trị chứng mắt mù quáng:

*Quả kê dâu ngựa*; 1 tháng, phơi khô, tán nhò thường nấu cháo với gạo mà ăn rất hay, kiêng thịt heo.

## 13. Kinh trị chứng thong manh, trông không thấy gì:

*Mắt chuột cống* 2 cái, *Mắt cá gáy* 2 cái. Tích lấy hòa đều mà nhỏ vào mắt, lành thì thôi.

## 14. Kinh trị bỗng nhiên mất không trông thấy:

*Lấy đồng tiền cổ*, và đặt lên viên đá mài, cho nước vào, mài ra nước đặc đem nhỏ vào mắt là sáng.

## 15. Kinh trị sau khi sốt nóng dữ dội rồi ăn phải đồ cay nóng, mắt mờ tối:

*Cá diếc*, nấu canh cho nhiều mà ăn thường xuyên là rất hay.

## 16. Kinh trị đau mắt mới khỏi mắt lòe:

*Mặt dê*, thường dùng nhỏ mắt là sẽ khôi.

**17. Kinh trị mắt nổi mộng thịt kéo căng màng trắng, đỏ:**

*Rau sam*, 1 nắm to, rửa sạch giã nát, cho trộn thêm *Phác tiêu*, lấy lụa gói lại đắp lên mắt, thì công hiệu.

**18. Kinh trị tròng mắt trắng có vành trong suốt:**

- *Mật ong sống* dùng chút ít nhò vào mắt, nặm ngừa, nửa ngày mới rửa, mỗi ngày nhò một lần, nhò 3 lần là lành.

Cỏ *xước* (lá và rễ), giã sông gạn lấy nước cốt, ngày nhò vào mắt 3 - 4 lần.

**19. Kinh trị chứng thông manh, quáng gà:**

*Thảo quyết minh*, 1 tháng, *Địa phu* từ 5 lạng, tán nhò, nước cơm trộn làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước cơm, rất hay.

**20. Kinh trị chứng quáng gà, lúc nhá nhem tối không thấy gì:**

- *Rêu đất*, lấy ngày 7 tháng 7 hay ngày 9 tháng 9 âm lịch phơi khô, tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần, 1 tháng là lành.

- *Hạt cải tía* sao đen tán nhò, mỗi lần dùng 3 đồng cân, nghiền lắn với 1/8 cái gan dê, lấy mo nang tre non ối lại buộc kít đỗ nước vào luộc chín, để nguội, ăn lúc đói, uống luôn nước luộc ấy, mỗi tháng ăn vài cái gan dê là khỏi.

**21. Kinh trị bệnh mới khỏi mắt sinh màng:**

- *Bạch hoa cúc*, *Thiến thoái* (cắt bỏ đầu chân). Hai vị bằng nhau, tán nhò, mỗi lần dùng 2 - 3 đồng cân, uống với nước cối trộn một ít mật ong, đã kinh nghiệm.

- *Mai mực* tán mịn, hòa *mật ong* nhò vào mắt. Phương này còn dùng chữa cả bệnh hay chảy nước mắt.

*Dâu si* 14 hạt, đốt tồn tính, nghiền nhò mà uống thì tốt.

**22. Kinh trị tròng mắt sinh quăng, không kể lâu hay mới mắc:**

*Mật cá gáy* to, trích cho chảy mật trên cái mâm đồng, phơi rám cho khô, cho nó lén ri xanh dùng dao tre cạo lấy, nghiền cực nhò tra vào mắt là khỏi.

**23. Kinh trị mắt sinh màng mộng:**

Lấy *một hộp củ cải*, nhẹ tay để vào trong mắt, một lát lấy nước giếng ban mai hòa với lòng trắng trứng gà mà rửa lại thì sáng. (2)

**24. Kinh trị mắt đỏ kéo màng:**

*Mật cá trắm*, thường nhò vào mắt, rất hay.

**25. Kinh trị tròng mắt hơi có màng:**

- *Lá mã đề*, *lá Cầu kỳ*, hai vị đều nhau, vò nát gói 2 lớp lá dâu, treo chõ kín một đêm vắt lấy nước cốt nhò vào mắt, chỉ làm 5, 3 lần là lành.

- Chỉ dùng lá *Mã đề* cũng được.

**26. Kinh trị can hư, mắt không trông xa được:**

- *Gan lợn* 1 cái bóc màng da, thái mỏng. Hành tím 1 nắm, *Dâu si* 1 vốc. Đổ nước vào nấu canh. Chờ chín thì dập cho vào 3 quả trứng gà mà ăn, ăn mãi đến lành thì thôi.

2. Tồn lưu để biết mà không nên dùng.

**27. Kinh trị chứng mắt toét:**

- *Bạc hà*, tắm nước gừng một đêm, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, nấu sôi lên rửa mắt.

- *Hạt hoè*, dồn vào mắt bò, phơi rám 100 ngày, mỗi lần dùng 1 hạt uống sau bữa ăn, uống được 10 ngày thời mắt sáng, người nhẹ nhàng.

**28. Kinh trị mắt đỏ sưng toát:**

- *Rì đồng xanh*, nghiền nhô đem trộn với nước đem phết trong lòng cái bát, lai dùng ngài cứu lâu năm đốt xông lên lòng cái bát ấy rồi cao lấy khói, mỗi khi dùng một ít bôi vào chỗ mắt loét, rất hay.

**29. Kinh trị mắt đỏ sưng vù:**

*Rì đồng xanh, đất sét, Phác tiêu*. Ba vị đều bằng nhau, tán nhô, luyện với nước làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 1 viên, hòa tan nước mà rửa mắt.

**30. Kinh trị mắt bị nhiệt độc, đỏ đau, hơi sưng:**

*Dâu đen* 1 tháng, chia đựng vào 1 cái túi, nhúng vào nước sôi, thửa nóng chườm vào, nguội thì thay túi khác. Làm được vài 3 ngày thì lành.

**31. Kinh trị mắt sưng đỏ ngứa:**

*Gừng sống* 1 củ, lấy một đồng tiền cổ nhét vào trong củ gừng rồi lấy ra chấm đồng tiền vào mắt cho chảy nước mát, nay làm thì mai lành.

**32. Truyền trị chứng đau mắt hỏa, sưng đỏ, hoặc bị phạm phòng, mắt đau liên miên không khôi.**

- *Hạt dànê dànê*, bắt cứ nhiều ít, tắm nước tiểu trẻ em, hoặc tán bột uống với nước cơm, rất công hiệu.

**33. Kinh trị mắt bỗng nhiên sưng đỏ:**

- *Xuyên sơn giáp* 1 vảy, tán nhô, rái trên tờ giấy trắng, cuộn lại, đốt lấy khói mà xông mắt, thi khôi.

- *Sữa người* nửa chung *Dồng tiền* cổ 10 đồng, cho vào trong cái đồ bằng đồng sạch, mài cho ra nước xanh, chưng cách thủy, súc một cái lọ sạch mà đựng, mỗi ngày tra vào mắt vài lần, là công hiệu.

- *Lá mă dě* già lấy nước cốt, hòa với một ít bột *Phác tiêu* lúc sáp đi ngủ bôi trên mí thử nghiêng mắt, sáng hôm sau rửa sạch, cứ làm như vậy mãi đến lành thì thôi.

- *Dưa bở* già ngày 5 tháng 5 hái lấy 1 quả, khoét một lỗ nhỏ ở đầu, móc bô ruột, nhét vị *Mang tiêu* vào cho đầy, treo chõ im mát, chờ khi *Mang tiêu* thấu ra ngoài vỏ thì cao lấy cất đi, khi dùng thì hòa với 1 lít nước trà bôi hai bên huyệt Thái dương, khô thì làm nữa, một đêm thì khôi.

- *Hoàng đằng* 1 đồng cân cao bò vỏ khô, *Phèn chua* chút ít. Cùng tán nhô, nước sôi 1 bát, chưng cách thủy, chờ nguội, dùng tra vào mắt, rất hay.

- *Hạt muồng* tán nhô hòa nước chè, đổ 2 huyệt thái dương, khô lại đổ tiếp, 1 đêm sẽ khôi.

- *Thạch liên nhục* bò vỏ và tim một vóc, tán nhô, nấu cháo với gạo té thường ăn, rất hay.

- *Lá phù dung* già nát, địt vào huyệt thái dương, gọi là cao thanh lương.

- *Nhân trần*, *Hạt mă dě*, hai vị bằng nhau tán nhô uống với nước chè, hoặc sắc nước uống, vài lần là công hiệu.

- *Là ngai cứu*, đốt lên khói, lấy bát sành úp lại, đốt cháy hết khói mang ra dò nước nóng vào cho hòa tan mà rửa mắt là khỏi ngay, cho thêm *Hoàng liên* càng tốt.

Mỗi buổi sáng mang chén ra hứng lấy những giọt *sương* trên các lá cây, (gọi là *thiên lô thủy*), nầm ngừa thường tra vào mắt, hoặc lấy *sương* ở lá dâu thì tốt.

- Trùn đất 10 con, nướng khô tán nhõ, lúc sắp đi ngủ uống với nước trà để nguội.

#### **34. Kinh trị chứng mị mắt sưng đau kịch liệt:**

*Gừng già* 1 củ, già vắt lấy nước cốt. *Khô phan* tán nhõ hòa dèo như bùn đắp vào mị mắt, một lúc là hết sưng (chớ dính vào mắt).

#### **35. Kinh trị chảy nước mắt sưng luôn không ráo:**

*Mộc nhĩ* 1 lạng, đốt tàn tinh. *Mộc tắc* 1 lạng. Đều tán nhõ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước vo gạo đun sôi là lành.

#### **36. Kinh trị chứng mờ hay ra nước mắt:**

- *Mộc tắc* bỏ mắt. *Thương truật* tắm với nước vo gạo. Hai vị bằng nhau, sao tán nhõ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước chè.

- Phương trên luyện mị làm viên cho uống cũng hay.

#### **37. Kinh trị chứng đau mắt gió hay chảy nước mắt:**

Hái lá dâu (thứ còn trên cây lúc tháng chạp) hầm lấy nước mà rửa hàng ngày, hoặc thêm chút *Mang tiêu* (3) rất hay.

#### **38. Kinh trị chứng mắt trít lại khó mờ:**

Hoa và hạt cây *Thanh hao* hái vào ngày thanh minh hoặc ngày doan ngo phơi râm tán nhõ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước giếng vào lúc đói bụng, uống lâu ngày thì sáng mắt, đến tối cũng có thể thấy được.

#### **39. Kinh trị chứng lông quặm chọc vào mắt, do phong nhập tỳ kính, mị ngừa phải lấy tay dụi, lâu ngày mị mắt đỏ loét, lông quặm chọc vào:**

*Nhân hạt gác* 1 cái, già nát, lấy túi lụa gói lại nhét vào lỗ mũi, đau bên này thì nhét bên kia, thì lông sẽ chìa ra, không quặm vào mắt nữa.

#### **40. Kinh trị con bọ mặt vào mắt:**

- *Thạch xương* bồ già nát, đưa mắt trái thi nhét mũi bên phải, đau mắt phải thi nhét mũi bên trái.

- *Rau cải* già vắt lấy nước cốt, giờ vào mắt, rất hay.

#### **41. Kinh trị bụi bặm và tạp vật vào mắt không ra:**

- *Phân tăm* 10 viên, dung vào nước mời múc mà nuốt vào lúc đói (chớ nhai).

- *Mỡ heo*, đổ nước vào luộc, để cho mỡ nổi lên mặt nước, nào người bệnh nằm ngừa (đầu dốc xuống) lấy 1 ức vàng mồi ấy nhỏ vào mũi vài ba lần thì bụi bặm và tạp vật sẽ ra.

- *Con súng* đất già nát, đắp lên ngoài mắt, bụi sẽ ra.

- *Vỏ rễ dâu* già nhõ như tờ, lùa quét vào át bụi sẽ ra.

- *Rau sam* hái thứ mọc về phương đông, đốt cháy nghiền nhõ, điểm chút ớt vào đầu khói mắt, thì bụi ra liền.

3. Mang tiêu là Phác tiêu tinh chế, muối Natri kết tinh (Mirabilita).

**42. Kinh trị bụi lau vào mắt:**

Ngò sen *tươi* già vát lấy nước cốt nhò vào mắt.

**43. Kinh trị trùng mắt bị vật cứng chọc và con người bị thủng vùng chưa khôi.**

Hứng nước *dài trán*, *bò*, mỗi ngày nhò 2, 3 lần, tránh ra nắng và gió to.

**44. Phương thuốc kinh nghiệm dùng rửa mắt thường xuyên:**

*Mang tiêu* 6 đồng cân, nước 1 bát, hòa tan, lắc lấy nước trong, dùng rửa mỗi buổi sáng sớm khi ngủ dậy.

**45. Truyền trị đau mắt, chảy nước mắt, mắt khó mở:**

*La danh* *danh* già nhò, chế ít nước vào, lắc thật đặc, rồi hòa vào một chút *phèn phi*, dùng giò mắt, rất hay.

## II - BỆNH TAI

Tai là cửa ngõ của thận, quan hệ với thận mà thông đến não, hai khí "Khảm" và "Ly"(4) Ý nói thân khí và tâm khí không giao thông với nhau.giao thông với nhau giữ chức trách "Nghe", cho nên tai nghe rõ ràng là biểu hiện thận bình hòa, tai ứ tai điếc, tai sưng đau là dấu hiệu thận bị bệnh, nên tùy chứng chọn phương mà chữa.

**1. Kinh trị tai đau quá như có sâu bò, hoặc chảy máu mù, hoặc khô ráo đau nhức:**

Xác *rắn* đốt tan nhò, lấy lông ngỗng cắt làm ống, xúc thuốc thối vào lỗ tai, hay lám.

**2. Kinh trị bỗng nhiên đau trong lỗ tai:**

Nước *mài* *dao* dùng nhò vào lỗ tai chỉ 5, 3 lần là lành.

Vỏ trứng gà bóc vào nồi đổ ngập nước lá (sen) bịt lại cho kin, nấu sôi lấy ống trúc chọc thủng lá sen dần hơi ống trúc lên, xông vào lỗ tai là lành.

*Nghệ vàng*. mài ra nước đặc, đổ một vào trong lỗ tai rồi nghiêng tai cho chảy ra là lành.

Dùng ống trúc đâm vào giữa cây chuối, rút lây nước ấy nhò vào lỗ tai là yên.

Dùng *máu lươn*, nhò vào lỗ tai 3, 4 giọt là lành.

**3. Kinh trị tai đau chảy mù:**

Ré *cây liễu*, già nát, nhét vào lỗ tai, khô lại thay cái khác rất hay.

**4. Kinh trị tai đau, tai điếc:**

*Xuyên sơn giáp* 2 cái, *Dέ nhùi* 2 con. Dέ sao vàng chảy, tán nhò, mỗi lần dùng một hai phần, thổi vào tai là lành.

**5. Kinh trị tai bỗng nhiên đau nhức và chữa cả chứng ứ tai do phong nhiệt:**

*Muối* 1 thăng, rang nóng lấy vài gói lại mà gói, nguội lại thay cái khác, đến lành thì thôi.

4. 2 què trong 8 què của Kinh Dịch: Khảm thuộc về thủy tức là thận thủy. Lý thuộc hỏa tức tam hỏa. Ý nói thân khí và tâm khí không giao thông với nhau.

**6. Kinh trị bỗng nhiên tai sưng nóng:**

Nhân hạt gác 1 lạng, Đậu đà 5 đồng, Đại hoàng 5 đồng. Tán nhỏ, mỗi lần dùng chut ít trộn với dâu rừng mà rít rất hay.

**7. Kinh trị lỗ tai chảy máu:**

Bồ hoàng, sao cháy đem tán nhỏ, rắc vào bông xơ cuộn lại nhét vào rất hay.

**8. Kinh trị tai bỗng nhiên điếc và trị thận hư tai điếc:**

- Đá nam châm, nửa đồng cân, lấy miếng lụa gói lại, nhét vào trong lỗ tai bên không điếc, lại lấy mạt sát gói lại nhét vào bên tai điếc tự nhiên tai sẽ thông suốt.

- Đá nam châm 1 phần, Xuyên sơn giáp đốt tôn tinh 2 phần. Đều tán nhỏ dùng mành lụa gói lại nhét vào lỗ tai, miệng ngâm một khối sát mới, nghe trong tai ấm ấm như tiếng mưa là thông.

**9. Kinh trị tai điếc sau cơn ốm mới khởi:**

Thạch xương bồ tươi, già nát vát lấy nước nhò vào lỗ tai là lành.

**10. Kinh trị thận hư tai điếc đã 10 năm, uống thuốc này 2 lần là thông.**

Bọ cạp (thú nhỏ) 49 con, Giàng sòng 49 lát. Hai vị bằng nhau sao khô tán nhỏ chia làm hai lần uống với rượu, đến lúc canh hai lại uống lần nữa đến say mới thôi, sáng hôm sau trong tai hết nghe tiếng lùng bùng là kiến hiệu.

**11. Kinh trị bỗng nhiên tai điếc:**

- Thạch xương bồ 1 tấc, Ba đậu 1 hạt, bỏ lõi tán nhỏ, làm thành 7 viên, mỗi lần dùng 1 viên, bọc bông lại mà nhét vào trong lỗ tai, ngày thay 1 lần, công hiệu.

- Phương trên bỏ Ba đậu dùng hạt Thủ dầu.

- Xuyên tiêu, Tùng chi, Xương bồ, Ba đậu. Các vị đều nhau tán nhỏ, dùng sáp ong nấu chảy ra nước, bỏ bột thuốc vào làm viên nhét vào lỗ tai, mỗi ngày thay một lần rất hay.

- Giấy trắng tăm 1 tờ. Cho 3 đồng cân Xạ hương, cuộn thành cài mồi đốt lửa cho cắm vào trong ống tre, đút vào trong lỗ tai mà xông, 3 lần là nghe được.

- Nhựa thông bỏ vào nồi đất mà nấu đến khi nhỏ vào nước không tan, 3 lạng. Hạt ba đậu 1 lạng. Hai vị già nhò cùng làm viên bằng ngón tay, dùng mành vải thưa bọc lại mà nhét vào tai, ngày thay 2 lần, ít lâu sẽ thông.

- Mỡ ngồng trắng 1 đồng cân, Đá nam châm 3 phần, Xạ hương chút ít, nghiên đều, lấy bông xe lai thành thoi dài, nhét vào lỗ tai rồi dùng móit sát mới mà ngâm 4, 5 lần là công hiệu.

- Nước mật chuột, nhò vào lỗ tai, chỉ dùng hết 2, 3 cái, đợi đến lúc thấy trong tai như có tiếng sấm vang thì thông.

- Hạt thủ dầu 100 hạt. Đại táo 15 quả, hai thứ già nát hòa với sữa làm viên, mỗi lần lấy lụa gói 1 viên nhét vào lỗ tai, ngày thay 1 lần, 20 lần là lành.

- Hạt cải tán nhỏ hòa với sữa làm viên lấy lụa gói lại, nhét vào tai, ngày thay một lần công hiệu.

# <https://vnras.com/drug/>

- *Dầu me*, mỗi ngày tra vào lỗ tai 4 - 5 lần, mỗi lần 1, 2 giọt, đợi cho trong tai hết tác là khỏi.

- *Hương phu* tán nhỏ, *Hạt cù cải sao*. Sắc lén, sáng và tối đều uống 2 đồng cân, rất công hiệu, kiêng đồ sát.

## 12. Kinh trị tai tiếc tai ử:

Cây tó rồng thái ra từng miếng nhỏ sao nóng nhét vào tai là khỏi.

## 13. Kinh trị tai nóng bừng bừng:

- *Thiên hoa phấn*, vớt nhọn bò vào mỡ heo mùa đông dun sôi 3 dạo, nhét vào lỗ tai 3 ngày là khỏi.

## 14. Kinh trị thối tai chảy mù

- *Rết* 1 con, phơi khô tán nhỏ, thổi vào tai là công hiệu.

- *Ích mẫu già* nát, vắt lấy nước cốt nhỏ vào lỗ tai là lành.

- *Hoa hồng*, tán nhỏ, lấy bông hoặc giấy, thấm cho sạch mù, thổi thuốc vào, hoặc lấy *phen phi* 5 phần, *Hồng hoa* 3 phần rưỡi, tán nhỏ thổi vào, càng hay.

*Bồ ngựa* cây dâu 1 cái (con), đốt tồn tính. *Xạ hương* 1 phần, nghiền nhỏ thổi vào trong tai là yên.

- *Hương phu*, tán nhỏ, lấy bông gói lại nhét vào tai là công hiệu.

- *Lá hẹ già* vắt lấy nước, ngày nhỏ vào tai 3, 4 lần là khỏi.

- *Thanh bì* đốt cháy tán nhỏ, lấy lụa gói lại nhét vào tai, ngày thay một lần là lành.

- *Dát lòng bếp* tán nhỏ, dùng lụa gói lại, nhét vào tai, ngày thay 3 lần rất công hiệu

- *Thanh hao*, tán nhỏ, dùng lụa gói lại, nhét vào tai là khô ngay.

- *Đào nhân* sao vàng tán nhỏ dùng lụa gói lại nhét vào lỗ tai, ngày thay 1 lần là khỏi.

- *Hạt cau khô*, tán nhỏ, dùng thổi vào tai là khỏi.

## 15. Kinh trị chứng nhợt mọc trong tai:

- *Chất trắng* trong *cút gà*, sao vàng tán nhỏ rắc vào tai thì khỏi.

## 16. Kinh trị trẻ em bị cào cào ăn tai:

- *Trùn dát*, đốt tồn tính tán nhỏ trộn với mỡ heo mà bôi, rất hay.

- *Cút trùn*, cách làm cũng như trên.

- *Trứng gà* 3 - 4 quả luộc chín lấy lòng đốt rán ra dầu mà bôi rất hay.

## 17. Kinh trị mùa rét cổng nứt tai:

*Cứng sống*, dùng nhiều già vắt lấy nước cốt cô lại thành cao mà bôi, rất hay.

## 18. Truyềñ trị tai đau như dùi đâm:

- *Lá Bạch đàn* sống thâm nước già nát đem dán giữa rốn thi khói. Khi bụng dưới nghe sôi thi phải lấy thuốc ra ngay, chờ để lâu mà sinh lở rốn.

## III - BÊNH MŨI

Mũi là cửa ngõ của phổi, bình thường thi người được mùi thơm, thổi, thở ra hít vào được thông suông, nếu trái thường trong bị thất tình làm thương tổn ngoài bi khi lúc đàm xâm

**1. Kinh trị trong lỗ mũi sinh cục thịt thừa:**

- *Cuống đưa dài*, tán nhỏ thổi vào lỗ mũi ngày 3 lần, thì khỏi.
- *Lá lốt* tán nhỏ, mỗi lần dùng chút ít, thổi vào trong lỗ mũi.
- *Thạch xương bồ, Tạo giác*. Dều nhau, tán nhỏ, lấy lụa gói lại nhét trong lỗ mũi, nằm ngủa giây lát thì khỏi.
- *Lông dưới trâu trắng, Lá chanh*. Hai vị đều nhau, đốt tồn tính, tán nhỏ thổi vào trong lỗ mũi, nếu như có ra máu thì thêm *Sơn chi tử* cung nghiền mà thổi vào.
- *Nam tinh* (thái mỏng, ngâm nước sôi 2, 3 lần, sao khô) 2 đồng cân. *Đại táo* 7 quả, *Cam thảo* 5 phần. Sắc cho uống 3 - 4 lần thì vật trong mũi tự rơi ra, nào khi được chuyển động, nước mũi tự rút hết. Lại dùng *tỏi* và *lá lốt* già nát, nặn thành bánh, vải thô gói lại đặt trên mõ ác, ngoài dùng cái áu đồng trong có đựng than nóng chườm lên miếng thuốc, sẽ khỏi tuyệt nọc.

**2. Truyền trị chứng cam mũi ra nước hôi thối lúc nào dứt:**

- *Hạt nhân*, đốt lên khói, dùng cai ống trúc dẫn cho khói vào mũi mà xông, rất hay.
- *Ké dầu ngựa*, sao tán nhỏ, liều dùng 1,2 đồng cân uống với nước nóng hay lấm. Kiêng ăn thịt heo.

**3. Kinh trị người già và người trẻ bị chứng náo lâu chảy nước luôn, không khô:**

- *Tỏi* 4 - 5 củ, già nát như bùn, rịt vào lòng bàn chân, băng chặt, nước mũi tự nhiên rò.

**4. Kinh trị cam mũi, mũi lở loét dẫn dần lan cả môi mép:**

- *Mặt bạc 1 lạng, nước 3 bát* sắc còn 1 bát, ngày rửa 3 lần là khỏi.
- *Rì đồng, Phèn phi*. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ bôi vào, hay lấm.
- *Gạc hươu 2 phần, Phèn phi 2 phần, Tóc rối 1 phần*, đốt trên đèn cho cháy thành tro. Các vị đều nhau tán nhỏ, trước dùng *Hoa tiêu* nấu nước rửa chỗ loét cho sạch rồi rác thuốc bột vào, ngày lấm 3 lần là khỏi. Hoặc vết loét không thu miệng không khô được thì dùng rêu ngói, đốt tồn tính, tán nhỏ, rắc vào là thu miệng ngay, rất hay.
- *Dây mướp*, (lấy đoạn gần gốc) 5,3 thước, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu ấm. Hết thi thỏi.

**5. Kinh trị ngoài mũi nỗi mụn nhọt, chảy máu mũi:**

- *Tổ ong*, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần, hay lấm.

**6. Kinh trị mũi tắc hoặc chảy nước hôi thối:**

- *Muội nỗi* (nhọ nghệ), tán nhỏ mỗi lần uống 1 đồng cân với nước múc là khỏi.

**7. Kinh trị mũi tắc không thông vì phế khí xông lên mà sinh ra:**

- *Quả màng tang*, 5 đồng cân. *Lá bạc hà* 3 đồng cân, *Hoa kinh giới* 1 đồng ruồi. Dều tán nhỏ, tháng mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 1 viên, thường thường ngâm nuốt thi tự lành.

- *Lá hòe* 1 nắm. Nước 1 bát. Sắc còn phân nửa, rồi bỏ thêm 3 củ hành, một vốc đậu si lại dun sôi, uống nóng sau bữa ăn, đến bệnh lành thì khỏi.

*Quả bồ kết*, nướng tán nhỏ, thổi vào lỗ mũi để gây nhày mũi là lành

- Phương trên gia thêm *Xương bồ* (phân lượng ngang với bồ kết), *Kinh giới* bằng một nửa, tán nhỏ, lấy vải gói lại, nhét lỗ mũi, nằm ngủa, giây lát sẽ kiến hiệu.

- *Hạt thầu dầu*, 200 hoặc 300 hạt. *Đại táo 10 quả*. Đều già nát lấy lụa bọc lại nhét lỗ mũi, mỗi ngày thay 1 lần, không quá 1 tháng thì biết được mùi thơm thoái.

## 8. Kinh trị mũi nghẹt không thông, và mọc thịt thừa:

- *Can Khương* tán nhò, thang mật làm viên, nhét vào lỗ mũi, ngày thay một lần, kiến hiệu.

## 9. Truyền trị chứng phong đờ mũi.

- *Lưu hoàng*, *Phèn chua* Đều nhau, tán nhò dùng *quả cà*, già nát, vắt lấy nước, hòa với thuốc bột mà đắp vào mũi thì lành.

- Y phương trên, nhưng không dùng *Lưu hoàng*.

## IV - BỆNH MIỆNG, LUÔI

Miệng lưỡi sinh bệnh là: Hoặc lưỡi sưng thành hai (trùng thiết), hoặc lưỡi cứng (mộc thiết), hoặc lưỡi sinh mụn lở loét, hoặc thè lưỡi ra không thu vào được, hoặc lưỡi co rút không nói được. Sách Nội kinh nói: "Can nhiệt thì miệng cay, thận nhiệt thì miệng mặn". Nhưng nói tóm lại miệng lưỡi lở loét là do bệnh "nhiệt", lưỡi sưng thành hai, lưỡi cứng là tỳ khí trệ và kiêm phong nhiệt mà sinh bệnh, lưỡi thè ra là khí dương quá mạnh, lưỡi rút lại là khí âm quá mạnh, người chữa bệnh càng phải hiểu thật rành mạch.

### 1. Kinh trị miệng lưỡi lở loét:

- *Ngưu tất* tắm rượu, ngâm nuốt nước cũng được, hoặc sắc lấy nước mà uống.
- *Lá chàm*, già sống vắt lấy nước mà rửa, hoặc bôi vào chỗ đau ngày làm nhiều lần, ba ngày là khỏi.
- *Cù cài* tươi già vắt lấy nước cốt, mỗi ngày thường ngâm súc miệng nhổ đi là lành.
- *Tóc rối*, *Tổ ong*, *Xác rắn*. Đều bằng nhau, đốt tồn tính, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, uống ba lần là khỏi.
- *Quả bồ hòn* dùng cá nhân và hạt đốt tán nhỏ mà rắc vào hay lầm.
- *Dâu si*, sao cháy, tán nhỏ mà ngâm, chỉ một đêm là lành.
- *Rễ tần xuân* rửa sạch, sắc lấy nước đặc, ngâm lúc nước còn ấm, rồi súc miệng mà nhổ đi. Mùa đông thì dùng vỏ, rễ, mùa hè thì dùng cành, lá. Chứng miệng lở lâu ngày, nhiều nước dài chảy xuống ngực sinh lở mà 3 năm trở lên chưa khỏi, đều lành cả.

### 2. Kinh trị miệng mũi cam ăn lở thối, dần dần lở thủng môi mép:

- *Mặt bạc* 1 lượng, nước 3 thăng, cho vào nồi đồng, sắc lấy 1 thăng, ngày rửa 3 - 4 lần là khỏi.

### 3. Kinh trị lở miệng vì uống rượu

- *Óc bươu*, nấu lấy nước và uống thì tự lành.

### 4. Kinh trị chứng thối mõm.

- *Hương nhu*, 1 nắm, sắc lấy nước đặc mà ngâm.
- *Hoắc hương*, rửa sạch, nấu lấy nước thường ngâm và súc miệng, rất công hiệu.
- *Nhục quế*, *Hương phu*, *Ô mai*, *Trần bì*. Đều bằng nhau, tán nhò, dùng nước gừng và mật làm viên bằng đầu ngón tay, mỗi lần dùng 1 viên ngâm cho tan dần.
- *Quả mơ khô*, thường ngâm rất hay.

- *Hạt dưa dà*, hoặc dưa hấu, bò vò thái mỏng, phơi khô, tán nhô, viên với mật ong bằng đầu ngón tay, mỗi sáng súc miệng xong thì ngâm 1 viên, hoặc súc miệng rồi xát thuốc vào răng, cẳng hay.

#### 5. Kinh trị lưỡi rụt, cầm khẩu:

- *Lá ngải cứu* tươi, già nát mà đập vào, hoặc lá ngải khô tẩm nước cho ướt mà đập vào cũng hay.

#### 6. Kinh trị trên lưỡi bỗng nhiên máu phun ra như sợi chỉ:

- *Tóc rối* 2 đồng cahn, đốt tán nhô, hòa với giấm mà uống, và bôi vào, máu cầm lại ngay.

- *Đậu đỗ* 1 tháng; già nát hòa vào 3 thang nước, vắt lấy nước trong, chia ra mà uống, là khỏi.

- *Hạt thầu dầu* gói giấy khẽ đập cho dầu thẩm ra cuộn lại làm mồi đốt cho ra khói xông vào mũi, là khỏi bệnh.

- *Hoa hoè*, sao tán nhô rắc lên là khỏi ngay.

- *Hương nhu* sắc nước uống 1 thang, ngày uống 3 lần là khỏi.

- *Bồ hoàng sao, Thanh đại*, Hòa bột Thanh đại vào nước sắc Bồ hoàng mà uống và bôi, hoặc gia *mai mục* cẳng hay.

- *Ba đậu* gói vài lớp giấy, khẽ đập cho dầu thẩm ra ở cuộn giấy ấy làm mồi, đốt mà xông rất mau khỏi.

- *Đậu si* 1 vốc, sắc sôi lên mà uống, ngày làm ba lần, rất công hiệu.

#### 7. Kinh trị lưỡi cứng chảy máu.

- *Mộc tặc*, sắc lấy nước đặc ngâm và súc miệng thì yên.

- *Mai mục* bỏ rìa cứng chung quanh. *Bồ hoàng sao*. Đều bằng nhau, tán nhô, rắc vào sẽ cầm máu, tiêu sưng, hay lầm.

#### 8. Kinh trị lưỡi sưng cứng dây miệng, chậm chữa thì chết:

- *Nhỏ nghe nồi đồng (muội nồi) muối ăn*. Hai thứ bằng nhau; hòa với nước giêng mà bôi.

- Cứng hai vị thuốc trên, hòa với rượu mà bôi thì rất công hiệu.

- *Bồ hoàng*, tán nhô mà xức, từ tối đến sáng là khỏi.

- Phương trên thêm *can hương*, hai vị bằng nhau, tán nhô mà bôi.

- *Trùn khoang* cối 1 con to, cho vào chút muối trùn sẽ hóa ra nước, lấy nước đó mà xức, lâu sẽ tiêu dần.

- *Muội nồi, Bồ hòn, Cù rè quạt*. Đều bằng nhau, tán nhô, hòa với giấm mà bôi, là lành.

#### 9. Kinh trị lưỡi thè ra ngoài miệng.

- *Hạt thầu dầu*. dùng giấy gói lại, khẽ đập cho dầu thẩm ra giấy, cuộn giấy ấy lại làm mồi đốt lửa cho khói xông vào miệng, là lành.

- *Mòng gà* trống cắt lấy máu 1 chén mà bôi, lưỡi sẽ thụt vào như cũ.

#### 10. Kinh trị lưỡi bỗng nhiên sưng to.

*Giảm tròn* với *nho nồi*, bôi lên trên lưỡi, tróc đi lại bôi, một chốc là hết sưng.

#### 11. Kinh trị lưỡi sưng thành hai (trùng nhiệt) và chứng tua lưỡi (dẹn)

*Đậu đỗ*, tán nhô, hòa với giấm bôi vào là công hiệu.

## 12. Kinh trị lưỡi sưng thành hai và đau.

- *Tổ ong tảng*, nướng tán nhô trộn với rượu như bùn mà xúc ngày 3 lần thì khỏi.
- *Cua sống* 1 con, nướng khô, tán nhô, súc vào chỗ đau là lành.

## 13. Kinh trị lưỡi sưng to (trùng nhiệt) và đau họng.

- *Bồ kết* 5 quả (bỏ hết vỏ đen và hạt, sao khô). *Kinh giới tuệ* 2 đồng. Đều tán nhô, hòa với giấm mà bôi là lành.

- Phương trên thêm chút ít *xác rắn* càng hay.

## 14. Kinh trị lưỡi sưng thành hai và lở loét.

- *Bồ hoàng* đốt tồn tính tán nhô, rắc vào, chì 3 lần là lành.

## 15. Truyền trị miệng lưỡi lở loét, đau nhức, lâu ngày không lành, lở lan dần sang lỗ mũi.

- *Trân châu* mài với nước cho đặc, lấy lông chim châm vào thuốc mà phết vào. Lại dùng rễ *cà gai*, rễ cây *Vuốt hùm*, cao vỏ đều bằng hạt táo, đổ giấm vào ngâm hồi lâu, rồi đưa bao thuốc mà ngâm, ngày 5 - 6 lần, lại dùng 1 nắm rễ cà gai khác treo trên giàn bếp là khỏi.

## V - BỆNH MÔI

Môi có chia ra trên dưới trong ngoài, môi sinh ra nứt nẻ nhăn nheo hoặc lở sưng như kén tằm, nặng lấm thì môi trề ra như cánh hoa lật lược. Một là biểu hiện bên ngoài của tỳ, tỳ táo thì môi khô, tỳ nhiệt thì môi nứt nẻ, tỳ phong thì môi ướt nhuận, tỳ hàn thì môi nhợt nhạt, đó là bệnh do tỳ mà ra cả.

Cho nên phép chữa phải bổ tỳ khi, dưỡng tỳ huyết thì bệnh tự nhiên lành.

### 1. Kinh trị môi miệng chummer lại không há ra được, hoặc lở đau không ăn uống được.

- *Vải xanh củ*, đốt thành tro trộn mỡ heo mà bôi.
- *Xác rắn*, đốt thành tro rắc vào.
- *Tóc rối*, *tổ ong*, *lông gia súc*, cùng đốt ra tro tán nhô trộn mỡ heo mà bôi, rất tốt.
- *Quả Trám* (cà na) đốt thành tro tán nhô trộn mỡ heo mà bôi, khỏi ngay.
- *Rau sam*, sắc đặc dùng nước rửa luôn bôi vào, khỏi ngay.

### 2. Kinh trị chứng rìa môi mọc mụn lở, lâu năm không khỏi.

- *Lá Chàm*, (hai về tháng 8 âm lịch) 1 cân, giã vát lấy nước cốt mà rửa là khỏi.

### 3. Kinh trị môi lở, nứt đau.

- *Đào nhân* giã nát trộn mỡ heo mà bôi, hay không thể tả.
- *Thanh bì*, đốt tán nhô hòa mỡ heo mà bôi thì khỏi.

### 4. Kinh trị chứng lở môi.

Lấy mỡ hói trên nắp vung nồi mà bôi, rất hay.

### 5. Kinh trị môi bỗng nhiên bị sưng đèn, đau ngứa khó chịu:

- *Đồng tiền* cổ 4 đồng, nhò nước mỡ heo trên hòn đá mà mài ra nước nhu hun. quết a tóc ấy bôi vài lần sẽ khỏi.

## VI - BỆNH RĂNG

Răng là chất thừa của xương, là dấu hiệu bên ngoài của thận. Răng thuộc thận thủy, lợi thuộc vị thổ, hễ thân thủy khỏe mạnh, vị thổ bình hòa thì răng sẽ bền chắc vững vàng, thận hư vị nhiệt thời răng lung lay nhức nhối, nặng thì chảy máu sinh mủ. Dai dể răng vỉ như cây, lợi vỉ như đất, đất dày thì gốc rễ bền chặt, đất nóng thì gốc cây héo hũ. Răng là xương, xương thì không thể đau, chỉ lợi mới đau mà thôi.

Cho nên chữa răng trước phải chữa vào căn bản của nó, chứ nên thiên về mặt chỉ thống mà dùng táo nhiệt, vì đau đớn không đỡ mà nhiệt lại tích vào, đó là cái hậu quả "lúa hổ về đê trú tà" hả không nên cẩn thận hay sao! Nay giới thiệu từng phương ra sau để tùy chứng mà chọn dùng.

### 1. Kinh trị các chứng đau răng, hoặc răng dụng đến là chảy máu.

- *Cù cỏ cũ, lá ngải cứu.* Sắc lây nước mà súc miệng, lai dùng cù cỏ cũ tán nhỏ, xát vào cho ra nước dài rồi nhổ đi, cũng hay.

### 2. Kinh trị các chứng đau răng:

- *Mộc nhĩ, Kinh giới* Đầu nhau, sắc lây nước thường súc miệng, rất hay.

### 3. Kinh trị răng đau vì phong, dùng nhiều thức thuốc mà không kiến hiệu.

- *Muối tươi* 1 quả. Xát muối vào, đốt tồn tính, tán nhỏ thường xát vào răng hết nước dài thì khỏi, nếu xát vào mà sưng như sưng gốc hàm thì đổ nước vào thuốc tán đó, súc lên mà ngâm (duy răng sâu thì không công hiệu).

### 4. Phương thuốc xát răng để ngừa đau răng có kinh nghiệm:

- *Cành đào non*, nửa cân, giã nát nước 4 bát sác còn một nửa, lọc bỏ bã, cho vào 1 thang muối, nấu đến khô rồi nghiên nhỏ để xát răng, mỗi lần xát răng thì súc miệng bằng nước nóng rồi nhổ ra rửa mặt thì mắt sẽ sáng và răng sẽ bền

### 5. Kinh trị khí hư xông lên khiến răng đau nhức ra máu hoặc ngứa, lung lay muộn rụng:

- *Cây tố rồng* 1 lạng, dùng dao bằng đồng thái nhô, để lên trên miếng ngồi sấy khô, tán nhỏ xát vào.

Phương này không những chữa được răng đau mà còn có tác dụng làm bền xương, thêm tinh túy, lai trừ được khí độc trong xương.

### 6. Kinh trị đau răng:

*Hạt Cải cù* 14 hạt, nghiên sống hòa với sữa người, mà nhò vào lỗ mũi, hễ đau răng bên trái thì nhò mũi bên phải, răng đau bên phải thì nhò vào lỗ mũi bên trái là lành.

### 7. Phương thuốc trị đau răng nhét vào lỗ tai có kinh nghiệm:

- *Lá rau má* giã nát như bùn đem bôi vào lỗ tai, hễ đau răng bên trái thi tô bên phải, đau bên phải thi bôi vào tai bên trái, rất hay.

### 8. Kinh trị răng đau có sâu vì phong:

- *Dào nhân*, xâu vào cái dùi, kê trên ngọn đèn đốt cho cháy rồi thổi tắt lửa, áp vào chỗ răng đau, bắt quá 5 - 6 lần là khỏi.

- *Quả vải*, để cà vỏ đốt tồn tính tán nhỏ, xát vào là khỏi ngay thật là hay.

- *Quả vải*, bỗ dôi nhét muối vào giữa mà đốt, tán nhỏ xát vào là lành ngay.

- *Quả Trám* (cà na) đốt ra tán nhỏ, hòa với chút ít *Xạ hương* mà bôi là khỏi.

- Cắt lây một cành nhỏ cây *Trắc bá*, hơ lửa cho nón dem di vào chỗ đau, cũng hay.

- Nhựa thông lấy nhựa còn dính trên cây, hòa vào ít nước sôi cho tan ra, thửa lúc nóng súc miệng là yên.

- Lá thông 1 nắm, muối 1 vốc, rượu 2 thang. Sắc lấy một nửa, ngâm súc miệng là lành.

- Tổ ong tàng (Lộ phong phòng) một miếng, đồn muối vào trong các lỗ, đốt tán nhò xát vào, rồi lấy muối ra nấu nước súc miệng rất hay.

- Phương trên, thêm Xuyên tiêu trọng lượng bằng tàng ong, tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng cân, thang với nước giึง sắc với hành tâm.

Cành hòe hơi nóng đem đem dí vào chỗ đau; nguội lại thay đi hay lầm.

- Vỏ trắng cây hòe, thái nhỏ lấy 1 nắm. Sắc với nước và giấm, lọc bỏ bã, cho vào tí muối ngâm súc miệng rất hay.

Cỏ nụ áo dùng cà hoa lá, cho vào ít muối, giã nhỏ, đem đặt vào chỗ đau rồi dùng lá quít hôi hoặc lá thông sắc nước ngâm súc rất hay.

- Bồ kết 1 quả, bỏ hạt, đồn vào đầy muối và phèn chua, đất sét bọc ngoài, đốt tán nhò mỗi ngày dùng xát vào răng rất hay.

Cành liễu một nắm cắt nhỏ, thêm chút muối, sắc ra nước đậm mà ngâm súc miệng rất hay.

- Quả cà giã dùng cà cuống, đốt ra tro mà xát, hoặc dùng rễ cà giã nát hòa nước, l้าง lấy nước trong mà ngâm là khỏi.

- Cây chuối non vát lấy nước cốt 1 bát mà ngâm là yên.

- Trần bì, Voi đá Tán nhỏ, hòa với mật ong làm thành một cục, nhồi muối với bùn, bọc ngoài, nung lửa 1 ngày, nghiền nhò xát vào, thật là phương thuốc rất hay.

- Sáp ong một ít, để trên lửa cho cháy tan thấm vào giấy, rắc ngoài nhung lên, cuộn lại thành cái mồi, đốt cháy rồi tắt, xông khói vào hai lỗ mũi, hít khói vào đầy miệng rồi hả mạnh hơi ra, là hết sưng.

- Quả giun (Sứ quân tử) nấu nước ngâm súc miệng rất hay.

Tỏi 1 củ, nướng chín xát lát áp vào chỗ đau, thay đổi luôn rất hay.

## 9. Kinh trị răng lung lay:

Chì 5 lang. Dùng cái nồi gang nấu cho chảy ra, Bồ kết 2 lang, cắt nhỏ cho vào, dùng cành dâu cành liễu mà quấy cho bồ kết cháy ra tro, lại cho vào ít muối tán nhỏ. Hàng ngày dùng xát vào răng thì răng sẽ bền chắc.

## 10. Kinh trị răng hể dụng chạm đến là đau:

Tật lê (hạt hoặc rễ), tán nhỏ ngày ngày xát vào, thì răng sẽ bền chắc.

## 11. Kinh trị răng lung lay, hoặc bị vật gì dụng chạm muốn rung, các thuốc đều chữa không khỏi:

Trùn khoang cổ, Ngũ bội tử. Hai thứ bằng nhau, sao khô tán nhỏ, trước lấy gừng giã nát xát vào răng, sau mới xúc thuốc tán vào, đừng để cho răng ngót thuốc thì răng lại bền chắc như cũ.

## 12. Kinh trị răng sưng đau:

- Quả kê dâu ngọt 5 vóc, Nước 1 bát. Bỏ vào ít muối, sắc lấy một nửa, thuốc đang nóng thì ngâm vào miệng, thuốc nguội lạnh thì nhổ ra lại ngâm thứ nóng khác vào, chỉ dùng 1 tháng là khỏi.

- Thanh cao 1 nắm, sắc đặc dùn, súc miệng rất công hiệu.

- *Rau sam* già lấy nước mà ngâm trong 1 ngày là hết sưng và khỏi.
- *Rễ cỏ xước* sắc lấy nước ngâm và súc miệng, hoặc đốt ra tro, tán nhão xát vào là lành ngay.
- *Nhân hạt gác* mài với giấm thanh mà xát, hay lầm.
- *Mè đen* 1 tháng, Nước 1 tháng. Sắc còn một nửa ngâm súc rồi nhổ đi, chỉ hai tháng là lành.

## 13. Kinh trị đau răng vì phong:

- *Rễ cây Ý dĩ* 4 lạng, sắc đặc ngâm lúc nóng, nguội lại thay là khỏi.
- *Đậu đen* nấu với rượu, ngâm súc luôn là khỏi.

## 14. Kinh trị nướu sưng lên vì nhiệt độc:

- *Rêu mai* ngói không có thì dùng *rêu tường* sắc đặc cho vào tí muối mà ngâm hay lầm.
- *Dây mitap* phơi rám, khi dùng đốt tồn tính tán nhão, xát vào là lành.
- *Cứt trùn* nhồi với nước làm viên, rồi nung đỏ, tán nhão hòa với mỡ heo mùa đông mà bôi, ngày 3 lần công hiệu.

## 15. Kinh trị răng sâu trồi lên ra máu mù:

- *Mặt trán* 3 đồng cân, *Phèn phi* 1 đồng, *Hạnh nhân* (bò vò, đâm nhẹ) 47 hạt. Dều tán nhão, trước lấy muối xát răng cho hết máu mù rồi lấy thuốc xát vào, ngày 3 lần là lành.
- *Quả khế* già nhỏ vắt lấy nước cốt 1 bát, lấy thanh sắt nung đỏ tóe vào nước khế, dùng nước ấy mà ngâm, hai ba ngày làm 1 lần như thế, 1 tháng thì răng sẽ bền chặt, như cũ.

## 16. Kinh trị cam răng thối miệng:

*Ngũ bội tử* 1 lạng sao cháy, *Phèn chua*, *Rì đồng* đều 1 đồng cân. Tán nhão, trước súc miệng bằng nước vo gạo cho sạch rồi xát thuốc vào phương này hay tuyệt.

*Rau cải* đốt ra tro, nghiên nhão thường bôi vào rất hay.

## 17. Kinh trị chứng chảy máu chân răng:

- *Tóc rói* 1 năm sao cháy, tán nhão xức vào thì khỏi.
- *Nước đái trẻ em* dưới 3, 4 tuổi ngâm, sau nhổ đi.

*Tinh tre* 1 năm, nấu với *giấm thanh* hoặc *nước tiểu trẻ con* mà ngâm, liền hết máu mà khỏi.

## 18. Thuốc dùng để nhổ răng đau, đã kinh nghiệm:

*Quả cà già* tắm nước đái ngựa ba ngày, phơi khô tán nhão, mỗi khi dùng thì xức thuốc vào chỗ răng đau là rụng ngay, thật là phương thuốc thần.

## VII - ĐAU HỌNG

Họng là đường ra vào của hơi thở, cửa đi xuống của đồ ăn. Nó làm then may cho toàn thân, làm cửa ngõ cho vào các tang, nên nó bị bít tắc thì sống chết chỉ trong nháy mắt. Cho nên nội kinh chia làm 8 chứng nhưng căn bản đều do đờm hòa sinh ra. Hễ khi nhiệt thi đom kết, đờm kết lấm thì sưng, sưng lấm thì đau tê, đau tê lấm không thông được thi chết. Phép chữa bệnh nên dò xét tận gốc mà kịp lựa phương, chứ để chậm trễ.

### 1. Kinh trị chứng đau họng gần chết:

- *Hàn the* 1 cục to bằng hạt đậu đen Ngâm vào 1 giờ thì khỏi, nếu không có *hàn the* thì dùng *phác tiêu* cũng được.

**2. Kinh trị đau họng sáp chết, chỉ còn có chút hơi thở:**

- Ba đậu 1 hạt, bóc vỏ dùng sợi chỉ xâu vào giữa hạt nhét vào trong cổ họng một chốc rồi ném dây kéo Ba đậu ra là khỏi.

- Ba đậu gói hai ba lớp giấy, khép đập cho dầu thấm ra giấy, cuộn giấy lại làm mồi đốt cháy rồi thổi tắt đi, cho khói xông vào trong lỗ mũi một lúc thở ra nước dãi sẽ khỏi.

**3. Kinh trị tắc cổ họng hơi thở không thông, chết trong chốc lát:**

Tỏi 2 củ, cắt bỏ hai đầu nhét vào trong lỗ mũi, bệnh ở bên trái thì nhét bên phải, bệnh bên phải thì nhét bên trái. Máu đặc trong họng ra được là công hiệu ngay.

**4. Kinh trị tắc cổ họng, thở không được, uống nước không vào:**

- Củ rè quạt một miếng ngâm và nuốt nước xuống rất hay.

- Theo phương trên, gia thêm chút gừng cũng hay.

**5. Kinh trị cổ họng tự nhiên bị tắc, không thể đổ thuốc vào:**

Vỏ cây mận, lấy vỏ gần gốc, màu với nước phết ngoài cổ, nhưng trước phải lấy bồ kết tán nhỏ thổi vào lỗ mũi cho chảy mũi rồi sau mới phết thuốc rất hay.

Vỏ cây Đào 1 nắm, sắc nước đặc cho uống dần xuống khỏi ngay.

**6. Kinh trị cổ họng tắc nghẽn không thông:**

Hồng hoa già nát vắt lấy nước cốt 1 thang, nấu lên cho uống rất hay. Hoặc sắc cả hoa rồi bỏ bã uống nước.

**7. Kinh trị cổ họng đau tắc, hàm răng cắn chặt:**

Hạt thầu dầu già nát, cuốn giấy làm mồi, đốt khói mà hít vào, là thông ngay.

**8. Kinh trị chứng đau họng muốn chết, không thể dùng thuốc và châm cứu được:**

Son khô đốt cho lén khói, lấy ống trúc dẫn khói vào họng khỏi ngay.

**9. Kinh trị chứng phong quai nón, sưng te quanh cổ không thở được:**

- Xác rắn cho vào ống tre đốt cho ra khói thổi vào cổ họng, là thông ngay.

**10. Kinh trị cổ họng bị tắc do phong, khó chữa:**

- Bồ kết 1 quả sắc nước và mật cho uống ngay nếu cảm kíp, còn như bệnh hoãn thì phơi sương 1 đêm rồi cho uống càng tốt, nếu cảm khẩu thi dùng dứa bếp cay rang đổ thuốc vào yên liền.

- Bồ kết 1 phần, tẩm mật và rượu nướng vàng, Củ rè quạt 3 phần. Nghê nửa phần. Đầu tán nhỏ, trộn với rượu cho đặc như bùn, lấy lông gà chấm phết vào và ngoài cổ là công hiệu ngay.

**11. Kinh trị chứng đau họng, sưng tắc:**

Bán hạ sống tán nhỏ thổi vào mũi cho ra nước dãi là lành.

**12. Kinh trị chứng đau họng, nghẹt họng nguy cấp:**

- Cò tháp bút, Cứt bò khô đốt tôn tính tán nhỏ, lấy 1 đồng cân hòa với nước cho uống, máu ra là yên.

- Cò bắc 1 nắm. Lấy 2 miếng ngồi kẹp bắc vào giữa, đốt tôn tính, lai lấy một thiến nhỏ (muỗng cà phê) muối cùng sao tán nhỏ, thổi vào trong họng 1 vài lần là yên.

- Cò bắc, Hồng hoa. Đều bằng nhau, đốt tôn tính, hòa với nước 1 đồng mà uống là tiêu.

**13. Kinh trị chứng hẫu phong, hẫu tê (dau họng):**

- *Bạch cương tám* 6 đồng, *Phèn chua* 3 đồng, *Phèn phi khô* 3 đồng. Cùng tán nhỏ. Mỗi lần dùng một đồng, uống với nước gừng để gây nôn, trẻ em thì già *bạc hà* vào nước gừng, mửa được đờm đặc ra, thì công hiệu ngay.

*Bạch cương tám* sao tán nhỏ, dùng quả mơ muối già lắn viên bằng đầu ngón tay, bọc lụa lại mà ngâm, nuốt nước xuống dần dần, thì công hiệu.

- *Nam tinh* 1 củ, móc ruột nhét *cương tám* sao 7 phân vào giữa, gói giấy ướt nhiều lớp nướng chín nghiền nhỏ dùng 1 đồng cân hòa với nước gừng cho uống, (nếu bệnh nặng thì cay rát đổ vào), mửa được nước dài ra là lành.

**14. Kinh trị chứng đau họng không nói được:**

*Dâu đen* nấu nước đặc lènh, ngâm nuốt xuống là lành.

**15. Kinh trị bị khí độc sinh đau họng:**

*Gừng sống* 1 thăng, già vắt lấy nước cốt, cho vào hai chung rưỡi mật, sắc sôi, mỗi lần uống nửa chung, ngày uống 4 lần rất hay.

**16. Kinh trị phong táo sinh đau họng, sưng lan ra cà má, thường nhổ ra máu:**

*Cỏ roi ngựa*, 1 nắm, cắt bỏ hai đầu già nát, đổ vào một chén nước, vắt lấy nước cốt mà uống là tốt.

**17. Kinh trị cổ họng sưng đau, nước và cháo không nuốt được, sống chết trong giây phút:**

*Chân thiêm tô* (bột mù cóc) (5) tán nhỏ bôi vào đầu ngón tay, thoc ngay vào đầu cuống họng, lập tức tiêu tan, công hiệu lắm.

**18. Kinh trị cổ họng sưng, ăn uống khó vào:**

*He* 1 nắm, xát nóng đặt vào trước cổ, lấy vài rịt lại, nguội thì lại thay là hết sưng.

**19. Kinh trị cuống họng bỗng nhiên sưng lên, ăn uống không xuống:**

*Trùn đất* 14 con già nát rịt vào cổ, lại lấy hai con khác cho vào ít muối liền hóa ra nước, hòa vào ít mật cho uống, công hiệu ngay.

**20. Kinh trị chứng họng sưng đau:**

- *Tỏi* bóc vỏ, nhét vào tai và mũi, ngày thay hai lần là khỏi.

- *Dưa chuột già* 1 quả, móc bỏ ruột, dồn *Phác tiêu* vào cho đầy, phơi đậm, tán nhỏ, thổi vào họng.

- *Quả mướp già* nát vắt lấy nước, đổ vào là thông ngay.

- *Dây và lá mướp già* nhỏ cho vào ít muối cho uống dần là khỏi.

- *Mộc nhĩ cây dâu* lấy vào ngày 5 tháng 5 âm lịch, thứ tráng như vẩy cá. Khi dùng già nhỏ, gói vào miếng lụa to bằng hòn đạn, tắm mật và nước cho ngâm, công hiệu ngay.

- *Bồ kết* 1 quả bỏ vỏ, tắm giấm nướng khô, lại tắm lại nướng 7 lần, (chớ để cháy quá) tán nhỏ dùng chút ít thổi vào họng, mửa được nước dài là khỏi.

- Phương trên, gia thêm nửa phân *Phèn chua* khuấy hồ làm viên mà ngâm, rất công hiệu.

- *Dầu mè* 1 chung, đổ vào lành ngay.

5. Cố độc (bảng A) không được dùng uống riêng; chỉ dùng chế thuốc hoàn như Lục thần hoàn uống với liều lượng rất nhỏ "vi lượng" theo quy chế được chính về thuốc độc.

- *Rơm lúa nếp* đốt hứng lấy khói, cao lấy muội ấy hòa vào giấm mà đổ vào họng, sẽ cuộn hết đờm dài ra là lành.

- *Rễ cây kè dâu* ngua 1 năm, *Gừng già* 1 củ, giã vắt lấy nước, chế rượu vào mà uống là yên.

- *Bồ kết* tán nhỏ hòa với dấm rít vào chỗ lõm ở dưới hầu, khô lại thay cái khác. Nếu có chứng nhũ ga (viêm họng hạt) thì cũng vỡ mủ là lành.

*Ích mẫu* để tươi giã nát, đổ nước mới múc vào, vắt lấy nước đặc cho uống dần, mửa ra được là lành. Mùa đông không có lá *ích mẫu* thì dùng gốc cũng được.

- *Vỏ cây vải* sắc nước ngâm ít một rồi nuốt nước, lành là thôi.

- *Hạt cải* tán nhỏ hòa với nước rit vào dưới hầu, khô lại thay cái khác tự nhiên lành.

- *Dót ngài cừu*. Giã lấy nước cho uống, lại lấy một nắm ngài cùng giấm giã nát dặt vào hầu, nếu không có ngài tươi, lấy ngài khô cũng được.

## 21. Kinh trị trong họng bỗng nhiên mọc mụn sưng đau:

Ý dĩ hai nhân, nuốt trừng, chiêu với nước.

## 22. Kinh trị mùa đông bị chứng đau họng, không thể đổ thuốc vào được:

Xà sàng tử, cho vào trong lọ đốt cháy ra khói để hút khói vào trong miệng đờm tự ra mà lành.

## 23. Kinh trị trong họng nổi mụn ăn uống không thông, chết trong nháy mắt:

Muội nồi tán nhỏ, trộn mật làm viên bằng ngón tay, mỗi lần uống 1 viên với nước mới múc, dù bệnh nặng lăm cũng 2 viên là lành.

## 24. Kinh trị đau họng sưng lở:

*Hạt Gai dầu* (cần xa), *Kinh giới tuệ*. Hai vị bàng nhau tán nhỏ, viên với mật to bàng hat nhân, gói vào lụa mà ngâm là lành.

## 25. Kinh trị họng mọc mụn sưng đau:

- *Mật cá trám* 1 cái phơi khô, hoặc tẩm vào giấy phơi khô, mỗi khi dùng chút ít hòa với mật ong mà ngâm, là thông.

- *Phác tiêu* tán nhỏ, dồn vào trong *mật cá trám*, phơi rám lúc dùng thì lấy một ít cho vào họng mà ngâm mửa được là lành.

- *Đờm phàn*, cho vào *mật cá trám*, phơi rám để dành dùng (khi dùng làm như trên).

- *Có nụ áo* giã nát cho vào tý muối mà ngâm, là lành.

- *Chưa me đất, Bồ hòn*. Hai vị giã nhò mà ngâm. Có khi bệnh nhân đã chết rồi mà tim còn nóng thì có thể dùng cái lồng gà, chấm thuốc diêm vào trong họng, gây cho nước dài đặc chảy ra được thì sống.

- *Cút chim sẻ* 7 hạt, trộn với đường cát tráng làm hai viên, gói vào lụa, ngâm nuốt, nước dài ra được, tức thời lành ngay, nặng lầm chỉ dùng 3 viên là khỏi.

*Kim ngân hoa* cà cành và lá, giã tươi vắt lấy nước 1 bát, sắc còn 8 phần cho uống, hoặc không có cây tươi thì dùng hoa khô sắc đặc cho uống, bã dùng rit bên ngoài càng tốt.

## 26. Kinh trị đau họng chứng nhũ nga:

*Cây mā dē, cỏ seo gà*. Hai vị giã với quả mơ muối, đổ rượu vào nấu một lúc rồi lấy ra, lại giã và vắt lấy nước, dùng cái lồng ngỗng nhúng thuốc ấy mà điểm vào chỗ đau, gây ra đờm thì hết sưng.

**27. Kinh trị chứng tắt tiếng do ngoại cảm phong tà khí lưu trệ:**

Quế chi 2 phần, Thạch xương bồ 4 phần. Mỗi lần dùng 2 đồng, dùng nước mới mức đun sôi, cho uống dần từng hớp một là thông.

**28. Kinh trị tắt tiếng không nói được:**

- Củ cải tươi rửa sạch, già vát lấy nước cốt 1 chén. Gừng già vát lấy nước chút ít. Hòa đều nhau, thường thường nhấp nuốt thông ngay.

- Sữa người, Nước măng tre non (trúc lịch). Mỗi thứ một chung hòa đều cho uống đều khói, những người tạng nhiệt uống phương này càng nhiều càng có ích.

**29. Kinh trị bỗng nhiên tắt tiếng:**

- Trần bì 1 lạng. Sắc lấy nước dần dần nhấp nuốt rất hay.

- Quế tần tán nhỏ, để chút ít trên lưỡi nuốt nước xuống là khỏi.

- Ô dược thái nhỏ dùng giấm tốt hai chén sắc còn một chén, trước ngâm sau nuốt, mửa ra được đờm dài là lành.

**30. Kinh trị tắt tiếng vì trúng phong:**

- Hoa hòe 5 đồng cân, đế trên miếng ngói mới sây khô ngày đêm thường nhai chút ít rồi nuốt, rất hay.

**31. Kinh trị chứng đau họng khản tiếng:**

- Rượu một chung, Váng sưa một muỗng, Can hương tán nhỏ 1 thìa. Ba thứ hòa chung ngày uống 2 lần công hiệu.

**32. Kinh trị chứng đau họng khản tiếng:**

- Mỡ lon 1 miếng, rán chảy nước vớt bỏ bã, đổ vào một thang mật ong, lại nấu sôi lên, lắng trong chờ nguội, mỗi lần dùng một muỗng nhỏ, bất cứ lúc nào uống cũng được. Nếu người không bệnh, thường uống cũng tốt.

## VIII - HÓC XƯƠNG

Học xương là do ăn các thứ xương hay vật cứng, cắn nhai không nhở đã nuốt, mắc ngang cổ họng, khác không ra, nuốt không xuống thậm chí gần chết, nên chiết phương sau đây mà chữa.

**1. Truyền tri mắc các thứ xương, đã dùng nhiều phép mà xương vẫn không xuống:**

- Hàn the 1 cục to bằng hạt đậu đen ngâm vào giây lát là tiêu xuống.

- Lươn vàng 1 con, còn sống đút đuôi vào trong cổ cho lươn nó ngo ngoe là thông.

- Rễ tần xuân, phơi khô tán nhỏ, hòa vào nước 1, 2 đồng cân cho uống là thông.

- Hạt Trám (cà na) treo giàn bếp lâu năm, khi dùng lấy 1 hạt đốt ra tro tán nhỏ, hòa với cặn dầu ở đĩa đèn đem bôi vào họng là ra ngay.

- Xương hổ, mài với nước cho nhấp dần dần xuống.

- Ngà voi mài với nước cho đặc, uống vào là thông.

- Móng tay người đốt tán nhỏ, dùng ống trúc nhỏ xúc thổi vào họng là khỏi.

**2. Kinh trị bệnh học do nuốt nhầm đồng tiền hoặc vật khác:**

- Lá ké dầu ngựa 1 nắm, Nước lạnh 1 thang. Nhúng lá ké vào nước, nhúng vào lấy ra 80 lần rồi uống nước ấy là lành.

- Một tặc tán nhỏ, 1 đồng cân, hòa với lòng trắng trứng gà mà uống, hoặc khạc ra, hoặc nuốt xuống được là lành.

- Lá ngài cùu tươi 1 nắm, Cà rượu và nước 1 thăng, nấu lên cho uống là thông.

- Sa nhân, sắc lấy nước đặc mà uống thì xuống.

### 3. Kinh trị mắc xương cá:

- Cùi quả trám (hoặc nhân hạt nở) tán nhỏ, hòa vào nước chè cho uống xuống ngay.

- Xương chim cồng cộc, đốt ra tro, tán nhỏ, hòa 1 đồng cân với nước mà uống là xuống ngay.

- Nuốt một cục mỡ heo, chưa xuống thì cho nuốt nữa, xuống thì thôi.

- Tỏi nướng lên, nghiền nhò hò với rượu cho uống là khỏi.

- Rễ murop ngày mồng 7 tháng 7 đào lấy phơi rám, lúc dùng đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân, hễ mắc xương cái gì thì lấy cái ấy nấu nước mà uống với thuốc tán, thì khỏi.

- Vò quit chín đỗ 1 vốc, nhai mà nuốt nước là thông ngay.

- Cò xước tươi 2 đồng, Giưng sống 1 đồng. Dều già nát, vắt lấy nước cốt cho vào lô mũi, chè nước bọt ra là khỏi.

- Củ dia liền (thiên liền) 3 đồng cân, nhai nhò, nuốt xuống, rồi khạc ra thì nó theo ra là khỏi.

### 4. Kinh trị nuốt nhầm phải tóc vào họng không khạc ra và nuốt vào được:

Lấy 1 nắm tóc rối của người bị hóc, đốt ra tro, hòa với nước mà uống, là xuống ngay.

## IX - NỐI HẠCH

Nối hạch là do đàm đọng lại không tan, uất kết cứng rắn như cái hột trong quả. Hạch nổi ở đầu, cổ, trán, hoặc ở chân tay, nách, háng, không đau không ngứa, không sưng, không đỏ, dù lâu ngày vẫn không làm mù không phá vỡ. Phép chữa nên đánh tan nhiệt khí thì hạch tự tiêu.

Chứng Mai hạch khí (loạn cảm họng) thì trở ngại trong cuống họng như ngâm hạt mỡ mà không khạc ra, nuốt không xuống đó là do mừng giận quá độ, nhiệt khí nung nấu, tích lại và đờm độc uất kết mà sinh bệnh. Phép chữa nên dẫn đờm khai uất, thanh nhiệt thuận khí để cho hạch tự tiêu đi.

### 1. Kinh trị chứng nổi hạch dưới cầm:

- Nhện hùm, bắt cứ nhiêu ít, già nát ngâm rượu ngon, chờ láng trong, lọc bỏ bã, cho uống lúc đi ngủ, rất hay.

### 2. Truyền phương chữa chứng nổi hạch:

- Mẫu lệ, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 - 2 đồng cân, uống với nước trà, rất hay.

### 3. Kinh trị chứng hạch đờm, nổi ngoài da, ở mặt, trên đầu lớn thì bằng ngón tay, nhỏ thì bằng hạt thóc, hoặc mềm hoặc cứng, không nhức, không ngứa:

- Nam tinh 1 củ, nghiền nát nhò, hòa vào ít giấm thanh, lấy kim châm vào hạch cho thông khí trước, rồi dán thuốc vào, thấy ngứa thì thay miếng khác, sẽ khỏi.

- Nam tinh, Phèn chua cùng nghiền sống, hòa nước vào như bùn, đắp vào chỗ nổi hạch là tiêu hết.

#### 4. Kinh trị nỗi hạch sau gáy, hoặc sưng dò, cứng đau:

- Củ mài tươi 1 - 2 tắc, hạt thầu dầu 2 hột. Cùng nghiên chung, đặt vào lò làm lành.

#### 5. Kinh trị nỗi hạch ở cổ họng như hạt mơ:

Qua mơ chín hườm, mỗi quả dùng một lạng muối, nhỏ vào ít nước, ướp 1 ngày 1 đêm rồi phơi khô, cứ đêm ướp ngày phơi cho hết nước muối mới thôi, dùng 3 đồng tiền cổ, kep lấy 2 quả mơ, lấy dây gai cột chặt lại, bò vào hũ sành, dây nút kín, chôn xuống đất 100 ngày thì lấy lên, mỗi lần dùng 1 quả ngâm nước vào họng là tiêu, 1 quả trị 1 người, 2 quả trị 2 người, hay tuyệt.

#### Truyền trị bệnh tràng nhạc nỗi ở cổ:

- Rau sam già nát, một nửa hòa với nước mà uống, còn một nửa thì sáp trên lá chuối, rắc bột phác tiêu lên trên, đem rít vào chỗ đau, ngày thay 1 lần.

- Rau giệu cũng làm như cách trên.

## X - KIẾT LY

Kiết ly là trong bụng quặn đau, đại tiện bức bách mót ỉa mà rặn không ra (ly cấp hậu trong), phân ra hoặc trắng hoặc đục, hoặc đờ trắng lẩn lộn, hoặc vàng hoặc đen, hoặc như óc cá hoặc như nước nhè dột. Đó là vì bệnh có nặng nhẹ, chứng có hàn nhiệt không giống nhau, nhưng đại để là do vị bị thấp nhiệt hay thực tích mà sinh bệnh, thấp nhiệt, thực tích phạm đến huyết thì đại tiện đờ, phạm đến khí thì đại tiện trắng, mà phạm đến cả khí huyết thì đại tiện trắng đờ lẩn lộn, đại tiện vàng là thực tích, đen là nhiều thấp. Nội kinh: "Đại tiện đờ là thuộc huyết, bệnh ở đại tràng, đại tiện trắng là thuộc khí bệnh ở tiêu tràng. Phép chữa bệnh mới phát thì nên hạ, bệnh lâu thì nên bổ, cốt ở nơi châm chước.

#### 1. Kinh trị chứng ly trước đờ sau tráng, lâu năm không lành hễ trước tráng sau đờ là ly, trước đờ sau tráng là giun sán (trường cổ) thì nên dùng phương này.

- Rẽ ngưu tất 1 nắm to, (kiêng đồ sắt), rửa sạch già nát dùng 1 chén rượu để tắm một đêm, sáng hôm sau uống lúc đói bụng, uống 2 - 3 hay 4 lần, đến lành thì thôi.

#### 2. Truyền phương chữa mọi chứng ly đều công hiệu:

- Sâu đâu cứt chuột đập vỡ bỏ vỏ lấy nhân, dùng vài gói lại dùi gỗ cán bò dầu, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 7 viên, uống với dấm thanh, uống cách xa bữa ăn, khởi ngay.

- Rẽ cây sâu đâu cứt chuột, rửa sạch, cắt nhỏ, phơi khô tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, bệnh nhẹ uống 5 - 6 lần, bệnh nặng 10 viên, với nước cơm.

- Trị di ly ra máu: Dây Tầm phóng (Khô huyền đằng) sắc lấy nước thật đặc mà uống.

- Lá ngải cứu, Vỏ quýt. Hai vị bằng nhau, sắc lấy nước mà uống, hoặc tán nhỏ, đổ rượu vào cơm nấu cho nhừ rồi nhồi viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống hai ba viên với nước muối, là lành.

- Da nhím đốt cháy tán nhỏ, hai đồng cân hòa với rượu mà uống rất hay.

- Hành tăm 1 nắm, già nát nấu cháo với gạo té mà ăn, tự lành.

- Bọ hung đốt tẩm tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói, rất hay.

- Cứt ngựa 1 cục, đốt tán nhỏ hòa nước mà uống, là khỏi.

Rồi 1 con, bỏ đầu chân, đốt tẩm tính, tán nhỏ, hòa vào nước cơm mà uống, thì khỏi

- *Cứt triều*, 1 thăng, sao cho bết khói thừa lúc đang nóng chể và một bát nước quay len, đợi láng trong lấy nước mà uống rất công hiệu.

- *Rễ cây mè, Cò seo gà, Hạt Mâ dề*. Đều bằng nhau, rửa sạch, cắt nhỏ sắc đặc uống.

- *Rây tẩm phòng, Ké dẫu ngựa*, dùng cả cành và lá. Hai vị đều nhau, già nát, mỗi liều dùng 4, 5 đồng cân, nước 3 bát sắc còn nửa bát, lọc bỏ bã cho vào tí muối, uống lúc đói rất hay.

- *Ngũ bội tử* 1 lạng, *Phèn phi* 5 đồng cân. Tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước cơm, là công hiệu.

- *Hạt bồ kết*, để trên miếng ngói sấy khô, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 40, 50 viên, uống với nước trà, để lâu năm, vào lúc đói uống được ba lần thì hết chất bẩn trong ruột, phân sẽ sắc vàng trở lại, đã kinh nghiệm chữa khỏi nhiều người.

- *Lá thanh hao, Lá ngải cứu*. Há vào ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch hai vị bằng nhau, già lẫn với đậu sị, vát thành bánh, mỗi bánh dùng một thăng nước sắc uống công hiệu.

- *Cây ích mẫu* phơi khô, *Muối lâu năm*, *Ô mai* đốt tồn tính. Ba thứ bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng cân như lý đờm thì thang với nước can khương, lý máu thì thang với nước cam thảo, công hiệu.

- *Lá kê dẫu ngựa*, không kê nhiều ít, rửa sạch, sắc cho nát bét, lọc bỏ bã vào chung với mật thành cao, mỗi lần hòa 1, 2 thìa với nước sôi mà uống, rất hiệu nghiệm.

- *Gà mái nấu* 1 con, nhổ lông, rửa sạch, lấy muối trộn với giấm phết vào nướng qua, nấu thật chín mà ăn, rất bổ ích.

- *Hạt mùi* 1 vốc, sao thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng lý ra miếu thì uống với nước đường, lý đờm thì uống với nước gừng, ngày uống 2 lần là công hiệu.

### **3. Truyền trị mọi chứng ly, hoặc xích ly, hoặc bạch ly, mót rận, ngày đêm di luân:**

*Hoàng đơn*, láng qua nước rồi sao khô 8 phần, *Ba đậu* gói nhiều lớp giấy, đập bỏ đầu, 5 phần, *Sáp vàng* 8 phần. Nấu chảy trộn đều làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 6, 7 viên, dần dần tăng lên 15 viên, uống với nước cơm vào lúc đói, nếu xích ly thì nấu nước *rẽ tranh* làm thang, bạch ly thì nấu nước *lá ngải cứu* và gừng làm thang. Người bệnh lâu ngày hoặc già yếu thì chờ dùng.

### **4. Kinh trị kiết ly lâu ngày không khỏi, dù chất bẩn trong ruột dã ra:**

- *Mơ 20 quả*, sắc với 1 bát nước 6 phần, uống lúc đói rất hay.

### **5. Kinh trị chứng hưu túc ly khi phát khi khỏi, lâu năm không khỏi:**

*Xương hổ*, nướng vàng cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước cơm, hoặc nước nóng, ngày 3 lần là công hiệu.

### **6. Kinh trị chứng sau khi di ly, tiểu tiện di nhiều, bụng dày và rất đau, là do âm dương không điều hòa:**

*Quả dànê dànê*, *Cù riêng*. Mỗi thứ 3 đồng cân, tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng với nước cơm, hoặc rượu nhạt vào lúc đói, là lành.

### **7. Kinh trị di ly lâu ngày, ăn uống không tiêu:**

- *Chi thực* bò ruột, sao tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng cân với nước cơm vào lúc đói là công hiệu.

**8. Kinh trị chứng kiết lỵ đi máu không ngọt, ợ khan, gây yếu, hay ngá, mặt đỏ là do trùng:**

- *Nước mật heo, Giấm tốt, Nước gừng.* Ba thứ bằng nhau, hòa lẫn, thâm vào lỗ đít cho hơi giấm xông lên cổ họng luôn luân, thì đi tả ra chất độc ngũ sắc và trùng, mà khỏi.

**9. Kinh trị chứng xích bạch lỵ, đi máu và đờm lắn lộn, bụng đau mót rặn khát nước tiểu tiện đờ gắt là do tỳ vị tích trệ, nên dùng thuốc "thông khí hóa trệ".**

- *Thanh mộc hương, Đại hồi, Hắc sưu* sao vừa hạt cài củ, sao. Hạt cau. Các vị đều nhau, tán nhỏ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

**10. Kinh trị mọi chứng xích bạch lỵ, đau bụng mót rặn:**

- *Lá lầu dực* sao khô, Dất lòng bếp, đều tán nhỏ, xích lỵ thì dùng rễ vây dày dò sắc nước làm thang, bạch lỵ thì dùng rễ vây trắng và chút ít *can khuong* sắc nước làm thang mà uống, là khỏi.

- *Củ mài, Gương sen.* Hai vị bằng nhau. *Phấn thảo* nửa phần. Cùng tán nhỏ mỗi lần uống hai ba đồng cân, thang với nước trà, tuy uống nhiều phương không khỏi, chỉ uống 1 lần thì yên.

- *Hạt bồ kết* (sao lắn với cám), *Chí xác sao.* Đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện với cơm làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 30 viên với nước cơm.

- *Hắc sưu* (Hạt bìm bìm biếc) sao, nghiên lấy lớp bột lăn dầu 2 đồng cân, sắc nước *tim bắc* làm thang mà uống và lúc đói, sau khi uống rồi, cho ăn cháo trắng để bồi bổ.

**11. Kinh trị chứng cầm khẩu lỵ không ăn được:**

- *Thạch liên nhục*, bò vò và tim, sao qua tán nhỏ, liều dùng 1, 2 đồng cân, uống với nước *Trần mè*, thấy muốn ăn là công hiệu, hoặc ly kinh niêm không khỏi hao tổn tinh huyết mà thành lao lý biến sinh nhiều chứng, ngũ tang phiền nhiệt thì thêm *củ mài* sao và *hạt sen* tán nhỏ.

- *Củ cải* sắc nước hòa với ít mật, uống lúc đói, đến lúc muốn ăn thì lấy thịt nấu cháo mà ăn, nhưng không ăn quá nhiều.

- *Tỏi, giã nát, rít vào giữa hai lòng bàn chân và lỗ rốn* là công hiệu.

- *Cốm chòi* (bòng lúa nếp) bò vò, tắm nước gừng cho ướt, lại sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng cân với nước nóng, ba lần uống là khỏi.

- *Cá diếc to*, để nguyên vẩy, mổ bụng moi bỏ ruột, dồn vào một cục *phên chua* bằng đầu ngón tay, đem đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với nước cơm vào lúc đói là yên.

**12. Kinh trị chứng lạnh lỵ đi ngoài luôn, mà không cần mót rặn:**

- *Sa nhân sao, Gan dê*, thái mỏng sấy khô trên miếng ngói. *Can khuong*. Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ luyện với cơm và viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30 - 40 viên với nước đã đun sôi, ngày hai lần là khỏi.

- *Củ mài* nửa để sống, nửa sao, tán nhỏ, mỗi lần uống hai ba đồng cân với nước cơm, là khỏi.

- *Cá diếc*, nấu canh với hẹ mà ăn là công hiệu.

- *Lá lốt* một nắm sắc uống là yên.

## 13. Truyề̄n trị di lỵ ra máu vì nhiệt độc:

- *Danh* dành 14 quả bồ vò, tán bột, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần dùng 3 viên, ngày uống 3 lần, rất công hiệu, sắc nước uống cũng được.
- *Ô mai*, bồ hòn lấy cơm, *Hèo hoa*, sao qua. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân với nước cơn, hết ngay.
- *Cỏ tháp bút*, 5 đồng, mỗi lần uống vào lúc đói là khỏi.
- *Ngù bôi tử*, sao tán nhỏ, *Ô mai* ngâm nước bóc lấy cơm. Giã nát làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 - 60 viên với nước nóng là khỏi.
- *Lá sen*, sắc với nước chay mà uống, rất hay...
- *Ô dược*, đốt tòn tinh, tán nhỏ, dùng cơm gạo trần mě giā nhuyễn luyện làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm vào lúc đói, là lành.
- *Hạt gai dầu* (Cần xa) nghiền với nước lọc bỏ bã, nấu với đậu xanh cho chín mà ăn, rất tốt.
- *Bạc hà* sắc uống thường xuyên, rất hay.

*Can khương*, đốt tòn tinh, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với nước cơm, rất hay

- *Mộc nhĩ sao*, đốt tòn tinh tán nhỏ, uống với rượu, hoặc uống với nước giếng ban mai cũng công hiệu.

## 14. Kinh trị lỵ di ra máu đau thắt ở bụng rốn:

- *Đậu sỉ* 1 vốc. Sắc với 1 bát nước, sôi 2 dạo thì uống, nếu xích bạch ly lắn lộn thì dùng đậu sỉ sao đen, sắc lên mà uống, rất công hiệu.

## 15. Kinh trị lỵ di ra máu do tỳ thấp:

- *Thanh bì* bò ruột sao, *Hèo hoa sao*, *Kinh giới*. Ba vị đều bằng nhau sắc uống lúc đói, là khỏi.

## 16. Kinh trị lỵ di ra máu, đau bụng, hoặc di ra chất như óc cá, nhiều màu sắc lắn lộn đó là do độc rượu:

- *Mướp* 1 quả, đẽ cà vỏ và hạt đốt cháy tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói là khỏi.

## 17. Kinh trị lỵ di ra máu mù ngày vài chục lần, lâu ngày không khỏi, là do phong độc:

- *Tạo giác thích*, *Hèo hoa* để sống. *Chi thực* sao với cám. Đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm, ngày 3 lần, hay lầm.

## 18. Kinh trị lỵ di ra máu mũi không khỏi:

- *Quán chung* 5 đồng cân, nửa rượu nửa nước sắc cho uống, rất công hiệu.

## 19. Kinh trị lỵ khát nước uống rất nhiều:

- *Mạch môn đồng*, bồ lõi 3 lang, *Ô mai* bồ hòn 20 quả, nước 1 thăng. Sắc còn 9 phần, cho uống dần dần là công hiệu.

- *Ô mai* nấu nước, uống thay nước trà là khỏi.

## 20. Kinh trị kiết lỵ di ra phân sắc xanh:

- *Can khương*, cắt nhỏ như hạt đậu đen, mỗi lần uống 6-7 hạt với nước cơm ngày uống 3 lần, đến 2 lần là khỏi.

21. Kinh trị chứng kiết lỵ do ăn các đồ sống lạnh như: cua, trai,... tỳ vị bị lạnh mà sinh ra, chữa nhiều phương vẫn không khỏi:

- Ngó sen, giã nát uống với rượu nóng, uống vài lần là khỏi.

## 22. Truyền phương chữa kiết lỵ hay nhũ thăn:

*Dây mơ lông, Cò seo gà, Rễ cỏ tranh, Rễ cây phèn đen.* Đem bàng nhau gừng sông, dùng chút ít, sắc đặc để nguội cho uống lúc đói

## 23. Truyền phương chữa kiết lỵ di ngoài ra máu mà chữa nhiều thuốc mà không khỏi:

*Vỏ ốc bươu lắn* trong đất đã lâu năm, lấy về rửa sạch tán nhò liêu dùng 2, 3 đồng cân, uống với nước chín là khỏi.

## 24. Trị chứng kiết lỵ ngày đêm đi yô dộ:

- *Cò seo gà, Rễ cỏ tranh, Lá Phèn đen, Lá mơ lông, Vỏ cây duối, Nam mộc hương, Củ cỏ cù, Lá ngài cùu* Có đau xoắn trong ruột già *Hoàng liên, Chi xác, Hạt cau*, di ngoài ra nhiều máu già *Hồng hoa, Tô mộc, sáp ong...* Sắc uống.

## 25. Kinh trị kiết lỵ di ngoài ra máu, giờ từng giọt không khỏi:

*Địa du, Hoàng bá.* Hai vị đều nhau, tán nhò, liều dùng 3 đồng cân uống với nước cơm. Một rận thì già *Mộc hương, Đậu xanh, Củ nâu*.

## XI - IA CHÂY

Bệnh ia chày có 8 loại: thấp, phong, hỏa, đờm, thực tích, tỳ tả, thận tà... Làm sao mà biết?

- Di ngoài ra nước như xối bung không đau là *thấp*.
- Mới ăn vào lại đi ngay, cơm cũ không tiêu là *phong*.
- Đau bụng di ngoài như nước nóng, mỗi cơn đau lại di ngoài một lần, là *hỏa*.
- Đi ngoài lúc nhiều lúc ít, khát nhiều là *đờm*.
- Đau bụng dữ dội rồi di ngoài, di ngoài được mà giảm đau là *thực tích*.
- Đau bụng chân tay lạnh là *hàn*.
- Thường đi lỏng dẩy là *tỳ tiết*.
- Canh nấm mới di ngoài là *thận tiết*.

Bệnh này, hình như dễ chẩn đoán, nhưng gặp phải bệnh chứng phức tạp khó đoán thi kê đơn cứu chữa cũng rất khó. Khó là vị tỳ là me của tạng khác mà bệnh ia chày hay làm hại tỳ tức là hại đến nguyên khí của con người, cho nên không được coi thường.

1. Kinh trị chứng tỳ hư ia chày lâu năm. Vì như đất với nước đồng hóa nhão ra, phương này có thể làm ẩm bàng quang, dễ đái được trong thi ruột già chất lại. Tuy thuốc khác cũng hay, nhưng không thể gạn lọc chất độc và chất trong được:

- *Hạt sen già* bóc vỏ tim, sao vàng tán nhò, liều dùng 2 đồng cân, nấu nước *trân niê* cho uống lúc đói bụng, rất hay.

2. Kinh trị chứng bỗng nhiên di tả, bụng chướng lên, ngày đêm di mài, dùng mọi thuốc đều không khỏi di khí thoát:

- Ich tri nhân 2 lạng sắc đặc cho uống là khỏi

- *Sáp ong*, mỗi lần dùng 2 đồng cân, đập cho vào 2 quả trứng gà, một ít muối xào chín mà ăn, chưa khỏi thì làm lần nữa.

- Lấy 4, 5 *hạt hồng xanh*, bọc giấy ướt nướng chín cho ăn.

**3. Kinh trị thổ tả không đứt, tay chân giá lạnh, bất tỉnh nhân sự:**

- *Nam tinh* tí 1 nhò trộn giấm rịt vào gan bàn chân, hết ngay.

**4. Kinh trị hàn tả ỉa ra toàn nước:**

- *Can hương* nướng tán nhò, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước cháo là công hiệu.

**5. Kinh trị sau khi thổ tả, thoát dương nguy cấp, chân tay giá lạnh, bất tỉnh nhân sự:**

- *Hành trắng* già nát, xào nóng, chườm vào lỗ rốn, lại dùng 21 tép hành khác già nát, hòa với rượu cho uống thì hồi dương, thật là phương thuốc thần.

**6. Kinh trị đau bụng ỉa chảy do tạng hàn cực hư:**

- *Lưu hoàng*, *sáp ong*. Đầu 2 lạng, nấu chảy tan ra, làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 5 viên, uống với nước mồi mucus, rất hay.

**7. Kinh trị ỉa chảy lâu ngày sấp nguy, dùng mọi thứ thuốc đều không khỏi vì thận chủ về đại tiểu tiện, ỉa chảy lâu ngày thì thận hư, không nên chuyên chữa về tỳ vị.**

- *Cốt toái bổ* tán nhò dùng trái cật heo bổ đôi, móc bò cái trắng ở giữa, nhét thuốc tán vào, áp lại nướng chín mà ăn là lành.

**8. Kinh trị ỉa chảy lâu ngày, ăn kém sút:**

- *Gao nếp* 1 thăng, ngâm nước 1 đêm, phơi khô sao chín, Củ mài 1 lạng đều tán nhò, trộn đều mỗi sáng sớm dùng 1 vốc, cho vào 3 muỗng đường cát và ít hạt hồ tiêu, quậy với nước sôi mà uống, mùi vị rất ngon mà rất bổ ích, uống lâu còn có tác dụng ấm tinh khí để có con, đây là phương thuốc bí truyền.

**9. Kinh trị chứng nhiệt tả ỉa mát không thôi:**

- *Lá mã đê* già vắt lấy nước cốt hòa với 1 chung mật ong sắc nóng lên cho uống, hoặc dùng hạt mā đê tán nhò, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm, rất hay.

- *Muội nồi* tán nhò, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm cầm ngay.

- *Ngải cứu* lâu năm 1 nắm, *Gừng sống* 1 củ. Sắc cho uống nóng là khỏi.

- *Rễ sầu dây cút chuột* 2 phần *lá sầu dây cút chuột* 1 phần. Sắc nước uống khi đói rất hay.

- *Lá dây cù nau*, *Lá lầu* Mỗi thứ 1 nắm, sắc cho uống là cầm ngay.

- *Lá vông*, nấu sôi xông vào lỗ đít, lúc nước ấm thì rửa tay chân, lại dùng túi già nát, địt hai lòng bàn chân và giữa lỗ rốn, cầm ngay.

**10. Kinh trị ỉa chảy dùng mọi thức thuốc đều không khỏi:**

- *Dạ dày* lớn 1 cái. *Tỏi* 2, 3 tép, dồn vào trong bao tử heo nấu chín, già nhò làm viên bằng hạt ngô, mỗi lần dùng 30 viên, uống với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

**11. Kinh trị bong nhiên bị ỉa chảy, ngày đêm không ngớt sấp chết:**

- *Lá gai* hái ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch phơi khô tán nhò, mỗi lần dùng 2 đồng cân (Trẻ em nửa đồng cân) uống với nước lạnh chờ dùng nóng mà làm cho bệnh nhân xốn xáo khó chịu.

- *Dây mơ đai*, cả rễ và lá 1 nắm, sắc đặc chờ nguội, uống vào lúc đói là cầm ngay.

**12. Kinh trị ỉa chảy không ngót và cúng chữa được chứng xích bạch ly.**

- *Vỏ quả lựu*, hoặc vỏ cây lựu đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân uống với nước cơm vào lúc đói rất hay.

**13. Kinh trị chứng ỉa chảy mùa hè.**

- *Ngũ bội tử* tán nhỏ, luyện với cơm là viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 20 viên, thăng với nước lá sen.

**14. Kinh trị ỉa chảy ra máu:**

- *Hạt mùi* 1 vốc, sao thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước chín, ngày uống 2 lần rất tốt.

- *Địa phu tử* sắc lấy nước, (không có hạt thì dùng lá già vắt lấy nước bỏ bã), nấu cháo với gạo tẻ mà ăn, sẽ cầm ngay.

- *Tóc rối* 5 đồng cân, đốt thành ra, *Bóng mồng gà*. Lá trắc bá. Mỗi vị dùng 1 lang tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với rượu lúc đi ngủ, sáng hôm sau cho uống 1 chén rượu nóng, chỉ 1 lần là kiến hiệu.

- *Hoa hòe*, *Hạt mã dề*, đều bằng nhau, sao chung tán nhỏ. Liều dùng 2 đồng cân, uống với nước là yên ngay, khói thì thôi.

**15. Kinh trị di ỉa chảy ra máu không ngót:**

- *Cỏ tháp bút* lúc đói sắc cho uống là khỏi.

- *Lá đơn dò* 1 nắm sao cháy tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân uống với nước cơm hoặc sắc cho uống đều tốt.

Chữa người lớn trẻ em ỉa chảy, kiết ly, dùng *Cỏ tràng hàn*.

- *Củ cỏ cú*, *Nam mộc hương* (*Khổ lang bì*), *Vỏ cây đuối*, *Vỏ cây sung*, *Vỏ cây vải*, *Vỏ cây sắn*, *Vỏ củ nâu*. Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh. Liều dùng 5 viên, có khát nước thì dùng củ sắn dây sắc làm thang, thổ tả thì thang bằng nước cơm, ly thang bằng nước chè.

**16. Chứa chứng nhiệt tà.**

- *Hạt mã dề*, sao qua, tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, hòa nước cơm mà uống.

- *Lá lầu, rễ trảng, lá chi thiên* Ba vị bằng nhau sắc uống.

## XII - ĐÁI ĐỤC

Bệnh ái ra toàn nước đục không trong, là do tửu sắc quá đât, lo nghĩ buồn phiền khiến tâm thận đều hư mà không chủ trì được, nguyên tinh không giữ vững mà sinh ra bệnh này. Tâm suy mà ghé nhiệt thì ái đục mầu đât, gọi là xích trọc, tâm suy thêm thận hàn thì ái đục mầu trắng gọi là bạch trọc, âm không thăng dương không giáng, trên dưới trái ngược nhau thì ái ra chất trắng đât lẩn lộn nhưng ái đế đều do thấp nhiệt mà ra cả.

Về phép chữa nên *Thanh tâm tu thận, giáng hỏa trừ đát* làm chủ yếu.

**1. Kinh trị chứng ái đục, ái đât, ái ra chất trắng như dầu, màu sắc biến đổi, cặn lắng xuống như cao, như hồ, do nguyên khí không đủ, hạ tiêu hư tàn mà ra:**

- *Ích tri nhân*, *Tỳ giải*, *Thạch xương bồ*, *Ô dược*. Đều bằng nhau bắc làm 1 thang, sắc gần được thì cho nhúm muối, uống lúc đói lòng là bệnh yên.

## 2. Kinh trị chứng dai ra chất đục, trắng.

- *Rom lúa nếp* sắc đặc lấy 1 bát, phơi sương 1 đêm, sáng sớm cho uống rất hay.
- *Củ cải*, khoét rỗng ruột, dồn Ngô thù du vào, dày kín lại cho vào chõ đồ chín rồi lấy ra, bỏ hết Ngô thù, chỉ lấy củ cải sấy khô, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 viên, uống với nước muối, ngày uống 3 lần, rất hay.
- *Hạt bí dao*, thứ để lâu ngày càng tốt, sao tán bột, mỗi lần dùng 5 đồng cân, uống với nước cơm vào tối, là công hiệu.
- *Lá dương*, sấy khô, tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần 50 viên, uống với nước sôi vào lúc tối, rất hay.
- *Ngài tằm* nấu bò đầu, chân, cánh, sấy khô, tán nhỏ, giã với cơm làm viên bằng hạt ngô đồng đồ xanh 40 viên, uống với nước muối nấu lên vào lúc tối, rất hay.

## 3. Kinh trị chứng dai đục vì bệnh hư lao.

- *Xương đê*, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với rượu nhạt vào lúc tối, là khỏi.

## 4. Kinh trị chứng dai đục vì khí hư.

- *Gạc hươu*, đeo vựn 1 năm, sao vàng tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc tối, cầm ngay.

## 5. Kinh trị chứng dai đục vì thận hư đau nhói hai bên sườn cùng xương sống:

- *Ngũ vị tử* 5 lạng, sao tán nhỏ, dùng giấm khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 30 viên, uống với giấm hoặc nước nóng.

## 6. Kinh trị chứng dai đục bụng đầy, bất kỳ trai gái đều công hiệu:

- *Ích tri nhân*, tắm nước muối sao, *Hậu phác*, tắm gừng sao. Đều bằng nhau, gừng 3 lát, táo 1 quả, sắc nước uống, rất hay.

## 7. Kinh trị chứng dai ra nước đục màu đỏ do tâm thận hư kém, tinh ít, huyết ráo, miệng khô, phiền nhiệt, dầu choáng váng, hồi hộp:

- *Thò ty tử*, *Mạch môn đồng* (bò lõi). Hai vị đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 70 viên, uống với nước muối vào lúc tối, rất hay.

## 8. Kinh trị chứng dai ra nước đục màu đỏ vì lao tâm:

- *Hạt sen già*, bóc bỏ lõi, hai lạng, chích *Cam thảo* 4 đồng cân. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân sắc nước cỏ tim bắc làm thang mà uống lúc tối, rất hay.

## 9. Truyền trị chứng dai ra nước đục màu trắng, tiểu tiện tự ra không nín được:

- *Sài hồ*, *Nhân trần*, *Mộc thông*. Đều bằng nhau, sắc uống vào lúc tối ngoài ra dùng lá hẹ 1 nắm sắc đặc, nhân lúc nóng xông vào ngọc hành, là lành.

## 10. Truyền trị chứng dai đục.

- *Rễ cây vóng vang* 1 nắm. Cạo sạch vỏ ngoài giã nát, đổ nước 3 phần sắc còn 1 phần, phơi sương 1 đêm, uống vào lúc tối, rất hay.
- *Rau muống* 1 nắm. Vò nát lấy nước đặc, lẳng lấy nước trong 1 bát, hòa với một chén mật, uống lúc tối, là kiến hiệu.

## XIII - DI TINH

Di tinh là tinh khí trong ngọc hành tự chảy ta, phát bệnh có chia ra hai loại hư thực khác nhau, phải dò xét cho kỹ.

Phàm người trai tráng khỏe mạnh mà ở nề một mình, vì mơ tưởng dục tinh, hoặc nầm mộng thấy gái mà xuất tinh, đây là tinh khí vì tràn đầy mà tiết ra, không cần phải dùng thuốc, được thỏa mãn tinh dục là hết bệnh. Con người nguyên khí hư kém, tâm không tàng thần, thận không tàng tinh mà di tinh, nầm mơ thấy giao hợp mà xuất tinh thì chủ yếu là phải bổ dưỡng tâm thận, mà trước hết phải điều hòa tỳ vị, làm cho tâm thận được củng cố, tỳ vị được bồi bổ thì bệnh tự khắc khỏi.

### 1. Kinh trị bỗng nhiên di tinh hoặc nầm thấy giao hợp mà xuất tinh:

- *Quả hỏe* 4 lạng, Dâu đen 1 vốc. Sao chung cho thơm, thêm *Bach Chi* và *Hồ tiêu* (người bệnh bao nhiêu tuổi thì dùng bấy nhiêu hạt tiêu) sao qua, cùng ngâm rượu cho uống lúc đói, tùy ý mà uống thì bệnh sẽ khỏi.

### 2. Kinh trị chứng di tinh, rỉ giọt, di tiểu sót lại và ban đêm hay di tiểu.

- *Ích trú nhân*, 24 hạt, sắc nước cho vào ít muối mà uống chưa khỏi thì làm thêm uống.

### 3. Kinh trị di tinh vì nội nhiệt:

- *Rì sát*, tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, uống với nước lạnh, chỉ uống 3 lần là kiến hiệu.

- *Cô nhọ nội* (*cô mục*) sấy khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân uống với nước cơm vào lúc đói, hoặc lấy nước hòa với 1 chén mật, nửa chén rượu mà uống, uống được lâu thì tóc râu đen lại, kiên tinh cố túy, rất hay.

### 4. Kinh trị chứng nầm mộng xuất tinh:

- *Hạt tía tô* vài lạng, tán nhỏ, mỗi liều dùng 1 đồng cân uống với rượu ngày hai lần là kiến hiệu.

### 5. Kinh trị mơ mộng mà di tinh:

- *Xương sống mùi dầu chó*, đốt thành than, tán nhỏ, mỗi liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu lúc đi nầm, là khỏi.

### 6. Kinh trị nầm mơ giao cấu mà di tinh:

- *Củ hành*, thái mỏng lúc đói nấu cháo ăn ngày 5, 6 lần thì khỏi.

### 7. Kinh trị trai hoặc gái thường chiêm bao thấy giao cấu với quỉ, tinh thần hoảng hốt người càng ngày càng gầy.

- *Gạc hương* dê nhỏ, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân uống với rượu vào lúc đói, rất công hiệu.

## XIV - LÂM CHỨNG

Lâm chứng là chứng đi đái rất khó khăn, đau buốt trong ngọc hành muốn đái không đái được, nguyên là vì ham ăn đồ cao lương hậu vị, rượu nồng, thịt nướng quá nhiều, hoặc do lo nghĩ, sắc dục quá độ, đến nỗi thủy hỏa mất điều hòa, tâm thận không còn giao thông với nhau mà sinh năm chứng lâm như "*khi lâm*"; "*sa lâm*", "*huyết lâm*", "*Cao lâm*" và "*lao lâm*".

- *Khi lâm*. Là chứng đái gắt, thường mỗi khi đái sót lại mấy giọt (lậu khí)

- *Sa lâm* là lậu kế, di tinh khí đọng lại trong ngọc hành, mỗi khi đi đái đau buốt, đái không ra, hé ra được thì tận gốc.

## 1. Kinh trị chứng khi rái thay đau buốt, hoặc rái ra máu rái ra cát, rái ra sạn, sưng đau.

- *Ngưu tất* 1 lượng, *Nước* 2 bát. Sắc lấy một bát uống nóng hoặc cho vào một tí rượu mà uống rất hay. Nếu rái buốt ra máu thì uống với bột *hoạt thạch* 1 lượng, nếu đau thì gia thêm ít *Xạ hương* và *Nhũ hương* càng hay. Một người đàn bà bị bệnh này 10 năm, nhờ uống bài này mà khỏi.

## 2. Bài thuốc kinh nghiệm chữa 5 chứng lâm

*Cỏ chi thiên, rễ cây vây đòn, rễ cây vây trắng, rễ tranh, thịt ốc bươu, cỏ bắc.* Đều bằng nhau, sắc cho uống vào lúc đói là khỏi.

- *Chua me* đất tươi già vắt lấy nước cốt 1 chung, rượu 1 chung, hòa lẫn cho uống lúc đói là khỏi.

- *Hạt vông vang, Biển súc, Nhân trần, Mộc thông, Hạt mã đề, lá tre,* Đều dùng 2 đồng cân. *Cỏ bắc* nửa đồng, sắc cho uống là rái sẽ thông.

- *Củ gai*, già nát sắc cho uống là rái sẽ thông

- Dùng *củ gai* thêm *hạt mã đề* trọng lượng bằng củ gai, nghiền ra. *Hành* 3 tép già nát vắt lấy nước cho uống rất hay.

- *Cỏ bắc*, sắc cho uống thường xuyên, rất hay.

- *Rễ cà* thái mỏng phơi khô sắc đặc hòa nước rái trè con cho uống, rất hay.

## 3. Kinh trị tiểu tiện từng giọt sót lại, lúc có lúc không.

*Tỏi* 1 củ, bọc lấy nướng chín, phơi sương 1 đêm, cắn ăn lúc đói, uống với nước mời mucus, rất công hiệu.

## 4. Kinh trị chứng lậu nhiệt, rái buốt.

- *Rễ biển súc* 1 nắm, sắc nước thường uống.

- *Rau sam*, già lấy nước thường uống, rất hay.

- *Lá gang*, 1 nắm to, già nát hòa với nước 1 bát, láng bỏ bã, lại cho vào 1 chén mật, uống lúc đói, chỉ uống 3 lần là kiến hiệu.

## 5. Truyền trị chứng lậu khi di rái rất.

- *Vỏ cây dương*, cao bò vỏ ngoài, lấy lớp trắng 1 nắm to, sắc đặc uống lúc đói, rất hay.

- *Củ kim cang* đốt qua, thái mỏng phơi khô sắc uống thay nước trà rất hay.

- *Mộc thông* 5 đồng, *Hành* 5 tép. Sắc uống nóng là thông.

- *Nhựa cây dào, Mật ong:* Đều 1 lượng, nước 1 bát sắc còn phân nửa, uống lúc đói là rất tốt.

- *Vỏ cây bồ hòn*, cao vỏ ngoài, dùng một nắm to, cắt nhỏ, sắc đặc uống lúc đói rất hay.

## 6. Truyền trị đàn bà bí rái.

- *Gong rau muống* 1 nắm to, già nát đập vào rốn là rái sẽ thông.

## 7. Truyền trị chứng "cao lâm" đau buốt, các thuốc không hiệu quả.

- *Tổ bò ngựa cây dâu* mỗi lần dùng một cái nướng khô tán nhỏ, uống với rượu vào lúc đói, nặng lâm thì uống 2, 3 lần là khỏi.

- *Cỏ mần trầu* 1 nắm to, già nát, đổ vào một bát nước, sắc sôi lọc bỏ bã cho vào một chén con mật, uống lúc đói rất hay.

- *Xương đê*, đốt cháy tán nhỏ, mỗi liều dùng 2 đồng cân, lấy vỏ trắng cây dâu, sắc nước làm thang mà uống, công hiệu.

#### 8. Kinh trị chứng lậu máu buốt dữ.

- *Ngó sen* già nát lấy nước 1 bát, *Tóc rối* đốt ra tro, 1 đồng cân. Hòa vào mà uống, chỉ ba ngày là hết máu, khỏi đau.

- *Hạt cau rừng* 1 hạt. *Mạch môn* 5 đồng, bò tim, sao, sắc lấy nước, mài *hạt cau*, uống vào lúc đói là khỏi.

- *Tinh tre* 1 nắm to, nước 2 bát. Sắc lấy nửa phần uống lúc đói, rất hay.

- *Nhusa cây đào* sao khô, *thạch cao*, *Mộc thông* đều 1 đồng cân, nước một bát sắc còn 7 phần uống sau bữa ăn là khỏi.

- *Dậu dò* 3 vốc, sao qua tán nhỏ. Mỗi lần 2 đồng cân, dùng hành 1 củ nướng qua, đánh tan trong rượu nóng mà uống thì hay.

- *Hạt vông vang* 1 cân nước 3 thăng. Sắc còn một nửa, ngày uống 3 lần là công hiệu.

- *Hạt bìm bìm*, nửa sao nửa để sống, nghiền nhở lấy lớp bột dầu, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước gừng, uống một lúc lâu rồi uống thêm nhiều trà nóng.

- *Lá đậu đen* 1 nắm to. Sắc với hai bát nước, còn phần nửa uống lúc đói là công hiệu.

- *Rêu xanh* dưới đáy thuyền, cạo lấy một nắm bàng quả trứng vịt, đổ 2 bát nước, sắc còn nửa, uống vào lúc đói.

- *Củ nghệ*, *Củ hành tăm* Đều bàng nhau, làm 1 thang sắc uống lúc đói, là công hiệu.

- *Ngài tăm* bò đầu, chân, cánh, sấy khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, rất công hiệu. Bệnh khỏi thì thôi uống.

- *Trùn khoang* cổ to 6,7 con, (thứ nhỏ hơn thì 10 con). Nghiền nát đổ một bát nước lạnh, khuấy đều đợi lắng trong, lọc bỏ bã mà uống kiến hiệu ngay.

- *Hạt mã đề* tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng cân, lại lấy hạt mã đề sắc nước mà uống vào lúc đói, nếu thach lâm thì thêm vỏ du da tức dâu ta nửa phần, tóc rối một cục đốt cháy cùng sắc mà uống.

- *Lá cà*, giã tươi vắt lấy nước 1 bát, hòa vào ít muối và ít rượu mà uống, tự yên.

- *Rễ tranh* 1 lạng. *Can hương* nửa đồng, sắc nước hòa vào một chén mật, uống vào lúc đói sẽ khỏi.

- *Răng cá gáy* 1 vốc tán nhỏ, hòa vào chút ít giấm (thứ lâu năm), chia 3 lần uống hết, công hiệu lắm.

- Theo phương trên bỏ giấm dùng rượu uống vào sẽ dài ra được cục ké trong ngọc hành, mà lành.

#### 9. Kinh trị chứng lậu ké đau buốt:

- *Dế dại* 7 con. Muối 1 lạng. Dùng miếng ngồi mới, bỏ muối trên vào dưới dế chính giữa, để trên lửa sấy khô, bỏ muối lấy dế tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, cục ké trong ngọc hành ra ngay là khỏi.

- *Mặt gà trống* phơi khô 5 đồng cân, *Chất trắng* trong *cứt gà* 1 lạng, sao vàng. Đều tán nhỏ, mỗi liều dùng một đồng, uống với rượu dài ra được cục ké thì thôi.

- *Cứt chim én*. Sao tán nhỏ 4, 5 đồng cân. Uống với nước lạnh từ sáng sớm đến bữa ăn, thường dài ra được nước lần cục ké là lành.

- *Dòng tiền cổ* 49 đồng. Sắc nước uống lúc đói là công hiệu, nếu chưa khói thì làm lại mà uống.

*Thịt chim khách trống*, đốt ra tro, hòa vào nước cho tan mà uống, hòn sỏi tự xuống. Nếu khó biết trống mái thì xem con nào cánh bên trái đè lên cánh bên phải là trống, hoặc lấy lông chim, đốt tán nhỏ, bỏ vào nước mà tro nồi là chim trống.

- *Nhua cây đào*, mỗi lần dùng 1 cục bằng hòn đòn, mùa hè dùng nước lạnh, mùa đông dùng nước nóng độ 1 bát hòa nhua đào vào cho tan mà uống ngày ba lần, là rái ra hết kẽ, mà lành.

- *Mai ba ba* (cua đình) nướng vàng, tán nhỏ, mỗi lần 1, 2 đồng cho uống với rượu, ngày uống 3 lần là rái thông ngay.

- *Vỏ củ ấu* 1 vốc, sắc nước, hòa với một chung mật mà uống rất hay.

*Tóc người*, đốt tần tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng cân, uống với nước giếng vào lúc đói rất hay.

- *Hạt ý dĩ* hoặc cây lá cùng được, sắc nước uống nóng, tháng hè uống lạnh, khỏi bệnh thì thôi.

- *Cây Chuối* nướng chín, vắt lấy nửa bát nước, *lá mìn chàu*, *Rễ tranh* đều 1 nắm già vắt lấy nước, bột đậu xanh 3 đồng cân. Hòa đều, lại hòa vào 1 chén mật uống lúc đói rái ra sạn cát là lành.

*Củ cải*, xắt mỏng, tẩm mật ít lâu rồi sao khô, lại tẩm lại sao 3 lần, không nên sao cháy quá, nghiền nhỏ uống với nước muối ngày 3 lần, công hiệu không thể nói được.

## 10. TruyỀn trị nam nữ thanh niên bị chứng rái gắt sưng đau trong ngực hành hoặc âm hộ.

*Dây lõi tiền* tức dây mối già nát, sắc chín cho muối vào chút ít, uống vào lúc đói là lành.

## XV - SÓN RÁI

(Rái đậm)

Bệnh són rái là ngày đêm đi rái luôn không chừng độ, do tâm thận hư dương khí suy lạnh, bàng quang không vận chuyển bình thường mà sinh ra. Về phép chữa phải bổ mạnh và thanh tâm tiết dục thì bệnh tự yên. Lại có khi đòn bà do sinh đẻ trắc trở, bàng quang bị tổn thương, hoặc trẻ con bàng quang lạnh... đều có thể sinh ra chứng rái són không ngăn giữ được. Nên tùy chứng mà chữa.

### 1. Kinh trị chứng ngày đêm rái luôn

- *Ích tri* 40 hạt, nghiền nhỏ, bỏ vào tí muối sắc uống.

- *Ích tri nhân*, chỉ xác, sắc nước, đổ vào một chén rượu, uống nóng vào lúc đói.

- *Củ kim cang*, thái mỏng sắc cho uống khi sắp đi nằm thì suốt đêm không đi rái nữa, hoặc dùng củ kim cang sao qua, cắt mỏng sắc nước uống thay trà, hoặc tán nhỏ ra, mỗi lần dùng 2 đồng cân, thang với nước muối hoặc rượu.

### 2. Chứa chứng đi rái luôn do khí bất túc.

*Tiêu hôi*, tắm nước muối sao, tán nhỏ, lấy gạo nếp làm bánh dày nấu chín chấm thuốc bột mà ăn.

### 3. Chứa chứng vái dái không nín được

Bong bóng heo rửa sạch, nấu chung với gạo nếp cho chín nhừ, cho vào chút hò tiêu, nấu xong bỏ gạo nếp, xắt bống heo mà ăn. Hoặc dùng tổ ong đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 6 đồng cân, uống với nước cơm là công hiệu.

### 4. Chứa chứng dái vật ngày đêm hàng trăm lần là do thận khí suy yếu quá.

- *Ích tri nhân*, bỏ vỏ tẩm muối sao. Ô được, đều bằng nhau, dùng củ mài tán nhỏ nước và rượu khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 70 viên uống với nước muối vào lúc đói. (Súc tuyễn hoàn).

- *Bong bóng dê* 1 cái, đổ nước vào cho đầy, buộc chặt cuống lại, nướng trên lửa than cho vàng mà ăn và uống luôn cà nước trong cái bóng nữa. Mỗi buổi sáng cứ ăn một cái, chỉ ăn ba cái bóng dê là lành.

### 5. Kinh trị di dái luôn vì hạ nguyên hư kém.

- *Hạt sen* bỏ vỏ và tim nửa cân, tẩm rượu hai đêm. *Bao tử heo* được 1 cái rửa sạch dồn hạt sen vào nấu chín mà ăn. Hoặc nấu cho nát bét; già nhỏ sấy khô, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 50 viên với nước nóng lúc đói.

### 6. Kinh trị dàn bà són dái.

- *Tổ bo ngựa cây dâu*, sao rượu tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước gừng là khỏi.

- *Lông gà trống*, đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, là công hiệu.

### 7. Kinh trị chứng di dái quá nhiều.

- *Ngà voi*, đốt tán nhỏ, liều dùng một đồng cân, uống với nước nóng, hoặc hòa với rượu uống, ngày uống 3 lần. Hoặc thay sừng hươu nướng cũng được.

- *Nhung hươu*, bôi mỡ mà nướng, tán nhỏ uống với rượu.

### 8. Kinh trị dàn ông dàn bà són dái:

- *Phèn chua*, để trên ngói nung chín khô. *Mẫu lệ* nung đỏ. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ liều dùng 1 đồng cân.

- *Vò thạch lựu*, bỏ vỏ ngoài, *Tang bạch bì* (kiêng sắt). Hai thứ bằng nhau nửa nước nửa rượu, 10 phần sắc còn 6 phần uống lúc đói thời rất hay.

- *Cao da trâu*, vỏ hào, (nung đỡ suốt), *Lộc nhung*, *Tổ bo ngựa cây dâu*, (sao rượu). Các vị bằng nhau tán nhỏ, khuấy hồ nếp làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 viên, nấu với nước muối và rượu mà uống vào lúc đói. Một phương khác không có Lộc nhung.

- *Cao da trâu* 3 lượng, 1 bát nước, 1 bát rượu, sắc uống khi còn ấm, vào lúc đói.

### 9. Dàn bà mừng quá hại tâm khí, vì tâm với tiểu trường chung một con đường truyền tống, nên sinh di dái ngày đêm vô độ.

*Ích tri nhân*, *Tỳ giải*, *Thạch xương bồ*, Ô được. Đều bằng nhau, mỗi thang nặng chừng nửa lạng, nước một ít, sắc còn 7 phần cho uống lúc nóng đói. (*Tỳ giải phân thanh ấm*). Một phương không có Ô được chỉ dùng 3 vị tán nhỏ quấy hồ làm viên, liều dùng 3 đồng cân, uống với nước muối.

### 10. Kinh trị vái dái không nín được:

*Rễ tam xuân* (thứ ha trắng) 1 nắm, rửa sạch, cắt miếng sắc nước, thường uống là công hiệu, hoặc tán nhỏ với rượu, lúc đói càng tốt.

#### 11. Kinh trị trẻ em đi的大 dâm vì băng quang lạnh:

Nhục quế tán nhỏ, *Gan gà trống*. Hai thứ băng nhau giã nát, làm viên băng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 5 đến 10, 15 viên tùy trẻ lớn nhỏ, uống với rượu nóng, ngày 3 lần là kiến hiệu.

### XVI - BÍ TIỂU TIỆN

Bí tiểu tiện là do thận và băng quang bị nhiệt. Băng quang là cái kho chứa tám dịch, nước đi từ ruột non ngấm vào băng quang thành ra tiểu tiện. Thận cùng băng quang bị nhiệt thì vào băng quang, khi nhiệt quá thịnh nên bể tác làm cho tiểu tiện không thông, bụng dưới đầy trướng, nặng quá thì thủy khí ngược lên làm cho tim bị bức bách đầy trướng, có khi chết, phép chữa nên xét tận gốc.

#### 1. Kinh trị bí tiểu tiện, 7, 8 ngày, khí xông lên thành thủng trướng, rất nguy cấp mà các thuốc không chữa được:

- *Tía tô* dùng nhiều cho vào nồi to, đổ nước vào nấu sôi, cho bệnh nhân ngồi lên trên mà xông, người thì thêm nước sôi vào, xông độ hời lâu, lại dùng muối sao nóng bọc vải chườm trên rốn và các chỗ sưng phù đái được ngay, phù sẽ xẹp.

- *Cành đào, Cành liễu, Mộc hương, Cỏ nho nồi, Xuyên tiêu*. Mỗi vị dùng 1 lượng, hành 1 nắm, cỏ tim bắc 1 nắm, đều cắt nhỏ làm thang đổ 4 bát nước, sắc còn nửa, đang lúc nóng xông vào chỗ đau trùm mền kín chắn cho hở hơi, một lúc lâu thì đái sẽ thông, công hiệu rất lớn.

- *Hạt tật lê* sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

#### 2. Kinh trị chứng bí tiểu tiện trướng bụng, chậm thuốc sé chết:

- *Chì* 1 lượng tán nhỏ, *Gừng sống* 5 d/c thái nhỏ, *Bắc* 1 nắm, dùng nước mới múc sắc cho uống. Ngoài dùng 1 cân *Hành giã* thò xào nóng, bọc làm 2 gói, thay đổi mà chườm trên rốn, hơi nóng thấu vào lá đái thông ngay.

- *Muối* 1 nhúm. Bỏ vào rốn, dùng lá ngài khô vò nát để lên mà cứu, cứu mãi đến khi đái thông thì thôi, hoặc dùng củ hành thái mỏng để lên rốn rồi để ngài lên mà cứu, càng hay.

- *Trùn đất* 5, 6 con. Nghiền nát, đổ nước lạnh vào khuấy đều, đợi lắng trong lọc bỏ bã cho uống, lập tức đái thông.

- *Óc bươu* 1 con, *Muối* nửa đồng cár, cùng giã nát rít vào rốn dày 1 tấc 3 phân, đái sẽ thông ngay.

- *Xác rắn* 1 cái, đốt tàn tính tán rượu nhỏ hòa rượu cho uống, sẽ kiến hiệu ngay.

- *Mỡ heo* 1 miếng (chừng 1 lượng), nước 2 bát sôi 3 dạo, cho uống vào là đái được ngay.

- *Ngà voi* cạo lấy mạt một nắm, sắc cho uống là đái được.

- Dùng nước mài dao 1 chén cho uống cũng công hiệu.

#### 3. Kinh trị bí tiểu tiện đau thắt bụng dưới, khí trướng xông lên mà ngắt.

*Trần bì* 3 lượng, *Hành* 3 củ, *hạt quy* 1 lượng, nước 5 bát sắc còn 2 bát, chia uống 3 lần là đái thông.

#### 4. Kinh trị đái không thông

- *Danh dành* 14 quả, *Tỏi* 1, (tức dùng loại tỏi chỉ có 1 củ cái, không có nhiều tép) cho vào ty muối giã lăn cho thật nát đem rít vào rốn và bìu đái, một hời lâu là đái thông.

- *Mã đê* 1 thăng, *Nước* 3 thăng, sắc còn một nửa chia uống 3 lần.

- Phương khác dùng *Mã đề* vò lấy 1 bát nước, hòa với 1 muỗng mật cho uống.
- Phương khác thêm nước *Bí dao* hoặc giã *Lá dâu* lấy hòa nước với bí dao cho uống.
- *Hạt thầu dầu* 3 hạt, giã nát rải vào tờ giấy cuộn lại đút vào trong lỗ đái là thông ngay.

- *Rau mùi, rễ Võng vang*, đều dùng 1 nắm, nước 3 bát sắc còn 1 nửa, hòa một lượng bột *Hoạt thạch*, chia uống 3 lần là thông. Hoặc dùng 3 con *Dế dứi* nướng vàng muối với rượu. Hoặc dùng 2 đồng cân bột *Mộc thông* vào với rượu mà uống đái sẽ thông ngay.

**5. Kinh trị bí tiểu tiện dùng các thứ thuốc đều không khỏi, hoặc tức đái do thai chuyển bào chèn bụng đái.**

- Dùng ống lông ngỗng đút vào cuống bong bóng heo, cột chặt lại, thổi hơi cho bong bóng căng lên rồi đút đầu ống lông ngỗng vào lỗ đái, mạnh tay bóp cho hơi vào trong lỗ đái vọt ra rất hay.

- *Lá dây chà vôi*, giã nát dít vào lỗ đái một hồi lâu lấy ra, rồi lấy nước lã rửa chỗ dít, nước đái sẽ vọt ra ngay rất hay.

**6. Kinh trị tiểu tiện không thông sai lệch cuống bàng quang, nguy cấp:**

- Lấy gọng *Hành, Muối* tán bột nhét vào, đem đút vào cái lỗ đái, thổi vào 1 cái là thông ngay.

- *Bèo tía* phơi khô tán nhò liều dùng 1 đ/c, cho uống với nước 2 ngày lần, đái sẽ thông.

- *Bồ hoàng*, bọc vài buộc ngang eo lưng rồi cuí đầu xuống sát đất mấy lần thì đái sẽ thông. Đây là phương pháp đạo dẫn.

**7. Kinh trị chứng vì nín đái quá thành chứng sai lệch chỗ bàng quang, đái không thông:**

Cắt lấy móng tay móng chân của người bệnh, dốt ra tro cho uống với nước chín.

**8. Kinh trị đái không thông do bàng quang nhiệt:**

Vô *bí dao* sắc đặc cho uống là đái sẽ thông.

**9. Kinh trị đòn bà bị chứng chuyển bào đái không thông:**

Ô bọ ngựa lấy 2 cái, nướng khô tán bột, hòa với nước uống 2 lần.

**10. Kinh trị đòn bà bỗng nhiên bí đái:**

*Ngưu tất* 1 nắm (bỏ cuống). Sắc nước hòa vào 1 chén rượu mà uống là công hiệu.

**11. Truyền nam phụ lão ấu đái không thông:**

*Khế chua* 7 quả. Mỗi quả chỉ cắt lấy chỗ gần cuống một miếng, đổ vào một bát nước sắc còn nửa bát uống nóng. Lại dùng 1 quả giã nát, dít vào lỗ đái. Lại dùng 1 củ tỏi cũng giã nát dít vào lỗ rốn, là đái sẽ thông ngay.

## XVII - BÍ ĐẠI TIỆN

Bí đại tiện là do táo bón quá không ia được, vì đau no thất thường, nhoc mệt quá độ tổn hại đến vị khí lại còn ăn đồ cay nóng, ngon béo để tăng thêm hỏa độc. Hỏa độc làm hao tán chân âm, tân dịch kém sút không thấm nhuần được, nên sinh ra đại tiện táo bón.

Nội kinh chia là năm chứng: Phong, Khí, Hàn, Nhiệt, Thấp lại có người tuổi già khí hư, tân dịch không thể tư nhuận mà táo bón, lại có đòn bà sinh đẻ mất máu tân dịch khô kiệt mà táo bón, các chứng bệnh đều có nguyên nhân của nó, nên phân biệt mà chữa mới không làm cho người bệnh chết oan.

1. Kinh trị người yếu, do lo râu quá hại phế khí, mà con đường dùn dẩy của đại tràng có quan hệ biểu lý với phế, cho nên phế khí có bệnh là đại tiện sẽ bế tắc. Hoặc do dùng nhiều đồ cay nóng quá sinh ra đại tiện táo bón.

*Trần bì* (bò xơ trắng), *Tía tô* (lấy càنه lá non), *Chỉ xác* (bò ruột sao qua), *Mộc thông* (bò mắt). Dều bằng nhau, sắc cho uống nóng là thông ngay.

2. Kinh trị chứng đại tiện táo bón, đây là phương thuốc thuận khí lợi ruột, rất hay:

*Hạt tía tô*, *Hạt gai dầu*. Dều bằng nhau, già nhỏ cho vào nước lọc bã, nấu cháo với gạo mà ăn rất hay.

3. Kinh trị đại tiện bí kết, đến nỗi hôn mê, bất tỉnh nhân sự.

- *Ốc bươu to* 2, 3 con, dùng cả vỏ, *Muối* 1 chén con. Cùng già nát, đắp vào rốn dày 1 tấc 3 phân, dùng vải buộc chặt lại là khỏi.

4. Kinh trị chứng táo bón, phân táo tác lấp trong ruột, sưng đau không thông:

- *Dào hoa* 1 lượng, luộc chín cho ăn lúc đói, độ nửa ngày thì sôi bụng đi ra hết chất độc, sẽ khỏi.

5. Kinh trị đại tiện bí do có thấp nhiệt trong trường vị:

*Binh lang* 1 hạt to, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đ/c hành 3 củ thái mỏng. *Nước tiểu trẻ em* 1 bát. Cùng sắc cho uống hoặc dùng *Binh lang* 3 đồng, nửa nước nửa mật nấu làm thang cho uống nóng, rất hay.

6. Truyền trị chứng bụng trương đầy, đại tiện bí kết:

*Nghệ vàng* sao khô tán nhỏ, *Mù cây vú bò*. Cùng già nhỏ làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 3 viên, đại tiện nhuận ngay.

7. Truyền trị đại tiện không thông, mọi thuốc không đỡ:

- *Cù rè quạt* già sống 3 đồng. Hòa với 1 chén nước, lọc bò bã, cho uống là thông ngay.

- *Ô mai* 10 quả, gỡ bỏ hạt lấy cùm, tẩm ướt nóng viên lại bằng quả táo, đem đút vào lỗ đít lập tức thông ngay.

8. Truyền trị táo kết bụng trương lên, mặt vàng mà sưng, ợ chua, ăn không được:

- *Gạo nếp* 8 đồng, *Can hương* 1 đồng, *Vỏ quýt* 5 phân, *Ba đậu* 2 hạt.

Cùng sao vàng rồi sàng bỏ *Ba đậu* lấy 3 vị kia tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều dùng 5 - 7 viên, nấu nước *Gừng*, với *Tía tô* làm thang, uống sau bữa ăn. Nếu người hư yếu quá thì dùng 3 viên.

- *Hành trắng* cà rê 1 tép, *gừng sống* 1 củ, *muối* 1 nhúm, *Đậu si* 2 hạt. Cùng già nát làm thành bánh, nướng nóng đem đặt vào rốn, dùng băng băng chặt lại, hồi lâu khí nóng thấu vào, là thông, nếu chưa thông thì làm lại lăn nữa.

- *Hèo hoa* phơi khô tán nhỏ. Mỗi lần dùng 1 đ/c hoặc uống sống cũng công hiệu. - *Cuống dưa* 7 cái tán nhỏ, rịt vào lỗ đít, sẽ thông đại tiện.

- *Chỉ thực* sao qua, *Bồ kết* bỏ hạt và vỏ đen. Dều bằng nhau, cùng tán nhỏ mỗi lần dùng 1 đồng cân uống với nước cơm hoặc quyết với nước cơm làm viên mà uống với nước cơm là công hiệu.

- *Mù cây vú bò*, trộn với *Bồ hòn bếp*, làm viên bằng hạt nhân phơi khô, mỗi lần uống 1 viên, sắc 7 nhát gừng 1 đ/c muối và 1 bát nước làm thang, mà uống dần dần xuống, một lúc uống hết là đại tiện thông. Thuốc này gọi là "Bị cấp hoàn" người già chờ dùng.

- *Tổ ong* đốt tồn tinh tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đ/c với nước nóng.
- *Hột bìm bìm* tán nhỏ, rây lấy lớp đầu tiên, nửa để sống nửa sao cho uống với nước gừng. Chưa thông lại uống nữa. Một phương khác già thêm Chỉ xác sao, Bồ kết bỏ hạt và viên vành. Các vị đều bằng nhau tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 70 - 80 viên, uống với nước nóng rất hay.

- Cùng phương trên, *Hạt cau*, *Thanh bì*, lượng bằng nhau.

## 9. Kinh trị đại tiện bí kết:

- *Cao da trâu* 3 tấc, *Hành trắng* 1 nắm. Sắc với 4 bát nước còn 1 bát rưỡi, mà uống.
- Phương trên, hòa vào 1 chén mật mà uống thì ia được.

## 10. Kinh trị bí đại tiện và chữa người già bị phong hư mà táo bón:

*Bồ kết* lâu ngày, đốt tồn tinh, đổ ra đất, úp bát lại 1 đêm, tán nhỏ, hòa với rượu uống mỗi lần 1 muỗng, vào lúc đói.

## 11. Kinh trị đại tiện bí vì phong:

*Tật lè* sao 2 lạng, *Hạt Bồ kết*. Bò vỏ tắm mỡ hoặc vัง mỡ mà nướng, 5 đồng cân, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với nước trà hoặc lán nước muối. Phương khác chỉ dùng *Bồ kết* không dùng *Tật lè*.

## 12. Kinh phương: Trị đại tiện bí vì phong vì khí:

*Hạt cải củ* 1 vốc, ngâm nước nghiền nhỏ, hòa với bột bồ kết 2 đồng, mà uống.

## 13. Phép thông khoa bằng dầu:

*Hành trắng*, giã nát lấy nước bôi khắp người ngoài cái ống tre đút vào lỗ đít, lại lấy dầu mè bằng nửa phần nước hành, hai thứ trộn đều đổ vào trong bong bóng heo, khiến người bệnh nằm ngửa, co chân lên đưa nước thuốc trong bong bóng heo dốc vào trong ống tre cho chảy lỗ đít, là ia được ngay.

## 14. Thông khoan bằng mật ong:

Dùng mật ong cô đặc như keo, thửa lúc đang nóng vắt thành thoi dài bằng ngón tay, chấm bột tạo giác vào đầu nhọn, đút vào lỗ đít, chốc lát thì ia ra được phân táo.

- *Nôn lá dong* dùng hành giã nát bôi vào cuống lá ấy mà đút vào lỗ đít, là ia được ngay.

## 15. Thông khoan bằng mật heo:

Dùng 1 cái *Mật heo*, đổ bớt một phần nước mật, gia giảm ngon vào trộn đều, dùng ống đút vào lỗ đít rồi tiếp cái mật vào ống tre cho nước chảy vào một chốc là ia được ngay.

## 16. Thông khoan bằng gừng:

Một củ *gừng*, cạo bỏ vỏ, gọt thành hình ngón tay, bôi nước muối vào, đút vào lỗ đít, là ia được ngay.

## XVIII - BÍ ĐẠI TIỂU TIỆN

Bí đại tiểu tiện là sự bài tiết không thuận lợi, nêu theo phương pháp sau đây mà chữa.

### 1. Kinh trị bí đại tiểu tiện 5, 6 ngày:

Tìm bắt con *Bọ hung* to trong đống cút trâu, phơi rám cho khô rồi cắt để dành. Lúc thì lấy con để trên miếng ngói đốt lửa sấy khô, tán nhỏ hòa vào trong nước mồi mucus

mà dùng, nếu chỉ bí đái thì dùng nửa phần dưới, nếu chỉ bí đại tiện thì chỉ dùng nửa phần trên, nếu bí cả hai đại tiện thì dùng nguyên cà con, rất công hiệu.

- *Mật ong*, 1 bát cho vào 2 đồng cân Phác tiêu, đổ vào một bát nước sôi hòa đều mà uống, rất công hiệu.

**2. Chứng quan cách không thông (nuốt không xuôi, ợ không thông) bụng đầy trướng uống thuốc không khỏi.**

- *Cù tài* nướng chín, bỏ vỏ ngoài, bọc bông lại, đút vào lỗ đít, là thông ngay.

**3. Kinh trị đại tiểu tiện bí đái mươi ngày phình bụng trướng lên gần chết, mọi thuốc không công hiệu.**

- *Hột Võng vang*, dùng 5 đồng cân sắc uống, chưa thông lại cho uống lần nữa.

**4. Kinh trị bí đái đại tiểu tiện, bụng dưới đau quặn, không kể bệnh mới hay đã lâu đều công hiệu:**

- *Kinh giới, Đại hoàng*. Hai vị đều bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân, bí đái thì giảm nửa đại hoàng, bí ỉa thì giảm nửa kinh giới, uống với nước nóng.

**5. Kinh trị đại tiểu tiện không thông, uống các thuốc mà không công hiệu:**

- *Cù rẽ quạt*. Giã sống vắt lấy nước cốt 1 bát cho uống là thông ngay.

- *Chua me đất, Mã đề*, 1 nắm, giã vắt lấy một bát nước, cho vào 1 đồng cân đường cát mà uống, đại tiểu tiện thông là khỏi.

- *Hành trắng*, giã nát hòa với giấm thanh dít vào lỗ rốn, dùng ngài cứu đốt 7 mồi là thông ngay.

- *Hạt cau già*, tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân, nửa mật nửa nước, sắc lên cho uống. Hoặc nước tiểu trẻ em sắc với hành trắng mà uống.

- *Bồ kết*, đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, hòa với nước cháo mà uống. Hoặc dùng nhiều bồ kết bỏ vào nồi đốt cháy xông vào lỗ đít.

- *Ba đậu, Hoàng liên* đều 5 đồng cân, tán nhỏ, nhào với nước làm bánh trước lấy hành và muối giã nhỏ vắt lấy nước, nhò vào lỗ rốn đặt bánh thuốc lên trên, để lá ngài (lâu năm) lên mà cứu 27 mồi là thông ngay.

- *Tổ ong*, đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 2, 3 đồng cân, uống với rượu, ngày hai lần.

- *Cứt thỏ năm đẻ vào rốn, giò nước lạnh vào hối lâu khi thấu vào sẽ thông ngay*. Hoặc dùng *cứt chuột đục* tán nhỏ dập vào rốn, giò nước lạnh cho thấu vào.

- *Hành*, giã nát, 1 bát. Nước 2 bát, sắc còn 1 bát lọc bỏ bã cho uống ấm thì thông ngay.

- *Lá dào* 1 nắm to, rửa sạch giã nát cho vào nước mà vắt lấy nước cốt để uống, rất hay.

## XIX - TRĨ RÒ

(Trĩ lâu)

Trĩ rò hay mạch lươn là chứng trong và ngoài hậu môn đều mọc mụn, nếu mọc mục mà không vỡ mủ gọi là "trĩ", lở loét chảy máu mủ, chảy nước vàng gọi là "trĩ lâu", rò, hay "mạch lươn". Cho nên trĩ là thuộc thực, chứng nhẹ, mạch lươn là thuộc hư, chứng nặng. Sách Nội kinh có chia làm 5 chứng tuy tình trạng cùng tên gọi khác nhau nhưng căn bản đều do ham ăn đồ hậu vị cay nóng, hoặc do rượu trà dâm dục, lo nghĩ uất nhiệt tích độc mà sinh ra. Búi trĩ mọc kín trong hậu môn hoặc lồi ra ngoài, độc nặng thì búi to, độc nhẹ thì búi bé, to thì giống như cái mồng gà, hoa sen, quả đào, bé thì giống như cái vú bò, quả tim gà, hay nhân

hạt đào, hoặc chảy máu mủ, khi đi khi ngồi thì rất đau đớn khổ sở, lâu ngày không khỏi sẽ sinh trùng.

Về phép chữa không ngoài phép *thanh nhiệt, lương huyết, sát trùng*, là chủ yếu.

## 1. Kinh trị 5 chứng trĩ.

- . Trĩ ngoại thì đi ngoài máu ra trước phân.
- . Trĩ nội thì đi ngoài trong phân có máu và lòi trôn trè.
- . Thủ trĩ thì chung quanh hậu môn mọc mụn như đuôi chuột.
- . Nuy sang là đau hậu môn lỗ thủng lở loét.
- . Trùng trĩ thì lỗ đít có trùng.. đều dùng chữa được cả.

*Hoa hòe, Kinh giới, Chi xác, Lá ngải cứu*, đều 1 nắm, cho vào 3 đồng cân bột phèn chua, dùng lá chuối bít kín miệng nồi, nấu sôi 5 - 7 đạo, nhắc xuống chọc 1 lỗ cho hơi bốc lên, để xông lỗ đít, đến lúc nước âm ấm dùng nước ấy rửa đít, làm vậy vài ngày thì bệnh khỏi hẳn.

## 2. Kinh trị bệnh trĩ mới phát:

*Rau sam*, luộc chín cho ăn nhiều, lại lấy nước luộc ấy mà xông rửa trĩ, trên dưới 1 tháng thì thu kín miệng mà khỏi bệnh.

## 3. Kinh trị bệnh trĩ mạch lươn, không cứ lâu ngày hay mới phát, 30 năm cũng kiến hiệu:

*Tua sen* 1 lượng rươi, *hạt bìm bìm đen*, tán nhỏ, rây lấy lớp dầu 1 lượng rươi, *Dương quy* 5 đồng. Đều tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói, năm ngày là kiến hiệu, kiêng ăn đồ cay nóng.

## 4. Kinh trị bệnh trĩ mạch lươn mới phát, rất công hiệu:

- *Kén tằm* 2, 3 cái. Cắt móng tay người đàn ông dòn đầy trong kén, ngoài dùng tóc trẻ con buộc chặt đốt tồn tính tán nhỏ, hòa với mật bôi vào chỗ lở.

- Ngày 8 tháng chạp (âm lịch) lấy *mật trâu đen*... nhét *hạt hòe* vào cho đầy phoi râm 100 ngày, mở ra mà dùng, mỗi lần dùng 10 hạt, uống với rượu vào lúc đói, rất hay.

## 5. Kinh trị bệnh "thứ trĩ" (có mụn chảy mủ như vú chuột) đau nhức nằm ngồi không được, mọi thứ thuốc đều không công hiệu.

Ốc bươu 8, 9 con, mỗi con đều cao vảy ở miệng ra bò vào một ít phèn chua rồi đậy lại, chôn xuống đất 1 đêm, khi chôn nhớ để ngừa miệng trở lên, sáng hôm sau sấy lên, dùng lồng già, nhúng nước trên vảy ốc mà phết vào chỗ lở 5, 7 lần là hết đau, mà lành.

## 6. Kinh trị bệnh trường trĩ, khí trĩ (có mụn ở trực tràng), máu mủ đầm đè:

- *Xuyên son giáp* 1 lượng, đốt tồn tính, *Nhục đậu khấu* 3 quả. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với nước cơm vào lúc đói, người hư nhược thì thêm *Da nhím chồn* đốt ra tro tán nhỏ, bệnh lành thời thôi.

Vảy con trút (*Xuyên sơn giáp*), lấy 3 hàng vảy ở chỗ cuống đôi, đốt tán nhỏ, cho vào tý *xạ hương*, hòa với nước trà mà uống, cặn thì bôi vào chỗ lở.

**7. Kinh trị bệnh trường tri (tri nội) ra máu lâu năm không khỏi:** - *Cỏ tháp bút*, 2 lang, *Chi xác* 2 lang, *Can khuông*, 1 lang, *Dai hoàng*, 2 đồng ruồi. Đều sao đèn tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với nước sôi.

**8. Kinh trị chứng tri mạch lươn ra máu:**

- *Ích mẫu tươi*, già vắt lấy nước cốt cho uống.
- *Lá ké dẫu ngựa*, hái ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, tán nhỏ liều dùng 1 đồng cân, uống với nước, rất hay.
- *Rơm lúa nếp*, đốt ra tro, ngâm nước nóng rồi đem ngâm chỗ đau 3 - 5 lần, là kiến hiệu.
- *Đậu đò* 3 thăng, *Giấm* 5 thăng. Nấu chín, phơi khô, lại tắm lại phơi, tắm hết giấm thì thôi, tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với rượu, ngày 3 lần.
- *Cù kim cang*, *Cù ráng* (*quán chung*). Đều bằng nhau, đốt qua cao bô vỏ ngoài tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với rượu lúc đói, khỏi bệnh và đại bổ ích.
- *Hành trắng* 3 lạng, nấu lấy nước để xông, rửa công hiệu; hoặc chua me đất 2 nắm, nước 2 thăng sắc lấy phần nửa, ngày uống 3 lần.

**9. Kinh trị 5 loại tri ra máu:**

*Mộc nhĩ cây dâu*, nấu canh ăn no vào lúc đói, 3 ngày cho ăn 1 lần, đợi chỗ lở bỗng nhiên đau như chim mổ, lấy đậu đò 1 thăng, già lắn nhau gói làm hai túi đem nấu, thừa lúc nóng ấy thay đổi mà ngồi lên trên thì khỏi. Hoặc dùng mộc nhĩ cây hòe tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng cân, uống với rượu, lúc đói, ngày 3 lần.

**10. Kinh trị bệnh tri ra máu:**

*Lá hòe* 1 cân. *Đồ chin*, *phơi khô*, nấu thay nước chè uống lâu ngày sẽ khỏi bệnh và còn sáng mắt.

**11. Kinh trị 5 loại tri, bất cứ tri nội, ngoại, đều chữa khỏi:**

- *Mai ba ba* (*Cua đình*) chữa chứng mẫu tri: lỗ đít sưng mụn lòi ra, có mủ như vú chuột.
- *Da nhím* chữa chứng tần tri: Lỗ đít sưng mụn lòi ra có mủ.
- *Tổ ong tàng* chữa chứng mạch tri: lỗ đít có nhiều mụn, ngứa đau.
- *Xác rắn* chữa chứng huyết tri: dì ngoài bắn ra máu tươi.
- *Móng chân giò heo* deo bên trái chữa chứng trắng tri: lỗ đít nổi mụn, lòi tròn trê ra máu.

Các vị đều bằng nhau, đốt ra tro tán nhỏ, trộn đều nhưng tùy loại tri mà dùng gấp bội lên 1 phần vị chủ được ấy, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước giếng mức lúc sáng sớm. Có phương *Xạ hương* (chút ít).

**12. Kinh trị chứng "thứ bao thạch", thịt dùn ra như hạch chuột đau buốt mà chưa thành mủ.**

- *Lá trắc bá*, già đắp vào, lại dùng muối rang nóng bọc vào giẻ mà chườm, hơi thấu vào thì tiêu.

- *La trác bà*, nấu với nước phèn chua, phơi khô. Cước bẹ móc đốt ra tro, đều dùng lạng. *Hoa hòe* sao cháy 2 lạng, cùng tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân, uống với rượu lúc đói.

## 13. Truyền trị bệnh "Thứ nhũ trĩ", thịt dùn như vú chuột bất luận đã lâu hay mới phát dùn nhiều thuốc không công hiệu.

- *Nghé rầm*, lấy nhiều cho vào nồi đất đổ nước vào, lá chuối bịt kín miệng nấu sôi rồi trổ một lỗ để xông vào mụn trĩ, lúc hết hơi, nước còn ấm thì rửa lành.

- *Tráp* 1 quả to, bỏ ruột, *Ba đậu* 3 đồng cân, bỏ vỏ nghiên nát. Nhét ba đậu vào trong ruột quả tráp, lấy dây buộc chặt lại, bỏ vào nồi đất, đổ giấm vào nấu cho cạn khô, rồi lấy quả chắp phoi khô tán nhỏ mỗi lần dùng chút ít, rắc lên giấy mà dán vào mỗi ngày thay một lần, lúc thay nấu nước hoa hòe mà rửa rồi lại dán giấy thuốc khác, dán hết cho cục thịt thừa ở trong là thôi. Nếu chỗ trĩ cứ cháy nước lâu ngày thì dùng nước miếng hòa với thuốc tán mà đặt vào đầu miệng lở, sẽ phá vỡ, tiêu hết.

## 14. Truyền trị bệnh trĩ đã hàng chục năm không khỏi :

Mặt *gấu*, bôi vào là rất hay, trăm thứ thuốc đều không bằng:

## 15. Kinh trị chứng trĩ mạch lươn chảy nước:

*Bọ hung* dùng 1 con, giết chết, phơi râm hoặc sấy khô, cho vào ít băng phiến tán nhỏ, nấu nước phèn chua rửa sạch chỗ lở trước rồi dùng thuốc bột quấn vào giấy đem đút vào lỗ mạch lươn, dần dần thịt mới sẽ sinh ra và tự đẩy thuốc ra ngoài. Hoặc không dùng băng phiến cũng được.

## 16. Trị bệnh trĩ đau nhức không chịu nổi:

Rết to đầu dò chân dùng 3, 4 con nấu chung với 1 bát nhão *Dầu mè*, sôi hai ba dạo, *Ngũ bội tử* tán nhỏ dùng 2, 3 đồng cân. Hai vị ngâm chung trong lọ, cất kín, đến lúc dùng lấy dầu bôi vào thì hết đau lập tức.

Hoặc dùng con rết đốt tồn tính tán nhỏ mà bôi cũng hay, hoặc chỉ dùng dầu ngâm rết mà bôi cũng được.

- *Biển súc*, già vắt lấy nước cốt 1 thăng mà cho uống luôn, chưa khỏi lại uống tiếp; hoặc trộn với bột làm bánh mà ăn, ngày ăn 3 lần là见效.

- *Rau giáp cá* 1 nǎm, nấu nước cho xông, ngâm rửa, bã dít vào chỗ đau. Hay quả chắp nướng chín đang nóng đem chườm vào, làm hết 7 quả là lành. Hoặc dùng

- *Chi xác* tán nhỏ, bỏ vào nồi đổ nước, nấu sôi 100 dạo mang ra mà xông, đợi nước ấm, ngày ba lần, đến lành thì thôi.

- *Lá hẹ già* nát, vắt thành bánh thường ngồi lên rất hay. - *Lá hẹ* 1 nǎm, dùng nồi đất đổ nước vào nấu sôi lên, bỏ nấm hẹ vào nấu lá chuối bịt kín nồi, chọc thủng một lỗ, ngồi lên trên và xông lúc nước ấm thì rửa 2 - 3 lần.

- *Bồ kết* nấu xông, sau lấy mật con ngỗng hòa với bột *Bạch chi* dít vào là lành ngay.

- *Giấy trứng tằm* (đã nở con rời). Lấy một số khá nhiều, đốt ra tro tán nhỏ, uống với rượu vào lúc đói, người khỏe mạnh mỗi lần uống 2, 3 đồng cân, người yếu thì mỗi lần uống

một đồng. Ngoài dùng nhện hùm 1 con, hoa kim ngân 3 đồng, đất sét bọc ngoài nướng đỏ suốt lấy ra để nguội, đập vỡ lấy 2 vị nghiền nhô, lấy gọng thái lát chấm thuốc bột chấm vào lỗ lở, đến lành thì thôi. Nếu chỗ lở đau lắm thì dùng quả cà già nát hòa vào chút ít bàng phiến, bôi vào chỗ đau, không có quả thì dùng rễ cà, cũng công hiệu.

- *Nghệ*, tán nhô, hòa với nước mà đắp vào hoặc mài nghệ mà bôi vào, là tiêu.
- *Hạt gián sàng* (Xà sàng tử) nấu nước xông mà rửa cũng công hiệu. - *Hạt mè* nấu nước rửa cũng tiêu. Kinh giới nấu nước ngày thường rửa cũng được.
- *Mật trăn* mài tan với dầu mè mà bôi vào là công hiệu ngay, bí dao nấu nước ngày thường rửa cũng tốt, hoặc dùng xương con lươn tán nỏ đốt ra khói mà xông, cũng lành.
- *Bầu dắng* 3, 5 quả dùi lỗ lớn bằng đầu ngón tay, bỏ vào nồi nấu cẩn, mỗi lần dùng 1 quả, lấy cái ống tre một đầu cầm vào lỗ quả bầu, đầu kia hướng vào lỗ sau mà xông, người thì đổi quả khác, đến lành thì thôi.

## **17. Kinh trị chứng phong trĩ sưng đau, lúc phát lúc không:**

*Bạch cương tám* 2 lạng, tán nhô, bỏ dầu, chân rửa sạch, sao vàng tán nhô, dùng *Ô mai* nấu chín bỏ hạt, già nát làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 5 viên, sắc 5 lát gừng với nước và mật mà uống vào lúc đói, khỏi bệnh thì thôi.

## **18. Truyền trị năm loại trĩ đau nhức:**

- *Hạt mùi* sao thơm tán nhô, mỗi lần dùng 2 đ.c uống với rượu vào lúc đói, vài lần là kiến hiệu.
- *Hạt ngò ri*, 1 vốc, *Chi xác* 3 lạng, bỏ ruột và sao, *Bồ kết* 1 quả bỏ vào và nướng. Cùng tán nhô luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 30, 40 viên, uống với nước cơm lúc đói, khỏi bệnh thì thôi.

## **19. Kinh trị trùng ăn loét ở ruột cùng (thấy ruột lòi ra là chết):**

- *Móng chân ngựa*, đốt tán nhô hòa với mỡ heo, gói lụa nhét vào lỗ lở mỗi ngày 3 lần là lành.

- *Móng deo chân giò heo*, đốt ra tro tán nhô bôi vào rất hay.

## **20. Chứa lòi trôn trê, chảy nước, ngứa tức là có trùng:**

- *Ngải cút*, khô 1 nắm, *Gừng* tươi 2 lát. Sắc nước uống. Ngoài lại dùng gừng, lá ngải, rễ xoan nấu ra nước đậm, đang nóng thì xông, nước ấm thi rửa 5, 6 lần là khỏi.

- *Lá dào* 1 bó già nát, cho vào nồi đổ nước đầy bịt kín lá chuối cột kỹ nấu sôi 2, 3 dạo trổ một lỗ trên miệng mà xông chổ đau, có trùng thì trùng bò ra.

- *Cỏ nụ áo*, *Hạt cau rừng*, *Rễ* hoặc *lá thạch lựu*. Nước chảy về phía đông 1 bát. Sắc uống, đợi trùng chết, chổ lở kín miệng thì thôi uống.

- *Hạt bìm bìm*, sao nghiền lấy lớp bột lần dầu 1 lạng. Dùng thịt heo 4 lạng, nướng chín chấm thuốc bột mà ăn cho hết, lấy nước gạo trắng 3 bát uống dần thấy trùng sặc trắng ra là khỏi, kiêng uống rượu, đậm đục, ăn đồ nhờn béo.

**21. Kinh trị bệnh trĩ có trùng, ngừa ra hoặc ra máu có mù:**

Vỏ cây hòe, bỏ vỏ mỏng ngoài, lấy thát nhiều thớ trắng trong, sắc đặc, trước xông sau rửa, sau một thời gian lâu muốn đi đại tiện, thời thường có trùng ra, làm như vậy vài ba lần là khỏi, lại lấy vỏ trắng cây hòe, giã mềm như bông đắp vào lỗ đít cũng công hiệu.

**22. Kinh trị bệnh trĩ có trùng, mót rặn đi ngoài ra không được:**

Hạt cau rừng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước sôi lúc đói, kiến hiệu dần dần, khỏi thì thôi.

**23. Kinh trị 5 chứng trĩ các chứng mạch lươn.**

- *Kim ngân hoa*, hoặc cành lá, rễ, không kể nhiều ít, cho vào nồi tắm rượu và sấy than một đêm, lấy ra phơi khô tán nhỏ, lại dùng kim ngân sắc nước hòa với rượu mà khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 đến 100 viên, uống với rượu nhat, rất có hiệu quả.

- *Kim ngân hoa*, tán nhỏ dùng hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 50 viên, sắc nước chì xác mà uống lúc đói, đại tiện ra máu thì uống nước hạt *Mân tưới*, *Lá Trác bá*, *Chỉ xác*, đều 1 lượng tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng cân với nước cơm vào lúc đói.

**24. Kinh trị 5 loại trĩ:**

*Hạt cải* tán nhỏ, tắm với nước và mật địt vào chỗ đau, khô lại thay miếng khác là công hiệu.

**25. Kinh trị bệnh rò có nhiều chỗ thông nhau:**

- *Bán hạ*, tán nhỏ, hòa với nước đắp vào ngày 2 lần là công hiệu.

**26. Kinh trị chứng mạch lươn, thủng lỗ chảy nước và chứng lồi tròn trê (lòi dom):**

- *Xương ống chân hổ* 2 đốt, bôi mật nướng vàng đỏ, tán nhỏ, nấu bánh làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 20 viên, uống với rượu vào lúc sáng sớm rất hay.

- *Tổ ong tàng* hình như quả mướp 1 cái, nếu không có cái nhỏ thì dùng cái to, nướng vàng tán nhỏ, sắc vào nếu chỗ lở mà khô thì dùng mỡ heo mùa đông trộn thuốc, thường bôi vào.

- *Úc mai rùa*, *Mai ба ба*, *phèn chua*, đều đốt tồn tính, đều bàng nhau tán nhỏ, rắc vào chỗ đau là lành.

**27. Kinh trị chứng tửu trĩ lồi tròn trê (vì uống rượu mà sinh trĩ):**

- *Xơ mướp* đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói rất hay.

**28. Kinh trị 5 loại trĩ lồi tròn trê trăm phương không kiến hiệu:**

*Chuột xạ* (*Chuột chù*) 1 con, rết 1 con. Bỏ nguyên cả con vào trong nồi, đậy vung lại, ngoài nồi lấy đất bùn nhồi với trấu cho dẻo mà trát một lớp dày độ 1 tấc, bỏ vào lửa hầm một đêm, lấy ra đợi nguội rồi nồi lấy ra thuốc tán nhỏ, rắc vào chỉ 4 lần là lành.

## XX - LÒI - DOM (TRÔN TRÊ)

Lòi dom là dầu ruột cùng lòi ra ngoài. Lỗ đít với ruột già có quan hệ gốc ngọn có tương quan biểu lý với phế, phế nhiệt thời ruột bế tắc không thông, phế hư thì ruột lòi ra không thu vào. Thế nên nguyên nhân sinh ra bệnh lòi tròn trê hoặc vì có chứng tràng phong hạ huyết, hoặc bị trĩ, mạch lươn uống nhiều thuốc hàn lương quá mà lòi ra ngoài, hoặc do di ly lâu ngày rặn nhiều quá mà lòi ra, hoặc sản phụ lúc đẻ phải rặn nhiều quá cũng có trẻ con do hò hép giận dữ và di ly lâu ngày hú yểu bên ngoài mà lòi ra.

Phép chữa phải xét rõ từng bệnh chứng mà xử lý.

### 1. Kinh trị lòi tròn trê di ly lâu ngày:

- Quả tráp 2 quả, mài vào đá cho bằng, nhúng vào mật ong nướng vàng, thửa lúc đang nóng chườm vào, nguội lại thay cái khác, làm đến thật vào thì thôi.

### 2. Kinh trị bệnh lòi tròn trê lâu ngày không thụt vào:

- Lá sen (lấy loại lá mọc là là trên mặt nước), sấy khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với rượu, lại dùng lá sen khác, rắc thuốc tán ấy lên trên mà ngồi, rất hay.

- Bồ kết 5, 6 quả, đập nát cho nước vào, giã nhò vắt lấy nước cốt mà chấm, sẽ thụt vào.

- Hoa hòe nấu nước nóng mà xông, khi nước ấm thì uống và rửa, vài ngày lại thụt vào.

- Bèo tía phơi khô tán nhỏ dwit vào.

- Lá hẹ cát nhỏ trộn với giấm xoa nóng, dùng lụa gói làm 2 gói thay nhau mà chườm sẽ khỏi.

- Cua dinh (Ba ba) 1 con luộc chín mà ăn thịt, còn nước luộc ấy đem rửa chỗ đau, xương đầu nó đốt tồn tính, tán nhỏ rắc lên, là thụt vào.

- Nhền nhện 7 con đốt tồn tính tán nhỏ trộn với dầu mè bôi vào, rất hay.

- Cò hy thiêm giã nát trộn với giấm, nặn thành bánh hơ lửa nóng mà đắp vào nguội thi thay.

- Củ gai đập giập nát, nấu sôi, lúc đang nóng thì xông, nước ấm thì rửa là công hiệu. Hoặc Cỏ tháp bút đốt tồn tính tán nhỏ, xúc vào rồi lấy tay đẩy lên, là nó thụt vào.

- Đất vách dằng đóng đã lâu năm, tán nhỏ rắc vào, ngoài lấy bồ kết nướng nóng ép lên, quả này nguội thay quả nóng khác, rất công hiệu.

- Hương phu mè, Hoa kinh giới tán nhỏ đều bằng nhau mỗi lần uống 1 đồng cân; lại dùng mỗi vị 1 đồng cân, đổ 1 bát nước nấu sôi 10 đạo, đổ ngâm và rửa.

- Quả hòe, Hạt hòe. Các vị bằng nhau tán nhỏ, trộn với tiết dê tươi vắt lại một cục phơi khô, đến lúc dùng lại tán nhỏ ra, mỗi lần dùng 2 đồng cân, uống với rượu vào lúc đói.

- Hạt giàn sàng, Cam thảo. Dều 1 lượng tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân uống với nước sôi ngày 3 lần và dùng thuốc tán rắc vào.

- Xương hổ đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng cân, uống với nước ngày 3 lần rất hay..

- *Bồ hòn*, *Cút chuột* cho vào nồi mà đốt ra khói, bô trí cách ngồi lên mà xông, rất hay.
- *Bồ hoàng* tán nhỏ, trộn với mỡ heo dát vào, ngày thay vài ba lần.

### **3. Chữa sưng đau muộn thành bệnh trĩ.**

Dùng dao mổ heo mài lấy 1 bát nước cho uống rất hay.

- *Rau sam*, *Chua me đất*. Đều dùng mỗi thứ 1 nắm, nấu sôi để xông và rửa ngày 3 lần.
- *Thó ty tử* sao đen tán nhỏ, trộn vào lòng trắng trứng gà mà đắp. Hoặc dùng củ gai, già sống, ngồi lên trên cũng hay.

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYỀN VII**

**CÁC BỆNH NỘI NHÂN**

## I - NỘI THƯƠNG

Nội thương là khí huyết tạng phủ bị thương tổn bên trong. Thân thể con người nhờ khí huyết mà sinh trưởng, nhờ tạng phủ mà nuôi dưỡng. Cho nên khéo bồi dưỡng thì có ích, không khéo gìn giữ thì có hại.

Khéo bồi dưỡng là gì?

- Là: Lo nghĩ vừa phải, mừng giận có chừng, ăn uống dè dặt, làm lụng điều độ... như thế là có ích.

Không khéo gìn giữ là gì?

- Là ham muốn quá độ, tửu sắc không dè, thất tình dồn ép, làm lụng quá sức, tinh thần và hình thể đã bị mệt mỏi át là gấp phải tai hại mà phát sinh bệnh tật. Cho nên biết giữ thân phải hết sức cẩn thận, biết phòng bệnh hơn là chữa bệnh.

Bệnh nội thương lúc mới phát cũng giống như bệnh ngoại cảm, người chữa bệnh phải xét cho rành, nội thương là do nguyên nhân khí suy yếu mà sinh bệnh, ngoại cảm là do tà khí quá盛 mà phát sinh. Nếu nguyên khí suy yếu mà còn công tă, hoặc tà khí quá 盛 mà còn bổ còn liêm thì sai một lý di một dặm. Tục ngữ có câu: "Thuốc có thể cứu người mà cũng có thể giết người". Lời nói ấy thật không phải là quá đáng. Cho nên người chữa bệnh, hē giòi về mạch thì xem mạch để đoán bệnh, như thế mới tránh khỏi cái vạ "giết người không dao".

Bệnh nội thương thì nóng rét xen nhau không cùng phát một lúc, ngoại cảm thì cùng phát một lúc mà không gián đoạn. Nội thương tuy không sợ rét nhưng hē được ấm thì đỡ, ngoại cảm thì sợ rét, mặc dù gặp nóng dữ cũng không đỡ. Nội thương chỉ sợ gió, nhưng chỉ sợ một thứ gió độc nào đó, ngoại cảm sợ gió và mọi thứ gió lạnh đều sợ, Nội thương miệng ăn không biêt mùi vị mà trong bụng không điều hòa. Ngoại cảm thì mũi ngửi không biêt mùi vị, như bị nghẹn bí tắc, nội thương thì vì nguyên khí không đủ, thường nháy nói, tiếng nói, trước nặng sau nhẹ, ngoại cảm thì tà khí có thừa, tiếng nói mạnh bao, trước nhẹ sau nặng. Nội thương thì lòng bàn tay nóng mà lưng bàn tay mát. Ngoại cảm thì lòng bàn tay mát mà lưng bàn tay nóng. Nội thương thì đầu lúc nhức lúc không, ngoại cảm nhức đầu liên miên. Phải dựa vào các phép so sánh trên đây của Nội kinh mà xét kỹ tình trạng nội thương hay ngoại cảm, xem lại bệnh ở vào tang nào, kinh nào để chiếu theo các phương mà chữa.

### 1. Kinh trị hư tổn lâu năm không khỏi.

*Hết bì dao* bóc vỏ phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân uống với rượu nóng lúc đói, uống lâu thì kiến hiệu.

### 2. Kinh trị lao tổn, nóng hầm hập, các thứ thuốc không chuyển.

*Thanh hao* dùng cà cây, hoa và lá, sắc đặc, hoặc cô thành cao hòa với nước tiểu trẻ em, thường uống thì rất công hiệu.

### 3. Kinh trị người nguyên khí hư yếu, ăn uống không biết ngon, hình dáng vàng gầy, dai đục, di tinh, tai ù, mắt mờ, thường hay xây xẩm, di tả di lị, ăn vào mửa ra.

*Hết sen* bỏ vỏ, bỏ tim, tẩm rượu sao vàng, tán nhỏ, dồn vào cái bao tử heo đục buộc chặt lại, nấu chín giã nát, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên với nước trà vào lúc đói, thật là phương thuốc tiên.

**4. Kinh trị người huyệt hư, nóng hầm trong xương, đồ mồ hôi trộm, hình dáng khô gầy, chảy máu cam, đại tiện ra huyết, mọi chứng huyệt nhiệt nói chung.**

*Thịt trâu và tủy trâu*, thường dùng làm món ăn, ăn được nhiều rất bổ.

**5. Truyền trị nội thương, trong bụng có hòn báng.**

*Trùn khoang cổ*, lấy dao tre rạch bỏ đất trong ruột rửa sạch, ngào với mật ong, mỗi lần dùng 4, 5 con uống với nước trà vào lúc đói, uống 3 buổi sáng thì kiến hiệu. Nếu nhiều đờm thì lấy dầu mè tẩm trùn, sao cho khô, rồi mới ngào với mật ong mà uống.

**6. Truyền trị bệnh nội thương, hư tổn người khô khan gầy rộc, tiểu tiện không ngăn giữ được, hoặc đại tiện đi lỏng.**

*Bong bóng heo đực*, 1 cái, *Hột sen* bóc vỏ, bò tim, tán nhỏ. Rưới rượu ngon chút ít cho đều, bò vào đầy bong bóng buộc chặt, cho vào nồi nấu chín, đợi nguội mang ra cắt nhát cho ăn tùy thích. Ăn được 4, 5 lần là kiến hiệu.

*Chi tử* sao vàng sầm tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng nước với gừng.

**7. Kinh trị chứng lao nhiệt (hết làm mệt thì sốt) và chứng sốt từng cơn.**

*Lá murop đảng, Lá câu kỳ*. Hai vị bằng nhau giã nhỏ, hòa với nước chảy về phía đông, lọc bỏ bã mà uống. Hết cơn mệt một lúc thì hòa với một chén mật mía, ho tức ngực thì hòa với một chén mật ong, eo lưng đau, tai diếc thì hòa với chút muối.

**8. Truyền trị các chứng sốt do nội thương hay ngoại cảm.**

*Lá và dây murop đảng* không kể nhiều hay ít, nấu thành cao trữ lại để dùng, lúc dùng pha nước sôi hòa vào mà uống.

## H - HU LAO

Hư lao không phải là một chứng riêng biệt, các bệnh lâu ngày không khỏi đều thành hư lao, hư lao lâu ngày không khỏi mà thành lao trùng, thì đâu thấy thuốc giỏi đời xưa cũng khó trả tay. Đó là nói bệnh đã thành hình rồi mới uống thuốc thời cũng như đợi đến khát nước mới đào giếng, đợi đến dấu vỡ mới đúc gươm thì muộn lắm rồi.

Ngày thường, ăn ở mất chừng mực, ham muốn quá độ, cũng có người bẩm thụ yếu kém, nhân đó mà sinh bệnh, nhưng trong hai yếu tố kể trên tổng quát cũng là hư kém cả.

Có lúc vì thất tình, lục đâm, ăn uống, nhọc mệt, tổn hại khí huyết, tinh hao, thủy kiệt, hỏa bốc nóng trong ngũ tạng, nung nấu giữa tam tiêu, làm cho thân khô ráo không có chút tư nhuần, nên sinh ra chứng ngũ tâm phiền nhiệt (15) tai diếc, mắt mờ, ho hen, tức thở, thô huyết, khạc ra máu, ỉa ra máu, chảy máu mũi, đồ mồ hôi trộm, di mong tinh, thần sắc tối tăm, hơi thở đoàn, chân tay yếu đuối, tân dịch khô kiệt, ăn uống ngày một kém. Bệnh không phải một sớm một chiều mà phát ra như thế, thì việc dùng thuốc không phải là một muỗng, một viên mà chữa khỏi.

**1. Cao bổ âm:** Kinh nghiệm dùng chữa tất cả chứng lao tồn, 5 chứng lao, 7 chứng thương, tinh ít tuy khô, thận suy huyệt kém, tất cả mọi chứng âm hư bất túc.

*Yếm rùa* 10 cân, ngâm nước lạnh 7 ngày, thấy vỏ đen đã tróc nát thì đem cạo sạch cho trắng, nướng qua, cho vào cối đá, giã nát ra, cho vào nồi đất đồ đầy nước bịt kín miệng lại, đặt vào nồi bung nấu cách thủy, cạn nước thì chuyển nước sôi vào, dưới nồi đun lửa luôn

15. Triệu chứng của bệnh hư lao thể hiện nóng ở hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân và dưới vùng tim, do âm hư, hỏa uất.

không hề tắt, nấu luôn một ngày một đêm, xem yém rùa nát mềm và nước đặc thì lấy ra bỏ xác, lóng lấy nước đổ vào cái chảo, dùng lửa củi dâu, đun lửa vừa vừa, đưa cà quấy liền tay, khi nào nhỏ một giọt vào nước lạnh mà không tan là được, đổ vào lọ cất kín, mỗi lần uống không kể nhiều ít, hòa vào nước sôi mà uống vào lúc đói, uống lâu ngày thì người mạnh các bệnh đều tiêu dần.

**2. Cao bổ dương:** Kinh nghiệm chữa chứng dương hư thân thể, tay chân, khí lực yếu ớt, ăn uống kém sút, tinh lạnh không thể có con, tất cả mọi chứng dương bất túc và hư hàn thì dùng cao này làm chủ.

Gac hươu không kể nhiều ít, cắt ra từng khúc, ngâm vào nước vài ngày cao bô da ngoài, nấu cách thủy như nấu cao bô âm, và cách uống cũng giống như cao bô âm. Nếu khí huyết đều hư thì nên hòa lắn cả 2 thứ cao mà uống gọi là cao bô âm dương thì công hiệu cũng không thể kể hết được.

**3. Kinh trị chứng hư lao nóng rét, chân tay mình mẩy rủ mỏi và bị bệnh lao trái nóng âm i trong xương.**

Rau má tía, Thanh hao (cà cành, lá, hoa, hột). Mỗi vị dùng 5 cân, cắt nhỏ, nước tiểu trẻ con 5 thăng, nước 5 thăng đổ vào nồi đất to, sắc lấy 1 nửa lọc bỏ bã lấy nước, nhão lửa, ngọt còn một dấu, dùng 40 cái mật heo, trích lấy nước mật hòa vào, lại cô thành cao, đưa ra đợi nguội, lại dùng cam thảo 2, 3 lạng nướng chín, tán nhỏ, trộn vào cao, già cho đều, làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, tăng dần đến 30, 40 viên, uống với nước cơm vào lúc đói rất hay.

#### **4. Một phương thuốc cao kinh nghiệm.**

Thanh hao cà rẽ, cành, hoa, lá hột một nắm cắt nhỏ. Nước 3 thăng, nước tiểu trẻ em 5 thăng. Cùng sắc lấy 1 thăng rưới bỏ bã, cô thành cao, viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu vào lúc đói và lúc đi ngủ rất hay. Hoặc chỉ dùng độc vị Thanh hao nấu cô thành cao, khi uống thì hòa vào nước tiểu em mà uống cũng được.

#### **5. Một phương thuốc rất hay chữa bệnh hư tổn:**

Hột sen già nửa cân, bóc vỏ bỏ tim, tẩm rượu 2 đêm, lấy một cái bao tử heo đục rưa sạch, dồn hột sen vào, lấy dây buộc lại, bỏ vào nồi đất đổ nước nấu cho chín, lấy ra phơi khô, tán nhỏ, dùng rượu khuấy hồ làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước ấm trước lúc ăn, rất hay.

**6. Kinh trị chứng lao tổn, và người già suy nhược, ung thư, phong hùi, sống mũi lở loét, uống vào thì da tróc, trùng ra, uống lâu thì bổ trung khí, làm cho không dối, thân thể nhẹ nhàng và sống lâu.**

Thiên môn đồng phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng, ngày uống 3 lần, kiêng ăn cá gáy.

**7. Kinh trị chứng lao tổn, đồ mồ hôi trộm, di tinh, phương này có tác dụng bồi bổ, ích khí, mạnh chí;**

Cù súng, nấu chín, bóc vỏ, 10 lạng. Cù mài, nấu chín, bóc vỏ, 20 lạng. Phơi khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, nấu lẫn với cháo mà ăn vào lúc đói, ăn lâu, sẽ thấy khá dần.

**8. Kinh trị người khí huyết suy kém, nóng hầm hập hư lao quá sức, mặt bùng den xám, đau lưng không ngồi lâu được, tóc rụng, răng khô, hay nhổ vặt.**

Gac hươu 2 lạng, Ngưu tất, tẩm rượu, kiêng đồ sắt, sấy khô, 1 lạng rươi. Đều tán nhỏ, luyện mật làm viên, bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với nước muối và ít rượu vào lúc đói rất hay.

## 9. Kinh trị mọi chứng lao tổn.

Tùy bò, ăn được nhiều thì thêm súc sống lâu và Cá diếc ăn được nhiều cũng bổ ích.

## 10. Kinh trị bệnh lao, sốt nóng hầm hập, tự đổ mồ hôi trộm, chứng này sốt liên miên thì khó chữa, sốt cách quãng thì dễ chữa.

- *Linh dương giác*, chè vụn tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước ấm vào lúc đói, thi khôi.

- *Nước tiểu trẻ em* (lấy ở trẻ em từ 3 tuổi trở lên) 5 bát, nấu lấy 1 bát, đổ *Mật ong* vào 3 chén hòa đều mỗi lần uống 3 chén, bệnh nhẹ thì uống 20 ngày, bệnh nặng thì 30 ngày.

- *Cá lạc, (Mạn lê ngư)* bò ruột, rửa sạch, đổ vào 2 chén rượu cho muối và giấm vào mà ăn nhiều sẽ kiến hiệu.

## 11. Kinh trị chứng âm hư hỏa bốc ho ra máu, và chữa được chứng tích tụ phong đờm, có tác dụng dưỡng 5 tạng, giết được trùng nấp trong cơ thể, trừ được ôn dịch, bổ khí, nhẹ người, không hay đói.

*Cao thiên môn*: Dùng *Cù tóc tiên leo* rửa nước sôi bỏ lõi, già vắt lấy nước 10 thăng, nhô lửa nấu đến còn 3 thăng, đổ vào bốn lạng *mật ong* cô đến độ nhão vào nước lạnh không tan thì đem rót vào lọ sành, đậy kín, chôn xuống đất ba ngày lấy lên để dành dùng. Liều dùng 1 muỗng, ngày 2 lần sáng sớm và tối đi ngủ hòa tan với nước sôi mà uống. Nếu đại tiện đi lỏng thì uống với rượu.

## 12. Kinh trị chứng cấp lao ho hắng khó chịu.

*Đào nhân* 3 lạng, ngâm nước bóc bò vỏ và đậu nhọn, *Gan heo* 1 cỗ. Nước đái trẻ con 2 bát, cùng nấu đến cạn, cho vào cối giã nát bét, làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 viên uống với nước nóng vào lúc đói.

## 13. Truyễn trị chứng lao thương ho mài tiếng, bụng to lòi gân xanh và trị chứng ngộ độc.

*Gỗ mun hoa* cho nước nóng vào mài lấy nước sệt cho uống rất hay.

## 14. Kinh trị chứng hư lao, ho hen đờm suyễn, tự đổ mồ hôi:

*Phổi heo* đục không cho dính nước dùng dao chẻ chọc thủng từng lỗ, mỗi lỗ đòn vào vài đồng cân *hạt rau dền* đồ chín, sang canh nấm cho ăn chỉ ăn 3, 5 lần thì kiến hiệu.

## 15. Kinh trị chứng lao tổn lâu ngày, thành lao trùng và chữa cả bệnh ho lao truyền nhiễm:

*Cật heo* đục 1 đôi, *Nước đái trẻ em* 2 bát, *Rượu* 1 chén. Đều cho vào nồi đất mà ngâm, nhô lửa nấu kỹ, sang dầu canh nấm hâm nóng cho ăn và uống cả cái lẩn nước. Ăn liên tục 1 tháng thì kiến hiệu. Hoặc có bệnh thổ huyết thì gia thêm *mầm cỏ may*, rất hay.

## 16. Kinh trị ho lao thổ huyết, chảy máu cam, nóng rét, ho đổ mồ hôi:

*Thịt ếch* nấu chín nhừ, rút bò xương, cho hành muối vào lại ninh kỹ thường ăn, có tác dụng giáng hỏa và đại bổ.

## 17. Kinh trị bệnh lao truyền nhiễm:

*Gan meo đen* dùng cho dính nước thái sống, phơi khô, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu nhạt vào lúc đói, rất hiệu nghiệm.

## 18. Kinh trị bệnh lao gân chết.

*Mạch môn* đồng 2 láng, *Chích cam thảo* 2 láng, *Gạo tẻ* nửa vốc, *Lá tre* 15 lá, *Nước* 2 thang, sắc lấy 1 thang, chia uống 3 lần rất hay.

### III - GIUN SÁN (sến dãi)

Các loại giun sán sinh ra là do ăn uống vào bao tử những đồ sống sít, hoặc đồ ngọt béo, hoặc rượu thịt tanh tao, dạ dày không vận chuyển được, đình trệ lâu ngày, mà hóa sinh ra.

Muôn vật ở trong trời đất, có bốn cách sinh đẻ.

1. *là thai sinh* (đẻ con);
2. *là noãn sinh* (đẻ trứng);
3. *là tháp sinh* (đẻ ở nước);

4. *Là hóa sinh* (hóa ra con) giun sán ở đây là loại hóa sinh. Cho nên tùy từng loại mà hóa sinh ra các thứ sên lõi khác nhau. Nó có giống khác nhau, lúc phát bệnh thì bụng đầy trưởng, nôn mửa, nuốt chua, nhổ ra nước trong, mặt vàng, người gầy, không muốn ăn uống hoặc khi tích thành cục ẩn vào không chuyển động đau nhức không ngớt... chính là bệnh sên lõi. Nếu không chữa ngay, để cho nó chạy vào tim vào phổi thì át phải chết.

Nên theo các phương sau đây mà chữa.

#### 1. Kinh trị các loại giun sán chòi, quấy trong bụng sinh đau nhức vùng tim, hoặc nhổ nhiều nước trong.

- Cá lạc nấu nhạt cho ăn no, ăn 3, 5 lần thì khỏi.

- Cỏ nụ áo phai khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng liều dùng 40 viên, dần dần tăng đến 50 viên, nấu nước với mật làm thang uống vào lúc đói, kiêng rượu thịt.

- Son khô sao cháy tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với nước nóng, ngày uống 3 lần rất hay.

#### 2. Kinh trị bị giun chòi mà đau tim.

Mật gấu 1 cục bằng hạt đậu, hòa tan với nước mà uống, rất công hiệu.

#### 3. Kinh trị bị giun dúa chòi quấy, đau nhói trong bụng nhổ ra nước miếng trong.

Long đởm thảo 1 lạng, bồ gốc, cắt nhỏ, đổ 2 chén nước, sắc lấy một chén, nhịn đói 1 đêm, sáng mai uống hết, là kiến hiệu.

#### 4. Kinh trị bạch thốn trùng (sán sơ mít).

- Hột ngút (chua ngút) tán nhỏ 3 đồng, tuân dầu tháng, tối hôm trước không ăn cơm, chỉ ăn thịt nướng, đến 4 giờ khuya, lấy rượu hòa vào bột hột ngút mà ăn, đến 9, 10 giờ trưa sau, thì sán ra chết hết. Sau đó nên ăn cháo để bảo vệ tang khí và khỏi hại tỳ vị, không được ăn cơm.

- Rễ lựu 1 nắm rửa sạch, Hạt cau khô 5 hạt. Bóc thành thang sắc đặc, sáng sớm dùng 1 miếng thịt heo nướng vàng ngâm vào miếng, để cho sán ngoi đầu lên, một lúc nhả thịt ra, uống nước thuốc vào, thì sán chết mà ra hết.

- Hột cau khô 14 hạt tán nhỏ, còn vỏ cau thời đó vào hai bát nước sắc lấy 1 bát, rồi hòa một đồng cát bột hạt cau đó mà uống vào lúc đói, ít ngày thì sán ra hết, nếu sán ra chưa thật hết, thì lại uống thêm như trên, hể sán ra hết mới thôi.

- Cành dâu, dùng dao tre cạo lây vỏ trắng 3 năm, nước 3 bát sắc lấy 1 bát, chờ ăn bữa cơm tối, sáng sớm mai đang đợi bụng là uống, thi sán liền xuống hết, uống 2, 3 lần thi dứt nọc - Rau xam sắc lấy 1 bát nước, cho ít muối và giấm vào mà uống vào lúc đói, thi sán ra hết mà lành, nên uống 2, 3 lần sán xuống hết là thôi.

### 5. Kinh trị chứng sán và giun dúa đều công hiệu.

- *Tổ ong* đốt tán nhỏ, dùng 1 đồng cân uống với rượu vào lúc đói, sán đều xuống chết hết.

- *Chì đen* bỏ vào xanh đồng, đốt lửa cháy tan, lấy que tre quấy cho nổi phần lên, hớt lấy 4 đồng cân, lúc đi ngủ ăn một miếng thịt heo, sáng mai đầu canh 5 lấy nước đường hòa với phần chì đó mà uống thì sán xuống hết, rồi ăn cháo, 1 ngày là dứt nọc.

### 6. Kinh trị chứng giun dúa, bụng đau như giùi đậm miệng ứa ra nước giải trong.

- *Lá ngải cứu* 1 nắm, nước 2 thăng, sắc còn 1 thăng cho uống, thì sẽ ra trùng hoặc đi ia ra.

- *Thịt nướng* ăn 1 miếng vào lúc gà gáy canh đầu, một lúc lâu uống một bát nước cốt lá *ngải cứu* vò ra, thì sẽ trực sán ra.

- *Rễ ý dí* cắt nhỏ, nửa cân, nước 3 thăng, sắc lấy phần nửa, uống vào lúc đói thì sán chết mà ra hết, rất công hiệu.

- *Lá ngải tươi* già vắt lấy nước 1 bát, đến đầu canh năm (4 giờ sáng) trước ăn một miếng thịt nướng, hồi lâu uống nước ngải vào thì sán tự ra.

- *Hột cau khô* 2 lạng thái nhỏ, rượu 2 bát. Sắc lấy nửa chia ra uống, sán ra hết là khỏi.

- *Cà dai* mổ lấy hột, phơi khô tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống 3 viên vào lúc đói sán ăn mật là chết, mà chết hết, tự khỏi.

- *Mộc nhĩ cây hè* đốt tὸn tính tán nhỏ, uống với nước nóng vào lúc đói độ 2 đồng cân, thì sán ra hết.

### 7. Kinh trị chứng giun chòi ra bằng miệng và mũi.

*Ô mai* sắc lấy nước thường uống và ngâm lè yên ngay.

*Cá chết nổi* 3, 4 con, Dùng mõ heo rán cá, bỏ vào 10 hột *Ba đậu* cùng nghiên nhỏ, lấy bùn ngoài ruộng luyện dẻo làm viên bằng hột đậu xanh, phơi khô uống với nước lạnh, đi đại tiện ra đỉa là khỏi.

## IV - BỔ ÍCH

Con người căn bản là nhờ tinh thần và khí huyết mà duy trì sự sống, nếu thủy hỏa điều hòa thì sự sống yên lành, thủy hỏa thiên lệch thì sinh ra đủ thứ bệnh.

Người uống rượu nhiều quá, đậm đặc nhiều quá thì hại tinh huyết, lo nghĩ nhọc mệt quá thì hại thần khí, giận dữ quá thì hại can khí, ưu sầu quá hại phế khí, vui mừng quá hại tâm khí, lo nghĩ quá hại tỳ khí, sợ sệt qua hại thận khí, cho nên sách Nội kinh có chép: "Khéo ăn ở thì khỏe mạnh, khéo ăn ở thì chết mất" ý nghĩa là như thế. Lại nói: "Tỳ là gốc của 5 tạng. Vì là gốc của 6 phủ, hễ tỳ vị điều hòa thì nuôi dưỡng được khắp các tạng phủ". Vì vậy, phép bổ dưỡng rất có quan hệ đến tinh mạng con người, thuốc thang cũng bổ ích cho đời sống. Cho nên tôi gộp nhặt một số bài thuốc bổ sau đây để tùy từng bệnh mà bồi dưỡng.

### 1. Bài "Phù tang chí bảo" phương thuốc kinh nghiệm.

Bài thuốc này khí vị hòa bình không nóng, không lạnh, uống liên tục được 3 tháng thì thân thể nổi đầy mụn, đó là do sức thuốc đẩy ra không nên cho là quái lạ. Sau đó khấp mình tươi sáng, da dẻ mịn màng đến nửa năm thì khí lực trở nên mạnh mẽ, tật bệnh dần thấy tiêu tan, cứ trường kỳ uống mãi không ngót thuốc, thì gan cốt trở nên khỏe mạnh, khí huyết dồi dào, tò tai sáng mắt, tinh thần khoan khoái, tăng tuổi thọ.

*Lá dâu non* (dùng thứ dâu vườn tốt, chớ nên dùng dâu núi, sợ có độc rắn rết), hái lúc mặt trời chưa mọc, độ vài ba chục cân, mang tới chõ nước chày rửa sạch bụi đất, phơi nắng cho khô.

*Vừng* (mè) đen phân nửa cho vào nước xát tróc vỏ, rồi chín lần đồ chín lần phơi.

Hai thứ cùng tán bột, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần dùng 100 viên, uống với nước nóng vào lúc đói.

## **2. Nghiệm phương thuốc chữa ngũ lao thất thương bổ ích tỳ vị, nhuận tim phổi, uống lâu càng tốt.**

- *Hoàng tinh bò* vỏ nấu chín, phơi gần khô lại nấu lại phơi 9 lần, rồi cắt để dùng, hoặc ăn cả củ hoặc tán nhỏ hòa vào cháo mà ăn đều tốt.

## **3. Lại có phương chuyên bổ hư tổn, điều hòa tâm thận, bền tinh khí sáng tai mắt, mạnh trường vị:**

*Hạt sen* bóc vỏ bỏ tim, tẩm rượu độ 3 giờ, phơi khô tán nhỏ, dồn vào bao tử heo nấu chín, cho ăn tùy thích, hoặc phơi khô tán nhỏ, luyện mật ong làm viên uống vào lúc đói, uống lâu càng tốt.

## **4. Lại có phương bổ phủ tạng, cường chí khí, tò tai sáng mắt.**

*Hạt sen già* bóc vỏ bỏ tim tán nhỏ, mỗi buổi sáng dùng gạo hai vốc, nấu cháo bỏ vào nửa láng bột hạt sen ấy, khuấy đều, ăn nóng, ăn lâu sẽ thấy công hiệu.

## **5. Kinh phương có tác dụng bổ trung, ích khí, cường âm, nở da thịt, trừ tà khí nóng lạnh, trừ hú lạnh ở hạ tiêu và tiểu tiện đi luôn, uống lâu sẽ thấy hay:**

*Củ mài*, mài vào chậu sành cho thành bột, tẩm rượu sao thơm, rồi thêm 1 chén rượu khuấy đều, mỗi buổi sáng ăn vào lúc đói, dần dần thấy khá lên nhiều.

## **6. Kinh trị người trung niên hao tổn có tác dụng bổ gan sáng mắt, làm cho béo, trẻ đẹp, tăng trí nhớ.**

*Hạt bí dao* 7 thăng, đựng vào túi lụa, nước nấu sôi 3 dao thì cho vào, hối lâu lấy ra phơi khô, lại nấu lại phơi 3 lần rồi tẩm giấm thanh hai đêm, phơi khô tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với nước trà, dần dần thấy công hiệu.

## **7. Kinh trị những người suy nhược, ăn nó có tác dụng bổ ích nhiều:**

- *Gà trống* den 1 con, giết chết, vặt lông moi bỏ ruột, ninh thật nhừ, cho hành gừng muối vào mà ăn, ăn càng lâu thì rất bổ ích.

- Ăn thịt *Chim cu* ngói được nhiều cũng rất bổ.

## **8. Nghiệm phương có tác dụng tráng thận mạnh chí.**

*Huyết trong* con hổ mới giết được cho uống sống thì rất hay.

## **9. Bài thuốc kinh nghiệm, uống vào rất bổ, làm mạnh gân cốt, thêm tinh túy, bổ khí huyết, den râu den tóc, cường dương, nhẹ người dùng thuốc này phải uống hàng năm mới có công hiệu.**

*Hà thủ ô* trắng và đỏ mỗi thứ dùng nửa cân, ngâm nước vo gạo 3 đêm, dao tre cạo bò vỏ ngoài, dao đồng thát lát (kiêng dụng cụ bằng sắt), sao khô tán nhỏ, luyện mật, làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 viên uống với rượu lúc đói. Kiêng ăn huyết heo, cá cờ vây, rau cải, hành tỏi.

## **10. Bài thuốc kinh nghiệm làm tò tai, sáng mắt, tăng trí nhớ:**

*Cửu tiết xương* bò lấy về rửa sạch phơi rám 100 ngày, tán nhỏ liều dùng 1 đồng cân uống với nước trà, ngày uống ba lần, uống càng lâu càng công hiệu.

11. Bài kinh nghiệm này bổ 5 tạng, thêm khí lực, cứng xương dây tinh tuy, uống lâu thì hết bệnh, sống lâu rất bổ ích.

*Vừng den* (Mè den) thứ to hạt là tốt, 9 lần đồ, 9 lần phơi, cất kín mỗi lần dùng 2 vốc, rưới nước ướt, gói vào khăn vải xát bỏ vỏ, giã nát cùng gạo té trắng cùng tán bột, mỗi sáng sớm lấy ăn, hoặc luyện mật làm viên bằng hòn đạn mỗi lần uống 1 viên với rượu, ngày uống 3 lần, uống trong 1 năm thì thấy công hiệu. Kiêng ăn thịt chó, cá đục, rau sống.

## 12. Bài kinh nghiệm này uống vào dẹp nhan sắc.

*Hoa sen*, ngày 7 tháng 7 âm lịch, hái lấy 7 phần, *Cù sen* ngày 8 tháng 8 hái lấy 8 phần, *Hột sen* ngày 9 tháng 9 bóc lấy 9 phần. Đều phơi râm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu nóng, đây là phương pháp thuốc rất hay.

## 13. Bài "Cam cúc phương" kinh nghiệm.

*Mầm cúc* lấy vào thương tuần tháng 3, *Lá cúc* hái vào tháng 6, *Hoa cúc* hái vào tháng 9, đến tháng 12 thì nhổ cả cây. Cả 4 thứ đều phơi râm 100 ngày số lượng bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng một đồng cân, uống với rượu, hoặc luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 7 viên, uống với rượu, ngày uống ba lần. Uống được 100 ngày thì nhẹ người, da dẻ nhuận mượt, uống 1 năm thì tóc xanh trở lại.

## 14. Bài "Đi loại hữu tinh hoàn" kinh nghiệm, có tác dụng bổ khuyết bổ tạng phủ tinh tuy, đại bổ hư lao.

*Lộc giác sương*, *Quy bản* (tẩm mỡ hoặc váng sữa nước vàng) *Lộc nhung* (tẩm mỡ hoặc váng sữa nướng vàng) mỗi thứ 6 phần, *Hổ hĩnh* (xương cẳng chân trước hổ tẩm rượu nướng vàng) tùy xương sống lưng đực, mỗi thứ dùng 4 phần, cùng tán nhỏ.

Các vị trên luyện mật cho đều, viên bằng hột ngô đồng mỗi lần uống 50 viên dần dần đến 70-80 viên uống với nước muối vào lúc đói.

## 15. Bài cao Thiên môn kinh nghiệm, có tác dụng bổ phổi, chữa ho ra máu, trừ tích tụ phong đờm, nhuận ngũ tạng, sát trùng lao, trừ ôn dịch bổ khí nhẹ mình uống vào không đói.

(Cách chế và liều dùng xem mục Hư lao, phương số 11 ở trên)

## 16. Kinh trị chứng phong tê thấp lâu ngày và bổ chính khí, lợi trường vị, tiêu thủy thũng, trừ tà khí trong xương, cung chữa chân co quắp.

*Hột ý dì* tán nhỏ, lần với gạo té mà nấu cháo, ăn hàng ngày rất công hiệu.

## 17. Phương thuốc uống vào không đói, đã kinh nghiệm (dây là phương thuốc tiên)

*Hột sen* già đồ chín bóc vỏ bỏ tim, giã lấy nước, nấu nhỏ lửa lấy 5 đấu, đồ mật và rượu vào một đấu. Hột mè tán nhỏ 2 thăng. Cùng nấu đến lúc viên lai được thì rút lửa đi, dùng bột đậu xanh trộn vào làm bánh ăn, vuông ba tấc dày nửa tấc, mỗi lần ăn 1 bánh, ngày ăn 3 lần, 100 ngày trở lên rất tốt, kiêng ăn cá gáy.

## 18. Phương thuốc tịch cốc nhịn cơm không đói.

Nước lụt, đại hạn và sâu keo dời nào mà không có, nhân dân gấp phải tai nạn ấy thì hết của xiêu nhà, thiệt mình, bỏ con, cho nên người dời không thể không biết phương thuốc này:

*Đậu đen* 5 đấu, xát sạch, đồ 3 lần, bỏ vỏ, *Mè den* 3 đấu, ngâm nước một đêm, cũng đồ 3 lần, xát bỏ vỏ. Đều giã nát, nấm thính từng cục to bằng nấm tay, bỏ vào chõ mà đồ từ 8 giờ tối đến 12 giờ đêm, 4 giờ sáng sau nhắc chõ ra. 12 giờ trưa đem phơi khô rồi tán nhỏ, ăn bớt khô đến no thì thôi, kiêng không ăn qua một thứ gì khác. Ăn no lần thứ nhất được 7

ngày không đói, ăn no lần thứ hai được 49 ngày không đói, ăn no lần thứ ba được 300 ngày không đói, ăn no lần thứ tư được 2400 ngày không đói, sau không cần nữa mà vĩnh viễn không đói. Không kể già trẻ, cứ theo đúng phép mà ăn thì người mạnh khỏe, da dẻ đỏ tươi, lâu ngày không khô héo. Nếu khát nước thì nghiên mè đen sắc nước mà uống, thì lại nhuần được tạng phủ. Nếu muốn lại ăn được các vật thì dùng *Hột quy* 3 vốc, nghiên nát sắc nước để nguội mà uống với thuốc, uống như vậy rồi thời tửu sắc hay ăn uống các thứ khác đều không hại gì.

## V - THƯƠNG THỰC

Ăn uống là mạch sống của con người, tỳ vị là nền tảng của thân thể. Nền tảng ấy rất quan hệ, muôn vật nhờ đó mà sống, cho nên ăn uống có chứng mực thì tùy vị điều hòa, tỳ vị điều hòa thì tạng phủ yên tĩnh thì các bệnh không sinh, nếu ăn uống sai trái một chút thì bệnh phát ra ngay. Cho nên Nội kinh có nói "*Ăn mà nuôi sống, cái ích đó do ta làm nên, ăn mà hại sự sống, cái hại đó cũng do ta làm nên*". Bởi vì bệnh hay phát vào những người tạng phủ yếu ớt mà những người giàu sang, an nhàn, trong tỳ vị đã trở nên hú lanh, ngoài thân thể lại lười vận động, thì đồ ăn cũ chưa tiêu, đồ ăn mới lại tổng vào, tỳ vị yếu không tiêu hóa nổi mới thành chứng tích thực. Lúc bệnh phát sinh thì trương bụng thở gấp, tức ngực thở chua, hơi thổi bệnh nặng thì nóng rét dữ dội hoặc đau đầu giống như sốt rét, như thế là đúng chứng.

### 1. Kinh trị chứng trung khí vốn hư tổn, tỳ vị yếu không tiêu, hoặc sinh các chứng khát nước di ly.

Cá *diếc to*, bò ruột, lấy 5, 6 tép tỏi dồn vào bụng cá, ngoài gói vài lớp giấy, nướng chín, bỏ tỏi đi, ăn cá, ngày ăn 2, 3 lần tự nhiên sẽ ăn được nhiều, lại chữa chứng bụng bị tắc nghẽn, ăn không xuống. Phương này công dụng điều hòa được dạ dày, chắc được ruột, không nên khinh thường.

### 2. Kinh trị chứng vị hư khí nhiệt không ăn được.

Nước gừng nửa chén. *Sinh địa* sắc đặc lấy nước một ít. Mật 1 muỗng, nước 2 chung, hòa đều mà uống rất hay.

### 3. Chuyên trị chứng trương bụng do ăn uống quá nhiều.

Thuốc *súng* 34 viên, nghiên với nước lạnh uống tức khắc nhuận trường, và đồ ăn tiêu hết.

### 4. Kinh trị chứng tỳ vị hư yếu không muốn ăn uống.

Củ *mài* sao, *Bạch chỉ* tắm mật một đêm sao khô. *Hột sen* sao các vị đều nhau tán nhỏ luyện với nước làm viên, bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 40, 50 viên với nước cơm là kiến hiệu.

### 5. Kinh trị tỳ hư bụng yếu, ăn kém không tiêu mặt sinh vết den.

Mứt *hồng* 5 cân, *Váng sữa* 1 cân, *Mật ong* 1/2 cân. Trước lấy váng sữa và mật hòa đều nấu sôi, rồi cho mứt hồng vào nấu sôi 10 dạo, rót vào lọ sành mà đựng, mỗi ngày ăn 5, 3 quả vào lúc đói, rất bổ.

### 6. Kinh phương dùng để an thần điều khí, ích vị, giải rượu, tiêu thực.

*Thanh bì* 1 cân, ngâm nước bỏ chất dắt, cao bò xơ trắng. Muối 5 lang. *Chích cam* thicc 6 lang, *Hồi hương* 4 lạng. Nước 2 bát, nấu khuấy liền tay, chờ cạn hết nước, thì nhỏ lửa sấy khô, đừng để khô quá, rồi bỏ hết các vị, chỉ dùng thanh bì, cứ sau mỗi bữa ăn, cắn ăn 2, 3 vò, rất hay.



Ba đậu nam  
(Dầu me)



Chóe chuột  
(Nam tinh)



Bán



Biển súc  
(Rau đắng)



Bóng báng



Bưởi bung



Bướm bướm



Gà gai leo



Canh chau

**7. Kinh trị đồ ăn tích trong dạ dày không tiêu được.**

*Cuống dưa đà sao vàng 2 đồng ruồi. Đầu dò 2 đồng ruồi. Đều tán nhỏ. Lấy đậu sỉ một vốc, nước 7 chung nấu chín, lọc bỏ bã hòa thuốc tán vào, mỗi lần một đồng cát. Uống thêm ít nữa cho đến lúc mửa ào ra thì thôi.*

**8. Kinh trị đồ ăn tích động không tiêu, hoặc ăn nhầm đồ độc, bụng trương lên, muốn sinh thó tát.**

- *Nước sôi nửa bát, nước lạnh nửa bát, bỏ vào tí muối cho mửa ra là lành.*

- *Hoắc hương, Tr่าน bì, Hậu phác* tắm nước gừng sao. Các vị đều bằng nhau cho uống là khỏi ngay.

**9. Kinh trị chứng nóng trong ngực, phương này có tác dụng tiêu thực hóa đờm.**

*Tr่าน bì*, rửa nước nóng, sao qua nấu làm nước chè mà uống là tốt.

**10. Truyền trị bệnh nặng mới khỏi vội ăn uống bừa bãi sinh đau bụng đầy bụng.**

*Mai ba ba* đốt ra than, tán nhỏ hòa với nước cơm mà uống là yên.

**11. Truyền trị chứng yếu bao tử trong ngực bức tức ăn uống không được.**

- *Hột màng tang* phơi khô, tán nhỏ, nước gừng giã với *thần khúc* làm hột, bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, uống với nước gừng hoặc nước nóng.

- *Cây ké dầu ngựa*, phơi khô tán nhỏ, luyện mật hoặc hột *thần khúc* làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với rượu, ngày uống 3 lần là hiệu nghiệm.

**12. Kinh nghiệm cách uống rượu không say.**

Ăn một nhúm muối là uống được rượu gấp bội.

## VI - BỆNH TÌNH CHÍ

Bệnh tình chí là do tình hướng vào cái gì, chí dốc vào cái gì mà sinh bệnh. Người ta do mừng, buồn, giận, vui, lo, nghĩ, sợ, bày tình đó mà thương tổn mà biến ra mọi bệnh, thì căn bản là bệnh đã ăn sâu, không phải châm cứu hay thuốc thang mà chữa được. Cho nên đời xưa chữa bệnh có nhiều cách: như *chính trị* *tòng tri* và *nghịch tri*. Nay dùng tình chí mà chữa bệnh tình chí tức là tòng tri vậy.

Nội kinh nói: "Mừng quá hại tâm khí thì lấy sợ mà chữa, giận quá hại đến can khí thì lấy thương cảm mà chữa, nghĩ hại đến tỳ thì lấy giận mà chữa, lo hại đến phế thì lấy mừng mà chữa, sợ sệt hại đến thận khi thì lấy nghĩ mà chữa, đó cũng giống như khi trời uất thì nhờ có gió mới tan, khi đất dai uất thì nhờ có sấm mới vỡ. Do đó biết dụng tâm của thánh hiền, tinh vi trong tinh vi, huyền diệu trong huyền diệu, không thể dòm ngó, do lường được. Tôi giới thiệu mấy phép tâm thuật cứu người của tiên hiền để cho người sau theo đó mà suy rộng thêm, biến thông thêm, thì tấm lòng muốn cứu sống người, có thể dùng mãi không hết.

**1. Vì lo nghĩ sinh bệnh lấy giận mà chữa.**

Xưa vua Tề vì lo nghĩ quá mà thành bệnh, mọi thứ thuốc không chuyển nghe nói có một thầy thuốc giỏi là Văn Chí bèn cho người mời đến. Ông Chí nói với thái tử rằng: "Làm cho đức vua tức giận thì sẽ lành bệnh, nếu đức vua có giết tôi thì nhờ Thái tử hết sức cứu cho". Thái tử nói: "Không can gì, thầy cứ chữa cho". Văn Chí vào yết kiến vua, bước đi ngang tàng xéo bừa lên long sàng. Quả nhiên vua nổi giận, sai kẻ thù hạ bắt ông Chí xuống để xử tử. Thái tử lén đến bên cạnh bày tỏ can ngăn, không bao lâu bệnh vua lành.

## 2. Vì mừng quá mà thành bệnh thì lấy sợ mà chữa:

Xưa người tinh Thái Nguyên là ông Triệu Tri Tắc, từ lúc đậu tiến sĩ rồi vì mừng quá mà sinh bệnh âm thầm không dậy được. Mời danh sư là Sào Thị đến xem mạch Sào Thị chỉ chép mồm, chép miệng, không nói gì mà phu áo ra về. Ông Triệu rất lo sợ khóc rống lên, liền gọi con bảo rằng: "Thầy thuốc giỏi đã không chịu chữa, thì mệnh ta rất nguy. Rồi mấy giờ sau khỏi bệnh".

## 3. Vì tức giận mà sinh bệnh thì lấy thương xót mà chữa.

Xưa ông Lý Khắc Dụng điều quân tấn công một thành đã hai tuần mà không hạ được, rồi tức giận quá mà sinh bệnh, ợ mửa, hôn mê, tìm khắp thuốc hay mà vẫn không hiệu. Bỗng gặp được ông sư giỏi thuốc xem mạch rồi ra ngoài nói "Bệnh tướng quân vì uất giận, không có việc thương cảm thì không giải được". Ông bèn mạo bức thư nhà, sai người hốt hoảng đưa đến nói: "Bà vợ ở nhà bị chết bất ngờ". Ông Dụng liền đau thương quá ngã lăn ra, qua hôm sau là khỏi bệnh.

## 4. Vì lo mà sinh bệnh thì lấy mừng mà chữa:

Xưa có người vì nhỡ tay giết chết người, lo chạy hết gia tài mới khỏi tội, rồi lo lắng quá sinh ra bệnh điên cuồng không biết gì cả. Người nhà tìm khắp thày thầy thuốc mà bệnh vẫn y nguyên, bỗng gặp thày thuốc bảo rằng "Bệnh này vì quá lo sinh ra thì nên làm cho mừng là khỏi bệnh". Bèn lấy thiếc và đồng đúc thành bạc nén, chôn dưới vũng bùn, rồi đưa người bệnh đến đào, người bệnh thấy được vô số bạc nén, thì mừng quá mà bệnh khỏi bao giờ không biết.

## 5. Vì sợ quá mà sinh bệnh thì lấy lo mà chữa.

Xưa có một bà người ở kinh đô làm nghề may vá thêu thùa rất khéo, một hôm may chiếc áo ngự gần xong, nhỡ tay rơi vào lửa cháy mắt, rồi sợ mà sinh bệnh rao rực mắt ngủ, kinh sợ không yên, đã uống nhiều thuốc mà bệnh tro tro không chuyển. Thày thuốc thăm dò căn bệnh mới bảo ông chồng rằng: "Bệnh này, vì kinh sợ mà sinh ra, không làm cho lo nghĩ thì khó mà khỏi được". Liên bày cho cách chữa mẹo. Sáng hôm sau, ông chồng sắm sửa hành lý giả cách đi sang ngoại quốc mua gấm về đèn cho vua, bà vợ mười phần lo nghĩ không sao quên được, từ đó bệnh ngày bớt dần, rồi khỏi hẳn.

## 6. Vì lo nghĩ sinh bệnh thì lấy sợ mà chữa.

Xưa có ông Giám quân, vì lo nghĩ sinh bệnh, ngực tức cứng, cơm cháo không nuốt vào được, người con mời ông Thái y là Hách Doãn chữa cho. Doãn bảo: "Bệnh này nếu không lừa cho kinh sợ thì khó mà chữa được". Thời ấy ông Lý Tông Khanh làm quan Ngự sử, ngay thẳng nghiêm chỉnh, ngày thường ông Giám quân rất khiếp sợ, người con tới nhà quan Ngự sử Khanh khóc lóc cầu cứu. Ông Khanh đến bừng bừng nổi giận, kể tội trách mắng, ông Giám quân nghe đến run sợ hãi hùng, mồ hôi toát đầy lưng, chốc lát là chứng bệnh tiêu tan. Bởi lo nghĩ thì khí kết lại, kinh sợ thì khí nổi lên, khí nổi thì thoát ra, trong người nhẹ nhõm.

## 7. Vì thương nhớ quá sinh bệnh thì lấy ghét mà chữa.

Có một cô gái đối với mẹ rất triều mến, lúc gà chọi thì mẹ mất, cô thương nhớ quá mà sinh bệnh, tinh thần phờ phạc, nằm ngủ lì bì, trâm thủ thuốc không chữa nổi. Người chồng mời vị lương y Hàn Thế Lương đến chữa. Ông Hàn bảo: "Cô này thương nhớ mãi không thôi, tất thành bệnh nặng, không thể chữa bằng thuốc, mà nên dùng mẹo mới chữa được". Bèn thăm dút tiền cho bà đồng bống mà dặn dò những chuyện kín cho biết rõ ràng. Ngày hôm sau chồng bảo vợ rằng: "Mình thì nhớ mẹ thiết tha, không biết mẹ ở dưới cùu tuyển có nhớ mình không? Sao không tới bà đồng bống nhờ gọi hồn mẹ lên mà hỏi?" Vợ nghe lời tới bà đồng, đốt hương khấn vái, hồi lâu bà đồng thương len, nghiên răng kèn ket, mọi việc trong nhà nói vanh vách, không sai chút nào. Người con gái khóc than nức nở, hồn mẹ quát mắng rằng:

"Khóc lóc làm chi, sinh mạng tao vì mày xung khắc mà phải chết non, nay tao ở âm ti muốn báo thù mày, mày sở dĩ ốm đau lôi thôi mãi chính là tao làm đó, khi sống tao với mày là mẹ con, nhưng khi chết thì tao với mày là thù địch". Nói rồi người con gái không khóc nữa, đổi sắc mặt mà nói: "Ta tưởng vì thương nhớ mẹ mà sinh bệnh, lại hóa ra chính mẹ ta làm hại ta, thôi ta cần gì mà thương nhớ nữa".

## VII - BỆNH NGƯỜI GIÀ

Bệnh người già là bệnh suy yếu. Tất cả mọi người lúc đầu chịu khí trời đất mà sinh, lâu ngày cũng chịu khí trời đất mà già, như nhà Phật đã nói: "Sinh, Lão, Bệnh, Tử" 4 chữ ấy từ xưa khó tránh. Trong sách có câu: "Nhân sinh bách tuế vi kỳ" nghĩa là đời người ta sống lâu đến 100 tuổi, nhưng vì ăn ở không chừng độ, hư hỏng mất chân khi đến nỗi mau yếu mau già.

Người đến được tuổi già có 6 điều cốt yếu:

- Là khí lực phải nhàn rỗi, tay chân phải yên ổn.
- Là thanh tâm tiết dục, chớ nên mong ước được việc này việc nọ.
- Là mùa đông phải được ấm, mùa hè phải được mát, phải thích với thời tiết chớ để phong hàn thấp thâm nhập.
- Là cần ăn nhưng ăn nhiều bữa, chớ ăn ít bữa mà ăn quá no, đồ ăn nên nóng, lòng mềm, dẻo, không nên ăn sống lạnh, cứng, rắn.
- ... (lược)
- ... (lược)

Làm được mấy điều cốt yếu kể trên thì giữ gìn được tính mạng yên ổn được sớm hôm, an nhàn thành thói, dù phương diều dưỡng, thi sống đến tuổi thọ 100 năm cũng không xa.

### 1. Cháo chim sẻ chữa người già, tặng phủ hư tổn, gây yếu ngán hơi.

Chim sẻ 5 con, nhổ lông moi ruột rửa sạch, nấu chín rồi đổ vào 1 chén rượu lại nấu một lúc nữa, đổ thêm vào 2 bát nước, cho hành vào 3 tép thái nhỏ, gạo tẻ 2 vốc, nấu cháo cho ăn mỗi sáng sớm là bổ.

### 2. Kinh trị người già bị hư hàn đau lưng đau thận, uống nhiều thuốc bổ cũng không khỏi.

Cắt dê một đôi, Bắc Đô trong 1 miếng dài hai tấc, rộng 1 tấc.

Đỗ trọng tán nhỏ cùng nấu với cật dê cho chín rồi ăn bầu dục, vận động khiến lưng thật mềm nhũn, rồi mới uống thuốc bổ thì khỏi hẳn.

### 3. Kinh trị người già yếu bao tử ăn uống không biết ngon.

Xương sống dê 1 bộ, đập vỡ nát, nấu nhừ rút bỏ xương, rồi cho hột kê vào mà nấu cháo, thường ăn thì rất tốt.

### 4. Kinh trị người già yếu đại tiện táo bón.

Cao da trâu sao phồng, Hành 3 củ. Cùng nấu cho tan ra, đổ vào 2 chén mật, uống vào lúc đói, rất hay.

### 5. Kinh trị người già bệnh tiêu khát, nóng bên trong, uống nước nhiều, đi tiểu luôn, miệng khô, phiền nóng.

Bao tử heo rửa sạch 1 cái, Hành 10 củ, Đậu sỉ 3 nắm, Nước 3 bát. Cùng nấu chín nhừ, lấy bao tử ấy mà ăn vào lúc đói, ăn càng nhiều càng tốt.

- *Gà ri* 1 con, nhổ lông bỏ ruột, băm nhỏ, thêm hành và muối, cho vào nước cùng nấu thật chín, hē khát thì uống nước và ăn hết thịt gà, rất hay.

**6. Kinh trị người già bị thủy thũng, thở gấp không ăn, ngoài da sưng to, tay chân đau buốt co duỗi khó khăn.**

- Cá chép 1 lạng (lấy thịt), hành 10 củ, *Hột mè* 1 thang. Trước giờ hột mè đổ vào 2 bát nước, lọc bỏ bã lấy nước, bỏ củ hành, vỏ quýt, gừng, muối mỗi thứ chút ít vào cùng nấu chín, ăn vào lúc đói, rất hay.

- *Thịt trâu*, *cho gừng*, *giá*, *vỏ quýt*, *hành*, *muối* đều chút ít, đổ nước vào nấu thật chín, tùy sức mà ăn vào lúc đói, rất hay.

- *Rễ dâu* 3 nắm (kiêng đồ sắt) dùng dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, nước sôi 5 bát, nấu còn 3 bát, đổ hột kê vào 4 vốc, nấu cháo thường ăn vào lúc đói hoặc buổi chiều tối, là yên.

- *Chuột cống* 1 con lột bỏ da ruột chỉ lấy thịt xắn nhỏ, thêm gạo té 3 vốc và gừng, hành mà nấu cháo, ăn vào lúc đói chỉ ăn 3 lần là khỏi.

- *Vịt cổ tía* (xanh đầu) 1 con, nhổ lông bỏ ruột thịt chặt nhỏ cho gạo té vào đổ nước nấu chín, vỏ quýt, gừng, hành trắng, muối đều chút ít, nấu cháo thường ăn, rất công hiệu.

**7. Kinh trị người già hay nghẹn, bụng đầy, không ăn được:**

*Gừng* 3 lát, *Vỏ quýt* 1 lạng, đều xắt nhỏ, đổ 2 bát nước sắc lấy nửa, nhấp xuống dần dần, sẽ khai vị, ăn uống được, rất hay.

**8. Kinh trị người già hay són dài luân.**

*Mẫu lè* 2 lạng, *Nhung hươu* thuỷ bỏ lông tẩm váng sữa nướng 2 lạng, *Cao da trâu* 1 lạng. Mỗi lần dùng 5 đồng cân, nước 1 bát, sắc lấy 6, 7 phần uống vào lúc đói, rất hay.

**9. Kinh trị người già bị tiểu tiện.**

*Mà đè* cà cành và lá, giã nát vắt lấy một chén nước, hòa vào ít mật ong mà uống là đái thông ngay.

**10. Kinh trị người già bị dài tiểu tiện:**

*Gừng* 1 lát, *Hành* 3 củ, *Muối* 1 nhúm, *dâu si* 1 nắm cùng giã nát vắt làm bánh tròn, đặt vào lõi rốn, hồi lâu là thông.

**11. Kinh trị người già mình nóng, dài ra máu.**

*Hột mã đè* 3 vốc, giã nát, bọc vào khăn vải, đổ 2 bát nước, sắc lấy nửa, bỏ mã đè đi, đổ *Hột kê* vào 3 vốc cùng nấu cháo, ăn vào lúc đói, rất công hiệu. Ăn được nhiều thì sáng mắt trừ nhiệt.

**12. Kinh trị người già lạnh dạ di ỉa lỏng.**

*Hẹ* 1 nắm, *hành trắng* nửa nắm, *gạo té* 1 vốc, nước 2 bát, cùng nấu, lại cho *Vỏ quýt*, *hỏ tiêu*, *gừng*, *muối* đều chút ít làm canh, ăn vào lúc đói, là kiến hiệu.

**13. Kinh trị người già hay suyễn thở vì yếu phổi.**

*Hột tử tô* 1 lạng, sao qua, nghiền nhò, nước hai bát hòa đều, lọc bỏ bã lấy nước, đổ gạo 3 vốc, cùng nấu cháo, ăn vào lúc đói, rất hay.

**14. Kinh trị người già mất mồ vì can hư.**

- *Dâu si* 1 vốc giã qua, nước 2 bát, nấu sôi dạo lọc bỏ bã lấy nước, dùng *gan gà* một co cùng gạo té nấu cháo, mỗi lần ăn vào lúc đói, ăn lâu sẽ kiến hiệu.

- *Hạt kê dâu ngựa* nửa lạng, giã nát, nước hai bát, khuấy đều, bỏ bã lấy nước, đổ gạo té hai vốc, nấu cháo ăn vào lúc đói rất hay.

**15. Kinh trị người già trúng phong, tay chân tê dại, gân cốt yếu sức.**

*Nôn Lá* *ké dâu ngựa* 3 lạng, *Dâu si* 1 vốc, *Nước* 2 bát, *Bột gạo* 1 vốc, *Hồ tiêu*, *gừng*, *muối*. Đều chút ít, cùng nấu làm canh, ăn vào lúc đói rất hay.

Bảng VI



Ban



Bưởi bung



Cá gai leo



Bông gao



Chu biển



Canh châu



Cỏ lưỡi rắn



Cỏ seo gà



Chua nguit

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYẾN VIII**

**CÁC BỆNH PHỤ KHOA**

## I - ĐIỀU KINH

Dàn bà tượng trưng cho âm, tương ứng với mặt trăng, trăng mỗi tháng có một lần tròn, khuyết, thì kinh nguyệt của dàn bà cũng hợp như thế. Gái 14 tuổi thì hành kinh, trai 16 tuổi thì tinh khí sinh, đó là hợp với lẽ âm dương. Bởi vậy yêu cầu tinh khí của đàn ông phải thịnh, kinh nguyệt của dàn bà phải đều, như thế thì mọi bệnh tật không chỗ hở mà lọt vào. Nếu sinh hoạt mất bình thường, ăn uống mất vệ sinh thì mọi bệnh tật đều do đó mà phát sinh

Dai khái cách chữa nội thương ngoại cảm của dàn bà cũng giống như đàn ông, chỉ có khác nhau là ở các chứng thai tiền sản hậu, bảy chứng trưng (báng máu), tám chứng hà (báng hơi), báng huyết, rong huyết, và khí hư bạch đới mà thôi.

Khi hành kinh cũng phải giữ gìn cẩn thận như lúc đẻ, nếu không sẽ dễ sinh bệnh nặng. Nói về hành kinh, kinh là kinh lạc, hành là vận hành, hễ đến kỳ hành kinh mà chậm thấy, đó là huyết hàn, chưa đến kỳ mà đã thấy đó là huyết nhiệt, đang hành kinh mà đau bụng là huyết trệ, sau khi hành kinh mà đau bụng là khí hư, màu kinh bầm tím là phong, đen là nhiệt, nhợt là đờm, màu khói bụi là huyết không dù.

Chữa bệnh nên xét rõ hư thực hàn nhiệt mà kê đơn, chứ nên làm chứng này thành chứng khác.

**1. Truyền trị kinh nguyệt không đều, xông lên đầu mắt xâm nôn mửa hoặc xông lên ngực sinh đầy tức, đau nhói hoặc trong bụng kết hòn cục và mọi chứng về khí.**

Cù cò cù (giã tróc vỏ) 3 đồng cân, Trần bì 1 đồng, Tía tô 1 đồng, Ô dược 1 đồng, Can hương ba nhát, sắc cho uống nóng.

**2. Kinh trị kinh nguyệt không đều đau bụng không chịu được.**

- Hồng hoa, Tô mộc, Đào nhân (bỏ vỏ và đầu nhọn) Ngưu tất (bỏ cuống, kiêng đồ sắt) Mần tưới, Nghệ vàng sao. Các vị đều nhau, dùng nửa nước nửa rượu sắc sôi vài dạo cho uống.

- Tử uyển, Hồng hoa, Bồng nga truật, Quế chi (bỏ vỏ thô) Hương phu (giã tróc vỏ, sao với giấm). Các vị đều nhau, tán nhỏ liều dùng 2 đồng cân uống với rượu bất cứ lúc nào.

**3. Truyền trị dàn bà kinh nguyệt không đều, hoặc chưa hành kinh, hoặc đang hành kinh mà đau trán bụng dưới, khó mà thành thai.**

- Hồng hoa, Tô mộc, Nghệ vàng, Nhục quế, Bồng nga truật (sao giấm), các vị đều nhau, sắc cho uống lúc đói.

- Rễ bưởi bung 2 nắm, nước hai bát sắc còn một nửa cho uống trước khi hành kinh một vài ngày. Rất hay.

- Lá mần tưới, ngâm rượu cho uống thường xuyên rất hay.

- Vỏ cây sau sau, cạo bỏ vỏ thô, lấy lớp trong 2 lạng, ngâm với một bát rượu ngon, trước ngày hành kinh cho uống mỗi lần 2, 3 chén tổng, uống lúc đói. Đến khi sạch kinh sẽ yên.

- Đầu xanh, nấu cháo với gan heo ăn rất tốt.

- Bồ hoàng sao đen, Lá lốt tắm nước muối sao khô. Hai vị đều nhau tán nhỏ luyện hồ lám viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 30 viên uống với rượu vào lúc đói. Hoặc uống với nước cơm cũng được.

**4.. Kinh trị dàn bà rong huyết, thấy n้า lâu ngày không dứt.**

Bạch thược 1 đồng 5 phần, Hương phu sao 1 đồng, Lá ngải cứu vò nát 1 đồng. Sắc cho uống là cầm ngay.

**5. Kinh trị dàn bà do khí huyết chạy chỗ này chỗ khác sinh đau và đau ngang lưng.**

Bồng nga truật, Càn tát 1 lạng. Cùng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với rượu rất hay.

**6. Kinh trị dàn bà bị bệnh xích bách dai hạ kinh nguyệt không đều và đau bụng.**

Hương phu mě 1 cân, chia làm 4 phần. 1 phần tắm rượu, 1 phần tắm giấm, 1 phần tắm nước tiểu trẻ em, 1 phần tắm nước muối. Mùa xuân tắm 3 ngày, hạ 1 ngày, thu 5 ngày, đông 7 ngày, tắm rồi lấy ra rửa nước lạnh cho sạch, phơi khô sao qua tán nhỏ, dùng giấm nấu hồ làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 60, 70 viên với rượu, công hiệu rất mạnh, người gầy hay nhiệt thì thêm hạt dành dành sao 2 lạng, mộc thông 1 lạng.

**7. Kinh trị dàn bà đau bụng dưới, đau bụng hành kinh, mới có kinh đã thấy bụng đau xoắn, ran xa sau xương sống như mũi dao đâm không thể chịu nổi, không thuốc nào chữa được.**

Rau má tháng 5 mùa hạ hái lấy phơi khô tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng, giảm ngon 2 phần trộn đều, uống lúc sáng sớm đói bụng, mỗi sáng uống 1 lần đến khi khỏi thì thôi.

Nếu trước bụng lạnh rồi mới đau thì lấy Rau má 2 lạng rưỡi, thêm Dao nhân 100 hột, bóc vỏ bỏ dầu nhọn; sao, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi sáng sớm lúc bụng đói uống với nước cơm hoặc với rượu, mỗi lần 30 viên, ngày uống 2 lần, đến khỏi thì thôi. Kiêng ăn mè và bột mỳ.

**8. Kinh trị dùng bài "Tế âm thanh nang hoàn" chữa các bệnh dàn bà nhưng phải tùy chứng mà dùng thang khác nhau:**

Hương phu (giã tróc vỏ) sao qua 3 phần Ô dược 1 phần. Hai vị tán nhỏ, nước 1 phần; rượu 1/2 phần, khuấy hờ luyện làm viên bằng hột ngô đồng, liều dùng 7, 8 viên.

Tùy chứng dùng thang như sau:

- . Bệnh về huyết, thang với rượu.
- . Bệnh về khí thang với nước sắc Tiểu hối.
- . Bệnh ngoại cảm, thang với nước sắc hành và gừng.
- . Bệnh về hỏa, thang với nước sôi 100 дол.
- . Bệnh về đờm, thang với nước Gừng nhạt.
- . Đờm suyễn, thang với nước sắc Hạt cải củ.
- . Ho, thang với nước sắc Tang bạch bì.
- . Dày trướng, thang với nước sắc trần bì.

**9. Kinh trị dàn bà kinh nguyệt không đều, do khí hư huyết hư sinh đau bụng, huyết ra không đúng kỳ.**

- Bồ hoàng sao qua, Lá lốt sao muối. Hai vị bằng nhau, đều tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 20, 30 viên uống với rượu là khỏi.

- Bồng nga truật, củ giềng ẩm. Hai vị bằng nhau, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, không cứ lúc nào.

## 10. Kinh trị dàn bà mỗi lần có kinh là đau bụng nóng rát dữ dội, mặt đỏ:

- Quả danh danh, bỏ vỏ lấy hột một vốc, giã sống giã lấy nước sao đen, nước mót bát sắc lấy nửa phần, uống 1 lần là khỏi.

- Thanh mộc hương, rượu với nước đều một nửa cùng sắc uống là khỏi.

## 11. Kinh trị dàn bà do khí hư huyết trệ đang hành kinh đau nhói.

- Hột vải đốt tồn tính nửa lạng, Hương phụ mề sao, 1 lạng, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước muối, hoặc với nước cơm là khỏi.

- Hột vải, tán nhỏ, uống 1 đồng với muối và giấm đun nóng.

- Lá hẹ và gốc 1 nắm, giã vắt lấy nước 1 chén, hòa với 1 chén rượu mà uống, rất hay.

## 12. Kinh trị dàn bà da vàng vì huyết xấu.

Quả cà già dao tre bối ra, phơi rám cho khô, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng, là khỏi.

## II - KINH BẾ

Kinh bế là đến kỳ hành kinh mà không thấy kinh, hoặc ra một ít rồi thoi đến nỗi bụng đau kết lại hoặc sinh hòn cục, đó là hành kinh thất thường mà sinh ra. Tuy sách Nội kinh có chia làm 8 nguyên nhân nhưng đại khái đều do hai yếu tố chính là "Hu" và "Đờm".

Người gầy mà kinh thường bế là do huyết hư, kinh mạch không đầy đủ nên không thấy kinh.

Người béo thường do nhiều đờm cho nên kinh lạc tắc lập không thông.

Về cách chữa trường hợp hư phải bổ, vì nước đầy thì tự nhiên sẽ chảy, trường hợp bế tắc phải khai thông kinh mạch thông thì tự nhiên thấy kinh, nhất thiết đừng làm cho chứng thực là hư mà bổ, chứng hư là thực để công, gây tổn hại mạng người. Đó là trách nhiệm ở người thầy thuốc.

## 1. Kinh trị dàn bà khí huyết không đều hòa xông bốc lên lồng ngực biến ra khô ráo.

Xo murop 1 quả đốt tồn tính, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với rượu vào lúc đói là khỏi.

## 2. Kinh trị dàn bà kinh bế đến kỳ mà không thấy kinh, thậm chí cả năm không thấy, rốn bụng đau tức, eo lưng bắp dùi nặng trĩu, nóng sốt từng cơn.

Hạt cải trắng 2 lạng tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với rượu vào lúc đói rất hay.

## 3. Kinh trị dàn bà kinh nguyệt không đều, kinh bế lâu ngày không thông:

- Phân tăm sao vàng tán nhỏ, liều dùng 1, 2 đồng cân uống với rượu.

- Chè xanh nấu lấy 1 bình, hòa đường cát vào đem phơi sương 1 đêm rồi uống. Chú ý có thai 3 tháng mà uống vẫn bị xấu thai.

- Dâu ván trắng sao vàng tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân uống với nước cơm, ngày uống 3 lần, nếu dâu ván có hoa thì dùng hoa càng tốt.

- Rễ ý dí 1 lượng, sắc nước uống chỉ 3 lần là khỏi.

- Hậu phác 3 lượng, nướng rồi thái nhỏ, nước 3 thang, sắc còn 1 thang, chia làm hai lần uống vào lúc đói, chỉ uống 3, 4 lần, rất công hiệu hoặc thêm Đào nhân, Hồng hoa đều 1 lượng, càng tốt.

- *Xà murop* khô 1 quả, đốt tồn tính, tán nhò, dùng *tiết chim bò cát trắng* hòa lắn làm bánh, phơi khô tán nhò, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Hoặc trước uống thang Tứ vật rồi sau uống phương này càng hay.

#### 4. Kinh trị gái chưa lấy chồng mà kinh bế.

- *Phân chuột dực* (thú hai đầu nhọn) 1 lạng, sao cháy tán nhò mỗi lần uống hai đồng với rượu nóng vào lúc đói rất hay.

- *Dây duva dá* 5 đồng, *Quả giun* 5 đồng, *Cam thảo* 6 đồng. Đều tán nhò mỗi lần uống hai đồng với rượu là thông.

#### 5. Kinh trị dàn bà cơ thể khỏe mạnh mà kinh bế, bụng sinh hòn cục (trứng hà).

*Cỏ roi ngựa* già nát nấu thành cao, mỗi lần dùng 1 muỗng hòa với rượu mà uống vào lúc đói, rất công hiệu.

6. Kinh trị dàn bà huyết tích thành khối, tinh thần hoảng hốt, hông ngực sườn eo lưng đau ran đến bộ phận sinh dục, tiểu tiện rất khó, ít ăn, muốn mửa, hình tựa như có thai.

*Chuột cổng dực* 1 con, lấy vải mới bọc kín, ngoài lại bọc một lớp đất sét, đào đất một lỗ để chuột xuống dưới, lấy củi lá dâu đốt trên trong một ngày đêm, lấy ra bỏ đất và vải đi cho 6 đồng *Quế tâm* vào cùng tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, chỉ 2 lần uống là khỏi.

#### 7. Kinh trị dàn bà kinh bế kết thành khối to đau nhức.

- *Nga truật* sấy khô tán nhò, hòa với nước lắn rượu mà uống rất hay.

- *Nước dái trẻ con* thường uống 3, 4 lần, mỗi lần uống một bát uống lâu ngày sẽ ra hết chất độc là khỏi.

- *Hương phụ* già sạch vỏ, *Bồng nga truật*, *Khuông hoàng sao*, *mẫu lè nung*, *Đậu đen sao*. Các vị bằng nhau tán nhò, mỗi lần dùng 3 đồng, sắc nước cỏ mực làm thang mà uống vào lúc đói.

- *Sơn khô* đốt ra tro tán nhò, mỗi lần dùng 2 đồng với rượu là khỏi.

- *Sơn khô* đốt thành tro 2 lạng, *Khuông hoàng* 2 lạng, *Bồng nga truật* 2 lạng, *Hương phụ* mě 4 lạng. Đều tán nhò, hòa giấm nấu hồ làm hoàn bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên với rượu vào lúc đói.

- *Lưỡi búa sát* nung đỏ, lấy 3 bát rượu, tôi vào 3 lần, dùng rượu đó mà uống sẽ khỏi.

### III - BĂNG HUYẾT, RONG HUYẾT

Băng huyết rong huyết là không phải lúc hành kinh mà huyết ra dầm dề (băng) ra lố rỉ mãi không thôi (rong). Đó là do khí huyết thương tổn, mạch Xung mạch Nhâm không giữ vững mới thành chứng này. Nhưng trong lâm sàng còn chia ra âm chứng và dương chứng.

Dàn bà 50 tuổi trở lên kinh đã hết vài năm mà bỗng nhiên lại có kinh, bụng đau, mồ hôi nóng, khát nước đầy là âm chứng; gọi là "băng". Còn người 20 - 40 tuổi mà huyết ra xối xả không ngừng là "dương chứng" gọi là "rong". Phép chữa phải xét chứng mới cho thuốc.

#### 1. Truyền phương chữa băng huyết, huyết ra quá nhiều xâm ngất di bất tinh.

*Hương phụ* (giã tróc vỏ), *xác gươong sen*, *Hoa hòe* mỗi thứ một phần, đều sao qua. Tóc rối đốt ra tro. *Tê giác* sao, đều dùng nửa phần. Sắc cho uống sẽ khỏi.

- *Lá ngài cứu* đốt tán nhò, lần dùng 2 đồng cân uống với rượu cầm ngay.

**2. Kinh trị băng huyết và ra huyết 5 sắc rong huyết khí hư cung trị được, thường uống thì nhuận huyết điều khí, là 1 phương thuốc tiên của phụ nữ.**

- *Hương phu mè* sao đen tán bột, hòa 2 đồng vào nước nóng mà uống, là khôi ngay. Hôn mê quá thì uống thêm 3 đồng với nước cơm.

- Theo phương trên, gia thêm *Dai già thạch* phân lạng bằng *Hương phu*, nung đỏ suốt nhúng vào giấm mà uống.

**3. Kinh trị băng huyết rong huyết ra huyết có 5 màu, khiến cho không có con.**

*Tổ ong* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu, rất hay.

**4. Kinh trị băng huyết rong huyết không ngọt, không kẽ nóng lạnh đều chữa được.**

- *Gương sen, hoa kinh giới* phân lạng bằng nhau. Đều đốt tồn tính tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm uống 3 lần là kiến hiệu.

- *Xác gương sen* đốt tồn tính, *Hương phu* già bỏ vỏ sao đen, *Muội nồi*, phân lạng bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, sắc nước *Cù sán dây* mà uống, là cầm ngay.

**5. Kinh trị băng huyết không kẽ mới hay lâu.**

*Mộc nhĩ cây hè* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng là khôi.

**6. Kinh trị bị phong nhiệt mà băng huyết.**

*Hoa kinh giới* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, với nước tiểu trẻ con là khôi.

**7. Kinh trị băng huyết không cầm được.**

- *Hoa dại ván trắng* sấy khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng gạo sao vàng, cho vào ít muối, sắc lấy nước mà uống vào lúc đói sẽ khôi.

- *Xơ muối, Bẹ móc*. Đều bằng nhau đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu hoặc nước muối, vào lúc đói là ngừng.

- *Mộc nhĩ* 2 lạng sao lên khôi, *Tóc rối* đốt ra tro 3 phần. Cùng nghiên nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu ngon vào lúc đói là cầm ngay.

- *Hòn cân* (bằng chì) nung đỏ tôi vào rượu 9 lần (9 lần nung 9 lần tôi) rồi lấy rượu ấy mà uống.

- *Ô mai nhục* 7 quả, đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với nước cơm vào lúc đói.

- *Lá mơ* sấy khô, *Bẹ móc* đốt ra tro, hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu là cầm được.

- *Hột dào* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu, ngày uống 3 lần là khôi.

- *Thịt heo* 4 lạng, luộc chín, *Muội nồi* 2 lạng, đun nhỏ lửa sao nóng, giã rây qua rồi trộn với thịt heo mà ăn khôi ngay.

- *Chót sừng trâu* đốt tồn tính, *Mai mục*. Phân lạng bằng nhau tán nhỏ, cho *Xà hương* chút ít, mỗi lần uống 1 đồng với rượu vào lúc đói, ngày uống 3 lần tự yên.

- *Quán chủng* xắt lát, nấu với nước và rượu mà uống, khôi ngay.

- *Gạc hươu* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng vào lúc đói, hoặc không có gạc hươu thì dùng chót sừng bò, đốt ra tro tán nhỏ, uống với nước cơm là khôi.

- *Hạt cau già* đốt tồn tính tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu.

- *Phân tăm* tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu là khỏi.
- Theo phương trên, thêm *Dất lồng bếp* nửa phần.
- *Cút heo nái già* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu là khỏi.

### 8. Kinh trị dàn bà rong huyết.

- *Tóc rối* rửa sạch, đốt ra tro tán nhỏ, uống 1 đồng với rượu nóng vào lúc đói rất thần hiệu.

- *Hòe hoa* sao cháy đèn tán nhỏ, hoặc thêm *Muỗi nồi*, hoặc thêm *Hoa kinh giới*, hoặc thêm *Bè móc* đốt ra tro đều tốt, mỗi lần uống 2, 3 đồng với rượu nóng trước lúc ăn rất hay.

- *Cây dương* cao lấy vỏ trắng. *Kinh giới*. Hai vị bằng nhau, sắc nước uống, công hiệu không thể nói.

- *Lá sen* đốt tán nhỏ 5 đồng. *Bồ hoàng* sao 1 lạng, *Hoàng cầm* 1 lạng. Đều tán nhỏ mỗi lần uống 3 đồng với rượu vào lúc đói rất hay.

- *Lá ngải cứu* vò nát một cục bằng trứng gà. *Can khuang* 1 đồng, *Nước* 1 thăng, sắc còn 1 nửa lọc bỏ bã cho cao da trâu vào 5 đồng, nấu với nước thuốc cho tan, chia làm 3 lần uống trong 1 ngày cho hết rất hay.

- *Sa nhân* để trên miếng ngói mới mà sao rồi tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với nước cơm rất hay.

- *Ích tri nhân* sao tán nhỏ, uống một đồng với nước cơm hòa vào tí muối, rất hay.

- *Lá vây đỏ* giã nát hòa vào một bát nước, vắt lấy nước mà uống rất hay.

- Theo phương trên, gia thêm *Mạch môn* bỏ lõi, lá *Vây trắng* đều bằng nhau, sắc nước uống.

- *Dây bạc sau*, dùng lá rửa sạch, giã vắt lấy nước nửa bát mà uống, lại lấy bã nổ rít vào xoáy thượng; công hiệu không thể nói hết.

### 9. Kinh trị huyết ra không dứt, người gầy da vàng, huyết ra hết, tạm dứt vài hôm lại sinh nhọc mệt, bệnh lâu ngày chưa khỏi, và trị băng huyết rong huyết.

- *Mộc nhĩ* cây dâu sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng trước khi ăn, ngày uống 2 lần rất hay.

- *Bồ hóng* sao cháy hết khói, và *Hoa kinh giới*, hai vị bằng nhau, cùng tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với nước trà là dứt.

- *Lá trắc bá* sao, *Bach thưoc* phân lạng bằng nhau. Mỗi lần dùng 3 đồng, nửa nước nửa rượu sắc uống. Con gái chưa chồng thì dùng *Lá trắc bá* và *Mộc tặc* đều sao hơi cháy, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với nước cơm rất hay.

- *Xác gương* sen lâu ngày càng tốt, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với rượu là dứt.

- Phương trên gia thêm *Hoa phù dung* phơi khô tán nhỏ, uống với nước cơm là dứt.

- *Mộc tặc* sao 3 đồng, nước 1 chén, sắc còn 7 phần 10 ngày uống với nước cơm là dứt.

- *Tinh tre* sao qua, mỗi lần uống 3 đồng, với nước một bát, sắc uống là hết.

### 10. Truyền trị kinh huyết ra nhiều quá.

*Hột dưa* dát hoặc *hột dưa hấu*, bỏ vỏ lấy nhân, tán nhỏ, giấy gói lại, đập cho thấm thầu dầu ra bỏ dầu đi, rồi hòa với nước mà uống, mỗi lần uống 2, 3 đồng là khỏi.

#### IV - KHÍ HƯ BẠCH ĐỐI

Dàn bà ra khí hư hoặc trắng đòn, cũng như chứng di tinh bạch trọc của đàn ông, đều do sẵn có bệnh thấp nhiệt, lại thêm vào mùng giận, lo, nghĩ, sinh đẻ, nuôi con, dâm dục và kinh ra chưa hết mà giao cấu, làm cho trọc khí thấm vào bàng quang, cho nên mới chảy ra vật uế tạp hoặc trắng, đòn, vàng, xanh, đen, hoặc nhiều hoặc ít đến nỗi sắc mặt như người có bệnh Hoàng dàn, eo lưng, bắp đùi đau nhức, ăn uống sút kém, tinh thần uể loài mà sinh ra bệnh.

Đại phàm chữa bệnh này không nên dùng thuốc nóng, vì nó sẽ giúp cho hỏa nóng thêm, cũng không nên dùng thuốc mát, vì nó sẽ hú liệt mất chân khí ở trong. Chủ yếu là phải ôn bổ vịnh vệ cho khí huyết vững mạnh, thì bệnh sẽ khỏi.

##### 1. Kinh trị dàn bà ra khí hư bạch đới lâu năm không khỏi.

- *Hà thủ ô* (kiêng đồ sắt), dùng dao tre cạo bỏ vỏ ngoài, dùng dùi gỗ đập nát, ngâm nước vo gạo một đêm, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Uống được lâu ngày thì sống lâu.

- *Gáo dừa* đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng rượu, lấy *Quả trứng gà* chọc một lỗ thủng, như ra huyết trắng (bạch đái) thì dốc bỏ lòng đòn trứng đi, cho bột gáo dừa vào trong trứng, ngoài trứng thì bọc vài lớp giấy ướt, rồi nướng cho chín mà ăn vào lúc đói, chỉ ăn ba lần là khỏi.

##### 2. Kinh trị ra huyết trắng hoặc đòn đái lâu năm mọi thuốc đều không chữa khỏi.

*Quán chúng* (Củ ráng) dùng nguyên một củ, lấy dao cạo vỏ ngoài, giãm ngon tầm ướt giấy bọc ngoài, nhỏ lửa nướng cho chín thơm lên, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm vào lúc đói rất hay.

##### 3. Kinh trị ra huyết trắng hay đòn, không kể mới hay lâu đều chữa được.

- *Gạc rượu*, đốt tồn tính, tán nhỏ, uống 2 đồng với rượu vào lúc đói. Nếu là con gái thì thêm tóc rối đốt ra tro cùng 2 đồng, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với nước lạnh, càng hay.

- *Cành hòe*, đốt ra tro, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với rượu, trước lúc ăn, rất tốt.

- *Mõ heo* 3 vốc *Rượu* 5 chung. Sắc sôi, uống ấm, chia ra hai lần mà uống rất hay.

- *Trứng gà*, chọc thủng một lỗ ở đầu trứng cho vào 3 phần bột *Lưu hoàng* ngoài bọc giấy ướt nướng chín mà ăn và uống thêm ít rượu là khỏi.

- *Mẫu lệ* (nung), *Rễ ích mẫu* (đốt tồn tính). *Guong sen* (đốt tồn tính), *Hương phu mề*. Các vị bằng nhau. *Can khương* (đốt tồn tính) nửa phần. Đều tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng.

- *Tổ bọ ngựa* cây dâu tắm rượu sao khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước gừng nấu sôi rất hay.

- *Chua me đất* phơi râm tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu là khỏi.

- *Dậu ván trắng*, sao tán nhỏ, (không có quả thì dùng hoa), phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm rất hay.

- *Dai bì dằng*, *Xác guong sen* sao đen, *Hương phu mề*, Đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, nấu nước *rẽ cỏ tranh* làm thang hoặc uống với nước cơm cũng được.

- *Rau sam* già vắt lấy nước 3 chén, cho *lòng trắng trứng gà* vào hai quả, đun sôi xong đợi lúc thuốc còn nóng âm ấm mà uống. Chỉ uống hai lần là khỏi.

*Mộc nhĩ* cây dâu, thái nhỏ sắc với rượu mà uống là khỏi.

- *Nô sừng trâu* (đốt ra tro, hết khói thì thôi). *Hương phu niê* (tẩm nước muối sao khô, lại tẩm lại sao 7 lần). Hai thứ đều bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng 1, 2 đồng cân, uống với nước cơm vào lúc đói.

- *Hòn son* đốt dò tói vào giấm. *Dát lồng bếp* sao cháy đen, *củ gấu* (giã sạch vỏ) đều 2 lạng, tán bột, uống mỗi lần 2 đồng cân với nước cơm vào lúc đói.

- *Lươn* to 1 con, cắt lấy ba tắc ở giữa, đốt ra tro, *Hồ tiêu* 15 hạt, đều tán nhỏ hòa vào rượu mà uống, chỉ uống ba lần là khỏi.

- *Bạch cương tâm*, không cứ nhiều ít, rửa bằng nước vo gạo, cạo bỏ đầu, chân, tán nhỏ, nếu không có thì dùng *Tâm sa* sao, tán nhỏ, liều dùng 2, 3 đồng uống với rượu, công hiệu cũng như nhau.

- *Ích mẫu thảo* có hoa, phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước nóng vào lúc đói.

- *Rễ gai, rễ buom buồm* đều 1 nắm. Rửa sạch, sắc uống vào lúc đói.

#### 4. Kinh trị ra khí hư trắng đờ, không hành kinh.

*Mẫu lệ* (nung), *Phèn phi* khô phân lạng bằng nhau. Đều tẩm nước tiểu trẻ con, phơi khô và tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước nóng. Lại dùng bột *xà sàng* và *phèn phi* bằng nhau, tán nhỏ, trộn giấm và bột mì làm viên bằng hòn đạn bọc lụa mà nhét vào trong cửa mình, nếu nóng lâm thì thay viên khác, ngày làm hai lần là khỏi.

5. Kinh trị dàn bà ra khí hư phàn nhiều vì trong thi thất tình thương tổn dưới thi nguyên khí hư lạnh mà sinh bệnh.

- Vỏ *rễ cây nhán*, bỏ vỏ đen ngoài, mỗi lần dùng một nắm, sắc với nước đặc mà uống vào lúc đói, uống 4, 5 sáng là khỏi.

#### 6. Truyền phương chữa bệnh bạch đới có hiệu nghiệm.

- Cỏ lá tre, *Hạt mã đề* đều dùng 2 đồng, *gừng sống* già vắt lấy nước 1 chén. Đổ vào 1 bát nước và 1 bát rượu ngon mà sắc uống vào lúc đói, uống 3 buổi sáng là khỏi.

- *Rễ cò may* 1 lạng. Nước 1 bát to. Sắc còn nửa mà uống vào lúc đói rất hay.

- *Hoa hồng*, *Mẫu lệ* (nung) 2 thứ bằng nhau. Đều tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu là công hiệu.

#### 7. Kinh trị dàn bà ra huyết trắng (khí hư).

- *Lá da lồng*, *lá vảy ốc* phân lạng bằng nhau. Sắc nước uống vào lúc đói, uống đến khi khỏi thì thôi.

- *Tua cau rǔ* (còn dinh trên cây cau) đốt tàn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước tiểu trẻ con vào lúc đói, đến khỏi thì thôi.

- *Rễ buom buồm* rửa sạch, 2 nắm già nát, nước 2 bát sắc cồn 1 bát, uống vào lúc đói, uống 3 lần là khỏi.

#### 8. Kinh trị con gái ra huyết trắng (khí hư).

*Nhân hột bí dao*, thứ đã để lâu càng tốt, sao, tán nhỏ, mỗi lần uống 5 đồng với nước cơm vào lúc đói, rất công hiệu.

#### 9. Kinh trị dàn bà ra huyết trắng luôn do hư lạnh.

- *Gạc huov* děo ra, sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu sẽ khỏi.

- Vỏ *trứng gà* 5 lạng, (đốt tàn tính). *Hột bông* 2 lạng (sao đen hết khói thì thôi). Đều tán nhỏ, dùng rượu nấu hồ làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm vào lúc đói. Hột bông lấy lúc tháng 5 thì tốt.

## V - HU LAO

Bệnh hư lao, nếu phát ở đàn ông con trai thì hầu hết là do tổn thương tinh dịch, nếu phát bệnh ở đàn bà con gái thì hầu hết là do kinh bế. Mấy yếu tố ấy đều có thể sinh bệnh mà làm chết người. Đàn bà cốt lấy huyết vượng hơn khi làm cản bản, vì tâm chủ huyết, can tăng huyết, nay huyết suy khí thịnh là do thất tình lục đâm gây nên uất kết ở tâm, tâm bị thương tổn thì huyết khô kiệt, trước hết kinh nguyệt bế tắc, rồi truyền khắp các tạng mà sinh ra bệnh. Hoặc tinh thần nhọc mệt không muốn ăn uống, da khô, tóc se, mình mẩy đau nhức, gầy rộc, sốt cao đều là do âm hư, âm bất túc, dương trội hơn âm, thủy không thăng hỏa, đến nỗi hỏa đốt khô.

Về phép chữa nên *dưỡng âm huyết* làm căn bản chờ nên quá dùng thuốc công phạt.

**1. Truyền trị đàn bà phải sốt sáp bệnh thành lao, da thịt gầy rộc, ăn uống kém sút, kinh nguyệt không đều.**

*Bao tử heo dục*, mỗi lần dùng 1 cái, *Mía* 1 cây, róc bỏ vỏ, ép lấy nước. Dem nấu với bao tử ấy mà ăn vào lúc đói chỉ ăn 5, 6 cái là rất bổ.

**2. Kinh trị đàn bà sốt về đêm, ho thở ra đờm, kinh nguyệt không đều, hình dung tiêu tụy.**

*Quả lâu nhân*, *Thanh dại* đều 2 lạng, *Hương phu* tắm nước tiểu trẻ em phơi khô, 1 lạng rươi.

Cùng tán nhỏ, hòa với mật, mỗi lần dùng 1 đồng, ngâm tan nuốt xuống, rất hay.

**3. Truyền trị đàn bà nhức đầu chóng mặt.**

*Hoa đâm bụt đỏ*, *Gỗ vang* hai vị bằng nhau. *Gừng* 3 lát. Cùng sắc nước lấy 7 phân, uống đến khỏi thì thôi.

**4. Kinh trị đàn bà vàng da, nhân kinh nguyệt không đều lại ham đâm dục đến nỗi sinh ra mọi chứng nhọc mệt, hình dung vàng gầy.**

*Phèn chua* 5 đồng, *trần bì* 3 đồng đều tán nhỏ, *Sáp vàng* 5 đồng nấu chảy ra nước, hòa bột hai vị trên vào, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, dùng thang Tứ vật sắc nước làm thang.

## VI - DƯỠNG THAI

"Âm dương hòa hợp thì muôn vật sinh, tinh huyết giao cảm thì thai ngén lành": Đó là lẽ tất nhiên. Trời đất có thái sơ (lúc thoát tiên), thái thủy (lúc bắt đầu) lúc hồn độn đã phân chia rồi, khi đã thấy thì gọi là thái sơ, hình đã thành thì gọi là thái thủy. Khi với bình nhân quả với nhau, sinh sinh hóa hóa, thì các vật hình thành. Phàm động vật lúc mới thai nghén cũng giống như thực vật kết hột, cốt được yên lặng ôn hòa thì mới thành được quả, nếu bị rét nắng gió sương lay chuyển thì không khỏi diêu tàn.

Trong vạn vật thời chỉ có loài người được bẩm thu chính khí của trời đất, gồm cơ tri muôn vật vượt sáng suốt của trâm loài, cho nên, lúc sinh đẻ, lúc nuôi nấng, so với mọi loài vật đều khác xa. Lấy lại lịch loài người mà nói, thì phép dưỡng thai rất quan trọng, thời kỳ mang thai là rất quan hệ, vì có tổ tiên mới sinh ra con cháu, có con cháu, mới nối dõi tổ tiên, cho nên trong lúc thai nghén cần và phải giữ gìn điều dưỡng, không nên xem thường.

**1. Nên làm, nên kiêng khi thai nghén.**

Từ lúc mang thai đến sau, ý nên vui vẻ mà kiêng lo nghĩ, cơ thể nên vận động mà kiêng ốm, lòng nên tiết độ mà kiêng thèm muối, ở nên mát mẻ mà kiêng nóng bức ăn

nên ấm áp mà kiêng nguội lạnh, mặc nên thích ứng với thời tiết mà kiêng quá lạnh, quá nóng, gân cốt nên thường vận động mà kiêng đứng lâu, thân thể nên điều hòa hơi thở mà kiêng ngồi lâu, chân nên di bách bộ mà kiêng đi lâu, lưng nên trán trở mà kiêng nằm lâu, nằm nên ổn định mà kiêng nghiêng lệch, ngồi nên ngán mà kiêng xiêu vẹo, đứng nên bằng thẳng mà kiêng co chân, nói nên hiền lành mà kiêng quỳ quyết, mắt nên trông cái tốt mà kiêng xấu xa ô uế, tai nên nghe những chuyện tốt mà tránh nghe tiếng thô bỉ dâm tà.

Tuân thủ không làm trái những điều kể trên thì sẽ sinh ra con ngoan, tài giỏi hơn người.

## 2. **Dồ ăn nên kiêng cũ:**

Khi có thai nghén nên nhất thiết phải kiêng cũ các thức ăn, đó chẳng những để phòng ngừa động thai mà lại còn vì lẽ có thai quá tháng khó sinh và cũng hay làm cho thai nhi phá hình mẹ tổn hại. Thế thì không đáng khuyên răn hay sao?

- . Ăn thịt gà với nếp thời khiến cho con nhiều giun.
- . Ăn gan dê thì khiến con hay bị tai ách.
- . Ăn gỏi, cá chép với trứng gà thì con hay bị bệnh cam lở.
- . Ăn thịt chó thì con hay bị câm.
- . Ăn thịt thỏ thì con hay bị sút mồi.
- . Ăn thịt ba ba (cua đình) thì con rut cổ và hại thai.
- . Ăn trứng vịt với quả dâu thì hay đẻ ngược và tim lạnh.
- . Ăn loài cua còng thì hay đẻ ngang.
- . Ăn thịt chim sẻ với đậu nành thì mặt sinh chấm đen.
- . Ăn đậu nành, nước tương với hoặc hương thì truy thai tuyệt sản.
- . Ăn thịt chim sẻ thì con đa dâm, không biết xấu hổ.
- . Ăn thịt sơn dương thì con hay bị nhiều bệnh cam.
- . Ăn gừng sống thì con sinh nhiều ngón tay và hay lở.
- . Ăn thịt chẫu chàng với lươn thì con câm ngọng.
- . Ăn thịt lừa, ngựa và thịt la thì có mang quá tháng và khó đẻ.

## 3. **Vị thuốc kỵ thai.**

- Ba đậu Män đê (Ba đậu nam): Độc bảng A.
- Ban miêu (dâu đậu): độc bảng A.
- Ô dầu, Phụ tử, Thiên hung, Ô nhuế, Trác tử (Aconitum: độc bảng A);
- Lá ngón (Dạ cát, câu vắn): độc chết người.
- Lê lô (gây nôn mạnh).
- Thủy ngân (Hg: độc bảng A).
- Hùng hoàng (AsS: có độc bảng B).
- Lộ sa (muối amonia) hồ phấn (phấn kẽm) Giá thạch (hòn son), Như tiêu, Mang tiêu (Phác tiêu), cùng các loại thuốc kim thạch.
- Con rết, Mọt sách, Rán mồi.
- Mòng mòng, Địa, Rắn giun xanh, Sùng đất, Xác ve, Mã đao, Thạch tàm, Xác rắn,
- Xa hương, Ngưu hoàng, Da nhím.

- Nguyên hoa, Bìm bìm, Cam toại, Dai kich, Mạng thảo (Hồi núi), Cù mạch

- Mẫu đơn, Quế, Tam lang, Hồng hoa, Dào nhân, Bồ kết, Sơn khô, Bán hạ, Nam tinh, Càng cua, Thông thảo, Rễ cỏ tranh, Gừng khô, Tỏi, Ngưu tất, Thịt lừa, Thịt thỏ, Ý dì, Nghè, Quả hòn, Thiến thảo...

#### 4. Kinh nghiệm khi thai mới thành hình, có thể chuyển gái thành trai.

Phân tăm mỗi lần dùng 1 hột, uống với nước giếng ban mai, ngày uống 2 lần, rất hay.

#### 5. Phương thuốc hoạt thai dễ dề đánh kinh nghiệm:

Dắt ở cổng chờ 1 hòn, có thai được 8 tháng thì đựng vào túi nhỏ mà deo, đến lúc sắp đẻ lấy ra tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, thang với rượu, rất hay.

### VII - ĐỘNG THAI

Thai nghén và sinh nở là việc to lớn của đàn bà. Nếu ăn uống không hợp vệ sinh, cư xử không đúng khuôn phép, thì khi sinh nở mẹ ốm con đau, mẹ đau con chết, phát ra nhiều chứng bệnh. Hãy theo các phương sau đây tùy chứng mà chữa.

#### 1. Truyền phương có tác dụng an thai, dễ thở, ăn ngon, gọn thai, dễ đẻ hoặc khi bắt trắc, bỗng dung ngá nhào, ra huyết, đau bụng, đều công hiệu.

Cù cóc cú, Khoai mài đều 2 lạng. Sa nhân 1 lạng, Tía tô, cam thảo, Chỉ xác đều 5 đồng, tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng với nước nóng.

#### 2. Kinh trị đàn bà có thai, bỗng nhiên đau bụng, nhức nhối không chịu được.

- Muối 1 nǎm, rang nóng rồi đổ vào 1 chén rượu lọc cho uống nóng, là yên ngay.

- Hương phu me sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, lấy Tía tô, sa nhân sắc nước làm thang.

- Mía róc vỏ, cứ hổ có thai 1 tháng thi dùng 1 lóng, cắt ra từng miếng, sắc nước mà thường uống, mẹ con đều yên.

#### 3. Truyền trị thai khí không thuận, hoặc ăn nhiều đồ nóng, độc xông lên tim, khó thở, buồn phiền vật vã và muôn chết.

Tiên trúc hoàng 3 đồng, Lá ngải cứu 3 đồng, càng cua (giải trào) 3 đồng Vẩy cá chép, đốt tốn tính 2 đồng, Tâm gửi dây 1 đồng, Mẫu lệ xung 1 đồng, Cao da trâu 1 đồng. Cùng tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, sắc nước Cù gai làm thang mà uống.

Nếu bị cầm khâu, thì dùng nước sông hay nước khe suối mài viên thuốc (độ 1 đồng cân) lây đũa bếp cạy miệng mà đổ vào.

#### 4. Truyền trị động thai đau bụng dữ dội.

- Lá nhăn, (hái ở cạnh hướng đông) 1 nǎm, nước 3 bát, sắc còn 1 bát cho uống là yên ngay.

- Nước dái trẻ em, mỗi lần uống 1 bát, ngày uống 2 lần rất hay.

- Nước mật heo một cái đổ vào trong ống tre nhỏ, cho chảy vào tận cổ họng thì mẹ con đều yên.

- Trứng gà một quả, hòa với rượu cho uống lành ngay.

- Cá chép một con, đánh vẩy, bỏ xương và ruột, cắt nhỏ ra. Cao da trâu một lạng sao vàng. Gạo nếp 2 vốc, Nước 2 bát. Cùng nấu chín cho gừng, hành, vỏ quýt và muối vào cho vừa lại nấu sôi 5, 6 đạo, ăn làm 4, 5 ngày, rất tốt.

- Cao da trâu, 5 đồng, Tâm gửi dầu 1 lạng ruối Lá ngài cứu 3 đồng, Nước 1 bát, sắc cồn nửa, uống nóng là yên.

5. Kinh trị dàn bà có thai bụng trương rất đau, tay không dám sờ vào và thai trắn xuống, đau đớn.

- Cá chép 1 con (nặng 2 cân trở lên), gạo nếp 1 thang, Nấu cháo nêm muối, mắm vào mà ăn, rất hay, Mỗi tháng ăn 3 lần thì bảo vệ được thai tốt.

- Cá chép, Đậu si, Hành trắng, Gạo nếp Cùng nấu cháo, nêm gừng muối vào thường ăn, rất tốt.

6. Kinh trị có thai đau như chuyển dạ đẻ.

Bui trên xà nhà, Đất lòng bếp. Hai vị bằng nhau, tán nhỏ hòa với rượu mà uống, là yên.

7. Kinh trị dàn bà có thai chưa đủ tháng mà thai động như sắp muộn sinh.

- Bồ hoàng, 2 đồng tán nhỏ hòa với nước giếng mới múc mà uống, tự yên.

- Theo phương trên, gia thêm Hột hòe sao tán nhỏ viên với mật bằng hột ngô đồng, uống mỗi lần 20 viên với rượu, đến khôi thì thôi.

8. Kinh trị có thai trúng khí độc, bỗng nhiên đau tim ngất đi muộn chết.

- Đậu si 2 lạng, Gừng sống nửa lạng cùng sắc mà uống.

- Phương trên gia Trần bì 1 lạng bò ngừng sông.

9. Kinh trị thai động đau quá, dọa sẩy.

Một cái đồ dùng bằng bạc 5 lạng. Cù gai 2 lạng. Rượu 1 chén, Nước 1 bát. Sắc lấy nước lọc bỏ bã cho uống nóng yên ngay.

10. Kinh trị thai chưa đủ tháng mà động thai đau đớn, con chết trong bụng, mẹ ngất đi, muộn chết.

Đậu đen 2, 3 cân, ninh với giấm cho đậm mà uống ngày 1 lần, con chết sẽ ra ngay.

11. Kinh trị có thai đau bụng hoặc thổ huyết.

Lá ngài cứu 1 nắm, sắc mà uống rất hay.

12. Kinh trị có thai đã 6, 7 tháng, đau bụng dai gắt, đại tiện bí và bệnh thời khí phát sốt, uống phương này có thể bảo hộ được thai.

Đất lòng bếp tán nhỏ, liều dùng 2 đồng uống với nước chín và hòa đất lòng bếp ra làm bùn, rồi đắp vào lỗ rốn.

13. Kinh trị có thai bỗng nhiên đau tức, đau bụng, hoặc bị dụng chạm hay bị té ngã mà huyết ứ lại hoặc huyết chảy ra làm cho tôn thương đến thai nên đau đớn.

- Tinh tre (trúc nhụ) 2 nắm, Rượu đế 1 bát. Sắc sôi 4, 5 đạo tùy ý mà uống, yên ngay.

- Sa nhân sao nóng thấu nhân, bóc bở vỏ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu hoặc với nước cơm, giây phút chỗ đau trong bụng thấy nóng lắm, là thai đã yên rồi.

- Rễ tranh một nắm rửa sạch, Gừng già 5 lát sắc với nước rồi hòa vào một phần rượu mà uống nóng, tự yên.

14. Truyềん trị động thai, huyết ra nhiều quá bất tỉnh nhân sự, tay chân già lạnh rá rỡ khổ sở, hấp hối gần chết.

Lá ngài cứu già vát lấy nước 2 chén, Cao da trâu 1 lạng, Mật ong 1 chén. Cùng sắc lên cho uống là yên ngay.

**15. Kinh trị dàn bà có thai bị rong huyết, huyết ra không ngót, huyết ra kiết hết là nguy đến thai.**

- *Trứng gà* 3, 4 quả, đập lấy lòng đỏ, lấy rượu để 3 chung cùng nấu như bún cho tí muối vào mà ăn, hết lại làm thứ khác, đến lành thì thôi.

- *Gan gà* thái nhỏ, nửa nước nửa rượu nấu chín cho ăn.

**16. Kinh trị có thai, bỗng nhiên thai động không yên, hoặc đau lưng thai chuyển đau xóc vào tim, ra huyết không ngót, hoặc ngày tháng chưa đủ mà muộn đẻ.**

- *Thạch xương bồ* già sống, vắt lấy nước hòa vào nước nóng mà uống là yên.

**17. Kinh trị có thai 4, 5, 6 tháng, động thai ra huyết, nguy cấp khó cứu.**

- *Hành* 1 nắm to, nước 3 thang, sắc lấy 1 thang lọc bỏ bã cho uống tự khỏi.

- *Hành và gạo nếp*, cùng nấu cháo mà ăn, nếu thai chưa chết thì yên, nếu thai chết rồi thì ra được.

**18. Truyền tri có thai ra huyết không ngừng, đau bụng.**

*Lòng cánh gà* đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, đến khỏi thì thôi.

**19. Kinh trị có thai ra huyết.**

- *Dậu đở* tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu, ngày uống 2 lần.

- *Hạt vông vang* 1 cân, nước 3 thang, sắc lấy 2 thang, chia uống 2 lần.

- *Cao da trâu* sao 2 lạng, *Chích cam thảo* 1 lạng, *Trứng gà* 1 quả, Nước 1 bát. Trước sắc cam thảo cho cạn còn một nửa rồi đổ cao da trâu và trứng gà vào quấy tan ra mà uống bất kỳ lúc nào, rất hay.

- *Ích tri nhân* nửa lạng, *Sa nhân* 1 lạng. Tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với nước nóng vào lúc đói, ngày uống 2 lần.

- *Xác gương sen* đốt tồn tính tán nhỏ, khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên, với nước sôi hoặc với rượu rất hay.

**20. Kinh trị dàn bà có thai uống nhầm phải thuốc nóng, ngộ độc làm cho động thai.**

- *Dậu đen, Lá tre, Cam thảo*. Đều nhau, sắc nước đặc mà uống.

- *Dậu ván trắng* bò vỏ tán nhỏ, hòa với nước trong mà uống 2, 3 đồng yên ngay.

**21. Kinh trị động thai dã chảy nước vàng.**

*Cuống lá sen khô* 1 cái, nướng tán nhỏ, dùng nước vo gạo nếp 1 chén, hòa vào uống là yên.

**22. Kinh trị dàn bà có thai bỗng nhiên sùi đờm, trợn mắt, cầm khẩu bất tinh nhân sự, gọi là "tử gián".**

- *Sa nhân* cà vỏ, sao cháy tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng hoặc không uống rượu được thì dùng nước cơm cũng được. Phương thuốc này có tác dụng an thai, giảm đau, công dụng khó có thể tả hết được.

- *Lá ngài cứu* vò kỹ 3 lạng, già nhò xào với giấm thật nóng, gói vào vải mà chườm dưới rốn, hồi lâu là tinh lại.

- *Dây tằm phổi* phơi khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng nấu với *Nước dái trẻ con*, mà uống rất hay. Lúc gấp quá lấy lá tươi già nhuyễn nhào với nước tiểu trẻ em, gạn lấy nước mà uống cũng công hiệu.

## 23. Truyện trị dàn bà có thai bị thương hàn, vì sợ sẩy thai mà không dám uống thuốc.

- *Dát lòng bếp* một hòn to, nghiền nhò hòa với nước lạnh mà uống, lại đắp vào lỗ rốn, dày 2, 3 tấc là yên ngay.

- *Bùn dây giềng, Dát lòng bếp, Thanh dại*. Ba vị cùng tán nhò, rít vào lỗ rốn dày 2 tấc, khô lại thay là yên ngay.

## 24. Kinh trị có thai bị thương hàn nóng dữ, phiền khát, sợ hãi đến thai.

- *Lá sen non* (còn cuống chưa nở), sấy khô, 5 đồng *Bột vỏ hến* 2 đồng ruồi. Cùng tán nhò mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước mới múc, cho mật vào chút ít, hòa đều mà uống và đắp trên bụng là lành.

- *Cát căn, Mạch môn* bỏ lõi, *Thạch cao*: ba vị đều bằng nhau, Lá tre 9 lá. Sắc nước uống.

- Chỉ dùng *Cù sán dây tươi*, giã nát vắt lấy nước uống, không có thứ tươi thì dùng bột sán hòa với nước mà uống.

## 25. Kinh trị có thai bị thương hàn phát nóng sợ rét.

*Đậu si* 1 vốc, *hành* 10 nhánh, *Nước* 1 bát. Sắc cồn 6, 7 phần, uống nóng, trùm mền cho ra mồ hôi là khỏi.

## 26. Truyện trị có thai bị thương hàn, khí ách lên sinh khát, lưng đau mình nặng, bụng đầy trướng, ăn uống kém sút, 5, 6 ngày không đỡ.

*Trần bì* 3 đồng, *Chí xác sao* 1 đồng, *Mạch môn* bỏ lõi 5 đồng, *Gừng* 3 lát, *Hành* 7 củ, Sắc cho uống nóng.

## 27. Kinh trị có thai ngộ phải nhiệt độc.

*Cút dê* giã nát, dit vào lỗ rốn để an thai, đồng thời tùy chứng mà dùng thuốc thì bảo vệ được thai, không phải lo.

## 28. Kinh trị có thai bị thương hàn, ban đỏ biến ra ban đen, rái ra máu.

*Hành* 1 nắm. Nước 3 thang, nấu chín uống nước và ăn hết hành cho ra mồ hôi thì khỏi.

## 29. Kinh trị có thai cảm hàn.

*Cá chép* 1 con hoặc *Cá diếc to*, đốt ra tro tán nhò, mỗi lần uống 1, 2 đồng với rượu, cho ra mồ hôi là lành.

## 30. Kinh trị có thai bị sốt rét và trị trước bị thương hàn sau biến ra chứng này.

*Củ riềng* 3 đồng, xát lát ngâm nước *mật heo* một đêm, trộn với *dát vách* *dằng đồng* mà sao đen, dùng 15 *Nhân quả* sao khô cùng táo nhỏ, mỗi lần dùng 3 đồng, nước 1 bát, sắc sôi mà uống trước lúc sắp lên cơn sốt, rất hay.

## 31. Kinh trị có thai phiền táo, động thai đau bụng gọi là "Tử phiền".

*Trúc lịch* 1 thang, cho nước *gừng* vào một chén, uống là khỏi. Hoặc dùng *tinh tre* một nắm sắc với một chén rượu, uống nóng.

## 32. Kinh trị thai nghịch lên gọi là "Tử huyền".

*Đot lá nho* 1 nắm to, sắc nước đặc mà uống là hạ xuống mà thai yên.

**33. Truyề̄n trị có thai ho máu không ngót.**

Tang bạch bì tẩm mật nướng 3 đồng. Chỉ xác bỏ ruột sao, Cù cò cù già tróc vỏ, đều đồng cân ruồi. Gừng sống 3 lát, Lá tre 5, 6 lá, Đường cát trắng 1 cục nhỏ, Nước 1 bát. Sắc còn 7 phần, uống nóng sau khi ăn tự lành.

**34. Kinh trị đau dạ con tích huyết có cục:**

Bồ hoàng tán nhỏ 3 đồng, uống với nước cơm, cục tích tự tiêu.

**35. Kinh trị ung nhọt trong lúc có thai.**

Ý dì sắc nước cho uống luôn rất hay.

**36. Kinh trị dày bà có thai bị táo nhiệt, đại tiện bế.**

Mầm cây ấu, đot mã đề, nấu canh với huyết heo ăn thật nhiều rất hay.

**37. Kinh trị có thai trong bụng xốn xáo, thai khí không yên, không lên không xuống được, ựa ra nước chua, đứng ngồi không yên, ăn uống không ngon.**

Cù cò cù già tróc vỏ 1 lượng, Hoắc hương, cam thảo đều 2 đồng. Tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước sôi, cho ít muối vào mà uống.

**38. Kinh trị có thai ợ mửa không ăn được, hoặc thở ra đờm dài.**

Rễ lau tươi, 7 phần, Vỏ quýt 4 phần, Gừng sống 3 phần, Hạt cau khô 2 phần. Dều xắt nhỏ, sắc với nước uống nóng vào lúc đói.

**39. Kinh trị có thai động thai hoặc đau lưng, nhói tim, hoặc ra huyết không ngót, tay chân lạnh ngắt, hoặc đè ngược, con chết trong bụng.**

- Lá ngải cứu tươi vò 1 cục bằng trứng gà (2 đồng cân), Rượu 4 thăng. Sắc còn hai thăng chia hai lần uống là yên ngay; nếu không có lá ngải tươi thì dùng lá khô.

**40. Kinh trị có thai, bị bệnh nặng, con chết trong bụng không ra được, mẹ sắp nguy.**

- Hồng hoa sắc với nước mà uống 2, 3 bát là hạ được thai chết.

- Phác tiêu tán nhỏ, 3 đồng lấy nước đái trẻ em và rượu nóng hòa vào mà uống là ra ngay.

- Hạt cải sao qua tán nhỏ liều dùng 2 đồng cân mỗi lần uống với rượu, tiêu ngay.

- Đất long bếp tán nhỏ, uống với rượu hoặc với nước chín cũng được.

**41. Kinh trị có thai bị phù thũng vì thấp nhiệt.**

Hột dành dành 1 vốc, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng vào lúc đói, với nước cơm hoặc gia thêm Bạc hà càng hay.

**42. Truyề̄n trị có thai bị thủy thũng hoặc bụng bí đầy.**

Cù cò cù già tróc vỏ, Sa nhân sao qua. Dều bằng nhau lấy nước uống, rất hay.

**43. Kinh trị có thai bị phù thũng;**

Cá chép to 1 con, bỏ ruột, Đầu dò 1 thăng, nước 2 bát. Nấu cho ăn cà cái lắn nước, ăn hết một lần sẽ ra chất độc là khỏi.

**44. Truyề̄n trị có thai bị phù thũng, bụng đầy, ngực tức, thai ở trong sắp tụt.**

Hột tía tô 3 đồng, sao qua, Cù cò cù già tróc vỏ sao, Chỉ xác sao 7 phần, Sa nhân 1 đồng, nước 1 bát sắc uống nóng.

**45. Kinh trị có thai đau ngang lưng như muỗi gãy.**

Một vật bằng bạc nặng 1 lượng, nước 1 bát, sắc còn nửa, lấy đồ bạc ra uống rất hay.

- *Gạc hutou* cắt ra từng miếng, nướng vào lửa khi đang cháy đỏ thì rưới rượu vào, rồi tiếp tục hơ lửa và làm như thế 3, 4 lần, sau đem tán nhỏ, uống mỗi lần hai đồng cân với rượu hay nước nóng.

- *Trứng gà* 1 quả (bỏ vỏ), đổ nước gừng vào một muỗng, *Bồ hoàng* 3 đồng. Khuấy đều xào chín, ăn lúc đói rất hay.

- *Dây quai bì, Lau nâu, Lá rè quạt, Vỏ quả vải* đều hai phần. *Cam thảo* 1 phần. Sắc nước uống vào lúc đói là khỏi.

#### 46. Truyền trị có thai di ly, đau bụng.

*Trứng gà* 1 quả, xuyên một lỗ nhỏ, dồn *Hoàng đơn* vào 2 đồng, lấy đũa khuấy đều, ngoài gói vài lớp giấy ướt, trong vùi lửa cho chín, bỏ vỏ, lại nướng cho vàng và thơm, chỉ ăn một lần, thang với nước cơm.

Lược...

#### 47. Kinh trị có thai di ly, sắc trắng, ngày đêm 40, 50 lần

*Hoàng bá* 1 lượng, cao vỏ xắt nhỏ, tẩm mật sao cháy, tán nhỏ dùng 1 củ tỏi vùi trong lửa cho chín, bóc vỏ giã nát, trộn với thuốc làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên đến 40 viên, với nước cơm vào lúc đói rất hay.

#### 48. Kinh trị có thai tới kỳ đẻ lại di ly.

*Hột dành dành* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, bệnh nặng uống không quá 4, 5 lần là khỏi.

#### 49. Kinh trị có thai mà di lồng không ngừng.

*Gạo lâu năm* sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống 2, 3 đồng cân với nước cơm thì khỏi.

#### 50. Kinh trị có thai rái ra máu:

*Rễ cỏ tranh* 1 nắm, *mật* 1 chén. *Gừng sống* 7 lát, nước 1 bát, sắc lấy một nửa mà uống là khỏi.

- *Móng tay* của người chồng đem đốt ra tro, tán nhỏ, hòa vào rượu cho uống là yên.

#### 51. Kinh trị có thai tiểu tiện không thông, dưới rốn tịch bế, bụng trương đầy.

- *Sa nhân*, *Củ cỏ* giã trộc vỏ, hai vị đều nhau sắc uống là khỏi.

- *Cây mã đề* giã vát lấy nước cốt, hòa bột *Hoạt thạch* vào mà uống lấy bã đắp chung quanh rốn, nóng lại thay là khỏi.

#### 52. Truyền trị có thai đại tiểu tiện không thông.

- *Ốc bươu* giã nát hòa với muối và cám đều chút ít, nướng nóng rịt trên rốn, nguội lại thay vài lần là thông.

- *Chi xác* bỏ ruột sao vàng, *Keo da trâu* sao. Đều bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô đồng, bột *Hoạt thạch* làm áo, mỗi lần uống 20 viên với nước nóng vào lúc đói, nếu nửa ngày chưa thông lại uống thêm 50 viên nữa.

#### 53. Kinh trị có thai, bống nhiên di rái ra nước đục như dầu, hoặc như nước đậu hoặc động thai đau bụng, và nhất thiết các chứng nhiệt khác đều chữa được.

*Cù gai* 2 lượng, rửa sạch, bắc nén tốt (hoặc đồ vàng bạc) 3 lượng nửa nước nửa rượu cùng sắc lên bỏ vàng bạc đi mà uống là khỏi; nếu không có vàng bạc, dùng độc vị *Cù gai* cũng được.

Không có đồ vàng bạc thì dùng *Kim ngân hoa* cũng hay.

**54. Kinh trị có thai, lậu nhiệt đau khổ, tay chân buồn mòn.**

*Địa phu* từ 6 lạng, nước 2 thăng, sắc cùn 1 nửa mà uống, tự khỏi.

**55. Kinh trị dàn bà có thai lậu nhiệt, đi dai dắt.**

*Hột mã đè* 2 phần, *Hột vông vang* 1 phần, không có hột dùng rẽ, tán nhô cùn 1 phần sắc uống, đến lợi tiểu tiện thì khỏi.

*Hột vông vang*, *Hoạt thạch*, *Mộc thông*. Đều nhau tán nhô, mỗi lần uống 2, 3 đồng, sắc nước hành làm thang.

**56. Truyền trị có thai són dài không nhịn được.**

- *Mẫu lè*, *phèn chua*. Đều bằng nhau, tán nhô, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nhat uống lúc đói.

- *Tổ bọ ngựa cây dâu* 11 cái sao tán nhô, chia làm 2 lần uống với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

**57. Truyền trị dàn bà có thai vì với cao mà thai bị sai lệch, trong bụng như có tiếng khóc.**

*Đồng tiền* cùn 100 đồng, rái ở giữa đất, bảo người dàn bà ấy cúi xuống mà nhặt, mỗi lần một đồng, nhặt hết 100 đồng là yên. Hoặc lấy 1 cục đất ở hang chuột cống ở trong căn nhà bỏ trống, mà ngâm.

**58. Truyền trị dàn bà có thai, mà lên nhọt đau tức, nên uống phương thuốc này thì an thai tan độc.**

Ô dược 5 đồng, xát nhô, *Keo da trâu* 1, 2 đồng. Sắc nước uống nóng.

**59. Kinh trị dàn bà mỗi lần có thai 3, 4 tháng thì hay sẩy thai không chịu uống thuốc.**

*Gà mái già* nuôi được 4, 5 năm, nhổ lông rửa sạch, luộc chín, cho gạo lứt vào nấu cháo chín mà ăn, ăn vài lần là thai được củng cố, cho đến đây tháng mới sinh.

**60. "Cao ích mẫu" Kinh nghiệm chữa các chứng kinh nguyệt không đều, có thai ra huyết và sau khi sinh đẻ, nó là thứ thuốc rất quý của phụ nữ.**

*Cây ích mẫu* lúc hè trời nắng, nhổ lấy toàn bộ cành, hoa, rễ, lá tùy dùng nhiều hay ít, rửa sạch giã nát, bỏ vào nồi to, lấy thứ nước chay về hướng đông đổ vào, sắc lấy 2 phần 3, bỏ bã lấy nước đặc, lại đổ vào nồi nhỏ, đun nhỏ lửa cô thành cao, đổ vào lọ sạch cất kín, mỗi lần dùng độ 1 đồng, tùy chứng mà dùng thang như sê nói thang như sau.

**61. Phần hồn đơn: cũng kinh nghiệm chữa các chứng như Cao ích mẫu:**

*Cây ích mẫu* toàn dùng hoa, lá, cành, rễ hái và ngày 5 tháng 5, hoặc 6 tháng 6 âm lịch rửa sạch, treo phơi râm chỗ gió đông cho khô tán bột, luyện mật làm viên như hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên, dùng thang như sau:

- Có thai mà rốn và bụng đau hoặc có tiếng khóc, thì thang với *nước cơm*.

- Lúc có thai và sau lúc đẻ mà rốn với bụng đau nhói, thai động không an, ra huyết không thôi, sắc nước *Dương qui* làm thang.

- Sau khi sinh đẻ thì lấy *Nước dài trẻ con* làm thang mà uống với 30 viên thì có thể an hòn định phách, khí huyết tự nhiên điều hòa, mọi bệnh không sinh ra, lại hay phá tan được chứng đau máu, dưỡng được mạch khí, điều hòa được kinh lạc, hoặc uống với rượu cùng

- Nhau không xuôi, và đẻ ngang không thuận, thai chết không ra được, lâu ngày bụng đầy trướng và đau tức, thì đều dùng *Muối sao*, sắc lấy nước lạnh làm thang.

- Sau khi sinh bị máu xẩm, xây xẩm tối mặt, huyết nhiệt, miệng khát, buôn phiền như hình thẩy ma quỷ, nói bậy, bất tỉnh nhân sự, thì dùng nước đái trẻ em hòa với rượu làm thang.

- Sau khi sinh máu kết thành cục, đau chạy quanh rốn, bụng, có lúc phát nóng lạnh, đổ mồ hôi nhớt, hoặc mặt xám mắt đỏ, nấm tạng nóng nẩy thì đều dùng nước đái trẻ em hòa với rượu làm thang, hoặc già vắt lấy nước *bạc hà* làm thang cũng được. Sau khi sinh, máu hôi không ra hết, tích trệ đau nhói xông lên tim, ngực đầy tức thì dùng nước đái trẻ em hòa với rượu làm thang.

- Sau khi sinh đì ly, thì lấy nước cơm làm thang.

- Sau khi sinh băng huyết, rong huyết, thì lấy *Gạo nếp* sao, nấu lấy nước làm thang.

- Sau khi sinh rồi, ra khí hư (bạch đái) hoặc trắng hoặc đỏ, thì sắc *Keo da trâu và ngải cứu* làm thang mà uống.

- Sau khi sinh, trúng phong cắn răng nguy cấp, bại liệt nửa người, mất tiếng không nói được, thì dùng *Nước đái trẻ em* làm thang.

- Sau khi sinh, suyễn thở ho hen, vùng ngực không thông, lợm mửa, ra nước chua, mặt mệt phù thũng, hai hông đau nhức, cử động kém sức, thì dùng rượu nóng làm thang.

- Sau khi sinh, trong ít tháng bị ho, tự đổ mồ hôi, tự nhiên phát nóng, lâu ngày biến ra nóng hầm hập, thì dùng nước đái trẻ em làm thang.

- Sau khi sinh, nhức hai bên thái dương, ngáp dài, sợ hãi, hơi ngắn, gầy mòn, không muốn ăn uống, mình nóng tay chân vã, miệng đắng thì dùng bạc hà sắc làm thang.

- Dạ con lạnh, lâu ngày không có con thì dùng rượu nóng làm thang.

## VIII - THAI TIỀN (THAI NGHÉN)

Thai nghén và sinh nở là việc to lớn có quan hệ đến tính mạng của đàn bà, vì máy đóng mở sớm chiều không hẹn, sự an nguy phút chốc không lường, mà tâm tình mỗi người không giống nhau và tật bệnh cũng nhiều loại khác nhau. Nay biên chép mọi cách điều dưỡng phòng ngừa và các phương cấp cứu để mọi người tiện dùng trong khi lúng túng.

Trong các bệnh phụ khoa, chỉ có bệnh đẻ khó là nguy cấp hơn cả, vì tính mạng cả mẹ lẫn con hệ trọng giây lát, không cần thận sao được, cho nên trong những tháng có thai, phải nên sinh hoạt cho đúng cách, ăn uống cho vừa chừng, thì đến khi sinh đẻ, nuôi nấng mới được thuận hòa an ổn, mà mọi bệnh dẹp tắt hết. Nay giới thiệu những phép kiêng cữ trong lúc sinh đẻ ra đây, các bà có thai cần nên giữ gìn.

a) *Kiêng ồn ào*. Vì ồn ào làm cho thai phụ hoảng sợ khí tán loạn mà sinh đẻ khó.

b) *Kiêng vội rặn hoặc vội trực thai*: hãy xem thấy đầu thai nhí đã chuyển xuống dưới thì mới cố sức mà rặn, hoặc có chậm thì dùng thuốc giục. Nếu con đang trở mình chưa thuận mà đã ra sức rặn và dùng thuốc giục thì con bị thúc đẩy mà ra ngang hoặc ra ngược.

c) *Kiêng ngồi ép*: như lúc chuyển bụng thì đỡ dậy hoặc vịn mà dậy, không nên ngồi bẹp đùi ép cửa mình thì con khó ra.

d) *Kiêng lạnh*: lúc sắp đẻ mà gặp mùa đông trời rét, nên mặc quần áo dày ấm, không nên mặc đồ mỏng mảnh, làm cho khí huyết ngưng trệ, không đẻ được mau chóng.

d) *Kiêng nóng*: nếu lúc sắp đẻ mà gặp mùa hè nóng nực, nên ở chỗ mát mẻ, không nên để nhiều người đến gần, vì nóng bức sẽ làm cho máu xẩm nghịch lên, cần phải cẩn thận lắm mới được.

Lúc chưa đẻ cứ nên ăn cháo trắng để bồi dưỡng, điều hòa nguyên khí, khiến cho mạnh sức để thai dễ sinh.

## 1. Nghiệm phương chữa lúc có thai đã 8 tháng:

Đào lấy một cục *đất ở giữa cửa chợ* độ 3 đồng mà thường đeo bên mình, đến lúc sắp đẻ, lấy một đồng nghiền nhỏ hòa với rượu mà uống, rất hay.

## 2. Nghiệm phương làm cho hoạt thái dễ đẻ, lúc chuyển bụng nén cho uống trước:

*Hột mả* đập tán nhỏ, dùng một đồng hòa với rượu mà uống, không uống được rượu thì hòa với nước cũng tốt.

## 3. Kinh trị vì rong huyết mà thai khô ráo khó đẻ:

*Hoa vông vang*, nếu không có hoa thì dùng hột, tán nhỏ, hòa với nước nóng 2 đồng mà uống, hoặc với rượu càng tốt.

## 4. Kinh trị nước ối (nước nguồn) khô, khó đẻ:

- *Dầu mè, mật ong*. Đem một bát, đổ vào nồi đồng cùng nấu. Sôi 2, 3 dạo hớt bò bọt, *Hoạt Thạch* 1 lang, trộn vào mà uống nóng, ngoài lấy mật và dầu xát bụng trên bụng dưới, dễ đẻ ngay. Phương này không những hoạt thai mà có thể giúp cho huyết nữa.

- *Lá vàng thiếp* thứ lớn 5 miếng, (thứ nhỏ thời 7 miếng), lấy chậu sành, nhét vào vài giọt nước, bỏ lá vàng thiếp vào, bóc bỏ giấy chỉ lấy lớp vàng, dùng ngón tay bóp nát, trộn đều, lại đổ thêm vào 1 bát nước. Một người đỡ sản phụ ngồi dậy, lại một người lấy 2 ngón tay cái bấm vào 2 huyệt Kiên tĩnh (chỗ trung giữa vai) của sản phụ rồi đem nước thuốc ấy cho uống, thì thai ra ngay. Nếu chưa đủ tháng mà uống thuốc này cũng yên thai được.

- *Mai mực* 3 cái dùng thứ khô xốp tắm dầu mè, đốt trên ngọn đèn cho dầu cháy xuống trong chén rượu, rồi than nó (mai mực) nghiền nhỏ hòa vào rượu ấy mà uống, là thai ra ngay.

- *Ô tò vò* 1 cái, hòa tan vào nước sôi mà uống là công hiệu.

- *Hột bồ kết*, lấy 2 hột cho uống, hoặc gai bồ kết đốt cháy ra tro, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, rất hay.

- *Lá sen* 1 miếng, hoặc 1 cánh *Hoa sen*, nuốt vào.

## 5. Kinh trị đẻ khó và nhau không xuống, hoặc thai chết không ra:

- *Hột thầu dầu*, 14 hột, bồ vò, già nát, đem địt vào 2 gan bàn chân là xuống ngay; khi nhau xuống rồi, phải rửa chân ngay.

- *Nước dái trẻ em*, 1 bát, *Hành trắng* 5 củ, *Gừng sống* 3 lát, sắc sôi 3 dạo uống nóng là hạ ngay.

## 6. Kinh trị đẻ khó lâu ngày, con chết trong bụng (16)

- *Ban miêu* 2 con, bồ đầu, cánh, chân, trộn với gạo, sao vàng, bỏ gạo lấy ban miêu, tán nhỏ hòa với nước uống là ra ngay, nếu chưa ra lại uống nữa, bắt quá 3 lần.

- *Cây ích mẫu*, già sống vắt lấy nước 1 thăng, sắc còn một nửa, uống vào là đẻ ngay, hoặc dùng thứ khô, sắc nước uống cũng hay.

- *Lá ngải cứu* 5 lang, (đồng cân), *Rượu* 3 lát. Sắc còn 1 bát cho uống xuống ngay, tự yên.

- *Hồng hoa*, nửa nước, nửa rượu sắc uống là xuống ngay.

<sup>1</sup> Ban miêu (dộc bảng A) cấm uống (Xem chú thích ở trên) nay y học hiện đại dùng phương pháp ngoại khoa: mổ lấy thai ra.

**7. Kinh trị con chết trong bụng 2, 3 ngày, bụng trương đau gần chết:**

Lấy 100 cái kim may quần áo, mài với nước, chia uống 3, 4 lần; hoặc dùng luôi dao mài mà uống, ngoài lây hòn đá nam châm thỷ tật dí vào cà mình là xuống ngay.

- Lấy, luôi búa nung vào lửa cho đỏ hồng, tôi vào trong bát rượu, đợi ấm cho uống là con ra ngay.

- Gà trống đen 1 con, cắt cổ nhỏ lồng, rửa sạch, đổ nước 3 thăng, nấu còn nửa, bỏ gà đi, dùng miếng vải nhúng nước đang lúc nóng xát vào dưới rốn, thai ra lập tức.

**8. Kinh trị con chết trong bụng, xem luôi mẹ mà thấy xanh đen là đúng.**

Phác tiêu 3 đồng, nghiên nhỏ, hòa với nước đái trẻ em đang nóng mà uống, đi ngoài ra nước bẩn, thai ra, là yên.

**9. Truyền trị con chết trong bụng 2, 3 ngày không xuống, bụng trương đau, nguy đến nơi:**

- Cút chuột đực (2 đầu nhọn) 14 hòn, nước 3 thăng, nấu còn 1 thăng, láng lấy nước trong, cho gạo vào nấu cháo mà ăn, lập tức xuống ngay.

- Cút gà trống, 21 cục đổ nước sắc sôi, dùng gạo trắng, nấu cháo mà ăn, xuống ngay.

- Lòng đở trưng gà 1 cái, Gừng sống, giã nát, vắt lấy nước 1 chén, Hòa đều nhau mà uống thì xuống ngay.

- Dầu vừng và mật ong bàng nhau, hòa lẫn sắc mà uống nóng, xuống ngay.

- Hột vông vang tán nhỏ hòa với rượu 1 đồng mà uống: nếu cấm khẩu nguy cấp, thì cay răng đổ vào là sống ngay.

**10 Kinh trị thai chết trong bụng, cúng trị nhau không xuống:**

Tiết đê, chọc lấy một chén, đang nóng uống vào thì nhau sẽ xuống ngay.

**11. Kinh trị thai chết trong bụng, hoặc đẻ ngang đẻ ngược, sản phụ muôn kiệt hơi:**

Dắt lòng bếp, tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, hòa với nước cho uống và xát vào lỗ rốn, thì dầu đứa con sẽ đội lên mà ra, rất hay.

**12. Kinh nghiệm châm kim chữa trường hợp đẻ ngang đẻ ngược.**

- Dùng hào châm châm vào lòng bàn tay hoặc lòng bàn chân của con đã lòi ra sâu 1 - 2 phân châm 3 - 4 huyệt, lấy muối xát vào chỗ châm, nhẹ tay đẩy vào, con bị đau sẽ thụt tay thụt chân vào là thuận chiều mà sinh.

- Hoàng đơn, dùng rịt vào gan bàn chân của đứa trẻ thì thai sẽ trở lại thuận ngay.

**13. "Quan âm cứu khổ tán", kinh nghiệm chữa mọi trường hợp đẻ khó đẻ ngang, đẻ ngược và con chết trong bụng không ra:**

Nhục quế 2 đồng, Xạ hương chút ít hòa với rượu cho uống là xuống ngay.

**14. Kinh trị đẻ ngang, đẻ ngược, cà mẹ và con sắp chết:**

- Xác rắn 1 cái, Xác ve 14 cái, Tóc rối một cục. Cùng đốt, tán nhỏ, chia làm 2 lần, hòa với rượu mà uống, một chốc lại uống lần nữa, nằm ngửa một lúc là thai ra.

- Xác rắn đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 phân, uống với rượu hay lầm.

- Hột má đẻ, tán nhỏ, hòa với rượu hai đồng mà uống là đẻ thuận.

- Lòng dái của người chồng 27 sợi, đốt cháy, nghiền nhỏ hòa với rượu cho uống, liền bụng mà đê ra.
- *Hột tơ hồng xanh*, 2 đồng, tán nhỏ, hòa với rượu mà uống.
- *Phương trên* gia thêm *Hột mă đê* 2 đồng.
- *Bụi trên xà nhà* 1 đồng, hòa với rượu uống ra ngay.
- *Hột hòn* nuốt xuống 14 hột, là ra.

## 15. Kinh trị sót nhau không xuống, bụng trướng khốn khổ sắp chết.

*Dέ* *dụi* 1 con, nước 1 bát. Sắc sôi 20 dạo, đổ vào lọt cổ họng, là ra ngay.

## 16. Kinh trị sót nhau không xuống:

- *Hành trắng tươi*. 3 củ, nhai nhỏ, nuốt xuống, là ra ngay.
- *Gai bồ kết*, đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng, uống với rượu nóng, tự ra.
- *Lòng trắng trứng gà*. *Giá mè* *ngon*. Đều một nửa, trộn đều cho uống, là xuống ngay.
- *Hành* *sắc* làm thang, dùng *gạc hươu* mài 1 đồng cân mà uống, xuống ngay.
- *Hồng hoa* 1 lượng, sao nóng. *Rượu* *ngon* 5 chén. Đổ cho uống nóng, hoặc không uống được rượu thì dùng nước dái trẻ em mà thay.

Chứng này là do khí yếu mà huyết ứ đầy ở bào thai cho nên dùng rượu làm cho khí manh lên, dùng *Hồng hoa* để tan ứ huyết.

- *Phương trên* thêm *gỗ vang* *cùng* *sắc* *uống*.

- *Lấy* *dé* *giấy* *của* *sản* *phu*, hơ nóng đem chườm chỗ bụng dưới, người lại thay, chườm 7 lần thì nhau xuống.

- *Bảo bà* để ngâm ngọt tóc vào trong miệng làm cho ợ mửa thì nhau xuống ngay.

- *Tỏi* 1 củ, giã nát, uống với nước.

- *Hột vòng* *vàng* 1 vốc, *Ngưu tất* 1 lượng, Nước 2 thang. Sắc còn 1 thang mà uống, xuống.

- *Bồ hoàng*, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước chín.

- *Đậu đen* nửa cân, sao đen, *Rượu* 3 thang, nấu còn nửa, chia là 3 lần uống thì nhau ra.

- *Đậu đỗ*, sinh trai thì 7 hột, gai thì 9 hột, múc nước chày về hướng đông mà uống với đậu, thì nhau ra ngay.

- *Dắt lòng* *bếp* hòa với giấm như bùn đắp vào lỗ rốn, là xong ngay.

- *Lá sen* sao thơm, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân, thang với nước dái trẻ em, hoặc với nước nóng, ra ngay.

- *Nhục quế* tán nhỏ, 2 đồng, đợi lúc đau lầm lấy nước dái trẻ em làm thang mà uống là ra.

## 17. Truyền trị khi đẻ lòi cả ruột ra không có lên được:

- *Giá mè* *ngon* 1 chén, phun vào mặt sản phụ, phun một lần thì thụt vào một ít, bất quá chỉ 5, 3 lần phun là thụt lên hết, rất hay.

- *Bán ha*, tán nhỏ, thường thổi vào trong lỗ mũi, gây nhảy mũi được là ruột sẽ co vào hết.

### 18. Kinh trị khi sinh lòi ra cà ruột.

- *Hạt thầu dầu* 14 hạt, bóc vỏ, nghiền nát đem đắp trên đỉnh đầu và lồng ngực, ruột sẽ co vào.

- Dùng giấy cuộn lại, dùng dâu mè thắp cháy rồi thổi cho tắt, dùng khói ấy xông vào lỗ mũi. Làm 3-5 lần thì ruột sẽ co vào hết.

- *Chỉ xác*, thái mỏng, sắc ngâm hồi lâu thì ruột sẽ co lên.

## IX - SẢN HẬU (Sau khi đẻ)

Dần bà sau khi sinh nở, tinh thần hao tổn, khí huyết kém hư, sinh lạc rời rạc, gân xương yếu đuối, toàn thân như cảm lieu trước gió, như cá ngược dòng, lúc bấy giờ nên giữ gìn chăm chú bồi dưỡng, buồng the kín đáo, tĩnh tinh phải ôn hòa, tay chân thoải mái, nói năng nhở nhẹ, ăn uống có điều độ, kiêng khem, quần áo thì ấm mát vừa phải, cẩn thận được như thế thì tật bệnh sẽ tiêu tan, nếu mà sai phạm đôi chút thì nguy hại không nhỏ. Nói kinh có nói: "Lúc làm lõi chỉ nhỏ như mày lồng mùa thu, mà khi phát bệnh thì to bằng quả núi" như thế không cẩn thận sao được. Nay chép các cách chữa ra sau để phòng khi cấp cứu.

### 1. Khi đẻ ra rồi dù có bệnh hay không bệnh, nên cho uống phòng trước thì các bệnh không sinh.

- *Nước dái trẻ em* hòa với rượu mà uống, ít ngồi giường ghế cao, không chống gối nằm ngửa, chốc chốc phải gọi tỉnh dậy, đừng để ngủ say. Nếu sau khi sinh huyết động thành cục mà bụng đau, thì nên dùng thuốc nói trên. (Đóng tiện hòa với rượu) mà uống, rất hay.

- *Nghệ* 1 củ, nướng chín ăn với rượu và nước tiểu trẻ con.

- Dùng 1 cái lò nhỏ có bô than hồng vào để cạnh giường, thường lấy giấm ngon rây vào, làm cho hơi giấm xông vào các khe, làm như thế 3 ngày, thi bệnh máu xâm trù hết.

- *Kinh giới* hay *Sơn khô* (đô sơn mài cũng được), đốt lên để xông rất hay.

- *Lá quan âm* 1 nắm, rửa sạch, giã nát, hòa với nước cho uống, có thể trừ được máu ứ, tươi đẹp nhan sắc, ăn uống tăng tiến.

### 2. Kinh trị các bệnh sản hậu.

*Dào nhân* 200 hột, (bỏ vỏ và dầu nhọn, thứ 1-2 nhân thì không dùng), sao qua, giã rất nhở, lấy giấm một dâu rưỡi, quậy cho nhão như cháo, đổ vào trong lọ con, trét kín miệng, đặt vào trong nồi nước, nấu sôi một buổi, mỗi lần dùng 1 muỗng hòa với rượu mà uống, ngày uống 2 lần rất hay.

### 3. Kinh trị đẻ rồi bị máu xâm, tinh thần rối loạn miệng cầm mắt mờ.

- *Hồng hoa*, 5 đồng, tán nhở, hòa với rượu mà uống.

- *Nước dái trẻ em* một chén, rượu 1 chén và nước mồi múc sắc uống.

- Phương trân gia thêm *mần tươi*, cùng sắc uống.

- *Hoa kinh giới* tía nhỏ, nước dái trẻ em hòa vào uống là khỏi.

- Phương trân gia thêm *Nhân hột dào* nửa phần.

- *Lá hẹ* cắt nhỏ, bỏ vào trong bình, giấm nấu sôi đổ vào, đậy kín miệng bình, mà chọc thủng 1 lỗ, xông vào trong lỗ mũi, là tinh ngay cũng là thuốc.

- *Bán hạ* tán nhỏ viên bằng hột đậu, nhét vào trong lỗ mũi, là tinh ngay cũng là thuốc rất hay chữa được 5 chứng tuyệt (17).

Năm chứng tuyệt: chết đuối, chết vì thắt cổ, chết vì vật đe, bóng đè, chết rét.

**4. Truyền trị khi sinh ròi, huyết nghịch lên hòn mê sấp chết.**

Mặt gáu 1 phần mài với rượu đổ vào tinh ngay.

**5. Truyền trị sau khi sinh, máu xâm đưa lên, chóng dầu mờ mắt.**

- *Cỏ roi ngựa, Cỏ ích mẫu, Ké dầu ngựa* tắm rượu đều 1 lạng, *Hồng hoa gỗ vang* đều 8 đồng. Cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng, với nước sôi là khỏi.

- Ích mẫu và *Cây ké* bàng nhau, *gừng* 3 lát, sắc nước uống.

- *Lá măng tươi, Lá thanh táo, Cỏ màn chầu*. Đều bàng nhau, giã nát nước 1 bát, lấy nửa mà uống, đến lành thì thôi, hoặc hòa *nước dái trẻ em* vào càng hay.

- Phương trên chỉ có *Măng tươi* và *hồng Hoa*.

- *Lá sen, Khuông hoàng, Hồng hoa*. Đều bàng nhau, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng *nước dái trẻ em* làm thang.

- *Lá sen, tàn, Cỏ màn chầu, lá giáp cá*. Đều bàng nhau, cùng giã nát, cho nước dái trẻ em vào vắt lấy nước uống, bã đắp lên xoáy thượng.

- *Vỏ cây vông già* (lão đồng bì) bỏ vỏ ngoài. *Cỏ màn chầu, Lá măng tươi, Ngưu tất*. Đều bàng nhau, sắc nước uống, và giã nát đặt lên xoáy thượng là khỏi.

- *Gạc huou*, đốt tồn tính, đổ ra đất cho tiết hết hỏa độc, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, thang với rượu tinh ngay.

- *Gỗ vang* 3 lang, nước hai bát, sắc còn phân nửa, chia hai ba lần uống là khỏi.

**6. Kinh trị sau khi sinh huyết ra quá nhiều không cầm được hoặc hơi đau bụng:**

*Quán chúng* 1 củ, dùng dao gọt vỏ bò lông, lấy giấy thấm vào giấm cho ướt bọc lại nhiều lần, nướng thơm, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, thang với nước cơm vào lúc đói rất hay.

**7. Kinh trị sau khi đẻ máu ra quá nhiều, gầy mòn gần chết:**

*Bồ hoàng* (sao) 2 lang, nước 2 thang, sắc còn nửa mà uống, là khỏi

**8. Kinh trị sau khi đẻ mất huyết sinh khát:**

*Hạt sen, Ý dĩ*, nghiền sống cho nhỏ, 2 đồng, uống với nước cơm khỏi ngay

**9. Kinh trị sau khi sinh, ra huyết bãng huyết không thôi:**

- *Thạch xương bồ* 1 lạng ruối, rượu 2 chén, sắc lấy nửa, chia 3 lần uống nóng, trước khi ăn.

- *Xác gương sen*, 2 cái, *Hương phụ* 2 lang. Cùng đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước cơm, ngày uống hai lần rất hay.

- *Củ địa liền*, giã nhỏ thành bột, mỗi lần uống 1 đồng, thang với rượu ngày uống hai lần là khỏi.

- *Cứt sâu dâu* lấy trong cây dâu, sao vàng mỗi lần uống một đồng thang với rượu, ngày uống hai lần là khỏi.

- *Rễ dâu*, cạo bỏ vỏ ngoài, sắc nước mà uống là khỏi.

**10 Truyền trị sau khi sinh huyết ra không thôi, hoặc huyết độc công vào trong, buồn phiền mặt xanh khi lạnh, muốn chết:**

*Tiết đê* lấy cho uống tươi rất hay.

11. Truyền trị sau khi sinh vì máu hôi ra không hết mà đau lưng đau bụng thỉnh thoảng nóng lạnh nhức đầu, không muốn ăn uống, lại thêm cảm mạo phát nóng rét:

*Hương phu* giã trộc vỏ, 2 phần, Ô dược, Trần bì, Tía tô đều một phần, *Gừng* khô nửa phần, nước 1 bát, sắc sôi, uống nóng là khỏi.

## 12. Kinh trị sau khi sinh ú máu:

Nhân hột đào 20 hột, bò vỏ, bò đầu nhọn (loại hột 2 nhân không dùng) Ngó sen 1 tắc sắc nước uống là khỏi.

## 13. Kinh trị sau khi sanh khí huyết xấu công vào tim, huyết hôi không ra được.

*Dát lồng* bếp tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, sẽ ỉa ra chất độc, khỏi ngay.

## 14. Kinh trị sau khi sinh máu hôi không ra hết, chạy vào vùng ngực lưng hông, làm cho bể tắc lại đau khắp mình:

Cỏ lá tre, *Gừng*, 2 vị bằng nhau, sắc nước uống rất hay.

## 15. Kinh trị sau khi sinh máu hôi ra không hết ú đọng thành khối:

Cù cỏ cũ giã trộc vỏ, tắm nước đái trẻ em mà sao, *Dào nhân* bóc vỏ bò đầu nhọn. Đều bằng nhau, tán nhỏ, dùng giấm nấu hầm làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30, 50 viên vào lúc đói với nước gừng sắc lên.

## 16. Kinh trị sau khi sinh máu hôi ra không hết, công vào trong sinh đau bụng:

- *Gạc rượu*, Dốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng, dùng *Đáu sĩ* sắc làm thang ngày uống 2 lần rất hay.

- *Ngải cứu khô* 1 vốc, giã nát, sao với gián cho nóng, dặt lên lỗ rốn, lấy vài phủ lèn, dùng áu đồng trong đựng than đốt chườm lên trên, đợi trong miệng có hơi ngải cứu, thì đau tự khỏi.

- Dùng *Vảy cá chép* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu, lập tức huyết thông và hết đau.

- *Lá sen già*, ở trên mặt nước thì tốt, sao thơm tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng, dùng nước đái trẻ em hòa vào mà uống, rất hay.

- *Bồ hoàng* cách giấy sao qua, mỗi lần dùng 1 đồng, sắc với nước chày mà uống rất hay.

- Phương trên gia thêm *Cù gai* càng tốt.

- *Vỏ quả vải*, 1 nắm to, sắc đặc mà uống yên ngay.

## 17. Truyền trị đẻ rồi rối loạn, khí huyết xông lên, tim bụng đau:

- *Ngó sen*, giã vắt lấy nước 2, 3 thang mà uống là yên.

- *Trứng gà* 1, 2 quả, dùng một bát nước đái trẻ em mà luộc rồi ăn là yên.

- *Quế tám*, tán nhỏ, dùng *Mật chó* 1 cái, trộn lấy nước hòa vào làm viên bằng hột cù súng, mỗi lần dùng 1 đồng, hòa với rượu mà uống là yên.

- *Gừng sống*, 3 lang, xắt lát, Nước 5 thang, sắc còn nửa chia uống 3,4 lần là khỏi.

- *Cù nghe* đốt tôn tính, tán nhỏ, 2 đồng, giấm 1 chén hòa lẫn cho uống.

## 18. Kinh trị sau khi đẻ huyết tụ thành báng đau bụng:

- *Nhục quế* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng với rượu thì huyết ú tự tan.

- Phương trên gia thêm *Khuong hoàng*, phân lượng cũng bằng quế.
- *Hột kinh giới* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng với rượu là khôi.

**19. Truyền trị sau khi đẻ vì huyết hay khí xông lên mà đau nhói khắp nơi như có dùi dâm.**

*Bồng nga* Truật sao, Sơn khô sao, 2 vị bằng nhau, sắc nước uống rất hay.

**20. Kinh trị sau khi đẻ huyết xấu chảy ra chân tay và bụng hơi trệ xuống:**

*Xương dầu chó*, đốt tán nhỏ, uống hai đồng với rượu, rất hay.

**21. Kinh trị sau khi đẻ trúng phong miệng câm - mình cứng dần, mặt xanh chân tay uốn ván:**

Nước tre non 1, 2 thăng cho nước gừng vào một hai chén, cùng chia uống hai lần là khôi.

*Hoa kinh giới*, sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với rượu hoặc với nước dái trẻ em cũng được.

- *Dây tằm phỏng*, phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, dùng nước dái trẻ em làm thang. Lúc cấp bách thời hái lá nô, giã nát, hòa với nước dái trẻ em, vắt lấy nước cho uống là khôi.

- *Chất trắng trong cút gà*, 1 vốc, *Đậu đen* 2 vốc rươi. Tẩm rượu sao vàng, hoặc nấu qua, lấy 1 chén cho nước tre non vào nửa phần mà uống, ra mồ hôi được là khôi.

- *Dát lòng bếp* 1 lạng rươi, *Gừng khô* nướng 5 đồng. Đều tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng với rươi, ngày uống 2 lần không cứ lúc nào.

- *Tỏi* 30 tép, nước 1 bát to, sắc lấy 1 phần 3, đổ cho uống là sống.

- *Nước dái trẻ em*. 1 bát, gừng sống giã vắt lấy nước cốt 1 chén, hòa vào uống, tình ngay.

- *Ké dầu ngựa*, phơi rám, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, là sống lại.

**22. Truyền trị sau khi đẻ trúng phong phiền khát:**

*Hột hồng hoa* 3 vốc, sao vàng, giã giập, sắc nước, dần dần uống xuống là khôi.

**23. Kinh trị các thứ bệnh sau khi đẻ hoặc huyết nhiệt, hoặc trúng phong nguy cấp, hoặc lưng cứng miệng câm, hoặc phiền nóng cuồng hỏa, khát nước, hoặc đầu và mình đều phù thũng, hoặc ngứa cả người, miệng ợe, mắt trực thị, hoặc chân tay tê cứng mất cảm giác, đó đều là chứng hư nhiệt trúng phong:**

*Đậu đen* 3 thăng, sao cháy hơi có khói, cho vào 5 thăng rượu và ngâm qua một ngày, rồi uống rượu 1 thang, nặm đắp mềm kín cho mồ hôi ra ướt mình là lành; nếu cầm khẩu thì già thêm. *Độc hoạt* nửa lạng, giã nát cùng ngâm vào rượu.

Sau lúc đẻ thường nên uống phương này để phòng ngừa phong độc, lai tiêu được khí uất, công hiệu rất chóng.

**24. Kinh trị sau khi đẻ tức dây hoặc bụng trương ăn không được:**

- *Đậu đỗ* 14 hột, đốt tồn tính, tán nhỏ hòa vào nước dun sôi để nguội mà uống là khôi.

- *Lá nhăn* 1 nắm, sắc nước uống tự tiêu.

- *Xương chó trắng*, đốt tán nhỏ liều dùng 1 đồng hòa với nước nấu sôi để nguội mà uống là khôi.

- *Thanh bì* sao qua tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, lấy hành trắng 2, 3 tép sắc nước hòa thêm nước dái trẻ em vào mà uống nóng ắt khôi.

**25. Truyền trị sau khi đẻ bần thần khó chịu do mồ hôi:**

- Lá tre 1 nắm, sắc nước mà uống bất kỳ lúc nào, rất hay.

**26. Kinh trị sau khi đẻ bần thần khó chịu do mồ hôi, bất tinh nhân sự:**

Sunting đốt tán nhỏ, uống 1 đồng với nước chảy, chưa khỏi lại uống nữa.

**27. Truyền trị sau khi đẻ hư tổn gầy còm, đại tiện bế:**

Cao da trâu cắt nhỏ, sao khô, Chỉ xác bò ruột sao; đều 2 lạng, Hoạt thạch 1 lang. Đều tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hột ngô dòng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước nóng, nửa ngày chưa thấy đi đại tiện thì lại uống nữa.

**28. Kinh trị sau khi đẻ nhiều mồ hôi đại tiện bón uất.**

Hột tía tô, Hột me bỏ vỏ, đều nứa vốc, rửa sạch, nghiền nhỏ, lại cho nước vào nghiền lại, lấy nước 1 chén, chia làm 2 lần, nấu cháo mà ăn rất hay.

**29. Truyền trị sau khi đẻ đại tiểu tiện đều không thông.**

Hoa đào, Hoạt thạch, Hột vông vang, Hạt cau già. Đều bằng nhau, cùng tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng, sắc nước hành trắng mà uống vào lúc đói.

**30. Truyền trị sau khi đẻ tiểu tiện không thông:**

- Mộc thông, Hột mè, Hoạt thạch, Hột vông vang, Hạt cau già, Chỉ thực. đều bằng nhau, Cam thảo nửa phần, cùng làm 1 thang, nước 1 bát, sắc lấy 7 phần uống nóng.

- Trần bì (bò xơ trắng) sao, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào lúc đói, thông ngay.

**31. Truyền trị sau khi sinh đổ mồ hôi trộm:**

Mẫu lệ, tán nhỏ dùng 1 miếng thịt nạc nấu nhừ, bỏ thịt lấy nước mà uống với thuốc tán là khỏi.

**32. Kinh trị sau khi sinh hư nhược mà đổ mồ hôi:**

- Nước tre non 3 chung, uống nóng, lúc lâu lại uống nữa, rất hay.

- Rau sam già vắt lấy nước mà uống là khỏi.

**33. Kinh trị sau khi đẻ, tà ly lâu ngày, tân dịch khô kiệt, phiền khát uống nước nhiều, miệng lưỡi khô ráo, tay chân phù thũng:**

Bí dao 1 quả, lấy đài sét bọc ngoài dày 5 tấc, nung vào lửa cho chín rồi bóc đỏi ra, vắt lấy nước mà uống, bài này cũng chữa được bệnh thương hàn khát nước.

**34. Kinh trị sau khi đẻ di ly ngày 40, 50 lần:**

Cứt bù xè cây dâu sào vàng, lấy nước rưới vào cho ướt viên lai bằng hạt nhàn, mỗi lần uống, 1, 2 viên với nước cơm đến khỏi thì thôi.

**35. Kinh trị sau khi đẻ di ly trắng hoặc đỏ, đau bụng mót rặn:**

Nhusa cây dào sao nở, Bồ hoàng sao qua, Trầm hương. Các vị đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống hai đồng với 1 ức cơm sau khi ăn rất hay.

**36. Kinh trị sau khi đẻ di ly trắng đỏ lần lộn:**

Rau đèn tía 1 nắm cắt nhỏ nấu nước bò bã, cho gạo nếp 3 vốc vào nấu cháo mà ăn liền ngay.

Yến rùa, tắm giấm, nướng 8, 9 lần cho thật vàng, tán nhỏ uống với nước cơm vào lúc đói.

**37. Truyền trị sau khi đẻ di ly khát nước không chừng.**

Mạch môn bỏ lõi 2 đồng (Ô mai 2 quả. Sắc uống dần dần, nhấp xuống là khỏi.

38. Kinh trị sau khi đẻ di ly ra máu, và tiện không thông giữa rốn đau xoắn:

Rau sam. giã vát lấy nước 1 bát, sắc sôi, hòa vào 1 chén mật mà uống là khỏi.

39. Truyền trị sau khi đẻ di ly hoặc đau bụng:

Vỏ cây lầu, Vỏ cây vải. Nước 1 bát, sắc lấy nước mà uống là khỏi.

40. Truyền trị sau khi đẻ hoặc lúc có thai bị di ly:

- Hột dành dành sao đen, tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng với nước nâu sôi, vào lúc đói, bệnh nặng bất quá chỉ 5 lần là hoàn toàn yên.

Hoa kinh giới 4, 5 cành, bò vào trong chén, lấy đóm tre đốt tôn tinh, cho vào chút Xa hương tán nhò, hòa vào nước sôi mà uống, rất hay.

41. Truyền trị sau khi đẻ ỉa chảy:

Muội nồi, Gạo cũ (Trần mě) 2 vị bằng nhau, tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm vào lúc đói là khỏi.

42. Kinh trị sau khi đẻ ỉa chảy không cầm được:

Lá ngải cứu khô nửa lạng, gừng già nướng chín, nửa lang, sắc nước đặc, uống một lần là cầm ngay.

43. Kinh trị sản hậu ỉa ra máu:

Tóc rối rửa sạch đốt tán nhò, 1 đồng, hòa với rượu nóng mà uống là khỏi.

44. Kinh trị sản hậu són dài không nhịn được:

- Cò lót ổ gà đốt tán nhò, mỗi lần dùng 1 đồng, hòa với rượu mà uống thì cầm được.

- Chất trắng trong cút gà đốt tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng, hòa với rượu rất hay.

- Lông gà đốt ra tro tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng với rượu nóng là khỏi.

- Bong bóng heo và bao tử heo đều 1 cái, Gạo nếp nửa cân. Dồn vào trong bong bóng, lai đem bong bóng dồn vào trong bao tử. Cho thêm gừng, hành, vỏ quýt và muối vào nấu ăn rất hay.

45. Kinh trị sau khi đẻ rái ra máu:

Nguu tất sác cho uống thì khỏi.

46. Kinh trị hư lao, mình nóng hầm hập, chân tay mỏi rú:

Bao tử heo dục xéo bỏ màng, thái nhò nấu cháo với gạo, nêm muối cho ăn lúc đói rất hay.

- Dùng cật heo cách làm như trên.

- 47. Kinh trị sau khi đẻ mình nóng, da thịt nổi nhọt như hạt thóc:

Nhân hạt dào nghiền nát trộn với mỡ heo bôi vào là khỏi.

Kinh trị do huyết kém sinh thủy thủng phong thủng.

Lá mần tưới, Phòng kỷ. Hai vị bằng nhau tán nhò, liều dùng 2 đồng cân với giấm là tiêu.

- Ích mẫu thảo, Hồng hoa, Tô mộc. Ba vị bằng nhau sắc nước cho uống hoặc chế thêm nước đái trẻ em vào cho uống càng hay.

- Rau dừa nước giã nát, cho vào ít muối trộn đều địt vào lỗ rốn, rái được thì khỏi.

49. Kinh trị sau khi đẻ kinh sợ hồi hộp:

Tim heo 1 quả, Đậu sị 1 vốc. Đổ nước nấu chín bỏ đậu dùng tim heo mà cho ăn là khỏi.

**50. Kinh trị sau khi đẻ nói mê hoảng, chóng mặt, phiền khát không thôi.**

Gừng sống 5 đồng, Củ cỏ cú già tróc vỏ 1 lạng. Cùng tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, gừng 3 lát, táo 1 quả sắc nước làm thang mà uống.

**51. Kinh trị sau khi đẻ mắc chứng nắc 3, 4 ngày không thôi, nguy cấp gần chết:**

- Quế nhục cao bò vỏ khô 5 đồng, Gừng sống già vắt lấy nước nửa bát. Cùng nấu sôi, nhờ người khác hơ tay vào lửa cho nóng mà áp vào lưng, rồi lấy thuốc đã nấu trên mà đắp vào, đắp hết thuốc thì khỏi.

- Mứt Hồng cắt nhỏ sắc nước uống rất hay.

**52. Kinh trị sau khi đẻ thở dốc, mặt xám đen, muộn chết:**

Gõ vang 2 lạng, nước 1 bát, sắc còn nửa, cho bột Nhân sâm 1 lạng vào mà uống rất hay.

**53. Kinh trị vì tức giận khóc lóc, hại đến can khí mửa ra nước xanh:**

Lá hẹ 1 nắm to, rửa sạch già vắt lấy nước cốt cho vào ty nước gừng, hòa đều mà uống là yên.

**54. Kinh trị sau khi đẻ chảy máu cam:**

Hoa kinh giới đốt tán nhỏ 2 đồng, hòa với nước đái trẻ em mà uống là hết.

**55. Kinh trị sau khi đẻ mất nhảm phiền muộn:**

Dầu dò nghiền nhão, mỗi lần dùng 2 đồng hòa với nước chảy mà uống, ngày uống 2 lần thì kiến hiệu.

**56. Truyền trị sau khi đẻ gân rút, tay chân co quắp:**

Hoàng nàn 1 đồng, củ cỏ cú già tróc vỏ 1 đồng ruồi, Vỏ bầu dắng 1 đồng ruồi. Cùng tán nhỏ, lấy bột đậu xanh khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần dùng 3 viên, cắt 1 lát chuối chín, nhét viên thuốc vào mà nuốt vào lúc đói. Nếu người bệnh khí huyết khỏe mạnh, thì dùng 3 viên thuốc trên bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần lấy một đồng tiền xúc chia làm 4 phần, mỗi lần uống một phần với rượu rất hay.

**57. Kinh trị sau khi đẻ âm hộ sưng đau:**

- Nhân hột đào đốt tán nhỏ, rắc vào là tiêu hết.

- Nhân hột đào (bóc vỏ bỏ đầu nhọn), Ngũ vị tử, Phèn phi. Ba vị đều nhau tán nhỏ, rắc lên miếng giấy mà rít vào là khỏi.

**58. Kinh trị sau khi đẻ sa dạ con (do Ngụy phu nhân truyền).**

- Gừng già 3 cân đẽ cà vỏ, già nát, dầu mè 2 thăng, trộn đều sao khô, trước lấy lụa mềm gấp vuông lại 3, 4 lần, khiến người khẽ tay nâng dạ con lên gấp làm 3 đoạn nhét vào trong âm hộ, rồi lấy lụa gói thuốc hơ nóng mà ép vào, nguội lại thay, làm như thế 1 ngày đêm thì nó thụt vào quá nữa, 2 ngày sau thì thụt vào hết.

- Trước dùng nước nóng ngâm rửa cho mềm, rồi dùng phân chuột bỏ vào trong cái bát nhỏ, tháp lửa đốt, và dùng ống tre để dẫn khói vào mà xông, là thụt vào ngay rất hay.

- Hột xà sàng gói lụa lại, nấu nóng mà chườm vào

- Hột xà sàng 5 lạng, Ô mai 4 quả. Cùng sắc với nước, ngày rửa 5, 6 lần, rất hay.

- Kinh giới, Bồ kết. Dều bằng nhau, sắc nước đặc mà rửa, lại lấy nước sôi bôi vào là no thụt vào.

- *Lá măng tưới* 4 lạng, nấu nước mà xông, đợi ấm, thì rửa 2, 3 lần, lại cho phèn phi vào, nấu lên mà rửa là khỏi.

- *Lưu hoàng, Mai mực* đều 5 phần, *Ngũ vị tử* 1 phần. Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng bôi vào chỗ đau, ngày 3 lần rất hay.

## X - TIỂU SẢN (Sẩy thai)

Dại sản là đẻ dù ngày đù tháng, tiểu sản tức đẻ non là thai chưa dù ngày tháng đã sinh, dai sản là thường, tiểu sản là biến. Đại sản ví như cây tốt tươi, quả chín tróc miệng dìa rồi tự rụng, tiểu sản ví như cây khô héo, quả thương tật mà rơi đầy là do khí huyết của mẹ không được bồi dưỡng, tạng phủ bị tổn hại mà sinh ra, cho nên bị tiểu sản thì phải chăm non kiêng cữ còn phải cẩn thận hơn lúc đại sản mới tốt, chờ cho là việc nhỏ việc thường mà xem nhẹ.

**1. Kinh trị co thai chưa dù ngày mà bị sẩy, bụng trường đau, nóng này không yên:**

Cá chép 1 con, nặng chừng 2 cân, đánh vẩy mổ bỏ ruột, dùng gạo nếp một cân cho muối, tương vào nấu ăn, ngày ba lần rất hay.

**2. Kinh trị sẩy thai ra huyết, nóng lạnh, nhức nhối, diên hoảng:**

- *Gạo hươu* đeo vun sao vàng tán nhỏ, mỗi lần uống ba đồng rất hay.

- *Đậu si* 1 vốc, sắc lấy nước mà uống với thuốc trên càng hay.

- *Lòng gà* đốt ra tro tán nhỏ, mỗi lần uống với rượu nóng, hồi lâu lại uống, đến khỏi thì thôi.

**3. Truyền trị sẩy thai, ra huyết quá nhiều, bụng đau mặt xanh, sắp chết:**

Trứng gà đương ấp nửa chừng, dùng rượu nửa bát đun sôi, cho trứng gà vào luộc chín, rồi bỏ rượu lấy trứng gà mà ăn, là yên ngay.

- *Sừng đê rừng* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng với rượu là yên ngay.

- *Lá ngài khô* 5 đồng, *Gừng sống* 5 đồng, sắc nước uống là cầm ngay.

- *Giá mè*, *Rượu ngon* đều một nửa. Đổ vào ấm có vòi, nấu sôi, ghé vòi ấm vào mũi người bệnh mà xông cho hơi thấu vào là sống.

**4. Kinh trị sẩy thai, ra máu giọt không ngọt:**

- Lá vây đòn già nát, hòa vào một bát nước, rồi vắt lấy nước cốt cho uống là yên.

Cù *Địa liền* (thiền liền) tán nhỏ mỗi lần uống 1 đ/c với rượu rất hay.

**5. Kinh trị có thai chưa dù tháng mà thai bị thương tổn, chết trong bụng không ra được.**

*Giá mè* 3 thăng; *Đậu đen* 1 thăng. Nấu uống thời xương chậu mở rộng, thai liễn ra, nếu chưa ra thì uống lần nữa.

**6. Kinh trị sẩy thai, sót nhau, đau bụng, nguy khốn:**

- *Dát tổ kiến* 3 vốc, sao nóng bỏ vào túi vải mà chườm ở bụng dưới, nhau sẽ tự ra.

- *Mỡ heo* 2 chén, nước 1 bát, sắc còn một nửa uống nóng thì nhau sẽ tự ra.

- *Lấy lòng trắng trứng gà* cho uống là ra ngay.

- *Lười búua* nung đòn suốt tôi vào trong chén rượu cho rượu ấm lên để uống rất công hiệu.

7. Kinh trị dàn bà vì muốn phá thai, uống nhầm phải thuốc độc, thai tụt xuống mà đau bụng, hoặc thai đã bị thương tổn chưa sụt mà miệng cầm, tay cứng, đổ mồ hôi, giống chứng trúng phong, chín phần chết còn 1 phần sống.

*Hột đậu ván trắng* bò vỏ tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm, hoặc dùng *nước vo gạo* sắc đặc cho uống cũng hay.

8. Kinh trị dàn bà hễ mỗi lần có thai là bị sẩy, đó là do khí không thuận, nên uống phương này:

Cù có cù giã trộc vỏ 1 cân, chia làm 4 phần, 1 phần *tẩm rượu*. 1 phần *tẩm giấm*, 1 phần *tẩm đồng tiện*, 1 phần *tẩm muối*, đều ngâm 7 ngày, lấy ra sao khô, cùng tán nhỏ, làm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần dùng 70 viên, uống với rượu nhạt vào lúc đói, nếu người gầy thì thêm lá *Màn tươi*, *xích thố phục linh* mỗi vị 2 lang.

## XI - ĐAU VÚ

Đau vú là vú sưng cứng mà đau nhức. Vì vú thuộc dương minh vị, nuốt vú thuộc kinh quyết âm can, chỉ vì bồi dưỡng thiếu thốn hoặc tức giận xông lên, hoặc lo nghĩa uất kết, hoặc ăn uống đồ ngon quá nhiều, đều hay sinh đau. Nếu có thai mà đau vú gọi là "nội xuy nhū", đã có con bú mà đau thì gọi là "ngoại xuy nhū", 2 chứng ấy vú đều sưng đau, nặng lấm thì nóng lạnh dữ dội, nếu không kịp chữa thì vú làm mù lở loét ra.

1. Truyền trị dàn bà nuốt vú sưng đỏ, muỗi sinh ung nhọt:

*Cù gai*, già nát đặt vào, ngày thay 4, 5 lần đến tiêu hết thì thôi.

2. Kinh trị vú mới phát ung, sưng cứng, đau nhức, phát nóng lạnh mà chưa làm mù, rất hay:

Đầu chót *gạc hươu* 3 tấc, chẻ ra đốt tồn tính, nghiên nhò, mỗi lần uống 3 đồng cân với rượu sau khi ăn, nặng lấm uống 2 lần là tiêu, lại dùng gạc hươu mài với nước đặc phết vào.

3. Truyền trị vú sưng đau do kinh mạch bế tắc, nước sữa không thông, khí độc tụ lại mà thành bệnh. Phương này về được lực có thể dưỡng huyết hành khí uống vào thì trong tiêu được chất ú độc, ngoài thông được tia sữa:

*Hột vóng vang* sa nhân, 2 vị đều bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu vào sau bữa ăn.

4. Truyền trị vú mới sưng, đau đớn, phát nóng lạnh, nhưng chưa làm mù:

- *Dợt dầu non* 1 nắm, già nát đắp vào, lấy giấy nhúng nước đắp ngoài, khô lại thay, tiêu tan hết thì thôi.

- *Cao da trâu*, cho giấm vào chút ít, nấu chảy tan ra thành thuốc cao, dán vào là tiêu ngay.

- Trong dùng *cù cò cù* bò vỏ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với nước nóng vào sau bữa ăn.

- *Cù rẽ quạt, Rẽ cò may*. Đầu tán nhò, hòa với mật mà đắp vào, rất hay.

- *Cù hành*, sắc với nước 1 thang mà uống là tiêu.

- *Cút trâu* trộn với rượu mà đắp là tiêu ngay lập tức.

- Dùng một cái bát, lấy 4 sợi tim bắc to, xếp thành hình chữ thập vào trong bát, để lòi đầu tim bắc ra ngoài miệng một tấc, lại dùng giấy dày cắt tròn thấm nước ướt đặt vào trong miệng bát trên sợi tim bắc, mép giấy cùng miệng bát bằng nhau, đem bát úp lên trên vú sưng đầu bắc lòi ra ngoài, dùng *ngải nhung* một cục to để trên tròn bát, *tháp lửa* đốt vào ngài

*nhung*, cục ngài ấy cháy hết lại thêm một cục khác mà đốt cho đến khi miệng bát cháy nước mồ hôi ra thì thấy đỡ đau, đốt một lần là tiêu hết, nếu nặng lầm ngày hôm sau lại đốt, thật là phép rất hay.

#### **5. Kinh trị vú sinh ung sưng đau:**

- *Cỏ roi ngựa* 1 nắm, *Gừng sống* 1 củ. Giã nát cho vào 2 chén rượu, vắt lấy nước mà uống, bã đắp vào là tiêu.

- *Lá Cỏ nến* (bông nón) sắc nước uống và giã nát đắp vào, ngày thay 3 lần là tiêu.

- *Lá phèu dung*, giã nát, hòa với mật, đắp vào chung quanh, giữa để hở đầu cho tiết hơi độc, khô lại thay sê tiêu hết, hoặc dùng *Lá phèu dung*, giã nát, hòa với muối và giấm đắp vào.

- *Nam tinh*, mài với nước nóng cho đặc, dùng lông gà chấm thuốc phết vào, tự tiêu.

#### **6. Kinh trị vú sinh ung cứng rắn và đỏ tím, chữa dù thứ không khỏi:**

- *Rễ cây liễu*, giã nát sao nóng, bọc vải lại mà chườm, nguội lại thay, 1 đêm là tiêu.

- *Răng người*, đốt tán nhỏ, trộn với mồ sữa mà bôi, ngày làm 3 lần, rất hay.

- *Nước dái ngựa*, thường phết vào, khô lại phết, không đến một ngày là tiêu.

- *Lá tía tô*, nấu nước cho uống, và giã sống đắp vào chỗ đau rất hay.

#### **7. Kinh trị vú sinh ung chưa có mủ thì tiêu, đã làm mủ thì vỡ, đau nhức uống vào thì yên:**

*Vò quít*, bỏ xơ trắng, phơi khô, sao với bột gạo đen hơi vàng, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, cho chút ít *Xạ hương*, hòa với rượu mà uống, công hiệu không tả hết.

#### **8. Kinh trị vú sưng đau, không kể nội xuy hay ngoại xuy đều hay:**

- *Xác rắn* dài 1 thước 7 tấc, đốt tán nhỏ, hòa vào một chén rượu mà uống là khỏi.

- *Hành tươi* 1 nắm, giã nát nặn thành bánh, đắp lên vú, dùng cái lọ sành trong cõ đựng than đỗ, đặt trên bánh hành mà chườm, mồ hôi ra hết sưng hết đau, trong sắc nước *Tía tô* cho uống ngày 2 lần, rất hay.

- *Cút trùn* lấy ở đám rau hẹ, nghiền nhò hòa với giấm, đắp dày lên trên vú, khô lại thay, chỉ 3, 4 lần là khỏi.

- *Cù mài tươi*, giã nát đắp lên là tiêu, tiêu rồi thì bỏ đi ngay, nếu chậm thì nát thịt ở trong.

- *Rễ Hoa hiên (kim châm)* giã nát, hòa với rượu mà uống, bã đắp vào chỗ đau, công hiệu ngay.

- *Dây đau xương*, giã nát, hòa với giấm ngon, cho vào ít muối, xào nóng mà đắp vào, tự tiêu.

#### **9. Kinh trị sau đẻ sữa không thông, ứ đọng sưng đau và vú sinh ung:**

*Cao ích mẫu*, hòa vào chút giấm tốt mà phết vào, như không có cao, thì dùng lá giã nát, hòa với giấm tốt và chút muối mà rịt vào là tiêu ngay.

- Dùng *Vò hàn* (mẫu lê) giã mịn, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

- *Hạt Quán âm*, *Gai bồ kết* bằng nhau đốt cháy tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu.

- *Tổ ong*, đốt ra tro, mỗi lần dùng 2 đồng, nước rửa bát, sắc lấy nửa, bỏ bã, uống nóng.

- *Lá cải*, giã nát, đắp vào là tiêu ngay.

*Lá thông*, giã nát, cho vào tý muối và giấm, hòa với cám mà đắp là công hiệu.

**10. Kinh trị sau khi đẻ vì con bú hà hơi vào vú mà sinh ung:**

Bò kết 10 quả giã nát. Rượu 1 bát. Khuấy đều lấy nước, cho Phác tiêu vào 5 đồng, nấu thành cao mà xức vào, khỏi ngay.

**11. Truyền trị vú sưng lâu ngày đã làm mù mà không phá miệng:**

- Lông cánh gà trắng, lấy mỗi cánh 1 cái, đốt ra tro, tán nhỏ, hòa với rượu uống, phá miệng ngay.

- Bò kết, bò vò, tắm mật, nướng, tán nhỏ, mỗi lần 1 đồng với rượu sau bữa ăn, rất hay.

- Cút chim sẻ, sao khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu, hoặc nghiền ra mà đắp chứ không uống.

- Mõ heo, cát miếng ra ngâm vào nước lạnh, lấy từng miếng mà đắp vào chỗ đau, thấy nóng lên lại thay miếng khác, công hiệu ngay.

**12. Kinh trị nuốt vú nứt nẻ:**

- Quả cà non, hái sau khi có sương thì tốt, bổ đôi phơi rám, đốt tán nhỏ, mỗi lần dùng 1, 2 đồng uống với rượu sau bữa ăn, là khỏi.

- Chất trắng trong cút gà, sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng với rượu sau bữa ăn là khỏi.

**13. Kinh trị chứng nhũ nham (ung thư vú):** Lúc mới phát nổi cục như quân cờ, không đau không đỏ, không nhức, không ngứa đến 3 hoặc 5, 7 năm sau mới đau dần, rồi mưng mủ lở loét giống cái hang hốc nước mủ dầm dề, ngực sườn đau nhức, đến thế thì khó chữa. Là vì buồn bức tức giận có việc không được thỏa mãn lâu ngày độc tích lại trong tim, không phát tiết ra được, mới thành chứng này, về cách chữa cốt yếu là chữa lúc ban đầu, nếu đã phá miệng thì 10 bệnh chết 9.

**14. Kinh trị chứng nhũ nham mới hoặc lâu năm đã vỡ loét:**

- Thành bì 4 đồng, Nước 1 bát rượu. Sắc lấy 1 bát, uống dần dần, ngày uống 1 lần, hoặc tán nhỏ hòa với rượu mà uống, dần dần sẽ khỏi.

- Xuyên sơn giáp nướng khô, rang với cát cho đến khi vảy Tê tê phồng lên và giòn bể gãy, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, uống với rượu sau bữa ăn, ngày uống 2 lần.

- Gạc rượu, mài với rượu mà uống, và bôi vào chỗ đau, là khỏi.

- Hành cà lá và rễ, giã nát, nặn thành bánh, đắp vào chỗ đau, dùng cái lô sành trong có để than đỏ mà chườm lên trên bánh hành, cho khí nóng ngấm xuống, ra mồ hôi, là khỏi.

## XII - THÔNG SỮA

Dàn bà đẻ sữa không ra hoặc ra ít là do khí huyết hư hao. Ví như nước nguồn có dâng đầy thì dòng nước chảy nhanh, cho nên phép chữa nên bồi bổ khí huyết làm chủ, vì khí huyết đầy đủ thì sữa tự nhiên tràn đầy mà chảy thông.

**1. Kinh trị sữa không thông.**

- Đậu đỗ, nấu nước uống luôn, rất hay.

- Cá chép 1 con, đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với rượu là thông.

- Quả muối, cà vò và hột, đốt tồn tính, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu, đắp chăn áo cho ra mồ hôi là thông.

- Giò heo dục, một bộ, bỏ lông và móng, Thông thảo 1 đồng, Nước 2 bát. Sắc lấy nửa cho uống và ăn cả thịt ở giò heo nữa thì sữa sẽ xuống nhiều.

- *Mặt heo rừng*, hòa với rượu, uống ngày 3 lần, uống đến 10 ngày thì có thể dù sữa cho 3, 4 cháu bú, người vốn không sữa, dùng thuốc này cũng có.

- *Thiên hoa phấn, Xuyên sơn giáp*. Mỗi vị đều 5 đồng, hầm với già heo cho nhừ uống cả nước, ăn cà cái.

- *Xuyên sơn giáp*, sao vàng, tán nhỏ, 1 đồng, *Nhân hột dào*, bồ专注, già nát 10 hột, Hòa vào rượu mà uống, không có *hột dào*, thì dùng *mộc thông* sắc uống. Hoặc gia thêm *củ hành* trọng lượng bằng hột dào (hoặc mộc thông) mà sắc uống.

- *Tam láng*, 3 củ, nước hai tháng, sắc còn nửa, dem rửa vú để kích thích, rửa đến sữa ra thì thôi.

- *Mạch môn* bò lôi, sao khô, tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng, lấy rượu mài với *Sung tê* ngưu đỗ 1 đồng làm thang mà uống, bất quá 2 lần uống là có sữa.

- *Hột vong vang* sao thơm và *Sa nhân* hai vị bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu là thông sữa.

## 2. Kinh trị dàn bà đẻ ít sữa:

*Hột mè*, sao qua tán nhỏ, cho vào tí muối mà ăn luôn thì có sữa.

## 3. Kinh trị sau khi sinh không có sữa.

*Hột mùi* (ngò rí) sắc uống là có sữa

*Hột mùi* nấu cháo với *gạo nếp*, thường ăn, rất hay..

## XIII - BỆNH KÍN

Bệnh kín là cửa mình sưng lở, vì *thất tình* và hỏa uất tổn hại can tỳ rồi thấp nhiệt đọng lại mà sinh ra. Chúng này phát ra hoặc dạ con lồi ra như đầu con rắn hoặc lồi ra như cái nấm, như mồng gà, gọi là sa sinh dục, chung quanh sưng đau, hoặc sinh trùng, ngứa không chịu nổi. Nếu không sớm chữa, thì trùng ấy ăn vào tang phủ là chết, hoặc dạ con giàn mà không co lại được, hoặc sinh lở loét máu mù chảy ra hôi thối.

Các chứng âm hộ lở sưng vốn nhiều hình dạng, nhưng phần nhiều do hỏa độc mà phát ra; lại có người âm hộ sinh lở, là do trong âm hộ còn có nước tinh cũ đọng lại mà lai giao cấu, nên hư nhiệt nóng nung mà phát chứng này, trong sách gọi là "*dố tình*"; lúc mới phát như hạt gạo, chạm vào là đau, hai ngày sau ra chất mù, mù ăn sâu vào thành lỗ thủng, dàn bà sinh chứng lở này cũng giống như chứng "*cam thối lở*" của dàn ông, chỉ khác là dàn bà thời không đau.

## 1. Kinh trị cửa mình sưng cứng như đá, chạm vào thì đau đớn quá không chịu nổi:

*Mật cá trắm* 7 cái hoặc *mật cá diếc* cũng được. Dùng *lụa tơ tằm* 2, 3 đồng, dốt ra tro, nghiên nhỏ, hòa với nước mật cá, lấy lông vịt châm thuốc điểm vào, độ nửa giờ là mềm lại, rất hay.

## 2. Truyền trị âm hộ sưng cứng rắn:

*Vỏ quýt hôi*, cắt nhỏ, sao nóng, dùng vài gói lại mà chườm; nguội lại thay, là yên.

## 3. Truyền trị âm hộ sưng cứng mà đau, đại tiểu tiện không thông.

- *Quả tráp*, già nát 5, 6 lạng, lấy vài gói làm 2 gói, hơ nóng chườm vào chỗ đau, từ trên xuống dưới, nguội lại thay.

# <https://vnras.com/drug/>

Theo bài trên, già thêm *Trần bì* cùng chườm, thấy trong miệng có hơi thuốc là hết sưng, đau và đại tiểu tiện lợi.

## 4. Kinh trị âm hộ sưng đau lâm.

- *Rau sam*, già nát, đắp vào là khỏi.
- *Cành liễu*, chặt 20 cành, mỗi cành dài 3 thước băm nhỏ, sắc nước rất nóng, lấy vài cù bao bịt lấy chỗ đau, rồi lấy nước nóng ấy tắm vào là khỏi.
- *Muối* một vốc, sao, gói vào vài thành bồ mà chườm, rất hay.
- *Mầm non cây cúc*, già nát, sắc nước, trước xông sau rửa là khỏi.
- *Cỏ roi ngựa*, già nát vắt lấy nước voi vào thì tự tiêu.

## 5. Kinh trị dàn bà âm hộ sưng lên:

- *Hột xà sàng*, gói vào vài, sấy hơi nóng mà chườm
- *Hột xà sàng*, 5 lạng, *Ô mai* 14 quả. Sắc nước xông và rửa 5, 6 lần là khỏi.

## 6. Kinh trị âm hộ bị lở loét, thối bẩn:

- *Cóc* 1 con, đốt ra tro và *cút thò*, 2 vị bằng nhau tán nhỏ, bôi vào là khỏi.
- *Gan gà* cắt miếng, nhét vào trong âm hộ, thì trùng đều ra mà hết ngứa.
- *Gan heo*, nướng thơm nhét vào âm hộ thì trùng ra hết là khỏi.

## 7. Kinh trị âm hộ bị lở đau như trùng cắn.

*Lá dào*, già nát, gói vài nhét vào trong âm hộ, thay 3, 4 lần là khỏi.

## 8. Kinh trị đau âm hộ:

*Ngưu tất* 5 lạng, *rượu* 3 thang, sắc lấy nửa lọc bỏ bã, chia uống 3 lần là khỏi.

## 9. Kinh trị âm hộ sưng ngứa.

- *Củ tỏi*, sắc ướt thường, rất hay.
- *Vỏ trắng cây hòe*, sắc nước thật đậm, chờ nguội bớt đem ra ngâm rửa là hết.

## 10. Kinh trị âm hộ ngứa sinh lở:

*Hột mè* nhai nhô đắp vào là khỏi.

## 11. Kinh trị dàn bà lở âm hộ.

*Cút heo nái*, *dắt sét* nấm bọc ngoài, đốt tồn tính tán nhỏ trước lấy nước vo gạo rửa sạch chỗ lở, rồi lấy thuốc tán xúc vào, khỏi.

## 12. Kinh trị âm hộ ngứa lở, chảy nước:

*Cành hòe hương bắc* (không bị dơi nướng), bẻ 1 cành, hoặc *vỏ trắng cây hòe* sao, sắc nước để ấm mà rửa 3, 4 lần là khỏi.

## 13. Kinh trị ngứa âm hộ:

*Nhân hột dào*, già nát, dùng lụa gói nhét vào, rất hay.

**14. Kinh trị âm hộ sưng lòi ra, đau nhức chày nước vàng hôi thối.**

Kéo tăm 2, 3 đồng, đốt ra tro nghiền nhò hòa với rượu, lấy lông cánh vịt chấm thuốc phết vào, trong một lúc hết độc là khỏi.

**15. Kinh trị dàn bà sa sinh dục.**

Mõ dê, thường bôi vào là khỏi.

**16. Kinh trị âm hộ lạnh đau, chay vào bụng thì sưng to chết người:**

Ré rau dền, giã nát đắp vào là khỏi.

**17. Kinh trị âm hộ rộng ra mà lạnh:**

Lưu hoàng, nấu lấy nước rửa luôn là khỏi.

**18. Kinh trị chứng lạnh dạ con:**

- Hột xà sàng tán nhỏ, cho chút ít bột gạo làm viên, bằng hòn đạn, gói vải lại nhét vào là ấm.

- Ngũ vị tử, 4 lạng, sấy khô tán nhỏ lấy nước miếng hòa vào, làm viên bằng đầu ngón tay, nhét vào trong âm hộ là khỏi.

**19. Truyền trị dàn bà âm hộ bé quá, giao cấu bị đau:**

Ngưu tất 5 lạng, sắc nước, hòa vào chén rượu uống nóng.

- Mai mực 2 cái, đốt tồn tính, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng, hòa với rượu mà uống, ngày 3 lần là khỏi.

**20 Truyền trị dàn bà, sa sinh dục lồi ra một vật bằng quả cà mà sắc dò, thò ra thụt vào, và trị các mụn nhọt ở âm hộ.**

Lá cúc vàng, lá vây trắng, lá vây dò. Đều bằng nhau, cùng giã nát, nặn thành bánh dẹt, nướng nóng mà chườm, người lại thay, hoặc dùng lụa gói nhét vào trong âm hộ cũng được.

## XIV - TẠP BỆNH

Đều là người thời dàn bà yếu hơn; đều là bệnh thời dàn bà nhiều hơn; đều là tri bệnh thời trị bệnh dàn bà khó hơn.

Các loại bệnh thông thường đã chép ra từng môn, nhưng có các thứ bệnh quái lạ, lật vật, khó chia môn mục, cho nên mới xếp vào mục "Tạp bệnh" để đề ra cách chữa.

**1. Kinh trị dàn bà chiêm bao thấy giao cấu với quái vật:**

Hùng hoàng 1 lạng tán nhỏ, Nhựa thông 2 lạng, trộn vào nhau mà nấu cho chảy ra, dùng móng hổ mà khuấy, nhò vào nước không tan thì thôi, mang ra làm viên bằng hòn đạn, mỗi đêm bỏ vào than dò mà đốt, dùng cái giỏ tre úp lại, bảo người bệnh ngồi lên trên, đắp chăn trùm lại, đầu lòi ra ngoài, bất quá 3 lần thì yên.

Trong dùng Nhân sâm, Phòng phong, Hùng hoàng, Ngũ vị tử, các thứ đều bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước giếng vào lúc tối; rất công hiệu.

**2.. Kinh trị dàn bà vì chân huyết bị tổn thương khi giao cấu do kích động mạnh quá, âm hộ ra máu:**

- Ngũ bội tử tán nhỏ, rắc vào là khỏi.
- Chích lấy máu mồng gà trống mà xức là khỏi.
- Vải xanh và tóc rối 2 vị bằng nhau, cùng đốt tồn tính tán nhỏ rắc vào khỏi ngay.

**3. Truyền trị dàn bà mỗi khi giao cấu là chảy máu âm hộ.**

Nhục quế bỏ vỏ, Đất lòng bếp, 2 vị bằng nhau, cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nhat, là khỏi.

## XV - TRANG SỨC

Dàn bà cốt lấy đức hạnh và nhan sắc làm căn bản cho đời người; đức hạnh nên giữ gìn, nhan sắc nên trang điểm; nếu đức hạnh không giữ gìn thì hỏng mất danh tiết trăm năm, nhan sắc không trang điểm thì giàm sút vẻ tươi đẹp một đời. Cho nên chép mấy phương sau đây để giúp cho việc trang sức của phụ nữ.

**1 Phương làm cho da mặt tươi đẹp:**

- Hột bí dao 5 lạng, Hoa đào 4 lạng, Vỏ quýt 2 lạng. Đều phơi khô tán nhỏ mỗi lần dùng 2 đồng, uống với nước nóng sau bữa ăn, ngày uống 3 lần. Muốn trắng da thì thêm bột bí dao, muốn đỏ hồng thì thêm hoa đào, uống 50 ngày thì mặt trắng, uống 50 ngày nữa thì toàn thể đều trắng, rất công hiệu.

- Hoa đào, ngày 3 tháng 3 hái lấy, máu mồng gà ngày 7 tháng 7 âm lịch chích lấy. Cùng tán nhỏ, trộn đều bôi lên mặt, 2, 3 ngày sau thuốc tróc đi thì nhan sắc tươi sáng như hoa.

**2. Kinh trị mặt đen làm cho trắng:**

- Bí dao 1 quả, lấy dao tre cao vỏ, xắt ra miếng mỏng, rượu 1 tháng rưỡi, nước 1 thăng, cùng nấu chín lọc bỏ bã, lại ngào thành cao, đựng vào bình, mỗi đêm lấy đắp vào mặt, ngày lai rửa đi, lâu lâu sắc mặt sẽ sáng bóng như ngọc.

- Thiên môn đồng, bỏ vỏ, lõi, phơi khô luyện mật làm viên, mỗi lần dùng 1 viên mài với nước mà rửa mặt.

**3. Kinh trị sắc mặt đen, da thô, xạm xấu:**

Xương ống chân dê tán nhỏ hòa với lòng trắng trứng gà, đem thi bội vào sáng dậy rửa mặt bằng nước vo gạo, làm như thế 3 ngày rất hay.

**4. Kinh trị trên mặt đen cháy:**

- Chót gạc hươu, mài với nước cho đặc mà bôi dày vào là hết đen.
- Lá ké dầu ngựa, sao khô tán nhỏ mỗi lần dùng một đồng, uống với nước cơm sau khi ăn, không quá một tháng là hết đen.

**5. Kinh trị mặt sinh nốt ruồi đen:**

Hột mùi sắc nước, ngày ngày thường rửa là biến mất.

**6. Kinh trị trên mặt có trứng cá như hạt gạo:**

Bèo tám già nát, ngày ngày bôi vào rất hay.

**7. Kinh trị trên mặt có vết xám (thâm da mặt):**

- *Hột thầu dầu, mật dà tăng, lưu hoàng*. Đều 1 đồng tán nhỏ dùng tủy dê trộn đều, đêm thường bôi là hết.

- *Hạt bìm bìm đen*, tán mịn, trộn với lòng trắng trứng gà, tối bôi ngày rửa đi, bôi ba bốn tuần thì khỏi.

**8. Kinh trị da môi nhám mặt nổi mụn:**

Rau sam sắc nước đặc, ngày thường rửa rất hay.

**9. Kinh trị tuổi trẻ mặt nổi mụn:**

- *Bèo tía*, rửa sạch, vò nước uống, bã đặt vào, rất hay.

- *Bèo tía* 4 lạng, *Phòng kỷ* 1 lạng. Sắc nước đặc mà rửa, lại lấy bèo già nát, xát vào chỗ vết, ngày xát 4, 5 lần, thuốc tuy tầm thường, nhưng công hiệu rất to, không nên khinh thường.

**10. Kinh trị trên mặt có vết seо.**

*Hột tật lê, Hột dành dành núi*, đều 1 vốc cùng tán nhỏ, hòa với giấm bôi đêm sáng rửa rất hay.

**11. Kinh trị trên mặt mọc u nần săn sương:**

Nam tinh, mài với giấm thường bôi vào, tự rụng.

**12. Phương thuốc kinh nghiệm làm cho tóc dài và đen.**

- *Mõ gấu, Hột quan âm*, tán nhỏ, Hai vị bằng nhau, hòa với giấm, thường đêm xát 2 vị khắp đầu tóc, rất hay.

- *Lá dâu và Lá mè*, hai vị bằng nhau, đổ nước vo gạo vào, nấu lên gói đầu 7 lần thì tóc dài được vài thước.

- Phương khác làm cho tóc dài đen và tóc rụng lại mọc.

*Dâu mè* cùng nấu với *Lá dâu*, rồi bỏ lá dâu đi, thường ngày xát vào, lâu lâu tóc mọc tốt như mây.

**13. Truyền trị tóc rụng không mọc:**

- *Lá bí dao*, già vắt lấy nước, thường bôi vào là tóc tự mọc.

*Mõ heo mùa đông*, rán cho chảy nước, bỏ vào một mành sắt mới, nấu sôi 3 dao, đựng vào lò, mỗi lúc dùng thì lấy *giấm* và *nước vo gạo* gói đầu cho sạch, lấy khăn vải xát cho nóng lên, rồi lấy thuốc cao trên bôi vào, là hết rụng.

- *Đồng tiền cổ* mài với dầu mè cho đặc mà bôi vào, là không rụng nữa.

- *Lá vông nem* 1 nắm. *Hạt mè* 3 thăng. Đổ nước vo gạo vào, nấu sôi 5, 6 đao, bỏ bã và gội hàng ngày, thì tóc mọc dài rất hay.

- *Lá ống tre* vót nhọn dâm vào giữa cây chuối to cho nước chuối chảy ra, ghé bình mà hứng, mỗi lần dùng thi nhúng lược vào nước chuối mà chải đầu, thì tóc tự cứng, dài và đen.

#### **14. Kinh trị lông mày và tóc rụng hết:**

- *Lá liễu* phơi rám tán nhỏ, mỗi lần dùng, hòa nước gừng vào cái chảo sát, thường đem sát vào, dần dần tóc và lông mày mọc tốt.

- *Vỏ trắng dẽ dầu* 2 thăng, cạo bỏ vỏ vàng, đổ nước vào ngâm, nấu sôi 5, 6 đao, bỏ bã đi mà gội đầu luôn thì tóc bền chặt.

#### **15. Kinh trị tóc vàng đỏ không đen:**

- *Đậu đen* nấu với giấm cho đặc mà nhuộm.

- *Mỡ gấu* bôi khắp đầu, lấy lược chải xoa tóc xuống giường sát đất, bằng một bữa ăn thì thôi (đô 15 phút) dùng 1 thăng mà bôi khắp tóc thì đen.

- *Lá trác bá* tươi già nát, một cân. *Mỡ heo* 1 cân. Trộn làm viên bằng hòn đan, mỗi lần dùng 1 viên hòa tan nước vo gạo mà gội chải, một tháng thì tóc sẽ đen mượt.

- *Cút đê* đốt ra tro nghiên rất nhỏ, trộn với mỡ heo mùa đông mà bôi vào tóc, ngày bôi 3 lần, đêm 1 lần đến đen thì thôi.

- *Tóc rối* 1 nắm, rửa sạch phơi khô, đổ dầu mè vào rang cho cháy, nghiên rất nhỏ, đem thường xát vào, lâu thì đen.

- *Nhân hột thảo dầu và dầu mè* cùng sắc nhỏ lửa, dun lên cho can, bỏ bã, dùng dầu thường bôi thì tốt.

#### **16. Kinh trị tóc khô không mềm mại:**

*Mộc qua* tán nhỏ, trộn dầu mè, hàng ngày dùng chải dầu, tóc sẽ xanh mượt, mềm mại.

#### **17. Kinh trị tóc trên đầu không mọc được:**

*Lá trác bá* phơi rám tán nhỏ, trộn với dầu mè, hàng ngày thường bôi vào, lâu lâu tóc sẽ mọc.

- *Vỏ rễ dầu, Lá trác bá* đều 1 lượng, nấu nước tắm gội.

#### **18. Kinh trị người không có tóc:**

*Lá dưa hấu* già vắt lấy nước, xát vào luôn tóc sẽ mọc.

#### **19. Kinh trị lông mày trụi không mọc:**

*Hạt cải, Bán hạ*, đều bằng nhau tán nhỏ, *gừng sống* già nát lấy nước hòa vào mà xát vài lần là mọc.

#### **20. Kinh trị tóc bạc mà không mọc dài được:**

*Quả dầu chin đen, (tang thăm)* ngâm nước phơi khô, đặt vào đầu, làm cho tóc đen lại và mọc ra.

**21. Phương thuốc kinh nghiệm làm hết tóc bạc sinh ra tóc đen:**

*Nước mêt chó*, cứ nhổ mỗi sợi tóc bạc thì liền xát nước mêt chó vào chân tóc, sau mọc ra tóc đen.

**22. Phương thuốc kinh nghiệm nhuộm tóc bạc:**

*Quả dâu chín muồi*, đỗ tía nửa cân, *Con nòng nọc nửa cân*.

Bò vào cái hũ, đậy nắp kín, treo ở hè nhà phía đông, 100 ngày thì hóa ra thứ bùn đen, lấy mà nhuộm tóc bạc, tóc sẽ đen mãi như sơn đen.

**23. Truyền trị bị đánh thành sẹo lông mày và tóc không mọc:**

Bắt *Ruồi sống* xát bếp vào vết sẹo, ngày 2, 3 lần là mọc.



<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYẾN IX**

**CÁC BỆNH NHI KHOA**

## I - SƠ SINH

Trẻ em mới sinh hình hài non nát, khí huyết còn ít, tinh túy chưa đầy, tạng phủ chưa đủ, gân cốt chưa cứng, da dẻ chưa dày, nên dễ lạnh dễ nóng, dễ đói dễ no. Nếu mẹ nuôi không khéo thì hay sinh bệnh, cho nên lúc mới sinh phải gìn giữ cẩn thận, mới mong con được lành mạnh. Hễ con mới lọt lòng mẹ, trong miệng có một cục máu độc, cần lấy lụa quấn đầu ngón tay móc bỏ đi, nếu làm không kịp mà nó nuốt xuống thì sắc *Cam thảo* và *Hoàng liên* ra nước đặc mà cho uống, để mửa máu xấu ấy ra rồi mới cho bú, làm như vậy chặng những không di độc về sau mà lại còn thông minh.

Hoặc dùng *Chu sa* thùy phi nghiên nhỏ, trộn với *mật ong*, viên như hạt đậu, lúc dùng hòa tan vào sữa, cho uống ba ngày liền, ngày một viên để ngừa bệnh sởi, đậu.

Phàm trẻ sơ sinh lấy 5 thứ rẽ, *dào*, *liêu*, *ma*, *dâu*, *hở*, rửa sạch thái nhỏ, hoặc gia *Khổ sâm*, *Bạch chỉ* sắc đậm, lọc bỏ bã, lai gia nước *mật heo* một cái, chờ ấm rửa rốn trẻ rồi sê cát. Nếu cắt rốn trước rồi rửa sau thì khi con bé thành bệnh uốn ván, khi lớn lên thành bệnh đau ruột. Cắt rốn xong kiêng nước lấy *Tóc rói* đốt thành than hòa dầu mè bôi vào rốn.

Phàm cho trẻ bú, không nên cho bú dồn một lúc, sẽ làm cho trẻ mắc chứng cam, tịch, bỉ, tích (1), lại không cho ăn no quá, không cho mặc ấm quá nên để cho nó chịu một ít đói rét, để khỏi sinh bệnh.

Phàm con 3 tuổi trở lên, không nên cho ăn đồ ngọt, béo, cay, nóng, tanh lạnh, ươn, cùng thịt gà để khỏi sinh nhiều bệnh.

### 1. Phương thuốc dùng tắm cho trẻ rất hay:

- Có ích máu sắc nước đậm mà tắm thì không hay sinh ghè.

### 2. Phương thuốc giải độc cho trẻ sơ sinh:

- *Cam thảo* nướng qua giã nát, sắc đặc nhò vào miệng trẻ chứng bằng vỏ hến, để nó mửa ra chất nước bẩn, khiến trí tuệ trẻ được thông minh, không bệnh, dù sau có lên đậu cũng ít.

- *Lá he* rửa sạch, giã lấy chút ít nước cốt, nhồi vào miệng nó, sẽ mửa ra nước độc, khí độc, về sau ít tật bệnh.

### 3. Trị trẻ em sơ sinh, im lặng không khóc, vì đẻ khó kém hơn mà sinh ra như thế:

Giỏi *Nước nóng* vào trẻ, áp rốn trẻ vào bụng người lớn để chuyền hơi nóng, cùng hàn hơi vào miệng trẻ độ trăm lần, cho khí ấm chuyền vào bụng, rồi lấy cọng hành từ từ quất vào mình trẻ, tự nhiên sẽ phát khóc.

## II - CÁCH XÉT BỆNH

Trẻ sơ sinh mà bị bệnh, một là không phải chỉ do nó, phần nhiều do cha mẹ di truyền, hai là do nuôi nấng trái phép, cư xử thất thường, hoặc vì cha mẹ lúc có bệnh mà giao cấu thành thai hoặc vì lúc giao cấu lứa dâm quá thịnh để lại cho trẻ bẩm thụ khí tà nhiệt, phần nhiều là khí bất hòa, cho nên trẻ chịu khí ấy sinh ra thì khó tránh khỏi bệnh.

1. *Cam*: Bệnh trẻ con gầy gò. Tịch: Có bàng trong bụng. Tích: Thức ăn không tiêu.

**1. Xét bệnh theo hình sắc:**

- Tóc cứng là dương cường: khỏe
- Tóc mềm là âm nhược: yếu
- Cả mình nóng mà chân lạnh là cảm hàn
- Giữa bụng nóng là chứng nhiệt
- Mũi lạnh là lèn sỏi
- Tai lạnh là bốc nóng ở trong
- Dưới mát trên nóng là thực tích.

**2. Xem bàn tay để xét bệnh (nam bên tả, nữ bên hữu)**

- 5 đầu ngón tay lạnh là kinh phong
- Ngón giữa nóng là cảm hàn.
- Ngón giữa lạnh là lèn sỏi, đậu

**3. Cách xem chỉ tay:**

Trẻ con ba tuổi trở lại khi có bệnh thì nên xem hổ khẩu (nam tả hữu). Xem hổ khẩu ở ngón trỏ, đốt thứ nhất gọi "*phong quan*", đốt thứ hai gọi "*khi quan*", đốt thứ ba gọi "*mệnh quan*". Thấy chỉ tay hiện lên ở phong quan là bệnh còn nhẹ, ở khí quan là bệnh nặng, ở mệnh quan là bệnh khó chữa.

**4. Xem màu sắc chỉ tay.**

Màu tía là nhiệt, đỏ là hàn, xanh là kinh phong, trắng là cam tích, đen là trung độc, vàng là tỳ vị yếu.

Hình chỉ tay ở tam quan

1. Phong quan
2. Khi quan
3. Mệnh quan
4. Hổ khẩu



**CÁC HÌNH CHỈ TAY**

1.



*Hình xương cá:* Là chứng kinh phong, nóng lâm.

2.



*Hình mũi kim:* Là chứng thương phong, cam tả.

3.



*Hình chữ thủy:* Tích thực, ho, đờm.

4.  *Hình chữ át:* Bệnh về can: kinh phong.
5.  *Hình hai vòng tròn:* Bệnh cam tích, thổ nghịch.
6.  *Hình chỉ xoắn xuýt:* Bệnh sên lăi.
7.  *Hình chuỗi hạt:* Là chứng chết.
8.  *Hình chữ thất:* Là chứng thương thực
9.  *Hình sáu cong:* Là chứng cam lâi và phân động ở đại trường.
10.  *Hình chỉ xiên, hướng về bên phải:* Là chứng thương hàn.
11.  *Hình giằng ta:* Là chứng động kinh, phong giật.
12.  *Hình quả núi:* Là chứng Kinh phong.
13.  *Hình chữ phong:* Là chứng sầu muộn.
14.  *Hình chỉ xiên, hướng về bên trái:* Là chứng thương phong.
15.  *Hình luỗi liềm hướng về bên phải:* Là chứng khí cam.
16.  *Hình luỗi liềm hướng về bên trái:* Là chứng phong cam.
17.  *Hình cong ba đợt:* Là có vật cứng trong bụng.

18.



*Hình vòng cong:* Là chủ về bệnh té.

19.



*Hình móc câu hai đầu:* Là chứng bị lạnh.

20.



*Hình 2 móc câu song song:* Là chứng bị lạnh.

### 5. Biện chứng theo ngũ tạng.

- *Tâm chủ kinh:* Tâm thực thì kêu khóc, phát sốt, khát nước, tâm tư thì thích nằm, sợ hãi, không ăn.
- *Can chủ phong:* Can thực thì trợn mắt, thét to, ngáp, cổ cứng, bức bối khó chịu; can hư, thì nghiến răng, ngủ nhiều.
- Hơi thở ra nóng là ngoại cảm..
- Hơi thở ra ấm là nội thương.
- *Tỳ chủ khốn:* Tỳ thực thì ngủ mê mệt, mình nóng, khát nước, tỳ hư thì thở tả sinh phong.
- *Phế chủ suyễn:* Phế thực thì buồn bức, thở ngáp, hoặc khát hoặc không khát, phế hư thì đầy hơi hay thở dài.
- *Thận chủ hư.* Mắt không tinh anh, sợ ánh sáng, mình mẩy nặng nề chỉ có lúc bệnh đậu mùa; thận thủy tràn đầy thì nốt đậu biết sắc đen.

## III - CẤP KINH

Ở người lớn gọi là trúng phong, ở trẻ con gọi là cấp kinh. Kinh là thuộc về phong nhiệt, cấp là thuộc về dương lấn lên tức là dương thịnh âm suy, vì hỏa nhiệt uất kết ở trong, tà phong ở ngoài phạm vào, tâm bị nhiệt thời sinh kinh, can sinh phong mà phát nhiệt, sinh ra các chứng hàn rát cắn chát, sôi dờm chảy rã, trợn mắt, uốn ván, tay chân co giật.

Nếu tròng mắt lay chuyển, trong miệng có máu, hai chân tát máy, bụng dạ co giật, sờ giường nắn áo, hòn mê thở gấp trong bụng nóng đau, bỗng nhiên kêu la là chứng khó chữa. Phép chữa nên thanh tâm nhiệt, khu phong damp là chủ yếu.

### 1. Kinh trị cấp man kinh phong phát sốt cầm khẩn lòng bàn tay nóng hầm hầm dờm dãi sục lên, ho hen thở gấp:

Yếm rùa 1 cái, nướng vàng tán nhò, hòa với sữa cho uống, tính ngay.

### 2. Kinh trị trẻ con cấp kinh, phổi sưng khó thở ngực dô, thở gấp, cạnh sườn co, mũi phồng, buồn bức, rối loạn, ho hen, phiền khát, sôi dờm, tiếng khàn, nếu không trị gấp thì chết trong sớm tối:

Hạt bìm bìm đen và hạt bìm bìm trắng đều nửa sống nửa sao, nghiền nhò lấy lớp bột đầu, *Đại hoàng nướng*, *Hạt cau khô*. Mỗi vị hai đồng, tán nhò, mỗi lần dùng 5 phân, sắc mật và nước làm thang mà uống thì khỏi.

### 3. Kinh trị trẻ con kinh phong hôn mê tay mở nǎm, uốn ván:

Có tim bắc, tẩm dầu thấp lên, hơ trên mỏ ác hai chân lông mày trên và dưới rốn, nếu mắt tròng lên không xuống được thì hơ ở trên và dưới rốn, nếu bất tỉnh nhân sự thì hơ ở lòng bàn tay lòng bàn chân, và trên dưới trái tim, nếu tay nǎm chát không mở, mép xéch lên thì hơ ở giữa đỉnh đầu và hai lòng bàn tay, nếu miệng sùi bọt trắng thì hơ trên dưới miệng và lòng bàn tay bàn chân.

Dây là phép bí truyền trị kinh phong.

### 4. Kinh trị trẻ con kinh phong, bất cứ cấp hay mãn tính.

Bọ hung 1 con, giã nát, nước 1 chén, cho bọ hung vào, lai dùng nồi nấu sôi 100 đạo rồi để chén thuốc vào mà nấu cách thủy, chờ thuốc nóng lấy ra lọc bỏ bã cho uống thì khỏi.

### 5. Truyền trị trẻ con động kinh sôi dờm:

Cút chuột dực dốt tòn tinh, uống với nước nóng, tỉnh ngay.

### 6. Kinh trị trẻ con kinh phong khí nghịch, nôn mửa, co quắp, dờm nghẹt, chân tay co rút, mắt tròng lệch.

- Chi xác, bò ruột, sao với bột gạo. *Đậu sị*. Hai vị đều nhau tán nhỏ, mỗi lần uống hai phân rươi, nặng lầm thì nửa đồng cân, sắc *Bạc hà* làm thang uống ngày ba lần thì khỏi.

*Đậu mèo mun*: dốt thành than, tán nhỏ. Mỗi lần uống nửa đồng cân với nước nóng, có pha với ít rượu.

### 7. Kinh trị trẻ con kinh phong cầm khẩu.

- *Bán hạ sống, Bồ kết*. Hai vị đều nhau, tán nhỏ lấy chút ít thổi vào lỗ mũi, nhảy mũi được là sống.

- *Nam tinh* 1 củ, lấy giấy gói lại đem vùi trong lửa cho chín xoi một lỗ nhỏ rồi kê vào miệng cho hơi bốc vào trong răng tự mở được.

Cút chim sẻ, sao tán nhỏ, sắc nước đổ vào miệng, rất hay.

### 8. Truyền trị trẻ con cấp kinh, phát nhiệt co giật suyễn thở há miệng.

- *Lá xương sông, chua me đất*. Hai thứ giã nát, cho vào ít nước, vắt lấy nước cốt, đổ vào miệng còn bã đem xoa khắp mình và dính đầu, thì khỏi.

- *Phân tăm sao, Hạt cải tráng sao*. Hai thứ đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần uống từ 3 phân đến 1 đồng, tùy trẻ lớn nhỏ mà dùng, lại lấy bạc hà 8,9 lá, gừng 3 lát, sắc làm thang mà uống, rất hay.

- *Tỏi* 5 củ dốt trước một chỗ đất cho nóng đỏ, rồi mài tỏi lên đất nóng thành cao, dùng tẩm với 5 đồng cân, bò dầu chân, đế lên trên tỏi, lấy bát úp kín, dùng cho ra hơi, một đêm thì lấy ra, tán bột, nhét vào lỗ mũi, miệng phải ngâm nước lạnh, rất hay.

- *Vỏ ốc bươu lâu nǎm*, dốt thành than, cho vào tí *xạ hương*. Tán bột, hòa với nước nóng đổ vào thì tỉnh.

### 9. Kinh trị trẻ con thình lình sợ hãi, kêu khóc như có chỗ đau mà không biết bệnh gì.

*Tiết gà trống*, cắt lấy chút ít, nhồi vào miệng thì yên.

Cút trong tổ chim yến, dùng nấu nước để tắm cũng khỏi.

**10. Kinh trị trẻ con sau khi động kinh thành chứng cảm.**

*Nam tinh*, lây giấy ướt gói lại vùi trong lửa cho chín, tán nhỏ dùng gan heo đục nâu lấy nước để uống với thuốc trên.

**11. Kinh trị trẻ em động kinh chân tay co giật, miệng nhai top tép, mắt trơn ngược, hôn mê bất tỉnh.**

- *Mắt con hổ*, tán nhỏ, sấy khô hòa với nước hoặc mài với nước cho đặc mà đổ vào.

- *Một sách* 7 con, *tinh tre* 1 năm, rượu 1 chén, và nước 1 chén, sắc còn 1 nửa cho uống ấm.

- *Thanh đai*, tùy trẻ con lớn nhỏ mà dùng từ 1/2 đồng cân, hòa với nước sôi cho uống.

- *Tổ ong tàng* nấu nước đặc mà lau khắp người, ngày làm ba bốn lần là khỏi.

**12. Kinh trị trẻ em động kinh các loại đều khỏi:**

*Hoa kinh giới* 2 lạng, *Phèn phi* 1/2 lạng, *Phèn chua* 1/2 lạng. Cùng tán nhỏ luyện hô làm viên bằng hạt gạo nếp liều dùng 20 viên, thang tổng với nước gừng ngày uống 2 lần. Hoặc dùng Chu sa làm áo càng tốt.

#### IV - MẠN KINH

Chứng mạn kinh là do ngoại cảm phong hàn, ăn bú không tiêu mà sinh ra, hoặc lúc có bệnh uống nhiều thuốc thở hả, tỳ vị đều hư rồi sinh ra.

Phát bệnh thì mửa ỉa không chừng độ, mắt hé mở dờm vướng cổ họng như tiếng kéo cưa, miệng mũi hơi thở lạnh, môi nhạt mặt xanh, mép chảy nước bọt như sáp sinh bệnh động kinh.

Đại khái chứng cấp kinh thì thuộc dương, dương cường mà âm nhược, còn man kinh thì thuộc âm, âm thịnh mà dương suy, phép chữa phải khu phong lợi đờm kiên tỳ tráng vị là chủ yếu.

**1. Kinh nghiệm dùng phép chữa.**

Bệnh mạn kinh là do nguyên khí hư tổn mà sinh ra hôn mê, kíp cứu vào huyệt Bách hội thì sống, nếu chờ khi hạ đờm rồi bệnh không khỏi mới cứu thì nguyên khí thoát mất, không chữa được nữa.

**2. Kinh trị trẻ con vì mửa ỉa hoặc uống nhầm thuốc lạnh, tỳ hư sinh ra phong đờm, mạn kinh.**

*Nam tinh* 1 củ to nặng 8,9 đồng cân, cát bỏ rốn, *thiên ma* lùi chín 1 đồng, tán nhỏ. *Xạ hương* 1 ly. Các vị trộn thật đều, trẻ con 3 tuổi cho uống 1/2 đồng, dùng *Gừng sống* và *phòng phong* nấu nước làm thang tổng, cũng trừ được chứng ho lâu ngày mà nôn ợ (buồn nôn).

**3. Kinh trị trẻ con mạn kinh, hôn mê có giật:**

- *Ô dược*, mài với nước, nhô vào miệng là tinh ngay.

- *Chi xác bò* ruột sao, *Đậu sỉ* sao. Hai thứ bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống hai phần, nặng thì nửa đồng, sắc kinh giới làm thang và cho vào 4, 5 giọt rượu mà uống. Mỗi ngày uống ba lần là khỏi.

#### V - MẠN TỲ

Mạn tỳ là thuộc chứng âm vi âm khí quá thịnh, dương khí quá suy, nên bệnh rất nguy. Về chứng trạng thì đỏ mặt, đầu đổ mồ hôi, lưỡi rụt lại, đầu gục xuống, mắt nhắm không mở

Mọc, lúc gù lắc đầu thè lưỡi, thường ợ ra mùi hôi tanh, miếng ngâm, răng nghiến, tay chân hơi giật mà không có được, mình hoặc lạnh hoặc ấm mà tay chân đều lạnh. Ấy là do sau khi bị mạn kinh thổ tả quá nhiều, tổn thương đến tý, bệnh truyền khắp các tang khác rồi về kinh tỳ, tý bị bệnh cho nên gọi là "Mạn tỳ phong". Nếu khu phong thì phong đâu mà khu, trấn kinh thì kinh đâu mà trấn? Chỉ nên trị đờm rã tích trệ trong tỳ mà thôi.

## 1. Kinh nghiệm dùng phép cứu trẻ con kinh phong.

Lấy *ngải cứu*, về thành một mồi bằng hột đậu xanh, cứu ngay trên đám thịt đèn quanh núm vú, trai bên trái gái bên phải, trẻ 1 tuổi thì đốt 3 mồi, hai, ba tuổi thì đốt 5, 7 mồi. Hay lầm. Một phép thì cứu ở huyệt Bách hội ở xoáy thượng cẳng hay.

## 2. Kinh trị trẻ con bị phong mạn tỳ, vì sau khi ỉa mửa mà phát ra.

*Ma hoàng* 10 cọng (mỗi cọng dài 5 tấc) bỏ mắt, *Bạch truật* 3 cục bằng đầu ngón tay, *Toàn yết* 2 con, gói bằng lá bạc hà tươi lùi để khô.

Dều tán bột, lấy bạc hà sắc làm thang mà uống. Ba tuổi trở lên uống 5 phân (bằng 1/4 đồng tiền xúc), hai tuổi trở lại uống 1/8 đồng tiền xúc, rất hay.

## 3. Kinh trị trẻ con vì ốm lâu ngày, hoặc vì ỉa mửa rồi mới phát chứng động kinh, chuyển thành chứng mạn tỳ.

*Toàn yết* 10 con, già nhỏ, lấy quả lựu, móc bỏ ruột, nhét toàn yết vào trong, trộn một ít cơm ủ rượu, đây kín, nướng quả lựu với lửa liu riu, thỉnh thoảng khuấy đều, lúc thành cao thì lấy ra để nguội, mỗi lần uống hai phân, nấu nước kim ngân hoa và bạc hà làm thang mà uống.

## VI - CAM TÍCH

Bệnh này do bà mẹ quá chiêu con, hay cho ăn các thứ ngọt béo, sống lạnh, ăn uống không chứng, bú mớm không giờ giấc, hoặc là do bẩm sinh yếu ớt, khí huyết không đủ đều có thể sinh ra. Mười lăm tuổi trở lại gọi là "cam", mười lăm tuổi về sau gọi là "lao". Bệnh trạng thì thân thể gầy mòn, sức lực kém, hơi thở ngắn, bụng to, gân nổi, da dẻ lở chốc hoặc di ngoài khi lồng khi chật, đi đại khi đờ khi đục, hoặc mình nóng chân tay lạnh, ăn uống giảm sút, đó là bệnh cam.

Sách cổ chép: Chứng ngũ cam xuất phát do ngũ tang nhưng căn bản do một tang tỳ mà thôi. Nếu không trị gấp thì sẽ cặp lụy đến các tang khác mà biến ra nhiều chứng, nên chỉ trừ được hết bệnh ở tỳ thì các tang tự yên. Tuy chứng có lạnh nóng khác nhau, nhưng phép chữa nên lấy bổ ích làm chủ.

## 1 Kinh trị trẻ con bị các tạo bệnh biến thành "cam" thường di ly phân nhiều màu sá : xanh trắng, miêng khô, phiền nóng, tóc se, da khô, mắt nhíu lại, mặt vàng, chân tay rú mòi, mũi dô, lỗ dít trống rỗng phân tự tuột ra:

- *Hành dại* 1 đồng cân, nghiền với nước nóng, cho uống rất hay, (ngày uống 1 lần).

## 2. Kinh trị trẻ con tích trệ, bụng to, người gầy, mặt vàng, dần dần thành "cam":

- *Sứ quân tử* 3 đồng, *Nhân hạt gác* 5 đồng.

Dều già nhỏ, luyện với nước làm viên bằng quả nhăn, mỗi ngày dùng 1 viên, lấy một quả trứng gà, xoi một lỗ trên đầu, nhét viên thuốc vào, đem hấp trên nồi cơm cho chín mà ăn khi đói, ngày 1 lần.

- *Nhân hạt gác* và *sứ quân tử* đều nhau, già nát, luyện với nước cơm làm viên bằng hạt cải, mỗi lần uống nửa đồng cân với nước cháo, ngày uống một hai lần rất tốt.

**3. Kinh trị bệnh cam, mắt mờ không trông thấy gì.**

- *Nhân hạt gác 2 đồng, Hồ hoàng liên 1 đồng. Đều tán bột, viên với hồ bàng quá nhăn, cho vào trứng gà, hấp chín trên nồi cơm mà ăn, rất hay.*

**4. Kinh trị trẻ con bị bệnh cam thủng.**

- *Hạt bìm bìm (Hắc sưu, Bạch sưu) nửa sống nửa sao, nghiền nhỏ, rây lấy lớp bột lán đầu Trần bì, Thanh bì. Cả 4 vị đều bằng nhau, tán nhỏ khuấy hồ làm viên bằng hạt, dầu xanh. Trẻ 3 tuổi uống 20 viên; 5, 6 tuổi thêm 5 viên nữa; uống với nước cơm sẽ khỏi.*

**5. Kinh trị bệnh cam vì độc công và thận khiến tai điếc, âm hộ hay âm hành sưng.**

- *Hắc bạch sưu (Hạt bìm bìm) nghiền nhỏ, rây lấy lớp bột lán đầu, 1 đồng cân. Cát heo nửa cái, bỏ màng, thái mỏng, phết thuốc vào từng lớp, thêm tí muối, ngoài gói giấy ướt mà nướng, ăn lúc đói bụng.*

**6. Truyền trị trẻ con bị bệnh cam lạnh, mặt vàng, bụng to.**

- *Chuột cống, lột da bỏ ruột, lấy thịt nấu cháo với gạo té thường ăn, tốt lắm.*

**7. Kinh trị trẻ con bị bệnh cam lâu ngày, hư nhược, lười ăn và sau khi bị bệnh, vẹo cột sống.**

- *Bạch cương tám, sao qua, tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng cân, dùng bạc hà nấu sôi hòa với rượu mà uống, rất hay.*

- *Bọ hung 1 con, lấy đất sét bọc kin lại đem vùi trong lửa than cho chín, lấy ra cho trẻ ăn là khỏi.*

**8. Kinh trị trẻ con bị bệnh cam, vàng, gây, bày xương ra, đau sinh chớc lở:**

*Cóc, bắt sau tiết lập thu (khoảng tháng 8) mỗi lần dùng 1 con, cắt đầu lột da bỏ ruột, bôi dầu mè vào trong bụng, lấy hai miếng ngói kẹp lại nướng chín mà ăn, di ngoài sẽ xổ các chất độc ra hết, ăn liên tục được 5, 6 con thì trong một tháng hình dung trở nên béo tốt, hay không thể tả.*

**9. Kinh trị trẻ con bệnh cam và di lý ra nhiều màu sắc không khỏi.**

*Chim cút, hàng ngày làm thịt cho trẻ ăn, ăn được nhiều thì rất bổ.*

**10. Truyền trị trẻ con bệnh cam, ăn uống chẳng sinh da thịt, ngày đêm kêu khóc, bụng trướng mắt vàng, ưa ăn bùn đất.**

- *Rẽ lưu, sứ quân tử, (bò vồ, sao), chấu chàng (ướp dấm nướng khô), mỗi vị dùng 1 đồng cân) thanh đai, Thuyền khoái, Bình lang, Thach xương bò (kiêng đồ sắt) già nát đều ngâm nước vo gạo, phơi khô. Mỗi vị dùng 3 đồng 5 đồng cân, cùng tán nhỏ, già lắn với nước mật heo làm viên bằng hạt lúa nếp, liều dùng 10 - 20 viên uống với nước cơm đói, rất hay.*

- *Hạt muồng (Thảo quyết minh) 1 lạng, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống ba viên sau bữa ăn, uống với nước nóng, rất hay.*

**11. Kinh trị 5 chứng cam cò trùng.**

- *Chấu chàng 1 con, đốt tồn tính, Xác rắn bò đầu đuôi mỗi đầu 3 tấc, sao vàng, Xác ve sầu, rửa sạch, bỏ mầm, 1 phần, Xạ hương, nửa phần.*

Đều tán nhỏ, trẻ con 1,2 tuổi mới dùng 1,2 phần, uống với nước nóng lúc 12 giờ trưa, lại dùng cành đào, cành liễu nấu nước mà tắm, đắp áo vải xanh thắt ra lải là khỏi

**12. Kinh trị trẻ con giun sán thường đau bụng, miệng nhò ra nước trong là đặc trưng, do ăn đồ ngọt béo mà sinh ra. Nếu chậm chữa thì lâu ngày thà cam tích, bụng to chân tay gầy, gân bụng nổi lên, mặt vàng... thì khó chữa.**

- *Sú quắn tử* 3, 4 quả bỏ vỏ, sắc cho uống. Hoặc tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân hòa với nước cơm cho uống lúc canh năm, ngày hôm sau lải sẽ chết và xổ ra. Kiêng uống nước trà nóng, uống thì khó khỏi.

**13. Kinh trị trẻ con bị lái chòi sinh đau bụng sùi bọt mép, mặt xanh, như sấp chết. Hoặc có trùng cắn ở hạ bộ sinh đau ngứa.**

- *Biền súc*, hái thật nhiều, nấu nhừ lọc bỏ bã. Cô thành cao nhìn đói 1 đêm sáng sớm cho uống 1 bát thì trùng ra hết.

**14. Kinh trị trẻ con bị lái dúa, gầy còm.**

- *Mỡ heo* đang đói bụng cho uống 1 chén thì khỏi.

- *Dầu Ba ba* (cua đình) 1 cái, đốt thành than, tán nhỏ đem xát vào hậu môn, lải sẽ ra hết.

- *Quả sầu đâu* gỡ lấy cơm, giã nát viên lại đem nhét vào hậu môn, giun sẽ ra hết.

- *Lá ngài cứu* 1 nắm, rửa sạch giã nát, cho vào chút ít nước, vắt lấy nước cốt, uống lúc đói bụng, hối lâu giun sẽ ra hết.

- *Rễ cây ý dí* 1 nắm rửa sạch, Nước một bát sắc còn một phần ba, uống lúc đói bụng, lải sẽ ra hết.

**15. Kinh trị trẻ con bị trúng thuốc độc, di ngoài ra máu, gân chết:**

- *Lá chàm* giã sống vắt lấy nước cốt, thường uống rất hay.

**16. Kinh trị trẻ con trúng trùng độc, trong bụng có cục cứng đau, mặt mắt xanh vàng, gân nổi, xương lộ ra.**

- *Tầm gửi cây đào* tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng hòa với nước sôi mà uống mỗi ngày uống 5 lần rất hay.

**17. Truyền trị trẻ con cam tích bụng to mình gầy mặt vàng hâm hấp sốt.**

- *Sú quắn tử* bỏ vỏ sao vàng, *quả sầu đâu* bỏ vỏ ngoài và hạt trong, lấy cơm (cùi) sao. mỗi thứ đều 1 lượng. Vò vối bỏ vỏ ngoài, tẩm nước gừng sao. *Trần bì* bỏ xơ trắng sao. Mỗi thứ 5 đ/c.

Cùng tán nhỏ hòa với nước mật heo làm viên bằng hạt đậu xanh, 3 tuổi trở lại uống 5 viên, 7 tuổi trở lại uống 10 viên, 10 tuổi trở lại uống 15 viên uống với nước cơm sôi lúc đói bụng.

5 chứng cam thì sắc nước *Trần bì* làm thang, nóng lạnh thì sắc nước *Bạc hà* mà uống, giun cắn đau bụng thì sắc nước *lá ngài cứu*; tích sữa, tích khí xích bạch ly, đau bụng, sôi bụng, ỉa chảy, ăn uống không tiêu, đều dùng *Trần bì* sắc làm thang mà uống.

**18. Truyền trị trẻ con cam tích, bụng ọng nổi gân xanh, hoặc môi miệng xanh den, hoặc di tả lỵ ra phân nám sắc:**

- *Hoa hoè* sao vàng, *Sú quắn tử* bỏ vỏ sao, *Củ nghệ* thái mỏng sao khô, *thanh dại*. Các vị đều nhau tán bột, mỗi lần uống một đồng hoặc nửa đồng tùy trẻ lớn hay nhỏ, sắc nước đậm si làm thang mà uống, bất cứ giờ giấc nào.

## VII - NÓNG SỐT

Trẻ con là thuần dương vô âm phần nhiều bệnh thuộc nhiệt, nhưng nhiệt có hư nhiệt thực nhiệt khác nhau. Thực nhiệt thì mặt đỏ, mắt đỏ, thở mạnh, miệng khô, khát nước, tiểu tiện đỏ gắt đại tiện táo bón, ngũ tâm phiền nhiệt, ngày đêm khóc khan, hâm hấp sốt, hư nhiệt thì mặt trắng xanh, miệng lạnh, hoảng hốt, uể oải di ỉa ít, dai nhiều, ban đêm ra mồ hôi trộm. Sách Nội kinh chia làm 16 chứng nóng sốt khác nhau. Đại dể nhiệt thì sinh hỏa, hỏa sinh phong, phong sinh run sợ, chữa bệnh phải tùy chứng mà chọn phương.

### 1. Kinh trị trẻ con hư nhiệt, nóng hầm, nhọc mệt gầy còm.

- Cao thiên môn mỗi lần uống 1 đ/c pha với nước sôi uống lúc đói bụng.

### 2. Kinh trị trẻ con sốt cao, nóng hầm trong xương, kém ăn, gầy yếu.

- Vô cây dương cao lấy vỏ trắng uống, lại dùng lá nấu tắm thi yên.

### 3. Kinh trị trẻ con phát sốt về đêm, hay nói nhảm.

- Nước vòi mang tre non, hòa với chút ít nước cốt gừng, đêm uống hai lần mỗi lần nửa chén con thì yên.

### 3b. Kinh trị trẻ con sốt cao nghẹt đờm kinh giảm.

- Lá mận nấu nước tắm rất tốt.

### 4. Kinh trị trẻ con vì nhiệt uất ở dưới, mình nóng, cuồng hoảng mê man chẳng ăn được.

- Hạt dàn dàn 7 quả, Đậu sị 5 đồng. Nước 1 bát. Sắc còn 6 phần cho uống, hoặc mửa hay không mửa cũng khỏi.

### 5. Truyền trị trẻ con bị nhiệt độc, nóng sốt luôn mấy ngày không ngớt.

- Chót sừng tê, mài với nước cho đặc, thường uống rất hay.

- Phương trên thêm Cát can, dày đậu rừng, Mộc thông, mỗi vị đều nhau là tre 3 lá, sắc với nước mà uống bất cứ lúc nào.

- Mía voi, cò mahn chầu. Giã chung vắt lấy nước cốt xoa khắp mình, trên đỉnh đầu và lòng bàn chân, khô thì xoa nữa, chừng thấy mát thì thôi.

### 6. Kinh trị trẻ con phát sốt không có phong nhiệt hay sởi đậu cũng cứ nên dùng.

- Đầu mè cho vào chút ít nước cốt củ hành, hòa đều xát ở ngực, ở lòng bàn tay bàn chân và đầu, mặt cổ, lưng, rất có thể giải độc mát da.

### 7. Kinh trị trẻ con phiền nóng, khát nước không ngót.

- Củ sắn dây tươi giã lấy nước, Nước vòi mang tre non. Hai thứ đều nhau mỗi lần uống một bát, tùy trẻ lớn nhỏ mà thêm bớt, bắt cần giờ giấc rất hay.

- Hạt sen già 50 hạt, bóc bỏ vỏ tim, sao qua, Bèo ván 2 đồng rưỡi, Gừng sống 2 lát. Sắc nước uống làm 2 lần.

- Củ sắn dây 5 đồng, sắc uống cũng hay.

- Đậu đen, nấu chín, uống nước và ăn đậu.

- Nước 1 bát, Gừng sống 1 nhát. Ngâm một thời gian lâu cho ra mùi gừng thì uống là khỏi.

### 8. Kinh trị trẻ con ấm đầu nghẹt mũi không thông.

- Cút trùn nặn thành bánh, đắp trên mồ ác, ngày thay vài ba lần.

**9. Truyền trị trẻ con cảm gió phát sốt:**

- *Hạt cau rừng* 2 hạt (thứ giống quả tim gà thì tốt), *Hạt bìm bìm* (nửa sao, nửa đế sống) *Cam thảo*, *Trần bì*. Đều nhau, tán nhỏ mỗi lần uống nửa đồng, dùng nước nóng hoặc mật pha thuốc mà uống thì khỏi.

## VIII - CẢM MẠO

Trẻ con bẩm sinh yếu ớt, tạng phủ phát triển chưa hoàn toàn, da thịt chưa kín đáo, nên gặp lúc trời réo rít dễ cảm nhiễm, phép chữa nên phát tán làm chủ yếu.

**1. Cháo hành, kinh nghiệm chữa cảm mạo phong hàn nhức đầu nghẹt mũi, sổ mũi:**

- *Hành* 3 củ, già nát, nấu cháo với gạo trắng nêm chút muối mà ăn lúc còn nóng cho ra mồ hôi thì khỏi. Ngoài dùng hành gia 3, 4 củ, già nát xoa vào tay người khác rồi hơ lửa nóng lên mà xát vào khắp mình trẻ cho ấm, cho ra mồ hôi thì đỡ, không hại gì cả.

**1b. Kinh trị trẻ cảm phong hàn.**

- *Hạt củ cải tươi* 1 đồng, nghiền sống thêm nước và hành, sắc sôi hòa chút ít rượu mà uống, ra mồ hôi thì khỏi.

**2. Kinh trị trẻ con cảm thời khí thương hàn:**

- *Lá đào* 3 lạng, *Nước* 5 thang. Nấu sôi 10 dạo, rót nước xoa bóp khắp người, sau lấy *Phân chuột dực* 3 hạt đốt tồn tính, hòa với nước nóng cho uống thì khỏi.

**3. Kinh trị thời khí thương hàn nóng lấm:**

- *Nước măng tre non*, *Cát cẩn* già lấy nước cốt nếu không có thứ tươi thì dùng cát cẩn khô, sắc đặc, lấy 6 chung 2 thứ cho vào trộn với ít nước gừng thường uống sẽ khỏi.

**4. Kinh trị trẻ con nóng lạnh và cảm nhiệt khí:**

- *Móng chân giò heo* dùng móng chân giò sau, đốt cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 vóc hòa với sữa người ngày uống 2 lần thì khỏi.

- *Dậu sỉ* nửa vóc, *dành dành* 7 quả, bỏ vỏ. Nước 1 bát, trước sắc dành dành sôi rồi đổ đậu sỉ vào sắc nữa sôi vài долю uống ấm thì hay.

**5. Kinh trị trẻ con sau lúc thương hàn bị thời khí, mất tiếng không nói được:**

- *Nhục quế*, 1 miếng bằng đầu ngón tay, ngâm 1 lúc lâu, dần dần nói được là khỏi.

## IX - THƯƠNG THỰC

Bệnh thương thực ở trẻ con là do ăn bú không có chừng mực, hoặc đã no mà còn cho bú thêm, hoặc vừa mới bú rồi lại cho ăn, hoặc vừa mới ăn xong lại cho bú liền, hoặc cho ăn các chất cứng rắn, các thức sống lạnh khó tiêu, hoặc đêm trẻ nằm ngủ không đắp bụng mà tý vị còn dang non yếu, khó tiêu hóa, nên lúc mới đầu thì thức ăn không tiêu được, rồi tích lại, lâu ngày thành bệnh cam, sau có thể biến thành nhiều bệnh khác, cho nên phải hết sức cẩn thận.

Sách *Nội kinh* nói: "yêu trẻ thì chó cho ăn no quá, mà nên cho ăn hơi dồi một chút, mực đựng cho ấm quá, mà cần để cho hơi rét một tí" đó là những lời vàng ngọc.

Bệnh thương thực khi mới phát thì mình nóng, đầu nhức, mắt vàng, mi mắt hơi mọng bụng đau, sườn căng, chân lạnh, giữa bụng nóng, ngủ lì bì, chẳng chịu ăn uống, chan cơm, lợm giọng buồn nôn, hoặc nôn ợ, hoặc ợ chua, ợ hơi, hoặc ỉa phân như trứng thối, hoặc

thở ngắn hơi, bí tức, ấn lên bụng thì đau hoặc vùng thượng vị, đó là những triệu chứng thực tích.

**1. Kinh trị trẻ con nôn mửa, sốt cao, ít ăn.**

- *Bột sắn dây* 2 đồng cân nước 2 chung nấu cách thủy, quấy thành cháo cho ăn.

**2. Kinh trị trẻ em hoặc loạn thổ tả.**

- *Nước dái trâu*, hứng lấy một chén nhỏ, cho vào một chút muối, quấy đều cho uống thi yên.

- *Đất tò vò* một miếng hòa với sữa cho uống, rất hay.

**3. Kinh trị trẻ nhò nôn ợe.**

- *Gạc hương, Đậu đen* bằng nhau tán nhỏ, hòa với sữa, bôi vào đầu núm vú cho tre bú, khỏi ngay.

## X - THỔ TẢ

Trẻ con bị thổ tả là vì tạng phủ còn non, tà khí dễ xâm nhập, lại vì bú móm không giờ giấc mà sinh ra. Đại để bệnh ở vị thì thổ, ở tỳ thì tả. Các chứng hậu có nhiệt, có hàn, có thực tích khác nhau; hàn tả là tỳ vị hư hàn ăn, uống không tiêu, đi đái trong mà là ra phân xanh hoặc như hèm rượu, hoặc thở hoặc tả. Tay chân quyết lạnh, hoặc kiêm ngoại cảm phong hàn, nội thương ấm thực trong người lúc nóng lúc mát: *nhiệt tả* là tỳ vị có thấp, đại tiện vàng mà tiểu tiện đât, miệng khô khát nước, tay chân ấm áp, hoặc thở hoặc tả kiêm chứng trúng thử. Thực tích là do ăn uống không điều độ, ăn đồ sống lạnh quá nhiều, đình trệ ở tỳ vị, bụng chướng lên thấy nóng, ợ hơi nuốt chua, đi ngoài hồi như mùi trứng thối. Phép chữa nên xét chứng chọn phương mới mong không bị nhầm lẫn.

**1. Kinh trị trẻ con ỉa chảy không ngót, bất cứ hàn nhiệt đều chữa được:**

- *Hoài sơn* sao, tán nhỏ, không kể nhiều ít, cho vào cháo quấy đều mà ăn, khỏi ngay.
- *Vỏ quả lựu* nướng khô. Sắc uống lúc đói bụng thi yên ngay.

**2. Truyền trị trẻ con bị thổ tả**

- *Hạt cau khô* 1 hạt, thái nhỏ, sao khô, tán bột, uống với nước cơm thi khỏi.

- *Hoắc hương* 1 đồng, *Gừng sống* 1 đồng, *tinh tre* 1 đồng, *Cam thảo* nửa đồng. sắc uống ấm, rất hay.

- *Gạc hương*. dẻo vụn lấy 1 đồng. Tóc rối đốt thành than, nửa đồng. Cùng tán bột, hòa với nước cơm mà uống, mỗi ngày ba lần, rất hay.

**3. Kinh trị trẻ con, mùa hè cảm nắng hoặc loạn thổ tả trường bụng.**

- *Hạt cù cải* nghiền nhò, *Sừng tê ngưu*, *Tràm hương*, *Hạt cau khô* mài với nước cho uống, đỡ ngay.

**4. Kinh trị trẻ con tả ly.**

Tỏi giã nát, đem đắp vào hai lòng bàn chân và rốn thi khỏi.

**5. Kinh trị trẻ con bị chứng nhiệt tả.**

- *Hoàng bá* cao vỏ sấy khô, tán bột, viên với cháo, viên bằng hạt đậu xanh mỗi lần uống 10 viên với nước cơm lúc đói.

Dùng *Lòng trắng trứng gà*, phết vào *hoàng bá* mà nướng, tán bột uống với nước cơm cũng hay.

## XI - KIẾT LY

Trẻ con kiết ly là do nội thương ẩm thực, như khi no quá khi đói quá dư độc tích lại, ngoài cảm phong hàn thử thấp, là cho tạng phủ bất hòa, tỳ vị bị thương tổn mà phát sinh Phát bệnh, có nhiều chứng khác nhau: Ly nhiệt thì đi ly ra sắc đỏ; ly hàn thì đi ra sắc trắng, ly phong thì đi ra sắc xanh, ly thấp thì đi ra như nước đậu, cà nhiệt và hàn thì trắng đỏ lẫn lộn, nếu mót rặn mà không ia được lại quặn đau là trong có phục hóa, phải nên xét kỹ.

### 1. Kinh trị chứng kiết ly và cam tả lâu ngày không khỏi.

- *Sáp ong* 1 cục bằng quả táo, cho vào nồi đồng nấu chảy ra. *Trứng gà* một quả lấy lòng đỗ đỗ vào. Lại thêm ti muối, nấu chín mà ăn lúc đói thì khỏi.

- *Rễ tần xuân* tươi rửa sạch thái nhỏ. Sắc đặc uống dần dần, khỏi thì thôi.

- *Cóc* 1 con bỏ hết ruột gan, đốt tàn tinh tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.

- *Chấu chàng* 1 con. Cách làm như trên.

- *Lá non cây ích mẫu*. Nấu cháo với gạo mà ăn và nấu nước uống thay nước trà.

### 2. Truyền trị trẻ con đi ly lâu ngày không khỏi.

*Rễ cây ý dĩ*. Sắc lấy nước mà uống lúc đói.

- *Xương dǎu chó* đốt tàn nhỏ, uống với nước nóng, hoặc một đồng hoặc nửa đồng tùy trẻ lớn nhỏ.

### 3. Kinh trị trẻ con ngày đêm đi tả ly không biết mấy lần.

- *Vỏ cây sán thuyền* phơi khô tán bột, uống với nước cơm, mỗi lần nửa đồng.

- *Lõi sừng dê rừng*, đốt cháy tàn nhỏ, uống 1 đồng với nước nóng rất hay.

- *Lá trắc bá*, sao, sắc uống thay nước trà.

- *Cá chép* 1 con, đốt tàn tinh tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng với nước cơm.

- *Hạt mã đề*, *Hoa dâm bụt* đỗ. Sắc uống khi đói.

- *Mã đề* cả cây và lá, giã lấy nước cốt, hòa với ít mật mà uống.

### 4. Kinh trị trẻ con bị chứng ly cảm khẩu nắc cụt, không ăn được.

- *Hột sen* bỏ tim tán nhỏ. Mỗi lần uống 1 đ/c với nước cơm. Hoặc thêm *Hoài son* hai vị bằng nhau tán nhỏ mà uống càng hay.

### 5. Kinh trị trẻ con đi ly khát nước.

- *Bí dao* giã lấy nước cốt mà uống.

### 6. Kinh trị trẻ con sau khi đi lị lòi dom.

- *Hoa hòe* lâu năm, tán bột mỗi lần uống nửa đồng cân. Người lớn uống 1 đồng với *trần mè*.

### 7. Truyền trị trẻ con bị chứng xích bạch ly đau bụng mót rặn.

- *Hạt mè* xát cho trắng, sao thơm tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, sắc nước cho vào một chén mật ong mà uống.

- *Mai mực* nghiền thành bột, mỗi lần uống một đồng với nước cơm.

- *Rau đùa* nước 1 đồng, *Tía tô* 1 đồng, *Lá ngải cứu* 7 đợt, *Gừng* 3 lát, *Xương bò* 3 lát (kiêng sắt). Cùng giã nát xào chín đem buộc vào rốn mỗi ngày thay ba lần.

- *Tổ ong* đốt tàn nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với nước cơm vào lúc đói.

- *Bồ hòn* bỏ chân cánh, đốt tàn nhò, mỗi lần uống nửa đồng với rượu vào lúc đói.

- *Ngò sen, Gừng sống*. Dều nhau, sao cháy đem tán nhò, nước phan nửa sắc uống.

- *Cây mè dề cá lá rẽ, Rễ ý dĩ* mỗi thứ 1 nắm, sắc uống vào lúc đói.

#### 8. Kinh trị bệnh lỵ về mùa thu:

*Quả hòn* khô tán nhò, nấu cháo rồi hòa bột hồng vào, đun lại cho sôi vài dạo, cho trẻ ăn. Nếu con còn bú thì cho người mẹ ăn để con bú.

#### 9. Kinh trị bệnh lỵ về mùa đông không ăn được:

- *Chỉ thực* sao qua tán bột, cho uống mỗi lần 1 đ/c vào lúc đói.

#### 10. Kinh trị trẻ em di lỵ ra máu không ngót.

- *Rau sam* già vắt lấy nước cốt 1 chén, cùng hòa với nước cơm, rồi cho uống vào lúc đói.

- *Rau sam* già nát, vắt lấy nước cốt, đun sôi rồi chđ vào một chút mật cho uống vào lúc đói.

- *Kim ngân hoa* 3 phần, *cỏ seo gà* 6 phần, *Tè giác* 3 phần tán nhò, nước 2 bát, già nhỏ vắt lấy nước cốt, cho uống làm 3 lần.

- *Lá chàm* tươi, già nhỏ vắt lấy nước cốt, cho uống 4 lần/ngày.

- *Dây muốp* dâng già nát, vắt lấy nước cốt, hòa vào nửa phần *Mật* cho uống sê khói liền.

#### 11. Kinh trị di lỵ ra máu tươi và lỵ không ăn uống được.

- *Óc bươu* già nát đập lên rốn thì khói.

- *Lá đơn tía* sao qua sắc đậm uống rất hay.

#### 12. Truyền trị trẻ con, người lớn di lỵ là ra phân dù các màu lộn xộn uống dù thứ thuốc mà không hết.

- *Bột gạo té* 1 nắm, *Chuối* 1 quả bóc vỏ, *Lá mơ lông* tươi róc bỏ gân, nửa nắm. Dều già nát, nặn thành miếng mỏng, dùng lá chuối lót cả trên dưới để vào cái xanh sấy lửa than, lật lên trờ xuống cho chín vàng là được. Tùy người lớn nhỏ mà ăn, lấy hoa mè đê sao qua, sắc nước làm thang mà uống rất hay.

## XII - SỐT RÉT

Bệnh sốt rét là ngoại cảm phong hàn nội thương ẩm thực mà sinh ra. Chứng mỗi ngày một cơn là nhẹ, cách một ngày một cơn là nặng, cách hai ngày một cơn là khí huyết đều suy kém.

Bệnh thuộc dương chứng thì lên cơn ban ngày, nóng nhiều, thuộc âm chứng thì lên cơn ban đêm mà rét nhiều, nhưng trẻ con sốt rét phần nhiều do ăn uống không tiêu mà sinh bệnh. Phép chữa nên tiêu thực tích, giúp vị khi đó là chỗ bí yếu.

#### 1. Kinh trị trẻ con sốt rét.

- *Gạc hương* đeo vụn ra tán nhò, lấy ba phần hòa với sữa cho uống trước khi lên cơn hay lâm.

#### 2. Kinh trị trẻ con sốt rét cơn, nóng dữ mà không rét.

*Hoàng đơn* 2 đồng, hòa với nửa nước nửa mật cho uống rất hay.

- Mùa hè tán nhò mỗi lần uống một đồng với nước cơm.

### 3. Kinh trị mọi chứng sốt rét của trẻ con, bất cứ lâu ngày hay mới phát:

Cây thanh hao (lấy vào ngày 5 tháng 5 âm lịch) phơi khô, mỗi lần dùng hai lạng, Quế chi bò vỏ thô 5 đồng. Cùng tán nhò, mỗi lần uống 1 đồng vào lúc chưa lên cơn sốt, uống với rượu lạt. Mùa hè thêm hai lạng Hương nhu.

## XIII - SUYỄN

Trẻ con bị suyễn đều do nhiệt, nhiệt sinh hỏa, hỏa sinh phong, mà đàm làm mầm mống của hỏa. Hỏa biến hóa không nhất định một thể và xuất nhập không nhất định một hình lúc tĩnh thì núp ở tùy thở, lúc động thì phát ra ở phế kim, cho nên trẻ con suyễn tức là tâm hỏa khắc phế kim hoặc hàn tà đọng lại ở phế, hàng hóa nhiệt mà sinh khí xông lên ho tức, phế trưởng khò khè. Phép chữa nên tráng thủy giáng hỏa, thanh phế, hóa đàm làm đường lối chính.

### 1. Kinh trị trẻ con đàm tắc trong họng lên cơn hen.

- Ba đậu 1 quả (bỏ vỏ) tán bột, lấy lụa bọc lại, nhét vào lỗ mũi, (nam tả nữ hữu), đàm sê hả ngay rất hay.

### 2. Kinh trị trẻ con đàm nhiệt, ho hen, kinh sợ, hồi hộp.

- Bán hạ, Nam tinh. Hai vị đều nhau tán nhò, hòa với nước mật bò rồi dồn vào túi mật, treo chỗ có gió đông, chờ khô, dùng bánh chưng luyện viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 4, 5 viên nấu nước gừng làm thang.

### 3. Truyền trị trẻ con nhiều đàm dài.

- Mật cá trắm một cái, Khô phèn (phèn phi) nửa phần, Đại hoàng một ít. Sắc lá xương sông cho đặc rồi lấy nước mời với ba vị trên mà cho uống, lại lấy lông gà ngoáy vào cổ họng thì khỏi.

### 4. Truyền trị trẻ con thở gấp.

- Cây vú bò lấy mù tráng, Mật ong hai vị đều nhau, nấu thành cao, dùng đào nhân, bỏ vỏ và dầu nhọn giã nhò, cho vào thuốc cao làm viên bằng hạt nhân, mỗi lần uống một viên, ngâm cho tan dần rất hay.

- Mai ba ba dốt tán nhò, mỗi lần uống một đồng, dùng Lá nhót một nắm vò với nước đặc bỏ bã cho uống, bắt kể giờ giấc, hết bệnh thì thôi.

## XIV - HO

Trẻ con ho là phế bị hỏa tà mà sinh ra, vì phế là cơ quan hô hấp giống như cái dù che ngũ tạng, chất rất trọng, vị trí rất cao. Cho nên ngoài là phong tà dễ xâm cảm, trong thì thấp nhiệt dễ nấu nung mà sinh ra chứng này. Nhưng đàm vì phổi bị hỏa đốt mà không trọng, thấu là có đàm mà không tiếng vì tỳ bị thấp động mà sinh đàm; khái thấu là có cả tiếng và có đàm phế khí bị thương và tỳ động thấp như ngoại cảm phong hàn thì nghẹt mũi, nặng tiếng hàn khí đinh trệ, bị nước đọng thi hồi hộp, đàm ẩm thi ho có tiếng đàm khạc ra được thi hết ho; hỏa mạnh quá thi cứ ho mãi, mặt đỏ, đàm kết; phế trưởng thi thở dốc, hơi nghẹt, thở nặng, phong đàm ứ đầy thi ho mãi không ngớt, mửa ra được đàm sữa thi mới yên.

Lại có chứng hư, chứng thực khác nhau, có xem khác ra đàm mà vàng hay trắng, lỏng hay đặc thi biết, lại cũng cần cứ 4 mùa mà phân chứng, mùa xuân thi thở khí thặng, mùa hè thi hỏa nhiệt, mùa thu thi thấp nhiệt chuyển vận ở trong, mùa đông thi phong hàn ở

ngoài nhập vào. Lại cũng nên theo từng buổi trong một ngày mà phân chứng, ho lúc sáng sớm là đờm hòa, xé chiều là âm hư, nên tùy chứng mà dùng thuốc, nếu đàm không trừ được lâu ngày thì sinh chứng hồi hộp.

Về phép chữa thì phong hàn phải sơ tán, phiền nhiệt phải thanh lợi, thấp nên trừ, thủy nên tả, đàm thì long, hỏa thì giáng, phế trướng nên dưỡng huyết sơ can, không đàm nghẹt tắc thì trừ đàm mà dưỡng vị.

- Đại thể phế ở trên vị, nên thuận giúp phế khí, tư nhuận phế kinh điều hòa tam tiêu, ôn trang trắng khí thì ho sẽ bớt, vì bị điều hòa thì đàm không sinh, phế nhuận thì ho sẽ khỏi, thầy thuốc nên xét rõ.

#### 1. Kinh trị trẻ con ho dữ dội.

Cao bách bộ; *Cù bách bộ* bỏ vỏ và lõi, già vắt lấy nước cốt hòa với mật nửa phần, nấu thành cao mà ngâm nước nuốt dần.

#### 2. Kinh trị trẻ con ho thở gấp.

- *Gừng sống* 4 lạng nấu nước chờ tắm là khỏi.
- *Tổ ong* rửa sạch đốt tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với nước cơm hoặc sữa.
- *Xác ve sầu* bỏ mõm, cánh, *Cù nghệ*. Hai vị đều nhau, tán nhỏ làm viên, uống với sữa, hoặc sắc nước thì khỏi.
- *Dào nhân* bỏ vỏ và đầu nhỏ, già nát hòa với nước cháo, mỗi lần uống năm đồng. Hoặc cho vào gạo nấu cháo ăn cũng tốt.
  - *Gừng sống* thái nhỏ, trộn với mật ong, ngào như mứt mà ăn.
  - *Hột tía tô* 4, 5 đồng tán nhỏ, hòa với nước, lọc bỏ bã mà uống với nước cháo.
  - Uống *Cao thiên môn* mỗi lần một đồng pha với nước nóng mà uống (xem môn Bổ ích quyển VII mục 4 trang 257).

#### 3. Kinh trị trẻ con ho, khạc ra máu đặc hoặc mủ lẫn máu.

- Vò rẽ dây 1 nắm (ky sắt), ngâm nước vo gạo 3 ngày đêm, xát sạch vỏ đòng và bỏ lõi, chỉ lấy lớp trắng 2 lạng, *Gạo nếp* 5 đồng. Sao lăn nhau cho vàng tán bột mỗi lần uống một đồng với nước cơm.

- *Rễ cỏ tranh*, *Vò rẽ dây*, *Hột dành dành*, đều sao cháy. Các vị bằng nhau, sắc nước uống, bắt kẽ giờ giấc.

- *Lá sen* sao khô, *Hoa hòe* sao qua. Hai vị đều nhau tán bột, mỗi lần uống một đồng, hòa vào nước tiểu trẻ con mà uống.

- *Phổi heo* nấu chín xắt nhỏ, dùng Ý dĩ sao tán bột, chấm mà ăn.
- *Mứt hồng* hấp trên nồi cơm cho chín, tách ra mỗi quả dồn vào 1 đồng cân bột *thanh đai*, ăn khi đi ngủ. Đồng thời sắc bạc hà làm thang mà uống.

#### 4. Kinh trị ho hen khò khè, rugen đờm.

*Cù gai* đốt tồn tính tán nhỏ, dùng 3,5 đồng với đậu hũ sống. Nếu không đỡ thì ăn với hai ba miếng thịt heo béo thì khỏi.

### XV - TRƯỜNG BỤNG

Trường bụng là bụng trường căng như da trống, vì tỳ vị trái thường, khí vốn hư lại cho tà thực mà công hạ, phải phân biệt hư thực, khí huyết tích trùng, tích thực mà chữa.

### 1. Kinh trị trẻ em thực tích, trưởng bụng.

- *Bán hạ* nấu với gừng rồi sao, tán nhòm hòa với rượu, viên bằng hạt thóc mỗi lần uống hai viên với nước gừng, chưa khỏi thì uống thêm, hoặc lấy bán hạ lùi chín tán nhòm, uống với nước gừng cũng hay.

- *He* 1 nắm, giã lấy nước cốt một chén, hòa với 1 chén mỡ heo cho uống để thổi ra nước độc, rồi cho ăn cháo ngay thì khỏi hẳn.

- *Tỏi* một đêm lùi chín bò vò, lấy lụa gói lại nhét vào lỗ đít, ngoài thì lùi lại cho nóng, làm cho hơi tỏi thấu vào đại tràng thì khỏi.

### 2. Kinh trị trẻ con trưởng bụng.

- *Lấy móng tay của cha mẹ* nó đốt cháy, tán nhòm bôi vào vú mẹ cho trẻ bú rất hay.

- *Bột gạo trắng và muối trắng* đều bằng nhau, sao vàng, lấy vài bọc lại, thừa lúc nóng đem chườm trên bụng, thoa đi thoa lại là khỏi.

### 3. Kinh trị trẻ con có hòn cục trong bụng.

*Chuột cống* đục làm thịt nấu cháo thường ăn thì khỏi.

## XVI - CHẠM VÍA

Chứng chạm vía trẻ con mới sinh bị người khác lạ ở nơi khác đến thỉnh linh hoặc người nhà cưỡi ngựa đầm mồ hôi hoặc áo quần dơ bẩn, hoặc vật quái lạ mang đến mà sinh ra.

Phát bệnh thì mình hơi ấm, kêu khóc không ngọt, trằn trọc chẳng yên, thì trước hết lấy vỏ cây mận với lá trầu không, nhai cho ra nước mà xát khắp mình, nếu quả là bệnh ấy thì mọc lông xoắn mà khỏi.

### Kinh trị trẻ con chạm vía sợ khóc.

- *Dắt lòng bếp* 2 láng rươi tán nhòm, *Trứng gà* một quả, bỏ vỏ trộn đều. Trước nấu nước *Cành đào*, *Cành liễu* rửa qua, rồi dùng thuốc ấy bôi ở vùng ngực và lòng bàn tay bàn chân thì khỏi.

- *Thạch xương bò* giã vắt lấy nước cốt mà cho uống thì khỏi ngay.

- *Rễ dâu* hương đồng cạo lấy lớp vỏ trắng, giã vắt lấy nước cốt, cho uống rất hay.

- *Y ngư* (con mọt sách hai đuôi) 10 con, nghiền nát bôi lên vú người mẹ, trẻ bú khỏi cổ là lành. Cũng có thể dùng hai con y ngư bôi vào bàn tay người mẹ đem ấp vào rốn, cho mửa thì khỏi.

(... lược...)

- *Nước dái trâu* lấy một chén nhỏ đổ cho uống khỏi liền. Hoặc dùng bôi vào nuốt vú người mẹ cho bú cũng hay.

- *Xạ hương* chút ít, hòa với sữa, bôi vào miệng nó cũng hay.

- Nhổ 10 sợi tóc ở xoáy thượng của người khách đã làm cho nó chạm vía và cắt lấy dài áo của trẻ, cùng đốt tán nhòm, hòa với sữa, nhồi vào miệng trẻ.

- *Bạch cương* tám 7 con, bỏ mõm, chân, sao vàng nghiền nhòm, uống với sữa yên ngay.

## XVII - THAI NHIỆT

(Từ mục này trở xuống là những chứng sơ sinh)

Trẻ con thai nhiệt là lúc mới sinh, mình nóng, mặt đỏ, mắt nhảm, hơi trong miệng nóng, khóc khan, khát nước, hoặc đại tiểu tiện không thông, là vì lúc mẹ có thai ăn nhiều đồ

nhiệt độc mà sinh ra, phép chữa nên cho người mẹ uống thuốc rồi cho con bú, dần dần sẽ kết quả, không nên sốt ruột cho uống thuốc mát, đến nỗi ợ mửa mà sinh bệnh nặng, nên giữ gìn cẩn thận.

#### Kinh trị trẻ con thai nhiệt.

*Đậu đen 2 đồng, Tim bắc 1 đồng, Cam thảo 7 tấc, Đam trúc diệp 1 lá.* Sắc người mẹ uống rồi cho con bú thì khỏi.

### XVIII - THAI HOÀNG

Thai hoàng hoàng là trẻ con sinh ra khắp mình đều vàng như vàng thật, mình nóng dữ, đại tiện không thông, tiểu tiện nước vàng, không chịu bú, khóc không ngớt, do khi mẹ có thai bị nhiệt mà truyền cho con.

#### Kinh trị trẻ con phát vàng da thịt, mặt, mắt đều vàng.

*Thiên hoa phấn già sống* lấy nước cốt 2 chung, cho vào 2 muỗng mật, hòa đều, uống ngày 2 lần, hay lầm. Không có thiên hoa phấn tươi thì dùng thứ khô sắc uống.

### XIX - TÁC RUỘT

Tác ruột là do nhiệt độc ứ đầy trong bụng, kết chặt ở lỗ đít, đại tiểu tiện bế, bụng trưởng muốn chết.

#### Một phép chữa tá kinh nghiệm

Lấy nước nóng cho người đàn bà ngâm vào miệng mà mút hơ vào trước và sau vùng tim, dưới rốn và hai lòng bàn tay, bàn chân cộng là 7 chỗ, mút cho đến khi đờ ửng lên là thông được. Nếu không thể thì không sống được.

### XX - THAI KINH

Chứng thai kinh với chứng mạn tỳ gần giống nhau, nên khó phân biệt. Nhưng thai kinh khi phát bệnh thì trong mình nóng lắm, mắt trợn ngược, tay nấm, miệng ngậm, răng cắn chặt, xương sống cứng đờ, sùi bọt miếng, ợ mửa, tay chân co giật, khóc sợ, mặt nhăn nhó, mồ ác hở, hoặc má đỏ hoặc mặt xanh mắt nhắm là đúng chứng.

Nguyên nhân là khi người mẹ có thai, điều dưỡng trái phép, tức giận kinh hoàng, mẹ bị xúc động, thai bị ảnh hưởng, hoặc do phong tà bên ngoài cảm vào mà động đến thai, mà sinh bệnh... Chứng này nên xem khi sắc ở chỗ giữa hai lòng mày. Nếu đờ ửng xanh tươi thì có thể trị được, nếu sắc tối, xanh, đen, là bất trị. Ở hò khẩu chỉ tay ngoảnh vào thì chữa được, mà ngoảnh ra thì không chữa được.

Phép chữa nên (giải tán phong tà, trấn kinh, hóa đàm, thuận khí làm chủ yếu, không thể chữa theo chứng mạn ty mà dùng thuốc ôn, phải cẩn thận, cẩn thận).

#### Phương kinh nghiệm chữa thai kinh

*Bọ cap 1 con, lấy lá bạc hà gói lại nướng khô, cho vào chút ít chu sa và xạ hương rồi tán chung, mỗi lần uống 1 phần, dùng mạch môn đông bì lõi sắc làm thang mà uống thì khỏi.*

## XXI - KHÔNG BÚ

Không bú là trẻ con sinh ra mà không chịu ngậm vú để bú. Lúc mới đẻ phải kịp lấy ngón tay bọc lụa móc cục máu độc trong miệng cho sạch, dừng đẻ nó nuốt xuống thì không sinh bệnh này. Nếu không kịp móc trẻ con nuốt xuống thì sinh ra đầy bụng thở ngắn, không thể bú.

Hoặc là người mẹ bị bệnh nặng, thai bị hàn lạnh, nên sinh con ra có bệnh.

### Truyền trị trẻ con không bú được.

- *Mỡ heo* mùa đông, *mật ong* mỗi thứ một bát, *Cam thảo* tán nhỏ 2 đồng cùng nấu chín, mỗi lúc ngâm một tí, từ từ nuốt xuống rất hay.

- *Cứt chim sẻ* 4 hòn tán nhỏ, hòa với chút nước, nhỏ vào miệng cho nó nuốt xuống thì bú được ngay.

- *Nhèn nhện* 2 con, bò mõm, chân, sao cháy tán nhỏ hòa với chút mỡ heo hoặc sữa heo xát trong miệng rất hay.

- *Cù cỏ cú, kinh giới, tần vôi, Mạn kinh tử, Bạc hà, Tế tân, Hành*. Mỗi vị đều nhau cùng tán nhỏ, hòa với *Nước tiểu* trẻ em sền sệt như bùn đen, dán lên trán, hay tuyệt.

- *Nước dái trâu* bôi quanh miệng và trên trán cũng rất hay.

## XXII - PHONG CHÚM MIỆNG

(Toát khẩu)

Phong chum miệng là trẻ con lười cứng môi xanh, chum miệng thở gấp, khóc không ra tiếng. Vì thai khi quá nóng, phong ta nhập vào rốn, truyền độc đến tâm tỳ mà sinh ra chứng này.

### Kinh nghiệm chữa phong chum miệng

Phải xem trên lưỡi và trong môi trẻ, nếu thấy có những mụn nhỏ như hạt gạo, kịp lấy lụa hoặc vài quấn dầu ngón tay trỏ, chấm nước nóng, khẽ xát cho vỡ đi, há miệng được thì yên.

### Các phương kinh trị trẻ con phong chum miệng thành cảm.

- *Xác rắn* đốt cháy tán nhỏ, trước lấy nước nóng rửa miệng cho sạch, rồi xát vào thì há miệng được ngay, sau lấy sữa người hòa với thuốc này thường nhỏ vào trong miệng trẻ thì khỏi.

- *Lá ngài cứu* đốt cháy nhét vào rốn, lấy vài buộc kí là khỏi. Hoặc lấy *tỏi* một cắt lát đặt lên rốn rồi lấy ngài cứu mà cứu, khi hơi ngài cứu lên đến miệng thì khỏi.

- *Giá đậu đen* già vắt lấy nước hòa với sữa, nhỏ vào miệng rất hay.

- *Sâu trong tổ chim sẻ* một con, nghiền lấy nước cốt, hòa với sữa đổ cho uống rất hay.

- *Bạch cương* *tầm* 2 con, bò dầu sao qua, tán nhỏ hòa với mật ong xát trong miệng, hoặc dùng ngài tầm bò chân cánh, sao qua mà làm như trên rất hay.

- *Con hai đuôi* (con mọt trong sách, cũng gọi là mọt sách) mỗi lần dùng 2 con, nghiền nhỏ bôi trên núm vú cho trẻ bú rất hay.

- *Thú phu túc* con *dát giá* nhỏ, chẽ vào ít nước, vắt lấy nước cốt được một vò hến, đổ cho uống rất hay.

- Ăc sên 5 con, giã nát bôi vào miếng tre hoặc thêm hạt Chì là giã nhò nửa phần, nghiền đều bôi vào rất hay.

## XXIII - UỐN VÁN RỐN

(Tê phong - phong đòn gánh)

Uốn ván đường rốn phần nhiều do lúc cát rốn phong thấp nhiễm vào: cũng có do trong thai vốn có nhiệt độc, lúc sinh ra cuống rốn cứng đờ mà sinh bệnh. bệnh phát thì từ rốn nổi lên một làn gân xanh chạy lên dạ dày rồi chia làm hai đường, hẽ chạy đến tim là chết. Khi thấy gân xanh mới nỗi kịp dùng tím bắc tẩm dầu mè, đốt dầu gân xanh và dầu chót các đường rẽ chặn đường chạy vào tim.

### 1. Kinh trị trẻ con uốn ván.

- *Hành sống* cà củ và lá, giã nát vắt lấy nước cốt, dùng *Bach cường tam* 2 con nghiền nhỏ, hòa vào đem bôi trên nuốt vú bà mẹ rồi cho trẻ bú, hoặc đổ cho trẻ uống thì khỏi.

- *Tỏi thái* lát mỏng đặt trên rốn để ngài cứu mà cứu, cứu đến trên miệng thấy có mùi tỏi là khỏi.

### 2. Kinh trị trẻ con rốn ướt hoặc sưng đỏ, hoặc chảy nước, nếu không sám chữa sẽ thành lở rốn:

- *Đương quy* tán nhò trộn với một tí *Xạ hương* mà bôi thì khỏi.

### 3. Kinh trị trẻ con sưng rốn

- *Kinh giới* nấu lấy nước mà rửa rồi lấy củ *hành* nướng nóng thái mỏng dấp lên rốn là khỏi.

- *Quế tám* nướng nóng lên đem chuồm vào rốn ngày làm bốn năm lần thì khỏi.

## XXIV - PHONG CẤM KHẨU

(Cấm phong)

Phong cầm khẩu là mắt nháy, miệng cầm tiếng khóc e...e... trên lưỡi dùn thịt như hạt gạo, bú không được, miệng sùi bọt trắng, đại tiểu tiện đều thông. Chứng này thường thấy từ lúc đầy tháng đến 120 ngày gọi là cầm phong. Phàm các chứng té phong, toát khẩu và cầm phong... chứng tuy khác nhau mà chung nguồn gốc, chữa bệnh nén theo sau đây:

### 1. Phép trị kinh nghiệm:

Cần xem trên lưỡi và trên môi trẻ có mụn nhò, kíp lấy ngón tay khẽ cao cho vỡ mụn đi rồi sau sẽ dùng thuốc.

### 2. Kinh trị trẻ con cầm khẩu móm nóng:

- *Nước măng tre* 3 chung, cho thêm ít *Nước cốt gừng*, chia làm ba bốn lần uống nóng thì khỏi.

- *Chất trắng trong cút gà*, lấy một cục lớn bằng ngón tay, gói vào miếng lụa nấu với một chung nước, chia làm hai lần uống, hoặc đem nghiền nhỏ, hòa với rượu mà uống cũng hay.

- *Phân chim sẻ* tán nhò, viên với nước bằng hạt mè, uống hai viên với nước nóng thì khỏi.

- Nước dãi trâu dắt trâu đi về phía đông dùng đồ hứng chút ít nước dãi đổ cho trẻ uống rất hay.

### 3. Truyền trị trẻ con cầm khẩu không bú được.

- Nhện 2 con, bỏ chân, sao cháy, nghiền nhò, dùng sữa heo một chén nhỏ, hòa đều, cho uống dần dần rất hay.

## XXV - KHÔNG ĐÁI

Trẻ sơ sinh không đái được, là vì lúc trong thai, người mẹ hay ăn đồ chiên xào, cay nồng, nhiệt khí nhập vào trong thai, thai bị tiêm nhiễm lầy, cho nên khi sinh ra bụng dạ trưởng phình, thận sưng không đi đái. Như thấy chung quanh rốn có sắc xanh đen và phong chum miệng (toát khẩu) thì không thể chữa được. Hoặc nhiệt khí bức ở bong bóng làm cho đi đái không nín (rốn) được, hay đái són. Nên chọn các phương như sau:

### 1. Kinh trị chứng không đi đái:

- Hành trắng xắt 4 bát, sữa 1 chén nhỏ. Cùng sắc sôi cho uống 4 lần thì thông. Nhu không bú uống vào thì bú ngay.

- Muối rắc lên rốn, lấy lá Ngài cứu hơ nóng, đặt lên trên muối, cứu 4 - 5 mồi thì khỏi.

### 2. Kinh trị trẻ con khi ngủ đái dầm không biết:

- Cỏ trong tổ chim én, đốt cháy đem tán nhò; hòa với nước cho uống lúc đói rất hay.

- Giấy bản 1 tờ, trải dưới chiếu ngay chỗ trẻ hay đái dầm, chờ nó đái rồi thì lấy giấy đó phơi khô, đốt cháy cho vào trong chén nước và rượu, khuấy đều, cho uống vào lúc đói thì khỏi.

- Rẽ tăm xuân, rửa sạch, thái nhỏ, một lần dùng 5 đồng cân, sắc nước cho tí rượu vào mà uống về đêm thì khỏi.

## XXVI - KHÓC ĐÊM

Trẻ con khóc đêm là do tà nhiệt nhập vào mà sinh ra

### 1. Phương kinh trị trẻ em khóc đêm.

- Hoa đèn 2 hoa, hòa tan với sữa, bôi vào miệng trẻ hay bôi vào núm vú cho trẻ bú.

- Trúc dùi gà 1 cây, chặt lấy ba thước để chỗ trẻ ngủ, đừng cho ai biết thì khỏi.

- Xác ve sầu 7 con, dùng nửa phần dưới, tán nhò, lấy bạc hà, sắc sôi, cho vào chút rượu mà uống thì khỏi.

- Thanh dại, tùy trẻ lớn nhỏ mà dùng, độ 1, 2 hay nửa đồng cân, nghiền với nước mà uống là khỏi.

- Hat bìm bìm đen 1 đồng, tán nhò, hòa với nước, bôi ở rốn cũng hay.

- Mật rắn hổ đất, dùng mỗi lần 1 cái, tán nhò. Hòa với nước trúc lịch (măng vòi hơ lửa vẫn lấy nước) đổ vào miếng.

- Cỏ ở bờ giếng, hoặc rơm cỏ lót ổ gà đè, hoặc 2 - 3 cái lông ở cánh gà trống, đặt xuống dưới chiếu nằm, (không cho người mẹ biết), trẻ sẽ hết khóc.

### 2. Kinh trị trẻ con khóc một cách hoảng sợ như bị gai đâm.

- Da nhím 3 tấc, đốt cháy tán nhò, bôi vào núm vú rồi cho trẻ bú là khỏi.

- Tóc rối, đốt cháy, tán nhò, hòa với sữa đổ cho uống là khỏi.

- *Gương soi* đem treo ở phía chân giường của trẻ nằm thì nó nín ngay.

## XXVII - TRÚNG KHÍ ĐỘC

Trẻ con trúng khí độc tức là cảm phải tà khí, bị trúng độc, bụng dạ đau nhói, cuồng hoảng, muốn chết, nặng lấm thì chết ngất, đây là chứng nguy kịch cần chọn phương mà trị ngay.

- 1. Kinh trị trẻ con bỗng nhiên chết ngất:

*Hành trắng, giã nát* nhét vào lỗ đít và hai lỗ mũi, làm cho thông hơi hoặc chảy nước mũi thì sống.

- 2. Kinh trị trẻ con chết già: (Bỗng mê man như chết) Chớ có đợi lửa chiếu đèn vào, chờ để cho nhiều người lay động trẻ. Dắt một con trâu cho đứng đầu giường, thì trẻ tỉnh ngay.

- Giội nước tiểu vào mặt nó vài lần thì nó sống lại ngay, đây là phép chữa của ông Biển Thủ Đức.

- *Bồ kết* tán nhỏ, mỗi lần dùng bằng hạt đậu, thổi vào hai lỗ mũi cho nhảy mũi thì khí thông ngay. Lại lấy ống trúc nhờ người gắng sức thổi vào lỗ đít, khí thông thì sống.

- *Muối* 1 vốc, Nước 2 bát sác cùn nửa bát đổ vào miệng trẻ, rửa được là khỏi.
- Lấy 7 cái *ngòi bút nho*, dốt cháy, tán nhỏ, hòa với nước mà đổ cho uống thì sống.

## XXVIII - THIÊN ĐIẾU

Thiên điếu là chứng trẻ con nóng dữ, sợ hãi, co giật, móng tay xanh, trơ ngược.

- 1. Kinh trị trẻ con mắt ngược, đờm tắc, nóng hầm.

*Xác ve sầu bỏ mõm cảnh và chân*, rửa sạch, nấu chung với nước mõc cơm nếp dùng làm tương phơi khô, tán bột, mỗi lần dùng ba phân, hòa vào nước cho uống là tinh.

- 2. Kinh trị trẻ con thiến điếu.

- *Rễ dâu mõc hương đồng*, cao lấy vỏ trắng, giã lấy nước, đổ cho uống thì khỏi.
- *Một sách* (Hai đuôi) 5 con, nghiền với sữa cho uống.

## XXIX - LỎ MIỆNG

Trẻ con lở miêng lưỡi là do tâm tỳ bị nhiệt mà ra, phạm miêng lở sắc đỏ thì tâm nhiệt, sắc vàng thì tỳ nhiệt, sắc trắng thì tỳ hàn, nên xét đấy mà trị.

- 1. Kinh trị trẻ con miêng lở có đốm trắng như miệng ngỗng (*nga khẩu sang*)

- *Nam tinh*, bỏ vỏ và rốn, nghiền sống hòa với dấm đắp vào lòng bàn chân, nam tà nữ hữu, mỗi ngày thay một lần thì hết lở.

- 2. Kinh trị trẻ con miêng bị cam lở.

- *Vỏ cây mía*, dốt cháy tán nhỏ rắc vào lỗ khói.
- *Bạch cương tằm*, bỏ đầu chân, da ngoài, sao vàng tán nhỏ, trộn với mật ong mà bôi, rất hay.
- *Muội nồi*, tán nhỏ thường xát vào lỗ khói.

- *Hoàng đan* 1 đồng, *mật ong* 1 lạng, cùng trộn đều nấu lên cho biến sắc đen, dùng cái lồng già châm thuốc mà phết vào là khỏi.

- *Mật dà tăng* tán nhỏ trộn với giấm mà rịt vào gan bàn chân, khởi thì rửa đi rất hay.

- *Rì sát*, nghiền với nước như bùn mà bôi thì khỏi.

### 3. Kinh trị trẻ con mồi cắn chặt *Rau dền tía*, già lấy nước cốt mà bôi.

### 4. Kinh trị trẻ con sưng môi:

- Vô dâu tằm ăn, cạo bỏ bì thô, già vắt lấy nước cốt mà bôi thì khỏi.

### 5. Kinh trị trẻ con sưng lợi

- Xác rắn, đốt tán nhỏ, hòa với giấm mà bôi.

### Kinh trị trẻ con lở mép, lở hai khóe miệng hoặc sưng môi, lót lợi răng.

- Tóc rối đốt ra tro tán nhỏ dùng vài ba đồng cân hòa với nước mà uống đồng thời lấy tóc xát vào hoặc trộn mồ heo mà bôi rất hay.

### 6. Kinh trị trẻ con bị đẹn.

- *Hoàng liên* một ít, dùng 1 chén nước hòa vào chút mật ong nấu sôi rồi mài *Hoàng liên* cho uống. Ngoài dùng *Ngô thù du* già nát xào với giấm rịt vào lòng bàn chân rất hay.

### 7. Truyền trị trẻ con lở miệng không bú được:

*Mồ heo*, *Mật ong* đều 1 chén, *Cam thảo* 2 đồng cân, sắc lên, cho ngâm ít một, rồi nuốt dần.

## XXX - BỆNH VỀ LUỒI

Bệnh về lưỡi của trẻ con là: *Mọc thiệt*, *Trùng thiệt*, *Lóng thiệt* và *Thai thiệt*.

- *Mọc thiệt* là thình lình lưỡi sưng cứng như gỗ không uốn được, do tỳ kinh có thực quá.

- *Trùng thiệt* là dưới lưỡi mọc ra một cục thịt giống như một cái lưỡi nhỏ, cũng là tỳ kinh có thực hỏa.

- *Lóng thiệt* là lưỡi thè ra rụt vào luôn luôn là do cả hai kinh tâm và tỳ hư tổn, nếu thè ra dài mà thu lại ít gọi là *Thổ thiệt*, do tâm tỳ có tích nhiệt.

- *Thai nhiệt* là lưỡi mọc một lớp mụn trắng và vì thai nhiệt mà ra. Phép chữa cần tìm nguyên nhân mà định cho phương thuốc, chớ nên trị chung chung, như nhau.

### 1. Kinh trị chứng trùng thiệt:

- *Bồ hoàng*, tán nhỏ, hòa với nước măng tre mà bôi.

- Dùng cây kim lẽ những tia máu bầm dưới lưỡi lẽ sâu nửa phân thi khói.

- *Gai bồ kết*, đốt thành than, cho vào chút ít *Phác tiêu*, trước lấy nước súc miệng rồi chấm thuốc này dưới lưỡi, nước dãi ra thì khỏi.

- *Rễ dâu*, cạo lấy lớp vỏ trắng, sắc đặc đem bôi lên vú người mẹ cho trẻ bú thì khỏi.

- *Nước măng tre*, cho vào chút ít nước cốt gừng, mài *Hoàng bá* thường bôi vào thì khỏi.

- *Bò hung* 1 con, đốt tồn tính, tán nhỏ bôi trên lưỡi, hay lầm.

- *Một sách* (2 đuôi) 5 con đốt cháy tán nhỏ bên trên lưỡi rất hay.

- *Xác rắn*, đốt cháy tán nhỏ, hòa chút giấm mà bôi thì khỏi.

- *Gac hương*, děo ra một đồng, tán nhỏ bôi dưới lưỡi ngày ba lần, hay lầm.

- *Tóc rói*, đốt cháy tán nhỏ, nửa đồng bôi lên lưỡi khói liền.
- Lấy một cục *Hoàng đơn* bằng hạt đậu, đẽ dưới lưỡi rất hay.
- *Đất lòng bếp*, trộn với rượu mà bôi thì khỏi.
- *Mai mực*, Đốt tán nhỏ, hòa với *lòng dò trưng gà*, bôi vào, rất hay.
- *Tổ ong*, đốt tần tính, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng, nước rửa bát sác còn sáu phân, uống nóng là khỏi.

## 2. Truyền trị trẻ con mộc thiết.

- *Xác rán*, đốt ra tro, tán nhỏ, hòa với sữa dỗ cho nó uống, khỏi liền

## XXXI - CAM TẦU MÃ

(Viêm miệng hoặc tử)

Cam tàu mã là chân răng thối lở, chảy nước dài, sưng quai hàm, là do kinh dương minh có nhiệt mà sinh ra.

### 1. Kinh trị cam răng thuộc cấp tính nếu không chữa sớm và ngày sé chết.

- *Thanh đại*, bôi khắp chân răng, ngày 10 lần, đêm 4 lần, hay lấm.

### 2. Kinh trị cam tàu mã, ăn thấu xương, thủng má thối nát, chảy máu.

- *Nam tinh*, 1 củ, bò ruột, nhét 1 cục *Hùng hoàng* vào, lấy bột bọc lại, đem đốt, khi hùng hoàng hóa ra nước thì lấy 2 cái chén úp lại để trừ hỏa độc, rồi bò bột, tán nhỏ, cho chút ít *Xa hương* vào, đem phết chỗ đau, vài ngày là khỏi.

- *Ngũ bội tử*, *Thanh đại*, *Hoàng bá*, *Khô phàn* (*phèn phi*) bằng nhau, tán bột trước súc miệng bằng nước muối đun sôi rồi lấy thuốc này chấm vào, liền khỏi.

### 3. Kinh trị cam tàu mã, ăn sút cà miệng mũi.

- Cóc 1 con, lấy đất sét bọc kín lùi vào lửa cho cháy khô, 2 đồng rưỡi. *Hoàng liên*, 2 đồng rưỡi, *Thanh dai*, 1 đồng, *Xa hương*, chút ít. Các vị đều tán nhỏ, xát vào, hay lấm.

### 4. Kinh trị cam răng ăn xương quai hàm, rụng răng.

*Dέ dụi* 1 con, lấy màng trắng trứng gà bọc lại, nhét vào miệng con cóc, buộc kỹ, lấy đất sét bao kín lại, đem nung lửa cho khô, lấy ra nghiền nhỏ bôi vào đến khói thì thôi

### 5. Kinh trị trẻ con chân răng chảy máu không ngót.

- *Lá tre* 1 nắm, nấu ra nước đậm, cho vào ít muối, ngâm nóng, nguội thì nhổ ra, lại ngâm nóng nữa, sẽ khỏi.

- Nước đáй trẻ con, cho ngâm, nguội thì nhổ đi, lại ngâm nữa, đến khói thì thôi.

### 6. Kinh trị trẻ con sưng lợi răng đau nhức.

*Lá thông* 1 nắm, muối 1 vốc. Rượu ngon 1 chén. Nước 1 bát, cùng sác, còn phân nửa, ngâm nóng, nguội thì nhổ ra, rất hay.

## XXXII - ĐƠN ĐỘC

Đơn độc là một thứ bệnh bỗng nhiên sưng đỏ, ngứa nóng, nằm ngủ không yên, hông ngực đầy tức khó chịu, cổ họng sưng đau, hoặc máu rì ra ở 9 khiếu. Khắp mình nổi vết đỏ là do tạng phủ tính nhiệt lại gặp gió mưa lạnh lẽo, nên nóng lạnh xung đột nhau mà phát ra,

nếu không trị ngay, độc chảy vào bụng có thể chết người; cần xét chẩn đoán phát bệnh làm đích chuẩn cho việc dùng thuốc.

**1. Tinh tử đơn. Đơn độc trước khi phát ở đầu rồi lan ra khắp mình, tròn như đồng tiền mà sắc đỏ, dùng:**

- *Cành đào hướng Bắc*, đốt cháy tán nhỏ, trộn với dầu mà bôi.

**2. Chú hỏa đơn. Đơn độc trước phát từ lưng màu vàng đỏ, dùng:**

- *Dát trên vách, Dát chuồng heo, Phèn chua*, tán nhỏ, gừng già vắt lấy nước cốt. Cùng trộn lẫn với dầu mà bôi.

**3. Tri thù đơn. Đơn mọc nổi khắp mình, dùng:**

- *Bồ kết đốt cháy, Phèn chua, Dát chuồng heo* nghiền chung, trộn đều mà bôi.

**4. Hô lâu đơn. Đơn mọc từ rốn trước, dùng:**

- *Dát lòng bếp* lâu năm càng tốt, tán nhỏ. Lấy nước nhâ dột hoặc nước mồi mucus hoặc *lòng trắng trứng gà* hoặc *dầu mè* trộn với bùn mà đắp vào rốn cũng hay. Khô thì đắp nữa.

**5. Táo ngạch đơn. Đơn mọc từ đầu dần lan khắp mình, nổi có từng đám đỏ, dùng:**

- *Dát dưới chuồng heo* 1 cục, *Vỏ rễ liễu, Vỏ rễ đào*, giã nát trộn với dầu mà phết vào.

**6. Táo vĩ đơn. Đơn mọc từ eo lưng lan ra khắp mình, den sì và đau nhức, dùng:**

- *Tranh lợp nhà* ở 4 góc mái nhà, đốt cháy, cho ít *phèn chua*, dùng *lòng trắng trứng gà*, hòa lẫn mà phết.

**7. Quân táo đơn. Đơn mọc từ tay phải ra, ngoằn ngoèo như dầu rắn bò màu đỏ, dùng:**

- *Dát lòng bếp* tán nhỏ, trộn với dầu mà phết thì khỏi.

**8. Mẫu táo đơn. Đơn mọc từ chân trái, dùng:**

- *Nước xáo thịt heo*, không có lấy thì lấy thịt heo nấu sôi lên hòa với tro bếp mà phết thì hết.

**9. Châu hoàng đơn. Đơn mọc từ bàn chân phải, lan ra khắp mình, dùng:**

- *Tranh lợp nhà*, lấy mỗi góc nhà một ít tán nhỏ hòa với nước mài dao mà phết.

**10. Nữ táo đơn. Đơn mọc từ âm hộ, dùng:**

- *Nước dái con gái, Gạch bếp lò*, cao lấy phía phải. Hòa lẫn mà phết.

**11. Truyền trị trẻ con mới sinh phát nóng, đỏ ở mặt hoặc ở mình mẩy tay chân.**

- *Nước dừa*, vừa bôi vừa xát vào, khỏi liền.

**12. Kinh trị trẻ con nổi đơn từ hai chân trước rồi chạy đến đầu âm hộ:**

- *Rễ cây mận*, đốt tán nhỏ, hòa với nước ở ruộng mà phết, thì tan.

**13. Kinh trị trẻ con bị "hỏa đơn" nổi ở quanh rốn, nóng như lửa đốt, nếu không chữa ngay thì chết.**

- *Rau sam*, giã sống mà đắp vào, hay lấm.

- *Vỏ rễ dâu*, cao bò lớp vàng nấu nước mà tắm là khỏi.

- *Máu cá chép*, bôi vào thì khỏi ngay.

- Thịt heo, để sống thái ra từng lát, dán vào thì khỏi.

**14. Kinh trị trẻ con đơn thũng có từng dám sưng đỏ là vì trong người nhiệt lại gặp phai phong tà hoặc âm khí cùng va chạm vào nhau mà sinh ra.**

- Chi thực, thái nhỏ, sắc đặc, bôi nhiều vào và xát mạnh thì tan.

- Lấy một thanh sắt, nung đỏ, tôi vào nước, nung sôi tối 3 lần, uống 1 chén nước ấy thì khỏi.

**15. Kinh trị trẻ con nổi mày day độc chạy vào bụng, mình sưng lưỡi cứng.**

- Tăm sa 2 cốc, nước 2 bát. Nấu sôi lọc bỏ bã, đổ nước ấm mang rửa ở nơi kín gió thì khỏi.

**16. Kinh trị trẻ con nhiệt đờm.**

- Cặn nước chàm, dập lên thì tan.

**17. Truyền trị trẻ con bị "xích dư phong" mình mẩy sưng phù, tiểu tiện không thông.**

- Rễ Thường lục cao lấy vỏ trắng, sao khô tán nhỏ, viên với hò bàng hạt củ súng, mỗi lần uống 2, 3 viên tùy trẻ lớn nhỏ mà mài với nước nóng cho uống, tức thời hết sưng, thông tiểu tiện ngay.

**18. Kinh trị trẻ con đơn độc.**

- Bôi Dầu mè là khỏi ngay.

- Dầu den nấu nước đậm mà bôi là khỏi.

- Dầu xanh 5 đồng, Đại hoàng 3 đồng. Tán nhỏ, lấy nước Bạc hà tươi hoặc khô, sắc đậm cho mật vào, trộn đều mà bôi, rất hay.

- Rau mùi (ngó rí) vỏ lấy nước mà bôi, hết liền.

**19. Kinh trị trẻ con nổi đơn khó chịu.**

- Lá liễu lấy cho nhiều, nấu nước đậm ngâm rửa chỗ nổi đó ngày 7, 8 lần thì khỏi.

**20. Kinh trị trẻ con ban chẩn.**

- Tóc rối đốt cháy ra tro, nghiền nhò, hòa nước mà uống 1 vài đồng thì khỏi.

**21. Kinh trị trẻ con người lớn nổi đơn khắp mình.**

- Lá khế, lá xương sông đều nhau, Chua me dát một nửa. Cùng giã nát cho vào ít muối và vắt lấy nước cốt mà uống, bã dấp bên ngoài rất hay.

**22. Truyền trị 12 chứng đơn sưng của trẻ con hay người lớn.**

- Lá cây lài, Lá mẫu đơn, Lá khế, Lá xương sông, Lá cỏ mực, Rau giấp cá, Lá huyết dụ, Lá cải rừng, Lá dưa chuột, Lá mía dò. Các vị đều nhau, Lá cây quỳ xạ (Bạch hoa xà) 3 ngón, bí dao 3 miếng, Củ nâu 3 miếng, cùng giã nát, hòa nước vào vắt lấy nước cốt mà uống, còn bã thì xoa xát vào chỗ tổn thương chốc lát hơi bốc như khói thì khỏi.

### XXXIII - ĐAU HỌNG

Trẻ con đau họng là sưng đau trong họng, nuốt xuống thấy trả ngại. Sưng cả hai bên gọi là "Song nhũ nga" thì dễ chữa, sưng một bên là "đơn nhũ nga" thì khó chữa, nhũ nga mà hơi bé là hẫu tê (đau họng); nhiệt kết ở cổ họng vừa tê vừa ngứa, sưng khắp phía ngoài là Triều hầu phong (phong quang cổ). Nên chọn phương pháp chữa.

**1. Kinh trị h蒐集 tê, nhú nga, nghẹt thở: dùng thuốc thông khíếu thì sống.**

Lấy 1 hột *Ba đậu*, bóc vỏ, giã nát, nhét vào cái kén tăm, rồi nhét vào lỗ mũi, như đơn nhú nga bên trái nhét lỗ mũi bên trái, bên phải, thì nhét lỗ mũi bên phải, còn sòng ngú nga thi nhét cả hai lỗ mũi, hay lấm.

**2. Kinh trị trẻ con họng sưng đau.**

- *Xác rắn* đốt tồn tính, tán nhỏ, liều dùng 3 - 4 phần, hòa tan với sữa mà cho uống, lọt được vào họng thì khỏi.

- *Tổ ong* đốt thành than, tán nhỏ hòa với sữa một đồng cân mà bôi vào hoặc trẻ em đã lớn thì hòa với nước cơm cho uống.

**3. Truyền trẻ con tắc cổ họng.**

- *Mật cá chép, dắt lòng bếp*. Trộn đều, lấy ngón tay trỏ, quệt bôi vào cổ thì khỏi.

- *Lá muóp rửa sạch, giã nát cho vào tí muối vắt lấy nước cốt cho ngâm, dần dần nuốt xuống, bã dấp ngoài rất hay*.

### XXXIV - ĐAU MẮT

Trẻ con đau mắt, sưng mắt, nhức mắt, tức là hỏa thịnh ở thượng tiêu, nên chiếu phương mà trị.

**1. Kinh trị trẻ con mới sinh nhảm tí vì thai nhiệt.**

- *Mật gấu* một ít. Nước 1 chén con, nấu cách thủy cho tan hết, mỗi ngày nhô 7, 8 lần.

**2. Kinh trị trẻ con mắt nhảm không mở được.**

- *Hạt dình lịch*, tán nhỏ hòa *mật heo* đem dán lên trán thì khỏi.

**3. Kinh trị trẻ con mắt nhăn.**

- *Lá mă dè* giã lấy nước cốt, hòa với nước tre non mà nhô vào mắt.

**4. Kinh trị trẻ con mắt có màng như mây che hoặc màng trắng che con ngươi, hoặc dính lại khó mở ra.**

- *Hoa cúc* 300 hoa *Hoa kinh giới* 300 bông. Có tháp bút 300 gong *Hạt dương* 300 hạt. Cùng phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, uống lúc đói bụng với nước nóng, thường uống thì mắt sẽ sáng.

**5. Kinh trị trẻ con quáng gà, lúc gần tối đã không thấy gì?**

- *Phân dơi* dài nước cho sạch bụi, sao khô tán nhỏ hòa với *Mật heo*, viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 5 viên với nước cơm, lúc sắp đi ngủ.

- *Hạt bìm bìm*, nghiền nhô, rây lớp bột lăn dầu, mỗi lần uống một đồng lấy một miếng *gan dê*, *hai quả bồ kết* cùng nướng chín hòa với nước cơm mà uống.

- *Hạt hau hau* 3 lạng, *Hạt muồng* 7 lạng. Tán nhỏ, viên với nước cháo bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20, 30 viên với nước nóng, uống lúc đói bụng.

### XXXV - NHỌT LỎ

(*Phụ: ghé ngứa*)

Trẻ con bị chốc dầu nhớt lở đều do nhiệt độc ở thai mà ra, nên chiếu phương mà trị.

**1. Truyền trị dinh nhọt mới phát.**

Chặt vỏ cây sung lấy mù tráng trét lên giấy, dán chỗ nhọt tiêu ngay.

**2. Truyền trị trẻ con bị dinh nhọt hoặc kêt độc sau bệnh đậu và trị người lớn bị dinh nhọt mới phát.**

- Cố cúc áo dùng lá, *Long nǎo* một ít cùng già nát, hòa với lòng tráng trứng gà, nặn thành bánh mà đắp, khô thì đổi miếng khác, chỉ 3, 4 lần là khỏi, sớm đắp chiều hết, tối đắp sáng hết, công hiệu rất nhanh.

**3. Kinh trị trẻ con vì nóng nhọt nở.**

- *Bùn dày giềng* đem bôi chung quanh rất hay.

- *Vỏ ốc bươu gỡ* lấy ở vách đất lâu năm, đem đốt ra tro, *Mồ hóng* hai thứ đều nhau tán nhỏ, hòa với dầu mè phết rất hay.

**4. Kinh trị trẻ con dinh nhọt dã mềm mà không vỡ mù.**

- *Chi xác* 1 vỏ lớn, bỏ ruột, đem mài trên đá cho bằng miệng, lấy mỡ bôi chung quanh miệng, đem dán lên mụn nhọt tự nhiên tống ra hết máu mù và không thành seo.

**5. Kinh trị trẻ con sinh lở, ban dầu mụn rất nhò sau mưng mù chảy nước liên miên gọi là tắm đậm sang lở từ dầu xuống thì dễ lành, lở từ tay chân lên dầu mặt thì khó trị.**

- *Cá diếc* 1 con, dài 3 tấc, *Dầu si* 1 cốc, Cùng già nát như bùn, đắp vào thì khỏi.

- *Xác rắn* đốt cháy 5 đồng, *Tổ ong* tàng sao 5 đồng, *Bụi xà nhà* 3 đồng. Cùng tán nhỏ, trộn với dầu phết vào.

**6. Truyền trị trẻ con chốc dầu, lở loét khắp mình, mù chảy đậm dề.**

- *Cóc già* 1 con, *Tua cau rù* 1 nắm, *Nệm rách* 1 miếng, đều đốt tồn tính mỗi thứ hai phần. *Xác rắn*, *hạt bồ hòn*. Đều đốt tồn tính mỗi thứ một phần cùng tán nhỏ trộn đều với dầu mè, xào nóng đắp lên rất hay.

- Y phương thêm *Tóc rối*, *Cà độc được*, *Yếm cua dinh*, vỏ trứng gà cùng đốt ra tro, trộn dầu mè, xào nóng đắp lên.

**7. Kinh trị trẻ con lở loét mới phát, sưng nổi bóng nước như bị phỏng lửa:**

- *Đào nhân* già nát, đắp vào thì khỏi.

**8. Kinh trị trẻ em bị chứng ác sang (lở ngứa lâu khỏi).**

- *Bồ kết* tán nhỏ, trộn dầu mè mà bôi.

**9. Trẻ con bị chứng thấp tiễn (lác ướt).**

- *Cây dào*, cạo bỏ vỏ xanh, tán nhỏ trộn giấm mà xoa.

- *Xà sàng tử* nghiền nhỏ trộn mỡ heo mà bôi thì lành.

**10. Truyền phương trị trẻ con ghẻ lở.**

Lá sung non già nát xát vào thì khó rụng vảy thì thôi.

**11. Truyền trị trẻ con ghẻ lở ngứa khắp dầu mặt mình mẩy và tay chân.**

- *Dầu mè* 1 lượng, *Măng vòi tre*, đốt nghiền mật heo cái. Cùng trộn đều, thường thường phết vào, hai ba ngày thì khỏi.

**12. Kinh trị trẻ con chốc dầu lở mặt và chứng cào cào ăn tai.**

- *Xác rắn* đốt ra tro tán nhỏ, hòa với mỡ heo mùa đông mà bôi, rất hay.

- *Cút trùn* sấy khô tán nhỏ, trộn với mỡ heo mà bôi.

- *Dậu xanh, Phèn phi, Hoàng đơn* sao cháy. Các vị đều nhau cùng nghiền nát mà rắc vào.

## 13. Kinh trị trẻ con chốc dầu và các chứng lác lở, nước vàng đầm dề, lở ở các chỗ kín.

- *Ích mẫu* nấu ra nước đậm, tắm vài lần thì khỏi.
- *Dát lòng bếp, Tóc rối* đốt ra tro. Hai vị bằng nhau, trộn mỡ heo mà bôi.
- *Võ quýt* đốt tán nhỏ rắc vào.

- *Lá lầu* phơi khô hoặc sao tán nhỏ, lại lấy lá lầu sắc đậm rửa sạch chỗ đau rồi rắc thuốc vào thì khô ngay và khỏi.

## 14. Truyền trị trẻ con chốc dầu, thối loét, nổi hột xoài, đỏ ửng sưng đau.

- *Lòng đỏ trứng gà* bất kỳ nhiều ít, cho vào chảo thau, rán ra dầu, hòa với *nhựa thông* mà súc.

- *Tóc rối* đốt ra tro tán nhỏ, trộn với dầu trứng gà (2) mà xức.

## 15. Truyền trị trẻ con chốc dầu ghẻ lở khắp mình.

Lấy *nước tiểu* của người cha (bỏ phần đầu và phần cuối), sáu giờ sáng xát vào, đến 10 giờ thì rửa đi, làm được ba ngày là lành.

## 16. Kinh trị trẻ con chốc dầu.

- *Hạt cau* mài với nước cho đặc, phơi khô thành phấn, cạo lấy trộn với dầu mè mà bôi rất hay.

- *Nhua thông* 5 đồng, *Mỡ heo* 1 lượng. Nấu chảy ra và xức, mỗi ngày vài lần ngày là khỏi.

- *Nhua thông* 2 lượng, *Sáp ong* 1 lượng rưỡi, *nì đồng* 1 đồng cân. Dầu mè 1 lượng rưỡi. Cung nấu nhỏ lửa, ngào lại cất kín, khi dùng phết lên giấy dán vào rất hay.

- *Cứt dê* nấu nước rửa chốc đau, lại lấy *cứt dê* khác đốt cháy cùng *mồ hóng* tán nhỏ, hòa với dầu mè mà bôi rất hay.

- *Dâu đen* sao tòn tinh tán nhỏ, trộn với nước mà bôi là khỏi.

- *Võ ốc bươu* đốt tòn tinh, tán nhỏ hòa với dầu mè bôi vào là khỏi.

- *Thạch xương bồ* tán nhỏ, hòa với dầu mè dần dần bôi vào là khỏi.

- *Mồ hóng* nhào như bùn, trước nấu nước bồ kết rửa sạch chốc lở, rồi sau đó bôi là khỏi.

- *Chi thực* đốt ra tán nhỏ, trộn mỡ heo mà bôi rất hay.

## 17. Kinh trị chốc dầu, bôi đủ thuốc mà không khỏi.

*Da trống* thủng một miếng. Đốt tán nhỏ, lấy cám gạo đốt trong bát cho ra dầu, trộn với bột da trống, lấy trước lấy lá đào vò với nước thật đậm, xoa rửa chốc đau cho sạch, lau khô rồi xức thuốc vào rất hay.

## 18. Truyền trị trẻ con lở tai.

- *Xương ngựa* đốt ra tán nhỏ mà xức.

- *Chát trắng* trong *cứt gà* đốt cháy tán nhỏ mà xức là khỏi.

## 19. Truyền trị trẻ con chốc dầu và chữa trầu ngứa lở ghẻ cũng hay.

- *Cóc vàng* 1 con, *Tua cau* rủ trên cây. Đều bằng nhau, cùng đốt tán nhỏ dùng dầu mè trộn đều mà xức rất hay.

**20. Kinh trị trẻ con chốc đau, cùng hói đầu.**

- *Rau sam* dùng nhiều cho vào nồi to, sắc nước đậm, có thành cao mà xức hoặc đốt ra tro hòa với mỡ heo mà bôi rất hay.

- *Hanh nhân* đốt tán nhỏ mà bôi vào thì khỏi.

- Ô mai đốt tán nhỏ, trộn với dầu mè mà xức, là khỏi.

**21. Kinh trị trẻ con hói đầu, trên đầu có từng dám trắng.**

- *Cù* già nát, hàng ngày xức vào vào là khỏi.

- *Rết* một con, *muối* một ít, *Dầu mè* một chén. Ngâm 7 ngày, lấy dầu mà xức, rất hay.

- *Vỏ trứng gà* áp đốt tán nhỏ rắc vào cũng hay.

**22. Kinh trị trẻ con mồ hôi đầu như cứt trâu dính trên thóp và hói đầu.**

- *Bồ kết* đốt tán nhỏ, lấy các thứ lá dâng nấu nước rửa sạch rồi rắc vào tuyệt diệu.

**23. Kinh trị trẻ con cùng người lớn, đầu hói đỏ, chốc đau chảy mủ, ngày mung đêm tẹt.**

- *Móng chân ngựa* đốt tán nhỏ trộn với dầu mè mà bôi thì khỏi.

**24. Kinh trị trẻ con có nhọt ở xương, lở nhức, chảy máu mù.**

- *Rán nước* lột bỏ da một con đốt thành than tán nhỏ, hòa với dầu mè mà bôi rất hay.

**25. Kinh trị trẻ con ghê lở ở tai, mặt.**

- *Gạo trắng* già nhỏ, lúc đi nằm thì xức, bặt quá 5, 3 lần thì khỏi.

**26. Kinh trị chốc đau sinh giờ, da thịt có lúc giờ bò ra:**

- *Lá muối* vò vắt lấy nước cốt mà xức thì giờ ra hết.

## XXXVI - SÁN KHÍ

*(Phụ: HẠ CAM)*

Sán khí là rái sưng đau, hạ cam là lở ngọc hành, vì do hàn từ uất kết mà ra, hãy chọn các phương sau đây mà chữa.

**1. Kinh trị trẻ con sán khí, một bên rái sa xuống, tức đau, thiến truy.**

- Ô được 2 đồng, *Hương phu mè* 8 đồng, *Trần bì* 1 đồng, *Tô tử* 1 đồng, *Can khương* 1 đồng. Tán nhỏ uống với nước muối vào lúc đói.

- *Hạt hoè* sao tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, hòa với 3 phần muối, chế rượu vào mà uống hết ngay.

- *Lá cải* già nát, xào với giấm cho nóng mà chườm, nguội thì thay cái khác.

- *Dào nhân* sao thơm, già nát, liều dùng 2 đồng cân hòa với rượu mà uống, bã đắp vào chỗ đau rất hay.

**2. Kinh trị trẻ con sưng rái.**

- *Xác ve sầu* 5 đồng, bỏ dầu chân, rửa sạch, nước một bát, nấu nóng lên mà rửa người thì lai lai nấu nữa. dùng *Nhân trần*, *Mộc thông*, *Xa tiền tử*, *Đắng tâm* đều nhau sắc uống.

- *Cứt trùn* gói lá *Bạc hà*, già lấy nước cốt (không có bạc hà tươi thì lấy bạc hà khô sắc lấy nước) nhào lại như bùn, thường bôi vào thì hết.

- *Phân heo* hòa với nước như bùn, nấu chín, lấy lụa gói lại chườm chỗ đau thì hết.
- *Trùn đất, Lòng trắng trứng gà*. Cùng nghiền nát như bùn, trước rửa chỗ đau bằng nước hành đun nóng cho sạch rồi phết thuốc vào.

### 3. Kinh trị trẻ con lở dài, đau nhức:

*Xuyên tiêu, Kinh giới, Cảnh hòe, Cảnh liệu, Xà sàng* cùng nấu nước mà rửa, sau dùng Phác tiêu trộn với lòng đỏ trứng gà, mà bôi thì khỏi.

### 4. Kinh trị trẻ con sưng đau ngực hành và âm nang do hương minh vị kinh có phong nhiệt cùng thấp khí chống nhau mà sinh ra.

- *Mẫu lệ* nung dở, tán nhỏ. *Đào nhân* hai vị bằng nhau, tán nhò trộn với nước miếng như bùn mà phết vào rất hay.

### 5. Kinh trị trẻ con ngực hành đau nhức, do khí ở tiểu trường dẫn đến.

- *Ré và lá cỏ xước*, nước 1 bát. Cho vào tí rượu, cùng sắc mà uống.

### 6. Kinh trị trẻ con lở dài, nước mù rỉ ra mài.

- *Lá tía tô* sắc đậm ngâm, rửa và tán nhò rắc vào rất hay.

- *Mai mục* cạo lấy phấn rắc vào thì khỏi.

- *Xương đầu mèo* đốt ra tro xức vào thì khỏi.

## XXXVII - LÒI TRÔN TRÊ (lòi dom)

Phụ: trĩ

Trẻ con lòi dom trôn trê là dầu ruột cùng lòi ra ngoài mà không thụt vào được, vì bị tă ly, lâu ngày, khi hư kém không thể đưa lên được lên được mà sinh chứng này nên chọn các phương sau đây mà chữa.

### Các phương kinh nghiệm chữa lòi dom.

- Lấy *Hành* nấu sôi, thừa lúc nóng mà xông, rồi rửa cho mềm, lấy tay ấn vào, hoặc dùng *Ngù bôi* từ tán nhò bôi vào, rồi từ từ dây lên, hoặc dùng *Ngù bôi* từ nấu nước mà rửa cũng hay.

- *Dầu ba ba (cua dinh)* đốt tán nhò, trộn với *dầu mè* mà bôi.

- Lấy dầu cua dinh đốt lên khói mà xông, lâu lâu nó thụt vào. Lại lấy đất vách lâu nâm sắc sôi, trước xông sau rửa rất hay.

- *Kinh giới, Tạo giác*. Dùng bằng nhau nấu sôi mà rửa rồi lấy nước ngâm sát bôi lên rất hay.

- *Rau giấp cá* vò nát, trước lấy *phác tiêu* hòa tan với nước rửa qua rồi trải lá chuối ra, đặt giấp cá mà ngồi thì trôn trê tự thụt vào.

- *Bồ hóng, Phân chuột*. Hai thứ đều nhau cùng đốt ra khói trong một cái nồi, ngồi lên trên nồi mà xông vài lần thì hết.

- *Beo ván giã* nát đắp vào rất hay.

- *Hột thầu dầu* lấy nhân 1 lượng, giã nát nặn thành bánh đắp trên thóp, trôn trê thụt lên thời bỏ thuốc đi, lấy nước rửa ngay rất hay.

Phụ:

Kinh trị trẻ con 5 chứng trĩ bất luận ngày hay mới phát

*Chi thực sao quả tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần 20, 30 viên, tùy trẻ lớn nhỏ, uống với nước cơm lúc đói thì khỏi.*

### **XXXVIII - BÍ ĐẠI TIỂU TIỆN**

Trẻ con bí đại tiểu tiện có nhiều nhân tố, do hư, do phong, do thấp, do hỏa, do hàn, do khí kết khác nhau; bí tiểu tiện là vì thận ứng với tâm, tâm hỏa thịnh thi tiểu tràng kết nhiệt, nhiệt vừa thi tiểu tiện khó, nhiệt lâm thi bí tiểu tiện. Nên chọn các bài sau đây mà chữa.

#### **1. Kinh trị trẻ con mới sinh hai ngày không đái ỉa.**

- *Củ hành già* lấy nước 1 phần. Sữa 1 phần hòa lân, bôi vào trong miệng trẻ rồi cho con bú thì thông.

#### **2. Kinh trị trẻ con mới sinh đại tiểu tiện đều không thông.**

- *Dầu mè* 1 lạng, cho *Phác liệu* vào chút ít, cung sác đậm, chờ nguội, từ từ đổ vào miệng, vuốt xuống thì thông.

#### **3. Kinh trị trẻ con bí đại tiện trường bụng gần chết.**

Bảo người nhà bệnh nhi súc miệng bằng nước nóng cho sạch rồi mút đằng trước và sau vùng tim, dưới rốn, hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân của trẻ, mút 7 chỗ, mỗi chỗ mút 5 lần, thấy đỏ ửng lên thì thôi. Chỗ lát thi thông ngay, không thể thi khó sống.

- *Hành cá rẽ* và lá 1 cây, *Gừng sống* một củ, *Đậu si* 20 hạt, muối ăn một muỗng cà phê. Cùng già cho nhù, nấm thành bánh, hơ nóng dán giữa rốn, lấy lúa trắng buộc lại hồi lâu thi thông, chưa thông lại đổi bánh khác, rất hay.

- *Đậu đen* 1 vốc, *Ớc bươu* 19 con, *Hành* 1 nắm cùng già nát nặn thành bánh hơ nóng làm như trên.

- *Bò hung* lấy ở đồng cút trâu lúc tháng 6, 7 âm lịch, bất cứ nhiều hay ít, xâu vào chỉ treo phơi rám, ở hiên nhà cất để dành, khi dùng lấy nguyên con để trên miếng ngồi sạch, đặt lên lửa sấy khô tán nhỏ, lấy *Nước mới mức hòa* vào mà uống. Như hai đường tiện đều bí thì dùng cả con, nếu chỉ bí ỉa thì dùng nửa phần trên, chỉ bí đái thì dùng nửa phần dưới rất hiệu nghiệm.

- *Tổ ong* đốt tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng hoặc nửa đồng tùy trẻ lớn hay nhỏ, nửa rượu nửa nước, ngày uống hai lần là khỏi.

#### **4. Kinh trị trẻ con mới sinh không đái.**

- *Sữa người* 2, 3 chén, *Hành* 1 tấc, cùng dun sôi chia làm 4 lần uống rất hay.

#### **5. Kinh trị trẻ mới sinh đái khó không thông.**

- *Mã đê* vài cây, già ráo vắt lấy nước, cho ít mật, đổ cho uống thông ngay.

#### **6. Kinh trị trẻ con bí đái bụng dưới trường lên.**

- *Hạt vông vang* 2 phần, *Mộc thông* 1 phần cùng tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng, uống với nước nóng, thông thi thôi.

- *Hột tật lê* bất cứ nhiều hay ít, sao vàng tán nhỏ. Uống với rượu ấm thi thông.

- *Hạt gai dầu (cần xa)* đốt tồn tính, tán bột uống với rượu mỗi lần 1 đồng cân cho đến đái thông.

#### **7. Kinh trị trẻ con đại tiện bí.**

- *Chi xác nướng* bỏ ruột 1 đồng, *Cam thảo* 1 đồng. Sắc uống là khỏi.

## XXXIX - PHÙ THỦNG

Trẻ con phù thủng có hai thứ: khí thủng và thủy thủng

- Khi thủng là do tỳ phế hư nhược mà ra, vì tỳ chủ cơ nhục, phế chủ bì phu, thổ yếu thi không sinh được kim, phế kim bị hư rồi lan ra khắp mình mà trên dưới đều phù thủng cả. Phép trị nên điều tỳ, hành khí làm chủ yếu.

- Thủy thủng là do thương tiêu phiền khát, uống nước nhiều quá mà ra, vì tỳ thổ hư không chế ngự được thận thủy, thủy không bị thổ chế ngự nên chạy càn lên phổi, ra khắp bì phù mà sinh thủng. Phép chữa nên "kiện tỳ lợi thủy" làm chủ yếu.

### 1. Kinh trị trẻ con phù thủng, đại tiểu tiện đều không thông.

- *Hột bìm bìm* 1 lạng, *Hột bìm bìm trắng* 1 lạng. Cùng tán nhỏ, lấy lớp bột đầu, viên với nước giếng bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên, sắc *hạt cải củ* làm thang mà uống.

- Theo bài trên gia thêm *Trần bì, thanh bì* sao đều nhau.

### 2. Kinh trị trẻ con bị chứng hư thủng, dầu mặt và bìu dái đều phù cả.

- *Sử quản tử* 1 lạng bò vò, tắm mặt ong 5 đồng, nướng cho khô hết mật tán nhỏ, mỗi lần dùng một đồng mà uống sau bữa ăn với nước cơm thì khỏi.

### 3. Kinh trị trẻ con trưởng bụng vì thủy khí động lại mà sưng phù, băng quang thực nhiệt, tiểu tiện đờ gắt.

- *Hạt bìm bìm* nghiền sống 1 đồng, dùng *Thanh bì* sắc làm thang mà uống vào lúc đói.

- Theo phương trên gia *Mộc hương* nửa phần, tán nhỏ làm viên mà uống đều hay.

### 4. Kinh trị trẻ con phù thủng.

*Xo mướp, Hành, Tim bắc*. Ba vị đều nhau, sắc đặc mà uống và rửa thì khỏi.

### 5. Kinh trị trẻ con phù thủng sưng cả dầu và mình.

*Hương phu mě, Sa nhân* sao qua, hai vị đều nhau 2 - 4 đồng cân sắc uống rất hiệu nghiệm.

## XL - LỎ RỐN

Trẻ con lở rốn, nước mù rỉ ra mài không khô, hoặc sưng lồi ra là do lúc mới sinh cắt cuống rốn không cẩn thận, tà khí bên ngoài nhiễm vào mà sinh ra. Nên dùng mấy phương pháp sau đây mà trị.

### 1. Kinh trị trẻ con lở rốn không khỏi.

- *Tổ ong tàng* đốt ra tro tán nhỏ rắc vào rất hay.

- *Dέ trui, Cam thảo*. Dầu bằng nhau cùng nướng, tán nhỏ rắc vào thì khô.

- *Cóc* 1 con, đốt ra tro, tán nhỏ rắc vào cũng hay.

- *Dát lòng bếp*, tán nhỏ, rắc vào, hoặc dùng *Dát vách phía đông* cũng hay.

- *Cây kè dầu ngựa* đốt ra tro, nghiền nát rắc vào.

- *Kén tằm* đốt tồn tính tán nhỏ, rắc vào thì cũng khỏi.

- *Tổ ong tàng* đốt ra tro. *Bụi trên xà nhà*, hai thứ nghiền đều, rắc vào

- *Rau sam* đốt ra tro, nghiền nhỏ rắc vào rất hay.

- Dặu si 1 vốc, Muối 5 đồng cân, cho vào ít nước, giã nát như bùn nặn thành miếng bánh, để trên tảng ngói, nướng nóng đèn đem chườm, nguội lại nướng lại chườm là khỏi.

## 2. Kinh trị trẻ con sưng rốn.

- Vỏ quế 1 miếng, cạo bỏ bì thô, nướng nóng đem chườm lên rốn.

## XLI - HỎ THÓP

Trẻ con hở thóp là thóp không kín, vì thận tạng suy yếu không thể làm cho túy dày xương được, nên trẻ con thấy nước da trắng nhạt, mình mẩy tay chân gầy gò, phải dùng các phương dược dây mà chữa.

Các phương kinh nghiệm chữa hở thóp.

- Xác rắn sao tán nhỏ, trộn vào Tủy xương sống heo mà xức, mỗi ngày ba lần thay đổi thì kiến hiệu.

- Lấy Máu mồng gà trống tía xức chỗ mỏ ác, hưng tai, lấy Xích thước tán nhỏ rắc vào mỗi ngày một lần cũng khỏi.

- Xương đầu chó vàng, nướng vàng tán nhỏ, trộn đều với lòng trắng trứng gà mà xức ngày 3 lần rất hay.

## XLII - THÓP LỐM

Trẻ con thóp lốm là do tạng phủ có nhiệt, khát uống nhiều nước mà sinh tả ly, để lâu thì khí huyết hư nhược không thông lên xương sọ nên khớp thóp lốm sâu như hố, không bằng phẳng được.

Các phương kinh nghiệm chữa thóp lốm (mỏ ác hưng).

- Xương đầu chó vàng nướng vàng tán nhỏ. Trộn đều với lòng trắng trứng gà mà phết mỏ ác sẽ kín lại.

- Nam tinh nướng bò vò, tán nhỏ, trộn với giấm. Phù miếng vài lén mỏ ác rồi đặt thuốc vào, lấy tay hơ nóng thường xoa vào là công hiệu ngay.

## XLIII - THÓP LỒI

Thóp lồi lên là vì Tỳ chủ da thịt mà trẻ bú mớm không chừng đói no sai mức, hoặc bị nóng khi lạnh phạm vào Tỳ kinh, làm cho tạng phủ mất điều hòa, khí xông lên làm cho thóp lồi cao như vật chất đồng lại, lông tóc vàng ngắn, tự đổ mồ hôi.

Nếu hàn khí xông lên thì thóp cứng, nhiệt khí công lên thì thóp mềm phép trị thì hàn, nên dùng thuốc nhiệt, nóng nên dùng thuốc mát, tùy trẻ lớn nhỏ mà cho uống liều lượng ít nhiều, không nên coi thường.

Kinh trị trẻ con sơ sinh sưng thóp.

Hoàng bá tán nhỏ, hòa với nước, rịt vào lòng bàn chân thì tiêu.

## XLIV - CÁC CHỨNG CHẬM

Các chứng chậm là chậm biết đi, chậm biết nói, chậm mọc răng, chậm mọc tóc, qua kỳ mà không đạt yêu cầu gọi là chậm, Là vì.

Dị thuộc can thận, can chủ gân, thậm chủ cốt, can thận suy yếu thì chưa di được.

Nói thuộc tâm, tâm chủ lưỡi, tâm hư thì lưỡi chưa nói được.

Răng thuộc thận, thận suy thì răng chưa mọc được.

Tóc thuộc huyết, huyết kém thì tóc chưa mọc được, nên tùy từng kinh từng loại mà bồi bổ vào.

### 1. Kinh trị trẻ con chậm mọc tóc.

- *Hương nhu* lâu ngày, 2 lạng, nước một chén, sắc đậm, hòa với mỡ heo ngày ngày bôi cho đều thì mọc.

- *Cá diếc*, đốt tồn tính, tán nhỏ, hòa với *nước tương* mà bôi thì tóc mọc.

### 2. Kinh trị trẻ con 4, 5 tuổi mà chưa nói được:

- *Đậu đỗ* tán nhỏ, hòa với rượu bôi vào dưới lưỡi rất hay.

- *Chim khướu* nhô lông rửa sạch, nướng chim cho ăn.

### 3. Kinh trị răng mọc chậm hoặc bị gãy, nhiều năm không mọc.

- *Xương sống chuột* tán nhỏ bôi vào rất hay.

### 4. Kinh trị trẻ con chậm biết đi.

- *Ngũ gia bì, mộc qua*. Hai thứ bằng nhau cùng tán nhỏ, mỗi lần nửa đồng cân, uống với nước dun sôi vào lúc đói.

## XLV - DÔ NGỰC

Dô ngực là ngực trẻ dô ra như hình con rùa, là vì phế nóng, trường đầy, công vào, lồng ngực, hoặc vì người mẹ ăn nhiều đồ cay nóng nên con sinh ngực dô cao lên mà thành chứng này.

### Phương kinh trị.

- *Nước dái rùa* thường bôi vào các khớp xương ngực thì khỏi.

(Cách lấy nước dái rùa: lấy lá sen đặt rùa lên trên, dùng cái gương soi vào thì nó vẩy dái ra).

## XLVI - GÙ LUNG

Chứng gù lưng là sau lưng gù lên như mu rùa, vì lúc mới sinh không cẩn thận để phong tà xâm vào xương sống, ngấm thấu vào xương tùy mà sinh ra chứng này.

### Các phương kinh trị.

- *Nước dái rùa* bôi vào các khớp lưng thì khỏi, cách lấy *nước dái rùa* như trước.

- *Hà thủ ô* tán nhỏ, dùng nước dái rùa trộn vào, phết vào các khớp xương ở lưng, lâu lâu thì hết gù.

## XLVII - LỎ MÉP

Chứng lỏ mép là do nước dái nhện ra mép mà sinh lỏ. Nước dái tức là tân dịch của tỳ, tỳ vì lạnh nóng không đều nên nước dái chảy ra, mà không ngừng được, phép chữa phải ôn bồi tỳ tạng làm chủ.

**1. Kinh trị lở mép, chảy nước dài trắng ra mà không ngăn được.**

Nam linh tán nhỏ, hòa với nước cốt gừng phết vào hai mép thì khỏi.

**2. Các phương kinh trị tỳ nhiệt chảy nước dài luôn.**

- *Hột bồ kết* 2 đồng, *Bán hạ* nấu với nước gừng tây 7 lần, 5 phần. Hai vị cùng tán nhỏ, rưới nước gừng vào, viên bằng hạt cân xa, mỗi lần uống 5 viên với nước nóng rất công hiệu.

- *Lấy nước dài* bò bôi vào mép và trên mép thì khỏi.

- *Gạc hươu* đeo vụn tán nhỏ, mỗi lần uống 3 phần, với nước cơm thi khói.

- *Vò trắng rẽ dầu già* vẩy lấy nước cốt bôi vào thì khỏi.

### **XLVIII - ĐẬU (trái giống)**

Bệnh đậu là do nhiệt độc mà sinh ra, vì trong lúc trẻ con còn trong bào thai cảm nhiễm, khí độc ô uế, hoặc cha mẹ trong lúc giao cấu, lửa đâm quá độ, nhiệt khí có truyền vào bào thai, nên khi con sinh ra đã nhiễm độc ấy mà sinh ra chứng này.

Nhưng lúc phát bên có mau chậm, nặng nhẹ khác nhau, hễ gặp thời tiết nóng lạnh không thường thời đậu nhân đó mà phát ra. Thường thường lúc lên đậu có khi vì ngoại cảm phong hàn, có khi vì nội thương ấm thực, có khi vì thời khí, truyền nhiễm, có khi vì vấp ngã hoảng sợ mà mắc bệnh.

Hễ lúc mới cảm chưa thấy nốt đỏ mà phát sốt phiền táo, mồi đỏ, má đỏ, đau nhức, minh đau, lúc nóng, lúc lạnh, hắt hơi, ngáp vặt ho hen sôi đờm, tương tự như cảm bệnh thương hàn, chưa rõ là bệnh gì, thì nên uống thuốc tán tà giải độc để sơ thông.

Phản trẻ con chưa lên đậu, thì nên dùng mấy phương sau đây để phòng ngừa, hoặc cố lên cũng nghe.

#### **A - Thuốc dự phòng**

Như lúc thời tiết ấm áp, sợ phát bệnh đậu thì uống bài này, sẽ không phát dù có phát cũng nhẹ:

*Dầu mè* 1 chén, nước 1 chén. Đổ nước vào dầu, lấy cành liêu quấy đều đều, mỗi lần uống một muỗng tre lớn ba muỗng, uống lúc đi ngủ. Uống 4, 5 lần thấy đại tiện thông lợi là được.

- *Dậu xanh* nửa cân, *dậu đỏ* nửa cân, *dậu đen* nửa cân, *Cam thảo* một lạng. Nước 4 thang nấu thật chín tùy thích mà ăn, ăn luôn 7 ngày thì khỏi.

- *Cá chép* thử đen, lớn 1 con, nhỏ 2, 3 con, chiều 30 Tết, lúc nhả nhem tối lấy nước nấu cá sôi lên, chờ nguội đem tắm khắp mình trẻ, nhất là 7 chỗ khiếu, đừng ngại tanh.

- *Dây muối* phơi khô, nấu tắm.

- *Mật chim* vạc 1 cái, hòa với nước mà uống, thì vịnh viễn không lên đậu hoặc cố lên cũng nhẹ.

- *Chim cú* ngồi nhiều màu, tối 30 tết, bát 1 con làm thịt nấu hoặc nướng cho trẻ ăn, và lấy nước ấy mà tắm cho nó, thì lên đậu ít, thưa.

- *Lá mộc tê*, nấu nước, già trẻ lớn bé nên uống thay chè hoặc tắm đều hay.

- *Cá diếc* 1 con, đánh vảy, móc bỏ ruột, đừng cho dính nước, lấy rau ngò ri già nhỏ, lai cho tí muối, dồn vào bụng cá, lấy giấy ướt gói nhiều lớp, vùi vào lửa than cho chín, chờ nguội cho bớt hỏa độc rồi cho trẻ ăn hết, rất hay.

- Trùn đất 1 con, trứng gà qua (gà den) 1 quả, xoi một lõi nhỏ, dồn trùn vào, lấy giấy ướt gói lại, bỏ vào nồi luộc cho trẻ ăn, mỗi năm đến ngày lập xuân, cho ăn một trứng, hay lúc ở xóm diêng có người lên đậu thì làm cho trẻ ăn rất hay.

- Trừ thoát đơn Xác ve, xác rắn, màng trứng gà. Móng tay cha mẹ đưa trẻ, cắt ra, các vị đều bằng nhau, cộng 1 đồng cân, để trên miếng ngói mới sấy khô, tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, đến tối 30 Tết cho uống một lần 3 năm uống luôn ba lần thì không lên đậu.

- Ốc bươu, lá rau má, lá sung, lá mào gà đuôi heo. Các vị bằng nhau tán nhỏ, hòa nước trong, bỏ bã mỗi ngày tắm cho nó, rất hay.

### B - Thuốc dùng sau ba ngày phát sốt

1. Kinh trị đến mùa lên đậu, trẻ con mới phát sốt còn hòe nghi nên kịp thanh hỏa, giải biếu ngay cho nhẹ.

Tam đậu thang *Dậu xanh*, *Dậu den*, *Dậu dò*, Ba thứ nấu chín mà ăn cả đậu và nước rất hay.

- Cát cẩn 1 phần, Tía tô 1 phần cam thảo nửa phần, sắc uống ấm.

- Chi tử 1 phần, Rễ tranh 1 phần, Tía tô 1 phần Cát cẩn 1 phần. Cam thảo nửa phần, gừng sống 3 lát, sắc uống.

- Rau mùi 1 nắm. Rượu 1 chén. Vò nát với rượu, ngâm phun vào khắp mình mấy cung giường chiếu trẻ nằm, phun ra như sương mù rất hay.

- Hoa mai, phơi khô, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, tùy trẻ lớn nhỏ, một tuổi uống 1 viên, thêm mỗi tuổi uống thêm 3 viên, uống với nước nóng, ngày ba lần là khỏi.

2. Truyền trị trẻ con mới phát sốt, đậu còn chưa mọc, tắm để cho nhẹ và có mọc cũng thưa.

- Lá rau dừa, lá sung, lá rau bợ, ốc bươu. Các thức bằng nhau, giã nát hòa nước trong mà tắm ngày 1 lần, rất hay.

- Lá cây săn dây, sắc nước đậm, đem tắm cho trẻ thì không phát đậu, nếu có phát cũng nhẹ.

3. Phần đậu từ lúc mới mọc đến khi bong vẩy, nên lấy quả mướp già, phơi khô, mỗi lần dùng 5 đồng, bắc 1 đồng, nấu nước uống thay trà.

### C - Thuốc dùng trong ba ngày lên đậu.

**Phàm lúc đậu mọc thấy nổi nốt đỏ lên như muỗi cắn** thì lấy giấy cuộn lại, nhúng dầu đốt lên, soi khéo mắt cùng cạnh lỗ mũi, soi bên phải thì nhìn bên trái, soi bên trái thì nhìn bên phải, xem trong da sẽ thấy hoặc đỏ hoặc tía, hoặc từng khói, hoặc từng chấm rõ ràng như thấy mụn nổi ngoài da. Nếu trong thịt không có chân tủy là sởi nếu trong thịt có chân ăn sâu tức là đậu, thì kịp dùng phương để thanh giải ngay.

#### 1. Truyền trị lúc có đậu mới mọc.

Cỏ noci rắn, Cỏ mực, lá thanh táo, lá sung, lá đậu, lá rau má, màng lau, lá mùi mác, lá chân vịt. Các vị đều nhau giã nát, hòa vào với nước, bỏ bã, phun khắp mình mấy như sương mù, ngày làm hai lần, rất hay. Phương này chỉ nên dùng vào trường hợp mình nóng dữ dội, nổi đậu màu tía, còn như bình thường thì chớ dùng.

#### 2. Kinh trị độc đậu nóng quá, hoảng hốt.

Trùn đất 1 con giã nát, Ốc bươu lớn 20 con. Cùng ngâm nước ba bát lọc bỏ bã cho uống.

**3. Truyền trị đậu mọc quá ba ngày mà chưa hết sốt thì nên giải nhiệt để thúc cho đậu ra thì bệnh tự nhiên khỏi.**

- Củ sắn dây 1 củ, Đậu xanh 1 phần, lá chàm 1 phần, Rễ tranh 1 phần, Mắt cam thảo nửa phần, Gừng sống 3 lát. Sắc uống.

**4. Kinh trị lèn đậu, nhiệt lầm, hơi thở ra như có khói.**

- Hồng hoa, sắc sôi cho uống, không hoa thì dùng hạt, giã nát sắc nước uống cũng hay.

**5. Truyền trị vừa lèn đậu vừa lèn sởi.**

- Mộc thông 2 đồng, Cát cân 2 đồng, Chi xác (bò ruột sao) 2 đồng, xác ve sầu (bò mõm và chân rửa sạch) 1 đồng, Gạo nếp 100 hạt. Bốc làm một thang, đổ một bát nước, sắc lên chia làm ba lần uống bất cần giờ giấc.

**6. Kinh trị đậu mọc không tốt. Phương này có thể giải độc, tiêu thũng, định suyễn, hạ khí, khí đều thì đậu cũng đều.**

- Hoa cải củ sắc nước uống thường rất hay, không hòa thì dùng hạt nghiền nhô hòa với nước nóng mà uống cũng hay.

- Rễ cây chàm 1 lạng, Cam thảo 1 đồng. Đầu tán nhỏ, mỗi lần dùng nửa đồng hoặc 1 đồng, trích lấy máu mồng gà hai ba giọt hòa với chút ít rượu ấm mà uống rất hay.

- Rau mùi 2 lạng thái nhỏ, sắc với một chén to rượu, lấy vung đậy kín dừng cho bay hơi, chờ nguội, bỏ rau mùi, lấy rượu phun ướt như dầm sương từ đầu đến chân cho khắp (chùa mặt và đầu).

- Quả mướp lấy phần gần cuống, độ ba tấc cà vỏ và hạt, đốt tồn tính, tán nhỏ, cho ít đường cát vào mà uống thì đậu mọc nặng sẽ trở nên nhẹ, nhẹ sẽ ít mọc, rất hay.

D - Thuốc dùng trong ba ngày đậu cương

**1. Kinh trị lúc đậu cương, nên dùng "Hòa sương thang" để giải khí độc và để mưng mù.**

- Kinh giới 1 đồng, Bạc hà 1 đồng, Cảnh tía tô 1 đồng, Cam thảo tiết nửa đồng. Gạo nếp 100 hạt, Gừng sống 3 lát cùng sắc uống.

**2. Kinh trị đậu dâ cương gấp khi độc lại lặn xuống.**

Hạt tràm (cà na) bồ dôi, sắc với nước uống chút ít, thì đậu cương ngay.

**3. Kinh trị nốt đậu hâm vào, khí độc uất lại bên trong, sinh đại tiện ra máu, hôn mê bất tỉnh, là chứng rất nguy.**

- Vỏ trứng gà áp (bóc bỏ màng bên trong), sấy trên miếng ngói mới, tán nhỏ, mỗi lần uống nửa đồng với nước nóng thì cương ngay.

**4. Kinh trị nốt đậu, gấp phải phong hàm ở ngoài xâm nhập vào nên mới mọc mà lại tết xuống, không cương lên được. Dùng thuốc này mà chữa thì đều khỏi hết.**

- Lá sen già, dính sát mắt nước, lưng có sác tía, sao khô, Bạch cương tam sao bỏ tơ. Hai thứ bằng nhau, tán bột, mỗi lần uống nửa đồng, lấy rau ngò rì nấu nước làm thang mà uống, nốt đậu cương lên dễ dàng ngay.

- Lấy một cục đá, nung đỏ, bỏ vào bát giấm để ngoài cửa buồng, hé cửa cho hơi bay vào thì đậu cương ngay.

**5. Kinh trị đậu mọc bị tết xuống, hoặc biến sắc đen, môi miệng lạnh như nước, nguy cấp lắm.**

- Bọ chó (bù chét) 7 con, nghiền nhô, hòa với chút ít rượu mà uống, tức thời đậu mọc đỏ tươi. Thực là thuốc khơi tử hồi sinh.

**6. Kinh trị đậu mọc không tốt hoặc hâm den và khát nước.**

- Vỏ quả vải, sắc cho uống rất hay.

**7. Kinh trị đậu rạp xuống hâm den phát co giật.**

- Nhựa cây dào 1 cục. Sắc sôi mà uống, hoặc cô thành cao, nhò rượu vào chút ít mà uống, thì mọc tốt và rung bay cũng dễ.

**8. Kinh trị đậu mọc không tốt, hâm den vào.**

- Răng người 1, 2 cái, để vào cái bình sành, ngoài đập bùn, chét kín, đem nung, tán nhỏ, lấy huyết heo đục hòa tan mà uống, hoặc vì uống thuốc hàn lương, huyết hâm nên sinh đậu hâm thì cho xạ hương vào chút ít, hòa với nước và rượu, mà uống rất hay.

**E - Thuốc dùng trong ba ngày mưng mù**

**1. Truyền trị đậu đến kỳ mưng mù, nên cho uống phương thuốc "Bài nùng thác lý" này làm cho mù đậu dày đặc sau đỗ thu áp mà không sinh chứng khác.**

- Kinh giới, hạt hồng hoa, kim ngân hoa, dây kim ngân, lá sung. Các vị đều nhau, Cam thảo nửa phần, gừng sống ba lát, sắc nước uống, nếu mù sưng không dày đặc, thì thêm nhúm gạo nếp.

- Thường ăn cháo nếp, rất hay.

**2. Truyền trị đậu mụn mưng mù không dày đặc.**

- Sáu (bù xe) trong cây đậu (nam 7 nữ 9). Gạo nếp 1 vốc. Cùng nấu cháo, ngày cho ăn ba lần, thì mù dày ngay, thật là thuốc rất hay.

- La gáo nước, Dây kim ngân, Hạt đậu đỏ. Cùng sắc sôi, chờ ấm, phun nhẹ nhẹ vào khắp mình trẻ, mỗi ngày hai lần, công hiệu rất chóng.

**3. Truyền trị đậu không nung mù, mà rạp xuống, hâm den hoặc tráng nhạt rồi phát ngứa rất nguy hiểm.**

- Xuyên sơn giáp ba miếng, nướng vàng sắc nước mà uống, ngày 2, 3 lần, mù sẽ sưng lên..

**4. Truyền trị đậu không mưng mù, da mỏng nổi phồng lên.**

- Lá bạc hà, Kim ngân hoa. Hai vị đều nhau, sắc đậm chờ nguội phun nhẹ nhẹ vào, ngày ba lần, thấy nổi mưng mù là được.

**5. Kinh trị đậu biến sắc den.**

- Xuyên sơn giáp, sao với cáp phấn (bột vỏ hến) cho vàng, rồi sàng bỏ cáp phấn, tán nhỏ, mỗi lần uống năm phân, cho xạ hương vào, mỗi lần uống năm phân, mỗi tuổi thêm một hạt uống với chút rượu thì thấy sắc đỏ liền, công hiệu rất hay.

**6. Kinh trị nốt đậu bị de.**

- Máu trong tim (huyết hậu của heo đục) 1 đồng, Long não 1 phân. Nghiền đều, hòa với rượu mà uống, chúc lát, nỗi đỏ lên, rất hay. Dùng huyết hâm tháng chạp, để vào bình sạch phơi khô càng hay.

- Chặt đuôi heo, lấy máu cho ít Long lão hòa với nước uống cũng hay.

**G - thuốc dùng trong thời kỳ ba ngày thu áp (đậu rạp)**

**1. Kinh trị nốt đậu không thu áp.**

Ngà voi, cao lầy phấn, bỏ vào cái chảo than, sao vàng, tán nhỏ mỗi lần uống bảy tám phần, trẻ lớn uống 1 đồng với nước sôi rất hay.

**2. Kinh trị đậu dại quá kỳ không thu áp.**

Xuyên son giáp, đốt tán bột, Xạ hương chút ít. Hòa với nước mà phết vào thì thu áp ngay.

**3. Kinh trị nốt đậu lở loét đau đớn.**

Bách hoa cao: Mật ong, lấy lông cánh quạt chấm vào phết rất hay.

**4. Kinh trị đậu giập loét không thu áp:**

Vô ốc trắng ở tường đất lâu năm càng tốt, lấy về rửa sạch, đốt tán nhỏ, rắc vào, khô ngay.

**5. Kinh trị nốt đậu loét giập chảy nước không ngót.**

- Kén dộ (tầm biển) tùy theo vết loét nhiều ít, lấy phèn chua tán nhỏ nhét vào kén cho đầy, nướng trên miếng ngói cho khô, tán nhỏ rắc vào rất hay.

**6. Kinh trị lúc đậu thu áp, nhiệt độc quá nhiều, hoặc gấp phong tà độc khí làm cho một nốt đậu giập loét ra:**

- Tranh lợp nhà đã lâu năm, lấy nhiều tán nhỏ rắc vào, hoặc lở loét nhiều thì rắc khắp chiếu cho nấm một đêm thì khô mà đóng vảy, tự rụng.

- Đậu đen nghiên thành bột rắc vào.

**7. Kinh trị nốt đậu lở loét, thối sinh giờ.**

- Lá chè già lấy lúc sau tiết sương giáng, Bạc hà. Hai thứ đều nhau, sắc đậm mà rửa, giờ sẽ chết. Hoặc trước đốt lá ngải cứu ra khói mà xông rồi sau rửa càng tốt.

- Lá liễu non, rái trên chiếu cho nấm, giờ ra hết thì khói.

**8. Thuốc tắm sau khi đậu thu áp.**

- Bạc hà, lá từ bi, lá thanh táo, Lá bồ hòn, Kinh giới, Cù nghệ, Lá mần tươi. Cùng nấu nước mà tắm.

- Lá săn dây 1 nắm lớn, sắc đậm, ngày thường tắm, rất hay.

**H - Thuốc dùng trong thời kỳ bong vảy**

**Kinh trị lén đậu đóng vảy không bong, thành vết bầm.**

Rau sam già lấy nước cốt, chẽ với mỡ heo, mật ong đều nhau, cô thành cao thường thường phết vào, vài sê bong mà kéo da non.

**I - Thuốc trị các tạp bệnh lúc lén đậu**

**1. Kinh trị lén đậu, nôn khan vì hỏa độc ở dạ dày.**

- Lá tre 30 lá, Tim bắc 30 sợi. Nước 1 bát, sắc sôi, uống ấm, thường uống rất hay.

**2. Truyền trị lúc lén đậu có chứng đau vùng tim do độc công vào.**

- Chi thiền (Tiên hồ nam) rễ và lá, một nắm, thái nhò, nước một bát, sắc còn phân nửa, chờ nguội, hòa với bột (sắn dây) 1 đồng cân mà uống thì yên.

**3. Kinh trị lúc lén đậu có chứng sinh bụng ăn không tiêu cho chính khí không điều hòa.**

- Hoắc hương, hương phu mè. Hai vị đều nhau, tán nhỏ, nấu nước sôi để ấm uống 1, 2 đồng, yên ngay.

**4. Truyền trị lén đậu sinh đau họng.**

- Lá muối rửa sạch, giã nhò, cho vào túi muối, giò vào trong họng thì khói

- *Cỏぬ áo, Lá xương rồng, Cam thảo.* Chế nước vào xấp xắp sôi lên từ từ nhấp từng hớp một là khói. Hoặc mỗi ngày thường uống chút ít để phòng ngừa trước cũng tốt.

#### 5. Truyền trị lúc lén đậu, khàn tiếng vì đờm táo.

*Rễ cây mè* 1 nắm, rửa sạch, già nhỏ, nước 1 bát, sắc còn phân nửa, từ từ nhấp uống sẽ trong lại.

#### 6. Kinh trị lén đậu hư phiền, suyễn thở, tiểu tiện không thông.

- *Tim bắc* 1 nắm, *Mai ba ba* 2 lạng nước 1 thang ruồi, sắc còn phân nửa, chia 2 lần uống, sẽ khói.

#### 7. Truyền trị lúc lén đậu di tả lỵ.

- *Rau dừa nước, Vỏ cây vải, Hạt mè dề sao.* Các vị đều nhau, sắc cho uống lúc đói, thi hết.

- *Mà dề cà lá và rễ, Rau dừa nước, cỏ seo gà.* Đều nhau, sắc uống. Di tả luôn, thêm vỏ cây vải sao. Di lý ra máu, thường thêm *Thuyết táo cắn và rễ cỏ tranh*. Di lý ra mũi thêm lá sen lui.

**8. Truyền trị lúc lén đậu vì nhiệt khí không lui di tái vàng, đỏ hoặc di ra máu, đau nhức.**

- *Hạt mè dề, Rễ cỏ tranh, Mộc thông, tim bắc.* các vị đều nhau, sắc sôi vài долю, dùng sừng tê ngưu mài vào mà uống rất hay.

#### 9. Kinh trị lúc lén đậu phát ngứa.

- *Xác ve sầu* 21 con, bỏ mõm chân rửa sạch, *Cam thảo nướng*. Mỗi thứ bằng nhau, sắc uống khói ngay.

- *Chè hương* đốt cho lén khói, thường xông trong buồng người bệnh nằm rất hay.

- *Củ ráy ngứa* thái 5, 6 lát sắc lên, hòa với tì mật, mỗi buổi sáng lấy lông chim châm thuốc phết vào khói ngay, khi phết kiêng dùng lông gà, vì hay đồng phong mà ngứa thêm.

- *Hoa nhân tràn, Hạt kinh giới* đều nhau tán nhỏ, dùng giấy cuộn làm mồi to bằng ngón tay, đốt xông chỗ ngứa là yên. Ngoài lấy lông ngỗng phết thuốc vào chỗ ngứa, đến khi khói thì thôi.

#### 10. Truyền trị trẻ con lúc lén đậu sinh nghiến răng.

*Răng người, răng heo, răng chó* mài với nước giếng mà uống rất hay.

#### K - Thuốc chữa tạp bệnh sau khi đậu khói

##### 1. Phương thuốc kinh nghiệm phòng đậu chạy nọc vào mắt.

- *Hột cải trắng* tán nhỏ, hòa với nước bôi vào lòng bàn chân sẽ dẫn độc xuống được không cho vào mắt rất hay.

##### 2. Kinh trị sau khi đậu khói mờ mắt.

- *Thiên hoa phấn, xác rắn.* Hai vị đều nhau, rửa sạch, sao khô nghiền nhỏ lấy *gan dê* mổ ra đổ thuốc vào dùng nước cơm nấu chín xắt ra ăn, độ 10 ngày thì khói.

##### 3. Truyền trị sau lúc mới khói mắt bị kéo mây.

- *Rễ hoàng d่าง* thái nhỏ, nấu cách thủy ra nước đậm một bát, đem ra chờ bớt nóng cho máu lươn vào 3, 4 giọt, mài *phèn chua* vào chút ít, thường nhỏ vào mắt thì khói.

##### 4. Kinh trị sau lúc đậu khói vì chạy nọc vào mắt mà kéo mây:

- *Tổ bò ngứa* cây đậu nướng đen tán nhỏ, cho *xạ hương* vào chút ít, hòa với nước cơm mà uống, mỗi lần một cái hay lắm.

- Xác ve rửa sạch, bỏ đầu chân, Hoa cúc trắng. Hai vị đều nhau, mỗi lần dùng hai ba đồng, nước một bát sắc còn sáu bảy phân, hòa vào chút mật, uống ấm là khỏi.

- Hạt màng tang tán nhò, lấy chút ít thổi vào lỗ mũi 5, 3 lần là khỏi.

Móng chân giò heo đốt tán nhò, nấu sôi chờ lắng xuống, gan lấy nước trong mà rửa rất hay.

**5. Kinh trị phát ban hoặc lèn đậu mặt sinh màng, nửa năm trở lại thì có thể trị, lâu quá thì không thể trị.**

- Móng deo chân giò heo 3 lạng, cho vào bình đất, trét bùn kin dem nung, Xác ve sàu bỏ chân, rửa sạch một lạng, Linh dương giác cao nhò một phần. Cùng tán nhò, trẻ mỗi tuổi uống 1 đồng, 3 tuổi trở lên uống 3 đồng với nước nóng, ngày uống ba lần rất hay.

**6. Truyền trị đậu mới khỏi, do phong nhiệt mà sinh lở.**

- Gạo tẻ già nhò thành bột mà xoa vào khô ngay.

- Cút dê đốt tồn tính tán nhò, hòa đậu mè mà xức rất hay.

**7. Kinh trị sau lúc lèn đậu bị sang độc, lở loét không thu miếng được.**

- Vỏ ốc vận lấy ở vách đất lâu năm, rửa sạch, đốt tán nhò rắc vào.

- Hột quả vải mài với nước cho đặc như bùn, phơi khô, tán nhò mà rắc, hoặc mài với nước mà xức cũng hay.

**8. Kinh trị lèn đậu khỏi rồi sinh ung độc.**

- Xích tiêu đậu tán nhò lấy lòng trắng trứng gà hòa đều thường bôi vào sê tan.

- Đậu đen, đậu xanh, đậu đũ đều bằng nhau tán nhò, hòa với Giấm mà bôi vào sê khỏi.

**9. Truyền trị trẻ con sau khi lèn đậu, nọc độc kết thành dinh nhọt, lúc mới phát thì dùng.**

- Cò nụ áo già nát cho vào tí Long não trộn với lòng trắng trứng gà nặn thành bánh mà đắp, khô thì thay cái khác ba bốn lần là khỏi. Rất nhanh.

- Dây kim ngân, kim ngân hoa, ngưu tất. Các vị đều bằng nhau, thái nhỏ sắc uống, bên ngoài dùng ba thứ đậu dã nói ở trên mà đắp vào.

- Rau sam già lấy nước cốt, cho mỡ heo vào phân nửa, cô thành cao mà dán hết ngay.

**10. Truyền trị sau khi lèn đậu mới khỏi, không lở không ngứa không sưng không đau, bỗng chốc tay chân co quắp khó duỗi.**

- Áo hạt bàng bàng (bỏ nhán lấy vỏ) mai với nước cho đặc lại lấy Cò mực nghiền nhò hòa vào, dùng lông gà chấm mà phết vào chỗ co quắp, ngày phết 10 lần, dần dần sẽ duỗi ra được, có Sưng tê giác mài vào càng hay.

- Hành sắc cho uống cũng khỏi.

**11. Truyền trị trẻ con bỗng nhiên trên mình nổi mụn bọng nước.**

- Cò mực nát 1 nắm rửa sạch, nước 1 bat, sắc còn phân nửa, uống ba hợp lại lấy nước ấy bôi xoa vào, sê khô và tróc hết.

**L - SỎI (trái đở)**

Sỏi thì nốt mọc lèn như hạt mè lan thành từng mảng, còn đậu thi nốt mọc nhu hạt đậu lan thành từng hạt, đều là tiếng tượng hình. Hai bệnh ấy đều do một căn nguyên là *Thái độc*, nhưng đậu thi phát ra ở ngũ tạng, tạng thuộc âm, chủ huyết, nên đậu có hình mờ eo nốt,

chứng cổ hàn cổ nhiệt. Còn sởi thì phát ra ở lục phủ, phủ thuộc dương, chủ khí, nên sởi có hình mà không thành mù, chỉ có chứng nhiệt mà không có chứng hàn.

Chứng phát ra đã khác thì cách chữa cũng khác nhau; Cách chữa đậu phải cùng cổ bên trọng phải dùng thuốc bổ, chữa sởi không cùng cổ bên trong chỉ nên phát tán, chỉ có lúc đầu mới phát thì có thể phát tán là điểm hơi giống nhau; đến khi đã mọc ra thì đậu nên bổ khí để sinh huyết, còn sởi thì nên bổ âm để ắt bớt dương đó là nguyên tắc chính.

Lại lúc đầu sởi mọc phần nhiều giống ngoại cảm. Nhưng sởi thì ho, chảy mũi sổ mũi, chảy nước dài trong, mị mắt hơi sưng, nước mắt chảy ràn rụa, mắt mặt hơi phù, hai má đỏ hồng, lợm mửa, ợ khan. Hễ thấy chứng trạng này nên tránh gió rét cẩn thận, dừng cho ăn đồ tanh cay, dùng thuốc tán biến làm cho da dẻ thở thịt mở ra thì độc sởi để ra.

## 1. Kinh trị sởi đã mọc mà đại tiện đi lỏng.

*Hạt mã đề* sao qua sắc uống, nếu tái không thông, thì gia *Mộc thông*.

## 2. Kinh trị sởi đã mọc mà sốt không hạ, ho không bớt.

- *Thiên môn đông* bỏ lõi và vỏ. *Thiên hoa phấn*, *Tang bạch bì* (tẩm mật sao) *Tía tô* bốn vị đều nhau, *Cam thảo* một ít. Cùng sắc uống sê khôi.

- *Kinh giới*, *Địa cốt bì*. *Vô rễ dâu*, *Lá xương sông*, *Chua me đất* các vị đều nhau, sắc uống ấm, như đại tiện lỏng thì bỏ chua me đất.

3. Kinh trị thời tiết không lành, hay phát ra chứng sởi, ban đầu thì mình nóng, nhức đầu, ho, sổ mũi, nên uống thuốc này, nếu cảm thấy phong tà thì thanh nhiệt tán tà, nếu phát sởi thì giảm độc sơ thông nhẹ.

- *Bột cham* 1 muỗng hòa với nước mời múc mà uống.

- *Cát cát* 1 phần, *Tía tô* 1 phần, *Cam thảo* nửa phần, *Hành ba* củ, sắc uống nóng.

4. Kinh trị phát sốt 6, 7 ngày, sởi mọc ra không tốt, hoặc mọc rồi lại lặn là do lỗ chân lông bịt kín hoặc phong hàn ngoại cảm độc công vào trong làm cho thở tả nóng hoàng.

- *Lá liễu* phơi khô sao tán nhỏ, mỗi lần dùng 1, 2 đồng, lấy *rễ tranh* rửa sắc nước làm thang mà uống. Ngoài dùng một nắm *Rau mùi* (ngó ri) thái nhô, sắc với rượu cho sôi, nhắc xuống chờ nguội dần, lấy *Vỏ cây gai* vỏ mềm chấm vào nước xoa dầu mặt chân tay, sởi mọc được thì yên.

5. Kinh trị sởi đã mọc mà sốt chưa giải, phổi nóng như đốt, dạ dày khô ráo, làm cho phiền khát uống nước nhiều.

- *Mạch môn đông* bỏ lõi củ sắn dây, *thiên hoa phấn*, *hạt dànèh dànèh* (ngâm Đồng tiễn sao đen). Mỗi vị một đồng lá tre 10 lá sắc uống thì khỏi, nếu có *Tè giác mài* vào càng hay.

- *Cây hành* sắc uống thì khỏi.

## 6. Kinh trị sởi đã mọc mà sinh ỉa chảy.

- *Hột mã đề* sao qua sắc uống. Nếu bị tái thì thêm *Mộc thông*.

*Hạt mã đề*, *rau dứa* nước bằng nhau sắc uống.

## 7. Kinh trị sởi đã mọc mà vẫn sốt nóng ho không dứt.

- *Thiên môn đông* (bỏ vỏ, lõi), *Thiên hoa phấn*, *vô rễ dâu* (tẩm mật sao), *Tía tô*, các vị bằng nhau, *Cam thảo* một ít sắc uống.

- *Kinh giới*, *Địa cốt bì*, *Vô rễ dâu*, *lá xương xông*, *chua me đất*, bằng nhau sắc uống lú thươn còn nóng. Nếu đi ỉa chảy thì bỏ bớt chua me đất.

Mơ lông



Dây chạc chiu



Dây quai bị



Thiên niên kiện



Bạch hoa xà  
(Đuôi công)



Tầm phong



Ké hoa đào  
(Ké ướm)



Mảnh công



Võng vang

<https://vnras.com/drug/>

# **NAM DƯỢC THẦN HIỆU**

**Mười khoa chữa bệnh**

**QUYẾN X**

**CÁC BỆNH NGOẠI KHOA**

## I - ĐƠN SUNG (vô danh thũng độc)

Vô danh thũng độc là chứng độc tu lại, sưng lên không thể gọi tên được, không cứ chỗ nào, đâu mắt, tay chân ngực bụng, bỗng nhiên nổi đỏ, sưng cứng kết cục đau nhức, mà không đau không miệng chứng ấy cũng gọi là hư mẫn, nên tùy chứng mà chọn phương.

### 1. Kinh trị mọi chứng thũng độc:

- Nhựa thông bò vào nồi đất, cõi cho đặc, nhô vào nước không tan, 4 lang *Gi đồng* 1 *dồng*, *Hạt thầu dầu* 2 *dòng* *rit* i. hai vị cùng tán nhỏ cho nhựa thông vào quấy đều, làm thuốc cao mà dán vào chỗ đau, rất hay.
- *Cóc một con*, chặt nhỏ, Vòi đá đập vỡ nát, sao vàng. Hai thứ cùng giã như bùn mà đắp vào, khô lại thay làm đến tiêu hết mụn độc mới thôi.

### 2. Kinh trị nhọt sưng không có đầu:

- *Gai bồ kết* đốt tán nhỏ *Dinh hương*, *Đại hồi*, *Đại hoàng*, *Hạt vông*. Các vị đều nhau, như chỗ nhọt mới nỗi lên mà chưa làm mù thì dùng dầu mè nấu với thuốc trên cho thành cao mà phết vào.

- Xác rắn đốt ra tro tán nhỏ, trộn với mỡ heo mà bôi tiêu ngay

### 3. Kinh trị nhọt độc chạy chỗ này sang chỗ khác:

- *Củ thiên niên kiện*, *Hạt gác*. Hai vị bằng nhau, mài với rượu ngon mà phết, rất hay.

### 4. Kinh trị thũng độc mới phát:

- *Củ khoai mài* còn cuống, *Hạt thầu dầu*, *Gạo nếp*. Các vị đều nhau cùng ngâm nước mà nghiên nhão ra rồi đút vào là tan ngay.

- *Hạt cải trắng* tán bột hòa với giấm mà đắp vào, tự tan.

- *Bèo ván* giã nát đắp vào là tiêu ngay.

- *Dầu mè* cho nước hành vào cõi đến thấy sắc đen, nhân lúc còn nóng, đắp vào, tự tiêu.

- *Giấm* hòa với *đất trùn* *dùn* mà đắp thi tiêu.

- *Củ chuối* hột giã nát, đắp vào.

### 5. Kinh trị độc công ra tay chân sưng đau như muỗi gầy:

*Cây kè dừa* giã lấy nước mà ngâm, và lấy bã đắp vào chỗ sưng đau là kiến hiệu ngay. Mùa xuân dùng mầm non, mùa đông dùng hạt.

- *Hoa kim ngân*, cá cành và lá, giã sống lấy nước 1 bát, nấu còn 8 phần cho uống, lấy bã đắp lên, không có thứ tươi thì dùng thứ khô, sắc nước cho đặc mà uống công hiệu càng hơn.

- *Hạt thầu dầu* giã nát rit vào kiến hiệu ngay

- *Hồng hoa* giã nát, trộn nước vào, vắt lấy nước mà uống, chỉ uống 3 lần là tiêu hết.

### 6. Kinh trị phong độc bỗng sưng, đau nhức nhối:

- *Vỏ cây liễu*, cao bò vỏ ngoài lấy vỏ trắng, giã nát hòa với rượu sao nóng, chườm vào chỗ đau, rất công hiệu.

- *Củ hành* già nát, một vài vốc đỗ vào nõa bát giấm thành để lâu năm, nấu chín, gói vào vải mà chườm là hết sưng.

- *Rễ cây thương luc* lấy dao tre cao lấy vỏ trắng già nát cho vào ít muối dập vào buộc chặt lại, ngày thay hai lần rất hay.

## 7. Kinh trị bị phong sưng ngứa nhiều đau ốm:

- *Phân tôm, muối* đều bằng nhau, giấm chút ít. Cùng sao nóng gói vào khăn vải mà chườm, ngoài lai thay hết sưng ngay.

## 8. Kinh trị mình và mặt bỗng nhiên sưng to:

- *Hạt thó ty* 1 tháng, rượu 5 tháng, ngâm 2, 3 ngày, mỗi lần uống cho gần say, ngày uống 3 lần là công hiệu.

## 9. Kinh trị bỗng nhiên phát sưng đỏ:

- *Bã rượu* xát vào luộn luộn thì tiêu.

## 10. Kinh trị vì lội nước mà tay chân sưng đau:

- *Hạt mè* già sống dập vào thì tiêu hết.

## 11. Kinh trị mang tai sưng đau và dưới cổ sưng phù:

- *Óc sên* 8, 9 con già lắn với bột mì dập vào chỗ sưng, là hết sưng.

## 12. Kinh trị phong nhiệt mà mang tai sưng.

- *Quả mướp*, đốt tàn tinh, tán nhỏ hòa với nước mà đắp, thi hết sưng.

- *Dân dò* tán nhỏ trộn với *mặt ong* rít vào 1 đêm là tan hết. Hoặc dùng lá *Phú Dung* già nát rít vào cung hay.

## 13. Truyềnl trị các chứng sưng lở, cũng chữa chứng đau khớp chân tay.

Lá vây óc, lá ràng cui già lắn với một ít muối, giấm, vắt lấy nước cốt cho uống một chén, bã đắp vào chỗ đau. Nấu cháo đậu xanh cho ăn thường xuyên, sắc nước *Kim ngân hoa* cho uống thay nước chè. Đã làm mù thì thêm *Lá phèn đen*, *Be ráy tim*, cũng già nát mà đắp rất hay.

## II - MỤN NHỌT (UNG THU)

Ung là tái lại mà sưng to, thư là trê lai mà đau dữ, cả hai tuy đều phát ra bên ngoài mà căn bản là do khí huyết trong tạng phủ. Bởi vì trạng thái khí huyết mất điệu hòa, mùng giận thất thường, ăn uống không điều độ, nóng rét chẳng điều hòa, ăn nhiều đồ cao lương hấu vị xào nướng quá nóng, hoặc do tửu sắc vô độ, cử động xèng xiên, hay dùng sức thái quá đều có thể gây nên bệnh. Độc sinh ra hư nhiệt bên trong nung nấu khi huyết làm cho ngưng trệ không chạy khắp mà biến thành ung thư.

Phát bệnh có khác nhau ở chỗ to, nhỏ, nặng, nhẹ, nóng sâu. Ung thuộc phân dương, do tích nhiệt ở lục phủ mà sinh ra, bỗng mọc ra ngoài da thực hình nõi to mà nhô cao lên, đau nhức dữ dội. Thị thuỷ phản ám, do phong độc tích nhiệt ở ngũ tạng, công phá ra cơ nhục, phát bệnh rất hiểm độc ban đầu mọc một cái ngói mờ mờ, sắc trắng khô đét, chạm vào đau thấu đến tim.

Cho nên, ung thời để chữa mà thư thì chậm lành khó khỏi. Ung thư là một bệnh nguy hiểm hàng đầu trong các bệnh nhọt lở. Bệnh tính cấp cho nên việc điều trị cần ở lúc mới phát vi như chữa cháy phải chữa lúc mới cháy.

Về phép chữa khi thế bệnh chưa vỡ, độc khí đang công bên trong, một tí thuốc nóng cũng không được dùng, ngược lại khi đã phá miệng tạng phủ đã hư, ăn uống không ngon thì một tí thuốc hàn lương cũng đừng dùng đến. Như vậy mới đúng theo phép chữa từng thời kỳ trước sau.

### Xét chứng hư thực:

Ấn tay nặng vào mới đau là bệnh đã sâu; chỉ khẽ ấn mới đau là bệnh còn nông, ấn vào lõm xuống lấy tay lên hết lõm là có mủ, ấn tay vào lấy tay lên không lún là không có mủ, nếu ấn tay vào đều cứng là chưa có mủ, nửa cứng nửa mềm là có mủ.

Lại sờ vào phía trên, phía dưới đều không nóng là không có mủ, nóng lấm là có mủ.

Có mủ thì kíp phá cho vỡ đi, nếu không có mủ mà chỉ là chứng khí thũng hoặc có huyết thì phải cẩn thận, chờ nên châm chích khêu lở, mà nên dùng các thuốc đắp, cao dán hút độc.

Có trường hợp ra mồ mả lại đau, đấy là chứng hư, phép chữa phải bổ, cũng có khi do bi uế khí mà đau thì phải tẩy uế. Cũng có do gió lạnh mà đau thì nén ôn dưỡng, làm như thế thì đảm bảo không gây hậu hoạn.

### Kiêng ky:

- Lúc đang bệnh, kiêng lo âu, tức giận. Mình mấy quần áo lúc nào cũng đầm bão sạch sẽ, kiêng bẩn thỉu. Người đến thăm nom cũng vậy.

- Phải kiêng ăn cá, thịt dê, ngỗng, kiêng uống rượu mạnh, ăn quả xanh, các thức sống lạnh.

- Miệng nhọt chưa lành phải kiêng phòng dục, kiêng gần người chết. Nếu vi phạm thì ung thư tái phát mà họa không phải bình thường.

### Thuốc chữa

**1. Cao thương nhí.** Truyền phương chữa tất cả các chứng ung thư phát bối ác sang, thũng độc, dinh nhọt lở ống chân (liêm sang), lở do bị đánh đập cùng mọi chứng phong ngứa, nhức răng đau họng, dùng dán vào chỗ đau thì công hiệu không kể xiết:

*Ké dầu ngựa.* Ngày 5 tháng 5 âm lịch nhổ lấy cành, lá, quả, rễ đem về rửa sạch phơi khô, thái nhỏ, cho vào nồi to đổ nước nấu ra nước đậm, lọc bỏ bã rồi hồn hợp cô thành cao, rót vào bình cất kín để dùng, khi dùng tùy chỗ đau to hay bé mà lấy giấy dày, trát cao vào mà dán. Đồng thời mỗi ngày dùng 1 muỗng hòa với rượu mà uống, rất là hay. Uống cao này thi kiêng ăn thịt chó.

**2. Cao thái huyền.** Chữa mọi chứng ung thư phát bối, ác sang, dinh độc và lở ngứa, bất cứ đâu mủ hay chưa vỡ mủ, có tác dụng trừ độc, hút mủ, len da non, giảm đau, rất hay đã từng kinh nghiệm:

*Ba dầu* (bò vò và cán bò dầu) 3 đồng. *Hạt gấc* (bò vò) 3 đồng, *Hoàng đơn* 5 đồng, *Cành hèo*, *cành liễu*, *cành bồ kết*, *cành dâu*. Đều dùng cành bé bằng chiếc đũa, mỗi cành dài 7 tấc. Các vị thái nhỏ ngâm với dầu mè 1 đêm, hôm sau đem nấu nhỏ lửa, khi thuốc đã biến sắc đen thì lọc bỏ bã, cô thành cao, nhỏ vào nước lạnh không tan là đặt quy cách, rót vào bình, đem bình ngâm vào nước lạnh 3 ngày để tiết hết hỏa độc rồi cất đi. Khi dùng đem trát lên giấy mà dán.

**3. Phép cứu.** Chữa nhọt ở sống lưng mới phát, sưng đỏ đau nhức, trong 6 ngày có thể cứu được, ngoài 7 ngày là không thể cứu (đã kinh nghiệm):

- Dùng tờ giấy nhúng nước lạnh đem đắp trên chỗ có nhọt độc, coi chỗ nào khô trước tức là đâu nhọt kết tại chỗ đấy bóc giấy ấy đi, đặt một lát tỏi trên dầu nhọt để ngài lên trên mà cứu 3 mồi, lại thây lát tỏi, lại cứu, đau cứu đến hết đau, không đau thi cứu đến đau mới thôi.

Hoặc là nhọt độc có nhiều cồi thì lấy tỏi già nát như bùn nặn thành bánh mà giải lên các cồi, bày nhiều mồi ngái mà cứu cũng y như trên, cần nhất là bệnh mới phát 2, 3 ngày là cứu ngay, bách phát bách trúng, thật là hay.

- Dùng *Tỏi* 10 củ, *Đậu sỉ* nửa vốc, *Nhũ hương* 1 đồng cân cùng nghiền nhò tùy nhọt to nhỏ mà khoanh một cái vòng bằng tre rồi đặt thuốc vào trong vòng ấy dày hai phân, giải ngái nhung lên trên mà đốt, đau thì đốt đến ngứa, ngứa thì đốt đến đau, đốt đến 100 mồi thì bệnh tiêu tan.

#### 4. Kinh trị ung thư phát bối và tất cả các loại thủng độc mới phát:

- *Mật heo* 1 cái, *Hành* 1 tép, *Mật ong* chút ít, cùng cho vào bát, nhồi nặn thành bánh, đắp vào chỗ đau, ngày thay 3, 4 lần là tiêu hết.

- *Rượu hoa hòe* chữa các chứng như trên. *Hoa hòe* 4, 5 lạng, sao vàng, lúc đang nóng chưng vào 5 bát rượu, đun sôi hơn 10 dạo, lọc bỏ bã cho uống nóng, thủng độc sẽ tiêu ngay, rất hay.

- *Hoa hòe* sao qua, *Dào nhân* đều 2 lạng, cơm ú rượu ngon 1 chén. Đun sôi hơn 10 dạo cho uống nóng, nhọt chưa thành thì uống 2, 3 lần, đã thành thì uống 1, 2 lần.

- *Hạt gấc* bỏ vỏ, dùng 5 hạt, *Phèn chua*, *Diêm tiêu*, *Bồ kết* (bồ vòi đen và hạt). Đều dùng 4 đồng cân, tán nhô luyện hồ làm viên bằng đầu ngón tay, phơi khô bỏ vào lọ cất kín không cho gió lọt vào. Lúc dùng lấy đốt chuỗi già lấy nước mài với thuốc trên mà bôi, ngày đêm 4, 5 lần tiêu hết thì thôi.

#### 5. Kinh trị ung thư phát bối đã hơn 10 ngày, sưng nóng đau nhức mà chưa làm mủ, dùng nhiều thứ thuốc mà không đỡ.

*Trứng gà* 10 quả (bỏ vỏ), *Cút chó còn tươi*, trọng lượng tương đương với trứng gà, hai thứ trộn đều, để trên miệng sao qua, nặn thành bánh mà đắp lên mụn nhọt, dùng vải băng chặt, hối lâu kiểm tra xem, thấy chỗ ấy nóng lên thời thay cái khác, một đêm thì yên. Nếu nhọt phát đã lâu ngày thì thực hiện 3 ngày. Mỗi ngày thay một lần, đến khỏi thì thôi.

#### 6. Kinh trị ung thư phát bối mới phát chưa thành:

- *Cù gai* già nát đắp vào, ngay đêm thay đổi luôn là tiêu hết.

- *Gạc hươu* đeo vụn tán nhô, trộn với giấm như bùn mà phết vào ngày làm 4, 5 lần tiêu hết

- *Gạc hươu*, mài với nước lã mà phết vào, khô thì phết nữa, phết đến tiêu tan thì thôi. Cần chừa trống ở giữa 1 lỗ cho nó tiết hơi độc. Rất hay.

- *Cóc* 1 con, hoặc 2, 3 con, mổ bụng để nguyên ruột gan đem áp vào mụn nhọt hối lâu, hối thổi thì thay con khác, làm ba bốn lần là khỏi, hay không thể tả.

- *Xuyên sơn giáp* 1 lạng, trước dùng trấu đốt cháy hồng rồi vùi vào nướng giòn đem ra tán nhô, thêm vào một ít *Xa hương* liều dùng 2,5 đồng cân, uống với rượu thì tiêu tan hết.

- *Lá bông nước* (*móng tay nước*) già lắn với một ít muối, đắp vào, khô thì thay cái khác, chỉ làm 2,3 ngày là tiêu hết, bách phát bách trúng.

- *Lá mòn nước* già nát trộn với giấm, lá chuối gói lại nướng chín mà chườm, tiêu ngay.

- *Thạch xương bồ* tươi, già nát đắp vào, nếu không có xương bồ tươi thì dùng xương bồ khô, tán nhô trộn với nước mà phết, phết đến tiêu hết thì thôi.

- *Bèo ván* già nát, trộn với lòng trắng trứng gà, đắp vào thì tiêu hết.

#### 7. Kinh trị ung thư phát bối và các loại vô danh thủng độc mới phát dùng cho người khỏe.

*Hạt bìm bìm trắng*, *Hạt bìm bìm đen* mỗi vị dùng một lạng, già nát đổ vào một bát rượu ngon, sắc cồn 8 phần phơi sương một đêm cho uống ấm, là ra được máu mủ thì thôi.

**8. Kinh trị ung thư phát bối và các loại vô danh thủng độc không cứ chưa thành hay đã thành, chưa làm mủ hay đã làm mủ rồi đều hay.**

- *Lá phù dung* (hoặc dùng hoa, hoặc vỏ trứng) già nát trộn với mật ong, đắp vào chung quanh mụn nhọt, chữa một lỗ ở giữa cho tiết hơi độc, khô thì thay cái khác, hoặc gia thêm đậu đỏ tán nhỏ càng tốt, hay không thể tả.

- *Quả cà dại*, chín muồi hái nhiều về, nghiền nát gói vào khăn vải, vắt lấy nước cho vào nồi, đun nhỏ lửa cô thành cao, dùng 5 cái cành tre non mà quấy xong rót vào lọ cất kín, khi dùng trát lên giấy mà dán, khô lại thay, dán đến tiêu hết thì thôi, công hiệu quý bằng ngàn vàng.

Hoặc dùng *lá cà dại* rửa sạch giã, vắt ra nước đặc trong uống ngoài bôi, ngày làm 3 lần, nếu đã rịt thuốc khác thì dùng lá *Thài lài tía*, 1 ít muối, vò lấy nước đặc mà rửa sạch chỗ nhọt độc rồi rịt thuốc này vào. Khỏi ngay.

- *Bồ kết* hái lần trước từ mùa xuân, sau lại hái nửa phần, phơi khô tán nhỏ, liều dùng 3 đồng cân uống với rượu nhạt sau bữa ăn, chưa thành mủ thì tiêu hết, đã thành mủ thi phá miêng.

- *Quả bồ đề* 3 quả bỏ vỏ lấy nhân, đậu xanh 1/2 vốc, muội nồi chút ít, già lăn trộn với giấm đắp vào, khí nóng bốc lên là khỏi.

- *Cỏ roi ngựa* già vắt lấy nước cốt cho uống bã đắp vào thì tiêu hết.

**9. Truyền trị ung thư cùng mọi thứ nhọt độc uống bài này thì nhọt độc không phá hoại được.**

*Dầu mè* 1 cân, nấu trong cái nồi bằng bạc (nhôm), sôi 20 đạo, chế vào một bát *giấm thanh*, chia uống 5 lần rất hay.

**10. Kinh trị ung thư cùng nhọt độc mọc ở chỗ hiểm, uống bài này để khi độc không công vào trong:**

- *Cao da trâu* 4 lạng, *rượu* 1 chén chưng cách thủy cho tan, tùy ý mà uống cho say. Bài này đã cứu sống nhiều người.

**11. Kinh trị chứng âm thư phát ở lưng sắp chết:**

- *Dắt lòng bếp*; tán nhỏ, nhào với rượu như bùn phết vào chỗ đau, khô thì thay cái khác, phết đến hết thì thôi.

- Cứng bài trên, nhưng trộn với *giấm thanh* và tro *kế dầu ngựa* mà phết.

- *Củ chuối hột*, già nát rịt vào.

- *Rau giấp cá*, già vắt lấy nước cốt bôi lên, hoặc dùng lá chuối gói lại nướng chín đem đắp vào chỗ đau, chữa một lỗ chính giữa để tiết hỏa độc. Thay đổi luôn là có hiệu quả.

- *Ốc sên* 100 con, nước mồi múc nửa bát. Cho vào chậu ngâm 1 đêm, sáng sớm bỏ ốc sên dùng nước ngâm ấy trộn với *cáp phẩn* (vỏ hến đốt thành tro tán nhỏ) dính sệt như cháo đem phết vào chỗ đau.

**12. Kinh trị chứng ung thư phát bối to bằng cái bát thối không lai gai được:**

- *Lá vông*, già nát xào với giấm mà rịt vào, đây là phương bí truyền, có tác dụng lui được sốt, giảm được đau, dần dần sinh da non, liền miệng, rất hay.

**13. Kinh trị ung thư vì tức giận mà phát, uống bài này để dần khai hành huyết, nhọt sưng sẽ tiêu tan:**

- *Hương phu mè* 1, 2 vốc, dùng *ginger sống*, già vắt lấy nước ngâm một đêm rồi sấy khô tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, uống với nước sôi, ngày uống 3 lần, rất hay.

## 14. Kinh trị ung thư định độc và tất thảy các thứ vô danh thủng độc:

- *Cúc đại*, dùng cà cành, lá và hoa, già nát chế rượu vào đun sôi cho uống, bã dùng đắp vào chỗ đau là khỏi.

- Y phương trên, thêm *ké dâu ngựa* trọng lượng bằng *cúc đại*.

- *Dâu dò* tán nhỏ, trộn với nước đắp vào chỗ đau là tan ngay. Đã dùng nhiều, có kết quả.

- *Gừng khô*, sao biến sắc tím, tán nhỏ, trộn với *giấm* đắp vào chỗ đau, chừa một lỗ nhỏ ngay chính giữa để tiết hơi độc, sẽ tiêu hết.

- *Ô tò vò*, tán nhỏ trộn với *giấm* đắp vào là tiêu ngay.

## 15. Kinh trị mọi thứ nhọt sưng.

- *Củ tóc tiên leo* mới đào dùng 3, 5 lang, rửa sạch bỏ vỏ và lõi, mài trong cái nắp tháp (nhám), hòa với rượu ngon, lọc lấy nước uống hết một lần.

- *Dát lòng bếp*, *tỏi* cũng già nát như bùn mà đắp khô lại thay cái khác, hoặc không có *tỏi* thì dùng 1 vải *lòng dò trứng gà* cũng hay.

- *Hà thủ ô* đotope không cứ nhiều ít, dùng dao đồng cắt nhỏ, đổ nước vào sắc nhỏ lửa đến còn một nửa, đang nóng hòa cơm ủ rượu ngon vào, lại sắc sôi 3 dạo, thường thường uống là khỏi.

- *Mộc nhĩ* lấy ở cây nhăn, *Chi xác*, *Nghệ vàng*. Ba vị đều nhau, dùng *lá dưa chuột* vò lấy nước đặc mài 3 vị trên, cho vào một ít *Xạ hương*, trộn đều mà phết thi khỏi.

- *Cù tăm sét*, già nát chế *giấm* vào dùng lá chuối gói lại nướng chín mà chườm, buộc chặt lại sẽ tiêu ngay.

- *Cây vú bò*, dùng một khúc cạo bỏ vỏ xanh, già nát xào với *giấm* cho nóng mà đắp vào thi tiêu.

- *Hạt cải*, tán nhỏ trộn với *mật heo* hoặc *mô heo* mà đắp, ngày thay 3 lần là tiêu hết.

## 16. Kinh trị tất cả ung thư phát bối, dinh độc, sưng vú, hột xoài, đau họng song nga, đơn nga (VA, amidan), bất kể đã làm mù hay chưa làm mù.

- *Kim ngân hoa* dùng cà cành lá, già nát, vắt lấy nước cốt nửa chén, chế rượu vào nửa chén, đun nóng lên cho uống. Mùa thu đông không có thứ tươi thì dùng thứ khô, sắc hòa rượu vào mà uống thì khỏi lo ngại.

- *Cá gáy* 1 con đốt ra tro tán nhỏ trộn *giấm* mà bôi.

- *Hoàng đơn* 3 đồng cân, *Hạt thầu dầu* 60 hạt, *Tóc dàn ông* đốt ra tro 2 đồng. Đều tán nhỏ. *Dầu mè* nấu thành cao rồi cho *Hoàng đơn* vào, quấy đều để dán. Hoặc cho vào một ít *sap ong* cùng tốt.

## 17. Kinh trị ung thư với chứng Trưởng ung. Hột xoài, thuốc này có tác dụng cùng cố tạng phủ, cắt cơn đau nhức, bảo hộ màng da, hóa chất mù, nên cho uống lúc đã vỡ mù.

- *Phèn chua* tán nhỏ, *sáp ong*, hai vị bằng nhau nấu sáp trước cho chảy tan, trộn với *phèn* làm viên bằng hột ngô đồng, liều dùng 20, 30 viên, ngày uống ba lần uống với rượu hoặc nước sôi.

## 18. Kinh trị nhọt độc sưng đau kêu vang cà xóm, không nhảm mắt được, không ai biết bệnh gì:

- *Tỏi* 1 củ, già nát, trộn với *dầu mè* mà đắp vào, khô thì thay cái khác, đã kinh nghiệm nhiều lần.

**19. Kinh trị ung thư phát bối dã phá miệng:**

- *Hạt thầu dầu* 1 vốc, nghiền nát, *giấm* lâu năm 1 bát, *muối* 1 nhúm, cùng cho vào nồi mà đun, dùng càنه hòe quây liền tay đến thanh cao. Khi dùng lấy nước vo gạo rửa chõ tổn thương cho sạch, lấy lông gà chấm thuốc luôn phết trên chõ tổn thương, da sẽ nhẵn lại, thịt sẽ sinh ra.

- *Ích mẫu thảo* già sống mà đắp, rất hay.

- *Cút trâu*, thứ lâu năm, phơi khô tán nhỏ dùng hai phần. *Mười nồi* 1 phần, nghiền chung cho đều đắp lên thì khỏi ngay.

**20. Kinh trị ung thư dã phá miệng có giờ:**

- *Gạc hươu*, dốt tán nhỏ, trộn với *giấm* đắp vào, hoặc dùng gạc hươu mài với *giấm*.

- *Lá sầu đâu, mầm tre non* cùng già nát đắp vào, chừa một lỗ chính giữa, giờ sẽ ra hết.

**21. Truyền phương chữa đổi khẩu sang mọc ở chõ mí tóc sau gáy, bệnh này 10 người chết 7, 9, khi mới phát thì dùng:**

- *Mõ heo* sống trắng sạch, thái lát mà dán vào mụn, ngày thay 3, 5 lần là tiêu.

- *Máu mồng gà*, nhân lúc đang còn nóng phết vào làm đến hết mới thôi.

**22. Kinh trị mọi chứng định lở nhọt độc, không biết tình trạng:**

- *Bọ hung* 1 con, già nát đắp vào tự khỏi.

**23. Kinh trị chứng Thạch ung, cứng như đá không có mù:**

- *Xác rắn lột*, sao tán nhỏ trộn với rượu mà đắp, 1 đêm là khỏi.

**24. Truyền trị ung nhọt sưng cứng không có cồi, không biến sắc:**

- *Hành* 4 lạng, sao cháy già nát trộn với *giấm* mà rít vào, hồi lâu thay cái khác, hết thời thôi.

Phương khác chỉ dùng *củ hành* sao nóng già nát cho vào túi vải mà chườm, nguội thời thay cái khác.

**25. Kinh trị ung thư phát bối, lâu ngày không phá miệng, uống thuốc này có tác dụng bài nung tháo lý (tống độc ra ngoài và làm nung mù):**

- *Gai bồ kết*, không cứ nhiều ít, cho vào cái lọ sành với *muối* 1 vốc, đất bùn đắp bên ngoài, dốt lửa nung tồn tính rồi rải ra chõng nguội, tán nhỏ, liều dùng 1 đồng cân, dùng *rượu* đun nóng lên mà uống với thuốc, mùa hè thì dùng nước vo gạo lâu năm làm thang.

**26. Kinh trị ung thư, các thứ sưng vú dã làm mù mà không phá miệng.**

- *Tổ kén* 1 cái, dốt tồn tính, hòa với rượu cho uống là phá miệng, không nên dùng 2, 3 cái, vì nó sẽ phá ra 2, 3 miệng.

- Dùng 2 cái *lông cánh gà* trắng, dốt tán nhỏ cho uống là vỡ ngay

- *Cút chim sẻ*, hòa với nước như bùn, đắp vào đầu nhọt sẽ phá miệng.

- *Ban miêu* 1 con, sao tán nhỏ, *Tỏi*, trọng lượng bằng *ban miêu* cùng già nát trộn với nước làm viên bằng hạt đậu, đắp vào đầu nhọt là nhọt sẽ phát miệng. Khi phát miệng rồi là phải bỏ thuốc ngay.

**27. Kinh trị mụn nhọt sau khi phá miệng lõm sâu, không thu miệng.**

*Lá muối* già vắt lấy nước cốt, bôi vào luôn luôn.

**28. Kinh trị ung thư sau khi phá miệng lâu ngày không thu miệng:**

- *Cút trâu*, dốt tán nhỏ, trộn với *lòng trắng trứng gà* thành như bùn đem phết xung quanh miệng nhọt, rất tốt.

- *Bắt 1 con chuột*, lột lấy da đốt tồn tính tán nhò rắc vào là thu miệng.
- *Lá dâu già*, tán nhò rắc vào thì thu miệng.
- *Mè đen*, sao cháy giã nát rắc vào.

**29. Kinh trị mọi thứ ung thư nhọt độc đá phá miệng vì chạm phải hơi ngựa,** mồ hôi ngựa, lông ngựa rơi vào, miệng nhọt sưng tấy, nóng, nếu chạm chữa thời độc vào bụng khó chữa.

*Rượu ngon*, cho uống nhiều, cho say là khỏi.

**30. Kinh trị nhọt mạch lơn chảy nước, là do thận hư.**

- *Hạt bìm bìm* tán nhò, rây lấy bột lần đầu 2 đồng cân, dùng 1 quả cật heo, bở dổi, bóc bỏ màng dồn thuốc vào, ngoài dùng lá tre gói lại vùi vào lửa cho chín mà ăn, thang bằng rượu ấm. Bài thuốc này mượn thận để đưa vào thận, đường ngang đường dọc đều đạt yêu cầu, độc tiết ra được thời không còn chảy nước nữa.

### III - ĐỊNH ĐỘC

Dinh độc là một thứ bệnh rất độc trong các loại dinh nhọt, sống chết như trở bàn tay do tạng phủ tích nhiều nhiệt độc, độc truyền vào khoảng giữa kinh lạc làm cho khí huyết ngưng trệ, cũng là nguyên nhân do ăn nhiều thịt trâu bò, ngựa chết dịch mà phát sinh bệnh này.

Bệnh phát ra tùy theo bộ vị của 5 tạng, nhưng ở đầu mặt là nơi các dương kinh tụ hội cho nên hay mọc nhiều hơn các nơi khác. Lúc mới phát bé như hạt gạo, hoặc đau hoặc ngứa, khớp minh tê dại, chóng mặt, nóng lâm có khi nôn mửa. Nặng thì chân tay nặng trĩu, tim đập mắt hoa, phát sốt nổi lên như cái đầu định cho nên gọi là "định".

Bệnh này sách "Nội kinh" chia làm 13 loại, nhưng về phép chữa cũng như nhau, cốt yếu là chữa kịp thời khi định mới phát, theo phương sau đây:

**1. Kinh trị định độc và mọi thứ ác sang mới phát mà chưa làm mù:**

- *Phèn chua*, 3 đồng cân, nghiên nhò, hành 7 củ, cùng giã nát, viên làm 7 viên, mỗi viên uống với 1 chén rượu, uống rồi đắp mền kín, lại uống một chén nước hành đun sôi, một chốc mồ hôi ra như tắm, thì cất mền đi, bệnh sẽ khỏi và dứt nọc, rất hay.

- *Hoa và lá cúc* (không có hoa lá thì dùng rễ) giã nát đắp trên đầu định, đầu đau sấp chết chũng sống lại ngay.

- *Trùn khoang* cổ 8, 9 con, giã nát hòa với rượu nóng mà uống, bã đắp vào chỗ đau, chữa một lỗ ở giữa, công hiệu ngay.

**2. Kinh trị định độc sắp chết:**

- *Hoa cúc* 1 nắm giã vắt lấy nước 1 thang, đổ lọc vào miệng là sống ngay, đây là phương thuốc thần, không hoa thì dùng rễ.

- *Ké đầu ngựa* dùng cả rễ và lá, trộn với nước tiểu trẻ em vắt lấy nước mỗi lần uống một thang, ngày uống 3 lần là dứt nọc. Lại lấy rễ và lá kế đốt ra tro hòa với giấm giã như bùn đắp lên đầu định, khô thì thay cái khác chỉ mươi lần là rút hết cồi lên, rất hay.

**3. Kinh trị các loại dinh, nhọt sưng tấy:**

- *Kinh giới* 1 nắm, cát nhò, nước 5 thang sắc còng 2 thang, đợi nguội chia uống nhiều lần.

- *Hoa kim ngân* giã tươi vắt lấy nước 1 bát sắc lấy 8 phần mà uống, bã đắp vào, rất công hiệu.

- *Rau sam* 2 phần, *vối* 2 phần, cùng tán nhò trộn với *lòng trắng trứng gà*, mà đắp vào, rất công hiệu.

- *Nước mật heo* hòa với *củ hành tươi* giã nát đắp vào, Nếu dùng mật heo tháng chạp, phơi râm thì hiệu quả càng chóng.

- *Cút rray tai trâu* đắp vào thì tiêu hết.

- *Tóc rổi, cút chuột*, hai vị bằng nhau tán nhò đắp vào đầu đỉnh, rất hay

- *Hột Tật lê* 1 thăng sao tán nhò, trộn với *Giấm* đắp vào đầu đỉnh thời rút cồn lên.

- *Quả vải* 3 hoặc 5 quả, *Gạo dái lầy trong phân chó*, rửa sạch. Đều tán bột, dùng *gạo nếp* nấu cháo, trộn đều như cao, phết vào giấy mà dán vào, chừa một lỗ trống ở giữa cho hơi độc tiết ra, tiêu ngay mà lành.

- *Hot bồ kết*, tán nhò, trộn với *rượu* như bùn, đắp vào chỗ đau, 5 ngày là khỏi.

- *Xác ve* bỏ đầu, rửa sạch, sao qua tán nhò uống mỗi lần một đồng, uống với nước *mặt*. Ngoài dùng *Xác ve*, *Tầm* với bằng nhau tán bột hòa với *Giấm* đắp vào chung chỗ đau, đợi cồi có lồi thì nhổ đi, lại đắp thuốc vào là lành.

- *Bọ hung* thứ to, 1 con, ngâm vào *mật ong* cho chết, để trên miếng ngói mới, đặt lên lửa sấy khô, tán nhò, trước hết lấy một cái kim, đốt qua đầu mũi kim trên ngọn lửa, rồi lấy kim đâm phá miệng nhọt khiến cho thủng da, rồi hòa giấm với bột *Bọ hung* mà đắp vào, là tiêu ngay, rất hay.

- *Tìm con bọ hung* (ở dưới bụng, liệu chứng mà lấy chỗ thịt hơi trắng là đúng) tùy theo đỉnh lớn nhỏ mà dùng thuốc nhiều hay ít, giã nát mà đắp vào, nửa ngày lại thay, máu hết tự lại và nhể cồi đỉnh rơi ra là khỏi. Công hiệu không kể hết.

- *Xác rắn* 1 cái, rửa sạch, nước 1 bát, sắc sôi 3 , 4 dao uống, lành ngay.

#### 4. Truyền trị dinh độc mọc ở nhân trung (giữa môi trên) hoặc các bộ phận trên mặt.

- *Gan cộc*, nghiên sống đat vào, tiêu ngay.

#### 5. Kinh trị dinh độc mọc ở rốn, nguy cấp.

- *Dây mướp* (cá cành, lá, rễ) *Lá hẹ*. Đều bằng nhau, giã nát vắt lấy nước cốt hòa với *Rượu* nóng mà uống, bã rịt vào nách, dinh mọc ở tay trái thì cắp vào nách trái, ở chân phải thì cắp háng bên phải, nếu ở bụng thì đắp vào lỗ rốn, dùng lụa cuồn chàt lại, đợi cho những tia đỏ ở dưới thịt trắng ra là hết dinh độc lan. Nếu có phát sốt, cũng dùng phép này, nhưng phải ôm chàt lấy người bệnh, chờ để cho chạy hoảng thì khó cứu.

#### 6. Kinh trị dinh độc mọc ở sau gáy đối diện với miệng gọi là đối khẩu sang, dinh độc này mười người chết chín.

- *Máu mồng gà* trống còn nóng, phết vào luôn luôn đến tan dinh thì thôi.

## IV - PHỤ CỐT THƯ

Phụ cốt thư là chứng đau nhức trong xương đùi, trong xương đầu gối, xương chân, do người thân thể hư yếu mùa hè thu hay nằm ngoài sương hóng gió mát bị hàn thấp nhiễm vào, hoặc do phong độc xong, đắp chân không kín bị lạnh do say rượu rồi lại lôi nước.

Khi lạnh thừa hư nhiễm vào mà sinh ra. Chứng này mới phát thì nóng rét nổi lên, đau từ trong xương đau ra. Không nóng, không đỏ, đau đến buốt xương, nặng lấm thi co duỗi không được, lâu ngày âm cực độ thời thành dương, han cực độ thời biến nhiệt, nhiệt quá thi.

thịt thối làm mủ, do đó sinh ra chứng gọi là phụ cốt thư. Chữa lúc mới phát hàn, tán tà, thông hành kinh lạc, nên chọn các phương sau đây mà chữa.

## 1. Truyề̄n trị chứng phụ cốt thư.

- *Xương đầu chó*, đốt ra khói, xông vào chỗ đau, ngày xông một lần, đến khôi thì thôi.

## 2. Truyề̄n trị chứng phụ cốt thư, miệng khô không thu lại, xương lòi ra ngoài.

- *Cút gà khô*, 4, 5 vốc, *Lá ngài cứu*, *Lá kinh giới*, đều 3, 4 nắm. Cùng già nát, dào đất 1 hố sâu 2 thước trên miệng nhỏ dưới đáy to, để ba vị thuốc vào trong hố ấy, đốt lửa cho khói xông lên, ghé miệng hố mà xông, lấy áo đắp lại, chờ để tiết hơi xông, đến nửa ngày mới thôi, át cổ sâu bò ra, rất công hiệu.

- *Lá bì dao*, già nát, trộn đều, đế lên lửa nướng nóng mà đặt vào.

- *Dot ráy ngứa*, (trai 7 dọc, gái 9 dọc). Vôi nửa phần, già nát, hơ lửa nóng mà đắp khô lại thay.

## V - UNG RUỘT

Ung ruột là trong ruột sinh ung nhọt, vì chạy nhảy cấp bức, vì gánh vác nặng nhọc, hoặc vì no say rồi hành phòng, làm cho tỳ vị chuyển vận không được, điều hòa, huyết trong, khí đục, ức tắc lại mà sinh bệnh, hoặc hay ăn đồ sống lạnh, khí ẩm sinh đờm, khí huyết ngưng trệ mà sinh bệnh, cũng có khi đàm bà đẻ mình yếu nằm nhiều, đứng ngồi ít, và khi đẻ rắn thai quá mà không có thuốc trực ứ, đến nỗi huyết xấu đọng ở trường vị, ngừng lại mà sinh bệnh.

Bệnh phát thời trong ruột đau nhói một chỗ lâu ngày không dời đổi, hoặc bụng dưới nặng, ăn mạnh vào thì đau, tiểu tiện không thông, đại tiện trệ xuông bụng căng, thường thường đổ mồ hôi. Bệnh nặng hơn thì rốn lồi lên, lúc trở mình có tiếng ống ọc, hoặc quanh rốn sinh lở, hoặc lỗ rốn có máu mủ, hoặc đại tiện ra máu mủ, đó chính là chứng ung ruột, nên chiếu phương mà chữa.

## 1. Kinh trị ung ruột.

- Dùng *Lạp phân hoàn*, *Sáp ong*, *Phèn chua sống* làm viên, uống với rượu (phương này đã chép ở môn ung thư bài thứ 17).

## 2. Kinh trị trong ruột sinh ung nhọt, mọi thứ thuốc không khỏi.

- *Gai bò kết* 1 vốc cắt nhỏ, *rượu ngon* 1 bát sắc còn 7 phần, uống nóng, máu mủ sẽ theo tiểu tiện ra hết rất hay. Nếu người bệnh không uống được rượu, thì sắc với nước cũng công hiệu.

## 3. Kinh trị ung mọc trong ruột.

- *Lông trên đầu con gà* trống và phần của nó. Hai thứ bằng nhau đốt tán nhỏ, uống 1 đồng cân với rượu vào lúc đói, rất công hiệu.

## VI - BAN CHẨN (Nỗi mẩn)

Ban chẩn (Nỗi mẩn) là do độc thấp nhiệt ú đọng ở trong mà phát ra. Nỗi kinh có nói: "Không có nhiệt thời không sinh ban, không có thấp thời không sinh chẩn" đó là nỗi đại khái. Hễ da y nguyên không nổi mẩn mà bỗng nhiên có điểm màu sắc đỏ là ban; nếu có nổi mẩn, mọc rồi lại lặn, lặn vào lại nổi ra, đó là chẩn. Về bệnh này, chứng tuy nhẹ nhưng rất quan hệ đến sống chết, không thể không xét kỹ. Nếu phát ban đỏ hồng là dạ dày nhiệt, sắc tim là nhiệt cao, tím đen là dạ dày loét rát, cho nên ban đỏ thì nửa sống nửa chết, ban đen thì chín

chết chỉ còn một sống. Đại khái ban phát ra tươi đỏ, sáng là tốt, tím đen là nguy, sắc đen là lở loét là chế, cho nên chép ra sau dây, tùy loại bệnh mà chữa.

## 1. Kinh trị vì trúng phong mà nổi mày day (dị ứng vì gặp gió).

- *Dầu den* 3 vốc, *Rượu* 6 chung. Cùng đổ vào ấm bịt kín, lại bỏ vào nồi to mà nấu cách thủy, rồi lấy rượu mà uống, mỗi lần 2, 3 Chén thì khỏi.

- *Phèn chua*, *Phác tiêu* bằng nhau, tán nhỏ cho nước vào hòa đều, dùng lông gà phết vào rất mau khỏi.

- *Phân tôm* 3 vốc, Nước mắm múc 5 bát. Nấu chín đem vào nồi kin giò mà rửa rất hay.

- *Xác ve* rửa sạch bỏ mõm, chân và lá *bạc hà*, cùng bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần rất hay.

- *Dầu dó*, *Hoa kinh giới* bằng nhau, tán nhỏ, hòa với *lòng trắng trứng gà* mà bôi vào rất hay.

- *Bèo ván* chưng qua, sấy khô, *Ngưu bàng tử* nấu với rượu, phơi khô sao đều 1 lượng, tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với nước *bạc hà*, ngày uống 2 lần rất hay.

- *Chi xác* 3 lượng sao với bột tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 đồng cân, nước 1 chén, sắc lấy 6 phần, bỏ bã uống nóng, lấy bã bôi vào rất hay.

- *Chi thực* tắm giấm nướng vào lửa mà chườm, nguội lại thay, trong một lúc là khỏi.

- *Gốc cây chuối tiêu*, giã nhuyễn mà đắp vào.

- *Cỏ ích mẫu* sắc nước đậm, thường dùng tắm rất hay.

- *Ké dầu ngựa* cành, lá, hạt đều bằng nhau tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu rất hay.

- Ngày 5 tháng 5 âm lịch hái *Cây ké dầu ngựa* phơi khô tán bột, viên với *mật* bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 10 viên với rượu, ngày 3 lần, kiêng ăn thịt heo.

## 2. Kinh trị vì phong mà nổi mề day và trị nổi hột lầm tấm.

- *Ngưu tất* tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu, ngày uống 3 lần là khỏi.

## 3. Kinh trị chứng mày day, mình ngứa như có sâu bò.

- *Dầu den* tán nhỏ, cho ngâm nước lạnh rồi vắt lấy nước cốt mỗi sáng xoa vào là khỏi.

- *Hồng hoa* mỗi lần dùng 3 đồng cân, nước 1 bát sắc lấy 7 phần uống nóng không cứ lúc nào.

## 4. Kinh trị vì phong mà nổi mẩn ngứa và trị chân dùi sưng đỏ, nóng như đốt, tục gọi là Xích du phong.

- *Gỉ sát* chế nước nghiền như bùn mà bôi là khỏi.

- *Tổ ong*, *Xác ve* bỏ mõm, chân. Cùng sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với rượu.

- *Bach cương* tẩm bò đầu, chân, tắm nước vo gạo, sao qua tán nhỏ, mỗi lần uống 1, 2 đồng cân với rượu.

- Theo phương trên thêm 2 quả *ké dầu ngựa*, *Xác ve* đều bằng nhau, *Xạ hương* chút ít đều tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu hay *bạc hà* sắc nước mà uống.

- Truyền phương: Voi hòa với *Giấm* mà bôi, tan ngay liền tay

- *Bạc hà*, *Xà nang*, *Hy hiên*, *Muối* chút ít. Giã nát bôi vào là khỏi.

**5. Kinh trị ban đỏ như ghè lở mà ngứa, nặng lấm thì đến chết người.**

*Linh dương giác* mài với nước mà bôi vào 100 lần là khỏi.

**6. Kinh trị mày đay lặn vào bụng, mình sưng lưỡi cứng.**

*Hột mã dê* tán nhỏ cho uống vào là tốt.

**7. Kinh trị đơn độc như bị ngọn lửa đốt, sắc đỏ đen.**

- *Bùn dưới chuồng heo* bôi vào, khô lại bôi nữa rất công hiệu.

- *Hạt dành dành* tán nhỏ trộn với nước mà bôi.

**8. Kinh trị đơn độc 5 sắc.**

- *Cù gai* sắc nước đặc, ngày tắm ba lần là khỏi.

- *Gạc hươu* đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo mà bôi vào rất công hiệu.

- *Tỏi mèo già* nát đắp vào, thường thay thời khỏi.

**9. Kinh trị đơn độc nóng như lửa.**

- *Dậu đỏ* tán bột, trộn với *lòng trắng trứng gà* mà bôi luôn, tiêu hết liền tay.

- *Gà rừng* 1 con giết chết nhổ lông bỏ ruột, chặt nhỏ, cho *hành* và *muối* vào đổ nước nấu chín, khát thì uống nước và ăn cả thịt rất hay.

**10. Kinh trị các chứng đơn độc.**

- *Cút trùn* trộn với nước lá mà bôi, khô lại bôi nữa rất hay.

**11. Kinh trị đơn độc do phong nhiệt.**

- *Bèo cái* vắt lấy nước bôi vào sẽ tiêu hết.

**12. Kinh trị đơn độc phát từ rốn trước.**

- *Hạt cau già* mài với *Giá thanh* cho đặc mà bôi.

**13. Kinh trị đơn độc lan khắp ngoài da gọi là đại đơn độc.**

- *Súng đất* già nát bôi vào sẽ khỏi.

**14. Kinh trị đơn độc sắc đỏ cháy khắp người, dần dần sưng to.**

- *Ngũ vị tử khô* nghiền nát, uống với rượu nóng 1 đồng cân sẽ khỏi.

- *Hồng hoa* tắm nước dài trẻ em 7 lần, sao qua nghiền nhò liều dùng 2, 3 đồng cân với nước *kính giới* làm thang.

- *Lá từ bi, lá sung, lá kê, lá tre, lá cúc xanh, cành dương, dào nhân*. Các vị bằng nhau, nấu xông rửa khắp người. Kiêng gió.

**15. Kinh trị chứng hỏa đơn cháy khắp người.**

- *Lá bac hà*, già nát cho vào ít muối mà đắp.

**16. Truyền trị chứng đơn sưng.**

- *Dâu xanh* 1/2 vỏ, *Lá Dâm bụt*, *Lá tía tô*, *Ích mẫu* đều 1 nắm, già nát, sắc đặc lấy nước cho uống, bã đắp vào chỗ sưng sẽ tiêu.

- *Lá đơn tía* 1 nắm, *Lá Xích hoa* xà 3 lá, già nát vắt lấy nước cốt cho uống 1 chén con, bã đắp chỗ sưng.

**17. Kinh trị chứng mìn, mặt mụn đỏ, mụn cóc, nốt ruồi.**

- Lấy một cái dò dùng băng bạc thường xát vào cho nóng lên sẽ tiêu tan.

**18. Kinh trị nổi mẩn vết sẹo.**

- *Rau sam* già nát đắp lên ngày vài lần.

**19. Kinh trị nỗi mẩn đỏ hay tráng do ít mồ hôi.**

- *Lá kè non* (lấy phần đầu ngọn) với ít muối, giã nát xát 5-7 lần thì khói.

**VII - NANG UNG**

Nang ung là bìu dài sưng to lên, vì trực khi thấp nhiệt ứ đọng trong dai kết lại mà sưng, nhưng mủ ra hết là yên, không cần phải chữa, cũng không nên dùng lầm thử thuốc nóng của mòn sán khí mà chữa, nóng lấm thì vỡ mủ ra mà miệng nhọt khô kéo lại; hoặc vi bụng sưng lây đến dài, nặng lấm thì dài nứt nẻ, hòn dài treo thõng mà nước chảy ra, phải theo các phương mà chữa.

**1. Kinh trị dài sưng đỏ và đau, phát nóng và thông xuống.**

- *Hành* 1 nắm sắc nước hòa với *mật* mà phết vào, mùa hạ thấy nhiệt, đỏ lấm, thì nước chè nóng hòa với *mật* mà phết vào.

- *Than củi* nghiên bột rắc vào, ngoài lấy lá *tía tô* dài bê trên xanh dưới đỏ đắp kín, nằm ngừa luôn mà giữ lấy, ngày làm một lần.

**2. Kinh trị dài sưng to, da nứt, hòn dài thông xuống mà ra mồ hôi.**

- *Lá Tía tô dài sấy* khô tán nhô rắc vào, hoặc hòa với *dầu mè* mà đắp vào lây lá *sen* bọc ngoài.

**3. Kinh trị hòn dài sưng đau.**

- *Cứt trâu* tán nhô, hòa với *rượu* đắp vào, khô lại thay cái khác tiêu hết thì thôi.

**4. Truyền trị dài bồng sưng, do nằm ngồi nơi đất ướt mà sinh ra.**

- *Xác ve* 5 đồng, *Nước* 1 bát. Sắc lên để nguội âm ấm ngâm vào rửa là khỏi.

**5. Kinh trị dài sưng.**

- *Hành, Nhũ hương*, giã nát đắp vào cũng khỏi.

- *Hành* nướng lên cho vào ít muối giã nát đắp vào cũng khỏi.

**6. Kinh trị dài sưng đau như đâm, mà chảy ra mồ hôi:**

- *Tỏi* nhô 1 vốc, *Rễ he* 1 vốc, *Rễ liễu* 2 vốc đều thái nhô. *Rượu* 3 chung nấu lên mà xông.

**7. Kinh trị dài sưng bằng cái dấu:**

- Lấy *Lông cánh gà* (tìm cho được nơi 1 lỗ mà mọc 2 lông thì tốt), đốt tán nhô, hòa với rượu uống. Như sưng dài bên trái thì lấy lông cánh bên phải, sưng dài bên phải thì lấy lông cánh bên trái, cả hai bên đều sưng thì lấy lông cánh cả hai cánh, rất hay.

- *Hạt vải, Dai hời, Thanh bì* bỏ ruột. Đều bằng nhau, sao cách tờ giấy đến vàng, đổ xuống đất cho ra hết hơi lửa, tán nhô: mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu.

**8. Truyền trị dài sưng lở:**

- *Trùn* 2 phần, *Bột đậu xanh* 1 phần. Hòa với nước đắp vào rất hay.

**VIII - HUYỀN UNG (Nhọt Hội Âm)**

Huyền ung là mụn nhọt ở Hội âm trước lỗ đít sau lỗ dài, do tâm âm suy tổn, thấp nhiệt tích tụ mà sinh ra. Lúc mới phát hình như hạt sen, ngứa ít đau nhiều, lâu ngày lớn dần bằng hạt dào, sưng đỏ, đau nhức. Nếu không chữa gấp sau 40 ngày thì vỡ mủ mà dai tiểu tiện theo miệng mụn mà phun ra, thời không thể chữa được. Nên theo các phương này mà chữa gấp.

### 1. Kinh phương chữa nhọt hôi âm:

- *Cam thảo* 1 lượng loại to, cắt ra từng đoạn dài 4 tấc, dùng nước suối 1 bát, tẩm canh thảo rồi nướng trên bếp lửa than, khô lại thì tẩm, lại nướng, làm từ sáng đến trưa, hết nước thì thôi, cát cam thảo ra thấy nước ngấm suốt thì đạt. *Cam thảo* cắt nhỏ, *còn ú rượu* 2 bát, sắc còn 1 bát cho uống, hôm sau lại làm cho uống nữa, làm được hai mươi ngày mới khỏi.

### 2. Kinh trị đại tràng có mụn tắc lại đại tiện không thông.

- *Phân ngựa trắng* già nát, và *Muối*, mỗi thứ một nửa xào nóng rịt vào rất hay.

## IX - TRÀNG NHẠC (Loa Lịch)

Bệnh Tràng nhạc là ở chỗ trước và sau tai hoặc ở dưới hàm nổi lên đám ba cục hạch liền nhau như tràng hạt, do khí huyết không đủ, hoặc do phong độc, nhiệt độc và khí độc mà sinh ra, còn chứng loa lịch, cân lịch và đờm lịch khác nhau.

. *Phong độc* là cảm phong hàn, thể hiện trước rét sau nóng.

. *Nhiệt độc* là do lúc trời nóng, khí năng trung vào ba kinh dương, hoặc do ăn đồ ngon béo sinh ra nổi cục sắc đỏ sưng cứng.

. *Khi độc* là cảm phái khí độc bốn mùa, sinh nóng rét, váng đầu, cứng cổ mà đau.

. *Loa lịch* là do ăn phải đồ ăn không sạch sẽ, do sâu kiến, chuột ăn thừa, hay uống nước trà cách đêm, nước có mùi hôi, có nước cũ lẫn nhau, thể hiện bệnh không nóng lạnh mà các hạch mọc ra, trước bé sau to, trước không đau sau lâu mới biết đau.

. *Cân lịch* là do lo buồn suy nghĩ, đột nhiên nổi giận hờn khí thể hiện bệnh nổi hạch ở cổ hình như quân cờ, cứng rắn, to nhỏ không giống nhau, hoặc lõm hoặc lồi, bệnh lâu ngày thì người gầy còm thường phát nóng lạnh.

. *Đờm lịch* là do ăn uống đồ nóng lạnh không đều, đối no mừng giận không chừng mực làm cho tì khí không chuyển vận, thể hiện bệnh là nổi hạch khắp mình như hạt đào, hạt mận, lâu ngày thì hơi đờ sau vỡ mù.

Về phép chữa nên phân biệt từng loại mà giải quyết.

### 1. Kinh trị tràng nhạc mới phát.

- *Quả dâu chín đen* 2 bát, già nát vắt lấy nước, đổ vào nồi đất dun nhô lửa, cò thành cao, mỗi lần uống 1 đồng cân với nước sôi. Nếu quả dâu còn đồ thi phơi khô tán nhỏ, uống với nước đã dun sôi, ngày 3 lần thì khỏi.

### 2. Kinh trị tràng nhạc kêt hạch, không cứ có còi hay không còi:

- *Nhen to* (hay giang lưới bên hè nhà) 5 con, phơi khô bó chân tán nhỏ, trộn với váng sữa và rượu mà đắp vào, ngày đắp 2 lần rất hay.

### 3. Kinh trị tràng nhạc kêt hạch, hoặc chua vỡ, hoặc dã vỡ, mọc xuống đến trước ngực đều chữa được.

- *Hà thủ ô* rửa sạch, thường hay nhai sống mà ăn và lấy lá *hà thủ ô* già nát đắp vào rất hay.

### 4. Kinh trị tràng nhạc kêt hạch:

- *Chi* 3 láng, bỏ vào xanh nấu chảy ra, rồi cao lấy phấn tro trên mặt chi hoa với *giảm* mà đắp vào, dùng lúa buộc chặt lại, phải thay luôn để bỏ nước độc trong hạch thẩm ca, nếu vừa qua tháng thì không đau, không vỡ mũ mà hạch tiêu ra nước mà lành.

## 5. Kinh trị tràng nhạc sưng nóng mà đau.

- *Hạt cải* tán nhỏ trộn với giấm đắp vào, xem tiêu hết thì thôi, không nên để lâu quá sợ hại đến thịt.

## 6. Kinh trị tràng nhạc chưa vỡ.

- *Cây cúc dại* hay *Cây cải trời già* nát, sắc với rượu mà uống, bã đắp vào là tiêu, không tiêu cũng tự vỡ mủ.

- *Thanh dại*, *Rau sam* cùng già nát, ngày ngày đắp vào là khỏi.

## 7. Phương thuốc kinh trị tràng nhạc.

- *Cù mài tươi*: 1 củ, bỏ vỏ, *hạt hẫu dầu* 1 hạt, bỏ vỏ, cùng già nát đắp vào, ngày may một lần rất hay.

- *Cù cỏ* cũ già cho tróc vỏ, tán nhỏ, trộn với rượu, nặn làm thành miếng, đắp vào chỗ đau; dùng một cái đồ đồng nướng nóng lên mà chườm lên trên, cho hơi thuốc thấu vào, nếu bị độc phong thấp thì dùng nước gừng hòa với bột cù cỏ cũ (cù gấu) mà đắp vào: chưa thành mủ thì tiêu, đã thành mủ thì tự vỡ.

- *Rễ cây thương lục*, cao lấy bò trắng, già thật nhỏ nặn thành bánh đắp vào chỗ đau, dùng ngải nhung để lèn trên mà đốt, thuốc khô lại thay ngày cứu hết 10 liều thuốc là trừ hết độc tự khỏi.

- *Cù tó to*, cắt ngang dùng bằng 3 đồng tiền cổ, đặt lên mun, đốt lá ngải cứu 10 liều là khỏi.

## 8. Kinh trị tràng nhạc lâu năm không thành:

- *Nhân hột gáec* hai hột cao bỏ hết dầu, tán nhỏ trộn với lòng trắng trứng gà để vào bình đặt trong nồi chưng cách thủy cho chín, ăn vào sau bữa ăn, ăn được nửa tháng thì kiến hiệu.

- *Cá diếc* 1 con, *Ba đậu* để cà vỏ. Nhét đầy vào miệng cá để lên lửa than mà đốt tồn tính, đợi miệng cá hết khói thời thôi, đưa ra để một đêm; hôm sau tán bột, quết với cơm nguội làm viên bằng hột đậu, người lớn uống 3 viên, trẻ con uống 1 viên, uống với nước cơm, vào lúc đói. Cho đi ngoài ít ít để tiết hơi độc là tốt; nếu hạch vỡ loét, dùng bột đậu xanh rắc vào để cho rút mủ kéo da non.

- *Cóc già* 1 con, lột lấy da rịt lèn chỗ đau, dùng ngải nhung lâu năm mà đốt trên da cóc, 7 mồi ắt phải tiêu.

- *Ban miêu* bò đầu cánh chân, sao với gạo nếp cho chín rồi lấy *Ban miêu* 1 phần, và *bạc hà* 1 phần cùng tán nhỏ, luyện với lòng trắng trứng gà làm viên bằng hột đậu xanh, dùng nước trà sáng uống 2 viên quá trưa uống 3 viên đến tối uống 4 viên vào lúc đói, thấy dưới rốn chuyển đau, đi đái ra hết độc là khỏi. Nếu đi đái khó thì uống ít nước *Hành* là đái được.

- *Hột bồ kết* 100 hột, *Giấm* 1 tháng, *Nạo sa* 7 đồng cân. Cùng nấu khô rồi chỉ lấy hột bồ kết sao cho thơm, xem có bao nhiêu cục hạch, cứ mỗi cục hạch uống một hột bồ kết, như nỗi 10 hạch uống 10 hột nhai nhỏ uống với nước cơm nếu người ốm yếu thì bỏ *nạo sa* đi.

## 9. Kinh trị tràng nhạc vỡ loét.

- *Thổ phục linh* thái nhỏ sắc uống thay nước trà, hoặc tán bột nấu bới cháo mà ăn nhiều.

- *Xuyên son giáp* 21 vảy, đốt tán bột rắc vào.

- *Óc bươu* 2, 3 con đốt tồn tính, tán nhỏ hòa với dầu mè mà xức, hoặc dùng 7, 8 cái vỏ óc ở vách đã lâu năm tán nhỏ, rắc vào luôn.

- *Mộc nhĩ cây dâu 5 đồng, Dâu dò 1 lạng, Nhọ nồi 3 đồng, Dâu xanh 2,5 đồng, Long não 1 phần. Đều tán nhỏ trộn với lòng trắng trứng gà; đắp trước lúc đắp dùng mă dề, ngải cứu, vỗ rẽ dâu vừa chừng cùng nấu với nước mà rửa, rồi sau mới đắp thuốc vào.*

**10. Kinh trị tràng nhạc vỡ loét, lây lan đến trước ngực 2 nách hoặc trên hai vai, nối liền nhau như rắn lượn hoặc nổi cục như quả cà, 4, 5 năm không chữa được.**

- *Rễ kinh giới 1 đoạn, cắt nhỏ sắc nước đặc, rửa nóng, lúc lâu thấy chỗ vỡ loét sắc tím đen, thì lấy kim lể nặn cho ra máu độc, lại lấy nước thuốc trên mà rửa 3, 4 lần, rồi lấy long não, hùng hoàng 2 vị bằng nhau, tán nhỏ hòa với dầu mè đắp vào thời cháy nước ra. Ngày hôm sau lại đắp cho đến khỏi thì thôi.*

- *Rong bẽ 2 phần sao với lúa tiểu mạch rồi bỏ tiểu mạch đi. Cương tám 1 phần bỏ hết châm, sau tán bột dùng bạch mai nhục rửa nước sôi, già nát viên bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 5, 6 viên với nước cơm, ngày uống 2 lần, thì độc theo dai tiên mà ra, kiêng đậu, gà, dê, rượu, bún.*

**11. Kinh trị tràng nhạc vỡ loét, chảy nước mà cầm dề lâu ngày không liền miệng.**

- *Chuột xạ 2 con, lấy trấu đốt tồn tính, tán bột ngày rắc 2, 3 lần là khỏi.*

- *Bọ hung 1 vài con, tán nhỏ trộn giấm đắp vào rất hay.*

- *Chấu chàng sắc đen 1 con, dùng dao tre mổ bụng bỏ ruột sấy trên miếng ngói, tán nhỏ trộn dầu mè như bùn mà đắp, kiêng đồ sắt, thần hiệu.*

- *Can hương, tán nhỏ, lấy nước cốt gừng nấu hồ làm viên vừa với miệng lở, hoàng đơn làm áo, nhét vào miệng lở, ngày thay 1 lần làm đến chảy hết mù kéo da non, lành miệng mới thôi. Nếu không kín miệng dùng hành già lấy nước trộn với bột Đại hoàng mà xát là khỏi.*

- *Huyết du 3, 4 lá, Rệp 7 con. Đều đốt ra tro tán bột, rắc vào rất hay.*

- *Rau sam (phơi khô trong râm) đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo, đắp vào sau khi đun nước vo gạo rửa chỗ đau.*

**12. Kinh trị tràng nhạc vỡ mà nhiều ngách:**

- *Phân trắng cút gà đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo mùa đông bôi vào thì khỏi.*

- *Cút chim bồ câu sao vàng tán nhỏ, luyện với cơm viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 30 viên với nước cơm.*

**13. Kinh trị tràng nhạc mà không đau.**

- *Vỏ trắng cây đào để lén trên các hạch, dùng ngải đốt 27 mồi rất hay.*

## X - ANH LƯU (bướu cổ)

Anh lựu hay sinh ra ở trong da thịt ở vai ở gáy bỗng nhiên sưng lên giống như quả mờ, da chung, không căng mà thông xuống, lâu ngày thì lớn dần, đó là do mừng giận, thất tình, vinh vẻ uất kết mới sinh ra bệnh này.

- Anh có 5 loại: sắc thịt không biến đổi là *nhục anh*, đường gân nổi rõ ra là *cân anh*; mạch máu chằng chịt là *huyết anh*, lúc to lúc nhỏ tùy theo sầu não là *khí anh*; cứng tro không di chuyển là *thạch anh*.

- Lựu cũng có 6 loại là *lưu xương*, *lưu mỡ*, *lưu thịt*, *lưu huyết*, *lưu mù*, *lưu đá*.

Anh với lựu dẫu không đau không ngứa, nhưng nhất thiết không nên mổ xé, sợ máu mủ vỡ ra chảy mãi không ngừng thì chết người; nên chọn phương thuốc mà chữa.

# <https://vnras.com/drug/>

## 1. Kinh trị bướu cổ không đau, không ngứa, không cứ lâu ngày hay mới phát, lớn hay nhỏ:

- Củ tỏi to, Muối ăn một chút ít. Dều giờ nát mỗi ngày dùng 1 cục, to nhỏ tùy theo diện tích của bướu mà đặt lên, ngày thay 1 lần, 2, 3 ngày thấy gân thịt càng giật, chảy ra nước mủ là xẹp, rất hay.

## 2. Kinh trị bướu cục u do độc kết khối lại.

- Củ tỏi nhỏ, Ngô thù du. Bằng nhau, già nát dập vào, dần dần là tan, rất hay.

## 3. Kinh trị chứng khi anh mọc dưới gáy.

- Lưỡi heo phơi khô tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng cân với rượu vào lúc đi ngủ, là khỏi. Kiêng ăn những đồ chua, mặn, nhòn béo nê trê.

## 4. Kinh trị khớp mình nội hạch không đỏ không đau:

- Rễ cây bạch đầu ông 1 cân, chia làm 4 thăng với rượu, 1 ngày uống 3 lần, uống 2 ngày cho hết rất hay.

- Hột thầu dầu 1 tháng, bóc vỏ, già nát nhét vào cái bao tử heo, đổ rượu vào nấu tới khi bao tử nát nhừ, lấy hột thầu dầu ra phơi khô tán nhỏ, lại dùng nước nấu bao tử đó, trộn với bột thuốc, già 1000 chày, viên bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 40, 50 viên với rượu ngày 3 lần.

## 5. Kinh trị nổi hạch ở gáy, thuộc kinh thiếu dương, hoặc đau hoặc không đau, sắc thịt không đổi, không kể lớn nhỏ lâu năm, lâu ngày đều rất hay.

- Củ mài tươi 1 miếng bỏ vỏ, Thầu dầu 3 hột, bóc vỏ cùng già nát, dập vào.

## 6. Kinh trị da mọc mụn cúc.

- Nước dái trâu xát vào luôn thì tự rụng.

- Cứ chờ lúc trời sắp chớp, giơ tay đớp lấy tia sáng của chớp mà xát vào, mụn cúc tự rụng.

## 7. Truyền trị mụn cúc dùng mọi thứ thuốc không khỏi:

- Muối bột chút ít, nhai nhỏ thường ngậm vào miệng mà cắn vào mụn thì tự rụng, sau không phát lại nữa.

## XI - MỤT Ổ GÀ (Dịch ung)

Mụt ổ gà hay mọc ở nách là do can tì hai kinh sinh bệnh: can khi bị ứat thời huyết trẻ, tì bị tắc nhít thời khí ngưng, cả hai cùng kết lại sinh ra sưng. Lúc mới phát sắc thịt không đổi, dần dần lên không có đau, lâu ngày mới đau lên nổi nóng rét cùng nổi lên, nên theo các pí ương sau đây mà chữa.

## 1. Truyền trị mụn ổ gà và sưng vú, đá nung mù thi vỡ, chưa nung mù thi tiêu.

- Dây chia với già nát trộn với lòng trắng trứng gà dập vào, khô lại thay rất hay.

## 2. Truyền trị mụn ổ gà.

- Rễ cây trắng (Hoàng lực) mài với giấm cho đặc mà phết vào, khô lại phết: chỉ 2 ngày là tiêu.

## 3. Một kinh phương sử hà cao, chủ trị mụn ổ gà, và các thứ sưng tấy, nhợt độc, lở dương mai, đau nhức chỉ 1 đêm là kiến hiệu.

- Gi xanh đồng 1 lạng, Nhựa thông 8 lạng, Dầu mè 2 lạng. Trước nấu dầu, nấu đến lúc nhỏ vào nước lạnh không tan, lại đổ nhựa thông vào nấu, nấu đến lúc thấy hết khói thì cho

rì xanh đồng vào khuấy đều xong chửa vào bình, lúc dùng trát vào giấy mà dán, ngày thay 1 lần rất mau đỡ.

#### **4. Truyền trị mụt ổ gà mới mọc.**

- *Dai hời* 1 phần, *gừng* 5 phần già nát, dùng nước trầu (nhai trầu không với cau vôi) nhổ vào trộn đều như bùn, mà đắp vào 1 đêm thì tiêu mà khỏi.

#### **5. Truyền trị mụt ổ gà lâu năm chảy nước không thu miệng được, trấm thuốc không khỏi.**

- *Dot khoai môn* 3 phần, [Nhục quế 1 phần, cùng giã nát như bùn đắp lên miệng mụt nhọt ngày thay 2 lần, sẽ khép miệng lại. Quế với khoai tinh hay hút khí độc, hút máu độc, lén da non rất hay.

#### **6. Kinh phương chữa mạch lươn dưới sườn chảy nước không ngót.**

- Lấy *Cút ráy tai trâu* bôi vào thì khỏi.

## **XII - CÁC THÚ LỞ**

Nói chung, các thứ lở vì thân thể người ta có nhiều bộ phận mà sang độc thì có nhiều hình dáng, theo hình mà gọi tên thì khó chia ra là loại gì, nên tóm tắt là "các thứ lở". Phép chữa thì tùy chứng mà chọn phương.

#### **1. Kinh trị mọi thứ ác sang không biết tên.**

- *Rê* có xước già nát đắp vào là khỏi.
- *Cây dào*, cạo lấy vỏ trắng già nát đắp vào là khỏi.

#### **2. Truyền trị 36 chứng phong sang và mọi chứng lở lâu năm như ác sang, liêm sang, iờ do roi đánh hắc lào, chốc dầu.**

- *Rau sam* già nát sắc nước đặc, lọc bỏ bã lấy 3 bát nước, cho sáp ong vào 3 lạng nấu chảy tan, nhò lửa cô thanh cao, lúc dùng đem phết lên giấy mà dán vào, hoặc phết trực tiếp vào dầu đinh, hoặc thêm gầu chải dầu 1 ít quấy匀lộn mà dùng.

- *Lá phù dung, lá cúc*. Bằng nhau, sắc nước thường xông vào rửa rất hay.
- *Chấu chàng* 1 con, với 1 lượng. Nghiền bột, hai thứ sao qua rồi già như bùn phết lên miếng lụa rồi rít vào chỗ lở là vỡ mủ ngay, lở mới phát thì tiêu ngay.
- *Mặt heo* 3 cái, *giảm ngon* 1 chén, *gừng tươi* 5, 6 lượng. Giã lấy nước trộn cà 3 vị lại, lấy mực tàu hòa cho đặc với các vị phết vào chỗ lở là tiêu ngay.
- *Cù chút chít tươi* (xưa gọi là Gia viên Địa hoàng) già nát đắp vào thì khỏi.

#### **3. Kinh trị các chứng ghẻ lở.**

- *Tóc rối, đậu den* bằng nhau, lấy doan tre chặt làm cái ống, tùy dùng ít nhiều, nhét vào ống 1 lớp tóc lai 1 lớp đậu, nhét đầy miếng ống đốt trầu mà nướng, dùng cái chén sạch mà hứng lấy thử nước ở ống tre chảy ra, lấy lòng chim phết vào chỗ lở, vùn ngày là khỏi.

#### **4. Kinh trị mọi thứ lở độc sưng đau, hoặc khớp xương tay chân đau nhức:**

- *Cù hành* già nát sao chín, chườm vào chỗ đau nguội lại thay, sưng đau hết liền, rất công hiệu.

#### **5. Truyền trị ngoài da khô nóng ngứa.**

- *Tổ ong nướng* lên. Xác ve bò mồi chân, sao đều bằng nhau tán bột mỗi lần uống một đong; cân với rượu, ngày 3 lần là khỏi.

- *Phan tam* một vốc sao vàng, tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng cân với rượu Lại dùng phân tẩm sắc nước, l้าง bờ bã đem vào nơi kín gió mà tắm, rất hay.

**6. Kinh trị lở độc chảy nước, khí công vào mình, hoặc sưng đau, hoặc đỏ ngứa, cả trên dưới chung quanh, phiền muộn muôn chết.**

- *Cá diếc sống* còn tươi đánh vây, mổ bụng bỏ ruột cắt ra từng miếng, hòa vào chút muối, giã nát xúc vào, ngày thay đổi 4, 5 lần là khỏi, rất hay.

**7. Kinh trị mọi thứ lở có chảy nước.**

- *Cóc* đốt ra tro, tán bột trộn với heo bôi vào là khỏi.

**8. Kinh trị nhiệt độc thấp sang, khắp mình lở đau mà không khỏi, tay chân lại đau hơn, khó mặc quần áo, ngày đêm không ngủ được.**

- *Thạch xương bò* dùng nhiều tán nhỏ, rắc lên trên chiếu mà nằm, lấy mền đắp lên, chỉ 5, 6 ngày là nốt lở bay hết, rất hay.

**9. Kinh trị ác sang lâu năm hoặc đau ngứa lở loét.**

- *Cắt ngựa, Rau sam*. Đều đốt ra tro, rắc vào chỉ vài ba lần là khỏi.

- *Hột bồ hòn, Tóc rối, Mai ba ba, Võ cây thông, Tua cau rủ* còn dính trên cây cau, đều đốt tồn tính, Vôi, bồ hóng, các vị bằng nhau tán nhỏ, trộn với nước tiêu trẻ em như bùn, trước lấy *lá thông* nấu nước rửa chỗ lở, sau lấy lông gà quết thuốc phết vào, là khỏi.

**10. Kinh trị ác sang 10 năm chưa lành.**

- *Lông heo nái*, đốt tồn tính tán bột rắc vào là khỏi.

**11. Kinh trị ác sang đóng vảy ngứa và đau.**

- *Đậu ván trắng* giã nát đắp vào, vẩy rụng là khỏi.

- Cỏ thài lài giã nát, giã nát đắp vào vảy rụng là lành.

**12. Kinh trị bị sương lạnh lở loét.**

- *Hoặc hương, Chè dầu xuân*. Bằng nhau đốt ra tro hòa với dầu phết lên trên là mà đặt vào, rất hay.

**13. Kinh trị phiêu sang nổi cục mọc ở chân tay và cơ thể, triu triu như hột đậu, chậm vỡ thì chảy nước ra.**

- *Cá diếc* lớn 1 con, *Tóc rối* 1 cục bằng cái trứng gà. Đều đốt tồn tính, tán bột hòa với mỡ heo, cô lại thành cao, đặt vào thì khỏi, kinh nghiệm nhiều lần.

- Lấy nước *mật heo* phết vào rất hay.

- *Tóc rối* đốt tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước vừa sôi.

Ngoài dùng *Tóc rối* 3 phần, *Gai bồ kết* 2 phần, *Xương chó vàng* 2 phần. Đều đốt ra tro, tán bột rắc vào, hoặc nốt lở khô quá thì hòa với nước *mật heo* mà phết vào rất hay.

**14. Kinh trị ác sang nước vàng chảy dầm dìa, nếu không sờm chữa, nước vàng chảy khắp mình lâu thì chết người.**

- *Máu mồng gà trắng*, phết vào ngày 4, 5 lần rất hay.

- *Dâu xi* 1 vốc, *Cá diếc* 1 con. Đều giã nát như bùn đắp vào rất hay.

**15. Kinh trị mùa nắng nổi rôm sảy.**

*Bột đậu xanh* 2 phần, *Hoạt thạch* 1 phần. Nghiền bột xoa, nếu mụn chảy nước thi rắc vào lỗ ngay là khỏi.

**16. Kinh trị trên mặt mụn lở độc mọc mọc.**

- *Óc sên 1, 2 con già nát, cho vào tí nước tương phết lên giấy mà đắp vào giữa chừa một lỗ nhỏ để tiết hơi độc, trong một ngày là tiêu hết.*

**17. Kinh trị nốt lở giống như rốn cá, chảy nước ra xung quanh.**

- *Xác rắn dốt tòn tinh, tán nhỏ, trộn với lòng trắng trứng gà đắp vào, rất hay.*

**18. Kinh trị lở dài.**

- *Bột đậu xanh, cút trâu bàng nhau, nghiền nát rịt vào rất hay.*

**19. Kinh trị mọi thứ lở không thu miệng và ác sang lâu năm không khỏi, đau nhức khó chịu.**

- *Rau sam già nát đắp vào miệng lở và chung quanh rất hay.*

**20. Kinh trị lở lâu ngày thành mạch lươn, chảy nước rười rượi, hôi thối.**

- *Kim ngân hoa ngâm rượu, ngày ngày thường uống rất hay.*

- *Vỏ quả cau sắc nước đặc thường rửa là khỏi.*

**21. Truyền trị mọi chứng mạch lươn hàng năm hàng tháng không khỏi, nước mù đậm đè, chỗ lở không liền miệng, không sinh da non và trị mọi chứng ác sang, rất hay.**

*Vỏ trứng gà (dùng trứng gà so) Hoa thông đều bàng nhau, dốt tán bột, Xa hương chút ít dùng Sáp ong vàng nấu chảy cùng với mỡ heo (chưa rửa nước) ngào thành cao, đắp vào; nếu miệng lở sâu thì lấy thuốc bột rắc vào trước.*

- *Lá trầu phơi khô tán bột, lấy gạo lứt sắc nước rửa sạch, rồi rắc bột thuốc vào là khỏi, rất hay.*

- *Vỏ trắng rễ đậu nướng khô tán bột, trước lấy lá thông nấu nước, ngâm rửa chỗ lở cho sạch, rồi rắc thốc bột trên vào, ngày rắc 1 lần là khỏi.*

- *Lấy dầu mè ngào đặc, tùy dầu nhiều ít, bỏ bột vôi đá vào khuấy đều, lại cho vào tí xạ hương, đợi nguội thành cao mà bôi.*

- *Bột hung dốt tòn tinh, tán nhỏ hòa với giấm vào rất hay.*

- *Gừng tươi cà vỏ, cắt lát to tẩm bột phèn chua nướng cháy tán nhỏ, đắp vào chờ động đến thì đóng vảy dễ khỏi.*

- *Vôi lâu năm tán bột, hòa với lòng trắng trứng gà thành 1 cục, đốt qua lửa lại nghiền bột, trộn với gừng sống mà đắp vào rất hay.*

- *Lá ngải cứu 2 phần, bột vôi đá 1 phần cùng tán bột, đắp vào là khỏi.*

- *Lá hòe già nát đắp vào rất hay.*

- *Tóc rối, tổ ong, xác rắn. Đều bàng nhau, dốt tòn tinh tán bột, uống 1 đồng cân với rượu trước lúc ăn.*

- *Lòng đỏ trứng gà 1 cái, ngào cháy cho chảy ra dầu, hòa vào 1 đồng nhụa thông, 1 đồng sáp vàng nấu thành cao, phết lên trên miếng giấy dày mà đắp rất hay.*

- *Da hương một miếng đốt ra tro, nghiền nhò hòe với mỡ heo mà phết vào ngày đốt 5, 6 lần, đến khỏi thì thôi.*

- *Cút đέ con tươi, vắt lấy nước phết vào; nếu chỗ miệng đã khô thì đốt mà xông khói.*

- *Cỏ trong tổ én đốt ra tro, tán nhò rắc vào là khỏi.*

- *Mầm khoai môn phơi khô, đốt tòn tinh, nghiền bột rắc vào là khỏi.*

- Rẽ muáp già nấu nước đặc phết vào rất mát, lên da non thu miếng ngay.

**22. Kinh trị mọi thứ lở mạch lươn ra máu mù có dòi.**

- Xác rắn đốt lên tán nhỏ hòa với nước, đặt vào giòi ra hết là khỏi.

**23. Kinh trị ác sang có trùng.**

- Cảnh trắc bá tươi cắt lấy một đoạn, đốt lửa 1 đầu cho dầu kia chảy nước ra, lấy nước đó phết vào 4, 5 lần thì khỏi. Trâu, ngựa lở cũng chữa được theo phép này.

**24. Kinh trị người lớn trẻ con lở độc, lâu ngày không khỏi sinh trùng đau ngứa liên miên.**

- Quả và lá cà độc được phơi khô 2 phần, phèn phi 1 phần, đều tán nhỏ hòa với mỡ heo đặt vào rất hay.

**25. Kinh trị lở chàu lâu năm sinh giòi (liêm sang).**

- Phèn chua để lên trên miếng ngồi đốt khô 5 đ/c; Bao tử heo 1 cái, cạo sạch nhưng chớ cho dinh nước, cùng với phèn phi già nát như bùn, tùy chỗ lở lớn nhỏ mà cắt miếng vải cho vừa, rồi phết thuốc vào rít chặt lại, một chốc phát ngứa cứ đợi hồi lâu, mới mở thuốc ra dần dần, đưa miếng thuốc dán đó nướng lên trên lửa, thấy hàng ngàn hàng vạn sợi lông nhỏ mọc lên hoặc xanh, trắng, đỏ, đen, thời sắc nước Cam thảo mà rửa chỗ lở, 3 ngày sau lại đắp thuốc, chỉ vài lần là giòi ra hết mà lành.

**26. Kinh trị độc ở phổi sinh phong sang, giống như bệnh phong cùi.**

- Lá dâu rửa sạch, bỏ vào nồi hông đồ 1 đêm, rồi sao khô tán bột mỗi lần uống 2 đ/c với nước đã kinh nghiệm.

**27. Kinh trị ác sang giống như hói cùi 10 năm không khỏi.**

- Xác rắn 1 cái đốt ra tro tán bột, hòa với mỡ heo mà phết lại dùng một xác nữa, đốt tán nhỏ mà uống với rượu rất hay.

**28. Kinh trị phiên hoa ác sang tức là sau khi ung nhọt vỡ mủ thịt trong nhọt lòi ra nở loe như hoa, các thuốc đều chữa không được.**

- Ô mai nhục đốt tồn tính, tán nhỏ rắc lên cục thịt độc ác ấy, ngày đầu là tiêu một nửa, ngày sau là tiêu hết, công hiệu kỳ lạ, không gì địch nổi.

- Cảnh và lá liễu 3 cân, sắc nước đặc, lọc bỏ bã, ngào thành cao, mà dán, ngày thay 3 lần là khỏi.

- Cút chim bồ câu sao vàng tán bột, trước dùng nước xáo đất nấu nóng mà rửa, sau rắc thuốc bột trên vào.

- Cá diếc 1 con bỏ ruột, lấy cút đέ dòn vào dây bụng cá, đốt tồn tính tán bột, trước lấy nước vo gạo rửa qua, rồi rắc thuốc vào rất hay.

**29. Kinh trị phiêu hoa ác sang ở ngoài da, thịt lòi ra như hột cam, châm vỡ thì ra máu, khi ra máu thì mụn lại loét ra.**

- Lá kê dừa già nát vắt lấy nước 3 chén mà uống, bã rít vào chỗ lở, ngày uống và rít 2 lần thì rụng.

**30. Truyền trị đơn bòng (thiên bào sang) nổi bóng nước, hình dáng như quân cờ, đau nhức khó chịu.**

- Cây lúa nếp đốt ra tro, tán bột hòa với nước như bùn đắp vào rất hay.

- Lá chàm già nát đắp vào là khỏi.

- Hoa sen hái dán vào.

- *Gừng* sen đốt tán nhô, hòa với bùn dây giêng mà đắp vào rất hay.
- Lấy *lòng đỏ trứng gà* bóc vào cái xanh, rán cho cháy ra dầu mà bôi rất hay.
- *Rễ cúc dại*, Vỏ cây táo nấu nước đế nóng mà rửa tự lành.

### 31. Kinh trị chứng lở vì châm cứu:

Lá phổi dung già nát đắp vào, thì đóng vảy là lành.

### 31b. Kinh trị huyệt châm cứu máu chảy ra không dứt.

- *Bọ hung* đốt ra tro, tán bột hòa với mỡ heo phết vào rất hay.

### 32. Truyền trị hổ khẩu tay và đầu ngón tay sinh dầu trun, chín mè, càng cua đau đớn sấp chết.

- Cò *nu áo*, Lá *bầu*, Lá *tía tô*. Giã nát cho vào ít muối, buộc chặt lại, mới sưng thì tan, thành mủ thì vỡ rất hay.

- Lá *dây quai bí* già nát, cho muối vào giấm vào, sao chín, áp chặt vào rất hay.

- *He Dùng* cả lá và rễ già nát, xào với rượu chườm vào rất hay.

### 33. Kinh trị nhọt độc xuyên bàn tay (tổ dia).

- Lá *dầu* già nát đắp vào khỏi ngay.

### 34. Kinh trị dầu trun (chín mè) mọc ở đầu ngón tay, sưng nhức khổ sở.

- Lá *bí dao* già nát xào với giấm đắp vào, khô thì thay cái khác rất hay.

- *Trứng gà*, phết vào lúc mới phát cũng khỏi.

- *Trứng gà* xoi 1 lỗ cho vừa đầu ngón tay, đút chỗ tổn thương mà ngâm, chờ trứng gà hóa ra nước thì thay cái khác. Làm 3, 5 quả thì khỏi.

- *Rắn nước* 1 con, cắt 1 đoạn ở giữa thân, dài bằng ngón tay, lột da mà trùm vào ngón tay đau, ngoài bọc giấy kín, đừng cho bệnh nhân thấy, hồi lâu cảm thấy mát thì bệnh khỏi.

- *Rết* 1 con đốt lấy khói mà xông, làm 2, 3 lần là khỏi.

- *Rết* 1 con già trộn vào mật heo mà đắp rất hay.

- Vò *quýt* sắc nước đặc mà ngâm và rửa, rồi lấy xương hổ tán nhô rắc vào là khỏi.

- *Trùn đất* già nát đắp vào, khô lại thay, đến hết sưng hết đau thì thôi.

- *Ngon mia*, lấy lõi tráng già nát, hòa với *lòng trắng trứng gà* dùng vài buộc lại.

- *Nam tinh* già sống hòa với tí muối và giấm, rồi đắp vào buộc lại là khỏi.

### 34b. Kinh trị dầu trun vỡ mủ loét ra, rất thối và đau không chịu nổi.

- *Rết* 1 con, nướng khô tán bột, hòa với nước mật heo mà bôi.

- *Dầu den* nghiền sống tán nhô, nhét vào tron con kén mà tròng vào ngón tay

### 35. Kinh trị dàn bà trong ngón chân có thịt độc dùn ra, đau nhức không chịu nổi.

- *Rết* 1 con sấy khô tán bột rắc vào, lại dùng *Nam tinh* tán bột. hòa với giấm đắp vào chung quanh là khỏi.

### 36. Truyền trị đốt ngón tay bỗng nhiên vừa sưng đau vừa r้าu, nếu không chữa gấp thì co quắp lại, khó duỗi ra:

- *Da cá nhám* không có tươi thì dùng khô nấu qua với muối, đắp quanh mà buộc lại.

- *Cá rô*, bỏ ruột buộc vào là khỏi.

**37. Kinh trị móng tay cái sưng đau, là nóng nung trong ngũ tạng mà sinh ra:**

- *Mật dê* 1 cái, trước lấy nước nóng nhúng ngón tay đau vào 7 lần, lại nhúng vào nước lạnh 3 lần, rồi xức mật dê vào khỏi ngay.

- *Xương hổ* tán bột, trước lấy vỏ quýt sắc nước ngâm rửa, dùng dao bén nhẹ tay cắt bỏ móng bị hỏng, rồi rắc bột xương hổ vào, tức thời hết đau.

- *Ó mai* bò cá hột và cùi, chỉ lấy nhân ở trong hột 10 cái, nghiền nhò cho vào ít giấm, hòa trộn như bùn, đắp vào là khỏi.

- *Sáp ong, nhựa thông*. Cùng nấu cho tan ra, bọc vào dầu ngón tay đau là khỏi.

- *Lá hành* dùng thứ già úa, nấu nướng đang nóng ngâm tay vào là khỏi.

**38. Truyền trị dinh chảy nước ở gót chân.**

- *Củ dia liền* tươi già nát mà rịt vào là khỏi.

- *Bèo tía, ruột trắng của ngọn mía* cùng già nát, *Nước tiểu* 1 bát. Nấu sôi để ngâm rửa chân là khỏi.

**39. Truyền trị chai chân mất cảm giác khó chịu:**

- *Dây chà vối* 4 phần, *Rau tôm sống* 1 phần. Cùng già nát, đắp vào là khỏi ngay.

- *Rệp* tìm bắt 7, 8 con ở khe giường chiếu, nghiền sống đắp vào, liền rụng ra, hết đau rất hay.

- *Quả khế* nướng chín, nhân đang nóng xát vào, để lúc lâu nguội lạnh lại dùng củ hành già nát, cho vào ít muối mà đắp vào tự lành.

**40. Kinh trị lở sơn ngứa gãi:**

- *Rau dền* nấu nước thường rửa là khỏi.

- *Lá khế* già nát bỏ vào ít muối mà xát vào.

- Dùng đồ sát mài ra lấy nước đặc mà xát vào là khỏi.

- *Lấy gạch cua đồng* mà đắp vào rất hay.

- *Mỡ heo* thường xức vào là khỏi.

- *Phèn chua* tán nhỏ nấu nước mà rửa.

- *Lá thông* sắc nước đặc, rửa cho hết mù, lại lấy vỏ thông sấy khô, tán nhỏ rắc vào.

- *Lá dâu non* 1 nắm già nát, làm đến khỏi mới thôi.

- *Củ chuối* hột già nát đắp vào.

- *Lá sen khô* sắc nước thường rửa rất tốt.

- *Củ ráng* (quán chúng) tán bột, hòa với dầu đắp vào.

- *Rau cải* nấu nước mà rửa là khỏi.

- *Lá hẹ* già nát rịt vào rất hay.

**41. Truyền trị tay chân sút ném, di đứng đau nhức:**

- *Lá bông bụt* dò già nát đắp vào là khỏi.

- *Quả muốp* già đốt tồn tính trộn với *Mỡ heo* mùa đông mà bôi vào, là khỏi.

**42. Kinh trị phong nhiệt khắp mình ngứa ngáy như có sâu bò và trị tất cả các chứng phong.**

- *Muối* 1 đấu nấu lấy nước mà tắm, làm vài ba lần thì khỏi.

### XIII - LỎ ỐNG CHÂN (Liêm sang)

Lở ống chân (liêm sang) là lở từ đầu gối trở xuống, gót chân trở lên. Đó là do thân tạng hư hàn, khí độc phong là ở ngoài tụ lại, công vào bên huyệt Tam lý, ngầm dần xuống bên huyệt Tam âm giao khí độc phong nhiệt chạy xuống 2 bên chân mà sinh ra bệnh, ống chân sưng loét, đau nhức thối bẩn, đi đứng khó khăn. Lở ở trên xương ống là nặng, vì chỗ ấy xương lồi, thịt ít, da mỏng, phần nhiều khó lành. Chữa bệnh này trước nên lấy hết trùng ra, rồi sau mới đắp thuốc, mà phải để yên không cử động, mới mong an toàn.

#### 1. Kinh trị lở ống chân có giời.

- *Rau sam* (mã xỉ hiện), giã bột trộn với *mặt ong* mà đắp vào, 1 đêm thì giời tự ra rất hay.

#### 2. Kinh trị ống chân lở loét

- *Xương hổ* tán bột, trước lấy lá hẹ vò ra nước rửa sạch, rồi rắc thuốc tán vào rất hay.

- *Gàu dầu và phèn chi* 2 vị bằng nhau, nghiền bột hòa với nước *mặt heo* đắp vào là khỏi.

- *Cùi quả trám* nhai nhỏ đắp vào thì khỏi.

- *Hoàng đơn* 1 lượng, *Sáp* 1 lượng, *Dầu mè* 5 đồng, cùng ngào thành cao dán, trước sắc nước củ hành rửa sạch chỗ lở, rồi lấy cao ấy dán vào là khỏi.

#### 3. Kinh trị lở ống chân không thu miệng được:

- *Lá ngài cứu* khô đốt lấy khói mà xông.

- *Ngải cứu lâu năm* 5 đồng, *Hùng hoàng* 2 đồng. Đều tán nhỏ, dùng vải xanh cuốn thuốc lại thành cái mồi đốt lửa mà xông, để cho ra mồ hôi, vài lần là khỏi.

#### 4. Kinh trị sẩn ngứa trên ống chân (phong sang).

- *Bồ kết*, nướng chín chườm vào, nguội lại thay là khỏi.

#### 5. Kinh trị ống chân lở loét.

- *Mắt cây the mốc*, đốt ra tro, tán nhỏ, trộn với *dầu mè* bôi vào, đắp lá chè lên rồi quấn vải chặt lại, chỉ bôi 3 lần là lành.

#### 6. Kinh trị quanh bàn chân lở loét.

- *Kinh giời* đốt ra tro, tán nhỏ, củ hành già nát vắt lấy nước, hai thứ trộn lẫn, trước lấy cam thảo sắc nước rửa sạch, sau mới đắp thuốc này, rất hay.

#### 7. Kinh trị lở ống chân lâu năm không khỏi.

- *Riêng ám* già nát, trộn với *giấm* đắp vào 4, 5 ngày không đau, là khỏi.

#### 8. Kinh trị bàn chân bị thấp sang lở chảy nước.

- *Lá kinh giời* già nát đắp vào là khỏi.

#### 9. Kinh trị lở ống chân lâu ngày không khỏi.

- *Hùng hoàng* 3 đồng, *Trần bì* 5 đồng. Đều tán bột dùng vải xanh cuộn thuốc thành cái mồi to, đốt lửa mà xông, nước nóng chảy ra, vài lần là khỏi.

- *Gi xanh* 1 phan, *sáp* 1 lượng. Nấu chảy ra, phết lên cả trên và dưới tờ giấy, lại dùng tờ giấy khác ấp lên trước rồi đặt vào, nước chảy ra là khỏi.

- *Lá bồ ngót* 2 phan, *Voi đá* 1 phan. Cùng già nát như bùn, đắp vào chỗ lở, ngày thay một lần, đã kinh nghiệm nhiều lần.

- Cốc già đốt tán bột, trộn với nhụa thông thành cao dán, trước dùng lá quýt hôi sắc nước rửa sạch chõ lõ, lại dùng lá rau cải vò nát xát vào cho khô, sau mới đặt thuốc cao vào, khỏi ngay.

## XIV - LỎ DƯƠNG MAI

Lở Dương mai là do hỏa tà và thấp nhiệt sinh ra: tam tiêu đều nhiệt, tinh khô huyết động, trệ lại ở các kinh mà thành bệnh. Lúc đầu vì giao cấu với người săn có nọc độc dương mai, nên nhiễm lấy khí độc. Bệnh mới phát thời sơ rét sơ nóng, tay chân mình mẩy đau nhức, nước tiểu đục, dần dần nổi mụn to nhỏ không chừng, trên dưới không nhất định, lâu rồi vỡ loét thêm dần, hôi thối khó chịu, bệnh nặng thì đến loét da thủng xương. Cho nên bệnh dương mai có nặng nhẹ, chày chóng, khác nhau, tùy sự cảm bệnh mà thể hiện. Phép chữa nên trừ nhiệt độc và giúp khí huyết làm cản bản, không nên muối mau lành mà cho uống những *thủy ngân, khinh phẩn*, và cho dùng các thuốc xông, thuốc hút. Các thuốc trên, tuy có làm đỡ đau trong một lúc, nhưng tác hại suốt đời người thì không nhỏ. Nay lược chép những phương công hiệu mau chóng sau đây, để chọn dùng.

### 1. Truyền trị lở dương mai mới phát, uống 1 lần là trừ căn dứt nọc, vĩnh viễn không tái phát, thật là phương thuốc thần:

- *Con bọ cạp dưới thuyền* (lấy trong thuyền đi nước mặn thi tốt hơn): bỏ đầu chân, sấy khô, tán bột, mỗi lần uống nửa đồng tiền xúc với nước gừng vào lúc đói, không nên uống lần thứ hai, và phải đào sẵn một cái hố, để di đại tiện, uống 1 lần thời dứt nọc mà lành.

### 2. Kinh trị dương mai, ác sang.

- *Cỏ roi ngựa*, sắc nước đặc, dang nóng thì xông, đến lúc ấm thì rửa, hơi thuốc đến đâu thì khoan khoái đến đấy, sưng đau giảm bớt, xông liên tiếp 4, 5 ngày là khỏi.

### 3. Truyền trị mọi chứng dương mai không cứ mới hay đã lâu, chỉ uống 1 lần thì tuyệt nọc và không phải đề phòng gì cả.

- *Chuột xạ* 1 con, Vỏ cây da lông một miếng dài và rộng bằng chõ con chuột nầm. Để chuột nầm trên vỏ da lông lấy dây buộc chặt, dùng cái nồi đất nhỏ bò vào, dây vung lấy đất bùn trát cả quanh nồi dày được 1 tấc rưỡi. Lại lấy đất đắp 1 cái lò dùng củi cây duỗi dốt nhão lửa mà nung suốt ngày đêm, đập vỡ nồi thì trong nồi đã thành một cục than, lấy ra tán bột, mỗi lần dùng nửa đồng tiền xúc uống với 1 chén nước, bất kỳ lúc nào, người bệnh chỉ uống 3, 4 lần là lành, vĩnh viễn không tái phát.

### 4. Kinh trị lở dương mai.

- *Thổ phục linh* 4 lạng, *Bồ kết* 7 quả. Cùng sắc nước uống thay trà, bệnh nhẹ 27 ngày, bệnh nặng 47 ngày là khỏi.

### 5. Kinh trị bị độc dương mai lở loét và gân xương đau nhức.

- *Vỏ quả dừa*, đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần dùng thời sao nóng, uống 2, 3 đồng can với rượu và nước sôi, trùm mền kín cho ra mồ hôi là hết đau, rãy hay.

### 6. Kinh trị lở dương mai.

- *Hoa kèn* 4 lạng sao qua. Đổ rượu 2 tháng, nấu sôi 10 đạo, vỗng nóng; nếu người bệnh dạ dày vốn hư hàn thì chờ dùng.

### 7. Kinh trị dương mai lở loét hôi thối.

- *Vỏ ốc* lâu năm trên vách đất và *Chu sa* 2 vị bằng nhau, *Long não* chút ít. Đầu tán bột rắc vào là khỏi.

8. Truyề̄n trị lở dương mai, đã lành rồi nhưng độc còn chưa hết, sau ít lâu độc chạy xuống lòng bàn chân, mọc nhọt như mắt cá, nếu không chữa thì độc làm nát thịt nát xương mà chết.

- Vỏ cây gạo, lá thầu dầu tia, lá cà độc đực, lá huân thu (thú lá non sắc tía dùng làm rau ăn (19) lá cối xay, phân dê. Đều bằng nhau cũng già bột, dùng 7 đồng tiền cổ cho vào trong nồi đất, đổ nước nấu chín, đang nóng thời xông chỗ đau, lúc nước ấm thời ngâm rửa, rồi lấy khăn vải lau khô.

Lại dùng lá da lóng nấu ra nước đặc, mài mạt dà tăng mà phết, khô lại phết. Một ngày làm mấy lần như thế đến khỏi thì thôi.

#### 9. Truyề̄n trị dương mai lở khắp mình hay lở ống chân.

Vôi lâu năm tán bột, dùng nước mưa ngâm 4, 5 tháng, càng ngâm lâu càng tốt, lấy ra phơi ráo, lúc dùng hòa với dầu mè bôi vào rất hay.

#### 10. Kinh trị lở độc dương mai.

Bột thiếc, bột chì. Đều 2 đồng rưỡi. Rết 2 con sấy khô, tán bột, cuộn vào giấy làm cái mồi nhỏ, tẩm dầu 1 đêm, đốt cháy làm đèn chiếu vào trên chỗ lở 2, 3 lần, 7 ngày thì kiến hiệu.

### XV - HỘT XOÀI (Tiện độc)

Hột xoài là mọc ở háng hoặc ở bụng dưới, bên cạnh chòm lông mu nổi cục sưng lên. Sưng bên trái gọi là Ngư khẩu, sưng bên phải gọi là Tiện độc, đó là vì khi giao cấu không cho xuất tinh hoặc tinh dục nổi lên mà dành dần xuống không được thỏa mãn, đến nỗi tinh huyết chảy ra, uất nhiệt ngừng trệ mà sinh bệnh. Bệnh mới phát thời sưng cục, hơi nóng, ngày dần cứng đau, bệnh nặng thì cử động khó khăn, khi nóng khi rét.

Phép chữa nên tán ứ trê, lợi đại tiểu tiện làm căn bản, không nên dùng thuốc hàn lương sợ khí huyết bị lạnh đọng lại mà không tan, trở thành nhọt to vỡ mù, thời nguy hiểm. Vậy nên chiếu theo các phương sau đây mà chữa.

#### 1. Kinh trị hột xoài mọc.

- Hắc khê̄n ngưu sao qua, Xạ can, Kim ngân hoa, Long đờm thảo. Các vị đều bằng nhau, rượu 1 chén, nấu cách thủy cho sôi kỹ, đợi nguội rót uống là tiêu, rất hay.

- Rau giệu, Bèo tía, Gừng sống. Các vị đều bằng nhau, cũng già nát cho vào ít muối, sắc sỏi lấy 1 chén nước mà uống. Bã đập vào chỗ đau, nhưng trước dùng nước vôi vê một cái vòng chung quanh cho độc khỏi chạy sang chỗ khác, rất hay.

- Bồ kết đập nhỏ, đổ giấm vào, nấu lấy nước đặc, bỏ bã, cô thành cao, đắp vào, đã dùng nhiều lần có kết quả.

- Xuyên son giáp 5 đồng, Tru linh 5 đồng. Hai vị đều tẩm giấm nướng 3 lần, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng. Ngoài lấy Xuyên son giáp tán bột và dát sét 2 vị bằng nhau, trộn lẫn như bùn đắp vào chỗ đau, là khỏi.

- Nhên hùm 1 con, già nát, Rượu 1 chén hòa vào mà uống, đau bên trái nằm nghiêng về bên trái, đau bên phải thì nằm nghiêng về bên phải cho miệng nó quay về phía dưới là khỏi, chưa khỏi lại uống nữa.

- Cá diếc 1 con, Củ mài 5 đồng. Cùng già nát đập vào là tiêu.

- Cao da trâu, cho ít nước vào, nấu cho chảy ra, đặt vào là tan.

19. Có thể là cây Dinh lăng (Linh lăng) cần nghiên cứu thêm.

- Theo phương trên gia thêm nửa chén nước *gừng* khuấy đều đặt vào.
- *Đất bắc* của 1 hòn, hòa nước *gừng* sống và *giấm* tốt khuấy thành bùn đắp vào, khô lại đắp miếng khác, đến tiêu hết thì thôi.
- *Hột vông vang* tán bột, uống 2 đồng cân với rượu là tiêu.
- *Kim ngân* lá hoa tươi giã vắt lấy nước 1 bát, sắc còn 8 phần mà uống, bã đắp lên chỗ đau. Nếu không có Kim ngân tươi thì dùng khô, sắc nước đặc mà uống, công hiệu càng hơn.
- *Quán chúng*, tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu, là tan.
- *Xạ can* 1 đồng rưỡi, *Ngưu tất* kiêng sắt 2 đồng, *Mộc thông* 3 đồng, rượu 1 bát. nấu cách thủy rồi uống nóng, rất hay.
- *Hột ngưu bàng* 2 đồng, sao tán bột, *Phác tiêu* 8, 9 phần, *Mật ong* 1 muỗng. Hòa lân, uống với rượu nóng vào lúc đói, rất hay.
- *Xương bồ tươi*, giã nát, đắp vào tự tiêu.
- *Chẫu chàng* lớn 1 con, lột da bò, để nguyên cả ruột, cho vào 5 củ hành giã nát, đắp vào chỗ đau, lại lấy da nó bọc ngoài, lập tức tiêu tan, huyết không còn độc sót lại.
- *Mật heo* 1 cái, lấy nước hòa với *Rượu* nóng mà uống nóng là tiêu ngay.

## XVI - HẠ CAM

Hạ cam là bệnh dàn ống lở ngọc hành, vì do tình dục nổi lên, lửa dâm lan tràn mà không được xuất tinh, hoặc dàn bà trong âm hộ không sạch mà cũng giao cấu, hoặc khi hành phòng uống thuốc để thèm hứng thú, đến nỗi độc tà kết đọng lại, đều hay sinh ra chứng ấy. Bệnh này thời tiểu tiện gắt đau, rồi đến chảy ra nước tinh hú hỏng sắc vàng đục, bệnh nặng thì sưng đau lở loét. Đại khái chứng *hở cam*, chứng *dổ tinh*, chứng *tiện độc*, chứng *ngu khẩu*, tên bè ngoài đâu khác, nhưng bệnh cùng một nguồn gốc mà ra.

### 1. Kinh trị lở dầu ngọc hành.

- *Móng chân trâu*, đốt tán bột, trộn với *dầu mè* mà bôi, là lành.
- *Ốc vạn* ở khe suối, bỏ vào trong nồi đất nung, tán bột, trước lấy muỗi nóng rửa sạch chỗ lở 6, 7 lần, rồi rắc thuốc ấy vào, rất hay.
- *Dậu xanh* 1 phần, *cút trùn* 2 phần. Cùng nghiền bột, hòa với nước mà đắp vào, khô lại làm nữa mà đắp là khỏi.
- *Vỏ trứng gà ấp* (đã nở con rồi), sao vàng, tán bột, hòa với *dầu mè* mà phết vào, rất hay.
- *Cút heo nái*, lấy đất sét bọc ngoài, nung lửa đốt tồn tính, tán bột, trước lấy nước vo gạo rửa sạch chỗ lở, rồi rắc thuốc bột vào, công hiệu ngay.
- *Mai ba ba* (Yếm cua định), đốt tán bột rắc vào, là khỏi.
- *Mai ba ba*, đốt tồn tính, tán bột, hòa với *lòng trắng trứng gà* xúc vào, rất hay.

### 2. Kinh trị ngọc hành lở chảy nước.

- *Tóc rối* 1 đồng cân, đốt ra tro, *Hót táo* 7 hột, đốt ra tro, đều tán bột, trước lấy lá *quit hei* sắc nước rửa sạch, rồi rắc thuốc bột vào, rất hay.
- *Tóc rối* và *Thanh đại*, bằng nhau, *Xạ hương* chút ít. Đều tán bột, rắc vào rất hay.
- *Gàu* trên *dầu* nhét vào cái *kén*, lại lấy một *kén* khác úp vào, nung trong lửa cháy dở, đợi nguội, tán bột, rắc vào, thì tự khỏi.

**3. Kinh trị ngọc hành vỡ mủ:**

- *Quả mướp* cả hột, giã lấy nước hòa với bột *Ngũ bội tử* xức vào nhiều lần, rất hay.

**4. Kinh trị dầu ngọc hành nổi mụn loét như hột thóc:**

- *Rêu đất* lấy ở chỗ đất ẩm thấp có đọng nước, sấy khô, tán bột, rắc vào, rất hay.

**5. Kinh trị dầu ngọc hành đau buốt, chảy vào sưng to bìu dai, đau đến chết người:** - *Hột mã đề* tán bột, uống 1 đồng cân với *nước cam* là khỏi.

**6. Kinh trị hạ bộ lở ngứa và chảy nước, nóng đau, đại tiểu tiện ít, ăn uống giảm sút, mặt và mình hơi sưng.**

- *Rau sam* 4 phần, *Thanh dại* 1 phần cùng nghiên bột, đắp lên chỗ lở là khỏi.

**7. Kinh trị bìu dai và ngọc hành sưng nóng:**

- *Cút đê*, *Hoàng bá* bằng nhau, sắc nước đặc mà rửa, rất hay.

**8. Truyền trị đau bụng dưới, đau vắt xuống đến ngọc hành.**

- *Ngưu tất* cả cành và lá, nước 1 bát, cho vào ít *rượu*, sắc lấy một nửa mà uống là khỏi.

**9. Truyền trị dầu ngọc hành sưng tròn như dầu dùi trống:**

- *Lá Kim phượng* một nắm, giã nát hòa với rượu đắp vào, 1 ngày là khỏi.

- *Rau sam*, giã nát đắp vào, 1 ngày là khỏi.

- *Hột Xà sàng*, tán bột, hòa với *lòng đỏ trứng gà*, đắp vào thì khỏi.

- *Dầu lòng bếp* giã nhỏ trộn với *lòng trắng trứng gà*, như bún, đắp vào là khỏi, khô lại đắp, rất hay.

- *Cò roi ngựa*, giã nát đắp vào là khỏi.

**10. Kinh trị dầu ngọc hành sưng và ngực:**

- *Nhân hột dào*, sao thơm, tán bột, uống với *rượu* 1, 2 đồng và đắp vào chỗ sưng, là khỏi.

- *Lá sen*, *Bèo ván*, *Xà sàng*. Đều bằng nhau, sắc nước ngày thường rửa, rất hay.

- *Bèo ván*, phơi khô, tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng cân, lấy *dậu đen* ngâm *rượu* làm thang mà uống, lại dùng *bèo sống*, nấu nước đặc ngâm mà rửa.

**11. Kinh trị ngứa và đau ở bộ phận sinh dục:**

- *Hột mã đề*, nấu nước thường rửa, là khỏi.

**12. Kinh trị chứng ngứa ở bộ phận sinh dục, bất cứ khô hay có chảy nước:**

*Thạch xương bồ*, *hột xà sàng*, 2 vị bằng nhau, tán bột, xát vào 3, 4 lần là khỏi.

**13. Kinh trị bìu dai sưng ấm ướt và ngứa (chàm bìu):**

Lấy *rom* đốt bồ kết ra khói mà xông, độ mươi lần, là khỏi.

## XVII - XÍCH ĐIẾN BẠCH ĐIẾN

(Lang ben bạch diến)

Điến phong có hai thứ: xích điển và bạch điển. Xích điển là do huyết trệ, bạch điển là do khí trệ, nhưng đều gốc ở 3 khí *phong*, *thấp*, *nhiệt* mà sinh ra. Nguyên vì ngày thường hoặc ra mồ hôi hay say rượu mà tắm, hoặc hứng gió quạt mạnh, làm cho tà khí thấu vào lỗ chân

lòng mà sinh ra chứng này, tức là bệnh từ ngoài đem vào. Phép chữa nên chọn phương nào cho có hiệu quả.

## 1. Kinh trị phong bạch diến (lang trắng):

- *Hột tật lè tươi*, nghiền bột, mỗi lần uống 3 đồng cân với nước sôi, ngày uống 2 lần, nửa tháng thì lang trắng thành đỏ, một tháng khỏi hết.

- *Dái gà trắng*, *Nhân bạch quả*. Cùng giã nát đập vào chỗ đau, rất hay.

- *Tổ ong tàng*, 1 cái, bỏ muối đầy các lỗ, đốt tàn tính, bỏ hết nước muối rồi dùng *Bồm phàn*, *Thiên hoa phán*, *Xác ve*, đều bằng nhau, tán bột, chia làm 3 phần; mỗi phần bỏ cá 2 con *cá diếc sống*, đổ rượu vào, nấu chín đưa vào chỗkin gió mà ăn cà xương, và uống hết rượu, sau đó ngứa từ trên xuống dưới, chạy ra chân tay là khỏi.

- *Lưu hoàng*, *phèn sống*, nghiền nhỏ, bỏ vào túi lụa, đổ nước nấu một ngày, xát vào rất hay.

- *Cành dâu* đốt ra tro, 1, 2 đấu cho vào cái xứng mà xôi lấy nước ở đáy nồi mà rửa, chỉ 5, 6 lần là khỏi.

- *Dầu mè* 1 chung, hòa với rượu mà uống, ngày uống 3 lần; uống đến 5 đấu là khỏi. Phải kiêng đồ sống lạnh, thịt heo, gà, cá độc và tỏi trong 100 ngày.

## 2. Kinh trị lang do mồ hôi ứ đọng sinh ra:

- *Bèo ván*, ngày 5 tháng 5 vớt lên phơi khô, mỗi lần dùng 4 lạng, nấu nước mà tắm, và lấy bèo tươi giã nát xát vào, rất hay.

- *Mai mục*, *Lưu hoàng*, đều nghiền bột, hòa với nước *gừng sống* cho nhão như bùn, thường đắp vào, là tốt.

## 3. Kinh trị lang trắng, lang đỏ:

- *Gừng sống*, giã nát và xát vào, lâu sẽ thấy công hiệu.

- *Cành dâu 5 tháng*, *Cỏ ích mẫu* 1 thăng rươi, đổ nước vừa đủ, dun nhỏ lửa, sắc còn một nửa lọc bỏ bã cõi thành cao, mỗi lần dùng một chén con, lúc đi ngủ hòa với *rượu* mà uống, đến khỏi thì thôi.

- *Cật heo* 2 quả, lột bỏ màng trắng tắm rượu hấp cơm cho chín mà ăn. Mỗi ngày ăn một lần, chỉ 10 ngày là khỏi, đồng thời ăn nhiều *bao tử heo*, và kiêng hành phong, rất hay.

## 4. Truyền trị trên mình nổi vệt đỏ tròn như đồng tiền, ngứa và chảy nước vàng (hắc lào):

- *Xương chó vàng* 2 phần, *Vỏ trứng gà con so* (đã ấp nở con rồi) và *tóc rói* đều một phần, các vị đều đốt ra tro tán nhỏ hòa với *dầu mè* xát vào rất hay.

## 5. Truyền trị bệnh lở chàm (da săn như cổ trâu) (Ngưu bì tiên) chỗ thương tổn cứng, gai tróc da như gỗ mục và chữa lang đỏ nổi vệt từng mảng ngứa gai ra máu:

- *Rễ núc nác* 1 nắm *Chút chít* xưa gọi là địa hoàng (trồng ở vườn) 10 củ, cùng đập nát, *Thạch tín* (20) 2 phần tán nhỏ, *Giấm* 1 bát, cùng bỏ vào trong lọ, lấy bùn trát chát, nấu cách thủy độ 10 giờ, mang ra mà xức, rất hay. Chớ để thuốc văng vào mặt vì có độc

20. Thạch tín (nhân ngô Arsenicum) thuốc độc bằng A, cấm uống, dùng ngoài cũng phải thận trọng, tránh nhiệt, độc nguy hiểm.

## XVIII - PHONG HỦI (cùi)

Phong hủi (phong cùi) là do gió độc của trời đất sát hại sinh vật và là khí độc làm khô ráo thịt da, làm cho vinh vệ khô kiệt, chuyển vận trở ngại mà sinh ra. Người nào không may mà mắc phải bệnh này tức là bệnh trời làm hại.

Bệnh phát ra thời da tê dai cấu không biết đau, lông và lông mày rung hết, lở loét mà không có mù, khô táo mà không thấp, hoặc khấp mình nổi nốt hoặc ngoài da nổi nốt đèn ngứa, hoặc rung ngón tay, sút mũi. Phàm bệnh này đau là thuộc thực, ngứa là thuộc hư, phong cùi mà ngứa là vốn có trùng. Phép chữa từ xưa vẫn coi là khó, nhưng nghề làm thuốc thì "cứu nguy, giúp khốn" là việc phải làm, chứ không thể "vì gió mạnh mà buông chèo" được.

### 1. Kinh trị phong cùi 2 mắt mờ tối, tóc và lông mày rung hết, sống mũi lóm xuống da dẻ lở loét.

- *Gai bồ kết*, nướng phơi khô tán bột, mỗi lần dùng 2, 3 đồng cân, sắc nước *Đại hoàng* đặc hòa vào mà uống, vài ngày sẽ mọc da tươi nhuận, mọi bệnh đều khỏi, phương này hay, không phương nào bì được.

- *Gai bồ kết* chín lần chưng, chín lần phơi rồi tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân, với *ruou* nóng, uống lâu thì lông mi và tóc mọc lại, da dẻ đều tươi đẹp lại, 2 mắt lại sáng hơn.

### 2. Kinh trị 36 chứng phong. các thuốc không chữa được, uống phương này rất hay:

- *Thạch xương bồ* 1 cân, kiêng đồ sắt, dùng dùi gỗ đập nát phơi khô, đựng vào túi và ngâm vào một bầu rượu ngon bịt kín miệng treo lên 100 ngày, thấy xanh như sắc rau thì lấy cơm nếp một nắm bỏ vào bịt kín 14 ngày nữa lấy ra, hàng ngày uống; là công hiệu.

### 3. Kinh trị tất cả mọi bệnh phong:

- *Bèo ván* lấy vào ngày rằm tháng 7, phơi khô, tán bột, luyện mật làm viên như hòn đạn, mỗi lần uống một viên với *ruou*, lại lấy *bèo* nấu nước đặc thường táp; phương này uống được hơn 100 viên, là hoàn toàn khỏi.

- *Nhua thông* (lấy thứ trong vàng), không kể nhiều ít, bỏ vào nồi đất, nhào nhỏ lửa, nhô vào nước lạnh không tan là được, đem ra để nguội cứng lại, tán bột luyện làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 100 viên với mật trước bữa ăn, sau một tháng thì kiến hiệu.

- *Hoàng tinh* bóc vỏ rửa sạch 2 cân, nấu lẩn với gạo té cho chín, thường ăn cũng tốt. - *Có roi ngựa* phơi khô tán bột, mỗi lần uống một đồng với nước nóng vào lúc đói, ngày 3 lần, 1 năm là khỏi hết.

- *Hà thủ ô* (thứ to củ mà có vần) 1 cân. Ngâm nước vo gạo 7 ngày đem đồ rồi phơi, phơi lại đồ, làm được chín lần đem tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước nóng, ngày uống 2 lần, , uống lâu là khỏi. Kiêng ăn mọi thứ huyết, cá không vảy, tỏi và kiêng đồ sát

- *Rắn hổ đất* bỏ đầu đuôi, mỗi phía 3 tấc, lột da lấy thịt 4 lạng, tắm rượu nướng *Thiên ma* 7 đồng cân rượi, *Bạc hà*, *Kinh giới* đều 2 đồng cân rượi. Các vị đều tán bột. *Rượu ngon* 2 bát, *Mật ong* 4 lạng đều bỏ vào nồi đất nhào thành cao, mỗi lần hòa một chén với nước sôi mà uống, ngày uống 3 lần, uống rồi nên đi nằm đắp mền kín cho đổ mồ hôi, 10 ngày là kiến hiệu

- *Lá thông*, *Thịt heo* đều 1 đồng cân, *Ma hoàng* (bò mát) 2 lạng rượi, cắt nhỏ cho vào túi nhựa, dùng rượu 2 đấu mà ngâm, mùa xuân, hạ ngâm 5 ngày, mùa thu, đông 7 ngày, mỗi lần uống một chén, nhưng không nên uống đến say thì thôi.

- *Lá sen* 3 lá, trước dùng vôi một đầu nhỏ, thủy phi lắng lấy nước trong, bỏ lá sen vào nấu cho nhừ, đổ vào chậu tắm, cởi truồng rồi ngồi vào mà giâm nửa ngày mới ra, 3 ngày ngâm một lần, cứ thế mà làm, mấy lần là kiến hiệu.

- *Lá trắc bá* nấu rồi phơi, phơi rồi nấu được 9 lần, tán bột viên với mật, bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên, ngày uống 3 lần, uống đến 100 ngày là khỏi.

- *Lá kê, Lá sen* 2 vị bằng nhau, phơi khô tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với rượu nóng, ngày uống 2 lần.

- Ngày 5 tháng 5 âm lịch hái *ké dâu ngựa* già vát lấy nước, cô đặc lại, cứ 1 lạng hoặc 7, 8 đồng thuốc thì dùng 1 con cá gầy cân nặng nửa cân, mổ bụng để cá ruột dồn thuốc vào, khâu kín lại, đổ vào 2 bát rượu, dun nhỏ lửa, nấu chín mà ăn, chỉ ăn 3 ngày là khỏi. Kiêng muối và thịt heo 100 ngày thời khỏi hẳn.

#### **4. Kinh trị phong cùi sút mũi, rụng ngón tay, dốt ngón tay đau nhức khó chịu, dần dần rụng từng lóng.**

- *Nhân hạt thầu dầu*, 1 lạng, *Hoàng liên* 1 lạng, cắt bỏ ngâm chung trong một cái bình có đổ vào một gáo nước, mùa xuân ngâm 2 ngày, hạ 3 ngày, thu 4 ngày, đông 5 ngày. Uống vào lúc mặt trời mọc, mỗi lần uống quay mặt về hướng đông, lấy hột thầu dầu bồ đới và lấy nước ngâm thuốc mà uống, dần dần uống đến 4, 5 hột 1 lần. Nước trong bình can lại đổ thêm vào, thấy đại tiện hơi thông lợi không ngại gì, sau hai tháng, ăn tỏi và thịt heo mà thử, nếu bệnh không phát ra nữa tức là dứt nọc, nếu bệnh phát ra lại uống thuốc cho đến khi không phát nữa mới thôi.

#### **5. Kinh trị bệnh phong, xương mềm, lưng và đầu gối đau nhức, bước đi không được, khắp mình ngứa ngáy:**

- *Hà thủ ô* (củ to có vằn) *Nguu tất* đều tán nhò. Đổ vào một thăng rượu ngon ngâm 7 ngày lấy ra phơi khô tán bột, dùng táo nấu lên, bóc lấy cùi già nát, làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 35 viên với rượu vào lúc đói. Kiêng ăn cá không vảy và mọi thứ huyết.

## **XIX - GÃY XƯƠNG**

Nạn gãy xương là vì từ cao rơi xuống thấp; hoặc bị vật nặng đè phải, hoặc đánh nhau, hoặc bốc ngã, làm cho thịt nát xương gãy. Nên theo các phương sau đây mà chữa.

#### **1. Phương thuốc kinh trị lúc mới bị gãy:**

- *Nước tiểu trẻ em* đang nóng hòa vào 1 lít rượu mà uống, thì thông khí hết đau, công hiệu rất lớn.

#### **2. Truyền phương chữa gãy xương:**

- *Quả cam chín* đục gọt lấy vỏ mỏng có dầu, ngâm với rượu cho đậm, trong uống ngoài xoa rất hay.

#### **3. Truyền trị bị ngã bị đánh dập, máu độc ứ trong ruột khiên đại tiểu tiện ra máu:**

- *Muối nồi* nghiền bột, mỗi lần uống 2 đồng can với rượu là khỏi.

#### **4. Kinh trị xương tay chân bị gãy:**

Nắn sửa chỗ gãy lại như cũ, lấy *Hành củ* cà rẽ già nát, xào chín, dập vào buộc lại, người lai thay. Lai dùng rượu ngon 1 bát, chích lấy máu gà trống hòa vào trong rượu, kiếu

- Trước nắn chỗ xương gãy lại như cũ, sau dùng 1, 2 con gà mới nở, nhổ lông, giã nát đập lên, ngoài dùng ván gỗ the mốc làm nẹp ghép quanh buộc lại 1 ngày thay một lần, công hiệu lâm.

- *Bồ kết, Lá Trác bá, Cốt toái* (gọt bỏ lông). Đều bằng nhau và giã thành bột, giã *giึง* vắt lấy nước cốt hòa với thốc bột trên hòa dẻo như bùn, nắn sửa lại chỗ gãy như cũ rồi đắp vào, lại dùng những nẹp bằng gỗ the mốc bện đắng mà bó cố định 3 ngày mở ra tháo, lấy *hành* nấu nước nóng mà rửa lại thay lớp thuốc khác cũng băng bó như trước, nếu 7 ngày còn đau thì gia thêm vị *Một dược*.

#### 5. Truyền trị bị ngã sai khớp hoặc gãy xương.

- *Vỏ trắng cây gạo*, giã nát hòa với *lòng trắng trứng gà*, đổ *giấm* vào nấu chín, trước dùng *giึง* giã xát mà xào vào, và nắn sửa xương lại, khô lại thay, đến hết đau và vết thương bằng phẳng thì thôi.

- *Cóc to*, giã nát như bùn, đắp kháp chỗ gãy, ngoài dùng những nẹp tre bện đặng bó xung quanh, buộc chặt mà giữ cho cố định thì xương tự liền.

#### 6. Kinh trị bị thương vỡ sụn gãy xương và sưng đau:

- *Hành* giã nát hòa với *Mặt trộn* đều đắp vào cho đầy công hiệu ngay.

#### 7. Kinh trị xương gãy thịt nát:

- *Ngưu tất* giã nát đắp vào.

#### 8. Kinh trị bị té ngã sai khớp xương, sưng đau dữ dội, hoặc khớp xương chân tay đau cứng:

- *Cỏ lá tre* cho vào ít *Muối* giã nát hòa với *Giấm thanh*, sao chín lấy lá chuối xé rách đặt vào chỗ đau, lấy thuốc trên đắp vào, lại dùng lá chuối bọc ngoài, nằm yên từ sáng đến tối lại thay thuốc mới, cứ ngày thay một lần, thấy trong chỗ đau phát ngứa thì khỏi.

## XX - BỊ THƯƠNG VÌ ĐÁNH ĐẬP

Bệnh này da thịt đang lành bị đánh đập quá mạnh rồi sinh ra. Nên phân biệt ra ứ máu và chảy máu. Ứ máu thì nên tiêu tán đi, chảy máu thì nên cầm máu lại. Nên theo các phương sau đây mà chữa.

#### 1. Kinh phương trị lúc mới bị đánh (tán huyết):

- *Nước tiêu* hòa với rượu mà uống nóng, để tránh ứ huyết công vào tim.

- *Hành* giã nhỏ, sao chín nhân lúc đang nóng đắp vào chỗ bị thương, người lại thay, đến tan máu thì thôi.

#### 2. Truyền trị bị đánh bị ngã hoặc bị rơi mạnh, máu ứ công vào tim đau muốn chết:

- *Lấy nước mật vit* hòa với *rượu* hoặc *nước dái trẻ em*, cho uống tinh lại ngay.

*Cam chín dò* gọt lấy vỏ mỏng có dầu, ngâm với rượu cho đặc, trong uống ngoài xoa.

- *Huyết giác* 5 thăng sắc rồi chế thêm rượu vào uống, hoặc ngâm rượu uống và xoa.

- *Quế tâm* tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu, là thông huyết khỏi đau.

- *Bồ hoàng* tán bột, mỗi lần uống 3 đồng cân với rượu vào lúc đói.

- *Đậu đen* 5 thăng, nước 10 thăng, sắc còn 2 thăng, chia làm 2 lần uống, bệnh nặng chỉ 3 thang là khỏi.

- *Khuong hoang, Hồng hoa, Gỗ vang* 1 phần, *Dây dậu* dài 2 phân. Bốc làm một thang sắc nước, hòa với rượu và *dồng tiền* uống nóng, không cứ lúc nào.

- *Bã hem rượu*, vắt lấy nước, lấy gỗ *The mộc* mài đặc mà uống và xoa bóp vào chỗ bị thương, sống lại ngay.

### **3. Kinh trị té ngá huyệt ú dụng ở trong ngực, nhổ nước bọt ra máu:**

- *Ngó sen* phơi khô, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân với *rượu*, ngày uống 2 lần rất hay. Không có ngó khô, thì dùng ngó tươi sắc nước đặc hòa với một chén rượu mà uống, bã đắp vào chỗ bị thương.

- *Bông sen*, phơi hoặc sấy khô, hoặc nhai sống mỗi lần 2 đồng cân với *rượu* là khỏi ngay.

- *Lá sen* khô 5 cái, đốt tồn tính, tán bột, mỗi lần hòa 2 đồng cân vào 1 chén đồng tiền, uống nóng trước khi ăn, uếng cho đại tiện ra được máu độc là khỏi ngay.

### **4. Kinh trị bị té ngá hay gãy xương, máu ú ngực bụng đau nhức hoặc kết thành hòn cục, hoặc khí tắc, đại tiện không thông, diên hoảng muối chết.**

- *Địa sao* với *vôi* cho đến lúc địa khô vàng thời bỏ vôi dùng địa nửa đồng cân và *hỏt bìm bìm den* 2 đồng cân, 2 vị đều tán bột, rồi uống với *rượu nóng*, độ nửa giờ sau lại uống thêm *hởt bìm bìm den* tán bột 2 đồng cân để tống mạnh. Hễ thấy xổ ra hết máu độc sặc tím den, từng cục thì thôi uống.

- *Móng chân ngựa bạch*, đốt cháy hết khói, mỗi lần hòa một đồng cân với *rượu*, ngày uống 3 lần, đêm một lần, huyết hóa ra nước, ra theo đại tiện là khỏi.

- *Bông nàng, Gỗ vang, Hồng hoa*, nửa phần. *Nghệ* sao vàng đều nửa phần; Bốc làm một thang, đổ nước một bát, *Rượu* một chén, *dồng tiền* 1 chung, cùng sắc còn 7 phần, uống nóng không cứ lúc nào.

### **5. Kinh trị bị ngá từ trên cao xuống, ú máu dập xương:**

- *Gạc rượu* děo ra, tán bột, mỗi lần uống 3 đồng với *rượu*, ngày uống 3 lần.

- *Lá quít rừng, Dây bạc sau*, cùng già, vắt nước uống lấy bã đắp vào lúc thời hết sưng, khỏi bệnh, rất hay.

- *Cây vú bò, già* nát hòa với *rượu* ngon *muối trắng* chút ít sao nóng mà đập vào, rất hay.

### **6. Kinh trị bị đánh dập lở loét đau nhức:**

- *Hột tràm xanh*, mài với nước, thường thường xúc vào chỗ đau, là hết sưng khỏi đau, rất hay.

- *Cua đồng* 2 con già nát, hòa vào một chén *rượu* đun sôi cho uống, bã đắp vào chỗ đau.

- *Hèm rượu* sao qua, nghiền nát, lấy giấy phủ lên chỗ đau, đắp hèm rượu lên trên giấy lâu chỗ đau như có kiến bò, khí nóng bốc lên thì tan.

- *Quả cà già* cắt lát dày lên để miếng ngồi mới, sấy khô tán nhỏ, lúc dùng uống hai đồng với *rượu* nóng. Một lúc hết sưng đau mà không có dấu vết gì.

- *Lá mần tươi* già nát rịt vào là hết sưng.

- *Dầu mè*, hòa với *rượu* cho uống, và đốt lửa trên một mảnh đất cho nóng rồi ném lên là thay sưng đau đều mất hết, và sau cũng không có dấu vết gì cả.

**7. Kinh trị té ngã bị thương:**

- Võ rẽ đau, lấy nhiều, cao bò vỏ vàng ngoài, đập nát sắc nước nhão thành cao xức vào là khói, và không sinh ra ứ huyết.

- Lỗi cây thông hay huyết giác, cắt nhỏ, đổ rượu vào sắc uống là yên.

- Giứng sống già nát, cho rượu vào, sao chín dấp vào, tan huyết hết đau, rất hay.

- Lá tía tô, già nát, dấp vào, miệng lờ tự kéo lại.

**8. Kinh trị bị thương không trầy da nhưng thịt bị tổn hại:**

- Cù cải, già nát, rịt vào rất tốt

- Nước mật heo xúc vào, tiêu ngay hoặc lấy tủy trong xương heo đục, ngày đêm xát vào chỗ sưng, rất hay.

**9. Kinh trị máu chảy ra không ngọt, thuốc này làm cho không mưng mù và sau khi khỏi không có sẹo, rất hay.**

- Lá tía tô áp vào chỗ chảy máu, đồng thời lấy Bột tía tô rắc vào là cầm máu ngay.

**10. Kinh trị bị thương trầy da chảy máu:**

- Cỏ tim bắc nhai nhỏ dấp vào khỏi ngay.

**11. Kinh trị bị đánh dập lở loét:**

- Lòng đỏ trứng gà, nhiều ít tùy nghi, đổ vào cái xanh rán ra dầu mà súc khỏi ngay.

**12. Kinh nghiệm về thức uống để bị đánh mà không đau (Xinh tà):**

- Dùng Sáp ong cắt nhỏ, nấu lên hòa rượu vào mà uống thời bị đánh không biết đau.

**13. Truyền trị bị đánh dập gần chết:**

Lá thanh táo 1 nắm già nát, Đồng tiền nửa hít, Chanh 1 quả, vắt lấy nước hòa vào, bỏ bã, đổ cho uống là sống lại ngay.

## XXI - BỊ PHỎNG (bỗng)

Phỏng là do nước sôi hoặc lửa làm phỏng người. Bỗng bị phỏng thời da cháy nát, nóng rất đau đớn khó chịu, nên theo phương mà chữa gấp, nhất thiết không nên dùng nước lạnh, bùn lạnh hay thuốc lạnh, vì khi nóng gặp lạnh hay thuốc lạnh ngăn cản thì độc vào sâu làm hại đến gân cốt, cho nên cần phải kiêng giữ.

**1. Kinh trị bị phỏng lửa gần chết:**

- Nước tiểu trẻ em cho uống nhiều rất công hiệu.

- Trầu không hái lá già, già nát hòa với rượu, dùng lông gà chấm phết vào lành trăm phần trăm.

**2. Kinh trị bị phỏng lửa chưa phỏng da:**

- Hạt dành dành đốt cháy, tán bột, trộn với dầu mè bôi vào là khỏi ngay.

- Lá trắc bá để sống già rất nhỏ, dấp vào buộc chặt 2, 3 ngày, hết đau mà không có vết theo rất hay.

- Vỏ cây liễu đốt ra tro, tán nhỏ rắc vào là yên.

- Lá dâu già, đốt tồn tính, tán bột trộn dầu mè mà bôi, ngày 3 lần là khỏi.

- Nước mật heo trộn với bột hoàng bá bôi vào rất hay.

- Vỏ ốc ván ở vách đất đã lâu năm, đốt ra tro trộn với dầu mè phết vào.

- *Xuong hổ*, đốt cháy tán bột, trộn với *lòng trắng trứng gà* phết vào là khỏi.
- *Rêu dát* ở tường cổ, đốt ra tro, trộn với *dầu mè* mà xúc, rất hay.
- *Vừng sống* già nát như bùn, đắp vào rất hay, mà không có vết theo.
- *Cù cải tươi*, già nát đắp vào nếu không có cù thì dùng hột cũng được.
- *Lòng trắng trứng gà* mà mài mực xúc vào nếu được thứ *mực tàu* (21) càng công hiệu.
- *Trứng gà* luộc chín, lấy lòng đỏ bóc vào chảo thau rán ra dầu mà bôi càng hay.
- *Dưa chuột* 3 quả, hái vào ngày 5 tháng 5 âm lịch bỏ vào trong bình trát kín miệng, treo ở ngoài hiên, lúc dùng lấy nước trong bình ấy phết vào, rất hay.
- *Lá phù dung*, *lá dâu* 2 vị bằng nhau. Lấy vào mùa sương phơi khô để dành, lúc dùng tán nhò, đắp vào nếu khô thì hòa với mật mà đắp vào.
- *Nhai lá trầu không* cho nhiều phun nước cốt vào chỗ phồng là hết đau mà không phồng da, thật là phương thuốc thần.

### 3. Kinh trị bị khói den chết ngạt:

- *Lá cù cải* già nát, vắt lấy nước cay miệng đổ vào là tỉnh.

## XXII - BỊ THƯƠNG TÊN ĐẠN

Bị thương tên đạn là trong lúc chiến tranh không may mà bị, nhẹ thì bị thương ở ngoài da, nặng thì sâu vào thịt. Lại có thứ tên tẩm thuốc độc, người trúng phải thời chết, nay biện những phương thuốc chữa ra đây, nên dự sẵn sàng, để tránh khó khăn trong lúc cấp cứu.

### 1. Kinh trị bị tên độc của bọn thổ phi trong rừng sâu bắn trúng, người bị thương có thể chết ngay:

- *Đậu den* to hột, nấu nước hòa với *nước chàm*, *Tiết dê* hoặc tiết heo mà giải độc, ngoài dùng nước lá chàm, xúc vào, không có nước chàm thì lấy *Thanh đai* hòa với nước mà thay.
- *Cành lá chàm* già nát, vắt lấy nước mà uống, bã đắp vào; nếu không có lá chàm thì lấy vải xanh nhuộm chàm vo vào nước mà uống, lại lấy vải ấy còn ướt đắp vào vết thương, là khỏi. Nếu mũi tên không rút ra được, thì dùng *chuột cống* 1 con, mổ lấy óc và gan, nghiền nát đắp vào là hút tên ra ngay.

- *Rẽ lau* rửa sạch đập dập, sắc nước đặc mà uống, là khỏi.

### 2. Kinh trị mũi tên vào thịt không rút ra được.

- *Cút dê* đốt cháy tán bột, trộn với mỡ heo mà bôi, khi rút tên ra được thì thôi.
- *Ngà voi* dẻo lấy 1 nắm, tán nhò, hòa với nước, đắp vào, thì tên ra ngay, hoặc mài với nước cơm mà bôi vào.
- *Chuột cống* đục 1 con, lấy thịt cát ra từng miếng sấy khô, tán nhò, mỗi lần uống 2 đồng cân với rượu nóng, thấy ngứa là tên ra.

- *Trùn dát* 14 con, dùng thử khoang cổ thì tốt, bỏ vào một cái đĩa bằng đồng, gia thêm một lang muối, phơi nắng đợi đến lúc hóa ra nước, thì lấy nước phết vào, chốc lát nổi ngứa lên là tên ra.

- *Ba đậu tươi*, nửa hột, bóc vỏ sao qua, *Bọ hung* 1 con (có phương thì dùng con *ngựa trời* thay *bọ hung*) đều già nát, đắp vào, một lát thời hết đau, hơi ngứa thời cố chịu, đến khi

ngứa lâm thì lắc và nhổ tên ra, lại lấy *Hoàng liên* và *Quán chung* sắc nước mà rửa gấp, và dùng sáp ong nấu với dầu mè thành cao đắp vào là khỏi hẳn.

- *Dέ nhũi* 5, 6 con, giã nát, vắt lấy nước, nhô vào vết thương 4, 5 lần là tên sẽ trồi ra.

- *Bọ hung chết*, 2 con, bỏ vỏ, lấy thịt trắng và tóc *dàn bà* chút ít, đốt ra tro, 2 vị cùng tán nhỏ, trộn với dầu mè bôi vào, đợi đến lúc phát ngứa, lấy tay ấn vào 1 bên mà rút tên ra.

**3. Truyền trị mũi tên và chông tre, gỗ dâm vào thịt, lặn vào chỗ kín, không ra được, hoặc lâu năm thịt đá bọc kín không ra:**

- Ăn *cà mèn*, nhiều ít tùy ý; 5, 3 ngày tự nhiên tên lồi ra.

**4. Kinh trị mũi tên ở trong cổ họng và ở các xương khác không ra được:**

- *Chuột cổng* 5 con, lấy gan giã nát đắp vào, lấy óc tuy và huyết ở đầu đắp vào rất hay.

**5. Kinh trị tên đạn xuyên vào thịt không ra:**

- *Xén tóc* 1 con, thứ 1 sừng mà nhỏ thì càng tốt, *Hàn the*, 1 cục nghiền nhỏ. Hai vị cùng bỏ vào trong bình, cho vào ít nước, lâu lâu tự hóa ra nước, lúc dùng lấy nước ấy nhỏ vào là tên đạn rơi ra, rất hay.

- *Lá nhót*, *Dây chia vối*, *Lá canh châu*, *Cù tằm sét* đều bằng nhau, cùng giã nát, đặt vào, dùng lá chuối bọc ngoài, 1 đêm thì mảnh đạn tự trồi ra.

**6. Kinh trị tên đạn ở trong xương thịt lâu năm không ra:**

- *Sùng đất* 5 con, *Dέ nhũi* 3 con 2 vị đều nhau phơi khô, *Đậu đỗ* 1 phần, *Cá gáy muối* 1 lạng, *Hàn the* 1 đồng, *Hồng hoa* 3 đồng, các vị đều tán bột giã lắn với cá gáy muối làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần dùng 1 viên đắp vào vết thương, nếu vết thương đã kéo kín miệng lại thì khêu cho vỡ ra mà đắp vào, ngày thay 1 viên, chỉ 3 viên (nếu sâu thì 5 viên) là tên đạn trồi ra được, rất hay.

## XXIII - BỊ THƯƠNG MŨI NHỌN

Bị thương mũi nhọn là mũi nhọn các thứ tre, gỗ, loài kim, loài đá xóc vào tay chân, chảy máu không ngừng, hoặc sưng kết thành mù, hoặc mũi nhọn gãy vào trong không ra được, nên chiếu theo phương mà chữa.

**1. Kinh trị bị thương vì dao rựa hay các vật bằng kim loại khác làm đứt thịt chảy máu, cùng bị tre gỗ xóc vào thịt không ra được:**

- *Hoàng lực* 5 lạng, *Bạch lực* 3 lạng, *Độc lực* 4 lạng mà xát lát, *Thạch giải* (cua đá) 3 lạng. Các vị phơi khô, tán bột, luyện hồ làm viên, lớn bé tùy ý, lúc dùng tùy vết thương nặng hay nhẹ mà dùng thuốc nhiều hay ít, nhai nuốt nước, bã đắp vào chỗ vết thương, nhưng chừa một lỗ nhỏ để khỏi bịt hơi mà sưng lên.

- Dùng thêm *Thạch giải* 1 lượng, còn thì theo như phương trên, là một phương thuốc chữa vết thương rất hay.

## 2. Kinh trị dứt tay hoặc bị tre đâm chảy máu:

- *Giội nước tiểu của bò* 3, 4 lần là cầm máu ngay, nếu có vắng nước lạnh vào cũng không can gì.

## 3. Kinh trị mũi kim đâm vào thịt không ra được.

- *Hạt thầu dầu* 1 lượng già nát lấy một lần lụa bọc ra ngoài, rồi đặt thuốc lên trên vết thương thấy mũi kim đã trôi ra thì nhổ đi. Hoặc gia thêm cùi *bạch mai nhục* (mơ nuôi) càng tốt.

- *Mù cóc* trát lên vết thương, lại lấy lá *cây bạch lực* (cây gai kim), già nhỏ, đặt lên trên giấy có mù cóc, bỗng chốc rơi ra.

- *Dέ dũi* già nát, đắp vào một lúc thì mũi kim chồi ra ngay.

- *Cạo* một nắm *ngà voi*, lấy cùi của 1 quả mơ, sắc nước đặc, thường xúc vào, thì mũi kim hóa mềm rồi ra.

- *Gạc hươu*, đốt tán nhỏ trộn với nước mà bôi vào là ra ngay; nếu lâu thì bôi chỉ 1 lần nữa.

- *Gàu trên dầu* đắp vào là ra ngay.

- *Lồng cánh qua* 3, 4 đồng, đốt tán nhỏ trộn với giấm mà bôi là ra, rất hay.

- *Thịt heo*, cắt nhỏ hơ nóng đit vào thì kim ra ngay; lâu ngày cũng công hiệu.

- *Nước tiểu mới* còn nóng đắp vào.

- *Mắt cá gáy*, đốt tán bột nhỏ vào thấy nước chảy ra là khỏi, không có mắt cá gáy thì dùng mắt cá thứ cá khác cũng được.

- *Thực thông*, đắp vào chỗ đau, lấy vài băng lại 4, 5 ngày không đau, không ngứa mà kim tự rơi ra.

- *Cứt dê*, đốt tán nhỏ trộn với mỡ heo, xúc vào, kim tự ra lúc nào không biết.

- *Cứt dê* hòa với nước chút ít mà bôi vào.

- *Lấy lồng đuôi gà trống đèn* 14 cái, đốt ra tro, tán nhỏ trộn với sữa, bôi vào, tự rơi ra.

- *Vỏ quế*, gọt bỏ vỏ ngoài, tán nhỏ, *Sáp ong*, 2 vị bằng nhau, nấu chảy khuấy đều, trước hết dùng 4, 5 lần giấy dán lên trên, rồi dùng lửa hơ nóng, cho thuốc chảy ra, nhỏ xuống trung giữa miệng vết thương, thì kim gãy tự ra.

- *Dâu sì* nhai nhỏ, đắp vào, kim tự ra.

## 4. Kinh trị gai độc đâm vào sinh lở đau:

- *Lá mận*, *Lá đào* già nát lấy nước xúc vào là công hiệu.

- *Dâu đen* nấu nước tắm vào là khỏi.

## 5. Kinh trị gai đâm, chạm phải nước sinh đau:

- *Cành dâu* 3 cành, đốt lên lửa than, cho cháy đứt đôi ra, rồi lấy dầu đút đó dí lên chỗ đau, nguội lại thay, vết thương tự phá vỡ, rồi lấy *rễ hẹ*, già vắt lấy nước xúc vào, buộc chặt vải lại, nếu còn sưng thì cứ thế mà làm.

- *Lá hẹ*, nấu chín, đang nóng rít chặt vào, tự khỏi, hoặc gia thêm *lá chàm* cũng công hiệu.

## XXIV - THÚ DỮ CĂN

Thú dữ căn bị thương, nhẹ thì đau ở ngoài da, nặng thì độc vào tạng phủ mà nguy khốn, nên tùy từng giống mà dùng phương.

### 1. Kinh trị bị gấu, hổ cắn:

Bò sát vào nước nấu sôi thật kỹ, đợi đến lúc nước nguội bớt, thời rửa vết thương để trừ độc rồi sau dùng thuốc xức vào để cho độc khỏi phạm vào trong. Dùng củ sắn dây tươi, già lấy nước uống và rửa chỗ miệng vết thương rồi dùng Phèn phi tán bột rắc lên vết thương là khỏi. Nếu không có sắn dây thì lấy gừng sống mà thay.

### 2. Kinh trị bị hổ cào cấu bị thương

- *Dầu mè* 1 bát vừa uống lại vừa rửa chỗ bị thương là khỏi.

- *Vải nguộm chàm*, cuộn lại làm mồi, đốt lửa 1 đầu, cho vào trong ống tre, đưa khói xông vào chỗ lở. Lại dùng củ sắn dây, sắc đặc, uống trong 1 ngày 3 lần, ngoài rửa mỗi ngày 10 lần là khỏi. - *Sừng dát*, già nát đắp vào, ngày 2, 3 lần là khỏi.

- *Can khuong*, tán bột, rắc vào rất công hiệu.

- *Rượu* thường uống cho thật say, rồi rửa lỏng ra là khỏi.

### 3. Truyền trị chó diên căn, khi mới bị căn thì trên đỉnh đầu người ấy nhất định có 1 sợi tóc đỏ, phải tìm nhổ đi ngay, sau sẽ dùng thuốc chữa. Các phương sau đây, dầu dá ngợp nước cũng chữa khỏi.

- *Cây ké hoa đào*, 1 nắm to rửa sạch vò lấy 1 bát nước đặc, cho vào ít muối mà uống, 10 ngày uống 1 lần, uống 10 lần thì khỏi. Lúc mới bị căn thì lập tức lấy dây dau xương, già nát với ít vôi buộc vào khoảng giữa chỗ bị căn để độc khỏi chạy vào tim. Nếu không thì ngay sau ngợp nước, khó cứu.

- *Rau giệu* 1 nắm, *Lá trầu* nửa nắm, *nôn da lồng* nửa nắm, *nước* 1 bát, vò lấy nước đặc cho uống, bã đắp vào chỗ đau, mỗi sáng uống 1 lần, 7 ngày thì dứt nọc.

Lập tức dùng cái kim chích vào cho ra máu, lấy nước tiểu rửa sạch, rồi lấy một nửa vỏ hột đào nhét đầy phân người vào, úp lên lõi rốn, để ngài nhung lên vỏ hột đào mà cứu. Vỏ hột đào cháy, phân khô, thì lại thay đi, cứu cho đến 100 mồi, ngày hôm sau lại cứu 100 mồi, cứ thế cứu 5, 6 ngày sau lấy *Nam tinh*, *Phòng phong* hai vị bằng nhau, tán bột, trước lấy nước súc miệng nhổ ra rửa sạch chỗ bị thương, lại lấy bông lau khô, rồi rắc bột 2 vị thuốc trên vào, rất công hiệu.

- *Lá cây vông gạo* (thú có lá quanh năm), 1 nắm, vò nước đặc, cho vào tí muối mà uống, 10 ngày uống 1 lần, uống 10 lần thì không lo.

Phương thuốc này không kiêng cử gì cả; ngợp nước rồi cũng công hiệu.

- *Gạo nếp* 3 vốc; *Ban miêu* (nam 7, nữ 9 con).

Cùng sao với Ban miêu vàng thì bỏ đi lại thay vào 7 hoặc 9 con khác lại sao vàng lại bỏ đi, như thế ba lần đợi cho gạo nếp cháy ra khói, bỏ hết Ban miêu, lấy gạo nếp tán nhô, hòa với dầu mè đắp vào, tiểu tiện đi được nhiều là tốt.

- *Nhân hột thầu dầu* 50 hột nghiền với nước giếng cho nát, trước lấy nước muối rửa vết căn, rồi đắp thuốc vào, là khỏi.

- *Ô mai*, tán bột, 2 đồng, uống với rượu là khỏi.

- *Vỏ cây đào* cạo lấy vỏ trắng, 1 nắm, nước ba bát sắc lấy 1 bát mà uống, rất công hiệu.

Ban miêu 7 con, bỏ đầu, cánh chân, dung gạo nếp một vốc, sao vàng, bỏ Ban miêu lấy gạo; Củ gáu 7 phần. Đều tán bột ca hai vị 1 lần với rượu. Nếu đau bụng lâm uống nước xáo lợn 1, 2 bát là hết. Kiêng gió, kiêng mồ, và kiêng trống 7 ngày.

- *Lá hẹ già* nát vắt lấy nước một bát đưa bệnh nhân vào chỗ kín gió lấy nước lạnh rửa vết thương cẩn cho sạch, rồi mới uống lá hẹ, 7 ngày uống 1 lần. 49 ngày 7 lần, trong 100 ngày kiêng ăn đồ chua, mặn, trong một năm chờ ăn cá tanh, và suýt chờ đợi chờ ăn thịt cho, thì đảm bảo được an toàn, nếu không 10 người chết đến 7, 8, thuốc này rất hay.

- *Gừng tươi*, già lấy nước, mỗi lần uống 1 tháng, uống 5-8 lần là khỏi.

- *Can hương* tán bột, 1, 2 đồng, uống với nước và lấy *gừng nướng nồng* chườm chỗ bị thương rất công hiệu.

- *Cao xương hổ* uống 1 đồng với nước và tan bột rắc vào vết thương, rất hay.

#### 4. Kinh trị vết thương chó cắn:

- *Rêu* trên mái nhà, già nát đắp vào.

#### 5. Kinh trị ngựa cắn thành sưng lở đau, hoặc máu chảy vào tim đau nhức;

- *Cỏ roi ngựa*, đốt ra tro hòa với *dầu mè* bôi là yên.

- *Máu mào gà* thường phết vào.

Ngựa cái cắn thì dùng gà trống, ngựa đực cắn thì dùng gà mái là khỏi.

- *Rau sam* luộc ăn cho nhiều là khỏi.

- *Cỏ ích mẫu*, già nát, trộn với *giấm* sao qua, đắp vào, rất tốt.

#### 6. Kinh trị heo cắn sinh lở loét:

- *Nhusa thông* bỏ vào nồi đất, nấu lên, nhò vào nước không tan, rồi vắt thành *niềng* đắp vào, rất công hiệu

#### 7. Kinh trị mèo cắn sinh lở loét đau nhức:

- *Lá bạc hà*, già nát, đắp vào, công hiệu.

#### 8. Kinh trị bị nước dái chồn cào, sinh lở, đau nhức.

- *Nước dái ngựa bạch*, đang nóng tắm vào là khỏi.

- *Cành dâu* đốt ra tro, nấu nước nóng mà ngâm, nguội lại nấu nóng mà ngâm, rất công hiệu.

- *Sáp ong* hơ lửa cho cháy ra, đặt vào chỗ đau, và đốt khói mà xông, làm cho đỡ mồ hôi là khỏi.

- *Dậu si*, nhai nhò, đắp vào, khô lại thay, xem trong miếng thuốc có lông thì thôi, nếu chưa thấy có lông thì lai cứ đắp.

#### 9. Kinh trị bị người cắn, độc vào trong sinh đau nhức hoặc lâu thành lở loét:

- *Yến ru* hoặc *Mai cua đình*, đốt tro hòa với *dầu mè*, xức vào là khỏi.

## XXV - RẮN RẾT, SÂU ĐỘC CĂN

(Phụ: thuốc trừ sâu)

Các giông trùng đều bẩm thụ khí độc âm dương mà sinh ra...; như con rết thời độc ở tai, con cua công nơi miệng, bò cap, ong thì độc ở tại đuôi, con rắn độc ở tại răng, độc truyền cho người thời mới biết là có hại. Nên hễ bị chúng cắn thời nên theo từng loại mà chữa.

## 1. Truyền trị khi vào rừng sâu bị sâu độc, rắn độc cắn:

- Thuốc láo 1 cục bằng ngón tay, nhai nuốt nước, bã xát vào vết thương là khôi, hoặc bị độc lờ ra hồi thối, thì sắc nước *Lá quất hôi* mà ngâm rửa, rồi nhai thuốc láo đắp vào.

- *Ngải nhung* cùu vào vết cắn vài mõi, thời trù hết khí độc, rất hay

- Hơ vết cắn trên ngọn đèn cho nước chảy ra là khôi. Dùng *dầu mè* thấp đèn mà hơ.

- Ngâm rửa với *rượu nóng*, ngày 3 lần là lành.

## 2. Truyền trị rắn cắn, độc chạy vào bụng, trường bụng muỗi chết.

- Vỏ cây đuối, Vỏ cây sung. Bằng nhau, già nát, hòa với một bát nước *tiểu trẻ em*, rồi lấy nước uống.

- *Cỏ may* cả mầm và rễ, hoặc vỏ cỏ may mà uống, nếu đã cầm khẩu thì cạy rãng đổ vào bã đắp vào vết cắn là sống.

- Dùng 2 con dao cùng mài với nhau, ở dưới lấy một bát nước mà hứng lấy, cho uống là lành.

## 3. Kinh trị mọi thứ rắn hoặc sâu cắn bị thương:

- *Cỏ ích mẫu*, già nát, đắp dày vào, rất hay.

- Ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, bóc lấy *hột bồ kết* (trai dùng tay trái bóc 7 hột, gái dùng tay phải bóc 9 hột), nếu dùng nhiều cứ theo số 7 và số 9 mà gấp 10, gấp 100 lần, sao cháy đen, *Bạch chỉ* nửa phần. Cùng tán bột, dùng cò *Thái Lài Tía* già vắt lấy nước hòa vào làm viên bằng hột ngũ đồng, mỗi lần dùng 3 viên uống với *Cỏ mổi* vò ra, bệnh nặng thì thuốc mài với rượu, mà đổ vào, thật là thư thuốc khởi từ hồi sinh

- *Cứt ngỗng*, đắp dày vào, rất hay.

- *Lá đậu ván*, già nát, đắp vào, rất hay.

- *Tỏi và chua me đất* 2 vị bằng nhau, già nát, đắp dày vào, đã kinh nghiệm.

- Nấu sáp vàng chảy ra, lấy ống tre đỗ vào chỗ bị cắn, đỗ sáp vào trong ống tre cho sáp chảy xuống là khôi.

- *Ngót tăm*, già nát, đắp vào là khôi.

- *Mầm non cày gai*, già ra, vắt lấy nước hòa với *rượu* mỗi thứ 1 nửa mà uống, lại lấy bã rít vào chỗ bị thương, thời các chất độc theo các khiếu mà ra.

- *Rết* 1 con, đốt, tán nhò, rắc vào là khôi.

- *Chua me đất*, già nát, đắp vào là khôi.

- *Lá đậu đen*, già nát, đặt vào rất công hiệu.

- *Giả tỏi* lấy nước mà uống, bã đắp vào cũng hay.

- *Vỏ cây bưởi bung*, nhai nuốt nước, bã đắp vào công hiệu.

- *Cứt người*, đắp vào là tiêu, hoặc lấy *nước tiểu trẻ em* rửa hết máu, rồi phun nước miếng vào, rất hay.

- *Rau giền tía*, già lấy nước 1 thang mà uống, bã đắp vết thương là khôi.

- *Gừng sống*, già nát đắp vào, khô lại thay, là công hiệu.

- Lấy *cứt ráy ở tai trâu* đắp vào là khôi.

**4. Kinh trị rắn cắn độc xông lên, 9 khiêu ra máu:**

- *Mòng trâu*, 10 con, dùng thử mới đốt trâu ngựa bụng còn đầy máu, đốt qua, tán nhỏ, uống với nước nóng thời khôi ngay.

**5. Kinh trị rắn cắn, vết thương vỡ loét, trãm thứ thuốc không khôi:**

Trước lấy nước mồi mucus rửa sạch chỗ thối nát cho lòi gân trắng ra, lấy bông thấm khô nước, *Bạch chỉ* giã nát thêm *Đồng phàn*, *Xạ hương* chút ít, nghiền nhão, xức vào, nước độc ào ra, ngày ngày xức vào 1 ít, xức suốt cả tuần thì lành lại như thường.

- *Hột thi* là nghiền bột rắc vào rất hay.

**6. Truyền trị rết, nhện cắn người:**

- *Vỏ rễ dâu* cao lấy vỏ trắng, nhai nhỏ đắp vào là khôi ngay.

**7. Kinh trị rắn rết:**

- *Tỏi* 1 củ giã nát, mài xát chỗ vết cắn là khôi.

- *Óc sên* giã nát, đắp vào rất hay.

- *Cút gà* đen trộn với nước mà đắp.

- *Rau sam* giã nát, đắp vào rất công hiệu.

- *Con nhện* giã nát đắp vào. Trước lúc đó lấy một con nhện sống để vào chỗ bị thương cho nó hút độc, vì nó hay chích ngự được. Ta thử bắt một con nhện giã nát đắp lên trên mình con rết, là con rết tan ra từng đốt.

Trước lấy *gàu* trên *dầu* đắp vào chỗ bị thương, lại dùng giấy bì cuộn lại làm thành 1 cái mồi, tẩm *dầu* mè đốt xông lên khói vào chỗ bị thương, là công hiệu ngay.

- Lấy một *nhánh tỏi* nhai nhỏ, đắp vào là khôi.

- *Rau sam* giã nát, đắp vào là tự khôi.

- *Củ* có *củ* nhai nhỏ đắp vào là khôi.

- *Hột mè* nghiền nát đắp vào là yên.

**8. Kinh trị rết và nhện cắn.**

- *Mài đồ sát* vào *giá* rồi lấy nước phết vào là khôi ngay.

- *Máu mồng gà* phết vào là khôi.

- *Móc nước* miếng trong *miệng gà* bôi vào là khôi.

**9. Kinh trị bệnh hùm cắn người, độc giống như độc rắn.**

- Lá cây *ké* *dầu* *ngựa* giã vắt lấy nước 1 chén mà uống, bã đặt vào chỗ cắn.

**10. Kinh trị nhện hùm cắn, liền nỗi sưng đau gần chết mà khó cứu chữa.**

- Lá *chàm* giã nát cho vào ít *Xạ hương* và *Hùng hoàng* mà đắp vào rất công hiệu, hoặc lấy thử thuốc ấy mà đặt vào con nhện, là nhện hóa ra nước ngay.

- *Rễ hẹ* nhai nhỏ, đắp vào là khôi.

- *Gừng sống* giã vắt lấy nước, hòa với bột sán dây nhão như bùn, đắp vào là khôi.

- Lấy nước *tiểu* (thứ lâu ngày càng tốt) bôi vào chỗ bị cắn, lại dùng *cút gà* sáp ngâm vào rượu mà uống. Nếu không thì độc chay vào chết người.

- Dồn một con *trùn* vào trong *gọng hành* buộc hai đầu lại, không cho hơi lọt vào, rồi lắc di lắc lại cho trùn hóa ra nước, lấy nước ấy bôi vào là khôi.

- *Gừng sống* nướng nóng xát lát đặt vào, nguội lại thay rất hay.

- *Dầu mè hòa với muối, xát vào là yên ngay.*

**11. Kinh trị nhện và ong độc cắn**

- *Tổ tò vò hòa với Giấm đắp vào thì khỏi.*

**12. Kinh trị ong độc đốt.**

- *Lá bạc hà giã nát đắp vào vết khói.*
- *Thanh hao nhai nhỏ đắp vào là yên.*
- *Măng tre giã nát đắp vào là khói.*
- *Rau sam giã nát đắp vào là khói.*
- *Rau dền vò xát vào rất tốt.*
- *Lấy gàu trên dầu đắp vào là khói ngay.*

**13. Kinh trị các thứ sâu bò vào lỗ tai.**

- *Nước hành hoặc Nước hẹ đổ vào là sâu ra ngay, hoặc Thịt heo nướng thơm để bên lỗ tai, sâu bò ra ngay.*

- *Lá dào giã vắt nước nhỏ vào tai.*
- *Nước dái mèo (22) nhỏ vào trong lỗ tai.*
- *Mỡ heo nướng vàng áp vào lỗ tai hồi lâu là sâu ra.*
- *Rom lúa nếp đốt ra tro, hòa với dầu mè, mà nhỏ vào là ra.*
- *Gừng sống giã lấy nước nhỏ vào chút ít là ra.*
- *Sữa dê nhỏ vào rất công hiệu.*
- *Giấm thanh đổ vào đứng dậy là ra.*
- *Dứt ống trúc vào lỗ tai, nhờ người khác ngâm mà hút ra; cách này tốt hơn cả.*

**14. Kinh trị rết chui vào lỗ tai.**

- *Để miếng thịt gà bên lỗ tai là rết ra ngay.*
- *Dầu mè nhỏ vào trong lỗ tai, đến lúc rết ra thì thôi.*
- *Nhện, 2, 3 con, nghiền ra với chút nước nhỏ vào tai.*

**15. Truyền trị đỉa chui vào lỗ tai.**

Lấy Mật ong nhỏ vào, đỉa chết ngay mà rơi ra.

**16. Kinh trị kiến bò vào trong lỗ tai.**

- *Xuyên son giáp đốt tán bột, hòa vào nước đổ vào là ra ngay.*

**17. Kinh trị con sên nhót (trơ) chui vào lỗ tai.**

- *Giã tỏi lấy nước đổ vào lỗ tai, hết sâu bò ra thì khỏi.*
- *Trùn một con đứt vào trong gọng hành, cột hai đầu đợi hóa ra nước, lấy nước đổ vào tai, thì sên nhót hóa ra nước mà ra.*

22. Dùng gừng tươi xát vào lỗ mũi mèo thì nước dái nó tự chảy ra.

**18. Kinh trị vướng vào độc rắn, độc nước khe, độc ở cát, độc con nái (xạ công) sinh cảm khẩu, mờ mắt, chân tay co cứng, độc chạy vào trong bụng kết thành cục, để lâu thì khó cứu.**

- Mâm non cây *ké dầu ngựa* 1 nắm già nát, lấy nước hòa với *ruou* nóng mà đổ cho uống, lấy bã đắp vào chỗ bị thương là lành, kiêng ăn thịt heo.

- *Rau giền tía* già lấy nước 1 tháng cho uống, ngày uống 2 lần, rất công hiệu.

- *Rau sam* già lấy nước một tháng cho uống, dã dấp vào, rất công hiệu.

**19. Kinh trị bị sâu độc con nái sinh lở đau.**

- *Hạt cải trắng* tán nhòm hòa với *ruou*, nặn thành bánh đắp vào, nửa ngày là khỏi.

**20. Kinh trị bị độc sâu rộm da nổi đỏ đau nhức chịu không được.**

- *Rau sam* già nát dấp vào rất hay.

**21. Kinh trị chạm vào lông sâu rộm ngoài da ngứa trong thịt đau, thậm chí lở loét khó lành.**

- *Dâu si* một vốc, *Dâu mè* nửa chén, cùng già cho mềm, dấp dày vào chỗ bị thương, độ một lúc đưa thuốc ra có lông sâu rộm phân ra rõ ràng, đem chôn đi, rồi sắc nước *Bach chi* mà rửa. Nếu lở loét, thì cao *Mai mực* rắc vào rất công hiệu.

**22. Kinh trị người và súc vật bị lở loét sinh giờ.**

- *Dại hời* (thú tám cạnh) sao vàng tán bột, hòa với *ruou* bôi vào thì giờ ra hết.

**23. Kinh trị bị nước rái của sâu độc (quắc sưu), thịt phồng lên như những hột gạo, trong có mủ trắng, nóng rét, đau nhức.**

- *Vỏ cây hè* cạo lấy vỏ trắng, già nát, ngâm giấm nửa ngày mà rửa tự khỏi.

**24. Một truyền phương trừ muỗi.**

Ngày 5 tháng 5 âm lịch, vớt *beo* phơi khô đốt lên mà hun rất hiệu nghiệm.

## XXVI - NĂM CHỨNG TUYỆT

Năm chứng tuyệt là: thắt cổ chết, bị vật nặng đè chết, nằm ngủ thấy ma đè chết, thấy quỷ sợ hãi mà chết, chết rét. Người ta có sống thì tất có chết, nhưng chết một cách bất ngờ thì không phải là mạng đáng chết, cho nên nếu có người bị chết bất ngờ mà xem ở vùng tim còn nóng, thời dấu đã chết một ngày cũng còn cứu được.

Nên tùy từng loại, chọn phương mà chữa.

**1. Phương thuốc kinh trị năm chứng tuyệt.**

- *Bán hạ* tán nhòm, lưỡng bằng hột đậu, thổi vào trong lỗ mũi, cho nháy sống mũi là sống.

**2. Phương pháp cấp cứu kinh nghiệm cứu người chết thắt cổ mà ở vùng tim còn nóng.**

Trước hết từ từ cởi dây thắt cổ, không nên vội cắt, hạ xuống đặt nằm trên nệm đầu hơi dốc xuống, để cổ họng cho ngay, tay bịt miệng mũi, chờ cho hơi hơi, một người dùng chân đạp vào hai vai, dùng tay kéo tóc giữa đỉnh đầu, nên làm cho mạnh cho gấp, không nên gián đoạn, một người lấy tay xát vào lồng ngực, co duỗi tay chân, nếu tay chân đã cứng, cung cố dần dần co lại. Lại khiến người lấy áo dấp mền kín chặt ở hậu môn, chờ cho tiết khí, lại lấy ống tre thổi vào hai lỗ tai cho hơi từ miệng ra như hơi thở. Nếu mắt nhảm thì lấy tay xoa xát ở mí, luôn luôn không rời, chốc lát lấy ít *gừng sống* sắc nước, hoặc lấy *nước cháo* mà đổ

vao, cho nhuận cổ họng, cứ làm mãi, dần dần nạn nhân cử động được mới thôi. Phép này làm từ sáng đến tối, thời đầu đã chết lạnh, cũng sống lại được, còn từ tối đến sáng (vì âm khí thịnh) thời khó cứu, hổn loạn, mắt, miệng, bụng nôn ói đều chết đã một ngày trở lên cũng còn cứu sống, trám lòn cứu được cả trăm.

Cứu huyệt *Dũng tuyến* (giữa lòng bàn chân), ta chân trái, gái chân phải, cứu ba mồi thì sống lại.

### 3. Kinh trị thắt cổ mà kinh khí chưa tuyệt.

- Chất trắng trong *cút gà* 1 đồng cân, *ruou* 1 chén, hoa đậu đũa vào lỗ mũi, sống lại ngay.
- *Lá chàm* già vặt lấy nước đỗ vào là sống
- Tước lây cái lõi nhọn của cây *hành*, dùng ngoáy vào trong lỗ mũi, có máu ra thì sống.
- *Bồ kết* tán bột, thổi vào mũi gây nhảy mũi, hơi thông thì sống.
- *Máu mào gà* trai dùng gà mái, gái dùng gà trống, ngay lúc ấy, cởi từ từ thắt lưng, không nên vội cắt, kíp đổ máu gà vào trong miệng để an tâm thần.

### 4. Kinh trị nằm ngủ thấy ma đè chết, nhưng tim người bệnh vẫn còn nóng.

Kíp đỡ ngồi dậy, lấy tay kéo tóc, dùng *Bán hạ* tán bột thổi vào lỗ mũi, hơi tỉnh lại lấy *Nước gừng* dùng *Dâu mè* trộn đều mà đỗ, sau rồi cho uống thuốc, nếu không có thuốc thì lấy *Nước tiểu trẻ em* đỗ vào.

Lấy *Cành cây dào*, *Cây liễu* trộn với *hương dông* đều 7 tắc, sắc nước đỗ cho uống là sống lại.

### 5. Phép chữa chết đuối đã kinh nghiệm.

Trước lấy dao cạy rãng, đẻ ngang vào một chiếc đùa, cho nước ra được, nhất thiết chớ dốc ngược lên là khỉ tuyệt ngay. Nên chọn một người khỏe mạnh, hốt hai chân người chết đuối lên trên vai mình cho hai lưng sát nhau, cúi lom khom mà di cho ra hết nước; sau lấy *rom*, nếu không có thì dùng *tro bếp*, *dát khô* hoặc *dát vách* nhà, rải lên trên đất, đặt người chết đuối nằm ngừa lên trên, lại lấy *tro* cùng *dát* phủ lên, chỉ chừa miệng và hai mắt, cho hơi nước thấm vào trong đất, lại kíp lấy ống tre đút vào miệng, tai, mũi, lỗ đít, đều cùng nhau mà thổi hơi vào, để cho hơi trên dưới thông nhau, lại dùng *Bán hạ* tán bột nhét vào lỗ mũi, dùng *Bồ kết* tán bột gói vào lúa nhét vào lỗ đít, mót chốc nước chảy ra thì sống.

Lấy *cái áo* và *thắt lưng* dùng *ngải* đốt giữa rốn 3 mồi, lai cho hai người lấy ống tre thổi hơi vào hai lỗ tai mà sống.

*Bồ kết* 3 đồng, *Muối* 1 lạng, *Quế* 1 đồng, *Hoàng lực* 1 lạng đều tán nhò, mỗi lần dùng 1 đồng nhét vào trong ống tre, thổi vào trong lỗ đít, cho nước chảy ra, và dùng muối dấp vào lỗ rốn, đỗ ngải lên trên cứu 3 mồi là sống.

Trước lấy *muối rang* đặt vào *rốn*, đặt nằm trên giường, chân sau giờ cao, đợi nước chảy ra, chớ dốc ngược cho ra nước thì tuyệt khỉ là nguy.

Lấy *gấu* và *Vò cây vông*, giã nát hòa với *Nước mai mucus*, dấp lên trên đầu và khắp mình, và trên rốn, lúc lâu là dùng *Muối* dấp lên rốn, lấy *ngải* cứu 3 mồi là sống.

### 6. Kinh trị bỗng nhiên hôn mê, chết ngất, nhưng mạch còn đậm, ghé vào tai mắt mà nghe, thì hình như có tiếng thở từ nách (ngực) lên.

Phàm thỉnh lính bị ngã lăn ra chết giặc mà nhảm mát, thi chở tháp lửa soi, mà phải cắn gót thật đau vào gót chân và chở giáp móng chân cái, lại nhổ nước miếng vào mặt là tỉnh lại.

Lại tán bột - *Thạch xương bồ*, thổi vào lỗ mũi và lấy *Quế* tán bột bỏ vào dưới lưỡi, rồi lấy nước *Rễ xương bồ* già nát đỗ vào là khỏi.

- *Lá hẹ* lấy nước, thổi vào trong hai lỗ mũi, hoặc mài *sừng tê giác* cho uống.
- *Bán hạ* tán bột thổi vào lỗ mũi là tinh, hoặc *Bồ kết* tán bột thổi vào cũng được.

**7. Kinh trị trúng mọi khí độc hôn mê bất tỉnh.**

Lấy một cái lò nhỏ, đốt than để vào trong, rưới *Giấm* vào, rồi ghé mũi người bệnh vào mà xông cho hơi giấm thông vào là tỉnh lại.

**8. Kinh trị trúng khí độc, bỗng nhiên ngã nhào sấp chết.**

- *Bà đậu* bỏ vỏ, gối nhiều lần giấy, đập nát cho dầu thấm ra giấy, dùng giấy ấy cuốn lại thành mồi, đốt cháy cho khói tỏa ra vào trong lỗ mũi tinh ngay.

**9. Kinh trị bỗng nhiên trúng khí độc mà chết ngắt, hoặc lúc săn có bệnh hoặc ngày thường nằm ngủ, bỗng chốc mà chết tự nhiên.**

Lấy *Lõi cây hành* ngoáy trong lỗ mũi, trai bên trái, gái bên phải, vào sâu 3, 4 tấc, làm cho mũi chảy máu là sống.

**10. Kinh trị trúng khí độc, hoặc bị bệnh rồi trúng phai, hoặc nằm ngủ mà trúng phai, rồi bỗng nhiên chết ngắt.**

- *Gà trống* một con, đưa đầu gà hướng vào miệng người chết, cắt đầu gà cho chảy máu vào trong miệng, ngoài lấy ống tre thổi vào lỗ dít, hồi lâu lại thay người khác thổi, hơi thông được là sống.

**10b. Kinh trị trúng khí độc, gió độc, chết ngắt.**

Cắt *đuôi heo* lấy máu đỗ vào miệng. Rồi trói con heo đó, cho người bệnh nằm gối đầu lên con heo thì sống. Đó là phương thần tiên.

Truyền phương: Hứng *Cút trâu mới ỉa* hòa rượu vào, gạn lấy nước trong, đỗ vào miệng cũng sẽ tỉnh.

**11. Kinh trị chứng sợ ma bỗng nhiên chết ngắt.**

- *Gà trống* 1 đôi (được gà đen thì càng tốt) cắt lấy máu trên mồng đỗ vào miệng, làm cho nuốt xuống, lại lấy gà ấy mở bụng ra đang nóng áp vào dưới quả tim, khi người đem chôn đi đừng ăn.

- Dùng *Máu gà* phết vào trên vùng tim rất hay.

**12. Kinh trị đang nằm ngủ bỗng nhiên bất tỉnh.**

Chớ thắp lửa soi, chỉ nên cắn thật đau vào gót chân và ngón chân cái, lai nhổ nước miếng vào mặt, lại lấy *bùn đáy giếng* đắp lên mặt, để người bệnh nằm thông đầu xuống giường, gọi tên và họ to lên là sống.

**13. Kinh trị trúng khí độc chết thình lình, nôn mửa và di lỏng di ly không ngừng, không biết là bệnh gì, người lớn trẻ con đều bị.**

- *Cút ngựa* 1 cục, vắt lấy nước mà cho uống, cứt khô thì sắc nước uống cũng công hiệu.

**14. Kinh trị bỗng nhiên trúng ác khí.**

- *Đậu đen xanh lồng*, 14 hột, *Lòng dò* trúng gà 1 cái, *Rượu* nửa thang. Trộn đều mà uống.

**15. Kinh trị chứng điên cuồng tự xưng là thánh, chạy lung tung không nghỉ.**

- *Gà trống bạch* 1 con, bỏ lồng, ruột, rửa sạch cùng với các vị *Gừng*, *Hành*, *Vò quýt*, *Muối* nấu canh hoặc nấu cháo mà ăn rất công hiệu.

**16. Phép cứu đái kinh nghiệm chưa được mọi chứng ngoan tà ác quỉ xâm nhập, làm người sấp chết.**

Lấy dây buộc chặt hai ngón tay cái, lấy ngài đốt cho góc móng giáp nhau của ngón tay cái và bốn chỗ góc thịt của đầu ngón tay cái cũng đều đốt *ngài*, nếu 1 chỗ không đốt thi không công hiệu, đốt đến 7 mồi.

**17. Kinh trị chứng bệnh hiện ra như yêu ma quỷ quái xâm nhiễm vào người, sinh ra trầm cảm, giấu giếm, không chịu nói thực.**

- *Gạc hươu*, tán bột, hòa một đồng với nước uống là nói được ngay.

**18. Kinh trị chứng bệnh như bị yêu tà ám ảnh.**

Lấy *Mõm* và *móng chân chim bù cát* đốt, tán nhỏ hòa với nước mà uống, hoặc đốt phân trắng nó, tán bột, hòa với rượu mà uống 1 đồng, chó cho người bệnh biết rất tốt.

**19. Kinh trị chứng thi chú, quỷ chú, là một trong 5 chứng lao truyền thi, làm cho người nóng rét li bì, im lìm lặng lẽ, không biết đau gì mà không chỗ nào là không đau, mắc bệnh năm này qua năm khác, rồi đến nỗi chết, mà chết lại truyền bệnh cho người kế cận.**

- *Đào nhân* 50 hột, giã nát như bùn, nước 4 thăng sắc uống để cho mửa, nếu mửa không hết thì 3, 4 ngày sau lại làm cho mửa, rất công hiệu.

**20. Kinh trị chứng sợ kinh, bỗng nhiên phạm vào người như hình dao dâm.**

**Ngực sườn, bụng trên, bụng dưới đau, xoa bóp không được, hoặc thổ huyết đỗ máu cam, đại tiện ra huyết.**

- *Rượu ngon* hít vào trong lỗ mũi, là công hiệu.

- *Ngài cứu*, vò nát lấy 3 cục bằng quả trứng gà, nước 5 thăng sắc còn 2 thăng cho uống dần.

**21. Kinh trị chứng kinh sợ thổ huyết, bụng trên bụng dưới đau.**

*Phân chuột*, tán bột, 1 đồng, hòa với nước mà uống, nếu không tinh lại, là không phải chứng đó.

**22. Kinh trị chứng trúng khí độc truyền nhiễm.**

*Tóc rối* vò cục bằng quả trứng gà, đốt, tán bột, hòa với nước mà uống, tinh ngay.

**23. Kinh trị trúng khí độc tim bụng và cơ lưng đau.**

- *Muối ăn* 1 lạng dùng vài nhuộm chàm gói ngoài, đốt cho cháy đỏ, hòa vào trong rượu mà uống liền thổ độc ra mà khỏi.

**24. Kinh trị trúng các khí độc tim và cơ lưng đau.**

- *Muối nồi* 5 đồng, *Muối* 1 đồng nghiền bột hòa với một bát nước nóng mà uống.

**25. Truyền trị bỗng nhiên nhổ nước bọt ra máu nhảm mặt há mồm, tay nắm rung giật, cắn răng chết ngất, giống như trúng phong khó gọi là bệnh gì.**

- *Lá cà độc* được hái cho nhiều đem nước nóng, dập vào khắp mình mấy tay chân sống lại ngay.

**26. Kinh trị mọi chứng dịch, người ta kế tiếp nhau mà chết, cũng chữa mọi chứng dịch khác, bụng tim đau không chịu được.**

Cạo lấy *Vò cây anh đào* 2 nắm, giã nát, nước 2 bát, sắc lấy một nửa, chia uống 3 lần, uống trong 2 ngày là khỏi hết.

**27. Kinh trị bệnh truyền nhiễm đau tim.**

- Nhán hột dào một vốc nghiên nát, sắc với nước mà uống tự khỏi

**28. Kinh trị trúng khí độc kinh sợ thô huyết.**

- Cứt bê mới sinh (bò con mới sinh chưa ăn cỏ) 1 vốc. Rượu 3 chung sắc sồi uống là khỏi.

**29. Kinh trị con trai bị chứng kinh sợ, mình có vết xanh mà đau.**

- Hoa kim ngân sắc nước uống công hiệu ngay.

**30. Kinh trị đang ngủ thấy chiêm bao và thấy vật nặng đè khó thở.**

Dùng cái mền nỉ gói đầu nằm là yên.

**31. Kinh trị khi có bệnh thời khí trong nhà thường thấy quái lạ.**

Gỗ giáng chân hương, đốt xông, là tránh khỏi phong tà, đã kinh nghiệm nhiều lần

**32. Kinh trị mùa đông chết rét, và ngã xuống nước giá lạnh mà chết, nhưng tim bụng còn nóng.**

Trước hết cởi bỏ quần áo ướt đì, kịp lấy quần áo khô mà bọc kín lại cho âm rồi dùng gạo rang hoặc tro bếp nóng đựng vào túi vải, đang lúc nóng chườm lên trên tim, người lại thay, đợi cho đến lúc thân thể ấm lên, miệng mở ra, thở được thời lấp rượu nóng hoặc nước gừng, nước cháo nóng mà đổ cho uống, lại dùng Hùng hoàng, Diêm tiêu 2 vị bằng nhau tán bột, cho vào 2 khoe mắt, là súng hê gấp nạn này nhất thiết kiêng hơ lửa, nếu không là chết ngay

## XXVII - CHỮA BỆNH GIA SÚC

Gia súc có ích lợi cho nhân dân nhiều lắm, cày ruộng, bừa vườn, sinh thêm của cải, tể người chết, nuôi người sống, đầy đủ lễ nghi. Không có chúng thời không làm nên được công việc, không rõ được lòng thành kinh. Cho nên vua Phục Hy nuôi 6 loài gia súc để làm thực phẩm. Vua Tề vương toan giết trâu lấy máu làm lễ bôi chuông mà không nỡ giết. Xem đó thì thấy người xưa quý trọng và yêu mến súc vật như thế nào.

Trong một nhà mà gà vịt bị tổn thất thì mất cái cơ sinh sống hàng ngày; heo dê tổn thất thì mất cái cơ sinh sống hàng tháng; trâu bò tổn thất thì mất cái cơ sinh sống hàng năm. Vậy lẽ nào không biết cách nuôi dưỡng gia súc hay sao

Như thế nào chỉ biết có lợi ích mà quý trọng, chứ không biết có bệnh tật mà chạy chữa thì sao theo được tâm lòng tốt của trời đất sinh ra vạn vật. Nay hãy góp nhặt các phép điều trị ở các sách chép rõ sau đây, để giúp cho người lợi cho vật.

**1. Hê khi trời làm tai biến thấy có trâu bò chết toi, thì dùng thuốc này mà phòng.**

Thương truật đốt xông trong chuông, cho trâu bò hit vào mũi là có thể phòng bệnh.

**2. Cách nuôi trâu bò:**

Mỗi sáng ở chuông ra thì trước hết lùa đi uống nước, sau mới cho đi ăn cỏ thời khôi sinh ra chứng trưởng bụng. Mùa đông không có cỏ tươi, phải trữ cỏ khô mà cho ăn. Khi cho ăn rơm lấy nước vo gạo rưới vào, thời dễ béo và khởi sinh chứng táo nhiệt.

**3. Kinh trị trâu bò ăn nghẹn.**

- Bồ kết tán bột thổi vào trong mũi là yên.

#### 4. Truyền trị trâu bò miệng thở hồng hộc.

- *Lá tía tô* một nắm, già nát, hòa với nước đỗ vào lỗ mũi, làm cho hắt hơi xuống, sau lấy một nhúm muối cho vào trong cổ họng, lại lấy *Rễ său dâu*, *cây chuối con*, *Lá noc rắn*, *Cỏ nu áo*, *Cỏ mần chàu*, *Dây bạc sau*, *Cây dưa chuột*, *Lá luối hùm*, *Lá xương sông*, *Lá mành cộng*, *Lá trầu*, *Rễ chi thiên*. Các vị đều bằng nhau, muối chút ít cùng già nhỏ, hòa với nước cho uống, bã thuốc thì đem xát khắp mình là khỏi.

- *Nam tinh*, *Lá nguyên công* (*công công*), *Củ tăm sét*, *Gừng gió*, *Lá mần tươi*, *lá táo gai*, đều bằng nhau già nát hòa nước và một ít giấm mà đổ cho uống, rất công hiệu.

*Hành trắng* 1 nắm, *Gừng sống* nửa nắm, già nát hòa vào một bát đồng tiền, một nhúm muối, hòa đều mà đổ chu uống, rất công hiệu.

#### 5. Truyền trị trâu bò đại tiện bế tắc không thông.

- *Cỏ nu áo*, *Dây dưa chuột*, *Hoa vông vang*, *Cây quỳ xạ* (*Xích hoa xà*) (*không có hoa thi dùng lá non*), *Rễ gác*, *Dây bìm bìm*, *Hồng hoa*, *Tổ mộc*. Các vị đều bằng nhau sắc nước để nguội cho uống là thông ngay.

- *Hoa vông vang* (*không có hoa dùng lá non*), *Lá mồng tai*, cùng già nát, hòa với nước, dùng ruột cây chuối dây thuộc vào lỗ đít, hoặc lấy tay dây vào cũng được, một chốc lại đại tiện thông.

#### 6. Truyền trị trâu bò bị nổi bụng nước sắp chết.

- *Cỏ luối rắn*, *Dây gác*, *Vỏ đuối* (*kiêng sắt*) *tỏi*, *Lá lầu*, *Vỏ său dâu*, *Rễ cây chi thiên*, *Cỏ mần chàu*, *Rễ ba gạc*, *Lá mành cộng*. Các vị đều bằng nhau già nhuyễn vắt lấy nước cho uống còn bã thì đập khắp mình khỏi ngay.

#### 7. Truyền trị trâu bò bị tắc họng, không nuốt được:

- *Phèn chua*, *Bạc hà*, *Rễ cây tràng*, *Trần bì* bằng nhau, sắc lên chờ nguội, để vào chảo nuốt thì thông.

- *Dây tơ hồng* *Cỏ nu áo*, *Tía tô*, *dây dưa chuột*, *Cỏ mần chàu*, Đều một nắm và chút ít *Phèn chua*, phác tiêu già vắt lấy nước cốt đổ vào cho uống thì thông.

#### 8. Truyền trị trâu bò chân sưng phát cước.

- *Lá vông*, *Cỏ nu áo*, *củ sắn sục*, (*Thiên nhiên kiện*) già nhỏ, rịt vào khỏi.

#### 9. Kinh trị bệnh dịch thời khí.

- *Tỏi* già lấy nước bôi vào khắp mình; và dùng củ cải xắt nhỏ cho ăn, là yên.

#### 10. Kinh trị đê sinh mọi bệnh trường bụng và không ăn cỏ được.

Lấy nước rửa mặt, và rửa sạch chất nước bẩn ở trong lỗ mũi, lại lấy muối xát vào mũi là khỏi ngay.

11. Những nhà nuôi gà phải kiêng không nên đốt lá liêu, vì khói bay ra, gà nhỏ thì chết, gà lớn thì mù. Nếu gà mới đưa về nhà, lấy nước nóng rửa chân, thời không bò nhà di chỗ khác.

#### 12. Chữa diều gà không tiêu.

- Nghé 1 củ nướng chín got vỏ, già nát ra, viên lại bằng đầu ngón tay, mỗi lần đút cho ăn 3 viên.

#### 13. Kinh trị gà ăn nhầm phải độc nhân ngôn.

- *Chi den* 1 viên, mài với nước cho đặc, đổ cho uống khỏi ngay.

- *Lá mồng tai* vỏ với nước cho đặc, đổ cho uống, là giải độc.

**14. Kinh trị gà ăn nhầm phải rệp hoặc sâu độc, điều trướng lên không tiêu.**

- Giết sát cao lấy tán bột, Ốc bươu nhỏ, giã nát trộn đều, đổ cho uống sẽ khỏi.

**15. Kinh trị gà lèn sởi đậu.**

*Mu con sam* 1 cái, *Rau mùi* 1 nắm, Hòa với nước xát ra, lấy nước trộn đều cho uống lấy bã đắp vào chỗ đau rất hay.

- *Lá cúc mẩn* (cúc mẩn) giã nát xát vào khắp mình con gà, thì khỏi.

**16. Kinh trị heo gầy ốm không ăn.**

- *Ô dược mài* với nước đổ cho uống.

**17. Phòng bệnh khi nuôi cá.**

Ở bờ ao có thể trồng nhiều loại cây như:

- *Phù dung* để trừ con rái cá.

Hoặc trong nước có chất độc hơi độc mà bống đựng cá ngoi lên mặt nước ngáp lia lịa như sáp chết thì dùng thân *Cây chuối già* đập nát, xé nhỏ, vứt thật nhiều xuống nước thì cá sẽ sống.

PHỤ LỤC

A - CHÚ ĐÁN HÌNH VẼ MỘT SỐ CÂY THUỐC PHÁT HIỆN Ở SÁCH NAM DƯỢC THẦN HIỆU.

Tên vị thuốc	Sách dán quyển, mục số phương và vị thuốc (1)	Hình vẽ	
		Số bảng và cây	Số trang
Ba đậu nam (Man đé)	Đầu /VIII - 223	I - 1	
Bạc sau (Chấp miên đằng)	D./III - 2	III - 1	
Bạch đàn	6/II - 18	IV - 9	
Bạch hoa xa (Quỳ xạ - Đầu công)	9/XXXII - 22	VIII - 5	
Bấn - Mò Vây (Bạch đồng nữ, xích đồng nam)	6/XIV - 2	VI - 1	
Biển súc (Rau đắng)	6/XIV - 2	I - 4	
Bóng báng (Quang lang)	D./VI - 182	I - 2	
Bông gạo (Mộc miên)	D./VII - 234	VI - 4	
Bưởi bung (Cát bối)	1 /IX - 17	VI - 2	
Bướm bướm (Hồ điệp)	1 /VI - 3	I - 3	
Cà gai leo (Cà quính - Khổ già)	D./ V - 138	VI - 3	
Cải trời (Ha khô thảo)	10/IX - 6	VII - 5	
Canh châu (Xích chu đằng)	10/XXII - 5	IV - 6	
Cẩm địa la (củ gấu, nghài máu)	1/XI - 13	II - 2	
Cây lức (Sài hồ nam)	D. / I - 3	I - 8	
Chì thiêng (Lưỡi chó - Tiền hồ nam)	D. / I - 4	I - 5	
Chóc chuột (Nam tinh)	2/II - 2	I - 7	
Chổi sué (Hau hau thay Địa phu tử)	D./I - 39	III - 2	
Chu biên (Bạch long bì)	1/I - 4	VI - 5	
Chua ngút (Nam phi tử)	7/III - 4	VI - 9	
Cỏ cúc áo - nụ áo (Hạt sát nam)	1/VII - 1	V - 4	
Cỏ lưỡi rắn (Độc rắn - Xà thiêt thảo)	9/LVIII - Cc	VI - 7	
Cỏ mần trầu (Thanh tân thảo)	1/XII - 1	VII - 3	
Cỏ seo gà (Phượng vi thảo)	6/X - 2	VI - 8	
Cỏ xước (Nam ngưu tất)	D. / I - 35	I - 6	
Cộng cộng (Nguyễn cộng, xuyên tâm liên)	10/XXVII - 4	V - 2	
Củ tầm sét (Khoai xiêm, tịch lịch căn)	10/II - 14	V - 5	
Cúc mần (Cúc mần, thạch hồ tuy)	10/XVII - 15	III - 5	
Dây chia vôi (Bạch phấn đằng)	1/IX - 1	III - 3	
Dây chùi (thiệu đằng - Nam xuyên khung)	1/IX - 17	VIII - 1	
Dây đau xương (Tục cân đằng)	8/XI - 8	III - 4	
Dây quai bị (Biên đằng)	8/VII - 46	VIII - 2	

(1) Những vị thuốc có ở bản thảo quyển đầu (YD) thì ghi số thứ tự của vị ấy. Những vị dùng trong các phương thuốc ở quyển 1 đến quyển 10, thì ghi số phương

Dây xanh (Nam phòng kỷ)	2/III - 9	VII - 2
Duối (Hoàng oanh mộc)	I - XI - 11	VII - 1
Dại bi (Tù bi, Ngài nạp hương)	9/LVIII - CL	IV - 1
Đơn tía (Đơn mật trời, Bạch thiên liêu)	8/VI - 62	IV - 2
Hà thủ ô trắng (cù sữa bò)	D/II - 75	VI - 6
Hoa gié (Vô gié, Hoàng chi)	1/VII - 17	IV - 3
Hoàng d่าง (Nam hoàng liên)	9/I - 33	IV - 4
Hoàng lực (Rễ sưng)	2/XII - 14	IV - 5
Hoàng nàn (Võ doãn)	4/V - 13	IV - 6
Huyết dụ (Phật dù, huyết thụ)	9/XXXII - 22	IV - 8
Huyết giác (Giác máu, Giáng óng)	10/XX - 2	IV - 7
Hương bài trắng (Bạch mao hương)	D/I - 16	II - 4
Hương bài nâu (Bài thảo hương)	Đ.I (2)	II - 5
Ké hoa đào (ké ướm)	10/XXIV - 3	VIII - 7
Lá dâu (Phu lão diệp)	6/X - 10	III - 7
Mia dò (Đợt dâng, Thủy tiêu)	9/XXXII - 22	VII - 4
Mơ lông (Mi mao)	6/X - 24	VIII - 3
Nam mộc hương (Võ đụt, Tai nghé)	6/X - 24	V - 3
Nam sâm (Cát muôn - Cát sâm)	I/XIV - 1	II - 1
Ngài máu (Cẩm địa la, Tam thất nam)	D/II - 63	II - 2
Ngũ vị tử nam (Hột nấm cơm, na rừng)	D/II - 65	II - 3
Nhân trần nam (Nhân trần bồ bộ)	D/I - 26	II - 6
Núc nác (Hoàng bá nam)	10/XVII - 5	II - 9
Phèn đen (cây nổ, sáp tràng thảo)	4/V - 1	II - 8
Rau dêu (Kê tràng thảo)	6/IX - 5	II - 10
Rau dừa nước (Du long thái)	8/IX - 48	V - 1
Rau rút (Quyết thái)	Đ/IV - 129	VIII - 9
Rong nước (Thủy tảo)	D III - 85	III - 9
Sầu đâu rừng (Da khổ luyện)	1/IX - 17	VII - 6
Sim (Trợ quân lương)	1/XI - 11	VII - 9
Tầm phỏng (Khổ luyện d่าง)	6/X - 2	VIII - 6
Tầm xuân (Tường vi)	Đ.I - 56	VII - 8
Thanh mộc hương (rễ dây khổ rách)	6/X - 9	II - 7
Thanh ngâm (Thảm ngâm, Long đàm)	D/I - 5	I - 9
Thanh táo (Trương sinh)	8/IX - 14	V - 6
Thiên niên kiện (Ráy xước, Sân sục)	10/I - 3	III - 4
Thù lu cái (Lồng đèn, d่าง lung thảo)	5/III - 2	III - 8
Vòng vang (Bóng vang (Đồng quỳ)	D.VII - 212	VIII - 10
Vú bò (Ngưu nái)	6/XVII - 8	V - 7
Vuốt hùm (Trần sa lực)	1/IV - 17	V - 8
Xương sống (Hoạt lộc thảo)	1/II - 31	V - 9

(2) Nguyên bản in thiếu sót với bản chép của Lê Tu Lanh

CHỦ ĐẢN MỘT SỐ VỊ THUỐC NGUỒN ĐẤT ĐÁ KHOÁNG CHẤT

Vị thuốc	Số quyển, mục phương có vị thuốc	Trang
Bạc (Ngân tinh) mạt bạc	6/III - 4	
Chì (Ô duyên)	1/XIV - 39	
Điêm sinh (Lưu hoàng)	1/III - 1	
Điêm tiêu (Tiêu thạch)	D/XXI - 491	
Đá nam châm (Tử thạch)	6/II - 8	
Đất lồng bếp (Phục long can)	1/II - 12	
Đồng tiền kẽm cổ (Không phương huynh)	1/X - 2	
Đon sa (Chu sa - Thần sa)	5/VI - 1	
Hàn the (Bang sa)	6/VII - 1	
Hoàng đơn (Duyên đơn)	1/XII - 5	
Hoạt thạch (Đá mõ)	6/XIV - 1	
Hưng hoàng (Sulfur thủy ngân) có độc	8/XIV - 1	
Lưỡi tăm sét (Tịch lịch châm) đồ đá cổ	D/XX - 489	
Mang tiêu (Phác tiêu tinh chế)	6/I - 37	
Mát đà tăng (Cạn lò bạc, oxit chì)	8/XV - 7	
Muối ăn (Thực diêm)	1/I - 13b	
Muội nồi (Bach thảo sương)	1/XII - 5	
Nao sa (Lộ sa - Muối amoniac)	10/IX - 8	
Phác tiêu (muối Natri)	1/II - 12	
Phèn chua (Bạch phèn - minh phèn)	6/I - 33	
Phèn phi (Khô phèn)	6/III - 4	
Phèn tím (Đồm phèn)	6/VII - 25	
Rì đồng (Đồng thanh)	6/I - 28	
Rì sát (Thiết y)	6/XIII - 3	
Son mài (Đại già thạch)	1/VIII - 1	
Thạch cao	1/IX - 1	
Thạch tín (Nhân ngón) độc chết người (Bảng A)	Cấm dùng	
Vôi (Thạch hôi)	2/XII - 9	

B - ĐỔI CHIẾU "NAM DƯỢC THẦN HIỆU" (NDTH) VỚI BẢN THẢO "CƯỜNG MỤC"  
(BTCM) CỦA LÝ THỜI TRÂN

Bản thảo NDTH	Đổi chiếu với BTCM
Biển súc là rau thài lài (mục I/ vị số 48)	BTCM quyển 16 chép Biển súc khác cây thài lài hay cỏ trai là Áp chích thảo
Toan tương thảo là cỏ chua me (I/60) theo Bản thảo "Tô Tụng đồ kinh" đời Tống	BTCM q.20 chép là: Thổ tương thảo.
Giới kiêu (thảo dầu + 3 chữ Bạch) ở bản A.3024 là cù kiêu theo "Danh y biệt lục" đời Tề (V/108)	Tên Toan tương thảo dùng chỉ cây Đẳng lung thảo (cây lòng đèn) ở q.16. BTCM q.16 viết Giới bạch
Quân đat thái là Cù cải đường (V/122) theo "Gia hưu bản thảo" (1057)	Lý Thời Trân nói tên Quân đat chưa rõ nghĩa, đổi là Diêm thái nghĩa là có vị ngọt (BTCM q.27)
Thiên quân tử là quả bảm (VI/164) xếp vào loại quả	Quả bảm bảm (hay quả tràm) thì BTCM gọi là Hạp đằng tử và xếp vào loại man thảo, quyển 18.
Dam trúc diệp là lá tre và cây tre, xếp vào loại mộc (VII/238)	Lý Thời Trân dùng cỏ lá tre và cỏ chan vít (áp chích thảo) hay Cỏ trai, đều thuộc loại thảo (BTCM q.16)
Điềm qua (dưa bở). Tây qua (dưa hấu) đều xếp vào loại rau (V/143 - 141)	BTCM chép Điềm qua. Tây qua vào loại quả ở quyển 33.
Cây bông gạo gọi là Mộc miên dùng vỏ trắng vị cay, tính bình) già bó gãy xương (VII/234 và q.10-XIX/5)	BTCM q.36 chép Mộc miên, dùng bông xơ hay vải đốt ra tro rắc vào vết thương chảy máu mà không nói về cây bông gạo.
Cát căn là sắn dây vị ngọt, tính hàn (II/72)	BTCM q.18 chép Cát căn vị ngọt cay, tính bình.
Cam phao là vỏ bưởi, vị đắng cay, tiêu dờm thảo thấp chữa phù thũng, bớt đau điểu huyết (VI/172 và q.II-13)	BTCM q.30 chép Hữu bì vị ngọt cay, tính bình tiêu thức ăn, hóa dờm, tán khí uất.
NDTH XV/395 - 404 về lợn (trư)	BTCM q.50 gia súc chép về thi:
Trư tỳ vị ngọt, tính bình	Thị tỳ vị sáp, tính bình
Trư phế vị ngọt, tính hàn	Thị phế vị ngọt, tính hơi hàn
Trư di vị mặn, tính bình	Thị di vị ngọt, tính bình hơi độc.
Trư dạ dày, tính hơi ấm	Thị đố vị ngọt, tính hơi ấm
Trư đại tràng vị ngọt nhạt	
Trư tiêu tràng vị đắng, tính bình	Chỉ có một mục thị tràng vị ngọt hơi hàn
Trư bàng quang vị ngọt mặn, tính hàn	Thị phao hay thị bảo vị mặn, hàn
NDTH không chép những mục do Lý Thời Trân mới phát minh	Còn 14 mục do Lý Thời Trân chép thêm với các phương mới phát minh như Dởm bi, Nhĩ cầu, Ty thận, Phu, Thiết, Yếm, Xì, Cốt, Dái lơn đực, Sữa lợn nái, Móng giò, Duỗi, Lồng, Phân lợn...
NDTH không có các vị Tử tô, Kinh giới	Kinh giới và Tử tô đều được chép cùng với các vị Bạc hà, rau má ở BTCM quyển 14
NDTH có cây Tường vi là Tầm xuân (I/56) như ở "Trùng tu chứng loại bản thảo" đời Tống	Vị Tường vi không có mặt ở BTCM.

Việc đổi chiếu một số vị thuốc trên đây cho thấy mặc dù bản thảo NDTH đã được Vương Thiên Tri hiệu chính thêm bớt theo BTCM, và được Bản Lai bổ sung thêm khi khắc lại bản in năm 1761, vẫn còn những vết tích của nguyên tác khác với BTCM của Lý Thời Trân ở thế kỷ XVI. Điều này chứng tỏ phần nguyên tác đã tham khảo các tài liệu trước sinh thời của Tuệ Tĩnh vào nửa cuối thế kỷ XIV.

Nguyễn Văn Bách - Nguyễn Thiên Quyến  
(Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 272 ngày 1-11-1994 tr 70)

C - TƯ LIỆU LỊCH SỬ

*Chùa Hồng Phúc  
Ở Hòe Nhai, phố Hàng Than, Hà Nội  
Nơi in lại Nam được thần hiệu năm 1761*

*Đền xã Yên Lư  
Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng từ trước năm 1572*

Thần tích đền Yên Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng, do Nguyễn Bính, Đông các đại học sĩ, Viện Quán Mật, soạn năm Hồng Đức thứ nhất (1572) chép hiệu thần:

"*Dương cảnh Thành hoàng Hồng Nghĩa giác tư, trung thiên tiên thánh, quảng đại hoàng tế, HUỆ  
TĨNH thiền sư, cự sĩ linh ứng, thông minh chính trực, dương uy tích phúc, thương thương đẳng phúc  
thần, cao minh đại vương*".

"*Thánh mẫu Hoàng Thị Ngọc, Thánh phụ Nguyễn Văn Vỹ và Tiên công Phạm Văn Gia húy  
Trinh, tòng tự*"

(Hiện nay, Tuệ Tĩnh được thờ chung với các vị Thành hoàng khác của xã là: Bà Lư Thị dời Lý, Tướng Đông Hải dời Lý và Tướng Trần Quốc Nhượng dời Trần - hiện còn di tượng của Đông Hải).

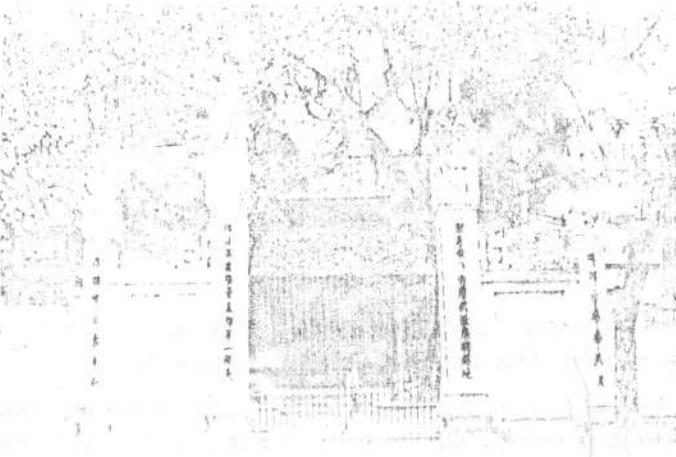
Đảng khoa lục do Võ Duy Đoán biên soạn năm 1654 chép: Năm Long Khánh thứ 2 (1374) triều Trần Duệ Tông thi định.

Cho đậu đệ nhị giáp:

- Nguyễn Bá Tĩnh, người Đông Hải, có sai đi sứ sang Bắc (Trung Quốc), được nhà Minh giữ lại làm điêu hộ (thầy thuốc chữa bệnh) ông đi tu hiệu là Tuệ Tĩnh.

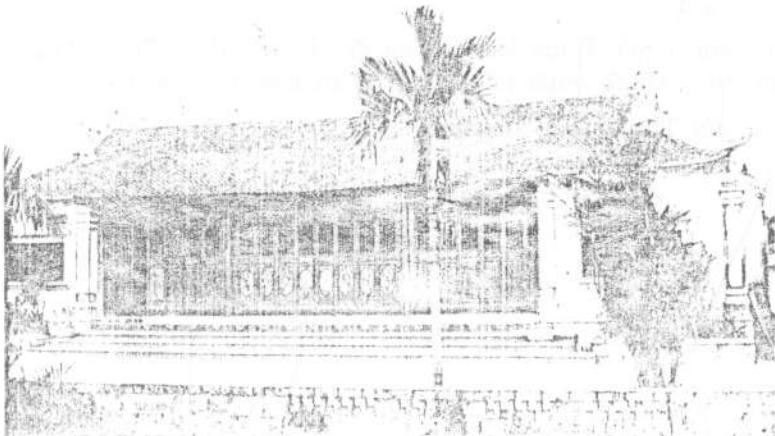
- Vă La Tu, người Thuần Tá, Thạch Hà

<https://vnras.com/drug/>



### CHÙA HỒNG PHÚC

Ở Hoè Nhai, phố Hàng Than,  
Hà Nội nơi in lại Nam được  
thân hiệu năm 1761.

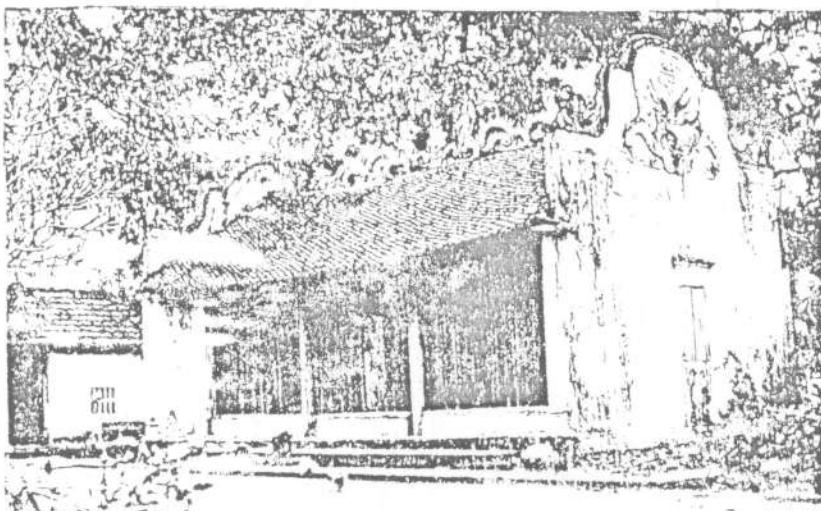


### ĐỀN XÃ YÊN LƯ

Huyện Thủy Nguyên,  
Hải Phòng từ trước năm 1572



Chùa Giám, nơi tu hành và làm thuốc  
của Tuệ Tĩnh, hiện còn di tích tại xã  
Tây Sơn, huyện Cẩm Bình,  
tỉnh Hải Hưng.



Đền Xưa thờ Thanh thuốc Nam ở  
xã Cẩm Vũ

<https://vnras.com/drug/>

NAM DƯỢC CHÍNH BẢN

# HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THƯ

## QUYỀN THƯỢNG

DỊCH GIẢ:

PHẠM HỮU LÃM - NGUYỄN THANH GIẢN - LÊ TRẦN ĐỨC

HIỆU ĐÍNH:

PHẠM VĂN LIÊN - NGUYỄN TRUNG HÒA

Từ khi dựng nước trên cõi trời Nam, kể có hàng trăm nghìn người làm nghề thuốc, nhưng hỏi đến việc trước thư lập ngôn để mở bến bắc cầu cho người hậu học, thì như người leo cây tìm cá!

Từng có bậc lão sư hiệu Tuệ Tĩnh, người làng Nghĩa Phù, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng, ông là một nhà sư, hằng nghiên cứu rộng lê âm dương huyền bí, tìm hiểu sâu về đạo Ký, Biên (1) tinh truyền, đã soạn Bản thảo bằng quốc âm, tất cả hơn 630 vị thuốc, Sau lại đem 13 phương chữa tạp bệnh và 37 phép chữa thương kinh nghiệm của ông, dịch ra ca nôm, sắp cả làm một pho sách, để chỉ lỗi mê, mở đường lấp, giác ngộ cho người dụng tâm thât là nhân hậu tốt đẹp. Sách biên soạn xong, đã đưa khắc bản in mà ra, bán in để tại chùa Hộ Xá, huyện Giao thủy, nhờ đó, người trong vùng đều có một đường hướng về việc chữa bệnh, lưu truyền đến nay, tiếng tăm vang dậy bốn phương.

Mùa xuân năm Đinh Dậu (2) nhà sách Liễu Chàng đem sách này dâng lên Chúa Trịnh. Sau khi ngự xem, Ngài thấy chữ khắc còn nhiều chỗ sai sót, nên đã sai các quan trong Y viện khảo duyệt kỹ lưỡng, chỗ nào lầm lẫn thì sửa lại, chỗ nào sai trái thì định chính, sắp xếp thành niên mục, chia làm 2 tập thượng hạ. Cuốn tu sửa xong được Chúa cho mệnh danh là HỒNG NGHĨA GIÁC TU Y THU (3) và giao cho nhà sách khắc bản án hành để truyền bá trong nước cho ân đức được gội khắp thiên hạ. Mong thấy toàn dân đều bước lên cõi thọ, đời nay còn vui hướng đài xuân, thật một việc bổ ích không phải là nhỏ!

Bọn chúng tôi vâng mệnh trên giao phó, mừng thầy sách đã hoàn thành, xin lược kể sự việc, ghi làm lời tựa.

Nay ngày lành, tháng cuối hạ.

Niên hiệu Vinh Thịnh thứ 13 (1717)

CÁC QUAN THỊ NỘI PHỦ TƯỜNG GIÁ KHẢO ĐÍNH

CÁC QUAN Y VIỆN TÁI KHẢO GIA TẶNG.

(1) Ký Bá là tác giả hoàng Đế Nội Kinh, Biên Thuốc là tác giả của Nạn Kinh. Nội kinh và Nạn Kinh là 2 kinh điển của Đông y xưa nhất xuất hiện vào thế kỷ VII và V trước Công nguyên.

(2) Đinh Dậu là năm 1717.

(3) Hồng Nghĩa Giác Tu Y Thư là sách thuốc của Hồng Đường (tức Tuệ Tĩnh) soạn cho dân.

<https://vnras.com/drug/>

**NAM DƯỢC QUỐC NGŨ PHÚ**  
**(In trong Hồng Nghĩa giác tư y thư quyển thượng)**

# NAM DƯỢC QUỐC NGỮ PHÚ

*Thiên sư Tuệ tinh hiệu Hồng Nghĩa Đường Tráng Tử Vô Dật soạn*

Dật sĩ Lê Đức Toàn hiệu Pháp Thạnh  
ở Hoè Nhài thành Đông Quan sao lục

## 1) Chín khéo thiêng:

Trời sinh một tinh  
Đất hóa muôn loài  
Đôi khí âm dương chuyển vận  
Tư mùa hàn thử vãng lai (lạnh nắng đổi thay)  
Người chịu khí trung hòa, nhân thở cảm thương xẩy phải  
Thuốc đồi phương gia giảm, dùng thì thực hiệu chẳng sai

## 2) Nhớ xưa:

Bản cổ (1) hóa nén  
Thần Nông ném biết (2)  
Nghĩa đặt có tá sử quân thần,  
Tinh xét biết ôn lương hàn nhiệt  
Thương yêu dân yếu trát (3), tiên thánh đã chép để đồ kinh.  
Vui đạo dưỡng sinh, hậu học sá (hãy) tìm nơi diệu quyết:  
Tôi tiên sư kính đạo tiên sư,  
Thuốc Nam Việt chữa người Nam Việt.

- 
- (1) Theo quyển thuyết Bản cổ là người ra đời đầu tiên, là tổ của muôn vật Lồ sứ - Từ nguyên).
  - (2) Dưới đời Thần Nông ở Trung Quốc, (2890-2698 trước công nguyên) người xưa đã biết ném cỏ cây và nước suối để phân biệt mùi vị và tính độc hay lành.
  - (3) Yếu là chết non, Trát là chết dịch, nói chung là chết chóc.

### 3) Trước sá nói:

Bạc vàng đất nước

Ngọc đá sắt gang.

Tuyết diêm yêu thay muối trắng,

Vân mẫu tốt bảy vảy trang (4)

Cửu khống danh ốc Quyết minh, chữa mục hòn (mắt mờ) ắt hiệu;

Thạch cao hiệu rắng Phương giải (5) ngăn đầu thống (nhức) khôn đang

Cút dơi hiệu Dạ minh sa vốn chư phân Biển bức;

Son mài là Đại giả thạch sinh ở núi Phương hoàng.

Luyện thủy ngân bào rắng Khinh phấn (6):

Lọc nước đất hiệu ốc Địa tương.

Trần thạch khôi là bột hòn vôi; đất trên mặt vách danh trần biến thô.

Mật đà tăng (7) là kẽm lò bạc, muội trôn nồi hiệu Bách thảo sương.

Tích lịch châm, được lưỡi tẩm sét (8)

Giao đạo thổ, lấy đất ngã đường.

Định diêm hiệu Diêm tiêu: Quan phấn ấy phấn giỏi mặt.

Hòn lạnh danh Hoạt thạch; Huyền tích này thuốc quang gương.

Thu thạch là cặn đáy để góp (9)

Hồ phấn là phấn chì tó quang (10)

Đất giữa đường cái danh Thiên bộ phong nê,

Nắng cả đông nên hằng giát thát;

Nước trên cọc rào hiệu Bán thiên hà thủy,

Mát thay giải được khi dương cang,

Nước đáy thằng trẻ là Đồng tử tiểu tiên;

Đũng xổng đàn bà là phụ nhân côn đáng.

Nguyệt hạ thổ, Phục long can, khoét đất giữa bếp;

Lương thượng trần, ô long vĩ, giữ bụi trên rường.

(4) Vân mẫu là mỏ Mica, nước ta có ở La Phù, Thanh thủy (Phú Thọ).

(5) Thạch cao (calcii Sulphati: CaSo<sub>4</sub>, 2420), Phương giải thạch (Calcii carbonisti: CaCO<sub>3</sub>) đại thể giống nhau và có công dụng giải nhiệt tương tự, nên xưa đã dùng lẫn lộn. Lý Thời Trần (thế kỷ 16) đã chép 2 vị khác nhau (Bản thảo Cương mục quyển 9).

(6) Khinh phấn là muối thủy ngân Clorua (Hg<sub>2</sub>C<sub>12</sub>) hay Calomelias.

(7) Mật đà tăng gồm thành phần chủ yếu là chì oxyt (PbO) thu được khi nấu kẽm: lớp trên nồi là kẽm, lớp nhì là chì và bạc (plumb argentifere). Đốt thì chì oxy hóa còn lại bạc.

(8) Lưỡi tẩm xét là lưỡi dao đá nổ nhất được hay đào được dưới đất chỗ bị sét đánh.

(9) Thu hoạch: bột Thạch cao chế với nước tiêu trẻ em và nước sương mùa thu.

(10) Hồ phấn, Bách phấn, là phấn chì (corbost plumb).

Ngoã lăng dài là rêu phiến ngói,  
Viên thượng y là rêu mặt tường  
Cứt sắt danh thiết y, Nạo sa (11) át cát sỏi cũ.  
Vảy sắt hiệu Thiết lạc, Châm sa (12) này mạt Kim lang  
Xích hàm mặn thay nước chật (13)  
Kim tiết đúc chói trầm vàng (14)

#### 4) Lại có:

Chì hồn thủy ngân là duyên bạch sương để trong công giấm mà nén (15)  
Bạch hòa Tiêu thạch (Diêm tiêu) là Sinh ngân tiết, đốt lấy thủy ngân sở  
hóa (16)

Trái cân danh Xứng chuỳ, tinh sứng,  
Đất thô hiệu Thiện thổ, bạch á (ác).

Ngưu xỉ là Thạch Bồ tát (17) cho biết cái răng trâu,  
Hạt trai là Ngọc trâu châu, chó lâm con mắt cá,  
Từ thạch áy hòn đá Nam châm,  
Vũ bạc thật là mưa đá.

Cổ văn tiền là tiền cũ; Nhiệt thổ ông chụm ba đầu rau đứng quanh;  
Tự nhiên đồng là đồng rời; Thủ hỏa bà đặt một hòn lốc ngồi giữa,  
Phục long thi là tro cửa bếp, vật hèn;  
Đăng tàn bản là than hoa đèn, thụy (điếm) lạ.

Tự nhiên trấp có sở dụng làm mặt thuốc, đâm rồi vắt lấy ròng ròng;  
Đảo lưu thủy, cầm nước đổ lên mái nhà, khí chảy xuôi lă lă.  
Kim tinh, Ngân tinh, áy vàng bạc thô;

Kim bạc, Ngân bạc này vàng bạc lá.

Duyên hoa là Đơn thuốc (17), Mai đế hoa: muội dưới xanh gang;

(11) Nạo sa là muối Amoniac.

(12) Nước mài kim bằng thép.

(13) Nước biển kho hay nước ớt ở bãi muối có thể dùng chế Phác tiêu.

(14) Vàng ròng có tác dụng trấn tâm an thần.

(15) Chì và thủy ngân với giấm biến thành các loại acétate chì, acétate thủy ngân và có thể acétate kẽm, dùng chữa các bệnh ngoài da có trùng. Acétate chì (Duyên bạch dương) pha nước loãng có tác dụng sát trùng và cầm máu (rất độc).

(16) Quặng bạc với Diêm Tiêu nung hay là tác dụng với acide nitrique của Diêm tiêu thì ra nitrate bạc (Ngân tiết). Khi nung thi có thủy ngân tách bay ra (quặng bạc thường thường có thành phần thủy ngân). Nitrate bạc dùng chữa bệnh ngoài da.

(17) Duyên đơn, Hoàng đơn (minium) chế bằng các oxy hóa chì, tức là lõi chì (pb304).

Thổ chu là Sơn nham, Lô cam thạch: Cam lồ (18) nung lửa.

Vô khôi, Đậu lâm, Phiến trà, Thanh trước, chín đều nhũng  
giống men riêng;

Vô căn, Quất thùy, Đông lưu, Tinh hoa, thật cũng một dòng nước là.

Nam Tử âm mao là lông dài đàn ông;

Dương phụ trào giáp là móng tay gái chưa.

Não chi, khêu cứu ráy, muốn uống rượu nếu phải thì dừng;

Phát bí, cắt tóc ngôi, chảy máu cam (mũi) đặt tra liền đă.

## 5 ) Hợp cho thông:

Kia loài ngọc đá.

Nẹ giống cỏ sảng.

Xuân hoa nhuỵ, hả tim cành lá;

Đông cội rẽ, thu hái trái trắng..

Ý dĩ nhân, tính vốn chữa phong, là hạt Du dĩ (cườm gạo)

Tát trùng già, công hay trị sán (sa đì) là hạt Màng tang.

Lá tia sau áy Bách thiên liều (Đơn tia)

Dây bạc sau này Chấp miên đằng.

Rêu cau hiệu Lang đài, lá Đinh cay là Tân đàn diệp:

Lõi thông danh Tùng cốt, củ Bồ nâu áy Vũ dư lương (19)

Lục lam diệp, lá Chàm vo tựa lục

Hương lam diệp, lá Chàm thơm nở (như) hương.

Bạch đồng nữ, Xích đồng nam, Hoa đau mắt (20) phân loài đồ trắng.

Tân lang nhàn, Đại phúc tử, hạt trái cau rẽ có âm dương (2 màu)

Dã ưu đàm là trái ngái nhựa,

Sơn thư dự (Hoài Sơn) là củ mài rừng.

Dây cỏ danh Hương đằng, trái giun là Sứ quân tử;

The móc danh sam mộc, phán nứa là Thiên trúc hoàng.

Tổ tiết thảo lấy Đồ khu trắng dưới vũng (?)

Xích diện thảo là lá Bà a đất (Hy thiêm) bén đường.

Bách bộ căn nhiều báy Cù Trăm, cỏ Mành chầu là thanh tân diệp;

(18) Lô cam thạch (Calamina) là muối kẽm thiên nhiên, với thành phần chủ yếu là chất kẽm carbonat ( $ZnCO_3$ ). Ta có ở mỏ kẽm vùng Tuyên Quang.

(19) Củ nứa, thời cổ ta gọi là Vũ dư hương (Đào Hoàng Cảnh). Trung được gọi là Giá khôi, còn tên Vũ dư hương chỉ một loại đá (BTCM q.18.10).

(20) Cây Bán, vậy, hay Mò đều được Tuệ Tĩnh và Lan Ông gọi là cây hoa đau mắt có lẽ vì kinh nghiệm dân gian nói hoa cây này vào mắt gây đau mắt.

Thiên lý hối yêu thay lá Giấp cù riêng ain là Cao lương khương.  
Đô cấp sự trung, độc dữ cù Cam toại,  
Cốt ngạnh nguyên quân, rắn rỏi cù kim cang.

## 6) Thêm có:

Cam lô bì là vỏ chành Chành,  
Đại bì đằng là dây Rung rúc.

Thương nhĩ tử, bóc hạt Trái ké; Lão bò đằng rút dây Đổ dài.  
Trường mệnh diệp hái lá Đau xương; Dạ hò cǎn đào cù Thương Lục.

Vỏ cây Quế ấy Quan quế bì,  
Thịt trái Dao danh Hồ đào nhục (21)

Chí huyết băng (cầm máu) tim bông cỏ nến vốn hiệu Bồ hoàng,  
Thông lâm bê (đái buốt) hái ngọn thái Lài cỏ danh Biển súc (22)  
Củ ráy quắn, tục gọi Sơn đằng.

Rễ ráy xước người rằng Sắn sục (Thiên niên kiện).

Khu trú quý my, luyện Dao giao, nấu nhựa cây đào;  
Tiêu hóa phong đàm, thiêu Trúc lịch đốt lửa cây Trúc.

Hương cải tử, ngon thơm trái Gai (dứa)  
Phật đầu anh, tốt lành nụ Cúc.

Dây nấm cõm danh Hồng nội tiêu, Yến thảo là linh Lăng,  
Võ núc nác hiệu Hoàng bá bì (23); thù nhĩ là tai khúc (24)

Vỏ trái bưởi hiệu ấy Cam phao,  
Vỏ trái cau danh rằng Đại Phúc.

Điền cù là Cù Chóe, trái Lốp Bốp chua báy Toan tượng (25)  
Điền vu là Cù Khoai, cải Lú bú ngon thay La bặc (cải củ).

Thúy Hồng hoa gọi cây Đô Khu (?)  
Bạch địa dương rằng cây Đồng ốc (Bồ cu vè).

## 7) Đến nhẫn:

Ngải diệp danh lá Ngải,

(21) Nghi có sự sai suyễn: Hồ đào nhục là nhân hạt óc chó, thịt quả đào ta thường ăn thì gọi là Dao thực nhục.

(22) Biển súc là Rau đắng, xưa dùng Thái lài cũng như Biển súc để lợi tiểu

(23) Tuệ tinh dùng vỏ Nút nác thay Hoàng bá và gọi là Nam hoàng bá.

(24) Tai khúc là Rau khúc ta dùng làm bánh Khúc, gọi là Thủ khúc thảo.

(25) Cây lông đèn (thù lù) có quả rỗng và vị chua nên cũng gọi là Toan tượng thảo.

Sa nhân hiệu Súc sa.

Ghét trúc xe là Xa du chi phán,

Chè lưỡi sẻ là Tước thiệt hảo trà.

Bạch lực: cây lăn tăn những gai; lá ké ướm danh Tiếu kem diệp.

Hắc lực: cây quít rừng dày lá; hạt Thâu dầu hiệu Thảo tỳ ma

Lõi vang rằng Tô phương mộc (Tô mộc)

Bông lam hiệu Hồng lam hoa (Hồng hoa)

Hạt cuộn gọi Nhuy nhân; Áp chích thảo là cỏ Chân Vịt;

Hạt cái danh Giới tử; Phượng vĩ thảo này có seo gà (26)

Dá tó, Bạch tó áy bông Kinh giới;

Kê tó, thủy tó này là lá Bạc Hà.

Gia cứu thực áy hạt Hẹ, có danh Nhất chủng cứu sinh tử;

Cầu niệu dài là nấm chó, có hiệu Triêu khai mộ lạc hoa. (27)

Kim ngân, Tả toàn cùng một giống Nhẫn đóng thảo;

Kim ngân đại tử cùng một giống cầm địa là (củ Gám) (28)

Hồ tuy là Mùi tui (29), thạch lựu bì áy vỏ Thạch lựu;

Cô bô là Nielsing nielsing, Bà a diệp này lá Bà a.

Cây thanh ngâm danh Thảo long đóm.

Dưa chuột dại hiệu Dã thử qua.

Tần bì là vỏ de (30), Xích tiểu đằng là dây Răng bà ngựa.

Lý bì là vỏ mận, Bạch tu đằng là dây Râu ông già,

Độc sinh thiên đình hái gai Đồng (Bồ ) kết;

Đa thích trúc duẩn, bê măng tre Là ngà.

Mặt ly, căn, là rễ Nhài, cây cỏ dùi trống danh Đời tinh thảo

Khổ trúc duẩn là măng tre, hạt củ lú nú hiệu Hồ lô Ba (31)

Tông lư tử, người rằng trái Móc,

Tru đổ tử, là ốc trái Đa.

(26) Ta gọi có Seo gà là Phượng vĩ thảo, Trung được gọi là Thuý vũ thảo.

(27) Lý Thời trân gọi Triêu khai mộ lạc hoa là Hoa Dâm bụt (BTCM q.36).

(28) Mùi tui, mùi ta, Ngò ri.

(29) Cầm địa là xưa ta gọi Ngải máu (*kaempferia rotunda*) dùng chữa đau bụng máu, như câu ca dao:  
(Đau bụng van cha, uống cầm địa là thì lành).

(30) Vỏ de - Phạm Hoàng Hội gọi cây Trần.

(31) Hột củ cải được thay dùng Hồ lô ba, nhưng hai vị khác nhau (BTCM p.25 và 26).

## 8) Lại hay:

Túi góp trăm mùi

Vườn trồng mọi vật.

Tân, trân (mới, lâu) kiến hiệu, vỏ Quít chia

Thanh bì, Trần bì; hoan, cấp (chăm, chóng) thu công, trái tráp phân chỉ  
xác, Chỉ thực.

Vỏ bưởi ngọt hiệu áy cam bì,

Lá Quýt hôi danh răng Xú quất.

Đại hải là dây Dài hải, Xích chu đằng áy dây Cảnh châu;

Xuân đằng là cây Truyền đằng, Dạ chiết phong là cây Muống đất.

Trái Na vĩn hiệu Quỳ thần,

Cỏ xước có danh Ngưu tất.

Cao sơn hương là rễ cây sả, lá trầu ác (không) chín áy Cù tương;

Uu đàm bì là vỏ cây sung, cù Ngải Máu (nghệ đen) thực rày Nga truật.

Lang hoa gọi áy Tua cau,

Lật thảo bảo răng Lá lật (?)

Đỗ nhược là Riềng cà, bông mọc mạch có hiệu Hồ ma (32)

Họàng dương là Đò ho, mầm Thường sơn có danh thực tất.

Phấn mệnh đằng trắng bảy chia vôi,

Bạch đường vì ngọt thay Dây mật.

Lúa chiêm danh là mạch, nấu gạo nếp mới được Dì đường (33)

Lúa chăm gọi là đồng, ngào mật mía liên nên Thạch mật (34)

Vỏ dâu danh áy Tang bì

Ích mẫu hiệu răng Sung uất.

## 9) Biết vậy:

Nên danh thấy giỏi,

Dùng thuốc có công.

Thủy hồ điệp giữ cây Rút nước.

Hoạt lộc thảo hái lá Xương sông.

Đại dân đằng là dây Lõi tiễn, đậm trúc diệp xanh xanh lá Trúc

(32) Hồ ma là vững (mè) nghi có sự sai suyễn.

(33) Mầm mạ nếp nấu thành kẹo mạch nha (dì đường).

(34) Mật mía để lâu kết tinh thành đường phèn (thạch mật).

Thanh long đằng là dây Lồng trống, Xích đồng bì sơn sạn vỏ Vông.

Ba đậu, Giang tử bóc hột Mần đé.

Mao sưu, Thuyết căn, đào rễ Kim luông.

Tráng (mạnh) dương tìm Thanh cao rừng, danh Xà sàng tử;

Bổ âm lấy Tóc tiên cỏ (củ lan tiên) hiệu Mạch môn đông.

Hồ điệp đằng ấy dây Bướm Bướm

Trọng xuân hoa, này bông Đồng đồng.

Tiểu xà thiêt, Vương tái tô, là cây Nọc rắn;

Hồ tôn Khương, Cốt toái bổ, là cây Tô rồng.

Tông bì xé bẹ cây Móc,

Tùng la hái gửi cây Thông.

Giải biếu nhiệt dùng lấy Cát căn, cà thay củ săn.

Chỉ nghịch khái (ngừng ho, náu) tìm tòi Thị đế, nhô bảy Tai Hồng.

Trái trám danh răng Cảm lâm, (35)

Bông lau hiệu ốc Bồng nồng.

Sương nhị là trái Hồng phơi khô, cây Nê danh danh răng Hoàng nẽ;

Ô thị là quả Hồng hun khói, cây Kiêu (ruột già) hiệu ốc (36) Mộc thông.

## 10) Thực thể:

Mơ lóng hiệu My mao,

Bưởi bung danh Cát bối.

Tham sơn canh là Tóc tiên núi, Úng thái trống bè muống lénh đênh;

Thiên môn đông là Tóc tiên leo, Du long thái; ngọn ra dừa yếu đuối.

Thảo gian: lươn lướt gãi gon, (lá) gon)

Thảo ta: Xanh xanh bờ cói.

Xuyên tiêu, Hoa tiêu, Hán tiêu cùng là hột Sê cay; (Đắng cay)

Sương mai, diêm mai, Bạch mai cùng là trái mơ muối.

Ô Cựu đào lấy Rễ sòi,

Hoàng oanh khoét vỏ Cây đuôi.

Xuyên châu tử ấy trái Vỏ dẻ, Ô mộc gọi ốc cây Mun;

Kim linh tử thực quả Sầu đâu, Tử côi báo răng cây Gội.

Tịch thư thảo là có thuốc giòn,

Nguyên cộng diệp là lá Thuốc muối.

Luật thảo diệp hái lá Đinh cai; Da biếu ấy Sọ dừa khô,

(35) Cảm lâm. Cà na, trám.

(36) Hiệu ốc, từ cổ, nghĩa là, gọi là tên là.

Ngũ vị tử lấy hột nấm cùm, Ô mai thực Mơ hun khói.  
Phong hương thơm báy Nhựa Sau,  
Đường cầu ngọt thay trái Vối.  
Biển hao là hoa Đậu mỡ (ván), Lòng nhẵn khuẩn hái meo nhẵn trên cây  
Lô căn là rễ cây Lau, Thạch xương dương lấy Xương bồ dưới suối.

### 11) Ấy chín:

Cây vú bò danh rangle ngưu nãi.  
Cỏ vẹt (roi) ngựa hiệu ốc Mã tiên.  
Củ lăng rangle Vương qua, Thổ qua, Thạch tùng căn ấy, Tỏi la đá,  
Gạo nếp rangle Đạo mễ, Nhu mễ, Bạch long bì thực vỏ chu biền.  
Thảo tam lăng là cây Dừa nước,  
Sơn tam lại (nại) là củ Địa liên.  
Ô phiến, Xạ can, Tiên hân chưởng là cây Quỷ phiến (rê quạt)  
Huyên thảo, Lộc thông, Nghi nam thảo là củ cây Huyên (hoa hiên)  
Trúc như cạo tinh cây trúc (phoi tre)  
Liên phòng hái gương cây sen  
Bạch đàn hương áy hương bạch đàn, xưa áy làm lục cúng,  
Trầm thủy hương này hương Trầm thuỷ, cũng cảm đến chư thiên  
Khổ luyện rangle là dây Tầm bóp rừng, cây Mía voi danh rangle tượng giá.  
Sơn hàn căn là cây chàm núi, hột vỏ ngựa (Mã đề) hiệu ốc Xa tiền.  
Bán lam căn đào rễ Chàm cả.  
Ngô lam diệp hái lá Chàm đen.  
Sơn khương là củ Hoang tinh, dây Mô danh rangle Tiết lộ.  
Tiến thảo là củ Bạch dược (37) rau Má họ hiệu ốc Liên tiền.  
Nam nhân sâm là củ Quát muộn,  
Hột củ chi là trái Hoàng nàn (mã tiền)  
Đại đậu quyển: mộng đậu cá phơi khô, Hoàng mau lông mao vàng chóe  
Địa duẩn căn: rễ Mân tưới rửa sạch, thanh đại bột chàm xanh đen.  
Hoa Cúc trắng rước Diên thọ khách,  
Hoa cúc vàng mừng Phó diên niên.  
Hoàng kinh lịch hay chữa phong đàm, đốt lấy nước Kinh lịch  
Mẫu đơn bì hay trừ hết khí, bóc lấy vỏ Mẫu đơn.

(37) Theo trùng tu chính hòa kinh sự Chứng loại bản thảo (q.6 trang 40b) của Triều Thống xuất bản đầu thế kỷ XII, thì rễ Tiến thảo căn và Bạch dược căn 2 vị khác nhau ở Bản thảo cương mục quyển 18.

## 12) Cho biết:

Quý cựu là củ Nưa,

Uất kim là củ Nghệ.

Thần khúc chế bánh men thuốc, hay kêu thực kiện tỳ,

Nhân trầm cao này Muội nồi rừng, công trừ đản (vàng da) lợi thủy.

Yêu đào tử, tốt lõn lõn quả Roi,

Dương đào tử, chua lòn lòn trái khế.

Chữa bao nhiêu rắn cắn, Phù dao diệp hái lá cỏ may,

Trừ hết mọi chứng phong, thương nhĩ diệp hái lá cây Ké.

Trái bồ hòn hiệu ốc Mộc hoàn

Vò Bồ hòn danh rằng Mộc quý.

Chi ma là hạt Lúa rừng, Ma dú là dầu lúa rừng, cùng hiệu hạt Mè.

Xích liễu là cây Răm rừng, thùy liễu là Răm nước, cùng danh cây Nghê.

Hoè giác khúc khuỷu trái Hoè

Ích trí thơm cay trái Ré

Thương Mẽ, Trần mẽ người rằng gạo xưa (thóc củ quét kho thừa phí).

Đông qua, Bạch qua, ta rằng quả bí (bí đao)

Chỉ thiên thảo là cây Lưỡi chó, có hiệu Thiếp địa phi,

Phượng tiên tử là hạt Móng tay nước có danh dương thị chỉ.

Thụ kiêm duẫn bẻ măng cây quỳ,

Cửu liệu canh khoét rẽ Vỏ dẻ.

Quân hương, Bạch hương, củ gừng xôi khô hiệu ốc Can Hương,

Điềm qua, Đinh qua, num Dưa đá danh rằng Qua đế.

Dây máu là Đại huyết đắng,

Nước hành là Thông bạch thuế.

Hà thủ ô trắng cây dây Sứa bò, có hiệu Hợp hoan đắng,

Kê quan hoa, thực cây Đầu mang có danh Thanh Tương Tử.

Kỳ nam hương, hương càng thơm lạ; Mơ non hiệu Vương mai.

Kinh hảo mặc, mực thật tốt ròng; lá Dêu danh Đề nữ.

Rê cáu (sưng) là Hoàng lực, trái Thủ danh Thực thù du,

Lá mái là Thanh niêm(?); cây Đề hiệu Thô lệ đế (?)

Cuống lúa nếp tuốt láy Thủ nhương,

Dây chỉ đen, hái về Ô lệ (?)

### 13) Người nhung răng:

Toan tương thảo là cỏ Chua ác (38)

Toan giác tử là trái chua mè.

Sa thảo căn đào củ Cỏ cú, có danh Hương phụ tử,  
Nam mộc hương gọi Vò dut, có hiệu Khổ long bì.

Meo cây dâu danh răng Tang nhī,  
Nhựa cây thông hiệu ốc Tùng chi.

Chù tiêu hóa phong đờm, nghiên Tạo giác là trái Đồng (Bồ ) kết,  
Trữ sơn lam chướng khí, lấy Hậu phác là vỏ Või de (või rừng).

Dược già hái lá Cà độc dược,  
Bạch chi đào củ Câu chi (?)

Thanh dương tử ấy quả Găng xanh, cây Xương rồng là Mộc long cốt (39)  
Tử tô này hạt Tô tía; Địa (Đạ) hoàng là căn Dương đế (chút chít)

Cỏ Màn màn (Tháp bút) danh răng Mộc tặc,  
Lá cây Man hiệu ốc Dã si (?)

Da tương ngọt bấy nước dừa; Hy thiêm ấy cây cỏ Cút lợn (Bà a);  
Quát hạch đắng thay hạt quýt; Già tử này hạt Cà dái dê.

Cỏ Bồ cóc là Thiêm thử thảo  
Lá Võ ngựa (Mã đê ) là Ma hà (Hà mô) y (Xa tiền)

Thanh đậu răng đỗ xanh, Bạch cản phấn này bột gạo làm bánh.

Xích đậu gọi Đỗ đỗ, Đại ma tử nấu hột Gai (dầu) uống chè.

Chử thực lấy trái cây Dương  
Hoè nhī hái meo (nấm) cây Hoè.

### 14) Thế nhung gọi:

Thục quỳ tử bóc hạt Võng vang,

Phù lão diệp hái lá Đồng trao (lá lầu).

Mai hương là lá sả; tim cây Hẹ danh phi hoàng tâm.

Trữ Ma căn là rễ Gai bánh; có Thanh táo hiệu Tràng sinh thảo.

Trái mướp đắng người gọi khô qua,

(38) Cỏ chua me đất được gọi là Toan tương thảo, Lý Thời Trân gọi là Tạc tương thảo (TBCM q.20).

(39) Cây xương rồng xưa ta dịch ra chữ Hán là Mộc long cốt, nhưng Trung dược đặt tên theo hình dáng là Tiên nhân chưởng (BTCMq.20). Tuệ Tĩnh lại dùng các từ (Tiên nhân chưởng, đế) để tả hình dáng là Rẽ quạt xem vẫn 11 ở trên).

Hạt táo chua, đòn răng Toan táo nhân

Thanh điêu thiết phiến mệt giống, trái rẽ cùng là cây Cà ông.

Phát độc, Hạt sắc đôi loài, vàng biếc chân ra cỏ nụ áo

Bưởi rừng chín ấy Dã du,

Rong bể thực này Hải tảo.

Tây qua là Dưa hấu, Hoàng qua là dưa chuột cùng hiệu trái dưa;

Tinh mẽ là gạo bạc, Thanh mẽ là gạo xoan, cùng danh hạt gạo.

Sơn thù du ấy trái Nấm cơm (Na rừng)

Cửu ngưu đằng, này dây Rau ráu.

Qua lâu căn Thiên hoa phấn, rẽ cánh (thảng) hay giải khát trừ phiền.

Sơn ngạnh phận, Địa (thổ) phục linh, khúc khắc hay chữa phong thiên pháo

Can hè bê lá Sen khô,

Giáng huyết tim cây giác máu.

Hà tiêu tử (Hạt sen) danh Thạch liên nhục, ấy phương cứu phục hoàn đồng  
(uống lâu trẻ lại).

Câu kỹ căn, hiệu Địa cốt bì (vỏ cây Kỷ tử) nay thuốc trường sinh bất lão (sống lâu không già)

Quỳ kiến sâu là Bạch tật lê.

Quả riêng ám là Hồng đậu khấu.

### 15) Nhận cho biết:

Làu làu trăm ngọn cỏ,

Thay thảy mọi đầu cành.

Khương hoàng xát vàng củ Nghệ.

Thông bạch bóc trắng củ Hành

Phong tử là Quả Cây sau, Xa liễn mộc, rừng nhiều lối Sến;

Chương nǎo là nhựa cân Dã (Long nǎo) Sơn chi từ núi có trái dành.

Rẽ vuốt hùm danh Trần sa lực,

Hạt trái Muồng hiệu Thảo quyết minh.

Ty qua là Mướp, lại có danh Long nhì,

Vân đại, Tập thái là Giáp cạn, lại có hiệu Ngư tính

Quỳ thiệt lặt láy lá Xoan, Quá đen là Thanh diện tử,

Quỳ nhĩ xét tim meo (nấm) dứa; Bèo ván là Tử phù bình.

Vỏ cây Giêng danh răng Sơn quế,

Rẽ rau Vật hiệu ốc thủy anh.

Quát trân là cỏ May, Đại toán ta răng củ Tôi.

Đăng tâm là Tim bắc, Chanh căn người gọi rẽ Chanh.

Dau họng lấy củ Đậu mèo, thực gọi này Sơn đậu,  
hóa đờm dùng củ Chó chuột, chín giống Nam tinh

Giải ly danh răng Phòng kỵ  
Thạch hộc hiệu ốc Cẩm sinh

## 16) Chứ cho thê:

Đại động cổ rút dây Đồng trống

Tịch lịch căn đào củ Tâm sét

Hý gia tử là Hạt Cà quánh, Thực thâm quả dâu chín muồi

Sơn đan diệp là lá Bài đơn (?) Hoàng tiết mầm cây Hoàng tất (?)

Lá Mân tưới gọi là Trạch lan hương

Lá xương bồ răng Dương xuân tuyết

Bạch cự là Diếp đắng, cây Dâm bụt hiệu Tiểu bạch hoa

Đinh lịch là hột Đay (40), cây Chạng ba danh Đại ô miết

Rễ Núc nác đời gọi Đàn hoàn ((rễ Hoàng bá)

Trái cây lốt (Tiêu lốt) người Tất bát.

Mận kinh tử, Quan âm diệp là cây Quan âm

Cánh thiên thảo, Bồ tát căn là cỏ Bồ tát (sống đời)

Cây Bồ ngầu hiệu áy mộc ngưu

Hạt trái Gác thực rày Mộc miết.

Xuân căn đào rễ Bông bụt Nhị săn dây hiệu Cát hoa

Sư căn khoét rễ Dâu rừng, Ngó sen danh Ngâu tiết

Đậu sị chín tạo Đỗ đen

An túc thực này Hương tiết (Sang trắng)

Úc lý nhân là nhân hạt Mận, khổ già áy Cà cò gai;

Bạch mao hoa là hoa cỏ tranh khổ sám này cây Lô bit

Hoa thung hiệu áy Lăng tiêu

Rau má tía danh răng Ngoạn nguyệt

Biển đậu là Đậu (mỡ ván); Phong khương hiệu gừng phong (gió);

Quỷ trầu là lá Đại bi, Phật khương danh Khương phật

Lệ hạch lấy Hạt vải ăn rồi

Lạn mao tim Tranh sảng cũ nát

(40) Hạt Đay lại dùng thay Đinh lịch là hạt Cải ma, cải cột xôi, thường có cuối mùa xuân nhưng rất hiếm

### 17) Đã biết chữa:

Câu vĩ thảo là Cỏ đuôi chó  
Ngũ gia bì là Vỏ chân chim  
Hoè hoa rang Hoa hoè, Quang lang tiết lọc chán (bột) búng báng  
Hắc vân tinh đen thay hạt nhăn  
Thiết lâm khẩu độc bảy meo (nấm) lim  
Xích lị công là Nhài công, Bạch lị tư là Nhà tư, đỗ trắng tua (nên) phân rẽ;  
Đại kim đường là trái Sống, Tiểu kim đường là trái Roi, cả mọn sá biết xem  
Tử niêm bì khoét vỏ cây Sắn thuyền  
Đảo niêm diệp hái lá cây lim  
Mộc bút hiệu Búp đa, Cỏ gừng thực này khương thảo;  
Câu vẫn danh củ lá Ngón, cây Mua chín ấy Bạch niên  
Thiết thụ là cây Huyết dü  
Đào tiêm là cây Đào tiêm (?)  
Đậu hương hiệu Hương nâu; Tiểu mạch nha ấy Một mạ ré;  
Hương nhu danh Hương nhu; Đại mạch nha này Mộng mạ chiêm  
Trái Lai tên Tướng quân mạo  
Mũi chông hiệu Xích trúc thiêm  
Mao đậu đằng là dây Đậu lông, vườn bụi tua (nên) rút láy;  
Xanh mặc thảo là Muội nôi đất (cỏ nhọ nồi) ruộng bờ phải xét tim.

### 18) Có vây chăng:

Hạ khô thảo bé cây cái rừng  
Hương dương quỳ hái ra Nạp bợ.  
Khổ thái là rau ngổ; Ô rô diệp ấy lá lài (?)  
Cam giá là mía mưng, lậu lô căn bảo răng rễ dứa (dùng thay)  
Thấu giáp hương bóc trái chanh chua  
Đã vu căn cao củ Ráy ngứa.  
Nụ hải đường giác xuân dậy sớm mà mặt ngọc đeo say;  
Lan Quốc hương mộc dục (thanh nước) tắm rồi thoảng mùi hương có xa.  
Vô căn đằng là dây tơ hồng  
Vô hoa quả là trái cây vả  
Ô dược đào củ Ô dược, câu noãn tử ấy trái Chay:  
Hồ tiêu đâm hột Hồ tiêu, Kim đậu tử thực này trái Bứa.  
Rau căn gọi ấy Lục anh

Trái nhót danh rằng Bát xá (hồ đồi tử)  
Oa cự là Diếp, Huân thái là Húng, Diền trác khéo tròn trĩnh cũ năn;  
Giới thái là kiệu, Hiện thái là Giền, Độc cước thương mồ côi rau má,  
Hồng trần cuộn lấy búi rơm,  
Cảo phiến kín che tranh rá  
Sinh khương là gừng sống, Điểm đình thực mồng (mùng) tơi leo;  
Cam tất là Sơn khô, Ngụ mộc ấy Tầm gửi búa.

### 19) Sau khi nói:

Vũ mao, cầm, thú,  
Lân giáp, ngư, trùng.  
Khoa đầu đen xì Nòng nọc,  
Manh trùng nhung nhúc Đồng mòng.  
Địa long là giun, có danh rằng Bạch cảnh khâu dễn;  
Thiên long là rết, có hiệu rằng xích cước ngô công.  
Bà (bọ) ngựa là Đường lang, tức danh Thiên mã;  
Cáp (tắc) kè là Cáp giới, hình tựa Thủ cung (thạch sùng)  
Bọ phân (dế dại) danh lâu cô; Tử khóang tia màu Cảnh kiến;  
Bọ lậu hiệu thử phụ; Bạch mật thơm ngon Mật ong.  
Thùy điệt là Mã hoàng kỳ, ghê thay cái đỉa bọt (mén);  
Khương lang là thoi xa khách, dữ bấy cái Bọ hung.  
Giải hoàng là gạch cua, cút lợn đực là Gia tru phán;  
Thiên tô thực nhựa cóc, cút giun khô là Trần thổ long.  
Tàm sa bốc phân tằm, vỏ hến cũ danh Trần hiện xác;  
Tước noãn tìm trứng sê, tổ ong tàng hiệu Lộ phong phòng.  
Sào ty thang là nước kén ướm tơ, Mẫu cầu đờm tráp mổ trái mặt chó đực;  
Trá ngư thang là nước cá làm mắn, Hùng kê quan huyết cắt máu kê gà ông  
(mào gà trống).  
Xích nhân ngư đớm là mật cá rói, hay tiêu thẳng độc;  
Hoàng mẫu ngư đớm là mật bò đực, hay chữa kinh phong.

### 20) Đã át:

Oa ngưu là cái sên có hiệu Kỳ loa,  
Phục dục là cái dơi có danh Biển bức.  
Giáp hương thơm thay vay ốc; Lạp tru thi rán mồ lợn đồng  
Trá mộc dữ quá mật công; Gia thử phản tìm cút chuột đực

Bà (bợ) ngựa cây dâu gọi tang phiêu tiêu, chính con cái Đường lang;  
Mai mực trôi bể là Hải phiêu tiêu có danh rằng Ô tặc (cốt).

Bại qui bản tìm mai rùa khô

Bach cương tằm xác con tằm bạc;

Hạt sắt là cái cháy, Bạch sắt là cái rận, Long sắt áy Cà cuống ngon cay  
Xà thoái là xác rắn, Thuyền thoái là xác ve, Tàm thoái thực tằm già đế xác.

Thạch đầu ngư là cá Dóng, Dã trư áy lợn lòi rừng;

Đăng sơn ngư là cá rô, Hà đồn thực cá Nóc nước.

Ô Xà áy rắn Hổ trâu vật quý; gan sẻ sống danh Hùng tước can

Kim xà thực mai gầm của yêu; chán gà lôi Hiệu Dã kê cước.

Nhiêm sá đóm là mật trắn bắt chuột; Hắc miêu cốt lấy xương mèo đen; (mun)  
Dã hồ tâm là tim cáo tha gà; Ô kê noãn là trứng gà ác.

Triền hoàng to bẩy cá Mai,

Mạn lệ dài thay cá Lạc.

Bù cạp danh toàn yết, Minh linh sào lây tổ tò vò;

Bọ (sâu) đậu hiệu Ban miêu; Trần tước sao dờ tổ Bà các.

Ngà voi tròn chuốt tượng nha,

Sừng (gạc) hươu sù sì Lộc giác.

Hắc xà rắn hổ mang đen đen, đực (buộc) ba hàng vảy quay ngang;

Bạch xà rắn hổ mang trắng, dời hai lỗ mũi trở ngược

## 21) Ấy vậy

Nhân trung hoàng chế phản con tre,

Kệ bệ hoàng bóc vàng (màng) mề gà.

Hậu xác khét bẩy mu Sau, xương sọ chó là Cầu đầu cốt;

Hùng đóm đáng thay mật gấu, xương hàm lớn là trư giáp xa.

Hải trá áy sứa lồng lầy, Thẩn trách dài thuôn cái trùng trực

Thạch giải thực cua đá, Đoàn ngư tròn trình cái Ba ba.

Thuyền trung ngư y là rêu trong lòng thuyền, chữa nhiệt phong cực hiệu

Thuý thượng tri thù là nhện trắn mắt nước, tráng (mạnh) dương khi công gia.

Ngưu bì giao nấu cao da trâu, Vị thích nhọn thay Lông nhím;

Bạn cổ bì khoét da trống lỗ (thủng), Linh ngữ tốt bẩy tôm bâ

Kim quy tráo là vuốt rùa, gọi bảo An Dương Vương này thực Thanh giang  
sứ, (41)

(41) Nói về vuốt rùa, tác giả dẫn điển tích đơ cổ, thân Kim quy hiện lên từ xưng là Thạch Giang sứ, đến  
gíp vua An dương Vương xây thành công thành Cố Loa, rồi để lại vuốt rùa tặng vua làm nỏ thần  
chống địch.

Thùy kê bì là da ếch, những cười Công Tôn Thuật, ví Bằng tinh đẻ oa (42)

Tổ cái mắc né danh thiên tượng tử

Tổ nhện đồng tiền hiệu Bích kính khoa.

Ngưu nhủ ngọt bấy sữa trâu (bò), sừng dê sồm là cổ (linh) dương giác;

Cẩu bảo yêu thay ngọc chó, cái so lông là Huyết mao loa.

Rắn mối danh răng yết Hồ

Chim ác hiệu ốc lão nha

Nùng (nấu) sừng hươu nên lộc giác sương,

Khổng tước mai là lông công cực tốt;

Hun da trâu răng ngưu bi phiến;

Đương môn tử là dài xạ chẳng ngoa

## 22) Lấy cho được:

Rau con so danh tử hà xa,

Sọ đầu lâu hiệu thiên linh cái.

Trư yêu tử là bầu dục lợn, Hậu vi nhọn vắt đuôi sam;

Ngưu giác tai là chót sừng bò, Thát đởm đắng ngăm mặt rái.

Bọ mén danh ốc Nāo na,

Đồi mối hiệu răng Đại mạo

Tức ngư hiệu là cá Diếc Chương (my) cốt chín ấy xương con mến

Niêm ngư tên là Cá nheo, Miết (ngoan) giáp thực thực rày mai giải.

Hoàng xà rắn ráo vàng lòng,

Hoàng lạp sáp ong vàng chóe

Xương cá ngạnh danh Ngạnh ngư cốt, nó thực rắn xương,

Vảy cá gáy hiệu lý ngư lân, rim càng mềm vảy.

Ốc nhồi chín ấy Điền loa.

Cua đồng thực này điền giải.

Hài rách là Thiên lý mã, thôi sinh (thúc bẻ) phép nghiệm càng gia,

Ghét lược là bách xỉ sương, xuy nhủ (đau vú) phép máu thực phái.

Hải thạch (cáp) ấy vỏ ngao đế lâu,

Mẫu lệ chính vỏ hau quy lại

Cứt sê sống danh Bạch đinh hương, dành để thể châm (43)

Trứng cá gáy hiệu Lý ngư hoa, dùng làm mỹ khoái (ngon miệng)

(42) Nói về da ếch, tác giả cũng dẫn điển tích, xưa Mã viễn chế công Tôn Thuật kiến thức nhỏ hẹp như ếch nằm đáy giếng (tinh đẻ oa).

(43) Dùng phم chim sẻ bồi lên nhợt thì nhợt vỡ mù, khỏi phải chích

Giải quai là ngoe cua bò ngang,  
Giải tráo là cảng cua cắp quái.

Chuồn ông thực Kim đầu cự vĩ, dùng làm tráng khí hưng dương;  
Bọ mạ ấy độc màu tiểu trùng, hay chữa sang di giải lại (lở huỷ)  
Cứt ngựa gọi áy Mã thông.  
Mật voi danh răng Lô hội (44)

### 23) Lạ thay:

Ương (45) kê cốt xương chim bìm bịp  
Xuyên sơn giáp vảy cá tê tê (con trút)  
Hay chữa đậu sang (mụn đậu) lấy vỏ ốc là Loa sư xác,  
Hay trừ lao trái (trùng) Hải cầu thận này Ốt nội tề.  
Thanh ngư đầm áy mật cá trắm,  
Phường ngư diên là nhớt cá mè,  
Lộc nhung lấy sừng hươu non; mật sừng Tây là Tê giác tiết,  
Long cốt tim xương rồng rũ, móng chân lợn là tru huyền đê.  
Triệu thiện ngư bảo răng cá chuối,  
Đời mạo ngư gọi áy cá trê.  
Nhân nhũ trấp lấy nước sữa con so còn thơm,  
Mã bột làu xàu nấm đái ngựa.  
Nga quản thạch thực xâu ống lông ngan cực rắn (46)  
Dương thi thốn nhổn hòn cút dê.  
Phấn mài gương là long tuyển phấn,  
Vỏ trứng gà là Phượng hoàng Y.  
Tượng tiết tim nếp xương ông voi; xung chán hùm tục răng Hồ hinh  
Mã hành lấy âm hành con; Da con nhím người gọi vị bì.  
Dế đắt danh răng thổ cầu,  
Bọ giấm danh ốc È kê.

### 24) Cho hay:

Vật trước mặt đều những thuốc lành,

(44) Lô hội có biệt danh là Tương đầm( mật voi)

(45) Chữ (ương) mất nét ngang rồi sau viết lọn thành chữ (hỏa) (xem micrô phim 4363)

(46) Nga quản thạch là biệt danh của Thạch chung nhũ, tả hình dáng của giọt đá trong rỗng tựa như ống lông ngan xây kết lại.

Người trên đời đều lên cõi thọ.  
Trước hiên ba gian lêu mọn, rẽ có thư đường (phòng sách)  
Sau nhà một thoi đất thừa, dùng làm dược bô (vườn thuốc)  
Chốn vun trồng được toại thừa nên,  
Khi phương tiện mặc dâu thừa có.  
Đã át thấu dùng thấu hiệu, biết mặt thương công;  
Lại hay chữa nước chữa dân ra tay diệu thủ.  
Cảm ơn thầy truyền bắt tử phương,  
Nhờ đức thánh mở an sinh lộ  
Sài nay Tráng tử (47) còn hơi vụng,  
Vô dật hoạ khì rồi, dọn Nam được chép làm một phú.  
Bài phú trên bản cũ có nhiều chỗ sai, nay  
Dật sĩ tự Pháp Thạnh tra chính, soạn lại.

#### LƯƠNG Y LÊ TRẦN ĐỨC

*Phiên dịch và chú thích (theo bản sách in năm 1717  
do sở văn hóa Hà Sơn Bình tàng trữ)*

---

(47) Tráng tử Vô Dật là biệt danh của Tuệ tinh, ngụ ý nói là người khờ dại không ở nỗi.

## BÀI PHÚ

### CHỈ DẪN TÍNH NĂNG CÁC BÀI THUỐC

(Trục giải chỉ nam được tính phú)

Muốn giúp nhân dân,  
Trước tìm vị thuốc,  
Sách trời đã định cõi Nam Bang (1)  
Thổ sản của khác miền Bắc quốc  
Mạnh tinh thần, trừ tà khí: Lứa luyện hoàng kim (2)  
Cứng gân cốt được sống lâu: sương hòa Bạch ngọc (3)  
An thân tìm Đại mạo sáng tươi,  
Thông khiếu uống Xạ hương thơm phúc,  
Càn cát, Qua lâu giải khát, công vẫn là nhiều,  
Bạc hà, kinh giới khu phong, hiệu thu tức tốc,  
Thanh yết hầu, nhở ngậm ô mai,  
Giải tâm phiền, nên tim Bạch trúc (4)  
Kê đau thực bổ trung mạnh khí, trị đau lưng càng nèn,  
Ô tắc cốt chỉ ly giảm sưng, chữa mắt mờ cũng được  
Lợi tiểu tiện; quỳ tử, Khiên ngưu  
Thông kinh nguyệt: Hồng hoa, tô mộc  
Bông bụp đỏ, bông bụp trắng: chữa nam giới di động tiết tinh  
Cây vảy trắng, cây vảy đòn: trị phụ nhân Bạch đái trọc  
Nhân hạt Gác, bôi ung nhọt trên vú; tan  
Cuống dưa đá, đỗ mụn thịt trong mũi, tróc  
Rau thai nhí bồ khí hư, trừ trãm bệnh, của người đẻ chữa người,  
Con rết rừng trừ rắn cắn, diệt các trùng, có độc để khử độc  
Ám tỳ: nên Chỉ xác, Trần bì  
Hạ khí: dùng Bình lang, Đại phúc  
Bà đẻ tự nhiên say máu: già là trường sinh,  
Trẻ con hay đau bụng giun: sắc cây Biển súc.

(1) Sách trời đã định cõi Nam Bang. Nam quốc san hả Nam đế cư, Tuyệt nhiên định phận tại thiền thư, thơ Lý Thường Kiệt phá Tống đây là đầu đế mà Tuệ Tinh đưa ra chủ trương Nam được trị Nam nhân.

(2) Hoàng kim, Bạch ngọc: vàng ròng, ngọc trắng là loại quý.

(3) Hoàng kim, Bạch ngọc: vàng ròng, ngọc trắng là loại quý.

(4) Bạch trúc: Trúc nhụt, phoi tre.

Hay chữa khỏi vàng da: eo cây Nhân trần,  
Muốn tiêu hóa thức ăn: dùng hạt La bắc  
Ban miêu thi phá hòn tiêu tích, bà chữa chờ dùng,  
Ngài tằm rất bổ thận cường dương, đàn ông tăng lực.  
Tiêu trật đà ứ huyết: uống giấm tắm Du long (5)  
Chữa khó nuốt họng sưng: ngâm muối với Hoạt lực (6)  
Vỏ quýt xanh vỏn hay tiêu trệ, trừ sáu khí chi bằng Khổ lô (7)  
Vỏ bí đao thực khéo tiêu phù, xẹp thùy thũng gì hơn thường lục

### **Gián hoặc có:**

Nghệ vàng phá huyết,  
Củ tỏi bôi sưng  
Chữa lưng đau, đờm khen Tỳ giải,  
Trừ huyết tích, Người răng Tân lang  
Vào mũi thông quan: thực Long não, Xương bồ, Tạo giác  
Huyết băng bạch đới: Chinh bẹ mộc, mực tốt, Liên phòng  
Trị chân sưng: dùng Ngưu tất thảo,  
Trừ đau bụng: có Tước đầu hương (8)  
Sữa bò hổ hư, muốn để đẻ uống Xương hổ, xương đầu thỏ  
Nhung hươu ích khí, trừ phong nhiệt dùng sừng Tê, sừng Linh dương  
Sinh tan dịch, nên tìm Hồng táo  
chữa ho hắng, cần lấy Bạch tang (Tang bạch vi)  
Mẫu lệ chữa nam giới di tinh, thật là diệu tể,  
Miết giáp chữa đàn bà rong huyết thật đáng thần phương  
Chỉ ly dùng Ngạnh mễ, Trần mễ,  
Ấm tỳ dùng Can khương, Lương khương  
Chóng sốt rét lấy Thường sơn, bổ bệnh hư dùng thiên lý thủy  
Xẹp phù phũng dùng Đinh lịch, muốn đẻ đẻ uống Bách thảo sương  
Chữa nhức đầu, gia thông Bạch  
Thông kinh trệ, dùng khương hoàng  
Thạch lựu cầm ịa chảy khỏi lâu tinh, ăn nhiều hại phế,  
Vỏ chanh trừ ác khí tiêu đầy trường, uống nhiều hại can  
Trâu không thông cách đờm mà ấm bụng

(5) Du long: là rau dừa nước.

(6) Hoạt lực: lá lá Xương sòng mọc ở đất Bắc.

(7) Khổ lô: Bầu đắng.

(8) Tước đầu hương: củ cỏ cú.

Mía ngọt trợ tỳ mach mà lợi tràng,  
Chữa phụ nữ khí huyết mõi đường, dùng cây Tâm gối,  
Trị tiểu nhì kinh giản các chứng uống Câu đằng thang  
    Dùng con Đĩa hút mủ nhọt rất khéo,  
    Đắp Bù hung, rút mũi tên dễ dàng,  
Tầm vôi, Xác ve trừ phong, sừng đất nhỏ mắt, màng mộng.  
Hạt gác, Nghẽ bà: phá tích, Dέ nhūi bōi đít: thoát giang.  
    Nhuận tâm tràng: xích mật, bạch mật,  
    Bổ tỳ vị: Sa đường, Di đường,

### Hoặc là:

Nghĩa rõ quân thân,  
Vị chia tá sứ;  
Vị bì: ngừng hạ huyết trường phong,  
Thủ phấn : giải phạm phòng mệt lữ  
Quên lo ấy Huyền thảo (9) phụ nữ đeo thường đé nhiều trai,  
Cường dương thoa Xà sàng, ông già uống sức đương thập nữ  
    Hải tảo, chữa hòn dài lệch sa,  
    Trạch lan, trị cửa mình huyết ú  
Rễ buom bướm khỏi ho, rõ tiếng khác gì Bán hạ Nam tính,  
Hột sen già ích khí bổ hư, lại có Hồ ma thư dự  
    Tiêu huyết trệ Mẫu đơn, Dao nhân  
    Lợi tiểu tiện có Mộc thông, Mao nhụ (rễ tranh)  
Hột tiêu trộn với trứng gà, mau khỏi lạnh đờm  
Trùn đất hòa chung nước muối (cây) chóng trừ cảm thử  
    Dế sinh đẻ này: Lây Ô Long (mò bóng)  
    Được khoái lạc thêm: ăn Thiên thử (doi quạ)  
Bạch biến đậu hòa trung hạ khí, chỉ tả cưng nèn,  
Tử tô tử trị trường tiên phong, lợi trường càng dữ,  
    Nhọt sưng trước lấy lá chàm mà bôi,  
    Mun trĩ, kíp sắc nước hoa Hoè mà rửa,

---

(9) Huyền thảo: Hoa Hiên, Kim châm, Yên đắc huyền thảo, Ngôn thợ chí bối ( Thi kinh )

### **Hoặc lại:**

Thuận khí: Ô dược,  
Tan khói: Mã tiên (thảo)  
Chữa sản hậu, khen thay Ích mẫu,  
Lúc mang thai hãy dùng Xa tiền  
Thảo quyết minh, thạch quyết minh; hay trừ màng mộng  
Tinh hoa thủy, Bình hoa thủy (10); đều giải khát phiền  
Ý dĩ chữa gân xương đều được, Đóng qua lợi tiểu tiện càng nên  
Ngù gia bì bổ tuy thêm tinh, có tên Sài tiết,  
Bách bộ căn tiêu đờm hả khí, còn gọi Địa tiên  
Đất lòng bếp đắp mụn nhọt sưng tấy  
Hột nụ áo (Hạt sắc) trừ đờm dãi liên miên  
Chận nôn nắc: Tai hồng, Đinh hương dùng thì hay nhất  
Cẩm ịa chảy: vỏ sung, Võ vải uống khỏi hẳn liền  
Trừ lạnh đau: tim cù Cẩm địa (ịa)  
Giải nhiệt độc: láy cỏ chỉ thiêん  
Hoàng tinh: bồ tâm phế hư lao, lại tăng tuổi thọ.  
Câu kỳ: bồi chân nguyên mệnh mạch, càng được cao niên  
Đắp vết thương không chỉ bằng Tiên Thảo (11)  
Tiêu đơn độc: có gì hơn Liên tiền (thảo)  
Bồ cu vẽ đắp mụn sưng, cũng cây Luyện đằng (tầm bóp) Phân mệnh (chia vôi)  
Lá thuốc muối (Nguyên cộng) dùng tắm đẻ, còn nhờ Tang nhỉ, Chấp miên (12)

### **Mới biết:**

Nghiên cứu y thư,  
Xét tìm dược tính,  
Hoa cúc vàng chữa đau mắt tối xâm  
Quả xoan rừng, trừ bàng quang hả lạnh  
Đàn bà đang thai nghén, thường dành lá Thuốc cứu đẻ an thai  
Các ông sau lúc say sưa, thường cụ bị hoa Sắn để mà giải tỉnh  
Nhị đông (mạch, thiên môn) giải tâm phế hư phiền,

(10) Nước giếng buổi sáng, nước phù bình.

(11) Tiên thảo, bách dược

(12) Chấp miên đằng là dây Bạc thau (sau)

Ngũ vị, hạ đờm sôi chan nghẹt,  
Hà thủ ô đen râu tóc, tươi sắc mặt uông nhiêu phản lão hoàn đồng  
Thạch xương bồ sáng tai mắt, thêm thông minh, uông rồi vượt phàm  
hóa thánh.

Bôi chốc đầu, nhờ có Trữ cao (mỡ heo)

Chữa đau lưng, cần thêm Hổ hinh (xương cẳng chân hổ)

Tay chân tê dêt, rượu ngon ngâm quả Ké mà lành,  
Miệng mắt méo lệch, bàn tay rít Thâu dầu lại chính

Chữa rắn cắn dùng Lá Duối rất hay,

Trù kiết ly, cỏ seo gà (13) càng mạnh.

### Cho đến:

Mát tâm, chi tử,

Tiến thực: Súc sa (nhân)

Hạ khí có Hương trầm (tr. hương) Hương bạch (b. đàn)

Tiêu hòn dùng bồng truật; Bồng Nga, (nghệ đen)

Chim chèo béo tinh vốn hợp hòa, đeo nó sẽ được vợ chồng triu mến

Chim vàng anh tài ngăn ghen ghét, ăn thịt sẽ được cả lề thuận hòa,  
Lấy thạch cao để tiêu nhiệt độc,

Dùng Thảo quả để tránh hàn tà,

Hoa lan khử mùi hôi, thông thần, biết Lan chỉ có Đông viên đạo sĩ (14)

Quế chi ngăn đau lưng, phát hân hiếu Quế chi chỉ có Nguyệt điện Hăng  
nga (15)

Thông tích, cây Ba đậu

Tiêu trường có khổ giờ.

Hắc đậu khác với Lục đậu, một đằng điểu trung, một đằng phá độc,

Hoàng lực không như Bạch lực, kiêm chữa nang thủng, vừa tan huyết hàn

Khô miệng cầm nhờ quả Trám (cà na), Điều vị phải có Tỳ bà

Thu nước mắt có Mạn kinh tử, sáng quang tựa trời không mây phủ

Sạch tàn nhang tim quả bồ hòn, trong trắng tựa ngọc chẳng vết pha

Nỗi gân tim Hải giải (của biển) Nhỏ mắt kiếm Điền loa (ốc bươu)

Muốn trên thông cách hóa đờm, Sinh khương phải dụng;

Nếu chữa trong bụng ứ huyết, Càn tất phải gia

(13) Cỏ seo gà phương vĩ thảo.

(14) đông viên đạo sĩ: Người hay chơi hoa mới biết mùi hoa.

(15) Nguyệt điện Hăng nga: chỉ Hăng trên cung trăng, trong cung trăng có cây quế (chuyện thần thoại).  
Đông viên đạo sĩ, Nguyệt điện băng nga nhằm bốc cái giá trị của Lan Quế lên.

### Với lại:

Bổ thận: Cao ban long

Mát can: vỏ Hoàng bách (bá)

Tàng ong, chữa nhức răng với chữa ưng độc ác thư,

Ngà voi, bôi mụn lở và hút gai trong thương tích,

Trà, vốn thanh tâm giải khát, uống một bát thì muôn điều lo  
nghỉ tiêu tan,

Rượu, lại hay hành huyết khu phong, uống 3 chén nghìn mối sâu  
tiêu sạch,

Muối, ngừng hoắc loạn thổ tả, cung trị khi đờm

Dấm, bôi xích điển, hắc lào, lại thông kinh mạch.

Rửa chốc đau, tìm cây lá lầu, người già bệnh ly cũng hay.

Yên tâm thần, cậy Ích trí nhân, trí si dưỡng tâm càng hữu ích

Bỏ vỏ vông: lấy gì rửa tròn trê,

Không rẽ sỏi, còn gì tiêu trường tích,

Bổ huyết trừ nhiệt uất lúc có mang, dùng Dã Trử căn (củ Gai)

Ấm tỳ tri hư lạnh ở nội tạng, lấy Xuyên tiêu hạch (hạt trưng)

Chặn kinh phong cần lấy Trúc hoàng (phân nửa).

Tiêu máu mùnen dùng Đậu xích,

Trê khỉ mà trong bụng đầy trướng, tìm Hậu phác cho ra,

Cảm nắng mà tiểu tiện không thông, dung Hương nhu cấp bách

Ngừng máu chảy phải có Bồ hoàng,

Giải tâm phiền nên tìm Thông bạch (Hành bóc trắng)

Nhăn đồng đằng không độc, uống vào ưng nhợt tiêu tan,

Sương mùa thu rất hay, uống vào dè da nhuận trạch.

Giã rẽ Thuyết căn (Tây căn) mà chữa thấp hàn,

Uống nước quả dừa để trừ Thủ nghịch

Hột Ngưu bàng tuy hình bé mà rất cắn, để trị chứng phong cuồng

Rẽ dứa dại là vật xoàng cũng có thể uống trừ con nhiệt khách

Chữa lở sưng giã lá Ké trắng (rau giệu)

Trị chán yếu, sao rẽ Cẩu tích (cu lý)

Dě dàng sinh đẻ, uống than dép cỏ rách càng mau.

Tiêu tán phong sương dùng nước trên cọc rào cũng sạch.

Chí trường tá, sắc củ Vũ dư lương (củ nâu).

Trị tâm kinh uống thiên Tich lịch (củ Tâm sét)

Đất nền thờ trết ngoài cửa ngăn kè rinh mò,

# <https://vnras.com/drug/>

Cò miệng giếng để giường, trừ kẽ khóc đêm hành nhạch,

Uống phán chì, giết được sán giun.

Bôi vôi đá, tiêu tan tràng hạch (tràng nhạc)

Chữa vết thương, rửa màng mắt, nên lấy thanh đồng (giả đồng)

Dưỡng thận thủy, chữa điếc tai, phai tim Từ thạch.

## Ôi!

Dược vật, tuy nhiều thật,

Rẽ ngọn, có khác thay

Góp lương được các phương, tay Phật cứu dân rất rộng,

Ném linh đan một hạt, thuốc tiên cứu bệnh cực hay

Người người đều sức khỏe sống lâu,

Chốn chốn thấy khi hòa gió mát

## Mong thấy:

Nhân dân khỏe vui êm ám.

Nhà nước bền vững lâu dài

Thế mới không phụ huệ rộng sâu.

Đối với nước non Nam này vậy.

### III. BÀN VỀ Y LÝ

#### A - KHÁI THUYẾT:

Biển thước (2) khi bàn về chữa bệnh, có nêu ra 6 loại người không nên chữa:

- 1) Người kiêu căng càn dỡ không kể đạo lý,
- 2) Người tiếc tiền coi nhẹ mạng sống,
- 3) Người ăn mặc không đúng đắn,
- 4) Người ám dương tạng phủ suy kém,
- 5) Người hình thể gầy mòn mà không được uống thuốc.
- 6) Người tin thầy cúng mà không tin thầy thuốc.

Ngũ tạng, lục phủ trong người tương ứng với ngũ hành. Ngũ tạng là tâm, can, tỳ,, phế, thận. Trong là tâm, ngoài là lưỡi; trong là can, ngoài là mắt; trong là tỳ, ngoài là môi; trong là phế, ngoài là mũi; trong là thận, ngoài là tai.

Lục phủ là: đờm, vị, đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu.

Tâm thuộc hỏa, can thuộc mộc, tỳ thuộc thổ, phế thuộc kim, thận thuộc thủy. Đờm thuộc mộc, vị thuộc thổ, đại tràng thuộc kim, tiểu tràng thuộc hỏa, bàng quang thuộc thủy, tam tiêu thuộc hỏa.

Khi là dương, huyết là âm, ngũ tạng tương thông với lục phủ: tâm với tiểu tràng thuộc thiếu âm quán hỏa, can với đờm thuộc quyết âm phong mộc, tỳ với vị thuộc thái âm thấp thổ, phế với đại tràng thuộc dương minh táo kim, thận với bàng quang thuộc thái dương hàn thủy, tam tiêu với mệnh môn thuộc thiếu dương tướng hỏa.

Ngũ vận có xoay chuyển, lục khí có thể chuyển đổi mau chậm, trời do đó bắt đầu và cuối cùng đất được hình thành, đất do đó bắt đầu và cuối cùng người được hình thành (thiên, địa, nhân).

Ngũ vận tức là ngũ tạng hợp với ngũ hành, lục khí tức là lục phủ. Sự biến đổi của ngũ hành thành: phong, hỏa, thuỷ, thấp, táo, hàn, cho nên khi đó tạo thành 16 bộ (kinh mạch) và 365 đốt xương.

Chìn khiếu và 2 mắt thuộc can, 2 tai và tiền hậu âm thuộc thận, 2 lỗ mũi thuộc phế, miệng thuộc tỳ, lưỡi thuộc tâm.

Chìn khiếu thông với ngũ tạng, lục phủ bắp thịt, tay chân và môi thuộc tỳ, da lông thuộc phế; xương, răng, eo, lưng bìu dái thuộc thận; mặt với răng thuộc vị; tóc thuộc huyết; lưỡi thuộc tâm; vú, âm hành, âm hô, thuộc tam tiêu (3)

Phép chung lấy tâm phế ứng với thượng tiêu, chủ các bệnh từ ngực lên đầu;

lấy can tỳ ứng với trung tiêu, chủ các bệnh từ chèn dùng đến rốn; lấy thận với mệnh môn ứng với hạ tiêu, chủ các bệnh từ rốn xuống chân.

(1) Thiên này được in vào Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư quyển Thượng từ năm 1723

(2) Biển thước: Một danh y thời chiến quốc, trước sau thế kỷ thứ V.TCN, vốn tên Việt Nhân người quân Bột Hải tổng kết phương pháp vọng văn vấn thiết chẩn đoán bệnh tật đương thời ứng dụng lâm sàng rất xuất sắc Nhất là giỏi về chẩn đoán mạch, được suy tôn là ông Tổ xem mạch, lỗi lạc nhất.

(3) Luận điểm này không có ở các sách xưa, nên bài này có thể của Tuệ Tinh soạn.

B - TĂNG BỔ VẠN KIM NHẤT THỐNG THUẬT TẬP

BỔ SUNG THÊM TẬP VẠN KIM TOÀN THỐNG

### 1. Âm dương khí hóa

Vạn kim là cái tình tuý của mọi biểu hiện.

Nhất thống là then chốt lớn tổng quát.

Thái sơ là khí mới bắt đầu.

Thái cực là hình mới bắt đầu.

Thái tổ là chất mới bắt đầu.

Trời là khí nhẹ trong mà nổi lên trên.

Đất là khí nặng đúc mà lăng xuống.

Tinh của khí dương là mặt trời, mọc lên ở phương Đông mà lặn ở phương Tây.

Tinh của khí âm là mặt trăng, ban đêm hiện ra mà ban ngày ẩn đi.

Trời khuyết về phương Tây Bắc, cho nên phương Tây Bắc là âm, mà tai mắt, bên phải của con người không tinh bằng bên trái.

Đất khuyết về phương Đông nam, cho nên phương Đông Nam là dương mà chân tay bên trái của người không khỏe bằng bên phải.

Khi trời giáng xuống, khí đất bốc lên.

Trong âm có dương, trong dương có âm.

Từ sáng sớm đến giữa trưa là phần dương trong ngày, là dương ở trong dương.

Từ giữa trưa đến chạng vạng tối là dương trong ngày, là âm ở trong dương.

Từ chạng vạng tối đến lúc gà gáy là âm trong ngày, là âm ở trong âm.

Từ gà gáy đến sáng sớm là âm trong ngày, là dương trong âm cho nên ở người ta cũng tương ứng như vậy.

Trời đất là trên dưới của vạn vật; âm dương là phối ngẫu của huyết khí; bên trái bên phải là dương lối của âm dương, thủy hỏa là dấu hiệu của âm dương; kim mộc là đầu cuối của sự sinh thành (1).

Khi đèn ngừng ở trên không, nước (thủy) bắt đầu sinh; khi đèn sáng ở trên không (hỏa) lửa bắt đầu sinh; khi xanh nổi ở trên không, loài cây (mộc) bắt đầu sinh; khi trắng ngang ở trên không, loài kim (kim) bắt đầu sinh; khi vàng che ở trên không, đất (thổ) bắt đầu sinh.

Khi của trời đất giao hợp với nhau mà hóa thành vạn vật.

Tinh của nam nữ giao cấu với nhau mà hóa sinh vạn vật.

Tam tài là trời, Đất, Người, con người chịu được chính khí của trời đất tinh khôn hơn vạn vật.

Mệnh là cái bẩm phú của trời.

Tinh là cái căn bản của thân thể,

Hình là nơi ở của sự sống,

Khí là nguồn của sự sống,

Thần là chủ của sự sống.

(1) Mộc là thuộc mùa xuân, là mùa muôn vật bắt đầu sinh. Kim là thuộc mùa Thu, là mùa muôn vật thành thực, cho nên nói xuân sinh thụ thành.

Bài này giống nhu ở Vạn bệnh hồi xuân mới được in thêm từ 1723, Bản in năm 1717 chưa có.

## 2. Cách biện luận tạng phủ

Tâm là chức vụ quân chủ, thân minh từ đó mà ra.

Phế là chức vụ tướng phó, trị tiết từ đó mà ra.

Đờm là chức vụ trung chính, quyết đoán từ đó mà ra.

Đàn trung là chức vụ thần sứ, vui mừng từ đó mà phát ra.

Can là chức vụ tướng quân, mưu lự từ đó mà ra.

Tỳ vị là chức vụ kho tàng, ngũ vị từ đó mà ra.

Đại tràng là chức vụ đùn đẩy (truyền tống), biến hóa do đó mà ra.

Tiểu tràng là chức chứa đựng, hóa vật do đó mà ra.

Thận là chức vụ tác cường, kỵ xảo do đó mà ra.

Bàng quang là chức vụ châu đô, tân dịch do đó mà ra.

Mệnh môn là chỗ ở của tinh thần, đàn ông thì tinh dịch, đàn bà thi dinh liu với bão cung.

Tam dương là Thái dương, Thiếu dương, Dương minh.

Tam âm là Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm.

Dương minh là hai dương hợp sáng, hai dương hợp sáng gọi là minh.

Quyết tâm là hai âm cùng tận, hai âm cùng tận cho nên gọi là Quyết (có nghĩa là hết).

## 3. Cách biện luận về phần trong phần ngoài cơ thể

Đầu là nơi hội tụ các kinh dương.

Mũi thuộc phế, mũi điều hòa thì người biết thơm thoái.

Mắt thuộc can, mắt điều hòa thì trông rõ được đèn trắng.

Lưỡi thuộc tâm, lưỡi điều hòa thì nếm biết ngũ vị.

Tai thuộc thận, tai điều hòa, thì nghe rõ ngũ âm.

Phế khai khiếu ở mũi.

Tâm khai khiếu ở lưỡi,

Tỳ khai khiếu ở miệng,

Thận khai khiếu ở tai.

Răng là ngọn (tiêu) của thận, là chất thừa của xương.

Tóc thuộc tâm, bấm thụ hỏa khí.

Râu thuộc thận, bấm thụ thủy khí.

Lông mày thuộc can, bấm thụ mộc khí.

Lông thuộc phế, bấm thụ kim khí.

Họng ăn nuốt đồ là đường thông cõm nước, nối liền với thượng trung hạ quản thông xuống dạ dày.

Họng thở tiếp đón hơi thở, có 9 dốt, thông với ngũ tạng, liên hệ với phế.

Thanh âm bắt rẽ từ thận.

Hay nhảy mũi là do khí của phế.

Hay ợ hơi là do khí của vị.

Hay ngáp cũng là do vị(?)

Tóc là chất dư của huyết.

Móng tay móng chân là chất dư của gan.

Thần là phần dư của khí.

Mắt nhờ có huyết mới trông được.

Tai nhờ có huyết mới nghe được.

Tay nhờ có huyết mà cầm được.

Bàn tay nhờ có huyết mà nắm được.

Chân nhờ có huyết mà đi được.

Tạng nhờ có huyết mà sinh tan dịch.

Phù nhờ có huyết mà sinh khí.

Hôn là cái giúp đỡ của thần minh.

Phách là cái giúp đỡ của tinh khí.

Vinh là cái tinh khí của thủy cốc.

Vệ là khí mạnh mẽ của thủy cốc.

Đường mạch đi dọc gọi là kinh

Đường đi ngang gọi là "lạc"

## 4. Tóm tắt về mạch

Mạch là khí bình hòa của thiên chân.

Bà bộ là Thốn, Quan, Xích.

Chín hậu là Phù, Trung, Trầm

Ngũ tạng là tâm, can, tỳ, phế, thận.

Lục phủ là đởm, vị, đại trường, tiểu trường, bàng quang, tam tiêu.

Bộ thốn tay trái là mạch tâm với tiểu trường, thuộc quan hỏa.

Bộ quan tay trái là mạch can với đởm thuộc phong mộc.

Bộ xích tay trái là mạch thận với bàng quang, thuộc hàn thủy.

Bộ thốn tay phải là mạch phế với đại trường, thuộc táo kim.

Bộ quan tay phải là mạch tỳ với vy, thuộc thấp thổ.

Bộ xích tay phải là mạch mệnh môn với tam tiêu thuộc tướng hỏa.

# <https://vnras.com/drug/>

Trong mỗi bộ điều có ba hậu (mức) tức phù trung và trầm.

Ba hậu, ba phân, với ba thành 9 hậu.

Mức phù, chủ bì phu, để xem bệnh.

Mức trung chủ cơ nhục, để xem bệnh vị k hí.

Mức trầm chủ gân cốt, để xem về ở lý, ở tạng.

Bộ thốn là dương, là thượng bộ, tượng trưng cho trời, là tâm phế, để ứng với thượng tiêu, chủ bệnh tật từ ngực lên đến đầu.

Bộ quan ở giữa âm và dương, là trung bộ, tượng trưng cho người, là can tỳ, để ứng với trung tiêu, chủ bệnh tật từ trên chén xuống rốn.

Bộ xích là âm, là hạ bộ, tượng trưng cho đất, là thận và mệnh môn, để ứng với hạ tiêu, chủ bệnh tật từ rốn xuống chân.

Mạch 4 mùa là "Huyền" "Câu" "Mao" "Thạch".

Mạch mùa xuân là Huyền, thuộc can, Phương đông, hành mộc.

Mạch mùa hạ là Câu thuộc tâm, phương nam, hành hỏa.

Mạch mùa thu là Mao, thuộc phế phương tây, hành kim.

Mạch mùa đông là Thạch, thuộc thận, phương bắc, hành thủy.

Mạch tứ quý là Trì, Hoân thuộc tỳ, trung ương, hàn thể.

Mạch bình thường của bốn mùa là, lục bộ đều đới (kèm) đều có hòa hoãn, gọi "Có vị khí".  
Có vị khí thì sống, không vị khí thì chết.

Một thở ra một hit vào là "tứ" (hơi thở).

Mỗi tức có bốn lần mạch đều gọi là mạch bình thường.

Thái quá hay bất cập đều là mạch bệnh.

Mạch quan, mạch cách, mạch phú, mạch dật đều là mạch chết.

Mạch mỗi tức có ba lần đến là mạch Trì, hai lần đến là mạch Bại là chứng lạnh và nguy.

Mạch mỗi tức có 6 lần đến là mạch sắc, 7 lần đến mạch cực nhiệt

Mạch mỗi tức có 8 lần đến là mạc thoát; 9 lần đến chết; 10 lần đến mạch quy mộ: 11,12 lần đến là tuyệt hồn.

Hai tức mạch mới đến 1 lần mạch chết.

Ngũ hành là Kim mộc, thủy, hỏa, Thổ.

Ngũ hành tương sinh là kinh sinh thủy, thủy sinh mộc, mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim. Hiện tượng tương sinh là tốt.

Ngũ hành tương khắc là kinh khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, hiện tượng tương khắc là xấu.

Nếu bộ tâm thấy mạch trầm té, bộ can thấy mạch đoán sắc, bộ thận thấy mạch trì hoãn, phế thấy mạch hồng đại, tỳ thấy mạch huyền trường... đều là mạch *tương khắc*.

Nếu bộ tâm thấy mạch trầm té, bộ can thấy mạch đoán đắc, bộ phế mạch trầm, bộ tỳ thấy mạc sắc, bộ phận thấy mạch huyền, đều là mạch *tương sinh*.

Đàn ông con trai mạch tay trái thường to hơn tay phải, đó là mạch thuận.

Đàn bà con gái, mạch tay phải thường to hơn tay trái, đó là mạch thuận.

Đàn ông con trai mạch xích thường yếu, mạch thốn thường mạnh là mạch bình thường.

Đàn bà con gái mặc xích thường mạnh, mạch thốn thường yếu là mạch bình thường.

Đàn ông con trai mà thấy mạch đàn bà con gái là bất cập.

Đàn bà con gái mà thấy mạch đàn ông con trai là thái quá.

Đàn ông con trai không nên để bị tả lâu.

Đàn bà con gái không nên để thổ lâu.

Tay trái thuộc dương, tay phải thuộc âm.

Trước bộ quan thuộc dương, sau bộ quan thuộc âm.

Phát hán nhiều quá thì vong dương (1), Tả hán nhiều quá thì vong âm (1)

Các chứng âm là hàn, các chứng dương là nhiệt.

*Mạch Nhân nghinh* ở trên bộ quan tay trái một phần, mạch này để xem về chứng ngoại cảm do 6 thứ phong hàn thử thấp táo hòa của trời mà gây bệnh.

*Mạch Nhân nghinh* phù thịnh là thương phong, khẩn thịnh là thương hàn, hư nhược là thương thử, trầm tể là thương thấp, hư sắc là thương nhiệt.

*Mạch khí khẩu* ở trên bộ quan tay phải một phần, mạch này để xem về chứng nội thương thất tình gây ra bệnh. Mừng thì mạch tán, giận thì mạch kích thích, lo thì mạch sắc, nghĩ thì mạch kết, buồn thì mạch khẩn, sợ thì mạch trầm, kinh thì mạch động.

*Mạch Nhân nghinh* khẩn thịnh to gấp đôi mạch Khi khẩu là ngoại cảm phong hàn, đều thuộc về phần biểu là dương chứng, là phủ chứng.

*Mạch khí khẩu* khẩn thịnh, to gấp đôi mạch Khi khẩu là ngoại cảm phong hàn, đều thuộc về lý, là âm chứng, là bệnh ở nội tạng.

*Mạch nhân nghinh* mạch khí khẩu đều khẩn thịnh, đó là thương hàn ghé thương thực, là cả nội thương và ngoại cảm.

Đàn ông con trai bị bệnh lâu ngày, mạch khí khẩu đầy đặn hơn mạch nhân nghinh là có vị khí. Đàn bà con gái bị bệnh lâu ngày, mạch nhân nghinh đầy đặn hơn mạch khí khẩu là có vị khí. Đó là nói bệnh tuy nặng còn có thể chữa. Trái lại là nghịch khó chữa.

Ngoại nhân là tà lục đậm (2) xâm lập vào, nội nhân (3) là do thất tình mà phát sinh, bất nội ngoại nhân (4) là do ăn uống nhọc mệt, bị ngã, bị đánh mà gây ra.

*Sáu mạch*: Là phủ, trầm, trì, sác, hoạt, sắc.

- 
- (1) **Vong dương vong âm**: Do ra mồ hôi nhiều không cầm được hoặc mồ hôi quá nặng, hoặc do nguyên nhân khác làm cho hao thương dương khí, gây nên dùng khi bỗng nhiên suy kiệt xuất hiện các hiện tượng mồ hôi ra đậm đẽ, mồ hôi đậm giọt mà dính, sợ lạnh tay chân lạnh, hơi thở thon mòn sắc mặt xanh dợt, miệng không khát hoặc khát mà ham uống nóng, môi lưỡi nhợt nhuận, nặng nề thì miệng môi xanh tím, mạch vi muối tuyệt, hoặc phủ sắc mà rỗng không, giống như hiện tượng trung khu thần kinh rối loạn gọi là Vong dương.  
Do sốt cao quá, ra mồ hôi nhiều qua, mồ hôi quá, mồ hôi quá, tổn hao âm tích gây ra hiện tượng phản ứng bệnh lý chủ yếu là mồ hôi, mồ hôi vặt và chàng yên, khát nước mà ham uống mát, hơi thở to, chân tay ấm áp, môi lưỡi khô đỏ, mạch hư sắc gọi Vong âm.
  - (2) **Lục đậm**: Chỉ 6 thứ khí hậu của thời tiết như phong, hàn thử thấp táo, hóa. Vì 6 thứ khí hậu này có sự thái quá hoặc bất cập, có thể gây bệnh cho con người, gọi là lục đậm (6 thứ khí trái thường).
  - (3) **Nội nhân**: Tức nguyên nhân bên trong, như mừng, giận, lo nghĩ buồn, sợ, kinh.
  - (4) **Bất nội ngoại nhân**: Nguyên nhân khác, như đối nο, nhọc mệt, té ngã, bị đè, bị chẹt, đuối bị trùng, thú cắn...

- + Phù là dương, ở phần biểu, là phong, là hư.
- + Trầm là âm, ở phần lý, là thấp, là thực.
- + Trì ở tạng, là hàn, là lạnh, là âm.
- + Sát ở phủ, là nhiệt, là táo, là dương.
- + Hoạt là huyết nhiều khí ít.
- + Sắc là khí nhiều mà huyết ít.

Tám điều chủ yếu (8 cương): là biểu, lý hàn, nhiệt, tà, chính, hư thực.

Tám mạch: Là phù, trầm, trì, sát, hoạt, sắc, đại, hoãn.

- + Biểu thì phân biệt bằng mạch phù, là bệnh không ở lý.
- + Lý thì phân biệt bằng mạch trầm, là bệnh không ở biểu.
- + Hư thì phân biệt bằng mạch sắc, là 5 chứng hư (1)
- + Thực thì phân biệt bằng mạch hoạt, là 5 chứng thực (2)
- + Hàn thì phân biệt bằng mạch trì, là tạng phủ tích lạnh.
- + Nhiệt thì phân biệt bằng mạch sát, là tạng phủ tích nóng.
- + Tà thì phân biệt bằng mạch đại, là có ngoại tà xâm phạm vào.
- + Chính thì phân biệt bằng mạch hoãn, là không có ngoại tà xâm phạm vào.

Các mạch hồng, huyền, trường, tán là loại mạch phù.

Các mạch phục, thực, đoàn, lao, là loại mạch trầm.

Các mạch tế, tiểu, vi, đại, là loại mạch trì.

Các mạch tật, xúc, khẩn, cấp là loại mạch sát.

Động dao lưu lợi là loại mạch hoạt.

Khâu, hư kết, trệ, là loại mạch sắc.

Kiên, thực, câu, cách là loại mạch đại.

Nhu, nhược, mềm, hòa, là loại mạch hoãn.

Bảy mạch ngoài (thất biểu): là phù, khâu, hoạt, thực, huyền, khẩn, hồng.

- + Phù: là mạch ăn tay xuống thì không thấy, nâng tay lên thì sức mạnh có dư.
- + Khâu: là mạch khi ăn tay thì rõ ràng ở giữa mà động hai bên.
- + Hoạt: Là mạch tựa như hạt châu lăn trên mâm mà có lực.
- + Thực: là mạch mà chắc có hiện tượng qua lại của mạch trường.
- + Huyền: là mạch căng dài như thấy ăn tay trên dây cung.
- + Khẩn: là mạch chuyển động như xoắn dây vặn thửng.
- + Hồng: là mạch khi ăn tay thấy mạch nổi to lên như làn sóng dâng.

Mạch phù là trung phong, mạch khâu là thất huyết, mạch hoạt là thường nôn mửa, mạch thực thường đi tả... nên phân biệt.

(1) Năm chứng hư Mạch tế, ngoài da lạnh, hơi ấm, trước và sau ỉa chảy, ăn uống không vào.

(2) Năm chứng thực: Mạch thịnh, ngoài da nóng bụng trường, đại tiểu tiện không thông, bức rút xây xẩm (Ngọc cơ chân tạng luận/ Tô vấn). Mạch phù là trung phong, mạch khâu là thất huyết, mạch hoạt là thường nôn mửa, mạch thực thường đi tả... nên phân biệt.

Mạch huyền là chứng co rút, mạch khẩn là chứng đau nhức, mạch hồng đại thì xưa nay riêng chủ chứng nhiệt.

Tám mạch trong (bát lý): là vị, trầm, hoãn, sắc, trì, phục, nhu, nhược.

+ Vi: là lờ mờ như có lại như không.

+ Trầm: là nâng tay lên thì không thấy, ấn tay xuống thì có du.

+ Trì - Mạch hoãn: là mạch đi chậm, mỗi tức mạch chỉ đến có 3 lần.

+ Sắc: là đi sít không lưu lợi, dạng như dao khẽ cạo mảnh tre.

+ Phục: là mạch ấn tay sát tận xương mới thấy, giống như trầm.

+ Nhu: là mạch tán mạn, lơ, lửng, bé mà lại yếu.

+ Nhược: là mạch thấy dưới ngón tay, trầm mà nhò.

Mạch trì là hàn, mạch hoãn là kêt, vi là chứng bī (1).

Mạch sắc là huyết ít, mạch trầm là khí trệ.

Mạch phục là tích tụ, mạch nhu là chứng bất túc.

Mạch nhược là gân co rút di tinh khí kém. (2)

Chín mạch ở giữa (cửu đạo) là trường, đoàn, hư, xúc, kêt, đại, lao, động tế.

+ Trường là mạch lưu lợi suốt ba bộ.

+ Đoàn là mạch không đầy đủ ở bộ đó.

+ Hư là mạch chậm to, có lực và mèn.

+ Xúc là mạch lại nhanh gấp có lúc ngừng.

+ Kêt là mạch đi trì hoãn có lúc ngừng mà chậm chạp,

+ Đại là mạch đang đi lại ngừng không đèn bù lại.

+ Lao là mạch căng như dây cung, trầm mà lại thực.

+ Động là mạch trường động luôn không yên chỗ.

+ Tế là mạch tuy có nhưng bé như sợi tơ.

Mạch trường mà đi như xoắn dây, chủ chứng dương độc, nóng ở tam tiêu.

Mạch đoàn chủ chứng khí tắc uất, chưa được khoan khoái.

Mạch xúc chủ dương khí bị bó lại có khí kiên trệ.

Mạch hư là chủ ít huyết, nóng sinh ra kinh sợ.

Mạch đại chủ khí hao mạch tế chủ khí ít. Mạch lao chủ khí đầy gấp, co khi chủ đau nhức.

Mạch kêt chủ tích khí, đầy tức rắn đau. Mạch động chủ chứng hư lao, ly huyết, băng huyết.

## CÁCH ĐOÁN MẠCH CHẾT

Sáu mạch chết là Tước trác, Ốc lâu, Đàm thạch, Giải sách, Ngư tường, Hà dụ.

(1) Bí: Đồm, đồ ăn và huyết quyện kết với nhau trong bụng thành khối.

(2) Gân co rút: Nguyên là chữ cân nuy. Cân nuy là 1 trong 5 chứng nuy. Can khi nóng thì gân không được tư dương tạo thành trạng thái co rút không đuổi được, đây là do phế nhiệt kiêm can nhiệt mà gây nên.

- + Tước trác. Mạch đến 3-5 lần rồi bất đi, tựa như chim sẻ mổ.
- + Ốc lậu. Mạch biểu diễn như nước nhà dột, thỉnh thoảng mới nhỏ 1 giọt.
- + Đàm thạch. Mạch lại cứng rắn như đánh trên đá, rồi dần dần tan đi.
- + Giải sách. Mạch để tay vào liền tán loạn như sợi dây cởi tung ra.
- + Ngư tường. Mạch như có như không, giống như cá lượn.
- + Hà du. là mạch thỉnh thoảng nẩy lên 1 cái như con tôm búng.

Tám mạch ngoài kinh chính là Dương duy, Âm duy, Dương kiếu, Âm kiếu, Mạch xung, Mạch Nhâm, Mạch đốc, Mạch đới.

- + Mạch Dương duy chủ chứng nóng rét.
- + Mạch Âm duy chủ chứng đau vùng tâm.
- + Mạch Dương kiếu chủ bệnh trong bắp chuối dễ chịu mà phía ngoài có thắt khó chịu.
- + Mạch Âm kiếu chủ bệnh ngoài bắp chuối dễ chịu mà phía trong căng thẳng.
- + Mạch Xung chủ bệnh bụng dưới xông lên, trong bụng trước đau gấp.
- + Mạch Nhâm chủ bệnh trong bụng kết khí, ở nam giới là 7 chứng sán ở nữ giới là chứng xích bạch đới, hòn cục (trưng hè).
- + Mạch Đới chủ bệnh trong bụng đầy trướng, eo lưng lạnh như ngồi ở trong nước ở nữ giới thời đau bụng dưới, kinh nguyệt không đều, xích bạch đới hạ.
- + Mạch đốc chủ đau cột sống, phong đòn gánh.

Bệnh trúng phong, mạch nén phù trì, kiêng thực cấp.

Bệnh thương hàn, mạch nén hồng đại, kiêng trầm té.

Bệnh ho mạch nén phù nhu, kiêng trầm phục.

Bệnh bụng đầy trướng, mạch nén phù đại, kiêng hư tiêu.

Bệnh hạ ly, mạch nén vi tiêu, kiêng phù hồng.

Bệnh cuồng, mạch nén thực đại, kiêng trầm té.

Bệnh hoắc loạn, mạch nén phù hồng kiêng trì vi.

Bệnh tiêu khát, mạch nén sáu đại, kiêng hư tiêu.

Bệnh thủy khí, mạch nén phù đại kiêng trầm té.

Bệnh chảy máu cam, mạch nén trầm té, kiêng phù đại

Bệnh đau bụng, mạch nén trầm té, kiêng phù đại.

Bệnh khí đưa ngược lên, phù thũng, mạch nén phù hoạt, kēng trầm té.

Bệnh đau đầu, mạch nén phù hoạt, kiêng đoán sáu.

Bệnh suyễn, mạch nén phù hoạt, kiêng mạch sắc.

Bệnh hạ huyết, mạch nén trầm nhược, kiêng thực đại.

Bị vết đâm cho, mạch nén vị té, kiêng đoán sáu.

Bị trúng ác khí, mạnh nén khẩn té, kiêng phù đại.

Bệnh trúng độc, mạch nén sáu đại, kiêng vi té.

Bệnh thổ huyết, mạch nén trầm tiêu, kiêng thực đại.

Bệnh kiết lị, mạch nén trầm trì, kiêng sáu thực.

Bệnh nội thương, mạch nén huyết khẩn, kiêng tiêu nhược.

Bệnh phong tý, mạch nén hư nhu, kiêng khẩn cấp.

Bệnh ôn phát nóng, kiêng mạch vi tiêu.

Bệnh trong bụng có tích, kiêng mạch hư nhược.

Bệnh nóng nhiều, kiêng mạch trầm tĩnh.

Bệnh đi tả, kiêng mạch đại.

Bệnh phiền vị mạch nén phù hoãn, kiêng trầm cấp.

Bệnh ho xốc, mạch nén phù hoãn, kiêng huyền cấp.

Các bệnh về khí, mạch nén phù khẩn, kiêng hư nhược.

Bệnh bì đầy, mạch nén hoạt kiêng mạch sắc.

Bệnh nhân nếu nhảm mắt mà không muốn trông thấy người, mạch nén cường cấp mà trường, kiêng phù đoán mà sắc.

Bệnh nhân thổ huyết nục huyết, mạch nén trầm tể kiêng phù đại mà lao.

Bệnh nhân nói sảng nói nhảm nhí, mạch nén hồng đại kiêng chân tay móp lạnh mạch vi tế.

Bệnh nhân bụng to mà đi lỏng, mạch nén vi tế mà sắc, kiêng khẩn đại mà hoạt.

Đàn bà bị bệnh đồi hạ, mạch nén trì hoạt, kiêng hư phù.

Đàn bà có mang mạch nén hồng đại, kiêng trầm tể.

### **Mạch tay trái**

Thốn khẩu là thương bộ, ứng với trời, là mạch tâm với tiểu đường. Hồng đại là thuận, trầm tể là nghịch.

Giữa bộ quan là trung bộ, ứng với người là mạch can với đóm... huyền trưởng là thuận, phù đoán là nghịch.

Xích mạch là hạ bộ ứng với đất, là mạch thận với bàng quang trầm hoạt là thuận, hoãn mạn là nghịch.

### **Mạch tay phải.**

Thốn khẩu là thương bộ, ứng với đầu mặt, là mạch phế với đại trường phù đoán là thuận hồng đại là nghịch.

Giữa bộ quan là trung bộ ứng với ngực và chẽn dừng, là mạch tỳ vị. Hoãn mạn là thuận, huyền sác là nghịch.

Xích mạnh là hạ bộ ứng với rốn, là mạch mệnh môn với tam tiêu, trầm là hoạt thuận hoãn mạn là nghịch..

## **BÍ QUYẾT XEM BỆNH SẢN PHỤ TỐT HAY XẤU**

Sản phụ mà mặt đỏ lưỡi xanh thì mẹ sống con chết, mặt xanh lưỡi đỏ, sủi bọt ra thì con sống mẹ chết.

Sản phụ môi miệng đều xanh cả thì hai mẹ con đều chết.

Sản phụ sanh rồi mạch nén tiểu thực, kiêng phù hư.

Đàn bà hư lao, mạch tay phải thấy sác là nguy.

## CÁC CHỨNG CHẾT, MẠCH CHẾT

Miệng như cá ngóp, hơi thở gấp là chết.  
Măn áo sờ giường là chết.  
Có mùi thối như xác chết không ai dám gần là chết.  
Mặt phù sắc xanh đen là chết.  
Tóc cứng thẳng như sợi gai là chết.  
Tiểu tiện són ra không biết là chết.  
Lưỡi rụt hòn dài co là chết.  
Mắt trợn trắng là chết.  
Mặt không tươi sáng, chân răng biến sắc đen là chết.  
Mồ hôi ra rồi mình vẫn nóng là chết.  
Đầu mặt đau, bỗng không trông thấy gì là chết.  
Sắc đen vào tai, mắt, mũi, dần vào miệng là chết  
Bệnh ôn nóng dữ, mạch tê tiêu là chết.  
Bệnh ôn ra mồ hôi không xuống đến chân là chết.  
Hình thể gầy phát nóng mà mạch cứng rắn là chết.  
Người bị bệnh mà mạch không phải mạch bệnh gọi là hư ở trong.  
Mạch có bệnh mà người không có bệnh, gọi là hành thi (1).  
Các bệnh nhắm mắt thì dễ chữa, mắt trống thẳng thì khó chữa.

## BÍ QUYẾT QUAN SÁT THANH SẮC CỦA BIỂN THƯỚC VỚI HOA ĐÀ

Bệnh nhân Ngủ tạng đà tuyệt, thần minh không còn, tiếng khàn là chết.  
Bệnh nhân măn áo nói nhảm là không chữa được.  
Bệnh nhân âm dương đều tuyệt, kéo áo, bắt chim chim, nói nhảm, là chết.  
Bệnh nhân nói lảm nhảm, lẩn lộn, nói lung tung và không nói được nữa là không thể chữa được nếu còn nóng thì chữa được.  
Bệnh nhân âm dương đều tuyệt, tắt tiếng, không nói được, 3 ngày rưỡi sẽ chết.  
Bệnh nhân hai khoé mắt có sắc vàng nổi lên là bệnh sắp khỏi.  
Bệnh nhân mặt vàng xanh thì không chết, xanh như màu cỏ úa là chết.  
Bệnh nhân mặt vàng mắt trắng thì không chết, nếu trắng như xương khô thì chết.  
Bệnh nhân mặt vàng mắt đen thì không chết, đen như màu than đá là chết.  
Bệnh nhân sắc mặt và mắt đều một màu như nhau thì không chết.

(1) Hành thi: Ý nói tinh thần đã mất hết chỉ còn cái xác biết đi, là chết.

Bệnh nhân mặt đen mắt xanh thì không chết.

Bệnh nhân mặt xanh mắt trắng thì chết.

Bệnh nhân mặt đỏ mắt xanh thì 6 ngày là chết.

Bệnh nhân mặt vàng mắt xanh thì 9 ngày nhất định chết.

Bệnh nhân mặt đỏ mắt trắng thì 10 ngày chết.

Buồn giận lo nghĩ tâm khí bị kẹt, sắc mặt lại tươi, nhất định sắc chết.

Bệnh nhân mặt trắng mắt đen là chết, đầy là tinh ba đã hết huyết mạch trống rỗng.

Bệnh nhân mặt xanh mắt vàng thì 5 ngày chết.

Bệnh nhân nằm liệt giường, đau vùng tim, hơi thở ngắn, tỳ khí kiệt tổn thương bên trong bỗng các bệnh lại khởi dậy được mà người bàng hoàng, đang ngồi dưới đất đứng dậy dựa vào giường, chưa được bệnh này đáng được gọi là thần y.

Bệnh nhân mắt không có tinh quang với răng đen sạm lại là không chữa được.

Bệnh nhân miệng há hốc thi 3 ngày chết.

Bệnh nhân tai mắt và má, gò má đỏ chỉ trong 5 ngày là chết.

Bệnh nhân trên trán có hiện ra sắc đen, đen lên đến chân tóc thẳng xuống đến sống mũi và trên hai gò má thì cũng chỉ trong 5 ngày là chết.

Bệnh nhân và người khỏe vốn sắc da đen, nếu thấy sắc trắng nổi lên đi vào mắt và miệng mũi thì trong 3 ngày là chết.

Bệnh nhân và người khỏe sắc mặt bỗng như sắc gan ngựa, trông xa như xanh, đến gần như đen là chết.

Bệnh nhân mặt đen trông thẳng, sợ gió là chết.

Bệnh nhân mặt đen, môi xanh là chết.

Bệnh nhân mặt xanh, môi đen cũng chết.

Bệnh nhân mặt đen, dưới hai cạnh sườn đầy, không tự trấn trở, được là chết.

Bệnh nhân mắt không liếc được, trông thẳng, so vai mà thở, một ngày là chết.

Bệnh nhân âm kết (1) dương tuyệt (2), tinh quang của mắt thoát hết, hoảng hốt thì chết.

Bệnh nhân âm dương kiệt hết, quáng mắt sâu hõm là chết.

Bệnh nhân đường lông mày kéo xéch đi thi 7 ngày chết.

Bệnh nhân miệng tru như miệng cá không ngâm lại, hơi thở nhiều mà không hit vào là chết.

Bệnh nhân tai mắt miệng mũi có sắc đen nổi lên đi vào miệng nhất định chết.

Bệnh nhân môi xanh, nhân trung vành lén trong 3 ngày là chết.

Bệnh nhân môi miệng bỗng khô là chữa được

(1) Âm kết: Đại tiện bí, do tỳ thận hư hàn, biểu hiện thể chất hư yếu đi cầu không được trong nhiều ngày. Tuy có mắc ỉa, tuy ỉa khô ra mà trong bụng không có cảm giác trưởng đầy, chân tay không ấm, nước đái trong dài chất lưỡi nhạt, rêu trắng mạch trầm trì.

(2) Dương tuyệt Hiện tượng mạch chỉ có ở bộ thân khẩu, mà hai bộ quan xích không thấy động Theo Thượng hàn luận mạch pháp nói: Dưới bộ thân không tới bộ quan là Dương tuyệt. Thành vô kỹ cắt nghĩa đó là đen dương dứt nhau mà ra.

Bệnh nhân môi sưng răng sém là không chữa được.  
Bệnh nhân răng bồng đen lại thì 13 ngày chết.  
Bệnh nhân lưỡi rụt, hòn dài co lại là chết.  
Bệnh nhân đổ mồ hôi đọng giọt, lưỡi cuộn đen lại là chết  
Bệnh nhân tóc dựng thẳng lên, 15 ngày sẽ chết.  
Bệnh nhân tóc khô như sợi gai, hay giận cũng chết.  
Bệnh nhân tóc với lông mày dựng thẳng lên, cũng chết.  
Bệnh nhân móng tay móng chân xanh, là chết.  
Bệnh nhân móng tay móng chân trắng thì không chữa được.  
Bệnh nhân thịt dưới móng tay móng chân đen lại thì 8 ngày chết.  
Bệnh nhân dinh vệ kiệt hết, mặt phù nề là chết.  
Bệnh nhân bồng sưng, mặt xanh đen là chết.  
Bệnh nhân bàn tay sưng lên mất hết vết nhăn, nhất định chết.  
Bệnh nhân rốn sưng lồi lên là chết.  
Bệnh nhân sưng cả bìu dài và ngực hành, là chết.  
Bệnh nhân mạch tuyệt, miệng há hốc, chân sưng nề, chỉ 5 ngày là chết.  
Bệnh nhân mu bàn chân sưng lên, nôn mửa, đầu nặng là chết.  
Bệnh nhân sưng hai mu bàn chân, hai đầu gối to như cái đầu chỉ 10 ngày là chết.  
Bệnh nhân nằm tự són dài ra không biết là chết.  
Bệnh nhân có mùi thây ma xác chết là không thể chữa được.  
Bệnh ở can mà da trắng thì sẽ chết vào ngày Canh Tân (ngày của tạng phế).  
Bệnh ở tâm mà mắt đen thì sẽ chết vào ngày Nhâm Quý (ngày của tạng thận).  
Bệnh ở tỳ mà môi vanh sẽ chết vào ngày Giáp Ất (ngày của tạng tâm).  
Bệnh ở thận mà mặt sưng môi vàng, sẽ chết vào ngày Mậu Kỷ (Ngày của tạng tỳ)  
Sắc xanh phải xanh như ngọc bích lóng lánh, không được xanh như màu chàm.  
Sắc đỏ phải đỏ như màu lụa bọc chư sa, không được đỏ như son.  
Sắc trắng phải trắng như màu lông vịt Xiêm, không được trắng như màu muối.  
Sắc đen phải đen như màu sơn, không được đen như màu than.  
Sắc vàng phải vàng như màu lụa bọc Hùng Hoàng, không được vàng như màu đất sét.

## CHẨN ĐOÁN CHỨNG HẬU KHÍ TUYỆT CỦA NGŨ TẠNG LỤC PHỦ

**Bệnh nhân can tuyệt:** thi 8 ngày chết, lấy gì để biết? Mặt xanh chỉ muốn nằm sấp mà ngủ, mắt nhìn mà không thấy người, mồ hôi tuôn ra như nước không ngừng (hoặc là nước mắt), có thuyết nói. Hai ngày là chết.

**Bệnh nhân dờm tuyệt:** thi 7 ngày chết. Tại sao biết? Lông mày bị kéo xêch đi Bệnh nhân can tuyệt: thi 9 ngày chết. tại sao biết? Móng ty móng chân xanh lại, chửi bởi luôn mềm, có thuyết nói 8 ngày chết.

**Bệnh nhân tâm tuyệt:** thì chết. Tại sao biết? Só vai mà thở, hay trông ngoảnh lại thì chết ngay, hoặc mắt nhìn trùng trùng 2 ngày chết.

**Bệnh nhân tiêu trường tuyệt:** thì 6 ngày chết. Tại sao biết? Tóc cứng thẳng như sợi gai khô, không co duỗi được, tự ra mồ hôi không ngừng.

**Bệnh nhân tỳ tuyệt:** thì 11 ngày chết. Tại sao biết? Miệng lạnh chân sưng, bụng nóng, mồ ác trưởng, ỉa chảy mà không biết và ỉa luôn không chừng độ có thuyết nói 5 ngày chết.

**Bệnh nhân vị Tuyệt:** thì 5 ngày chết. Tại sao biết? Xương sống đau, trong eo lưng nặng không thể trăn trở được, có thuyết nói bằng quang và ruột đầy lên thì 9 ngày chết.

**Bệnh nhân nhục tuyệt:** thì 6 ngày chết. Tại sao biết? Lưỡi khô, Lưng sưng, đái ra máu, ỉa ra sắc đỏ. Có thuyết nói chân sưng thì 9 ngày chết.

**Bệnh nhân phế tuyệt:** thì 3 ngày chết. Tại sao biết? Miệng há hốc, chí thở ra mà không hít vào, có thuyết nói mũi miệng há hốc, ngắn hơi.

**Bệnh nhân đại trường tuyệt:** không chữa được. Tại sao biết?

- Di ỉa lỏng vô độ, thôi đi ỉa lỏng thì chết.

**Bệnh nhân thận tuyệt:** 4 ngày chết. Tại sao biết ? Răng bồng nhiên khô, mặt đen sì, tròng mắt sắc vàng, lưng đau như gãy, tự đổ mồ hôi như nước chảy. Có thuyết nói Nhân trung bằng thì 7 ngày chết.

**Bệnh nhân xương tuyệt:** Răng vàng rụng, 10 ngày chết. Tại sao biết? Các mạch phù vò cǎn thì đều chết.

Trên đây là lục phủ ngũ tạng làm căn bản.

## 19 ĐIỀU CƠ CHẾ BỆNH THEO NỘI KINH

- Các chứng phong, lay động, đau choáng, đều thuộc can.
- Các chứng hàn, co rút co quắp, đều thuộc thận.
- Các chứng thấp, phù thũng trường đầy, đều thuộc tỳ.
- Các chứng khí, đầy uất, đều thuộc phế.
- Các chứng nhiệt, thân chí mờ loạn, chí thể co rúm, đều thuộc hỏa.
- Các chứng đau ngực, lở nhợt, đều thuộc tâm
- Các chứng quyết nghịch, đại tiểu không thông hoặc ỉa đái vài không nín được đều thuộc hạ tiêu.

Các chứng bại liệt, suyễn nghịch, nôn ói, đều thuộc thương tiêu.

- Các chứng cầm khẩu, miệng ngậm không mở, hàm khua cầm cập, thân chí bất yên, đều thuộc hỏa.
- Các chứng co cứng, cổ gáy cứng đờ, đều thuộc thấp.
- Các chứng khí hơi quạt đưa lên, đều thuộc hỏa.
- Các chứng trường đầy bụng to, đều thuộc thấp.
- Các chứng táo máy bất yên, phát cuồng muốn vùng cạy, đều thuộc hỏa.
- Các chứng bồng cứng đơ, đều thuộc phong.
- Các chứng do bệnh mà có tiếng khua như tiếng trống đều thuộc nhiệt.

- Các chứng sưng mu bàn chân, đau buốt khổ sở kinh hãi không yên, đều thuộc hỏa.
- Các chứng chuyển gân, uốn ván, tái ra nước đục, đều thuộc nhiệt.
- Các chứng tái ra nước trong sáng và lạnh, đều thuộc hàn.
- Cách chứng nôn ói nước chua, ỉa tung toé dữ dội, đều thuộc nhiệt.

Cho nên phải cẩn thận tuân giữ cơ chế bệnh, dựa chứng trạng hữu quan suy sét coi có tà hay không tà, thịnh thì tại sao, hư thì tại sao, trước hết dựa vào ngũ khí mà phân tích coi khí nào thăng hơn, trong ngũ tạng tạng nào bị bệnh, nhiều hậu mới sơ thông huyết khí làm cho thông sướng điều hoà, dẫn đến khỏi bệnh.

**Nǎm chứng hư:** Mạch té, da lạnh, hơi ít, đại tiểu tiện hoạt thoát, không ăn uống được đó là nhóm chứng tạng ngũ tạng đều hư.

**Nǎm chứng thực:** Mạch thịnh, da nóng bụng trướng, đại tiểu tiện bất thông, tinh thần mê loạn, đó là nhóm chứng hậu ngũ tạng đều có thực nhiệt rất nặng, nếu làm cho ra mồ hôi được, đại tiểu tiện thông lợi thì sống.

**Nǎm chứng thăng:** Phong khí thăng thì lay động, nhiệt khí thăng thì đau tay táo khi thăng thì khô ráo,, hàn khi thăng thì phù nề, thấp khí thăng thì ỉa chảy.

**Nǎm tính ghét:** Tâm ghét nhiệt, phế ghét hàn, can ghét phong, tỳ ghét thấp, thận ghét táo.

**Sáu chứng thoát:** Thoát khí, thoát huyết, thoát tinh, thoát thận, thoát tân, thoát dịch.

**Nǎm chứng lao:** Nhìn lâu hại huyết thì lao tâm, nằm lâu hại khí thì lao phế, ngồi lâu hại thịt thì lao tỳ đứng lâu hại xương thi lao thận, đi lâu hại gân thi lao can.

Mưu lự quá sức, làm mệt nhọc tổn hại gân, ứng với chứng cản cực.

Vận dụng cơ mưu sâu sắc làm mệt nhọc, tổn hại tỳ, ứng với chứng nhục cực.

Lo lắng việc chưa tới làm mệt nhọc tổn hại phế, ứng với chứng khí cực.

Khắc khổ giữ chí tiết làm mệt nhọc hại thận, ứng với chứng cốt cực.

Đầu là nơi ở cửa tinh thần, đầu cúi gục, mắt nhìn đăm đăm là tinh thần sắp thoát.

Vùng sống lưng và vùng ngoại phủ của bộ phận trong ngực lưng cong, vai xệ là bộ phận trong ngực sắp bị hư hoại.

Eo lưng là ngoại phủ của thận, eo lưng không quay trở được là thận sắp suy bại.

Xương là chỗ chứa các tủy, không đứng được hoặc đứng thì lảo đảo là xương sắp suy bại.

Gối là chỗ của gân, không co duỗi được phải đi lom khom là gân sắp bại.

## **Nǎm chứng tổn:**

- Tổn lông da: thì da nhăn lông rụng
- Tổn gân: thì gân liệt không co lại được.
- Tổn huyết mạch: thì huyết mạch hư suy không dinh dưỡng tạng phủ.
- Tổn cơ nhục: Bắp thịt gầy rộc, ăn uống không rã da ra thịt.
- Tổn xương: Xương liệt không thể dậy khỏi giường được. Suy tổn từ dưới lên, đến khi da nhăn lông rụng cũng chết.

Phế chủ da lông, phế hư tổn thì phải bổ khí.

Tâm chủ huyết mạch, tâm hư tổn thì điều hòa vinh vệ.

Tỳ chủ cơ nhục, tỳ hao tổn thì phải điều hòa đồ ăn uống, ấm lạnh cho thích nghi.

# <https://vnras.com/drug/>

Can chủ cân, can hư tổn phải hòa hoãn trung khí.

Thận chủ xương, thận hư tổn phải bổ tinh.

Buồn rầu lo nghĩ thì hại tâm: minh mẩy lạnh uống lạnh thì hại phế; tức giận cành hông thì hại can; ăn uống mệt nhọc thì hụt tỳ; ở nơi ẩm thấp, tắm nghịch dưới nước thì hại thận.

Lục khí lấn lên thời gây hại, phải có cách kế thừa để ức chế.

Hàn tật độ lại sinh nhiệt, nhiệt tật độ thi sinh hành.

Mộc cực thịnh giống như Kim, hỏa cực thịnh giống như thủy.

Thổ cực thịnh giống như Mộc, Kim cực Thịnh giống như hỏa, thủy cực thịnh giống như Thổ.

**Năm chứng uất:** chữa có cách Đạt, Phát, Đoạt, Tắt, Chiết.

- Mộc uất thì phải Đạt, gây nôn mửa để thông đạt.

- Hỏa uất thì phải Phát, Phát hán để cho được sơ tán.

- Thổ uất thì phải Đoạt, tả hạ để khai thông sự ứ đọng tắc.

- Kim uất thì phải Tắt, làm ấm tiết, giả biểu, lợi tiểu.

- Thủy uất thì phải Chiết, bẻ gãy, ức chế không cho xung nghịch lên.

Dưới tâm đầy nghịch lên là do tả hạ quá mức.

Hơi quạt lên ngực, đứng dậy thì xây xẩm là do nôn mửa quá mức.

Thịt máy, gân giật, chân co, sợ lạnh là do phát hán quá mức.

Dương thoát thì thấy ma quỷ, Âm thoát thì mất lòe, dương thoát do khí không giữ vững, âm thoát do huyết không nuôi dưỡng.

Trùng dương thì phát cuồng, vì khí ó dồn vào dương phận.

Trùng âm thì phát điên, vì huyết dồn vào âm phận.

Khi dồn lại mà không tan là khi bị bệnh trước.

Huyết úng trệ mà không nhuận thâm là huyết bị bệnh sau.

Năm tạng không điều hòa thì 9 khiếu không thông.

Sáu phủ không điều hòa thì kết đọng thành úng trệ.

Tay co không duỗi được là bệnh tại gân.

Tay duỗi mà co được là bệnh tại xương.

Xiết là chứng co rút mà co lại, Tึง là chứng gân mạch dãn mà duỗi ra.

Súc nich là chứng chân tay co giật nắm mở (1)

Lưỡi thè ra không rút lại được là dương mạnh quá.

Lưỡi rút không nói được là âm thịnh quá.

Mùa xuân cảm phong, đến vụ hè át sinh là sống phẫn (động tiết).

Mùa hè cảm thủ, đến mùa đông át sinh bệnh ho.

Mùa đông cảm hàn, đến mùa xuân át sinh bệnh ôn.

---

(1) Tam chứng hậu căn bản: Cấp kinh phong xem Hải thượng Y tông tập IV trang 72.

## PHONG

Phong là đau mồi khởi phát các thứ bệnh.

Phong phi là chứng chân tay không co lại được.

Thiên khô là chứng bại liệt nửa người.

Phong ý là chứng hôn mê bất tỉnh.

Phong tý là các chứng đau nhức gồng bệnh phong.

Than, có nghĩa là thân nhiên gân mạch xuôi lơ, không cử động được.

Hoán, có nghĩa là tản mạn, huyết khi tản mạn mất tác dụng.

## HÀN

Hàn là khí heo hắc khắc nghiệt của trời đất.

Thương hàn là chứng minh nóng không mồ hôi mà sợ lạnh.

Thương phong là chứng minh nóng, có mồ hôi mà sợ gió.

Thái dương chứng thì nhức đầu, đau minh, xương sống cứng.

Dương minh chứng thì mắt đau mũi khô không ngủ được.

Thái âm chứng thì bụng đầy, đại tiện tự lợi, mạch xích thốn đi trầm, cổ họng khô, không có tân dịch.

Thiếu âm chứng thì lười khô miệng ráo.

Quyết âm chứng thì buồn bực, bụng đầy, biu dai co lại.

Biểu nhiệt thì nóng hâm hấp, Lý nhiệt thì nóng bừng bừng.

Lung gáy là tà tại biểu thuộc kinh Thái dương.

Sợ gió là thấy gió thì khiếp sợ.

Phát sốt sợ lạnh, là bệnh phát tại dương phận.

Nóng rét qua lại, là âm dương giành giật với nhau.

Tiễn quyết, là chứng nhiệt khí nung nấu do buồn phiền nhọc mệt quá sinh ra.

Bạc quyết, là chứng hơi quạt lên quá độ.

Giải diệc, là chứng trạng người cảm thấy mỏi mệt, chỉ thể các khớp xương như rời rã.

Chân tay không co lại được là bệnh do tỳ.

Nhục nuy, là chứng mà bắp thịt té đại cấu không biết đau.

Thịt máy giật là chứng do tỳ nhiệt.

Năm chứng ẩm: Chi ẩm, Lưu ẩm, Đầm ẩm, Huyền ẩm, Dật ẩm.

Năm chứng tiết: Tỳ tiết, Vy tiết, Đại trường tiết, Đại hà tiết, Tiểu trường tiết.

- Tỳ tiết là chứng ỉa chảy ruột đầy trướng, nôn xóc.

- Vy tiết, là ỉa ra toàn thức ăn không tiêu.

- Đại trường tiết, là sau khi ăn xong, đau bụng mắc ỉa.

- Tiểu đường tiết, là đi cầu ra máu mù.
- Đại hàn tiết, là chứng đi ly mót rặn.
- Xôn tiết, là ia ra phân sống do tỳ có bệnh.
- Vụ đường, là ỉa ra phân có lẫn nước, do đại trướng có hàn (ỉa cút cò).
- Trường cầu, là đi ly do chất nhầy do đại trướng có nhiệt.
- Tỳ ướt, là chứng đi cầu ra phân cứng, do tỳ khí hư, tân dịch khô rút.

**Năm chứng cách là:** lo, giận, nóng, lạnh, khí.

**Năm chứng nghẹn là:** lo, nghỉ, nhọc, ăn, khí.

**Chín khí là:** Mừng, giận, lo, nghỉ, thương, sợ, kinh, nhọc, lạnh, nóng.

**Năm chứng tích là:** do ngũ tạng sinh ra.

- Can tích ở cạnh sườn bên trái, gọi "Phi khí"
- Phế tích ở cạnh sườn bên phải, gọi "Tứt bón"
- Thận tích ở dưới rốn, gọi "Bôn đồn"

Sáu chứng tụ là do phục phủ sinh ra.

**Năm chứng dản là:** Hoàng hàn, tửu dản, cốc dản, hoàng dản, nǚ lao đảng.

**Ngũ luân là:** phong luân, huyết luân, nhục luân, khí luân, thủy luân.

**Bát quách là:** thiên, địa, thủy, hỏa, phong, lôi, sơn, trạch.

**Năm chứng anh là:** Nhục anh, Cân anh, Khi anh, Thạch anh.

**Sáu chứng lưu là:** Cốt lưu, Chi lưu, Nhục lưu, Thạch lưu, Nung lưu, Huyết lưu.

**Chín loại thống (đau bụng) là:** ẩm thống, thực thống, phong thống, lãnh thống, nhiệt thống, quỳ thống, trùng thống, khứ lai thống.

Bảy chứng sán; là hàn sán, thủy sán, cảm sán, huyết sán, khí sán, hổ sán, đổi sán.

Bệnh ở tam tiêu phần nhiều thuộc huyết hư, chứng thượng tiêu, thuộc phế, trung tiêu thuộc tỳ, hạ tiêu thuộc thận.

**Năm chứng lâm là:** khí lâm, sa lâm, huyết lâm, cao lâm, lao lâm.

**Năm chứng trĩ là:** Tần trĩ, Mẫu trĩ, Huyết trĩ, Mạch trĩ, Trường trĩ.

**Năm chứng tỳ là:** Bì tỳ, mạch tỳ, cốt tỳ, cảm tỳ, cơ tỳ. lại có các chứng Thống tỳ, hành tỳ, chu tỳ.

- Thống tỳ là chứng gân cốt đau nhức.
- Trước tỳ là chứng đau một chỗ cố định.
- Hành tỳ là chứng đau chạy chỗ này ra chỗ khác.
- Chu tỳ là chứng đau nhức khắp minh mẩy.

Thận truyền hàn sang tỳ thành ung nhọt, thiểu hơi.

Tỳ truyền hàn sang can thì thành ung nhọt co giàn.

Can truyền hàn sang tâm thì phát cuồng, trong ngực nghẹn tắc.

Tâm truyền hàn sang phế thời thành chứng phế tiêu đái đường, phế tiêu thì uống nước 1 phần, đi đái ra gấp hai, chết không chữa được.

Phế truyền hàn sang thận là chứng dung thủy chứng này do thủy khí đọng ở đại trướng, ăn vào bụng không rắn, đi nhanh thì có tiếng lọc lọc, như nước đọng trong cái túi, là bệnh thủy khí.

Tỳ truyền nhiệt sang can thì thành chứng kinh sợ, đổ máu mũi.

Can truyền nhiệt sang tâm thì chết.

Tâm truyền nhiệt sang phế, thi thành chứng cách tiêu.

Phế truyền nhiệt sang thận thành ra chứng nhu xỉ.

Thận truyền nhiệt sang tỳ thi sinh hư tổn, nếu đi lý thi chết không chữa được.

Bào lạc truyền nhiệt xuống bàng quang thì đái không thông hoặc đái ra máu.

Bàng quang truyền nhiệt lên Tiểu trường thì đường ruột bị nghẽn, đại tiện không thông, nhiệt khi bốc lên mà sưng lở miệng.

Tiểu trường truyền nhiệt sang đại trường thì nóng kết lại không tan thành chứng "phục hà" hoặc chứng trĩ.

Đại trường truyền nhiệt lên vị làm cho người ăn nhiều hơn mà gầy mòn gọi là "thực diệt" (8).

Vị truyền nhiệt sang đờm cũng sinh ra chứng thực diệt.

Đờm truyền nhiệt lên não thi trong mũi cảm thấy cay rát mà thành chứng Ty uyên (1) chứng này chỉ chảy nước mũi đục ra không ngừng.

## CÁCH PHÂN BIỆT BỆNH THUỘC ÂM DƯƠNG

Bệnh thuộc dương thì ban ngày tăng lên, ban đêm yên tĩnh, đó là dương bệnh thái quá, khi bệnh mà huyết không bị bệnh.

Bệnh thuộc âm thì đêm đến là tăng lên, ban ngày yên tĩnh, đó là âm bệnh thái quá, huyết bị bệnh mà khí không bị bệnh.

Ngày phát sốt đêm yên tĩnh là dương khí tự vượng ở phần dương.

Ngày yên tĩnh đêm phát sốt phiền táo là dương khí hâm vào trong âm phận, gọi "nhiệt nhập huyết thất" (2).

Ngày phát sốt phiền táo, đêm cũng phát sốt phiền táo, đó là chứng "trùng dương" không có âm. Chữa cần tả ngay phần dương, bổ mạnh phần âm.

Đêm sợ lạnh ngày yên tĩnh, là âm huyết tự vượng ở phần âm.

Ngày yên tĩnh đêm sợ lạnh, là âm huyết tràn lên phần dương.

Đêm sợ lạnh ngày cũng sợ lạnh là "trùng âm" không có dương, chữa cần tả ngay phần âm, bổ mạnh phần dương.

Ngày thì sợ lạnh, đêm thì phiền táo, không ăn uống được gọi là "âm dương xáo lẩn" thi chết.

Hỏa nhiều thủy ít, là dương thực âm hư, phát ra bệnh nhiệt.

Thủy hỏa nhiều ít là âm thực dương hư, phát ra chứng hàn.

Sắc da trắng là phế khí hư suy.

---

(1) Ty uyên, nay gọi Viêm mũi mủ, do đờm nhiệt phế nhiệt.

(2) Nhiệt nhập huyết thất: Đầu bà khi đang hành kinh mà bị cảm, nhiệt tà với huyết xuất hiện bệnh chứng bụng dưới hoặc ngực sườn đầy rắn, nóng rát qua lại, nở bậy nỗi bã thán chí khác thường.

Sắc da đen là thận khí đầy đú.

Người béo thi thấp nhiều, người gầy thi hòa nhiều.

Chữa bệnh phải phân biệt mà dùng thuốc.

Bệnh ở biểu thì dùng phép hàn mà phát tán ra.

Bệnh ở lý thì dùng phép hạ để tống độc ra.

Bệnh ở trên cao thì nhân thế đó mà làm cho vượt lên (thổ).

Tà khí mạnh dữ thì lén xoa bóp mà thu liêm lại.

Tặng hàn, hư thoát, thì nên chữa bằng cách cứu mồi ngái.

Mạch bị co rút và đau thì chữa bằng cách châm kim,

Chứng huyết thực kết đọng sưng nóng thì chữa bằng cách chích lỗ. Chứng khí trệ chân tay mèn yếu giá lạnh nóng rét thì chữa bằng phép đạo dẫn.

Kinh lạc không thông sinh chứng tê dai cấu không biết đau, thì chữa bằng thuốc giảm rượu.

Huyết khí ngừng đọng phát bệnh ở gân mạch thì chữa bằng cách chườm.

Người ta có thể bước đi lại khỏe là vì có huyết túy hội tức tuyệt cốt (1).

Vai có thể gánh nặng được là vì có huyết cốt hội tức huyết Đại trữ (2).

Người già nằm mà không ngủ được, đó là khi có dư mà huyết không đủ.

Người trẻ khỏe hay ngủ mà không thức, đây là huyết có dư mà khi không đủ.

Người trước giàu sau nghèo thường nhiều uất hỏa.

Người trước nghèo sau giàu thường mừng mà hại tâm.

Khai quỹ môn là thường làm cho phát hàn.

Khiết tinh phủ là làm thông tiểu tiện.

Người trẻ khỏe mới mắc bệnh thì công tà làm chủ yếu.

Người già yếu đã ốm lâu thì bổ hư làm trước tiên.

Điều lý tỳ vị là đường lối chính trong nghề làm thuốc.

Dè dặt ăn uống là phương pháp hay đẩy lùi bệnh tật.

Trông mà biết được gọi là thán, tức là trông 5 sắc để biết bệnh bên trong mà điều trị.

Nghe mà biết được gọi là thánh, tức là nghe 5 âm thanh của bệnh nhân để biết căn nguyên của bệnh mà cứu chữa.

Hỏi mà biết được gọi là công, tức là hỏi bệnh nhân ưa thích vị gì để biết được chỗ khởi phát của bệnh.

Xem mạch mà biết được gọi là xảo, là xem mạch để biết được bệnh tốt xấu nặng nhẹ.

Bệnh ngoại cảm thì học cách chữa theo Trương Trọng Cảnh.

Bệnh nội thương thì học cách chữa của Lý Đông Viên.

Nhiệt bệnh thì học cách chữa của Lưu Hà Gian.

Tạp bệnh thì học phép chữa của Chu Đơn Khê, vì Đơn Khê chữa tạp bệnh giỏi.

(1) Tuyệt cốt tức. Huyền chung, trên mặt cá chân ngoài ba thốn.

(2) Đại trữ. Dưới xương sống cẳng 1 đốt (cau lưng) ngang ra mỗi bên 1 phần rưỡi.

# <https://vnras.com/drug/>

Phải biết rõ 3 chứng cảm, trúng, thương, để phân biệt tiêu bản nặng nhẹ ra sao.

Phải hiểu rõ 3 nguyên nhân nội ngoại và bất nội ngoại nhân để phân biệt biểu lý hư thực thế nào?

Phải xét trước vận khí của mỗi năm, đừng công phạt cái khí thiên hòa.

Trời đất có phương Nam, phương Bắc khác khí hậu, thân người có người hư kẽ thực khác thể chất, thầy thuốc cần phân biệt cho kỹ.

Biến hóa mà sáng chế, cốt ở sự biến thông.

Mẫu nhiệm mà sáng láng cốt ở người làm thuốc.

Làm thuốc là kế tục sự nghiệp của các bậc tiên, thánh Thần nông, Hoàng đế Kỳ Bá.

Học sách phải suy rộng tấm lòng nhân nghĩa của Khổng Mạnh.

Đó là những lý luận xác đáng của tiên thánh nay thuật làm phương châm cho người hậu học noi theo.

## TẠNG PHỦ VÀ KINH LẠC

### A - HÌNH TRẠNG CỦA NGŨ TẠNG LỤC PHỦ (1)

#### Can :

Nặng 4 cân 4 lạng. Bên trái 3 lá, bên phải 4 lá, cộng 7 lá.

Can tàng hồn, thuộc hành mộc, thịnh về mùa xuân.

Mạch của can là huyền.

Vị của can là chua.

Ngoài ứng với mắt.

#### Tâm :

Nặng 12 lạng. Trong có 7 lỗ, 3 lông (?) đựng nước tinh 3 cát.

Tâm tàng thần, thuộc hành hỏa, thịnh về mùa hạ.

Mạch của tâm là cầu (hồng).

Vị của tâm là đắng.

Ngoài ứng với lưỡi.

#### Tỳ :

Nặng 2 cân 3 lạng, hình dẹt, dài 5 thốn, có mỡ chài nặng nửa cân.

Tỳ chủ bọc huyết, làm ấm ngũ tạng.

Tỳ tàng ý, thuộc hành thổ, vượng về 4 tháng cuối qui.

Mạch của tỳ là hoãn.

Vị của tỳ là ngọt.

Ngoài ứng với miệng.

---

(1) In ở Hồng Nghĩa giác tư y thu quyền thương từ năm 1717.

### **Phế :**

Nặng 3 cân 3 lạng, có 6 lá, 2 tai, gồm 8 lá (?).

Phế tàng phách, thuộc hành kim, thịnh về mùa thu.

Mạch của phế là mao.

Vị của thế là cay.

Ngoài ứng với mũi.

Vò 2 quả, nặng 1 cân 1 lạng.

### **Thận :**

Thận tàng chi, thuộc hành thủy, thịnh về mùa đông.

Mạch của thận là thạch (trầm).

Vị của thận là mặn.

### **Đảm :**

Ở khoảng lá gan ngắn, nặng 3 lạng 3 thù, chứa nước mật 3 cáp.

Người mệt dây thì anh hùng, mệt lung thì nhát nhất.

### **Vị :**

Nặng 2 cân, 14 lạng, vòng cong, co giãn, dài 2 xích Thornton, tr. 1 xích Thornton 5 Thornton, đường kính 5 Thornton, đường cơm 5 đấu, nước 1 đấu 5 thăng.

### **Tiểu trường :**

nặng 2 cân 14 lạng, dài 3 trượng 2 xích, rộng 2 Thornton rưỡi, đường kính 8 phân và non nửa phân, quanh vẻ bên trái, 16 khúc (?), đựng cơm 2 đấu 4 thăng, nước 4 thăng 3 vốc và già nửa vốc.

### **Đại trường :**

Nặng 2 cân 12 lạng, dài 2 trượng 1 xích, rộng 4 Thornton, đường kính 2 Thornton, ngang vùng rốn, quanh vẻ bên phải, gấp 16 khúc (?), đựng cơm 1 đấu, nước 7 thăng rưỡi.

## Bàng quang :

Nặng 9 lạng 2 thù, dài 9 thốn rộng 2 thốn rưỡi, đựng nước tiểu 9 thăng 9 chung.

Môi đến răng dài 9 phân, răng trở về phía sau đến hội yếm, sâu vào 3 thốn rưỡi, dung tích 5 chung.

Lưỡi nặng 10 lạng, dài 7 thốn, rộng 2 thốn rưỡi.

Họng ăn nặng 10 lạng, rộng 3 thốn rưỡi.

Họng thở nặng 12 lạng, rộng 7 thốn, dài 1 xích 2 thốn, có 9 đốt.

Giang môn (hậu môn) nặng 12 lạng, rộng 3 thốn, đường kính 2 thốn và già nửa thốn, dài 2 xích 8 thốn, chứa cặn bã chất ăn 9 thăng 3 chung và 1/8 chung.

## B - MƯỜI HAI KINH MẠCH VỚI THUỐC QUY KINH

### 1) CA VỀ KINH MẠCH THỦ THÁI ÂM PHẾ

Đường kinh mạch Thủ Thái âm "Phế",  
Khởi đầu từ giữa vị (trung tiêu), đi ra  
Xuống, liên lạc với ruột già (đại trường)  
Quanh lén vị khẩu gọi là Bí môn (1)  
Xuyên chén đứng lên luôn cuồng phổi,  
Từ chỗ hâu rẽ lối ngang ra,  
Theo giữa nách, cánh (tay) đi qua,  
Khuỷu, cẳng, thốn khẩu, dần dà tráy tay (ngư tê)  
Từ đây thẳng ra ngay ngón cái,  
Gốc ngón tay về mái bên trong  
Một chi từ cổ tay trong,  
Rẽ ra ngón trỏ hợp cùng Dương minh,  
Vốn là kinh khí nhiều hơn huyết,  
Thì động (2) sưng phổi, hổm vai đau,  
Mắt mờ ho suyễn khổn sao.  
Hai tay bắt chéo, ôm vào ngực ngay.  
Sở sinh (3) bệnh thì hay ho suyễn,  
Cánh tay đau, tiểu tiện đi luân,

- 
- (1) Bí môn: Vị khẩu đều là tên gọi chỉ vùng thương vị ngại sự vận hành của khí, khiến cho khí phải biến động khác thường mà sinh bệnh.  
(2) Thi động: Kinh mạch này bị xúc động.  
(3) Sở sinh bệnh: Bệnh chứng phát sinh từ kinh mạch này (dī hạ).

Lòng bàn tay nóng phiền buồn,  
Miệng thì khát nước, ngực luôn luôn đầy,  
Khí hư lạnh lưng vai, đau đớn,  
Khí thịnh đau, phong đờn mồ hôi,  
Thiếu hơi thở, ngáp, vươn vai,  
Luôn luôn trung tiên, tái thay đổi màu.

### **Thuốc bổ tả ôn lương đối với tỳ phế**

- **Bổ:** Nhân sâm, Hoàng kỳ, Thiên môn đông, A dao, Tứ uyển, Hoài sơn, Qua lâu, Ngũ vị tử, Mạch môn đông, Bách bộ, Bạch giao, Bạch linh, Mã dàu linh, Sa sâm.
- **Tỳ:** Đinh lịch, Phòng phong, Chỉ thực, Bính lang, Tang bạch bi, Thông thảo, Trạch tả,, Hồ phách, Xích phục linh, Tô diệp, Ma hoàng, La bạc tử, Hạnh Nhân.
- **Ôn:** Can khương, Sinh khương, Nhục quế, Mộc hương, Bạch đậu khấu, Tô tử, Bán hạ, Quất hồng, Hồ tiêu, Xuyên tiêu.
- **Lương:** Phục linh, Sơn chi tử, Cát cánh, Thạch cao, Tỳ bà diệp, Huyền sâm, Bối mẫu, Thanh đại, Linh dương giác, Trúc lịch.
- **Thuốc dẫn kinh:** Bạch chỉ, Thăng ma, Hành trắng.

Kiêng khem ăn uống đối với bệnh phế Sách Giáp át kinh nói: Bệnh về phế, nên ăn gạo tẻ, ăn thịt gà, hạt đào, ăn hành, nên ăn đồ cay. Kiêng ăn đồ đắng.

## **2) KINH MẠCH THỦ DƯƠNG MINH ĐẠI TRƯỜNG**

Thủ Dương minh Đại trường phải rõ,  
Khởi đầu Ngón trỏ huyết Thương dương,  
Lên Hợp cổc giữa khẽ xương,  
Theo cánh vào khuỷu thẳng đường bàn tay,  
Lên trụ cột chòm vai rồi lại  
Từ chòm vai xuống mài khuyết bồn,  
Từ đây xuống lạc phế luồn,  
Xuyên qua hoành cách (mạc) thuộc con ruột già,  
Khuyết bồn lại phân ra chi nữa,  
Đi ngược lên cổ, má, hàm răng (dưới)  
Nhân trung tả hữu tréo chằng,  
Đi lên mé mũi, Tạm ngừng Nghinh hương,  
Kinh này huyết khí thường đều thịnh,  
Thị động sinh sưng cổ, đau răng,  
Sở sinh hau tắc mặt vàng,  
Mũi thường chảy máu, miệng thời khô khan,

Ngón cái trỏ khó khăn cử động,  
Vai ngoài, cánh đều cũng nhức đau,  
Khí hư run rét dai lâu,  
Thực (khí thực), đường mạch tới sưng đau nóng bừng.

### **Thuốc bổ tả ôn lương đối với bệnh đại tràng**

- **Bổ:** Túc xác, Mẫu lệ, Mộc hương, Liên tử, Nhục đậu khấu, Kha tử, Ngũ bội tử, Long cốt, Trăn tử (1), Đường cát, Gạo nếp, Mật ong, quả cọ.

- **Tà:** Đại hoàng, Mang tiêu, Khiên Ngưu, Ba đậu, Chỉ thực, Đào nhân, Bình lang., Thông bạch, Hạt mè, Tục tùy tử quả ngọt.

- **Ôn:** Nhân sâm, Can khương, Nhục quế, Ngô thù du, Bán hạ, Sinh khương, Hồ tiêu, Đinh hương, Gạo tẻ, Xích thạch chi.

- **Lương:** Điều cầm, Hoè hoa, Hoàng liên, Đại hoàng, Hồ Hoàng liên, Chi tử, Liên kiều, Mang tiêu, Khổ sâm, Thạch cao.

- **Thuốc dân kinh:** Cát căn, Thăng ma, (đi lên) Bạch chỉ, Thạch cao (đi xuống).

### **3) KINH MẠCH TÚC DƯƠNG MINH "VY"**

Túc Dương minh khởi từ sống mũi,  
Theo ngoài mũi xuống tới hàm răng,  
Quanh mồm giao tại Thừa tương  
Ra Đại nghinh lại thẳng đường Giáp xa,  
Lên trước tai, đi qua đuôi mắt,  
Ven mi tóc sang tắt Thiên đình,  
Một chi từ huyệt Đại nghinh,  
Rồi đi thẳng xuống Nhân nghinh, Khuyết bồn,  
Xuống chèn dừng,, thuộc luân vị phủ,  
Liên lạc vào tới chỗ con Tỳ,  
Khuyết bồn mạch thẳng vẫn đi,  
Qua giữ vú xuống rồi thì Khi xung,  
Một chi nữa từ trong vị khẩu (u môn)  
Qua bụng rồi cùng tới Khi xung,  
Hai chi tới đó hợp cùng,  
Rồi đi thẳng xuống tới vùng Bề quan,  
Qua Phục thố rồi sang đầu gối,  
Qua ống chân dồn tới Lê đoài,  
Mé ngoài đầu ngón thứ hai

---

(1) Trăn tử: Hạt giè.

Chi Tam lý xuống phía ngoài ngón ba,  
Chi mu chân rẽ ra ngón cái.  
Đầu ngón này tiếp với Thái âm.  
Kinh nhiều khí huyết chờ lâm,  
Thị động vươn, ngáp, trán sần sẩm đen.  
Gai rét, thấy người liên kinh sợ.  
Hè chót nghe tiếng gỗ (khua) bàng hoàng,  
Có khi cởi áo chạy cuồng,  
Có khi hát xương ầm vang leo trèo,  
Nặng hơn, bụng sôi reo khôn xiết,  
Chứng nó gọi "Cán quyết" không sai,  
Sở sinh cuồng sốt rét thay.  
Mũi thường chảy máu, mình đầy mồ hôi.  
Họng đau, miệng méo, môi giập, nứt.  
Đầu gối đau bụng kết dây lén.  
Khí nhai, Phục thô hai miến.  
Bàn chân ngón giữa đều liên nhức đau.  
Khi thực, ăn đói mau, đái đỏ.  
Phia trước người móng đò chẳng sai.  
Khí hư phần trước lạnh thay.  
Ăn không tiêu được, bụng đầy khổn sao.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với kinh mạch vị

- **Bổ:** Bạch truật, Nhân sâm, Hoàng kỳ, Liên tử, Chích thảo, Khiếm thực, Hoài sơn, Trần bì, Bán hạ, Mật ong, Đường cát, Quả vải, Quả măng cầu ta, quả Táo gai, quả Chua chát, Mạch nha, Trần khúc.

- **Tả:** Đại hoàng, Mang tiêu, Khiên ngưu, Ba đậu, Chỉ thực, Chỉ xác, Hậu phác, Tam lăng, Nga truật.

- **Ôn:** Phụ tử, Nhục quế, Can khương, Sinh khương, Đinh khương, Mộc hương, Hoắc hương, Sa nhân, Ích tri, Hương phụ, Xuyên khung, Hồ tiêu, Nhục đậu khấu, Thảo đậu khấu, Bạch đậu khấu, Ngô thù du, Tân dì, Hương nhu, Gạo nếp, các thứ đường.

- **Lương:** Thạch cao, Sơn chi tử, Đại hoàng, Huyền minh phấn, Hàn thủy thạch, Hoàng liên, Hoàng cầm, Tri mẫu, Sinh địa, Thạch hộc, Ngọc tiết (?), Liên kiều, Hoạt thạch, Cát căn, Lê căn.

- **Thuốc dân kinh:** Cát căn, Thăng ma, Bạch chỉ, (đi lên Thạch cao (đi xuống).

- **Kiêng khem ăn uống đối với bệnh vị:** Phi lai tử nói: "Hư hàn thi nên ăn đồ cay ngọt, kiêng ăn đồ đắng. Thực nhiệt nên ăn đồ đắng nhạt, kiêng ăn đồ ngọt".

#### 4) KINH MẠCH TÚC THÁI ÂM TỲ

Túc Thái âm tỳ kinh phải rõ.  
Tử ngón chân cái nọ phía trong.  
Qua hạch cốt (1) mắt cá trong.  
Bắp chân đầu gối ngược dòng đi lên.  
Phía trong đùi lên trên bụng nọ.  
Thuộc vào tỳ vị phủ lại liên,  
Qua cách hấu lưỡi tản liên.  
Chi kia từ vị tới miền tâm cung.  
Chi này ít huyết mà nhiều khí  
Thị động sinh nơi vị quản đau.  
Thường khi ăn trước mưa sau.  
Lại thêm mình mẩy nhức đau không sờn.  
Cuống lưỡi cứng, ợ hơi bụng cứng,  
Đại tiện rối các chứng đỡ ngay.  
Sở sinh cuồn lưỡi đau thay.  
Cũng không ăn được, mình hay nặng nề.  
Tâm buồn bực, bụng thì đau xiết.  
Sốt rét hay đi kiết, da vàng.  
Nằm chẳng yên cố đứng càng  
Gối đùi sưng, ngón cái thường bị té.

#### Thuốc bổ tả ôn lương đối với tễ tỳ

- **Bổ:** Nhân sâm, Bạch truật, Hoàng kỳ, Cam thảo, Hoài sơn, Khiếm thực, Trần bì, Tứ nhược, Thăng ma, Sài hồ sao, Tân gai, Câu kỹ, Bạch linh, Mật ong, Đường cát, Mia ngọt, Thịt bò.
- **Tà:** Chỉ xác, Chỉ thực, Ba đậu, Dinh lich, Thanh bì, Đại hoàng, Sơn tra, Trần khúc, Mạch nha, Phòng phong.
- **Ôn:** Đinh hương, Mộc hương, Can khương, Phu tử, Quan que, Sa nhân, Đậu khấu, Xuyên khung, Ích tri, Ngô thù du, Hồ tiêu, Hoa tiêu, Hoắc hương, Lương khương, Hồng đậu khấu, gạo nếp, gạo té, rượu ngọt.
- **Lương:** Hoàng liên, Liên kiều, Hoàng cầm, Đại hoàng, Hán thủy thạch, Thạch cao, Mang tiêu, Dưa hấu, Đậu xanh, Khổ trà, Huyền minh phấn.
- **Thuốc dẫn kinh:** Thăng ma tắm rượu, Bạch thươn.
- **Kiêng khem:** Giáp Ất kinh nói: Bệnh tỳ nên ăn gạo té, thịt bò, nên ăn đồ ngọt, kiêng vị chua.

(1) Hạch cốt: xương bàn chân thứ nhất.

## 5) KINH MẠCH THỦ THIỀU ÂM TÂM

Thủ Thiếu âm từ tâm hệ khởi  
Qua chèn dừng thông với ruột non (tiểu trường)  
Chi từ tâm hệ đi luân,  
Thăng lên đầu họng tới con mắt này.  
Chi thăng tâm ra ngay phế hệ.  
Ra nách rồi xuống chỗ cánh tay.  
Xuôi Thiếu hải ở ngay đầu khuỷu.  
Nhuệ Cốt đường ra kéo thăng dòng.  
Đầu ngón út huyết Thiếu xung  
Thái dương kinh ấy lại cùng hội giao.  
Kinh này ít huyết nhiều phân khí.  
Thị động sinh bệnh khá gay go.  
Bụng đau cổ họng lại khô.  
Miệng thường khát nước tha hồ uống luôn.  
Sở sinh bệnh đau sườn vàng mắt  
Phía trong tay lạnh ngắt hoặc đau.  
Lại còn đặc điểm như sau.  
Lòng bàn tay nóng, thuộc vào tâm kinh.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với bệnh tâm

- **Bổ:** Nhân sâm, Thiên trúc hoàng, Kim tiết, Ngàn tiết, Mạch môn, Viễn chí, Hoài sơn, Xuyên khung, Dương quy, Linh dương giác, Hồng hoa, muối rang.
- **Tả:** Chỉ thực, Đinh lich, Khổ sâm, Bối mẫu, Huyền hổ sách, Hạch nhàn, Uất kim, Hoàng liên, Tiền hồ, Bán hạ.
- **Ôn:** Hoắc hương, Mộc hương, Trầm hương, Nhũ hương, Tô tử, Thạch xương bồ.
- **Lương:** Hoàng liên, Ngưu hoàng, Trúc diệp, Tri mẫu, Sơn chi tử, Liên kiều, Trần châu, Huyền minh phấn, Bối mẫu, Tê giác.
- **Thuốc dẫn kinh:** Độc hoạt, Tế tân.
- **Kiêng khem:** Giáp át kinh nói: Bệnh về tâm, nên ăn lúa mạch, thịt dê, quả mơ, rau hẹ, nên ăn đồ đắng, kiêng ăn đồ mặn.

## 6) KINH MẠCH THỦ THÁI DƯƠNG "TIỂU TRƯỜNG"

Thủ thái dương tiểu trường kinh mạch,  
Đầu ngón út Thiếu trạch đi ra.

Phía ngoài ngón út dần dà.  
Qua xương nhuệ cốt tới đà cánh tay,  
Lên khuỷu cánh phía ngoài bắp thịt.  
Thẳng lên vai quanh khít bã vai,  
Vào khuyết bồn lại rẽ hai  
Chi thời đi xuống, chi thời đi lên,  
Chi đi xuống vào liên tâm tạng,  
Qua chèn dừng vị thẳng ruột non,  
Chi lên cũng tự khuyết bồn,  
Đi xuyên cổ, má, mặt, đồn vào tai.  
Một chi lại từ nơi má nọ.  
Theo mũi lên mắt, chỗ khoé trong,  
Chéch ra gò má một cung,  
Chỗ đâu con mắt hợp cùng thái dương.  
Thi động đau họng, thường sưng má,  
Cổ khó quay, đau cả cánh, vai  
Sở sinh vàng mắt, điếc tai,  
Má hàm sưng nhức phía ngoài cánh tay.

### **Thuốc ôn lương bổ tả đối với bệnh tiểu trùm**

- **Bổ:** Mẫu lệ, Thạch hộc, Cam thảo.
- **Tả:** Hải kim sa, Đại hoàng, Tục tùy tử, Thông bạch, Lê chi, Tử tô.
- **Ôn:** Ba kích, Hồi hương, Đại hồi, Ô dược, Ích tri nhân.
- **Lương:** Mộc thông, Hoàng cầm, Hoàng bá, Hoạt thạch, Sơn chi tử, Mao căn, Xa tiền tử, Trư linh, Trạch tả, Mang tiêu.
- **Thuốc dẫn kinh:** Cảo bản, Khương hoạt, (đi lên) Hoàng bá (đi xuống).

### **7) KINH MẠCH THỦ THÁI DƯƠNG "BÀNG QUANG"**

Túc thái dương từ đầu mắt nọ,  
Lên trán dần tới chỗ đỉnh đầu (xoáy thượng)  
Ở đây có nhánh qua đầu,  
Đi từ xoáy thượng rẽ vào góc tai,  
Chi chính liên lạc ngay vào não,  
Hướng phía sau thuận nẻo thẳng xuôi,  
Tới nơi Thiên trụ phân đồi,  
Cả hai đi xuống theo đồi sống lưng,  
Chi trong tới eo lưng rồi lặn,

Vào sâu kiên lạc thận thuộc bàng,  
Chi này ra xuống Hội dương,  
Xuyên mông chéch xuống huyết rǎng Uỷ trung.  
Còn chi nữa từ trong Thiên trụ,  
Di chéch ra ngang chỗ bả vai,  
Cùng chi trước đóng hàng hai,  
Xuống mông thì rẽ nơi này "Bẽ khu"  
Đến giữa nhượn cùng nhau hợp lại,  
Xuyên bụng chân ra mắt cá ngoài,  
Rồi theo kinh cốt phia ngoài,  
Tới đầu ngón út hợp rày Thiếu âm.  
Về khi huyết phải tìm mà biết,  
Chính kinh này khí ít huyết nhiều  
Thị động đâu nhức xiết bao,  
Eo lưng tự gãy, cổ đau lạ thường  
Đùi đau suốt cả sống lưng,  
Gối như kết lại, bắp xương như dán,  
Chứng "Khóa quyết" hai gân đă thế,  
Sở sinh ra ngược, tri, điên cuồng,  
(mô) ác đau gáy nhức mắt vàng,  
Nước mắt máu mũi lại thường chảy ra,  
Phàm các chỗ mạch đi qua đó,  
Suốt từ đâu đến chỗ ngón chân,  
Lưng, mông, nhượn, gót đau dần,  
Ngón chân út liệt không phân ngõ ngoe.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với bàng quang

- **Bổ:** Hạt quít, Long cốt, Tục đoạn, Xương bổ, Ích trì nhân, Hoàng cầm.
- **Tả:** Mang tiêu, Trư linh, Trạch tả, Hoạt thạch, Xa tiền tử, Cù mạch, Mộc thông, rẽ hoa Hiên.
- **Ôn:** Hồi hương, Nhục quế, Ô dược, Trầm hương, Tất trưng già, Sơn thù du.
- **Lương:** Hoàng bá, Tri mẫu, Phòng kỵ, Hoạt thạch, Địa phụ tử, Cam thảo, Thạch cao, Sinh địa hoàng.
- **Thuốc dẫn kinh:** Cảo bản, Khương hoạt (đi lên) Hoàng bá (đi xuống).

## 8) KINH MẠCH TÚC THIẾU ÂM THẬN

Túc Thiếu âm thận kinh mạch khởi,  
Ngón chân út xuống tới Dũng tuyên  
Dưới xương Nhiên cốt đi ven,  
Qua mắt cá gót, bắp liền tới khoeo (nhượn),  
Từ nhượn lên thẳng theo trọng vế,  
Suống sống lưng liên hệ thận bàng (quang)  
Mạch thẳng tới tận xuyên can,  
Qua cách (Mô) phổi họng thiêt căn rõ ràng,  
Chì ở phổi liền sang tâm bộ,  
Tới ngực thì mức độ mạch sâu,  
Kinh này huyết khí thế nào?  
Khí thì nhiều thế, huyết sao ít vầy?  
Thị động có chứng này bụng đói,  
Mà thấy cơm chán ngày chẳng ăn,  
Nhổ ho ra máu nhiều lần,  
Khò khè suyễn thở nhọc nhằn chẳng yên,  
Ngồi chực dậy, mặt đen, hoa mắt,  
Dường như người chực bắt sợ sảng,  
Trong lòng cảm thấy bâng khuâng,  
Y là "cốt quyết" rõ ràng chẳng sai,  
Sở sinh, những chứng này phải rõ,  
Miệng lưỡi khô trong cổ họng đau,  
Khí uất ngược, dạ như bào,  
Sinh ra đi ly, bụng đau, da vàng,  
Đùi, xương sống lại thường đau nhức,  
Chân lạnh mềm không sức, hay nằm,  
Dưới chân đau nóng râm râm,  
Áy là "thận quyết" chẳng lầm mấy may.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với Kinh thận

- **Bổ:** Tri mẫu, Hoàng bá, Sinh địa, Thục địa, Quy bản, Hổ cốt, Toả dương, Phúc bồn tử, Ngưu tất sao, Đỗ trọng sao, Hoài sơn, Lộc nhung, Câu kỹ, Dương quy, Nhục thung dung, Sơn thù du.

- **Tả:** Tru linh, Trạch tả, Hổ phách, Bạch phục linh, Mộc thông.

- **Ôn:** Phụ tử, Can hương, Nhục quế, Trầm hương, Phá cối chỉ, Bá tử nhân, Ô dược, Lưu

hoàng, Chung nhũ thạch, Hồ lô ba, âm hành ngựa bạch, thịt chó, Dương khởi thạch, các thứ rượu, tôm cá, Ngũ vị tử, Ba kích thiên.

- **Lương:** Hoàng bá, Tri mẫu, Sinh địa, Địa cốt bì, Mẫu đơn bì, Huyền sâm.
- **Thuốc dẫn kinh:** Độc hoạt, Nhục quế, muối ăn, rượu.
- **Kiêng khem:** Giáp ất kinh nói: Người có bệnh thận nên ăn đậu đen, đậu trắng, thịt heo, ăn gạo, ăn rau Hoắc. Nên ăn đồ mặn, kiêng ăn đồ ngọt.

## 9) KINH MẠCH THỦ QUYẾT ÂM TÂM BÀO LẠC

Thủ Quyết âm khởi từ giữa ngực,  
Thuộc vào tâm bào lạc ra đi,  
Xuyên qua chỗ chèn dừng kia,  
Xuống bụng liên lạc ấy thì tam tiêu,  
Chỉ từ ngực xé vào sườn nẹ,  
Lên nách rồi tới chỗ cánh tay,  
Giữa hai kinh tâm phế này,  
Tới ngón tay giữa huyệt rày trung xung.  
Một chi từ huyệt lao cung.  
Ra ngón tay áp tiếp cũng thiểu dương  
Kinh này ít khí, thường nhiều huyết,  
Thị động sinh nóng rất bàn tay,  
Cánh co rút, nách xưng ngay,  
Nặng thì sườn ngực trương đầy thẳng căng,  
Ngực thình thịch, mặt bừng bừng đỏ,  
Thích cười luôn mặt nở lại vàng,  
Sở sinh đau bụng lạ thường,  
Lòng bàn tay nóng ruột thường nôn nao.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với Tâm bào lạc

- **Bổ:** Hoàng kỳ, Nhân sâm, Nhục quế, Nhục thung dung, Hồ lô ba, Lộc huyết, Trầm hương, Thủ ty tử, Phá cổ chỉ, Thịt chó, các thứ rượu.
- **Tả:** Đại hoàng, Mang tiêu, Chỉ xác, Hoàng bá, Sơn chi tử, Ô dược.
- **Ôn:** Phụ tử, Can hương, Nhục quế, Trầm hương, Hải cẩu thận, Xuyên khung, Ích tri, Đậu khấu, Bổ cốt chỉ, thịt chó, Hồi hương, Lưu hoàng, Ô dược, Chung nhũ thạch, Bá tử nhân, rượu đốt (cồn).
- **Lương:** hoàng bá, Tri mẫu, Hoàng liên, Hoàng cầm, Sơn chi tử, Sài hồ, Thạch cao, Hoạt thạch, Tuyết mùa đông, Huyền minh phấn, Hàn thủy thạch.
- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên), Thanh bì (đi xuống).

## 10) KINH MẠCH THỦ THIẾU DƯƠNG TAM TIÊU

Thủ thiếu dương Tam tiêu nên biết,  
Ngón gáp dây khởi huyết Quan xung,  
Về phía ngón út thẳng dòng.  
Kê xương hai ngón ngược dòng cẳng tay.  
Qua khuỷu cánh ngay lên vai đòn,  
Gặp thiếu dương kinh nọ cat ngoài.  
Vào khuyết bồn tới Đàn trung,  
Lạc tam bào cách mỏ cung xuyên qua.  
Chỉ ở Đàn trung ra tới khuyết (bồn)  
Thẳng vai tên tới huyết trên tai.  
Lại đi vòng xuống má này,  
Lên gần hố mắt lại đây thì ngừng.  
Chỉ sau tai xuyên trong tai nọ,  
Ra trước tai tới chỗ má đây,  
Rồi cùng lên khoe mắt ngoài.  
Lại giao tiếp với kinh này Thiếu dương.  
Về khi huyết ta thường phải biết.  
Trong kinh này huyết ít khí nhiều.  
Thị động, tai tựa ve kêu.  
Yết hầu bế tắc có chiêu sưng đau.  
Sở sinh chứng khía đau tai nhức.  
Vai, khuỷu cánh, đau nhức khắp nơi.  
Lại đau cả khoe mắt ngoài.  
Ngón tay áp liệt, mồ hôi đậm đà.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với tam tiêu

- **Bổ:** Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo chích, Quế chi, Ích tri nhân, Hoắc hương.
- **Tả:** Chỉ xác, Chỉ thực, Thanh bì, La bặc tử, Ô dược, Thần khúc, Trach tả.
- **Ôn:** Phu tử, Đinh hương, Ích tri, Tiên mao, Tất trưng già, Hậu phác, Can khương, Hồi hương, Thủ ty tử, Trầm hương, Thủ du, Hồ tiêu, Bổ cốt chi.
- **Lương:** Thạch cao, Hoàng cầm, Hoàng liên, Tri mẫu, Sơn chi, Hoạt thạch, Mộc thông, Xa tiền tử, Long đờm thảo, Địa cốt bi.
- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hô, Xuyên khung (đi lên) Thanh bì (đi xuống).

## 11) KINH MẠCH TÚC THIẾU DƯƠNG ĐỒM

Túc thiếu dương đờm kinh hays kê.  
Khởi đầu từ chỗ khóe mắt ngoài,  
Lên góc đầu, xuống sau tai.  
Ngoặt đi ngoặt lại tới vai rõ ràng.  
Giao kinh thủ thiếu dương ở đó,  
Rồi quay đi tới chỗ Khuyết bồn.  
Chỗ sau tai đó lại còn,  
Một chi nhánh nữa đi luồn vào tai.  
Qua tai rồi ra ngoài khóe mắt.  
Lại một chi khóe mắt đi ra.  
Đại nghinh rồi lại Giáp ra.  
Xuôi chiêu xuống cổ cũng ra Khuyết bồn.  
Lại từ đó luồn vào ngực.  
Qua chén dũng liên lạc với càn  
Vào đờm ven sườn bụng sang.  
Khi xung, Mao tế ngang hoàn khiêu đi.  
Chi thằng hòm vai đi xuống nách.  
Qua ngực sườn, thằng mạch hoàn khiêu.  
Hợp cùng cứ thằng một chiêu.  
Phía ngoài đầu gối thuận theo Lăng tuyền.  
Xuống Ngoại phụ tới Huyền chung nữa.  
Mắt cá ngoài đến cả mu chân.  
Ngón áp ngón út cũng gần.  
Khiếu âm huyết áy mười phân chẵng sai,  
Một chi rẽ ra ngoài ngón cái.  
Đầu phía ngoài giáp với ngón hai.  
Rồi xuyên qua móng chân này.  
Tam mao chỗ áy tiếp rày kinh can.  
Về khí huyết cũng cần phải biết.  
Kinh khi nhiều mà huyết ít thay.  
Thị động sinh các chứng này.  
Trong móm thì đắng lại hay thở dài.  
Đau sườn bụng khó xoay khó trở.  
Bệnh nặng thì mặt tưa bụi nhơ.  
Phía ngoài chân nóng da khô.

Áy là "dương quyết" phải cho rõ ràng,  
Sở sinh đau mắt thường đau nhức,  
Khuyết bồn cùng hai nách sưng đau  
Hay sinh Hiệp anh, Mã đao,  
Chứng ngược, run rét ra nhiều mồ hôi.  
Đau sườn ngực cùng nơi đâu gối,  
Với bắp chân đau nói mé ngoài,  
Mắt cá khớp xương khớp nơi,  
Ngón chân thứ bốn (áp) đồng thời cũng đau.

### **Thuốc bổ tả ôn lương đối với đờm**

- **Bổ:** Dương quy, Sơn thù du, Toan táo nhân, Ngù vị tử, các thứ rượu, Hô tiều, Chè đồng, Thịt gà.

- **Tả:** Sài hồ, Thanh bì, Hoàng liên, Bạch thược, Xuyên khung, Mộc thông.
- **Ôn:** Can khương, Sinh khương, Nhục quế, Trần bì, Bán hạ.
- **Lương:** Hoàng liên, Hoàng cầm, Sài hồ, Trúc nhụ, Long đởm thảo.
- **Thuốc dân kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên) Thanh bì (đi xuống).

## **12) KINH MẠCH TÚC QUYẾT ÂM CAN**

Túc quyết âm can kinh mạch khởi,  
Chỗ cụm lông ngón cái chân này,  
Mu chân huyệt Thái xung đây  
Chỗ trước mắt cá độ rày 10 phân.  
Trên mắt cá Thái âm gấp gẽ,  
Qua nhượn chân lên chỗ trong đùi,  
Vòng quanh âm khí đó rồi  
Qua bụng dưới tới vị thời vào can.  
Liên lạc đởm xuyên lên cánh mạc (chẽn dừng)  
Ra sườn lên họng mắt thẳng đi.  
Lên trán gấp Đốc mạch kia,  
Một chi từ mắt quay về má, môi.  
Một chi lại từ nơi can tạng,  
Qua chẽn dừng rồi tới phế cung.  
Cùng kinh thủ Thái âm thông,  
Kinh này khí ít mà sung huyết nhiều.  
Thị động bệnh thì eo lưng cứng,  
Nam Sán hà, nữ chứng bụng (dưới) sưng,

Nặng thì sắc mặt khác thường,  
Mặt như bụi bẩn cổ họng khô khao,  
Sở sinh bệnh ngực đau đầy tức,  
Khí nghịch lên rao rực mửa nôn,  
Khó đái hoặc són đái luân,  
Hỗn sán ỉa chảy ăn (thức) còn không tiêu.

### Thuốc bổ tả ôn lương đối với bệnh can

- **Bổ:** Mộc qua, A Giao, Lá quit, Toan táo nhân, Thanh mai, Ý dĩ, Thủ du, thịt lợn, thịt dê, các thứ rượu, các thứ dấm.
- **Tả:** Sài hồ, Hoàng liên, Bạch thược, Xuyên khung, Hoàng cầm, Thanh bì, Thanh đại.
- **Ôn:** Mộc hương, Nhục quế, Ngô thù du, Dương mai, Đào nhân, quả mơ, tam tú (Tô lử, La bặc tử và Bạch giới tử).
- **Lương:** Hoàng liên, Hoàng cầm, Hồ hoàng liên, Long đởm thảo, Xa tiền tử, Thảo quyết minh, Sài hồ, Linh dương giác.
- **Thuốc dẫn kinh:** Sài hồ, Xuyên khung (đi lên) Thanh bì (đi xuống).
- **Kiêng khem ăn uống:** Giáp ất kinh nói: Bệnh vê can, nên ăn mè, thịt chó, quả mận, rau hẹ, nên ăn đồ chua, kiêng đồ cay.

## DUỢC VẬT TÓM TẮT

Ngũ vị là cay, ngọt, đắng, chua, mặn.

Ăn nhiều vị cay thì gân căng thẳng mà móng tay móng chân khô.

Ăn nhiều vị ngọt thì xương đau mà tóc rụng.

Ăn nhiều vị đắng thì da khô mà tóc rụng.

Ăn nhiều vị chua thì thịt chai lại mà môi quẩn lén.

Ăn nhiều vị mặn thì mạch ngừng đọng và đổi sắc.

Rượu là thứ khí nóng mà bốc lên. Là dương ;

Thịt là thứ đậm đà mà đi xuống, là âm.

Vị nhẹ là dương trong âm, vị nhẹ thì thông, như các vị chua, đắng, mặn, bình (Lý Đông Viên).

Vị đậm là âm trong âm, vị đậm thì tiết ra như mặn đắng, chua, hàn. (Lý Đông Viên).

Khí nhẹ là âm trong dương, khí nhẹ thì tiết ra nhẹ các vị ngọt, cay, nhạt, bình, lạnh, mát.

Khí nóng là dương trong dương, khí nóng phát ra nóng, như các vị cay, ngọt, ấm, nóng.

Nhẹ và trong và thành tượng, vị nhẹ như loài trà vốn thuộc khí trời hay lên phần trên.

Nặng và đục thi thành hình, vị đậm như Đại hoàng vốn thuộc khí đất thi hay đi xuống phần dưới.

Khí vị cay ngọt phát tán, thuộc dương.

Khí vị chua đắng tiết ra, thuộc âm.

Khí dương trong phát ra tấu lý, là trong của phần trong, làm mát mẻ phê khí để giúp chân khí.

Khí dương trong sung thực từ chí, là đục của phần trong, làm tươi nhuận tuần lý.

Khí trọc âm đi về lục phủ, là đục của phần đục, là rắn xương tay.

Khí trọc âm đi vào ngũ tạng, là trong của phần đục, nuôi dưỡng tinh thần.

---

(1) Ty uyên tục gọi là & não luân [bệnh này phần nhiều do ngoại cảm phong hám, bén trong do súc nóng của đòn ánh hương đến não mà gây nên, chứng trạng chủ yếu là nghẹt mũi, hắt chảy nước mũi hôi tanh đục bẩn (Tố vấn khí quyết luận)].

## PHƯƠNG TẾ TÓM TẮT

**Bảy phương là :** Đại phương, Tiểu phương, Hoàn phương, Cáp phương, Cơ phương, Ngẫu phương, Phức phương.

**Đại phương:** là phương thuốc có vị quân 1, vị thân 2 vị tá 9.

**Tiểu phương:** là phương thuốc có vị quân 1, thân 2.

**Hoàn phương:** là bổ bên trên, chữa bên trên, phiến chế với những vị có tính hoàn, Hoàn thì khí vị nhẹ, nói tác dụng chủ trị bởi thuốc hoàn, hoàn thì chữa vào gốc bệnh.

**Cáp phương:** là bổ ở bên trên, chữa bệnh ở bên dưới, phiến chế với những vị có tính cấp (mau le), cấp thì khí vị đậm, nói tác dụng chủ trị bởi thuốc cấp, chữa khách bệnh ở ngọn.

**Cơ phương:** là phương thuốc bởi vị quân 1, thân 2, hoặc vị quân 2, thân 3.

**Ngẫu phương:** là phương thuốc thành phương chẵn, với vị quân 2, vị thân 4 hoặc vị quân 2, vị thân 6.

**Phức phương:** là khi dùng cơ phương mà bệnh không khỏi thì dùng ngẫu phương, gọi là trung phương.

**Mười hai tạng** (1) là Tuyên tạng, thông tạng, Bổ tạng, Tả Tạng, Trọng tạng, Khinh tạng, Hoạt tạng, Sáp tạng, Thấp tạng, Hàn tạng, Nhiệt tạng.

**Tuyên tạng** có thể trừ úng tắc như các loại củ gừng, Vỏ quất.

**Thông tạng** có thể trừ sự ngừng trệ, như các loại Mộc thông, Phòng kỵ.

**Bổ tạng** dùng để chữa suy nhược, như các loại Nhân sâm, Hoàng kỳ.

**Tả tạng** dùng để trừ bế tắc, như các loại Đại hoàng, Đinh lich.

**Kinh tạng** có thể trừ chứng thực, như các loại Ma hoàng, Cát căn.

**Trọng tạng** có thể trừ chứng kinh khiếp, như các loại Từ thạch, Thiết tương.

**Hoạt tạng** có thể trừ sáp trệ, như các loại Đông quỳ tử, Du bạch bì.

**Sáp tạng** có thể cầm chứng hoạt thoát, như các loại Mẫu tử, Du bạch bì.

**Táo tạng** có thể trừ chứng thấp, như các loại Tang bạch bì, Xích tiểu đậu.

**Thấp tạng** có thể chữa chứng khô táo, như các loại Bạch thạch anh, Từ thạch anh.

**Hàn tạng** có thể trị bệnh nhiệt, như các loại Đại hoàng, Phác tiêu,

**Nhiệt tạng** có thể trị bệnh hàn, như Phụ, Khương, Quế.

(1) **Mười hai tạng :** Nguồn gốc từ thập tạng (Thành bộ kỹ) Thập nhị tạng này xuất xứ Khẩu Tông Thích thêm hai tạng Hàn và Nhiệt. Nhưng sau Mục Trọng Thuần thêm hai tạng Thăng Giang thành 14 tạng sau Từ Tư Hạc còn thêm 24 tạng.

**CÁC VỊ THUỐC CHỦ TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BỆNH  
(Chủ dược chủ bệnh)**

Trúng phong bỗng ngã vật ra không nói năng, dùng Tạo giác, Tế tân làm chủ.  
Đờm khí tắc lấp, dùng nam tinh, Mộc hương làm chủ.  
Nói năng ú ớ dùng Trúc lịch, Thạch xương bồ làm chủ.  
Miệng mất méo sêch, dùng Phòng phong, Khương hoạt, Trúc lịch là chủ.  
 Tay chân co giật, dùng Phòng phong, Khương hoạt làm chủ.  
Bại liệt tay chân bên trái thuộc huyết hư, dùng Khung, Quy làm chủ.  
Bại biệt tay chân bên phải thuộc khí hư, dùng Sâm, Truật làm chủ.  
Các chứng phong, dùng Phòng phong, Khương hoạt làm chủ.  
Phát hàn, dùng Ma hoàng, Quế chi làm chủ.  
Lâu mồ hôi không ra, dùng Tô tử, Thanh bì làm chủ.  
Cảm mồ hôi, dùng Quế chi Thược dược làm chủ.  
Biểu nhiệt, dùng Sài hồ làm chủ.  
Lý nhiệt, dùng Hoàng liên, Hoàng cầm làm chủ.  
Nóng dữ nói sáng, dùng Hoàng Liên, Hoàng bá, Hoàng cầm, Chi tử làm chủ.  
Phát cuồng, Đại tiện rắn, dùn Đại hoàng, Mang tiêu làm chủ.  
Khát nước, dùn Thạch cao, Tri mẫu làm chủ.  
Lồng ngực đầy tức, dùng Cát cánh, Chỉ xác làm chủ.  
Dưới tâm đầy tức, dùng Chỉ thực, Hoàng liên làm chủ.  
Buồn ngực, dùng Chi tử, Đậu sỉ làm chủ.  
Hư phiền, dùng Trúc diệp, Thạch cao làm chủ.  
Không ngủ, dùng Trúc nhụ, Chỉ thực làm chủ.  
Mũi khô không ngủ được, dùng Cát cẩn, Thược dược làm chủ.  
Phát ban, dùng Huyền sâm, Thăng mà làm chủ.  
Vàng da, dùng Nhàn trần, Chi tử làm chủ.  
Trúng hàn thuộc âm chứng, dùng Phụ tử, Can khương làm chủ.  
Trúng thử, dùng Hương nhu, Biếu đậu làm chủ.  
Trúng thấp, dùng Bạch truật, Thương truật làm chủ.  
Tả tâm hỏa, dùng Hoàng liên làm chủ.  
Tả can hỏa, dùng Sài hồ làm chủ.  
Tả phế hỏa, dùng Hoàng cầm làm chủ.  
Tả tỳ hỏa, dùng Thược dược làm chủ.  
Tả vị hỏa, dùng Thạch cao làm chủ.  
Tả thận hỏa, dùng Tri mẫu làm chủ.

(\*) In ở Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư quyển thương từ 1717.

Tả bàng quang hỏa, dùng Hoàng bá làm chủ.

Tả tiểu trường hỏa, dùng Mộc thông làm chủ.

Tả tà hỏa khuất khúc, dùng Chi tử làm chủ.

Tả hỏa vô căn, dùng Huyền sâm làm chủ.

Nguyên khí tổn thương bên trong, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm, Cam thảo làm chủ.

Lý hư khí yếu, dùng Mạch nha, Thần khúc làm chủ.

Tiêu tích thịt, dùng Sơn tra, Thảo quả làm chủ.

Tiêu tích rượu, dùng Hoàng liên, Càn cát, Ô mai làm chủ.

Tiêu tích hàn, dùng Ba đậu làm chủ

Tiêu tích nhiệt, dùng Đại hoàng làm chủ (Đại hoàng tẩy bằng rượu thì đưa lên, không tẩy rượu thì đưa xuống).

6 chứng uất dùng Thương truật, Hương phụ làm chủ.

Kết đờm dùng Qua lâu, Bối mẫu, Chỉ thực làm chủ.

Thấp đờm dùng Bán hạ, Bạch linh làm chủ.

Phong đờm dùng Bạch phụ tử, Nam tinh làm chủ.

Đờm ở kinh lạc chân tay, dùng Trúc lịch, Khương tráp làm chủ.

Đờm ở hai cạnh sườn, dùng Bạch giới tử làm chủ.

Đờm quanh đặc, dùng Hải thạch làm chủ.

Phế nóng sinh ho, dùng Hoàng cầm, Tang bạch bì làm chủ.

Phế lạnh sinh ho, dùng Khoản đông hoa, Ngũ vị tử làm chủ.

Khi suyễn, dùng Tô tử, Tang bạch bì làm chủ.

Sốt rét mới phát nên tiệt đỉ, dùng Thường sơn làm chủ.

Sốt rét lâu ngày nên bổ, dùng Bạch đậu khấu làm chủ.

Kiết lỵ mới phát lên hạ, dùng Đại hoàng làm chủ.

Đi ly mót rặn, dùng Bình lang, Mộc thông làm chủ. (Mộc thông ky lửa).

Kiết lị thuộc nhiệt khí tích trệ, dùng Hoàng liên, Chỉ xác làm chủ.

Kiết lị lâu ngày ra chất trắng như mũi thuộc khí hư, dùng Bạch truật, Phục linh làm chủ.

Kiết lị lâu ngày ra máu thuộc huyết hư, dùng Dương quy, Xuyên khung làm chủ.

Ía chảy, dùng Bạch truật, Phục linh làm chủ.

Thuỷ tả, dùng Hoạt thạch làm chủ.

Đi tả lâu ngày, dùng Kha tử, Nhục khấu làm chủ, Hoắc giả Sài hồ, Thăng mà để thăng để khi hạ hầm thì tả tự khỏi.

Hoắc loạn nên dùng Hoắc hương, Bán hạ làm chủ.

Nôn mửa, dùng Khương tráp, Bán hạ làm chủ.

Não cựt dùng thị dể làm chủ.

Ở trong cổ dùng Trương thuật, Thần khúc làm chủ.

Xót ruột, dùng Hoàng liên tẩm nước gừng sao làm chủ.

Thuần khí, dùng Ô dược, Hương nhu làm chủ.

Bĩ đây, dùng Hoàng liên, Chỉ thực làm chủ.  
Đây trưởng, dùng Đại phúc bì, Hậu phác làm chủ.  
Thuỷ thũng, dùng Trư linh, Trạch tả làm chủ  
Thông hơi, dùng Sa nhân, Chỉ xác làm chủ.  
Tích tụ, dùng Tam lăng, Nga truật làm chủ.  
Tích bên trái là tử huyết, dùng Đào nhân, Hồng hoa làm chủ.  
Tích bên phải là thực tích, dùng Hương phụ, Chỉ thực làm chủ.  
Tích ở giữa làm đờm ẩm, dùng Bán hạ làm chủ.  
Hoàng đản, dùng Nhân trần làm chủ.  
Bổ dương, dùng Hoàng kỳ, Phụ tử làm chủ.  
Bổ âm, dùng Dương quy, Thục địa làm chủ.  
Bổ khí, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm làm chủ.  
Phá huyết, dùng Dương quy, Thục địa làm chủ.  
Phá huyết ứ, dùng Quy vị, Đào nhân làm chủ.  
Lao nhiệt ho có đờm, khàn tiếng, dùng Đồng tiện, Trúc lịch làm chủ.  
Thổ huyết dữ dội, dùng Đại hoàng, Đào nhân làm chủ.  
Thổ huyết lâu ngày, dùng Dương quy, Xuyên khung làm chủ.  
Chảy máu cam, dùng Khô hoàng cầm, Thược dược làm chủ.  
Cầm máu dùng mực tàu, nước lá hẹ làm chủ.  
Đái ra máu, dùng Mộc thông, Chi tử làm chủ.  
Mồ hôi ra do hú, dùng Hoàng Kỳ, Bạch truật làm chủ.  
Đầu mặt choáng váng, dùng Xuyên khung, Thiên ma làm chủ.  
Chứng ma là khi hú, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm làm chủ.  
Chứng mộc (1) là thấp đờm, tử huyết dùng Thương truật, Đào nhân, Bán hạ làm chủ.  
Chứng điên thuộc tâm, dùng Dương quy làm chủ.  
Chứng cuồng thuộc can, dùng Hoàng liên làm chủ.  
Chứng động kinh, dùng Nam tinh Bán hạ làm chủ.  
Hay quên, dùng viễn chí Thạch xương bồ làm chủ.  
Hồi hộp sợ sệt, dùng Phục thần viễn chí làm chủ.  
Hư phiền dùng Trúc nhụ làm chủ.  
Mất ngủ, dùng Toan táo nhân làm chủ.  
Đau đầu phía trái, dùng Xuyên khung làm chủ.  
Đau đầu bên phải, dùng Sâm kỳ làm chủ.  
Đau đầu phong dùng Cảo bản, Bạch chỉ làm chủ.  
Các chứng đau đầu, dùng Mạn kinh tử làm chủ.

---

(1) Ma mộc: gọi là tê đại cầu không biết đau.

Làm đen râu tóc, dùng Hà thủ ô làm chủ.

Ù tai, dùng Dương quy Long hội làm chủ.

Trong mũi mọc mụn, dùng Hoàng cầm làm chủ.

Mũi ngạt, tiếng nặng, dùng Phòng phong kinh giới làm chủ

Mũi chảy nước đục (Ty uyên), dùng Tân dì nhân làm chủ.

Miệng lưỡi lở loét, dùng Hoàng liên làm chủ.

Nhức tăng, dùng Thạch cao, Thăng ma làm chủ.

Sưng mắt dùng Đại Hoàng, Kinh giới làm chủ.

Trong mắt có màng khói, dùng bạch đậu khấu làm chủ.

Mắt kéo mây, dùng Thực địa làm chủ.

Hầu họng sưng đau, dùng Cát cánh, Cam thảo làm chủ.

Kết hạch, dùng hạ khô thảo làm chủ.

Đau bụng kiêm đau dạ dày, dùng Chi tử sao làm chủ.

Đau bụng, dùng Thược dược, Cam thảo làm chủ.

Đau bụng do lạnh, dùng Ngô thù du, Lương khương làm chủ.

Chữa các chứng đau, dùng Mộc dược, Nhũ hương làm chủ.

Đau lưng, dùng Đỗ trọng, Cố chỉ làm chủ.

Đau cạnh sườn, dùng Bạch giới tử, Thanh bì làm chủ.

Đau cánh tay, dùng Bạc quế, Khương hoạt làm chủ.

Chứng sán khí, dùng Tiểu hồi, Xuyên luyện tử làm chủ.

Chứng cước khí thấp nhiệt, dùng Thương truật, Hoàng bá làm chủ.

Thận khí hư nhược, dùng Ngưu tất, Mộc qua làm chủ.

Chữa liệt chân dùng Sâm kỳ làm chủ.

Đau khớp chân, tay, dùng Khương hoạt làm chủ.

Các chứng đau đầu phần trên thuộc phong, dùng Cát cánh, Khương hoạt, Quế chi, Uy linh tiên làm chủ.

Các chứng đau phần dưới thuộc thấp, dùng Ngưu tất, Phong kỷ, Mộc thông, Hoàng bá làm chủ.

Tiêu khát, dùng Thiên hoa phấn làm chủ.

Sinh tân dịch, dùng Nhân sâm, Ngũ vị, Mạch môn đông làm chủ.

Xích bạch trọc, dùng Phục linh làm chủ.

Di tinh, dùng Long cốt, Mẫu lệ làm chủ.

Bí tiêu tiện, dùng Mộc thông, Xa tiền làm chủ.

Bí đại tiện, dùng Đại hoàng, Mang tiêu làm chủ.

Ía ra máu, dùng Hòe hoa, Địa du làm chủ.

Trĩ, Mạch lươn, dùng Hoàng liên làm chủ.

Lòi trôn trê, dùng Thăng ma Sài hồ làm chủ.

Các chứng sán lãi, dùng sứ quân, Bình lang làm chủ.

Các bệnh đòn bà, dùng Hương phụ làm chủ.

Đòn bà đau bụng, dùng Hương phụ, Ngô thù du làm chủ.

Đòn bà kinh nguyệt không thông, dùng Đào nhân ; Hồng hoa làm chủ.

Đòn bà băng huyết, dùng Bồ hoàng sao làm chủ.

Đòn bà khí hư đói hạ, dùng Can khương sao làm chủ.

Đòn bà động thai, dùng Điều cầm, Bạch truật làm chủ, (Hoặc sa nhân, ngải cứu, Huyên thảo).

Đòn bà đẻ khó, dùng Khung Quy làm chủ

Sau đẻ huyết hối không ra, dùng Ích mẫu thảo làm chủ.

Sau đẻ do hư là phát sốt, dùng Hắc khương làm chủ.

Đòn bà sưng vú, dùng Bạch chỉ, Bối mẫu làm chủ.

Đòn bà sữa không thông, dùng Xuyên sơn giáp làm chủ.

Trẻ con kinh phong dùng Chu sa làm chủ.

Trẻ con các chứng kinh giản, dùng Câu đằng làm chủ.

Ung thư và các chứng nhọt độc, dùng Kim ngân hoa làm chủ.

Ung thư phát bội, dùng Hoè hoa làm chủ.

Tràng nhạc, dùng Hạ khô thảo làm chủ.

Mù thổi không ra hết, dùng Bạch chỉ làm chủ.

Nhọt độc, dùng bối mẫu làm chủ.

Định nhọt, dùng Bạch phàn làm chủ.

Hột xoài mọc ở bên trái (Ngư khẩu) dùng Ngưu giao, Xuyên sơn giáp làm chủ.

Chứng thư dùng Ngũ bội tử Bối Mẫu, Liên kiều làm chủ.

Bệnh dương mai, dùng Thổ phục linh làm chủ.

Chứng liêm sang (1) dùng Khinh phẩn, Hoàng bá làm chủ.

Các vết thương, bị đánh, bị vấp, bị ngã, bị đâm... dùng nước tiểu, rượu làm ngon làm chủ.

Ghế lở, dùng Bạch phàn, Lưu hoàng làm chủ.

Lang beng (điến phong), dùng Mật đà tăng làm chủ.

Các chứng nhọt độc, dùng Liên Kiều Ngưu bàng tử làm chủ.

Bệnh phong đòn gánh, dùng Nam tinh, Phòng phong làm chủ.

Bị phỏng, dùng Bạch phàn làm chủ.

Vết thương chó cắn, dùng Hạnh nhân, Cam thảo làm chủ (cả răng hổ).

Chó điên cắn dùng Ban miêu làm chủ.

Rắn cắn dùng Bạch chỉ, Lá cỏ mồi, Ô dược làm chủ.

Trúng các vật độc, dùng dầu mè cho uống làm chủ

Ngộ độc Nhân ngôん, dùng Đậu si, Trùn đất làm chủ.

Mắc xương dùng nước dãi chó cho uống luôn làm chủ (cả quả cà na).

(1) Liêm sang chứng lở ở hai bên ống chân, lở bên trong gọi là liêm, lở bên ngoài gọi ngoại liêm, ngày nay hay gọi chàm vi trùng.

<https://vnras.com/drug/>

# **THẬP TAM PHƯƠNG GIA CẨM**

**TUỆ TĨNH BIÊN SOẠN  
SON NAM HỒNG CẨM CÚ SĨ SAO LỤC**

## LỜI TỰA

Cõi trời Nam gấm vóc, nước sông Hồng chảy dài.

Vườn hạnh bắc nghĩa nhân, gió mùa xuân Ơn rộng.

Thương nhân dân chết chóc,

Chọn hiền triết phương thang.

Kinh nghiệm, lý luận, nhở sách vở của người xưa :

Phương pháp, thi hành, tùy bệnh chứng vào lúc ấy.

Chữa bệnh chọn 13 phương, vừa công vừa bổ;

Bồi dưỡng, chế riêng một tề, cả liễn, cả tiêu.

Thuốc dùng có công, cốt ở : Trồng thu chẽ, trữ ;

Thày hay thiếu sót, trách vì, chậm, trễ, vụng làm.

Cho nên : Cứu bệnh như cứu hoả.

Dùng thuốc tựa dùng binh.

Bệnh tinh, không ngoài : nhiệt, hàn, biếu, lý, thực, hư nền rõ :

Được tinh, rút cục thanh, ôn, hân, hạ, công, bổ, mà thôi.

Khiến cho : Cơ năng của âm dương được bình phục,

Tác dụng của khí huyết được điều.

Khéo ở mưu trí của người thầy thuốc vậy.

## Ấy lấy :

Ba nguyên nhân bệnh làm địch.

Bốn phép chẩn đoán làm bằng

Ngoại cảm lục đâm : phong hàn thứ thấp, khó tránh.

Nội thương ngũ tặc : uất, tích, đờm, hoá, dễ trừ,

Phú quý cao lương, mắc phải lo toan sức dục :

Nghèo hèn rau cỏ, thiếu vì đói khổ, nhọc nhằn.

Trùng độc, ngoại thương : sang hèn cùng lánh ;

Thiên thời, dịch lệ : già trẻ đều lây.

Bệnh thời chứng biện rành,

Nhiệt hàn chia rõ :

Người đen gầy : thủy thiếu,

Ké trắng bệu : Khi hư.

Mặt đờ vàng do uất nhiệt

Móng môi xanh tái áy hư hàn.

Yếu già : khi suy. Nam hay hao tinh yếu thận ;

Trẻ, khỏe : hỏa thịnh. Nữ thường thiếu máu tức gan.

Mối cảm, tà thực : nên công ;

Bệnh lâu thành hư : nên bổ.

Chứng gấp, thể người khoẻ, chữa theo ngọn : phát tán, hạ lợi chắng nề ;

Bệnh hoãn, chính khí hư, cung cổ gốc : bồi bổ, ấm lén khôi phục.

## Những thấy :

Người khỏe thì bệnh lùi.

Tinh đầy thì thần vững.

Cây thấy thuốc chắng bằng sửa mình.

Giúp người sống vồn hay tinh phúc

## Cho nên nói :

Cây hoang dại có thể thành vườn hạnh được vậy !

## PHƯƠNG THUỐC CHỦ TRỊ CÁC BỆNH

- Chữa khí trệ đờm thấp, nóng rét, thổ tả, khí độc rừng núi, sốt rét, ngã nước các chứng, dùng phương Linh nghiệm đốt kim. Nhị trần thang, bát hoán kim chính khí.

- Chữa bốn mùa cảm sốt do thử thấp, thời khí truyền nhiễm, chọn phương Hương tố tán, sâm tố ẩm Ngoại cảm gió lạnh khi ấm thì lấy phương Tháp thần thang, Ô dược thuận khí.

- Trị bệnh ôn nhiệt mùa hè, hay chứng nóng rét qua lại, hoặc cam nhiệt của trẻ em, dùng thang Tiểu sài hồ.

- Chữa bệnh về nắng ẩm (thấp nhiệt) lạnh ẩm (hàn thấp), ỉa chảy, phù thũng, tích báng trướng đầy, chọn phương Ngũ linh tán, Ngũ tích tán.

- Điều trị các chứng do khí huyết kém sút và các bệnh của phụ nữ, lấy phương Tứ vật thang hay Tứ quân tử thang.

- Chữa tâm tỳ thật hư, cùng trúng phong hàn, và các chứng người già dương hư, dùng chân vũ thang để giữ nguyên khí.

- Phụ thêm Bổ âm đơn tan chế để chữa chứng âm hư sốt con, bốc nóng chảy máu, phổi yếu ho lao, và nam giới thận hư, đau lưng, di tinh, mồ hôi trộm... các chứng.

## Từng thấy :

Bệnh phần nhiều thấp nhiệt hỏa đờm, trong ngoài chính với tà trống nhau ;

Chữa át phải đắng cay hòa giải, ấm mát công và bổ cùng lúc.

Phương tuy chắng nhiều, gia giảm khá đậm, để theo chứng chọn dùng;

Thuốc chắng câu nệ, nam bắc tuy nghỉ mà kịp thời ứng dụng.

Liều lượng cho nhiều ít, tùy bệnh nặng hay nhẹ;

Thang, tán, dùng trước sau, tùy chứng hoãn hay cấp.

Mới thấy ít mà gọn, đơn giản mà rộng rãi vậy.

# MƯỜI BA PHƯƠNG GIA CẨM

Phụ : BỐ ÂM ĐƠN

## I. BẤT HOÁN KIM (Cục phương)

Chữa các chứng nam nữ âm dương không điều hòa, đờm thấp, nóng lạnh nhức đầu đau minh, sơn lam chướng khí, chói nước thổ tả, ỉa chảy; kiết ly.

Hoắc hương, Trần bì, cam thảo ba đồng cân, Thương truật ngâm nước sơn, Bán hạ chè tắm nước gừng sao, đều 5 đồng cân, Táo 2 quả, Hành trắng cà cù lá 2 tép, Gừng sống 5 miếng, sắc với nước, uống lúc còn ấm.

## GIA GIẢM

- Đầu nặng đau ê ẩm thì gia Xuyên khung, Bạch chỉ, Té tân. Đầu nhói thì gia hoa cúc, Bạc hà, Cảo bản. (2)

- Nhức óc, đau tai thì gia Thạch cao nung 2 đồng cân tán bột hòa vào thuốc uống.  
- Xương thịt đau nhức : Gia Xích thược, Quế chi, hàn thấp thì dùng Khuong hoạt, Ma hoàng.

- Ho hen thở gấp : gia Tú tô, ma hoàng, Tang bạch bì.

- Náu cựt : gia Tai hồng, Đinh hương (10 nụ).

- Miệng khát tâm phiền ; gia Sắn dây khô, Củ tóc tiên, Sài hồ (3)

- Lạnh dạ đau bụng gia Quế tốt, Gừng đỗ khô.

- Bụng trướng bí đầy : gia Chỉ xác, Sa nhân.

- Ỉa chảy nguy cấp : gia Kha tá 2 quả, Đậu khấu bồ vỏ 1 quả

- Di ly ra máu mũi thì dùng Đại hoàng, Chỉ xác, Mộc hương để nhuận tràng ngừng ly ; Nặng lầm thì gia Bạch thược, Dương quy, Xuyên khung, Hoàng liên để dưỡng huyết thanh nhiệt.

- Sốt rét cơn phát về buổi sáng thì gia Thường sơn tắm rượu sao. Thảo quả, Bình lang đều ba đồng cân.

- Sốt rét cơn phát về buổi chiều thì gia Sài hồ, Thanh bì, Hoàng cầm, Ô mai, Bán hạ (ngâm nước gừng sao), Xuyên khung, Dương quy, Bạch thược, đều 3 đồng cân, sắc uống lúc thuốc còn ấm vào lúc trước lên cơn khắc (15 phút).

- Trong bụng có báng thì gia Nghệ đen, Chỉ xác, Hạt cau, Củ cỏ cú, Hồi hương.

- Chân tay phù thũng : gia Mộc qua, Ngũ già bì (vò chân chim).

## II. NHỊ TRẦN THANG (Cục phương)

Chữa các chứng đờm, dạ dày có tích, cổ họng không thông, nóng rét, đau đầu cứng gáy, vừa nóng vừa lạnh, thoảng có từng lúc, tâm phiền, cổ họng vướng đờm, khạc nhổ không ra, chóng mặt hoa mắt, miệng oẹ nước vàng, đêm ngủ thì thấy chiêm bao hoảng hốt ; hoặc ăn thức lạnh mà bụng không tiêu, hoặc nhân ra gió mà liên đau đầu ; sắc mặt thường hơi xanh, vàng, ú rũ miệng không thích cười nói, nhổ ra những cục đờm tanh hôi ; sau khi ốm ty hú hàn mà hóa sinh đờm dài ; những người nghèo khó kham khổ, những kẻ giàu sang thừa mứa chất lèo ngọt, bất kỳ già trẻ trai gái, chứng đờm chiếm 8, 9 phần mười ; các chứng lá trên đây là hàn đờm cả, nên dùng.

### CÔNG THỨC

Bán hạ chế (ngâm nước gừng phơi khô sao vàng) 2 đồng cân, Trần bì bỏ xơ trăng sao, 1 lạng. Phục linh bỏ vỏ, 5 đồng, Cam thảo bỏ vỏ 3 đồng, Gừng 5 miếng.

Tê này dùng nước một bát to (tô) đun, lửa to cho sôi rồi rút nhỏ lửa, sắc thuốc uống lúc còn ấm, mỗi ngày 2 lần.

### GIA GIẢM

- Người béo trắng thì gia Hoàng kỳ tắm mật nướng, Bạch truật đều 3 đồng cân, Nhân sâm 5 đồng (Tức nhị Trần hợp Tứ quản).

- Người gầy ho lao, Gia Thục địa, Bạch thược, Xuyên khung, Dương quy, Sài hồ, Đại cốt bì, Khô cầm (Hoàng cầm ruột rỗng), Trúc lịch một chén, Nước gừng 2 phần, Đống tiện nửa chén, để chữa Trường hợp huyết hư sợ rét, cho nên dùng bổ âm giáng hỏa.

- Đau đầu gia Xuyên khung, Bạch chỉ.

- Tâm phiền, gia Trúc lịch, Táo nhân, Thạch cao, Mạch môn bỏ lõi đều 3 đồng cân.

- Ăn ít miệng không biết ngon, gia Trần bì, Bạch truật sao vàng, Sa nhân, Bạch đậu khấu, Đinh hương.

- Nóng rét qua lại, Gia Sài hồ, Bán hạ, Khô cầm tắm rượu sao, đều 4 đồng, Tiêu hổ 3 đồng.

- Đi tả ra nước, miệng khát là tỳ hư, gia Xích phục linh, Nhục quế, Bạch truật, Trư linh, Trạch tả, Xa tiền tử đều 3 đồng.

- Ăn thức lạnh, đầy bụng, gia Chỉ xác, Hậu phác, Thanh bì, Chỉ thực, Thương truật, Sơn tra, Mạch nha, Thần khúc đều 3 đồng.

- Nội thương do ăn uống, gia Sâm, Hoàng kỳ, Dương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ đều 3 đồng để đưa nguyên khí về kinh phế.

## III. SÂM TÔ ÂM (Dị giản phương)

Chữa bón mùa sốt rét do khí độc rừng núi, hay thương hàn phát sốt, nhức đầu mũi thóp, ho đờm lợm giọng buồn nôn, mửa khan nóng rét qua lại, hoặc có khi mửa ra nước vàng, già trẻ trai gái có chứng này đều dùng :

## CÔNG THỨC

Xích thược, Bán hạ, Tiên hồ, Nhân sâm, Tử tô, cát cẩn, Mộc hương, Cát cánh, Trần bì, Chỉ thực, đều 3 đồng cân, Hành 2 tép, Táo 3 quả, đổ một tô nước, sắc uống lúc còn ấm, để cho ra mồ hôi, liền khỏi.

## GIA GIẢM

- Hoặc có chảy máu mũi thì gia Chi tử sao đen 1 đồng 5 phân, Ô mai, Thiên môn, Mao cẩn đều 3 đồng cân.
- Tỳ hư ỉa chảy, gia Liên nhục, Bạch biến đậu, Trạch tả đều 3 đồng.
- Nôn mửa chưa khỏi thì gia Hoắc hương 5 phân, Sa nhân nửa lượng.
- Chỉ còn sốt con thì gia Sài hồ, Hoàng cầm, bó Mộc hương. Đó là vì đờm hoá hồn tạp thì dùng phương này giam giảm, nếu không phù hợp thì tìm phương khác, chờ nên cầu nệ.

## IV. TỨ VẬT THANG (Cục phương)

Chữa các chứng huyết, như phụ nữ trong khi có thai, sau khi đẻ, huyết hư phát sốt, buồn phiền mỏi mệt, kinh nguyệt không đều, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc thay sớm hay chậm lén xuống không đều, chóng mặt hoa mắt, khí hư bạch đới, tiểu tiện đố són, lưng gối bụng rốn đau nhức, mắt đỏ tay chân yếu mỏi, cùng nam giới khi lực yếu ối, sốt gây vàng da, đó là huyết hư, không tiếp được khí, cho nên như vậy, bất kỳ trai hay gái đều nên dùng.

## CÔNG THỨC

Dương quy tẩm rượu 8 đồng cân, Bạc thược tẩm rượu 6 đồng cân, Thục địa tẩm rượu sao một lượng, Xuyên khung 6 đồng cân, thang này có thể sắc với một tô nước, uống lúc thuốc còn ấm khi đói lòng, vào buổi sáng và chiều vì lúc ấy chính là lúc khi huyết vận hành.

## GIA GIẢM

- Về mùa xuân bị cảm thi gia Xuyên khung, Ma hoàng ; Mùa hè gia Sài hồ, Hoàng cầm ; mùa thu gia Thiên môn, mạch môn bó lối ; mùa đông gia Quế bó vỏ.
- Nóng rét miệng khát chưa bớt thì hợp phương này với thang Tiểu sài hồ, mới có thể thanh nhiệt ở huyết lạc mà nóng rét sẽ lui.
- Kinh bế, gia Hồng hoa, Tô mộc, Đào nhân.
- Nhức đầu chóng mặt, gia Cúc hoa, Tế tân, Khương hoạt.
- Khát thi thêm Cát cẩn, Mạch môn, Ô mai.
- Khi hư Bạc đới, gia Cảo bản, Mẫu lệ nung, Mẫu đơn bì, Xuyên tục đoạn.
- Kinh thay trước kỳ huyết đỏ tươi là do hóa uất ở Tam tiêu, khí bốc huyết nóng thi bội gia Sinh địa, Sài hồ, Hoàng cầm, Đơn bì, Địa cốt, Sa sâm, Liên kiều và ít hồng hoa, thi huyết về kinh mà tử cung thanh thản.
- Kinh thay sau kỳ mà huyết sắc nhạt hay sám đen kết cục, lúc thay kinh thi bụng lung không khỏi đau nhói. Là do gặp lạnh mà khí trệ huyết ngưng, cho nên máu mới chưa sinh, chỉ có máu cũ mà kết thành cục, vậy nên gia Nhũ hương, Lá thuốc cứu, Huyền hồ sách, Ngù linh chi,

các vị tán nhỏ, hoà với đồng tiện, chế thêm ít rượu mà uống thuốc lúc ấm. Nếu uống như thế mà huyết chưa lợi đều, thì gia Ngưu tất, Trạch lan.

- Họ thi gia Hạnh nhân, Tang bạch bì, Tô diệp, Ma hoàng.
- Phiến khát, gia Nhân sâm, Thạch cao.
- Không ngủ được gia Nhân sâm, Đạm trúc diệp, Thạch cao.
- Băng huyết, gia quả Mộc đốt ra tro, Gương sen đốt ra tro.
- Tỳ hư khí hầm gia Phục linh, Cam thảo, Thăng ma, Sài hồ, Hoàng kỳ, Bạch truật.
- Hoàng hốt, gia Táo nhân sao, Viễn chi, Phục linh, Chu sa.
- Phiến khát, gia Sài hồ, Hoàng kỳ, Bạch truật.
- Hòn băng, gia Tam lăng, Nga truật, Trầm hương, Mộc hương.
- Dạ dày tức hơi, gia Chỉ xác, Hậu phác, Thanh bì, Cam thảo, băng nhau.
- Hoàng đản gia Nhân trần, Bạch truật, Can khuông, Trần bì, Sơn chì tử đều 2 đồng.
- Tay chân đau nhức, gia Can khuông, Huyền hồ sách, Quế vỏ.
- Lý, đau quặn mót rặn, gia Hạt cau, A giao sao châu, đều 3 đồng.
- Đại tiện không lợi, gia Đào nhân, Trạch tả, Đại hoàng, Đơn bì.
- Đèi ngoài ra máu, gia Chỉ xác, Kinh giới tuệ, Hoàng liên, Mộc hương, Trắc bách diệp.
- Động thai gia Hoàng cầm, Bạch truật, Sa nhân, Hương phụ, Tử tô, Ngải diệp, Chỉ xác đều 2 đồng.
- Có thai đau bụng ra huyết gia Cú gai, rễ Tâm xuân ; Hoa hiên nấu canh ăn, thường uống từ vật, không thấy máu ra nữa thì yên.

## V. NGŨ LINH TÂN (Trọng Cảnh)

Chữa mùa hè phát sốt, miệng khát mà uống nước không ngừng, ỉa xối ra nước mà da thịt hấp nóng, nhức đầu cứng xương sống, đau lưng, đau bụng, tỳ hư ỉa chảy, thổ tả đau bụng vặt, tiểu tiện đờ gắt, nên uống :

### CÔNG THỨC

Xích linh, Bạch truật, Trư linh, Trạch tả đều 7 đồng cân, Nhục quế bỏ vỏ thô 5 đồng.

Bài này sắc xong nên uống dần khi thuốc còn nóng.

### GIA GIẢM

- Nếu dương độc, nhiệt độ phát hàn, tâm kinh hoả động, thì gia Bạch thược, Thăng ma ; Bồ Quế.
- Tay chân da vàng, gia Nhân trần, Mộc thông.
- Cuồng loạn nói nhảm, méo móm lệch mắt, thì gia Chu sa 1 đồng cân, tán nhỏ hoà với thuốc uống.
- Tim ngựa phiền táo, gia Sài hồ, Cát cánh, Táo nhân (sao)
- Thân thể co giật thì gia Ma hoàng bỏ mắt 5 đồng.
- Thổ tả chuyển gân (vợp bè) gia Hoắc hương, Hồi hương, Mộc hương.

- Bụng trương có hòn, gia Tam lăng, Nga truật.
- Đờm đọng, gia Bán hạ chẽ với Gừng, Vỏ quít cũ bỏ xơ trắng.
- Nhức đầu chóng mặt, gia Xuyên khung, Khương hoạt.
- Chảy máu mũi, gia Hột Dành dành sao vàng, Mơ muối bò hột.
- Ho gia Ngũ vị, Hạnh nhân.
- Ruột đau hơi, gia Hồi hương.
- Miệng khát, gia Cát cẩn.
- Suyễn thở gia Tang bạch bì, Mã đậu linh.
- Đại tiện bí kết, gia Đại hoàng, Phác tiêu.
- Khí hư, gia Nhân sâm, Thạch cao, Trúc như, Mạch môn, Trúc diệp,
- Nóng rét qua lại, theo phương này hợp với thang Tiểu sài hổ.
- Trong xương run rẩy, gia Ngô thù du, Chỉ xác.

Phương này trị khát cầm ỉa có công hiệu.

## VI. HUYỀN VŨ THANG

Chữa mùa đông rét buốt, nhân cảm trúng phong thương hàn, tay chân quyết lạnh, nhức đầu, bụng trương cứng đau, mình nóng không có mồ hôi, mạch chạy hoặc ngắn hoặc dài, hoặc to hoặc nhỏ, lỗ đổ không đều, cùng với sốt cao và lạnh dạ ỉa chảy, đều là do trúng hàn mà hư nhiệt ở ngoài; cho nên muốn hồi dương giúp khí, dần hóa về nguyên chất thì không gì bằng.

### CÔNG THỨC

Bạch truật 7 đồng cân (dùng đất vách cũ tẩm sao, vì đất vách được khí nhuần của âm dương đã lâu mới tốt), Bạch linh bò vỏ 7 đồng, Bạch thược 7 đồng, Cam thảo sống bó vỏ một ít, Phụ tử tẩm nước Cam thảo chích 2-3 miếng, Gừng 3-5 miếng.

Bài này dùng nước 1 tô đun lửa to sau rút lửa nhỏ, sắc uống, rồi theo chứng mà gia giảm, chờ nên câu nệ cố chấp.

### GIA GIẢM

- Nếu thân mình đau nhức, thi gia Khương hoạt, Quế chi, Phòng phong.
- Đau đầu, gia Bạch chỉ, Xuyên khung, Bạc hà, Cáo bản, Tế tần.
- Ho, gia Ngũ vị tử, hạnh nhân, Chỉ xác, Cát cánh, đều bằng nhau, bán hạ, Nam tinh, chẽ với gừng, Tô diệp, Trần bì, bỏ lớp trắng đều 3 đồng.
- Không có mồ hôi, gia Ma hoàng, Quế chi, Thương truật ; bỏ Bạch truật.
- Ỉa chảy, thi bội Bạch truật, Hoắc hương, Kha tử, Đậu khấu.
- Miệng khát, gia Trạch tả, Cát cẩn.

Hoặc có kẻ hỏi :

Bệnh nhiệt dùng thuốc hàn, lạnh thi dùng thuốc ấm là lẽ thường. Nhưng thanh Huyền vũ có Bạch thược tính hàn sao lại dùng chữa bệnh ở tiết đông lạnh buốt?

- Đáp rằng : thời tiết trời đất không nhất định nhân lúc khí hậu khác thường, thi phải tuy

cơ ứng biến trong việc dùng thuốc, không thể y theo lề thường của sách vở. Cho nên tuy mùa đông sương lạnh khe khắt, nhưng thời tiết không phải khi nào cũng thế, nên dịch khí phát sinh do chỗ âm dương hỗn tạp. Vì vậy cho nên dùng Bạch truật là thuốc ngọt ám bổ tỳ. Cam thảo, Bạch linh là thuốc ngọt nhạt bảo vệ thận thuỷ, Thược dược có công năng thu liêm ; Thăng ma có tác dụng giải độc : tuy dùng thuốc bổ mà để công tà, cho nên sách nói "lý không cùng tận".

## VII. HƯƠNG TÔ ÂM (Cục phương)

Chữa bệnh cảm mùa xuân, nóng lạnh nhức đầu, kém ăn, trường đầy, bị lạnh sốt đơn, trời khì ôn dịch (cảm cúm) ngoại cảm, nội thương, phát sốt ớn lạnh, sợ gió, các loại bệnh cảm mạo, nên dùng.

### CÔNG THỨC

Trần bì, Hương phụ đều 5 đồng, Tô diệp 4 đồng, Cam thảo 3 đồng, gia Thương truật, Hành trắng, gừng 3 miếng. Sắc uống ám, vào lúc đói.

### GIA GIẢM

- Nếu đậu sởi chưa mọc thì gia Cát cẩn, Thăng ma, Ma hoàng.
- Đè lỵ ra máu mũi, gia Xuyên khung, dương quy, Bạch thược, hoàng cầm, Cát cánh, Chỉ xác, Mộc hương, Hoàng liên, đều 3 đồng cát, bỏ Cam thảo.
- Sốt cơn không bớt thì bôi dung Sài hồ, Hoàng cầm.
- Đạ đầy tức hơi, bụng trương thì gia Hậu phác bỏ vỏ ngoài, tắm ngừng sao, Bán hạ ngâm nước gừng sao vàng, Trương thuat tắm nước vo gạo, Chỉ xác lâu năm, đều 2 đồng 5 phân.
- Suyễn thở, gia Cát cánh, Ngũ vị tử, Hạnh nhân.
- Ăn ít, gia Đinh hương, Bạch truật, Sa nhân đều 2 đồng cát.
- Tỳ hư đi tả ra nước, là do "mộc tà" của mùa xuân khắc "thổ", thì gia Hoắc hương, Bạch truật, Đậu khấu, Xa tiền xát vỏ sao vàng, Sài hồ, Thương truật bình can mạnh tỳ vị (khá mộc tà bình thổ thực vị) thi ngừng tâ.
- Sốt rét cơn chưa chữa khỏi gia Thường sơn, Thảo quả, Tân lang, Thanh bì, Ô mai bò hột, Hậu phác đều 3 đồng cát.
- ǎa xối thì dùng bôi Mộc hương, khá tử.
- Chân sưng đau (cước khí) thì gia Mộc qua, Ngưu Tất, Tân lang, Khương hoạt, Độc hoạt.
- Trong bụng đau vẫn, thi gia Hồi hương, Ô dược, Huyền hồ, Ngũ linh chỉ, Bạch truật, Bạch thược, Can khuương, Quan quế, Trần bì.

## VIII. TIẾU SÀI HỒ THANG (Trọng cảnh)

Chữa bốn mùa ôn dịch nóng rét qua lại, sán khí, họng khô khó nuốt, nôn mửa, miệng đắng không muốn ăn, mạch phù huyền, miệng lưỡi khô ráo, tâm phiền không ngủ, đại tiện bí kết, tiểu tiện đờ gắt, nóng nhiều rét ít, qua lại tựa như sốt rét cơn, và lại cuồng loạn nói nhảm, tức là bệnh

vào ở nửa biếu nửa lý. Và người uất nóng da thịt, ấy là huyết lạc hư yếu, đờm hoà vượng thịnh. Hoặc là phụ nữ kinh nguyệt không đều, không ngoài nhiệt uất ở Thiếu dương, can tạng không thu liêm; hoặc ở người sau khi phát hán rồi, thấy sốt con: hoặc trẻ em nóng chung hâm hấp, bệnh can đờm ngưng ở thượng tiêu : phụ nữ chóng mặt xám xẩm hoa mắt. Đối với các chứng trên, nên uống thang này.

## CÔNG THỨC

Nhân sâm 4 đồng cân, Sài hồ 6 đồng cân, Khô cầm bò lõi 5 đồng, Bán hạ chế với gừng 5 đồng, Cam thảo bò vỏ 3 đồng, Gừng 3 miếng Táo 3 quả bồ hột, sắc uống chặn cử trước khi chưa sốt.

## GIA GIẢM

- Sốt rét nóng nhiều, miệng khát đòi uống luôn, thì gia Binh lang, Thảo quả bò vỏ, Thường sơn chế với rượu, Bạch linh, Thanh bì, Ô mai bồ hột, Mạch môn bò lõi, đều 3 đồng cân.

- Rét nhiều nóng ít, tâm phiền kém ăn, gia Nhân sâm thảo quả, Trần bì để cá xơ, bồi thêm Nhân sâm, Hoàng kỳ tắm mật nướng, dùng Bạch truật để bổ tỳ, Thăng ma, Đường quy, Nhục quế tuỳ nghi, Như vậy là ôn hòa vị trung, bổ tỳ tiết ngược.

- Tựa như sốt rét mà không làm cử, suốt ngày phiến nóng, mạch 5 bộ đều phù sắc, tức là chứng tà ở biếu, thì gia Cát căn, Mạch môn, Địa cốt bì vào tháng trước mà uống.

- Huyết nhiệt thì gia Sinh địa hoàng.

- Thở gấp gia Trí mẫu.

- Sốt con mà đi lỵ, gia Hoàng liên, Bạch thược, Địa cốt bì.

- Đau đầu, gia Té tân, Thạch cao.

- Nóng lạnh tựa như sốt rét con, gia Ô mai, Thanh bì, Tô diệp.

- Ho đờm, gia Ngũ vị tử, Hạnh nhân, Cát cánh, Bối mẫu, đều 3 đồng.

- Cháy máu mũi, gia Địa cốt bì, Sinh địa, Mao căn, Bồ hoàng sào.

- Tiểu tiện đỗ, tiểu tràng nhiệt, gia Xa tiên, Mộc thông, Nhân trần, Ngũ linh.

- Bi đầy mà đại tiện không lợi, gia Đại hoàng, Phác tiểu, Chỉ xác, Hậu phác.

- Sản hậu loạn huyết, kinh cuồng không yên, gia Thần sa, Viễn chi, Táo nhân, (sao), Đường quy, Xuyên khung, Thực địa, Bạch thược, gọi là Tiểu sài hổ, hợp Tứ vật, có thể an thần khỏi kinh sơ.

- Sản phụ, tạng phủ kinh lạc huyết ráo, miệng khát nóng nhiều rét ít, nóng rét qua lại thi không thể cho rằng Bạch thược chua lạnh, mà không dám dùng cho người sau khi đẻ, nên dùng Bạch thược, Thực địa, tắm vào rượu sao gọi là Tứ vật hợp Tiểu sài, thì tự nhiên nhiệt ở biếu có thể giải được, huyết tự về kinh. Nếu sản phụ mà sốt chưa lui, thì dùng Tứ vật gia can khuương sao đen 5 đồng cân, Đồng tiện nửa chén thi sốt sẽ lui. Vì Tứ vật được tinh binh mà Can khuương thi tính cay nóng, và cay nóng thi tính thuộc phế kim, sao đen vào Tứ vật thi có tác dụng ôn vị hoà tỳ có thể đưa huyết vào được phản khí. Thể mới rõ là thang sài tính mát mà hay trục đờm thông huyết, hợp với Tứ vật, Can khuương là phương thuốc đặc hiệu đối với sản phụ phát sốt.

## IX. BÌNH VỊ TÁN (Cục phương)

Chữa người đi xa đến miền rừng núi không quen khí hậu, đến mùa hạ thi rét nóng chồng nhau, nhọc phiền miếng khát gây thành sốt rét cơn ho báng to như quả dưa, nhỏ như quả trứng, đó là đờm với nước trường lèn như vậy, không thể cho nhấm là chứng trước đây được. Vì khí độc rừng núi ác liệt, có cây râm rợp âm u, rắn beo thai độc, mây mù khe đất chung bốc, đó là độc tụ hội. Cho nên hễ người hoặc đi buôn bán đường bộ, hoặc vận tải bằng thuyền bè khe nước dừng đậu ở những nơi ấy, đến mùa hè là dễ gỉ mà không sinh bệnh. Cùng là trường hợp sau khi mắc bệnh sốt rét hư nhược mệt nhọc, tỳ bị hàn thấp ăn uống không tiêu, rốn bung trưởng đầy, tay chân ốm đuối, minh gầy da vàng, cứ 5-3 ngày làm một cù sốt rét; các trường hợp ngoại cảnh phong hàn, nội thương tỳ vị, bụng đầy, tam tiêu bí tắc, bốn mùa ôn dịch, các chứng cần phải trợ dương trừ thấp, bổ trung mạnh tỳ, tăng cường tiêu hoá, tiêu đờm, điều hòa trung tiêu, trừ tà độc truyền nhiễm có phương thuốc khinh nghiệm:

### CÔNG THỨC

Hậu phác bò vỗ ngoài tắm nước gừng sao, trương truật tắm nước vo gạo, Trần bì để cá lợp trắng, tắm nước vo gạo (không dùng Quất hồng) đều 8 lạng. Cam thảo 3 lạng bò vỗ thô, các vị tán nhỏ, mỗi lần uống 3 đồng can, với nước Gừng sắc, ngay uống 2 lần. Hoặc dùng sắc uống thì té trên chia làm 15 thang.

Những người thường hay lên miền ngược ở nơi rừng núi, nên uống phòng thi các danh bệnh lịa nói trên không thể phát sinh, dùng thuốc này táo thấp kiên tỳ, thực trung phát hàn, đuổi dịch trừ tà, có Thương truật cam ôn : lý khí hành trệ, bồi vị hoà trung, tiêu đờm khoan cách ; có Trần bì lâu năm ; có Hậu phác vị đắng tính ấm, đắng hàn hạ khí; Cam thảo vị ngọt mà hòa, chính nướng thi ôn trung để sống thi tả hỏa. Cho nên uống lâu càng tốt, và bệnh ôn dịch cũng dùng phương này mà chữa.

Và lại nếu là thương hàn sốt cao, thương phong chóng mặt, ho đờm nghẹt thở, đau đầu, buồn phiền suyễn thở thi dùng nguyên phương hợp với Nhân sâm bại bộc thang gồm Tiên hồ, Sài bồ, Khương hoạt, Độc hoạt, Chi xác, Cát cánh. Phục linh, Xuyên khung, Nhân xâm, Cam thảo. Các vị bằng nhau, Gừng 3 miếng, Bạc hà 10 lá sắc uống.

### GIA GIẢM

- Nhiệt độc mạnh thi gia Hoàng cầm, Hoàng liên.
- Khi nhiệt, gia Phòng phong, Kinh giới, tức là kinh Phòng bại độc thang.
- Tùu độc (tính độc do rượu) gia Cát căn, Hoàng liên.
- Sang độc (mùn lở) thi bò Sâm, gia Liên kiều, Kim ngân hoa.

Hoặc là trường hợp đi xa uống cho mạnh tỳ, để phòng sốt rét thi dùng Thần bì bò xơ trắng sao vàng, Khô cầm, Chi tử sao tốn tính, Bán hạ chè với gừng. Phục linh bò vỗ, Sơn tra bò hột, đều 1 đồng can, Thương truật nước cành rồi tắm nước muối sao vàng 8 phân. Hoàng liên tắm nước gừng sao, Tiên hồ đều 7 phân; tất cả vị cùng sắc uống thường ngày.

- Mùa hè hỏa vượng, đi lại bị nóng nhiều, thi hợp với thang Tiểu sài hồ.
- Ía chảy nhiệt khác thi hợp với Ngũ linh tán.

- Mùa đông nóng rét thì dùng Bát hoán kim thang, Ngũ ích tán, hay Thập thần thang nên xem năng hay nhẹ, tùy chứng phối hợp mà dùng.

- Đau đầu, gia Bạch chỉ, Xuyên khung.

- Chân tay phù nề, gia Ngũ gia bì, Tang bạch bì, Thanh bì, Mộc hương, Mộc qua, Ngưu tất, Tân lang.

- Cơn sốt rét, khát (nóng nhiều) thì gia Thảo quả, Trường sơn, Hoàng cầm, Sài hô, Thanh bì, Bạch linh, Ô mai, Tam lăng, Nga truật.

- Cơn sốt rét lạnh nhiều, gia Bạch truật, Dương sâm, Hoàng kỳ, Thường sơn, Thảo quả, Quế chi, Can khương.

- Nếu cơn sốt rét không khỏi mà chỉ còn nóng hay rét thì nên xem xét về khí huyết và đờm giao tích ở kinh lạc, cho nên âm dương bị tác động, thì dùng Thường sơn, đổ với rượu 3 đồng cân, Thảo quả bò vỏ 3 đồng, Hạt cau 3 đồng, Thanh bì bò ruột, Trần bì, để cả lớp trắng đều 3 đồng, Cam thảo bò vỏ, Hậu phác tắm nước gừng đều 3 đồng, Đại hoàng đều 4 đồng, nước 1 tô, rượu 1 chén, cháb tối (giờ dậu 0 sắc 10 phần lấy 7, Dêm đem phơi sương, đợi sáng sớm đèn cách thuỷ cho uống ấm, cho uống chặn cử trước khi nên cơn một lát, hoặc nửa hay đi tã tức là trực được đờm tích ra, chớ nên kinh sợ).

- Hoặc sốt rét mà ăn uống kém thì dùng một tè Đôi kim sẽ ăn được tiêu. Nếu còn biến chứng thì nên tìm phương khác.

Bàn thêm: trừ tà ở trong đờm (đờm tích) đã có phương này, còn chống tà ở ngoài, há không tìm gốc của nó! Hãy mượn Hùng hoàng là tinh túy của Thái dương, bẩm khi của trời đất mà sinh ra, nếu có 5-3 lạng đều để dự phòng, thì các loại tà khí không thể xông vào được. Mặc dù ngồi chỗ cây cao bóng cả, dâm tà yếu quái phải lánh xa, hoặc ngao du với nơi rừng xanh nước biếc, sâu rắn hùm béo đầu phải tránh. Nó lại chữa cả nọc rét cắn (Mài với rượu uống và bôi), há có thể coi thường công dụng của Hùng Hoàng được sao!

## X. THẬP THẦN THANG (Cục phương)

Chữa ôn dịch truyền nhiễm, bốn mùa đều có một loại bệnh như nhau, là vì thời khí bất thường, âm dương hỗn tạp, như mà xuân khi trời ấm áp mà lại dây lên gió lạnh nấp náu đến mùa hè nóng bức : Mùa thu mát mẻ mà lại mưa dầm khi lạnh như thế mùa đông khắc nghiệt cho nên già trẻ đều bị cảm, đột ngột nóng rét, đau đầu, xương thịt đau nhức, ngoài da nóng rưng rức không có mồ hôi, miệng khô đòi uống nước luôn, nhưng không bỏ quần áo, bệnh cảm không phân rõ trong ngoài (biểu ký), chứng không biện rõ âm dương bàn nhiệt để dùng.

## CÔNG THỨC

Ma hoàng bò đốt, Hương phụ sao chin, Trắc bá diệp, Bạch chỉ, Xuyên khung, Trần bì, Cát cánh, Xích thược, Thăng ma, đều 3 đồng cân, Cam thảo bò vỏ 2 đồng cân Gừng 3 miếng, Hành 2 cây, Táo 3 quả, sắc uống lúc thuốc còn ấm, uống xong lấy áo đắp đầu một chốc, tà khí theo mồ hôi ra sẽ khỏi.

## GIA GIẢM

- Sốt cơn, gia Mạch môn, Hoàng cầm.

- Đau đầu, gia Ngũ vị tử, Cát cánh.

Hỗn có đờm, gia Đinh hương, Nhân thảo quả.

- Ăn ít, gia Sa nhân, Bạch truật.
- Dạ dày căng tức, gia Chi xác, Bán hạ.
- Chảy máu mũi, gia Ô mai tán hột, Rễ tranh rửa sạch đều 3 đồng cân.
- Bụng trướng đau, gia Can khương, Bạch truật.
- Lạnh đau sôi bụng, gia Bạch truật, Can khương, Sài hồ.
- Bụng bí đầy, đại tiện bí kêt, gia Đại hoàng, Phác tiêu.
- Ỉa chảy gia Nhục kháu, Hoắc hương.
- Bạch đới, gia Dương quy, Chi xác, Hoàng liên.
- Khi hư, đờm lạnh, gia Nhân sâm, Bạch linh, Nhục quế.

## XI. Ô ĐƯỚC THUẬN KHÍ (Cục phương).

Chữa tay chân bại liệt, bụng dạ lạnh đau, da thịt ngứa gãi, sôi bụng, đầy bụng, kết hòn, và phụ nữ khi huyết ngưng trệ ; kinh nguyệt không đều, phương này khiến cho thuận khí sơ phong, tán trệ khai uất.

### CÔNG THỨC

Ô dược 2 đồng cân, Trân bì 2 đồng cân, Ma hoàng, Cát cánh, Xuyên khung, Bạch chỉ đều 1 đồng, Cương cầm sao vàng, Can khương đều 5 phân, Cam thảo nướng 3 phân. Thêm gừng táo đổ nước sắc uống.

### GIA GIẢM

- Đổ mồ hôi hay mồ hôi trộm thì gia Hoàng kỳ, Ma hoàng, bò đốt.
- Mình mẩy đau nhức, gia Nhũ hương, Quy thận, Cát cánh.
- Sốt cơn thi bổ Can khương.
- Đau lưng, gia Đỗ trọng, Hồi hương.
- Huyết hư phát sốt về đêm thì gia Xương hổ tẩm rượu nung tán nhỏ, Mộc hương 2 đồng cân.
- Đau đầu gia Kính giới, Xuyên khung.
- Chân phù tê liệt, gia Khương hoạt, Độc hoạt, Ngũ gia bì, Phong phong.
- Tay chân phù thũng, gia Ngưu tất, Khương hoạt, Độc hoạt, Ngũ gia bì.
- Phụ nữ phong khí, gia Phòng phong, Kính giới, Bạc hà, Cẩu tích, Thạch hộc, Mộc qua ; Thấp khí gia Thương truật, Tam lăng.
- Suốt mình tê rét, gia Phụ tử chẽ, Xuyên khung, Quan quế ; Bại liệt bên tả hay bên hữu, gia Thiên ma, Ích mẫu, Ma Hoàng, Dương quy, Tật lê, Tẩm rượu.

## XII. NGŨ TÍCH TÁN (Cục phương)

Trị 5 chứng tích. Tích có những nguyên do mà thành : Hết làm người, kẻ thù công cán việc nước, việc vua mà xông pha mưa gió, hoặc kẻ vì gánh già đình mà sáng đi tối về dốc sức ra đồng

ruộng, cho nên được hình thành do khí thấp chưng bốc, chứng đờm làm cho da thịt thũng nè, bụng trướng ho đờm, thận thể tay chân nặng nề, và lại nằm nơi đất ẩm, tay chân phù thũng, hoặc ăn thức sống lạnh mà thận thể lạnh té, đều thành thấp trệ mà khi chạy vào trong. Ở phụ nữ thì kinh nguyệt không thông, nam nữ đều bị hàn thấp làm cho kinh lạc bế tắc, tất cả cái đó đều biến thành những chứng tích. Khéo chữa thì dù là hàn tích, thấp tích, khí tích, huyết tích đều nên dùng :

## CÔNG THỨC

Nhân sâm, Bạch truật, Bạch linh, Bạch thược, Chỉ xác, Ma hoàng, Can khương, Cát cánh, Khương hoạt, Độc hoạt, Bạch chỉ, Trương thuật, Hậu phác, Dương quy, Bán hạ, Quế chi, Cam thảo, các vị bằng nhau, Gừng 5 miếng, Hành 2 tép, Nước 1 tô, rượu 1 chén sắc uống âm.

## GIA GIẢM

- Chân tay phù thũng thì Ngũ gia bì, Khương hoạt, Độc hoạt, Phòng phong, Phòng kỷ.
- Đau lưng, già Xạ hương, Hồi hương.
- Sán khí, già Mộc hương, Hồi hương, Ngô thù du.
- Tay chân co quắp, già Mộc qua, Ngưu tất, Ngũ gia bì, Bình lang.
- Ho đờm, già Ngũ vị tử, Tang bạc bì, Hạnh nhân, Bố mẫu, Mã đầu linh.
- Đau minh, già Nhũ hương, Mộc dược, Quế chi.
- Người già chân tay đau nhức, hợp phương này với Ô dược thuận khí.

## XIII. TỨ QUÂN THANG (Cục phương)

Chữa trai gái già trẻ, ngoại cảm nội thương, nguyên khí hư, tỳ vị yếu, ăn uống kém, người gầy yếu, da xanh vàng, phế hư miệng khát, mũi thở to, da dẻ nóng, khí huyết khô khan, dùng :

## CÔNG THỨC

Nhân sâm 3 đồng cân, Bạch linh bỏ vỏ 3 đồng cân ; Bạch truật 1 lạng. Cam thảo 3 đồng cân, sắc uống mỗi ngày 3 lần.

- Nếu người trắng bệу, khí hư thường có ho đờm thì dùng phương này hợp với Nhị trân thang, mà Trần bì bỏ lớp xơ trắng, Bán hạ, chế với gừng.

## GIA GIẢM

- Hư hàn thì gia Can khương, Nhục quế.
- Ho có đờm thì hợp với Nhị trân thang.
- Nôn mửa, già Hoắc hương, Hương phụ, Sa nhân.
- Đau bụng lạnh, ỉa chảy, già Kha tử, Đậu khấu, Trần bì, Mộc hương.
- Tỳ hư nháy ăn, già Mạch nha, Sa nhân, Thần khúc.
- Thở ngắn hơi, biếng nói, già Hoàng kỳ tắm mật nướng. Dương quy, Sài hồ, Trần bì, Thăng ma (ít) (tức hợp với bổ trung ích khí thang).
- Khi huyết đều hư, thì hợp với Tứ vật thang, gọi là Bát trân thang.

- Nóng rét qua lại, gia Sài hồ, Bán hạ chế (hợp bối tiếu sài hồ thang).
- Sốt rét cò cử, gia Thường sơn, (tẩm rượu đỗ phơi), Thảo quả, Bình lang, Hậu phác, Trần bì, Thanh bì.
- Khi khôi, báng hơi, gia Tam lăng, Nga truật.
- Miệng khát, gia Cát căn, Thiên hoa phấn, Ô mai nhục.
- Tâm phiền gia Mạch môn, Trúc nhục, Liên nhục, Tắc nhân sao, Viên chí, Chu sa.
- Trẻ em kinh giản, gia Toàn yết, Bạch phụ, Tế tân.

## LỜI KẾT

Về 13 phương trên đây, tiêu chuẩn gốc ngọn trong ngoài, không có chỗ nào không đủ. Nhưng bệnh trước và sau không như nhau, thời tiết có khác nhau, càng nên xem bệnh tùy theo từng người mà lập phương, cẩn thận chờ câu nệ.

Những người giàu sang, ăn uống cao lương mà nhiều lòng dục, ngoại cảm ít mà nội thương nhiều. Những người nghèo khổ, rau cháo cầm hơi làm lụng lao lực, ngoại cảm nhiều mà nội thương ít. Tăng ni goá bụa, bốn hạng người này, giam cầm nhẫn nhục đều là u uất. Người già thì khí hư huyết ít chẳng ngờ, trẻ em thì âm ít dương nhiều thật nghiệm. Do đó chứng có hư thực khác nhau, nên biết bổ hay không tùy lúc. Người yếu thì nên bổ gốc, chẳng nỡ dùng phương tá thực, người khoẻ thì nên bổ ngọn, chẳng phải dùng thuốc bổ hư. Theo từng loại mà suy rộng ra, mới có thể nói là khéo vậy.

## PHỤ : BỔ ÂM ĐON

Chủ trị các chứng tinh huyết hao tổn, âm hư hỏa động, hư lao sốt cơn, ho khan khạc ra máu, di tinh, mồ hôi trộm...

Thực địa 5 lạng, Quy bản, Tri mẫu, Hoàng bá đều 3 lạng, Thiên môn, Mạch môn, Kỳ tử, Bạc thược đều 2 lạng. Ngũ vị tử 1 lạng, Can khương 3 đồng cân.

Cách chế : Các vị trên đun vào cǎn nhǎ thanh tinh, tán rây nhỏ, luyện với mật ong và tuỷ xương sống heo làm viên to bằng hạt ngô đồng, liều uống 20 viên, thang bằng rượu hâm nóng, uống lúc canh năm.

- Di mộng tinh, gia mẫu lệ (nung tan nhở). Bạch truật, Sơn thù du, Sư cǎn bạch bi (cao bò vỏ thô).
- Xích trọc, gia Hoàng liên, Bạch truật, Bạch linh, Sơn chi tử.
- Chân yếu đi không có sức, gia Xuyên ngưu tất, Mộc qua, Phòng kỷ, Hổ hinh cốt (nung nóng rồi ngâm nước, làm 7 lần như thế, sao giã dập mà dùng).
- Sán khi, gia Thương truật, Xuyên khung, Thanh bì, Ngô thù du, Sơn chi tử, Hoàng oanh, Mộc qua.
- Tỳ vị yếu và đau dữ, sợ rét, ỉa chảy, gia Bạch truật, Can khương, Trần bì (bở xơ trắng).
- Khí hư gia Bạch linh.
- Mắt mờ, gia Xuyên quy, Sài hồ, Hoàng liên, Tè giác, Cúc hoa, Mạn kinh tử.
- Mạch tả xích hư, hữu xích vi, dương sự bất cử, gia Hắc phụ tử, Nhục quế, Trầm hương.

# <https://vnras.com/drug/>

- Bài bổ âm hoàn với phép gia giảm tùy chứng trên đây là thuốc điều bổ tất cả các chứng ngũ lao, thất thương, hư tổn, già yếu, ốm lâu ngày, có công bồi bổ cẩn cố bản rất lớn.

Nên xét mạch bộ Xích bên tả hư yếu, và bộ xích bên hữu nhỏ bé mà dương sự không nhạy thì mới gia các vị dương được để tiếp bổ chân hoá. Nếu tỳ phế đều hư mà mạch các bộ thốn, quan bên hữu yếu, không có lực, thì gia Phục linh để bổ khí.

Hoàn bổ âm trên đây là tùy chứng gia giảm gồm bổ tất cả cá chứng lao thương hư tổn, mọi chứng suy yếu ở người già, bệnh đau lâu, đều có công năng bồi bổ cẩn bản.

Chu đan khê : "Dương thường có thừa, âm thường không đủ". Huống là đời nay phần nhiều tảo hôn trác táng, thiên quý chưa đến mà đã vội xài xể khiến âm tình đã kiệt mà lại trút túi nốt, cho nên chết non. Muốn được sống lâu, nhất thiết cần nên thanh tâm, tiết dục, bế tinh, dưỡng khí, để bảo tồn Nguyên thần, răn ngừa lòng tham, nén cơn tức giận, điểm đậm hưu vô, để giữ vẹn chân khí ở trong.

Vả lại thường xuyên cần có lao động nhẹ, và mỗi buổi sáng sớm, hit thở khí trong lành, vận động thân thể tay chân, để rèn luyện thân hình ở ngoài, thi có thể hưởng thọ tuổi trời vậy.

# THƯƠNG HÀN TAM THẬP THẤT CHUỲ (1)

(BA MUOI BÂY PHƯƠNG CHÙA THƯƠNG HÀN)

Y ĐẠO TUỆ TĨNH TRÙNG SAN CẨN TỰ

*(Tựa đề khi khắc lại sách về y đạo tuệ tĩnh)*

Sách này, cẩn nguyên giúp đời sống lâu, sử dụng làm xuân trẻ lại.

Thần nồng, Hoàng đế ném cỏ cây mà biết đủ mặn chua ; Biển thước, Hoa Đà xét tạng phủ mà biến thông kinh lạc. Chế phương thuận khí hoá đàm ; dùng phép tham tâm thay cốt. Giúp đời sống lâu, thuốc thang châm cứu, hiệu quả vẹn toàn. Cứu người lợi vật, sách vở pháp phương, tôn sư truyền mãi. Thông thánh diệu huyền, người nói từ lâu : kịp như Lão sư Tuệ Tĩnh, phép tắc cao kỳ, y học sâu rộng, là vị tổ sư của y giới.

Sắc không phòng bệnh, thanh tịnh trẻ lâu.

Trừ nguy mà vạn bệnh hồi xuân, khỏi bệnh mà bát trâu nhuận sắc. Đạo theo từ Thiên trúc : Đức rộng tựa Man tinh. Nghiên cứu phương thang suốt thông 27 khí : để cương dược tinh chia làm 37 chuỳ (1) Làm theo chốt chữa bệnh hiểm nghèo : vạch mẫu mực soi đường muôn thuở.

Lý như vậy, nhưng nhờ phép trước Chỉ thực, kẻ hậu học noi thiêng. Đọc sách như đuốc xoi đêm tối, tỏ rõ xanh vàng, xem thấy như trời tạnh mây quang, rạng vì tinh tú. Vĩ đại thay, sung sướng thay !

Ôi : Đạo Nho là cùng lý mà thôi, đạo Y chỉ vận khí đó vậy. Người học có thể không theo đường lối này mà tìm cái tinh tuý ẩn khuất được ru ; như thế mới biết đạo y của Tuệ Tĩnh vậy.

(Đoạn này tóm ý : Bỏ tiền ra khắc in sách này, chỉ nhằm phổ cập cho nhân dân xa gần, để lưu truyền về sau, nên viết tựa này).

## THƯƠNG HÀN CÁCH PHÁP TRỊ LỆ MỤC LỤC

Thượng cổ lạo thiền Hoàng Sưởng Vô Trạch Tuệ Tĩnh soạn tập bí dụng tam thập thất phương tựu chủ tam thập thất chuỳ pháp.

1. Thăng dương phát biểu thang (Thăng dương phát biểu)

(1) Chuỳ : Cái giùi.

2. Sơ tà thực biểu thang.
3. Khương hoạt xung hòa thang
4. Lục thần thông giải thang
5. Sài cát giải cơ thang
6. Sài hồ song giải thang
7. Quế chi Đại hoàng thang
8. Gia vị Lý trung thang
9. Nhân trần tướng quân thang
10. Đạo xích thang
11. Lục nhất thuận khí thang
12. Như thần Bạch hổ thang
13. Tam hoàng thạch cao thang
14. Tam hoàng cự thăng thang
15. Xung hòa linh bảo thang
16. Đào nhân thừa khí ẩm
17. Tiêu ban Thanh đại ẩm
18. Sinh địa Cầm Liên thang
19. Gia vị Tè giác Địa hoàng thang
20. Hồi dưỡng cứu cấp thang
21. Hồi hương pháp bán thang
22. Sài hồ Bách hợp thang
23. Như thánh ẩm
24. Ôn kinh ích nguyên tân
25. Tiêu dao thang
26. Thăng dương tán hỏa thang
27. Tái tạo ẩm
28. Hoàng long thang
29. Diều vinh dưỡng vệ thang
30. Đạo xích các bán thang
31. Ích nguyên thang
32. Quế Linh thang
33. Dương quy hoạt huyết thang
34. Gia vị đạo đàm
35. Gia vị diều trung ẩm
36. Gia giảm tục mệnh thang
37. Hoàng liên giải độc thang.

<https://vnras.com/drug/>

## **THƯƠNG HÀN CÁCH PHÁP TRỊ LỆ QUYẾN CHI HẠ**

Thượng cô lão Thiên Hoằng Sưởng Võ Trạch Tuệ Tinh soạn tập. Bi dụng tam tập thất phương tựu chú tam thập thất chuỳ pháp (trang 35a - 36a bản Hồng Nghĩa Giác Tư Y Thư A.162)

**NGUYỄN THANH GIÀN** phiên dịch  
san định do **NGUYỄN TRUNG HÒA**.

# BA MƯƠI BẢY PHƯƠNG CHỮA THƯƠNG HÀN

## (THƯƠNG HÀN TAM THẬP THẤT CHUỲ) (1)

Phàm thương hàn gây bệnh là vì nó bị cái khí lạnh nghiệt ngã, trúng nhầm khi đó là phát bệnh tức thời, gọi là "thương hàn"; nếu chưa phát bệnh ngay, hàn độc ẩn náu trong bì phu, sang đến mùa xuân sẽ biến thành ôn bệnh đến mùa hè biến thành Thủ bệnh, nóng nhiều nặng hơn bệnh ôn. Vì thời tiết phát bệnh khác nhau, cho nên cách chữa không xen lẫn lộn được.

Tạo sao hàn tà mới trúng lại vào phần biểu trước?

Vì kinh Túc Thái dương hàn thuỷ đi phía sau lưng, từ đầu đi qua suốt sống lưng, nên có các chứng nhức đầu, cứng xương sống mà sợ lạnh. Ở kinh mạch khác thì không có các chứng này. Huống chi kinh này lại là giềng mối của toàn thân, là chủ khí các kinh dương, ví như con đường đi thông ra các ngã. Nếu chữa lầm thì tai biến không thể nói xiết được.

### I

Thứ nhất thang Thăng dương phát biếu,  
Chú thương hàn phép bảo rằng hay,  
Ba đông lạnh lěo rét thay  
Xông xương đột giá đang tay việc ván,  
Đêm ngày khó nhọc dám van,  
Sức khôn chịu được thương hàn sở thương.  
  
Phải liên đau đớn ghê đường,  
Nhức đầu như bỗ, đau lưng như gò,  
Đến khi cơn rét nằm eo  
Mồ hôi chẳng có ráo khô lại làm,  
Thấy mạch phù khẩn lại tham  
Sơ tà phát biếu khá làm khai thông,

#### 1. Thăng dương phát biếu thang

Túc ma hoàng thang gia giảm, chủ trị bệnh chính thương hàn mùa đông, nhức đầu phát sống, sợ lạnh, cứng sống lưng, mạch phù khẩn, không có mồ hôi. Đó là Thái dương Bàng quang kinh thụ hàn tà, đầu nhức như búa bổ, mình nóng như đốt, dùng thang này mà phát hàn.

---

(1) Bài này chỉ được phép ở quyển hạ bản Hồng Nghĩa Giác, tư y thư A.162 không thấy ở bản sách in AB 306 năm 1733

## CÔNG THỨC

Ma hoàng,	Quế chi,	Phòng phong
Hạnh nhân,	Cam thảo,	Bạch chỉ
Thăng ma,	Xuyên khung,	Khương hoạt

Các vị đều bằng nhau, nước 2 bát, gừng 3 miếng, táo 2 quả, thêm 2 muỗng mạch nha (đường) sắc uống ấm.

Bản kinh có chứng sợ lạnh, nhức đầu, không mồ hôi mà suyễn, dùng phương này bỏ Ma hoàng, gia Cát cẩn.

## II

Thứ hai thang sơ tà thực biếu,  
 Chữa thương phong phép bảo răng hay.  
 Trời đông giá rét heo may,  
 Đầu sương dãi gió đang tay làm dùng,  
 Đêm ngày khó nhọc đột xông  
 Sức khôn chịu được cảm phong thương hàn,  
 Phải liên đau đớn thiêng ban,  
 Nóng mình sốt rét chẳng an trong lòng  
 Nhức đầu trái gió, sờn rùng  
 Đầu lưng luống những rồng rồng mồ hôi,  
 Thấy mạch phù hoãn thường lai,  
 Đích thương phòng chứng chẳng sai đâu là.  
 Hợp dùng thực biếu sơ tà,  
 Tự nhiên biếu giải lý hoà nên công.

### 2. Sơ tà thực biếu thang

Tức Quế chi thang có gia giảm, chữa chính chứng thương phong về mùa đông, nhức đầu phát sốt, sợ gió, cứng sống lưng, mạch phù hoãn, tự đổ mồ hôi vì kinh túc thái dương cảm phong tà, cách chữa phải thực biếu tán tà, nếu không có mồ hôi không nên dùng.

#### Công thức

Quế chi,	Thực dược,	Cam thảo
Phòng phong,	Xuyên khung,	Khương hoạt.

Các vị đều bằng nhau, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả, sắc còn 1 chén uống ấm. Nếu ra mồ hôi không ngừng gia Hoàng Kỳ, suyễn gia Sài hồ, Hạnh nhân, trong bụng no buồn bực tức giả chỉ xác, Cát cẩn, Hoàng Kỳ tức là xung hoà thang, lại không khỏi dùng Tiêu sài hồ thang gia hai vị Quế chi, Thực dược.

### III

Thứ ba, thang Xung hòa Khuong hoạt  
Chữa xuân hè thu tiết phai đau,  
Ba đông xung đột bấy lâu  
Khi nhiều sức mạnh chẳng àu việc vận.  
Sang xuân phát bệnh chẳng an  
Bởi xưa mạo thuở đông thiền phong hàn  
Nhức đầu rét dữ thiền ban,  
Mồ hôi không có hợp toan mà dùng,

### 3. Khuong hoạt xung hòa thang (1)

Chữa 3 mùa cảm mạo rét đột ngột, nhức đầu, bệnh kinh Thái dương không có mồ hôi.

#### Công thức

Xuyên khung,	Bạch chỉ,	Khuong hoạt,
Phong phong,	Thương truật,	Hoàng cầm,
Té tân,	Cam thảo,	Sinh địa.

Các vị đều bằng nhau, không nên nhiều ít, nước 2 chén, gừng 3 nhát, hành 2 củ. Gia 1 dùm Đậu si, sắc uống ấm ra được mồ hôi thì rất tốt, dùng khăn dây đắp kín cả đầu, hễ thấy trúng bệnh thì thôi không nên uống nhiều, uống nhiều sẽ sinh bệnh ôn, hè chữa nhiệt, thu chữa thấp, chữa tạp bệnh có công hiệu tốt.

#### GIA GIẢM

- Trong ngực nồng bức tức, bỏ Sinh địa, gia Cát cánh, Chỉ xác.
- Mùa hè dùng bài này thì gia Thạch cao, Tri mẫu.
- Không có mồ hôi gia Tía tô.
- Suyễn sợ lạnh gia Hạnh nhân, bỏ Địa hoàng, sau khi ra mồ hôi mà chưa khỏi thì cho uống bận nữa.
- Hán hạ kiêm hành thì gia Đại hoàng tức là cách chữa "rút cùi dưới nỗi để giảm nhiệt bốc".
- Chứng ba mùa cảm mạo, cảm khí lạnh trái mùa cũng có nhức đầu sợ lạnh, mình nóng, mạch phù, tự ra mồ hôi, nên làm thực biểu bỏ Thương truật gia Bạch truật.
- Mồ hôi ra không cầm được, gia Hoàng lý.
- Phát sốt sợ lạnh, đau mình, gia Thương truật, Thược dược, bỏ Hạnh nhân.

(1) Khuong hoạt xung hòa thang. Của Trương Nguyên Tố, lập luận rằng ; có mồ hôi không được dùng Ma hoàng, không có mồ hôi không được dùng Quế chi, nếu uống nhắng thì biến chứng không nói xiết, cho nên lập ra phương này để không phạm vào chô cấm kỵ của ba hương là thần phương giải biểu, có tên là Cửu vị Khuong hoạt thang.

- Mình eo quắp, mặt sưng đở là do không đi giải được, bỏ Bạch chỉ gia Hạnh nhân Thăng ma, Sài hồ, Thược dược.

- Cảm hàn nặng, uống 1 thang chưa ra mồ hôi, thì cho uống 1 thang nữa, nếu uống hai ba thang rồi mà vẫn không ra mồ hôi, thì cho uống 1 thang, tùy bệnh nặng nhẹ mà chia ra uống nhiều ít cho thích đáng.

Nhật xét : Dùng các vị bằng nhau thì lượng Tế tân và Cam thảo nhiều quá, cần sét lại?

## IV

Thứ tư thang lục thần thông giải  
 Chủ vãng phát (55) tiết phái tháng ba.  
 Nhức đầu, sốt rét đầy là.  
 Mạch lại hồng sác, Xung hoà phục sơ (57)  
 Chữa xung (58) thông giải lại gia.  
 Cầm, Kỳ, Cam thảo, cùng là Xuyên khung.  
 Thạch cao, Hoạt thạch lại dùng.  
 Khương hoạt, Thương truật, miến (59) cùng Tế tân.  
 Truỳ pháp Thông. Sí (61) bộ phân hiệu thay.  
 Nhiệt phục thủ hàn (62) đăng tay.  
 Trúng bệnh tức chí (63), hiệu thay lạ thường !

### 4. Lục thần thông giải thang (64)

Chữa bệnh thời khí phát về tháng ba, gọi là vãng phát, nhức đầu, nóng mình ghét rét, mạch hồng sác, trước đã dùng xung hoà thang không khỏi thì sau cho uống thang này.

Ma hoàng	Hoàng kỳ	Tế tân
Xuyên khung	Khương hoạt	Thương truật
Hoàng cầm	Cam thảo	Thạch cao
Hoạt thạch		

Các vị trên, Gừng 3 lát, nước hai chén.

**Chuỳ pháp :** thêm Đậu sỉ 1 dûm, Hành 2 củ, sắc uống nóng cho ra mồ hôi, trúng bệnh thì thôi.

## V

Thứ năm thang Giải cơ sài cát.  
 Túc Dương Minh vị nhiệt truyền kinh.  
 Đầu đau, quẳng mắt nhức quanh.  
 Mũi khô, không dù (ghèn) nhiều hành buôn song (?)  
 Dù thấy mạch đến vi hồng, (65)

Theo mùa già giảm, hợp dùng khá cho.  
Cát cẩn, Cam thảo, Sài hồ,  
Khương hoạt, Bạch chỉ dùng no đủ liều.  
Hoàng cầm, Cát cánh cũng nhiều.  
Trước sau bảy vị, lượng đều bằng nhau.  
Táo, Khương thanh thủy sắc ngao, (66)  
Chùa pháp gia Nhuyễn Thạch Cao một đồng.  
Bản kinh (67) phải thuở mùa đông.  
Mồ hôi không có, rét rùng khôn dang.  
Bỏ hoang cầm gia Ma hoàng.  
Xuân lại khác đường, thiểu thiểu gia chi (68)  
Hè, thu tịnh khử bất nghi (69)  
Ta lại cùng thi gia lá Tía tô,  
Mồ hôi khát nước chẳng lo,  
Như thần Bạch Hổ (70), mặc dù khá hay!

### 5. Sài cát giải cơ thang (71)

Túc Các cǎn thang gia giàm, chữa bệnh chứng Túc Dương minh vi, đau đau, quáng mắt, nhức, mũi khô, không đỡ, mạch hơi hồng.

#### Công thức

Sài hồ, Cát cẩn	Cam thảo	Hoàng cầm,
Khương hoạt,	Bạch chỉ,	Cát cánh

Các vị trên nước hai chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả. Gia Thạch cao 1 đồng sắc uống, nếu không mồ hôi, sợ lạnh quá thì bỏ Hoàng cầm gia Ma hoàng (mùa đông nên gia nhiều, mùa xuân gia ít, mùa hè mùa thu thì không gia là thay lá Tía tô).

Có mồ hôi mà khát nước thì chữa bằng bài Như Thần Bạch hổ thang sau đây.

Nhận xét : Bài này nguyên là thuốc tán đối làm thang, Nguyên phương của Đào tiết Am chế để thay Cát cǎn thang, nội dung có Thuốc được ở đây không có, nghỉ sót.

## VỊ

Thứ sáu, Sài hồ song giải ẩm,  
Túc dương minh truyền đến đờm kinh.  
Thoát đau sốt rét nóng mình,  
Túc sờn ưa oẹ rành rành vang tai,  
Cổ khô miệng đắng đầy thay,  
Bán biếu bán lý mạch lau sắc huyền,  
Hãnh hạ thổ chó khá nên  
Hợp dùng hòa giải, bệnh liền giai tố.

## 6. Sài hô song giải ẩm.

Tức tiêu Sài hô thang gia Trần bì, Thược dược, chữa kinh túc, Thiếu dương đờm thụ tà, sinh ra chứng tai điếc, sườn đau, nôn mửa, miệng đắng, lưỡi khô, mạch huyền sác, thuộc chứng bán biếu bán lý, nên hoà giải.

Vì đờm kin không có lối ra vào, nên cầm dùng ba phép hàn, thổ, hạ, chỉ, có bài này tuy chứng già giảm mà không có bài nào khác.

### Công thức

Sài hô	Hoàng cầm,	Bán hạ,	Cam thảo
Nhân sâm,	Trần bì,	Thược dược.	

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả. Cho thêm ba muỗng nước Ngải cứu sắc cho uống ấm.

### Gia giảm

- Tiếu tiện không thông, già Phục linh
- Nôn mửa, già Trúc lịch, Khương tráp.
- Đau sườn, già Thanh bì.
- Cố đờm, già Qua lâu, Hạnh nhân, Bối mẫu.
- Nóng rét tựa sốt rét già Quế chi.
- Khát nước, già Thiên hoa phán, trì mẫu.
- Răng khô không nước bọt, già Thạch cao.
- Họ, già Ngũ vị tử, Kim phi thảo (Toàn phúc hoa).
- Hoại chứng, già Miết giáp.

- Dưới tâm no hơi đầy tức chúa khỏi là biếu từ truyền vào lồng ngực, chưa vào phủ, không phải chứng hết hung, tuy có đầy tức, nhưng còn ở biếu, chỉ nên dùng Tiểu Sài hô già Chí thực. Nếu vẫn chưa giải thì dùng bài này với bài Tiểu Hầm hung thang gia Cát cánh, uống 1 lần thì tự thấy kiến hiệu như thần

- Chứng thương hàn hư phiền thì già trúc điệp, gạo nếp sạo.
- Hợp bệnh thiếu dương + Dương minh già Cát cẩn, Thược dược thì thu công hiệu được dễ dàng như nhặt hạt cài vây.
- Đàn bà nhiệt nhập huyết thất, già Dương quy vị, hồng hoa.
- Đàn ông có chứng nhiệt nhập huyết thất (1) già sinh địa hoàng.
- Đàn bà thương hàn không có biếu chứng, nón nhiều, già đại hoàng, nặng hơn nữa già Mang tiêu.

Nhận xét : Phương này, theo Thợ thê (thương hàn chư phương/5) có Bạch linh, không có Trần bì

(1) Nhiệt nhập huyết thất đàn ông : huyết, chỉ vào tạng can, cho rằng là cái bể chữa khi bệnh biến nở lại vượt.

## VII

Thú bảy thang Đại hoàng, Quế chi  
 Túc dương minh truyền chí tỳ gia  
     Bởi nèo dương kinh nhiệt tà,  
     Âm kinh truyền chí thực là phải bay.  
     Phúc trung thống mân hăng đầy,  
     Miệng khô mà khát chân tay ôn hòa,  
     Mạch trâm có lực cùng ra,  
     Tức hạ vị phủ nhiệt tà lợi đi.

### 7. Quế chi đại hoàng thang

Chữa bệnh ở Túc Thái âm tỳ, bụng đầy đau, họng khô, khát, tay chân ấm áp, mạch trâm có lực, đó là vì nhiệt tà kinh dương truyền vào kinh âm.

#### Công thức

Quế chi,	Thược dược,	Đại hoàng,
Chỉ thực,	Sài hồ,	Cam thảo

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả, sắc uống lúc sáng sớm.

Dùng Bình lang mài lấy nước đặc 3 muỗng, pha vào uống khi còn ấm.

Kinh này bụng đầy, không sợ lạnh mà suyên gia Đại phúc bì bỏ Cam thảo.

## VIII

Thú tám gia vị Lý trung ấm  
 Túc thiếu âm thận cảm tà lai,  
     Tự lợi, bất lợi, khôn nài,  
     Hữu khát, hư khát mạch lai hư trâm.

### 8. Gia vị lý trung ấm

Chữa chứng đi lỏng hoặc đại tiện không thông, đó là chứng tạng hàn, Túc Thiếu âm thận bị bệnh, khát nước hoặc không khát, không nóng, mạch trâm, vô lực.

#### Công thức:

Can khương,	Nhục quế,	
Nhân sâm,	Bạch truật,	
Bạch linh,	Trần bì,	Cam thảo,

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả, sắc xong, khi uống cho vào 1 muỗng đất vách cũ đã sao. Hoà đất vách cũ vào để uống là đem thô khi trợ vị khí, kinh này đau bụng, bụng mềm, thường đầy thì bớt Cam thảo.

## GIA GIẢM

- Nôn mửa, gia Bán ha, nước gừng.
- Nǎm cõ trầm trọng, đi lỏng không thôi, gia chút ít Phụ tử.
- Sau khi đi ngoài mình mấy đau nhức, phải gia Phụ tử để gây ấm ngay.
- Đi lỏng, đau bụng gia Mộc hương mài với nước gừng hòa vào uống.
- Chứng Quyết âm tiêu khát, khí xung lên tâm, đói không thiết ăn, ăn vào mửa ra lãi ngay, đại tiện phân Táo gia Đại hoàng với ít mật để thông lợi.

Nhận xét : Phương này theo Thọ thế Thương hàn chư phương (7) gọi là Gia vị Lý trung thang, không có Bạch linh.

## IX

Thứ chín, Phương nhân trần thang ẩm.  
Trúc thái âm tỳ,  
Bụng đầy, minh mắt phát vàng.  
Tiểu tiện không lợi, đại trường thực kiên phân táo.  
Đầu hàn đến cổ thì thôi,  
Mạch lai trầm trọng, khát phiến đôi khi.  
Nhân trần liền có Sơn chi,  
Đại hoàng, Chỉ thực dùng thì khá thông.

## 9. Nhân trần tướng quân thang

Chữa da vàng do Trúc Thái âm tỳ, minh mắt đều vàng, tiểu tiện không lợi, đại tiện rắn, thường khát nước, hoặc ra mồ hôi đầu mà chỉ ra đến cổ trở lại, mạch lai trầm trọng, nên dùng bài này.

### Công thức:

Nhân trần,	Đại Hoàng,	Chi tử,
Hoàng cầm,	Hậu phác, .	Chỉ thực,
Cam thảo.		

Các vị trên dùng 2 chén nước, gừng 3 miếng. Đắng tâm 1 nắm, sắc cho uống âm.

Đại tiện tự điều hòa thì bỏ Đại hoàng, Hậu phác, gia Đại phúc bì để thông lợi.

Nhận xét : Phương này theo Thọ thế (Thương hàn chư phương 8) có dùng Hoạt thạch.

## X

Thứ mười, phương danh rằng Đạo xích  
Chủ nhiệt tà súc tích hạ tiêu,  
Tiểu tiện chẳng thấy lợi nhiều,

Vừa khó vừa ít, khát kha càng phiền,  
Phép dùng dì lợi vi tiên,  
Phục được thuốc ấy thì liền lợi ra,  
Dù thấy dương minh hàn da,  
Dì lợi vi giới thực là khá răn.

## 10. Đạo xích ẩm

Chữa chứng thương hàn tiểu tiện không lợi, hoặc hạ tiêu tích nhiệt, hoặc uống nước nhiều quá, hoặc tiểu tiện ngắn, đờ mà khát; mạch trám sắc thì lợi tiểu tiện trước, nhưng sau khi phát hàn thì mất tân dịch với chứng Dương minh ra nhiều mồ hôi thì chớ nên cho lợi tiểu nữa.

### Công thức:

Trư linh,	Trạch tả,	Xích phục linh,
Quế Chi,	Bạch truật,	Hoạt thạch,
Sơn chỉ tử,	Cam thảo.	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 1 miếng, đắng tâm 20 cái. Cho vào một ít muối (xúc nửa đồng tiền) hòa với thuốc mà uống.

### GIA GIẢM

- Trúng thấp, minh mắt da vàng, già Nhân trần.
- Có thủy khí kết ở lồng ngực, già Mộc thông, Đắng tâm.
- Tiểu tiện không lợi mà ra mồ hôi đầu là dương thoát, không dùng được bài này. Nếu khi khỏi bệnh không sốt nóng, chỉ nói làm nhảm, phiền toái không yên, tinh thần đổi khác, không dám gặp người thì nên dùng bài này mà chữa.

## XI

Thứ mươi một, Lục nhật thuận khí.  
Chủ nhiệt là truyền lý sơ phân  
Tung chấn vứt áo nằm trần,  
Bồn chồn vật vã, tay chân càng phiền,  
Kết thực khẩu táo yết cản  
Thoát nóng nói sảng, vọng ngôn, loạn cuồng,  
Dương quyết triều nhiệt han hoảng  
Tự hàn, phúc trường, rắn càng đau ê,  
Và thêm bì mẩn nhiều tể (quanh rốn)  
Chữa bấy nhiêu chứng đang khi hiểm nghèo.

## 11) Lục nhật thuận ký thang

Chủ trị chứng thương hàn, nhiệt tà vào phần lý đại tiện rắn miệng ráo họng khô, sợ nóng nói nhảm, tung chấn cởi áo, nói cằn, khoa tay múa chân, phát vàng da, phát ban, chứng quyết

âm, sot cơn, tự đổ mồ hôi, bụng trương đầy rắn, quanh rốn đau, tức... đều chữa được cả, công hiệu của.

## Công thức

Đại hoàng,	Chỉ thực,	Hậu phác
Mang tiêu,	Sài hồ,	Hoàng cầm
Cam thảo,	Thược dược	

Các vị trên, trước hết dùng hai chén nước, đun sôi ba đạo rồi cho 8 vị kia vào sắc còn 8 phần. Cho vào ba muỗng nước gí sắt hòa lẫn uống, lấy nghĩa tính của sắc là trầm nặng, giải nhiệt rất hay, khai binh như thần, thật là một phép báu.

Sốt cơn, tự ra mồ hôi, nói sáng, phát sốt, khoa tay múa chân, tung chăn cởi áo, nói càm bậy, phát ban, phát vàng da, đại tiện táo bón... đều thuộc chứng Dương minh vị phù, nên theo đúng phương này.

Nếu đi lỏng ra thuần nước trong, dưới tâm rắn đau mà khát nước là bệnh thuộc kinh Thiếu âm, theo phương này.

Nói sáng, khát nước, đại tiện rắn, cần cho hạ gấp. Bệnh nhiệt mất trông không rõ các vật là bệnh đã nặng lắm rồi, chỉ cần phải hạ ngay, theo phương này.

Mắt trông vật không rõ là mắt không tinh, chuyển thuộc khí là bão đi lỏng, có phân táo, nên hạ theo phương này, nếu đi đại tiện được là khỏi.

Chứng két hung dưới tâm đau rắn, tay không dám sờ vào, táo khát nói sáng, đại tiện rắn, theo phương này bỏ Cam thảo gia Cam toại, Cát cánh.

Phàm thương hàn truyền kinh đối với người già yếu, hoặc người huyết khí đều hư, hoặc đàn bà sau đẻ mà có chứng hạ hoặc hạ rồi không khỏi, hoặc biểu chứng chưa trừ mà lý chứng lại cấp, dùng thang này bỏ Mang tiêu, hạ thì khỏi nhưng sợ nóng vội nên có lời răn này.

## XII

Mười hai, thang Như thần Bạch bồ,  
Khát nóng minh mà đổ mồ hôi.  
Thấy mạch phù hồng thường lui,  
Hàn đã bắt giải khát thay càng buồn

### 12) Như thần bạch hổ thang

Chữa chứng minh nóng khát ra mồ hôi không khỏi, hoặc kinh qua phát hán không khỏi, mạch lại phù hồng, nên dùng bài này.<sup>1</sup>

## Công thức

Thạch cao	Trì mẫu	Cam thảo
Nhân sâm	Ngũ vị tử	Mạch môn

Sơn chi tử

(1) Như thần bạch hổ thang : túc Bạch hổ thang phối với Sinh mạch tán bò gao tè, gia Sơn chi tử mà nén.

Các vị trên, dùng 2 chén nước, gừng 3 nhát, táo 1 quả. Gia 10 lá tre (Đạm trúc diệp), sắc cho uống âm.

- Trong lòng bút rút, gia 1 lọn Trúc nhụ.
- Phát nhiều trong lòng bút rút, lung sơ lạnh, theo phương này mà bỏ Sơn chi tử, gia Thiên hoa phán.
- Nếu không khát thì không nên uống phương này.

### XIII

Mười ba thang Tam hoàng phương giải (Thạch cao)

Chủ dương độc, bệnh phái sốt thay

Vàng minh vàng khắp chân tay

Ngoài da lốm đốm xem tày hòn son

Hai con mắt đỏ ngòm ngòm

Táo khát muôn chết chín khôn làm dùng

Lục mạch đều thấy đại hồng

Kêu rên, cuồng dại, nói rông Khôn-hàn

Răng vàng mặt đỏ tỳ can

Quý khinh hoại chứng hẫu nén bệnh nghèo

Biểu lý kết nhiệt làm sao

Hầu nén phát hán bệnh nào không lui

Lại mong thuốc hạ cho rồi

Đại tiện tần sắc nhặt thôi khốn nàn

Tiểu tiện chẳng lợi gian nan

Át cổ lâm chữa biến nén chứng này

Hoặc là bảy tám chín ngày

Quá khinh hán hạ chẳng hay bê dừng

Mạch còn hồn sắc tăng tăng

Sốt rét co quắp mình hăng nặng thay

Hầu mong nội trị chứng này

Do biểu chưa giải khôn hay làm dùng

Lại mong làm thuốc ngoại công

Lý chứng lại cấp chẳng xong một bê

Tra tay không dám rụt rè.

Chờ chết thôi hì ? chứng nguy khốn nghèo

Chẳng hay bệnh chốn tam tiêu

Bế tắc kinh lạc thuốc liều không xong

Tân dịch vinh vượng bất thông

Bèn nén chứng áy trong lòng bất thông

Lại rằng hân hạ lâu chảy

Tam tiêu sinh nhiệt mạch nay sắc hồng

Mơ màng mạch nhảm nói rông

Đêm ngày suyễn cấp mũi rồng máu ra

Vàng khắp đầu mặt mình da

Thét gào muồn chạy thật là gian nguy

Phương này điêu hạ trị chi

## 13) Tam hoàng thạch cao thang

Chữa chứng dương độc phát ban, minh vàng như bôi son, kêu la chạy cuồng, mạch lại hồng đại, táo khát sắp chết mũi khô, mặt đỏ, răng vàng, quá kinh mà bệnh không giải được đến nỗi thành hoại chứng, biểu lý kết nhiệt, phát hán. Cũng có trường hợp chữa lâm mà trở thành hoại chứng, lại có khi bệnh qua 8-9 ngày sau khi đã phát hán và cho hạ rồi mạch hồng sắc, minh nóng dữ, co quắp trầm trọng, muồn chữa ở trong thì phân biếu chưa khởi, muồn phát biểu thì chứng ở lý lại gấp, lân chấn không dám chữa, chỉ chờ chết mà thôi. Không biết rằng bệnh ở tam tiêu sinh nhiệt, mạch hồng sắc, nói sảng không thôi, kêu gào muồn chạy... ngày đêm suyễn thở, mũi thường chảy máu, minh mắt đều vàng. Tất cả các chứng đó thường dùng bài thuốc này chữa rất hay mà người không biết.

### Công thức

Thạch cao

Hoàng liên

Hoàng bà

Hoàng cầm

Ma hoàng

Chi tử

Đậu sị

Các vị trên nước 2 chén, Gừng 3 miếng, Táo 1 quả. Cho 1 dùm trà vụn vào sắc uống nóng.

## XIV

Mười bốn thang, Tam hoàng Cự thắng

Chủ dương độc các chứng bão hay

Phát ban, cuồng loạn, sốt thay

Vọng ngôn, mục xích đêm ngày kêu rên

Mạch hồng 6 chí hàng mau

Đại tiện kết thực, lẽ nào không thông

Thương khi xuyễn cấp chẳng xong

Dái co lưỡi thụt chữa tòng cho hay

Dùng quyền lập một phương này

Chữa bảy nhiêu chứng hiệu thay lạ thường

## 14) Tam hoàng cự thắng tham

Chữa trứng dương độc phát ban, phát vàng da, mè cuồng, nói sảng, khát nhiều, kêu rên,

mắt đỏ, mạch sác, đại tiện táo bón không thông, khí đưa lên, thở gấp, lưỡi thút dài co, khó chữa, tạm lập phương này để cứu vãn.

Công thức: Túc Tam hoàng thạch cao thang bỏ Ma hoàng, Đậu sị, gia Đại hoàng, Mang tiêu. Các vị dùng 2 chén nước, gừng 1 miếng, táo 2 quả.

Sắc thuốc xong rồi cho 2 muỗng nước bùn vào, lọc trong cho uống, khỏi ngay.

Nhật xét : Phương này theo Thọ thể bảo nguyên (Thương hàn chư phương/14) chỉ có thực, Cam thảo.

## XV

Mười năm, Xung hòa Linh bảo âm  
 Chủ thương hàn lưỡng cảm khôn xong  
 Sơ bệnh khởi tự đầu đồng  
 Ố hàn phát nhiệt trong lòng chẳng an  
 Rối liền khẩu táo thiệt can  
 Dương thụ bệnh trước vậy thi thử đi  
 Phải phương liên đá túc thì  
 Biết tay biểu lý hợp suy mà dùng  
 Cho hay quyền biến đạo thường  
 Cứu biểu cứu lý hai đường khá phản.

### 15) Xung hòa linh bảo âm

Chữa chứng thương hàn lưỡng cảm (1) bắt đầu sợ lạnh phát sốt, miệng khô lưỡi rào, vì kinh dương mắc bệnh trước nhiều, dùng thang này để thăm dò xem, trúng bệnh thì khỏi ngay.

#### Công thức :

Khương hoạt,	Phòng phong,	Xuyên khung,
Sinh địa,	Té tân	Hoàng cầm
Sài hồ,	Cam thảo,	Can khương
Thách cao,	Bạch chí	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 2 quả. Cho vào 2 dùm đậu đen sắc uống âm, ra được chút mồ hôi là khỏi. Nếu không khỏi biểu chứng nhiều mà rất sợ lạnh mới nên dùng Ma

(1) Lưỡng cảm. Có hai nghĩa :

- a) Chỉ vào hai kinh âm dương biểu lý đồng bị bệnh, lại gọi là "thương hàn hương cảm", như đã có chứng thái dương kinh biểu chứng đau đầu phát sốt, đồng thời có chứng thiếu âm như tinh thần mệt mỏi, chân tay lạnh, mạch vi.
- b) "trùng cảm", cảm phải bệnh tà trùng phục như tạng phú vốn có tính nhiệt còn bị ngoại cảm phong hàn nữa, xuất hiện chứng hậu cả biểu lẩn lý.

hoàng, Càn cát để giải biếu, lý chứng nhiều mà rất gấp trước dùng Điều vị thừa khí thang để công lý. Nếu bệnh trực trùng vào kinh âm, phát sốt đi lóng, mồ hôi đau nhức, mạch trầm tê vô lực, không khát nước thì tách biếu chứng lý chứng ra mà chữa, đó là phép truyền biến lớn.

## XVI

Mười sáu, thang Đào nhàn thừa khí,  
Chú nhiệt, tà truyền lý sở thương,  
Bởi nhân nhiệt kết băng quang, (1)  
Khiến người giãy giụa băng đường tĩnh say,  
    Tiểu tiện tự lợi ra rày,  
Đại tiện phân táo, rắn nay thành hòn,  
    Tiểu phúc đầy tức bồn chồn,  
Vàng da, nói sảng, nói nhăng, khát phiền,  
    Mạch hồng hưu lực khá nên,  
Hạ hết táo vật vây bèn được yên,  
    Dù thấy vị phục chi tiên,  
Nhi huyết tự hạ chẳng nên uống rày,  
    Tật nhiều sẩy đỡ liên tay,  
Có mười vị thuốc mà hay lạ lùng,

### 16) Đào nhân thừa khí thang đổi tử

Chữa chứng nhiệt tà truyền vào lý, nhiệt kết băng quang, người như mè cuồng, tiểu tiện tự lợi, đại tiện phân táo, bụng dưới đầy đau mình và mắt vàng ra, nói nhảm, táo khát, là chứng súc huyết, mạch trầm có lực, nên dùng phương này để hạ hết phân táo là khỏi, nếu chưa uống thuốc mà huyết đã tự ra trước là khấp khỏi, không nên uống nữa.

#### Công thức :

Đào nhân,	Quế chi,	Mang tiêu,
Đại hoàng,	Thược dược,	Sài hồ,
Thanh bì,	Cam thảo,	Đương quy,

Chỉ xác

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, sắc uống. Sắc nước Tô mộc lấy ba muỗng hòa lẫn vào cho uống.

(1) Nhiệt băng quang. Vị trí của băng quang ở hạ tiêu là phủ của kinh Túc thái dương như bệnh thái dương hàn không giải, hoá nhiệt nhập lý, tà nhiệt kết hợp với huyết khí theo kinh mạch mà kết ở băng quang, xuất hiện các chứng bụng dưới rắn đầy, đau gò không chịu được, phát sốt mà không sợ lạnh, thậm chí như cuồng gọi là "kết nhiệt băng quang".

## XVII

Mười bảy, thang Tiêu ban Thanh đại,  
Chủ nhiệt tà, nội thực ngoại hư.  
Bồi nhân huyết nhiệt bất trù,  
Cho nên thừa nhiệt tà sơ nhập bì  
Mọc ra mảng mẩy đôi khi,  
Bé như chấn tử, nồng thi cảm ván  
Bồn chồn ngứa ngáy mười phân  
Chẳng hay lở nát nhiều phần hôi tanh,  
Hoặc là bảo thuốc dương kinh,  
Nhầm cho thuốc nhiệt mới thành gian nguy.  
Hoặc nên hạ bất hạ chí  
Hạ rồi không khỏi cùng thi biến ra  
Đều chẳng khả hàn chí là,  
Đại tiện táo rắn hợp gia Đại hoàng,  
Bỏ rây Nhân sâm chẳng màng,  
Biểu hư lý thực đích phương bí truyền,

### 17. Tiêu ban thanh đại ẩm.

Chữa chứng nhiệt tà truyền vào lý, lý thuộc hư, huyết nhiệt không tan, khí tràn ra bì phu, hoặc vốn thuộc dương uống lầm thuốc nóng, hoặc nên hạ mà không hạ, hoặc hạ rồi không khỏi... đều không nên phát hàn, nếu tiện thực gia Đại hoàng bỏ Nhân Sâm.

#### Công thức :

Hoàng liên,	Trị mầu,	Thạch cao
Cam thảo,	Huyền sâm,	Sài hồ
Nhân sâm,	Sinh địa,	Thanh đại
Tè giác,	Sơn chi tử,	

Các vị trên dùng nước 2 chén, gừng sống 3 miếng, táo 2 quả, thuốc sắc tới ché vào một muỗng dấm mà uống.

## XVIII

Mười tám, thang Cảm, Liên, Sinh địa,  
Chủ các chứng ty nực thành lưu  
Nhiệt độc xâm nhập khà àu  
Kíp cùng phương áp kíp hèo khà yên.

### 18) Sinh địa cầm liên thang

Chủ trị các chứng đổ máu cam chảy ròng ròng, lâu ngày không dứt do nhiệt độc xâm nhập vào, ra máu mũi không ngừng.

#### Công thức :

Hoàng cầm,	Cát cánh,	Hoàng liên,
Sinh địa,	Sài hồ,	Xuyên khung
Sơn chi,	Tè giác,	Thược dược
Cam thảo		

Nếu không có Tè giác thì thay bằng Thăng ma, các vị dùng nước 2 chén, gừng 1 miếng, táo 2 quả, sắc còn 8 phần, dùng nước sắc rẽ tranh, mài mực Tàu hoà vào uống, nếu không có rẽ tranh thì dùng Ngó sen, nếu ra nhiều máu nói sảng, mắt tinh thần, bắt chuồn chuồn, nhắm mắt, hôn mê không biết gì cũng chữa bằng cách này.

## XIX

Mười chín, Thang Địa hoàng gia vị,  
Chủ táo phiền thầu thủy bất an,  
Thượng tiêu ú huyệt gian na,  
Nuốt nước không xuống, xày nên vảy là,

### 19) Gia vị Tè giác địa hoàng thang

Chữa chứng phiền táo, chỉ súc miệng nước không nuốt xuống được, vì thượng tiêu cớ ú huyệt, nên dùng :

#### Công thức :

Đương quy,	Tè giác,	Sinh địa hoàng,
Đơn bì,	Thược dược,	Cam thảo,
Cát cánh,	Hồng hoa,	Trần bì (sao)

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng sắc đến thuốc tới, dùng Ngó sen tươi giã vắt lấy nước 3 muỗng, chế vào hâm lại âm ấm mà uống.

## XX

Hai mươi, thang hồi dương cứu cấp,  
Trị hàn ta trực nhập âm kinh  
Nên chán hàn chứng đã đánh,  
Mà xưa chẳng có nóng minh sốt đâu.  
Nhưng nhung chẳng có nhức đầu,

Tay chân run rẩy dạ đau bối hối,  
Chẳng khát mửa tháo đòi lui.  
Kéo áo tự đắp, nằm ngồi quắp co,  
Móng tay môi mép xanh mờ,  
Đờm sôi bọt dài mặc dầu nó ra,  
Mạch trầm vô lực đáy là,  
Hoặc chỉ không mạch chứng đà chín khôn,  
Hợp dùng bổ tể cấp ôn.  
Cam hương, Phụ tử chó còn hồ nghi.

## 20) Hồi dương cứu cấp thang

Chủ trị chứng do hàn tà trúng thẳng vào âm kinh, thoát tiên đau đầu ; mình không nóng, chỉ sợ lạnh, chân tay lạnh toát, rét run, đau bụng thô tả, không khát nước, tự kéo chăn đắp, nằm co, trầm trọng, dày mà không có sức, nên dùng

### Công thức:

Nhân sâm,	Can hương,	Thục phụ tử,
Chích thảo,	Nhục quế,	Bạch truật,
Phục linh,	Trần bì,	Bán hạ
Ngũ vị tử.		

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng sắc tối, cho vào 3 ly Xạ hương quậy tan cho uống. Trúng bệnh rồi thì chuyển dùng thuốc khác bình hòa hơn để gây ấm mà không nên uống nhiều thuốc này nó lại sinh bệnh khác.

Sau nên dùng Lý trung thang gia giảm mà chữa thì không hại gì.

### GIA GIẢM

- Nôn mửa đờm dài hoặc đau bụng dưới gia Ngô thù du tẩm nước muối sao.
- Nếu không thấy mạch gia 1 muỗng nước mật theo.
- Di tả không ngừng gia Thăng ma Hoàng kỳ.
- Nôn mửa không ngừng gia nước gừng.

### XXI

Hai mươi một, Hồi dương phản bắn,  
Chủ âm thịnh hư tổn cách dương.  
Dược cực phát tán không đương  
Mặt đỏ, hơi khát bằng đương sốt thay,  
Hoặc muốn ngồi giêng nước đáy  
Hoặc muốn nằm ướt, lăn ngay giữa bùn,  
Mạch đến vô lực, bồn chồn,

Hoặc toàn không mạch, chỉn khôn thay là,  
Nhân Trai xưa đã nói ra,  
Khát không muốn uống thì ta khá dùng,

## 21) Hồi dương phản bǎn thang

Chữa chứng "âm thịnh cách dương", "Dương cực phát táo" hoi khát, mặt đỏ, muốn nằm ngồi ở bùn, nước, trong giếng, mạch vô lực hoặc mạch toàn không, sắp tuyệt thì nên dùng bài này.

Nhân Trai nói : "Khát uống nước mà không muốn nuốt vào là đúng, nếu uống nước vào là không đúng".

### Công thức:

Thục Phủ tử,	Can khương,	Nhân sâm,
Cam thảo,	Mạch môn,	Trà hương
Trần bì,	Ngũ vị tử.	

Các vị trên đây, dùng nước 2 chén, sắc uống. Khi uống chè vào 5 thia mật, uống hết, lấy ra được mồ hôi là công hiệu. Mặt đỏ bừng là phần dưới hư, gia 7 củ hành bóc trắng, Hoàng liên chút ít, dùng nước bùn l้าง trong hòa vào uống.

## XXII

Hai mươi hai, Sài hồ Bách hợp  
Chủ bệnh mới khỏi hay trầm hôn,  
Thất tình nói sảng bồn chồn,  
Bách hợp, lao phục le khôn dùng làm.

## 22) Sài hồ bách hợp thang

Chữa trường hợp bệnh mới khỏi, người lịm lịm phát sốt, khát nước, nổ sảng lỗ lộn, mắt thâm... và các chứng lao phục, bách hợp.

### Công thức:

Sài hồ,	Nhân sâm,	Hoàng cầm,
Bách hợp,	Cam thảo,	Tri mẫu
Sinh địa,	Trần bì,	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả. Yếm cua định, tắm dấm nướng, sắc cho uống nóng.

### Gia giảm:

- Khát nước gia Thiên hoa phán.
- Trong ngực nóng bức rút, gia Sơn chi nhân.
- Có chút mồ hôi dầu, gia Xuyên khung, Khương hoạt.

- Nôn mửa, gia Bán hạ tẩm gừng sao.
- Trong ngực hụ phiền, gia Trúc nhụ, Trúc diệp.
- Sau đó nôn khan nói sảng, mất thần, rên rỉ, mê muội chảng yên, gia Hoàng liên, Tè giác.
- Ho, gia Hạnh nhân.
- Bách hợp bệnh (1), gia Ma hoàng.
- Trong lòng sợ sệt là huyết kém, gia Dương quy, Phục linh, Viễn chí.
- Tỳ suy, gia Bạch truật.
- Sỏi bụng, gia Gừng lùi.
- Bệnh lao phục sốt mãi không khỏi, gia Đinh lich, Ô mai, nước cốt gừng

### XXIII

Hai mươi ba, dùng thang Như thánh  
Chủ cương nhu xí bệnh càng khôn  
Lắc đầu, ngậm miệng bồn chồn  
Chân tay co quắp, rãy run chờ vờ,  
Hèn vì tròng mắt trương ra,  
Đỏ mặt cứng cổ thực là không xong,  
Phép làm với xiết túng đồng.

### 23) Như thánh ấm

Chữa chứng Cương xí Nhu xí, lắc đầu, ngậm miệng, mình uốn ván, chân tay co quắp, mặt đỏ, cổ cứng, cách chữa y như bệnh xiết túng (2)

#### Công thức:

Khương hoạt	Phong phong	Xuyên khung
Bạch chỉ	Sài hô	Thược dược
Ô mai	Dương quy	Hoàng cầm
Bán hạ		

(một phương có Trần bì, một phương có Cam thảo)

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 nhát, sắc tới, dùng Trúc lich, Khương trảp hoà lẩn vào đun ấm lại cho uống.

- 
- (1) Bách hợp, bệnh danh xuất xứ Kim quý yếu lược. Trâm mạch 1 dòng đều bệnh hết ý muốn ăn lại không ăn được hay lịm lịm nằm lại chảng nằm, muôn đi lại chảng đi được, ăn uống có lúc ngon lúc không nghe được mùi đồ ăn, như lạnh mà không lạnh như nóng mà không nóng, miệng đắng, tiểu nước đờ, các thuốc không chữa được, uống thuốc thì mưa dù, làm như có ma quỷ nó ám ánh vậy.
  - (2) Xiết túng. Gân mạch co rút gọi là xiết mạch xuôi lù, gọi là túng, do phong nhiệt bắc nhau trong kinh lạc mà xảy ra chữa phải khu phong, rửa rãy cái nhiệt.

## GIA GIẢM

- Có mồ hôi là chứng nhu xì, già Bạch truật, Quế chi.
- Không có mồ hôi là chứng cương xì, già Thương truật, Ma hoàng Cầm khâu, nghiên răng nếu đại tiện thắc già Đại hoàng đê thông.

## XXIV

Hai mươi bốn Ôn kinh Ích nguyên tán  
 Chủ trị nhân hàn hau đại hу  
     Quay đầu chóng mặt bơ phở  
 Lào đào muôn ngã ngồi đè chảng yên  
     Hoặc là mày thịt đông gân  
 Hoặc nhân hàn hau bồi phản quá da  
     Vẽ hу vong dương chảng hoa  
 Mồ hôi tẩm tả, thảy ra chảng dừng  
     Huyết vịnh, khí vệ thương  
 Bời nhân hàn hau minh cảm đau è

### 24) Ôn kinh Ích nguyên tán

Trị chứng vị sau khi ra mồ hôi, quá hу, chóng mặt lào đào muôn ngã xuống đất và mày thịt, giật gân, với nhân phát hàn quá nhiều, vẽ hу dương vong ra mồ hôi không ngừng hoặc sau khi dùng thuốc hа, đi lа mãi không cầm, mình mẩy đau nhức.

#### Công thức:

Thực phu tử	Nhân sâm	Hoàng kỳ
Dương quy	Bạch thược	Sinh địa
Nhục quế	Bạch linh	Bạch truật
Cam thảo	Trần bì	

(một phương không có Phu tử, có Thực địa)

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, táu 1 quả, sắc tới, thêm vào 1 dúng gạo nếp, sắc濃 âm.

## GIA GIẢM

- No đáy, già Chi xác, bò Hoàng kỳ, Sinh địa.
- Người gầy bò, Thược dược, có nhiệt bò Phu tử, Dương quy, già Bạch truật sao, Thăng ma, Đát vách cù.
- Nôn mửa già Bán hạ, chè bǎng nước gừng
- Khát, già thiên hoa phan.

- Sau khi ra mồ hôi sợ gió lạnh là thuốc biếu hư, bỏ Phụ tử, Nhục quế, Sinh địa, gia Quế chi, kẹo Mạch nha.

## XXV

Hai mươi lăm, Tiêu dao thang phục  
Nhân bởi lâm dâm dục mà nên  
Vì sơ cảm mạo phong hàn  
Quấy động huyết khí vây bèn phải đau  
Ăn ngon nằm ngủ chẳng âu sú gì  
Tuy răng hôm sớm đi vê  
Song nơi thân xá nó thi chưa yên  
Một cơn gió giập thổi tràn  
Động nơi lửa dục cháy lên rầm rầm  
Nhiêm nén tật dữ chẳng lâm  
Cấp như phong hoả, cao bằng núi non  
Áy là lao phục bệnh nhân  
Này âm dương lịch (1) lại bàn cho hay  
Chồng đau vợ phải chịu thay  
Gọi là "dương dịch" chứng này khá lo  
Vợ đau chồng phải chịu cho  
Gọi là "âm dịch" mặc dù đổi thay  
Trượng phu ghn đáy cho hay  
Áy gươm hồng phán nó hay giết ngầm  
Trót đã mê mệt đợi lâm  
Vội tìm đơn thuốc thiên cầm (kim) gia truyền  
Tiêu dao thang áy thuốc tiên

### 25) Tiêu dao thang

Chữa chứng thương hàn mới khói, huyết khí chưa bình hoà, gân mạch mỏi mệt, nóng lại trở về kinh lạc, nhân khi giao cấu mà bệnh tái phát gọi là "lao phục". Giao cấu mà người khỏe phải bệnh gọi là âm dương dịch, thường thấy bệnh nhân lười thè ra vài tát mà chết cũng nhiều. Bệnh này rất khó chữa, nên dùng bài này.

#### Công thức :

Nhân sâm	Trí mẫu, (vốn trước có đau bụng, già bội lên)
Trúc thanh	Hoàng liên

(1) Âm dương dịch : Gọi là phạm phòng xem phần Nam được thán hiệu trang 91 cùng sách

Hoạt thạch

Sinh địa

Sài hồ

Té giác

Cam thảo (sống)

Rẽ hẹ

Các vị trên, gừng 3 miếng, táo 2 quả sắc đến thuốc tối, dùng một cái đai quần dơ của đàn bà, đốt tán nhỏ 1 đồng phân hoà vào cho uống, hễ ra mồ hôi dính là khỏi, nếu không thấy ra mồ hôi thì làm cho uống lần nữa, hễ đái ra được, chỗ đầu âm khí sưng lên là khỏi.

## XXVI

Hai mươi sáu, Thăng dương tán hoả

Chủ bệnh nhân xoa thủ mạo hung

Hai tay chấp ở nương long

Mǎn giường sờ áo mơ màng chẳng hay

Thì thầm nói quái tỉnh say

Người ta han hổi chẳng hay sự gì

Hại thay gặp phải dung y

Quyết là phong chứng tức thi chữa phong

Lầm người bởi nghỉ chẳng thông

Ai hay chứng áy toát không (1) đâu là

Bởi nhân nguyên khí cứu hư

Vậy nên Can nhiệt lại thừa phế cảm (kim)

Khí hư khôn chước giữ cầm

Bao nhiêu thầy thuốc chẳng làm cũng hay

Tiểu tiện có lợi lành thay

Dùng được thuốc này phúc người mạnh ta

### 26) Thăng dương tán hoả thang

Chữa trường hợp bệnh nhân chấp tay ôm vào ngực, lắn áo sờ giường, nói sảng, mê mệt không biết gì, các thầy thuốc kém không hiểu, thấy vậy đã cho là phong rồi dùng thuốc chữa phong, làm chết người rất nhiều. Họ không biết mồ hôi nóng lại tràn lấn phế kim, nguyên khí hư không tự chủ được, gọi là "toát không", tiểu tiện không lợi thì chữa được, không thông lợi thì không chữa được.

#### Công thức:

Nhân sâm

Đương quy

Hoàng cầm

Sài hồ

Mạch môn

Thược dược

Bạch truật

Bạch linh

Trần bì

Cam thảo.

(1) Toát không : Bắt chuồn chuồn,

# <https://vnras.com/drug/>

Các vị trên, dùng nước hai chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả. Thả đờ trang sức bằng kim loại vào sắc tối cho uống nóng. Có đòn già Bán hạ, tẩm gừng sao, Đại tiện rắn, nỗi sảng, khát nước già Đại hoàng, ỉa chảy già Thăng ma, Bạch truật sao.

## XXVII

Hai mươi bảy, tên rắng Tái tạo  
 Bất tác hân chứng bảo vô dương  
     Sợ bệnh nhức đầu đau lưng  
 Nóng mình sốt rét chẳng tung mô hôi  
     Tựa thái dương chứng bảy ôi  
 Thầy phàm chẳng biết lẽ vời khôn phán  
     Thuốc cùng trọng dược đài phán  
 Hoà cương phát hân bội phán khá thương  
     Nào hay rằng vốn vô dương  
 Chứng lâm thuốc lỡ nhiều đường chẳng thông

### 27) Tái tạo ấm

Chữa chứng nhức đầu phát sốt, cứng gáy, cứng sống lưng, sợ lạnh không mô hôi, dùng thuốc phát hân đã hai ba tháng mà không ra mô hôi, thấy kém không biết chứng này, không xét xem quan hệ thời tiết cứ dùng Ma hoàng thuốc mạnh và lửa mà cưỡng cho ra mô hôi, lầm giết người rất nhiều, nào có biết vì dương khí không có nên mới có chứng ấy gọi là chứng vô dương.

#### Công thức:

Hoàng kỳ,	Quế chi,	Nhân sâm
Cam thảo,	Phụ tử,	Khương hoạt
Phòng phong,	Xuyên khung,	Gừng lùi.

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả, thêm 1 dûm Bạch truật cao, sắc sôi ba đạo cho uống ấm. Mùa hè già Hoàng cầm, Thạch cao, mùa đông thì chờ già.

## XXVIII

Hai mươi tám, Hoàng long thang dược,  
 Chữa kết nhiệt lợi những nước trong.  
     Rắn đau phiền khát trong lòng.  
 Uống vào thì lại dòng dòng chảy ra.  
     Thầy phàm không biết thế là  
 Ngờ rằng "lậu để", thuốc hòa cầm ngän  
     Vì băng cứu hoả phóng tan,

Rوم chữa nhà cháy bội phần khá thương.  
 Lầm người thác nghỉ khôn lường.  
 Nào hay là chứng nội thương nhiệt tà,  
 Vị trung táo thực chẳng ngoa,  
 Danh kết nhiệt lợi chứng là phải hay.  
 Chẳng phải nội hàn lợi này,  
 Bởi nhân nhiệt khát chữa xưng,  
 Uống cho hoà mǎn mà sinh như vầy,  
 Có sốt khá dùng phương này.  
 Vô nhiệt lục nhất chứng hay chọn dùng,  
 Nhân thông lại khá dùng thông.

## 28) Hoàng long thang

Chữa trường hợp dưới tâm đau rắn, đi ngoài ra toàn nước trong khát nước, mình nóng, thay kém không biết chứng này, chỉ thấy ỉa lỏng bèn cho là chứng thương hàn ỉa ngày sống trường dùng thuốc nóng để cầm lại giống như ôm cùi đi chữa cháy, lầm làm chết người rất nhiều, không biết rằng vì tà truyền vào lý trong vị táo két, thuốc loại thực kết trường hợp ỉa lỏng này không phải vì lạnh bên trong mà là do tự uống nước thoả mãn mà sinh ra, cần phải hạ ngay, gọi là chứng kết nhiệt mình nóng thì dùng thang này, không nóng thì dùng Lục nhất thuận khi thang ở trên.

### Công thức:

Đại hoàng,	Mang tiêu,	Chỉ thực,
Hậu phác,	Nhân sâm,	Dương quy
Cam thảo,	Cát cánh,	

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 2 quả, sắc uống.

## XXIX

Hai mươi chín, Điều vinh dương vê,  
 Chủ lao lực hàn khí cảm thương  
 Nhức đầu sốt rét khôn đương,  
 Khát nước nhưng thường hăn xuất tráp nhiên  
 Hoà minh phiền muộn đau liên,  
 Mạch hư vô lực hiện lên không phù,  
 Thảy có sốt rét bèn hô thương hàn,  
 Mạch chứng chẳng biết khôn toan,

Hoá pháp đại hàn (1) chứng nên bất tường,  
Nao hay huyết khí nội thương,  
Phong hàn ngoại cảm lê thường khôn phân,  
Bởi nhân lao lực bệnh nhân,  
Dầu mưa dài gió nhọc nhằn gày nèn,  
Thuốc dùng nên chút tân ôn,  
"Ôn năng trừ nhiệt" chữ còn trong kinh.  
Thấy có hạ chứng đã rành  
Đại Sài hô được chính danh khá dùng.

## 29) Điều vinh dưỡng vệ thang

Chữa chứng đau đầu, mồ hôi, khát nước, ra mồ hôi dầm dấp, đau mình, đau ê ẩm ở chân, đùi không có sức, mạch trầm phù, trống rỗng vô lực, thấy thuốc kém không biết chỉ thấy, đau đầu sợ lạnh phát sốt, đã vội cho là thương hàn mà dùng phép hàn, cho nên bệnh nhẹ hóa ra nặng làm hại rất nhiều họ không biết khí hỏa lực quá sức, bên trong khí huyết bị tổn thương, bên ngoài cảm thụ hàn tà, nên gia chút thuốc ngọt cay ám thì khỏi, gọi là chứng "lao lực cảm hàn", cho nên sách Nội kinh nói : "Nhọc thì nên ôn, ôn hay trừ nóng dữ" chính là nghĩa đó.

Nếu có chứng hạ thì dùng Đại Sài hô thang (2)

### Công thức:

Nhân sâm,	Hoàng kỳ,	Bạch truật,
Trần bìm ,	Sài hô,	Cam thảo
Xuyên quy,	Phòng phong,	Khương hoạt,
Tế tân	Xuyên khung,	Sinh địa

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng. Táo 2 quả. Cho vào 2 củ hành, sắc uống âm.

### Gia giảm:

- Nguyên khí kém, gia chút ít Thăng ma.
- Khát nước, gia Thiên hoa phấn, Tri mẫu.
- Ho suyễn, gia Hạnh nhân, Ma hoàng.
- Mồ hôi ra không ngừng, gia Thược dược, bò Thăng ma, Tế tân.
- Trong ngực phiền nóng, gia Sơn chi tử, Trúc nhụ.
- Nôn khan, gia Bán hạ tắm nước gừng sao.

(1) Hoá pháp đại hàn. Dùng lửa cưỡng cho ra mồ hôi.

(2) Đại sài hô thang. (Trọng Cảnh) giải biếu, công lý, chữa chứng Thiếu dương dương minh thương hàn phát sốt, đổ mồ hôi không khỏi, dương là nhập lý, dưới tẩm rắn đầy, nôn mà đi lỏng, hoặc nóng rét qua lại, phiền khát nói sảng, bụng đầy đại tiện bí, biếu chứng giải mà lý chứng lại gấp, mạch hồng hoặc trầm thực, huyền, sắc.

- Ngực đầy tức, già Cát cánh, Chỉ xác, bò Địa hoàng, Cam thảo, Hoàng kỳ, Bạch truật chỉ dùng ít.

- Đờm nhiều già Qua lâu, Bôii mẫu bò Tế tân.
- Dau bụng già Thược dược, Can khương, bò Hoàng kỳ, Bạch truật để điều hoà.
- Có khi vì uất nội thược, đau có nơi chốn, hoặc đi ngoài ra phàn đen, già Đào nhân, Hồng hoa, bò Thược dược, Tế tân, Phòng phong, Khương hoạt, Bạch truật, nặng hơn già Đại hoàng, đi ngoài ra huyết ú thì khỏi sau dùng phương này bò Đại hoàng điều phục.

### XXX

Ba mươi, thang Đạo xích các bán  
Chủ việt kinh tâm loạn thần hôn,  
Thày hay chữa được chứng khôn,  
Ngò thông cảm thụ cẩn nguyên suy cầu,  
Thương hàn mới phải chưng sau.  
Lòng bụng chảng rắn, chảng đau, chảng đầy,  
Chảng có sốt rét đâu nay,  
Đại tiểu tiện rày bình thường người ta  
Xây nên biến chứng đầy là,  
Thần bôn bất ngữ, lè đà khôn xong,  
Ngủ nằm những nói mơ màng,  
Một hai lời nói chảng phân biệt điếu,  
Hoặc là nhẫn xích thần tiêu  
Thiệt can bất cầm chứng nghèo khôn hay,  
Cho thì ăn uống chút chi,  
Chảng cho thì chó, nào hay lo tìm,  
Băng người say ngủ lim dim,  
Thày phàm chảng biết luống thêm-lẩn lâm,  
Nhiệt tà truyền lý thiểu âm,  
Tâm hoả viêm thương, phê cảm (kim) thụ tà,  
Danh "việt kinh" thực không ngoa,  
Trước ngò bệnh chứng sau ta sẽ dùng.

### 30) Đạo xích các bán thang

Chữa người sai khi bệnh thương hàn, dưới tẩm không rắn, trong bụng không đầy, đại tiện như thường, minh không nóng rét, dần biến ra tinh thần hôn mê, không nói, hoặc khi ngủ một mình nói lầm nhầm vài ba câu, mặt đỏ, môi lưỡi khô, không uống nước, cho uống chút ít nước thì nuốt, không cho thì thôi, hình như ngòi say. Thày thuốc kém không biết mà lầm làm chết nhiều

người. Không biết rằng nhiệt truyền vào thủ thiêu âm tâm, trên tâm thông với phê cho nên tinh thần hôn mê, gọi là chứng "viết kinh".

### Công thức:

Hoàng liên,	Cam thảo,	Hoạt thạch,
Sơn chi,	Tri mẫu,	Tê giác,
Phục thần,	Nhân sâm,	Hoàng cầm,
Mạch môn.		

Các vị dùng nước hai chén, gừng 3-miếng, táo 1 quả, đắng tâm 1 nắm sắc uống ấm.

Nhận xét : Trên phần bài ca không có hoàng cầm?

### XXXI

Ba mươi một, ích nguyên thang sứ,  
 Chủ nguyên khí hư hoả thượng thăng  
 Chứng nén diện xích đới dương,  
 Thày quê chẳng biết lẽ thường không xong  
     Học cho biết lẽ biến thông,  
 Toàn vô thân nhiệt đâu đông bất phiền  
     Ráo khô bức tức chẳng yên  
 Âm thủy bất đắc hại nhân nhường này.  
     Thày hèn chẳng biết không hay  
 Răng là nhiệt chứng dùng rầy hàn lương  
     Làm người chết oan khá thương,  
 Nào hay là chứng đới dương hư phiền.

### 31) Ích nguyên thang

Chữa người bệnh hoàn toàn không có chứng minh nóng, đau nhức, không phiền mà táo, bức tức mà không uống nước vào được, đó là chứng nhiệt mà lâm dùng thuốc hàn lương làm chết rất nhiều, không biết rằng do nguyên khí hư yếu, hư hỏa bốc lên đó gọi là chứng "Đối dương"

### Công thức:

Thục phụ tử	Cam thảo	Can khuong
Nhân sâm,	Mạch môn,	Ngũ vị tử,
Hoàng liên,	Tri mẫu,	Thông cẩn (củ hành)
Ngải diệp.		

Các vị trên, dùng nước hai chén, gừng 3 miếng, táo 1 quả ; sắc xong. Chế vào 3 muỗng nước tiểu trẻ em uống nguội 1 lần là hết.

## XXXII

Ba mươi hai, Quέ Linh thanh huyết,  
 Chủ như cuồng, nhiệt kết bàng quang,  
 Tinh thái bất dữ tương dương  
 Táo khát, không sot, phát cuồng chẳng an,  
 Thày phàm không biết bệnh nguyên,  
 Liền cho thuốc hạ xẩy nên lầm người,  
 Thám nhiệt tự tiểu tiện lại,

### 32) Quέ linh ǎm

Chữa người mới mắc bệnh, minh không nóng, nói nhảm, bức rức không yên, có vẻ không thích gặp ai, thấy thuốc kém cho là phát cuồng, dùng lầm thuốc hạ, làm chết người, không biết rằng đó là vì "nhiệt kết bàng quang" gọi là chứng "như cuồng"

#### Công thức:

Trư linh,	Trạch tả,	Quέ chi
Cam thảo	Bạch truật,	tri mẫu,
Hoàng bá,	Sơn chi tử,	Lá tía tô.

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 nhát sắc còn 1 chén, lại gia Hoạt thạch 1 đồng cân, sắc sỏi 3 dạo cho uống ǎm ra được ít mồ hôi thì khỏi.

## XXXIII

Ba mươi ba, Dương quy hoạt huyết,  
 Trị như tuý, không biết không thông,  
 Chẳng có ố hàn đầu đông,  
 Thấy những thân nhiệt trong lòng khát khao,  
 Tiểu tiện lợi đã ào ào,  
 Đại tiện hắc phân đen sao sì sì,  
 Miệng nói không nhớ lời chí  
 Gọi rằng nhiệt chứng dung y dùng lầm,  
 Lấy những lương dược mà làm,  
 Chứng lầm thuốc lở chẳng cam thừa lòng,  
 Ghé huyết, chứng ấy không thông,  
 Tà truyền tâm vị trong lòng hòn mê.

### 33) Dương quy hoạt huyết thang

Chữa trường hợp bệnh nhân không đau đầu, không sợ lạnh, chí nóng, khát nước, tiểu tiện lợi, đại tiện phân đen, miệng ngọng không nói được hay kém thường không hiểu, cho là tà chứng

nhiệt dùng thuốc hàn lương, lâm làm chết nhiều người. Không biết đó là truyền hai kinh tâm vị, khiến cho người ta hôn mê trầm trọng, cho nên gọi là chứng "Hiệp huyết như tuý"

## Công thức:

Dương quy	Xích thược	Hồng hoa
Quế tâm,	Can khương,	Chỉ xác,
Nhân sâm,	Sinh địa,	Đào nhân (giã nát như bùn)
Sài hồ		

Các vị trên dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng, sắc xong ché vào 3 muỗng rượu, hoà lẫn vào mà uống.

Uống 3 thang thì về sau bỏ Đào nhân, Hồng hoa, Can khương, Quế tâm, Gia Bạch truật, phục linh.

## XXXIV

Ba mươi tư, Đao đờm già vị,  
 Chỉ "Hiệp huyết như tuý" chín khôn  
 Đầu đông trầm trọng mê hôn,  
 Thượng khí tức thở, bôn chôn nhiều bể,  
 Tăng hàn tán nhiệt khôn đang  
 Miệng nhiều bịt dãi nhung thường nhổ ra.  
 Thày hèn không biết đấy là,  
 Răng thương hàn chứng thuốc mà trị chi.  
 Chẳng hay tâm động thần bi,  
 Thất tinh, lục dục (1) nó thì quấy ta,  
 Thân bất trú xá (2) khỏi nhà,  
 Đờm mê tâm khiếu, tuý tà (3) hiện nén,

(1) Thất tinh lục dục

- a) Thất tinh. Chỉ 7 thứ biểu hiện thuộc loại tinh chí biến hóa về tinh thần như "mừng" "giận" "buồn" "lo" "thương" "sợ" "kinh" nó phản ánh sự bên ngoài là nhân tố gây bệnh, đấy là nói về mặt tinh thần quá căng thẳng thì có ảnh hưởng đến công năng của khí huyết tạng phủ,
  - b) Lục dục. Chỉ 6 sự ham muốn, như tai muốn nghe những tiếng âm nhạc du dương, mắt muốn trông những sắc đẹp kiều diễm, mũi muốn ngửi những mùi thơm tuyệt trần, miệng muốn ăn những của ngon thượng phẩm, thân thể muốn mặc những lụa là gấm vóc, vì 6 ước muốn ấy mà nó làm cho con người chết lén chết xuống
- (2) Thân bất trú xá: Thần không ở vị trí của nó, vị trí của nó là tâm, tâm tăng thần.
- (3) Đờm mê tâm khiếu, Tuý là triệu chứng thường thấy khi say rượu, khi trúng phong, động kinh, vì đờm khi làm mờ che tâm bào, chứng trạng mơ hồ, rong họng sục đờm, ngực khó chịu, hôn mê bất tỉnh, rêu lưỡi trắng nhạy, mạch hoạt.

Ấy là chứng đờm, loại thương hàn,  
Đạo đờm gia vị Nhị trân đặt tên.

### 34) Gia vị đạo đờm thang

Chữa bệnh nhân sơ rét nóng dữ, nhức đầu, mè man, khí nghịch lên suyễn thở, miệng chảy đờm dài, thầy thuốc kém hiểu, cho là chứng thương hàn làm chết nhiều người, không biết rằng vì nội thương thất tình, đờm làm nghẹt tâm khiếu, thân không ở vị trí của nó, thoát ra ngoài, vị trí trống rỗng thì đờm sinh ra, gọi là chứng "Hiệp đờm như tuý", cũng chữa như bài này.

#### Công thức:

Phục linh,	Nam linh,	Bán hạ
Hoàng cầm,	Chỉ thực,	Bạch truật.
Trần bì,	Cam thảo,	Cát cánh,
Hoàng liên,	Qua lâu nhân,	Nhân sâm

Các vị trên, dùng nước 2 chén, Gừng 3 miếng, táo 2 quả, sắc xong chế trúc lịch, Khương trấp vào, hâm ấm cho uống. Người còn khoẻ thì trước dùng thuốc gáy nôn rồi sau cho dùng thang này.

### XXXV

Ba mươi năm, Điều trung già giảm.  
Chú thực tích loại cảm hàn thương,  
Nhức đầu, sốt rét nhiều đường.  
Khí khẩu khẩn thịnh mạch cường khá suy,  
Hình chảng có đau đón gi,  
Ấy chúc thực tích, bảo thi cho hay,  
Trong kinh có lời rằng nay:  
"Âm thực tự bội, thương nay vị tỳ"  
Nhẹ nhẹ dùng tiêu hóa đi,  
Nặng hơn, thô, hạ, tức thi lại yên.

### 35) Gia vị điều trung ẩm

Chữa trường hợp thực tích giống như thương hàn, nhức đầu phát sốt, sợ lạnh, mạch khí khẩu khẩn thịnh, nhưng mình không, đau là khác với thương hàn. Nội kinh nói : "Ăn uống gấp bội hại đến trường vị" nhẹ thì dùng thuốc tiêu hoá, nặng thì dùng thuốc thô hạ, đó là phép chữa rất hay.

#### Công thức:

Thương truật,	Bạch truật,	Hậu phác,
Trần bì,	Cam thảo,	Sơn tra,

Thần khúc,  
Hoàng liên,

Chỉ thực,  
Can khương.

Thảo quả,

Các vị dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng sắc tới, mài nước Mộc hương hòa vào uống rất hay!

### GIA GIẢM

- Đau bụng gia Đào nhân.
- Đau dữ, đại tiện rắn gia Đại hoàng đế hạ, bồ Sơn tra, Thần khúc, Thảo quả, Can khương.
- Trong lòng nao nao muốn mửa dùng nước sôi 1 chén hoà với 1 dùm muối, 5 phân bột Bồ kết cho uống thì mửa được ngay.

### XXXVI

Ba mươi sáu, Gia giảm Tục mệnh,  
 Chủ cười khi tà thịnh đông toan (1)  
 Lời rằng chứng "loại thương hàn"  
 Nóng mình sốt rét, những van nhức đau,  
 Khắp người chiết thường đau,  
 Khuất nhược chuyển động eo vào chẳng hay,  
 Tiết bí ẩn nghịch thường hay,  
 Chân gối đau mói chứng rày khác nhau  
 Cảm hết thuốc bổ không cầu,  
 Hoặc làm hoặc lở trước sau chờ dùng.

### 36) Gia giảm tục mệnh thang

Chữa chứng "Cước khí loại thương hàn", đầu đau, mình nóng, sợ lạnh, khớp xương chân tay đau nhức, tiết bí, nôn xôn, chân mềm yếu không chuyển động được, chứng này khác với chứng thương hàn là "chân và đầu gối đau nhức". Cảm không được dùng thuốc bổ và ngâm rửa.

#### Công thức:

Phòng phong,  
Xuyên khung,  
Cam thảo,  
Khương hoạt,

Thuốc được,  
Phòng kỵ,  
Ma hoàng,  
Phụ tử.

Bạch truật,  
Quế chi,  
Thương truật.

Các vị trên, dùng nước 2 chén, gừng 3 miếng, Táo 3 quả. Đắng tâm 20 ngọn sắc tới. Chế nước gừng hoà vào mà uống.

VÂN SÁNG

(1) Đông toan. Như toan thông, chỉ đau buốt, đau xốn, đau cắn.

## GIA GIẢM

- Trúng thử vào ba kinh dương, át phát sốt, mạch sắc, bỏ Phụ tử, Quế chi, Ma hoàng, gia Hoàng bá, Hoàng cầm, Sài hồ.

- Trúng hàn vào 3 kinh âm át phát bệnh lạnh, mạch trì, gia Phụ tử,
- Phát bệnh do thấp ôn, Mạch lại yếu, gia Ngưu tất, Mộc qua.
- Phát bệnh do phong thì mạch phù, gia Khương hoạt.
- Nguyên khí hư, gia Nhân sâm chút ít.
- Đại tiện bí, gia Đại hoàng, Chỉ thực.

Nhận xét : Phương này ở Thọ thể không có Phụ tử.

## XXXVII

Ba mươi bảy, Hoàng liên tiêu độc,  
 Chủ âm dương khiên phục vãng lai  
 Thiên thời hành bệnh vi tai  
 Đầu cổ thũng thông, nằm ngồi càng đau,  
 Nóng minh sốt rét nhức đầu,  
 Mạch lai hồng sắc dầu dầu sốt thay.  
 Sá phân trước vốn cho hay,

### 37) Hoàng liên giải độc thang

Chữa bệnh "Đại đau ôn" truyền nhiễm, nhức đầu, ra mồ hôi, sợ lạnh, đầu cổ sưng đau, mạch hồng, chữa theo chứng đờm hoả. Chứng đau họng cũng vậy, dùng phương này.

#### Công thức:

Sài hồ,	Cam thảo,	Cát cánh,
Xuyên khung,	Hoàng cầm,	Kinh giới,
Hoàng liên,	Phòng phong,	Khương hoạt,
Chỉ xác,	Bạch chỉ,	Liên kiều,
Xạ can, (các vị bằng nhau)		

Các vị trên, nước 2 chén, gừng 3 miếng, sắc còn 1 chén, cho Ngưu bàng tử vào 1 dùm sắc lại, sôi 1 dạo rồi.

Chế trúc lịch, Khương trắc vào hòa đều uống. Trước gia Đại hoàng cho đi lòng một hai lần, sau theo phương này mà bỏ Đại hoàng, gia Nhân sâm, Dương quy để điều lý.

## MỤC LỤC

### NAM DƯỢC THẦN HIỆU

Tượng Tuệ Tinh và miếu Nghè	2
Lời nói đầu	7
Tiểu sử của Tuệ Tinh	9
Chùa Giám và đền Thánh Thuốc Nam	
Nguyên bản Nam dược thần hiệu	
Tựa của Hoàng thượng Bản lai	11
Phàm lệ của Vương Thiên Tri	13
<i>Quyển đầu</i>	
<b>Bảng I hình cây thuốc</b>	
<b>Các vị thuốc nam</b>	
1. Loại cỏ hoang (62 vị)	17
2. Loại dây leo (17 vị)	20
3. Loại cỏ mọc ở nước (6 vị)	21
4. Loại ngũ cốc (19 vị)	22
5. Loại rau (46 vị)	23
6. Loại quả (48 vị)	25
7. Loại cây (43 vị)	28
8. Loại côn trùng (32 vị)	30
9. Loại cỏ vẩy (8 vị)	32
10. Loại cá (35 vị)	33
11. Loại cỏ mai (8 vị)	35
12. Loại cỏ vỏ (13 vị)	35
13. Loại chim (39 vị)	36
14. Loại chim nước (12 vị)	38
15. Loại gia súc (26 vị)	38
16. Loại thú rừng (36 vị)	40
17. Các thứ nước (9 vị)	41
18. Các thứ đất (14 vị)	42
19. Loại ngũ kim (11 vị)	43
20. Loại đá (7 vị)	43
21. Loại muối khoáng (4 vị)	44

22. Thuốc về người (6 vị)	44
23. Những vị thuốc lượm lặt thêm	44
Bảng II hình cây thuốc	
<b>Quyển I</b>	
<b>Các bệnh trùng</b>	
1. Trùng phong	50
2. Thương hàn	53
3. Trúng hàn	59
4. Trúng thử	59
5. Trúng thấp	61
6. Chứng táo	62
7. Chứng hỏa	63
8. Bệnh kinh-xi (co cứng)	64
9. Cảm mạo	64
10. Ôn dịch	66
11. Lam chướng	67
12. Sốt rét	69
13. Uốn ván	72
14. Trúng độc	73
15. Phạm phòng	78
Bảng III hình cây thuốc	
<b>Quyển II</b>	
<b>Các bệnh về khí</b>	
1. Đàm ẩm	83
2. Ho	85
3. Suyễn	88
4. Phế nuy (lao phổi)	90
5. Phế ung (sưng phổi mù)	91
6. Nôn mửa	92
7. Phiên vị (nôn ói)	93
8. Náu	95
9. Q hơi	95
10. Nuốt chua	96
11. Sót ruột	97
12. Các bệnh khí	97
13. Đẩy ách	99
14. Cố trường	101
15. Thủy thũng	103

16. Chứng uất	107
17. Tích tụ	107
18. Quan cách	110
<b>Quyển III</b>	
<b>Các bệnh xuất huyết</b>	
1. Thổ huyết	113
2. Nực huyết	114
3. Lạc huyết	117
4. Thỏa huyết	118
5. Tiện huyết	118
6. Niệu huyết	121
<b>Quyển IV</b>	
<b>Các bệnh có đau</b>	
1. Đau đầu	125
2. Đau mặt	127
3. Đau vùng thượng vị	128
4. Đau bụng	131
5. Hoặc loạn (thổ tả)	132
6. Đau lưng	137
7. Đau cánh tay	139
8. Đau vai, đau lưng	139
9. Đau sườn	140
10. Tê thấp	140
11. Cước phi	142
12. Đồi sán (giải sưng đau)	145
<b>Quyển V</b>	
<b>Các bệnh không đau</b>	
1. Đổ mồ hôi	149
2. Chóng mặt	150
3. Tê dại	151
4. Bại liệt	152
5. Điện cuồng	153
6. Động kinh	154
7. Chóng quên	155
8. Kinh sợ hồi hộp	155
9. Dạo dực hư phiền	156
10. Mất ngủ	157
11. Quyết chứng	157

# <https://vnras.com/drug/>

12. Cố lãnh	158
13. Phát nhiệt	160
14. Tiêu khát	160
15. Nấm chửng đản (vàng da)	161
Bảng IV hình cây thuốc	
<b>Quyển VI</b>	
<b>Các bệnh chín khiếu</b>	
1. Bệnh mắt	166
2. Bệnh tai	171
3. Bệnh mũi	173
4. Bệnh miệng, lưỡi	175
5. Bệnh môi	177
6. Bệnh răng	178
7. Đau họng	180
8. Hóc xương	184
9. Nỗi hạch	185
10. Kiết lị	186
11. Īa chảy	190
12. Đái đục	192
13. Di tinh	194
14. Lâm chứng (đái rắt)	194
15. Són đái	197
16. Bí tiểu tiện	199
17. Bí đại tiện	200
18. Bí đại tiểu tiện	202
19. Trĩ dò	203
20. Lòi dom	209
Bảng V hình cây thuốc	
<b>Quyển VII</b>	
<b>Các bệnh nội nhân</b>	
1. Nội thương	212
2. Hư lao	213
3. Giun sán	216
4. Bổ ích	217
5. Thương thực	220
6. Bệnh tinh chi	222
7. Bệnh người già	224
Bảng VI hình cây thuốc	

**Quyển VIII**

**Các bệnh phụ khoa**

1. Điều kinh	228
2. Kinh bế	230
3. Băng huyết, rong huyết	231
4. Khí hư bạch đới	234
5. Hư lao	236
6. Dưỡng thai	236
7. Động thai	238
8. Thai nghén	245
9. Sản hậu (sau khi đẻ)	249
10. Tiểu sản (sảy thai)	256
11. Đau vú	257
12. Thông sữa	259
13. Bệnh kín	260
14. Tạp bệnh	262
15. Trang sức	263

Bảng VII hình cây thuốc

**Quyển IX**

**Các bệnh nhi khoa**

1. Sơ sinh	269
2. Các xét bệnh	269
3. Cấp kinh	272
4. Mạn kinh	274
5. Mạn tỳ	274
6. Cam tích	275
7. Nóng sốt	278
8. Cảm mạo	279
9. Thương thực	279
10. Thổ tả	280
11. Kiết lị	281
12. Sốt rét	282
13. Suyễn	283
14. Ho	283
15. Trướng bụng	284
16. Chạm via	285
17. Thai nhiệt	285
18. Thai hoàng	286

# <https://vnras.com/drug/>

19. Tắc ruột	286
20. Thai kinh	286
21. Không bú	287
22. Phong châm miệng	287
23. Uốn ván rốn	288
24. Không đái	289
25. Khóc đêm	289
26. Trúng khí độc	290
27. Lở miệng	290
28. Bệnh vê lưỡi	291
29. Cam răng (tầu mă)	292
30. Đơn độc	292
31. Đau họng	294
32. Đau mắt	295
33. Nhọt lở ghẻ ngứa	295
34. Sán khí	298
Phụ: Hạ cam	
37. Lời dom (trôn trê)	299
38. Bì đại tiểu tiện	300
39. Phù thũng	301
40. Lở rốn	301
41. Hớ thóp	302
42. Lõm thóp	302
43. Thóp lôi	302
44. Các chứng chậm	302
45. Dô ngực	303
46. Gù lưng	303
47. Lở mép	303
48. Đậu	304
49. Sỏi	310
Bảng VIII hình cây thuốc	
<b>Quyển X</b>	
<b>Các bệnh ngoại khoa</b>	
1. Đơn xưng	314
2. Ung thư	315
3. Đinh độc	321
4. Phụ cốt thư	322
5. Ung ruột	323

# <https://vnras.com/drug/>

6. Ban chấn	323
7. Nang ung (chàm bìu)	326
8. Huyền ung	326
9. Tràng nhạc	327
10. Bướu cổ	329
11. Mụn ố gà	330
12. Các thứ lở	331
13. Lở ống chân	337
14. Lở dương mai	338
15. Hột xoài	339
16. Hạ cam	340
17. Xích bạch điển	341
18. Phong hủi	343
19. Gãy xương	344
20. Bị thương đánh đập	345
21. Bị phỏng (bóng)	347
22. Bị thương tên đạn	348
23. Bị thương mũi nhọn	349
24. Thú dữ cắn	351
25. Rắn rết, sâu độc cắn	352
26. Năm chứng tuyệt	356
27. Chữa bệnh gia súc	360
Bảng nguồn thuốc động vật	
Phụ lục:	
A- Chú dẫn hình vẽ của một số vị thuốc phát hiện và vị thuốc khoáng chất	363
B- Đôi chiếu Nam dược thần hiệu với Bản thảo cương mục	366
C- Tài liệu lịch sử	367
- Chùa Hồng Phúc ở Hà Nội và đền Yên Lư ở Thủ Nguyện Hải Phòng	368
- Thần tích đền Yên Lư	
- Đăng Khoa lục chép về Tuệ Tĩnh thi đậu Hoàng giáp.	

## NAM DƯỢC CHÍNH BẢN

Hồng Nghĩa giác tư y thư	371
Quyển thượng	
Tựa	373

## NAM DƯỢC QUỐC NGỮ PHÚ

Bản vẽ y lý	403
Tăng Bổ Vạn kim nhất thống thuật tập	404
1 - Âm dương khí hoá	405
2 - Cách biện luận tạng phủ	406
3 - Các biện luận về phần trong ngoài cơ thể	407
4. Tóm tắt về mạch	408

# <https://vnras.com/drug/>

Cách đoán mạch chết	410
Bí quyết xem bệnh sản phụ tốt hay xấu	412
Các chứng chết, mạch chết	413
Bí quyết quan sát thanh sắc của Biểu thước với Hoa Đà	413
Chẩn đoán chứng hậu khí tuyệt của ngũ tạng lục phủ	415
19 điều cơ chế bệnh theo Nội kinh	416
Cách phân biệt bệnh thuộc âm dương	421
Tạng phủ và kinh lạc	424
12 Kinh mạch với thuốc quy kinh	426
1 - Ca về Kinh mạch Thủ thái âm phế	426
2 - Ca về kinh thủ dương minh đại trường	427
3 - Ca về Túc dương minh vỵ	428
4 - Ca về Kinh túc Thái âm tỳ	430
5 - Ca về Kinh Thủ Thiếu âm tâm	431
6 - Ca về Kinh Thủ Thái dương tiểu trường	431
7 - Ca về Kinh Túc Thái dương Bàng quang	432
8 - Ca về kinh Túc Thiếu âm thận	434
9 - Kinh mạch thủ quyết âm tâm bào lạc	435
10 - Ca về Kinh mạch Thủ Thiếu dương Tam tiêu	436
11- Ca về Kinh mạch Túc Thiếu dương Đởm	437
12- Ca về Kinh mạch Túc Quyết âm Can	438

## DƯỢC VẬT TÓM TẮT

Phương tễ tóm tắt	441
Các vị thuốc chủ trị đối với các bệnh	442

## THẬP TAM PHƯƠNG GIA CẨM

Lời tựa	448
Phương thuốc chủ trị các bệnh	449
1) Bất hoán kim gia giảm	450
2) Nhị trần thang gia giảm	451
3) Sâm tổ gia giảm	451
4) Tử vật thang gia giảm	452
5) Ngũ linh tán gia giảm	453
6) Huyền vũ thang gia giảm	454
7) Hương tố ẩm gia giảm	455
8) Tiểu Sài hồ thang gia giảm	455
9) Bình vị tán gia giảm	457

10) Thập thần thang gia giảm	458
11) Ô đước thuận khí gia giảm	459
12) Ngũ tinh tán gia giảm	459
13) Tử quân thang gia giảm	460
Phụ : Bổ âm đơn.	461

### BA MƯỢI BÂY.PHƯƠNG CHỮA THƯƠNG HÀN

1) Thăng dương phát biểu thang	446
2) Sơ tà thực biểu thang	467
3) Khuong hoạt xung hoà thang	468
4) Lục thần thông giải thang	469
5) Sài cát giải cơ thang	470
6) Sài hồ Song giải thang	471
7) Quế chi Đại hoàng thang	472
8) Gia vị Lý trung âm	472
9) Nhân trần tướng quân thang	473
10) Đạo xích ẩm	474
11) Lục nhất thuận khí thang	474
12) Như thần bạch hồ thang	475
13) Tam hoàng thạch cao thang	477
14) Tam hoàng cự thăng thang	477
15) Xung hoà Linh bảo ẩm	478
16) Dao nhân thừa khí thang	479
17) Tiêu ban thanh đại ẩm	480
18) Sinh địa cầm liên thang	481
19) Gia vị địa hoàng thang	481
20) Hồi dương cấp cứu thang	482
21) Hồi dương phản bản thang	483
22) Sài hồ Bách hợp thang	484
23) Nha thánh ẩm	484
24) Ôn kinh Ích nguyên tán	485
25) Tiêu daø thang	486
26) Thăng dương tán hoá thang	487
27) Tái tạo ẩm	488
28) Hoàng long thang	489
29) Điều trung dưỡng vệ thang	490
30) Đạo xích các bản thang	491
31) Ích nguyên thang	492

32) Quế linh âm	193
33) Dương quy hoạt huyết thang	493
34) Gia vị đạo đàm thang	495
35) Gia vị điều trung thang	495
36) Gia giảm tục mệnh thang	497
37) Hoàng liên giải độc thang	
38) Bảng hướng dẫn tra cứu vị thuốc theo A, B, C...	
39) Mục lục Nam dược thân hiệu I, II	
40) Mục lục Nam dược thân hiệu III, IV, V, VI, VII,	
41) Mục lục Nam thân hiệu VIII, IX, X	
42) Mục lục Hồng Nghĩa giác tư y thư Nam dược quốc ngữ phú	
43) Thập tam phương	
Ba bảy phương.	

<https://vnras.com/drug/>

**TUỆ TĨNH TOÀN TẬP**  
**NAM DƯỢC THẦN HIỆU**  
**HỒNG NGHĨA GIÁC TƯ Y THƯ**  
(Tái bản toàn tập có sửa chữa và bổ sung)

**NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC**

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

**HOÀNG TRỌNG QUANG**

*Chịu trách nhiệm biên tập*

**NGUYỄN THẾ VŨ**

*Sửa bản in:* VŨ THẾ - TRẦN ĐỨC - TRUNG HÒA

*Trình bày bìa:* HẢI YẾN

<https://vnras.com/drug/>

---

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27 cm Tại TTCN in khảo sát và Xây Dựng  
Giấy phép xuất bản: 22-2007/CXB/88-151/YH  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2007

# TUỆ TÍNH

## TOÀN TẬP



Phát hành tại:  
53b ĐỊNH TIỀN HOÀNG  
HÀ NỘI  
ĐT: 04. 8246714

Giá: 120.000Đ